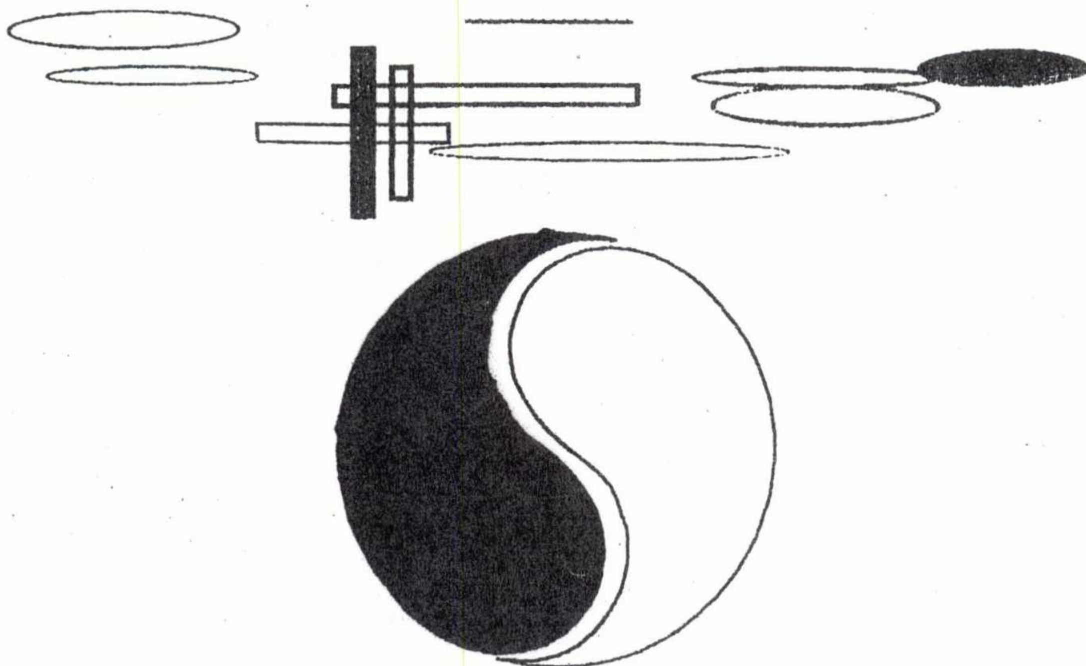
PHAN QUỐC SỬ
NAM THANH DỊCH HỌC SĨ



KINH DỊCH XƯA VÀ NAY

1

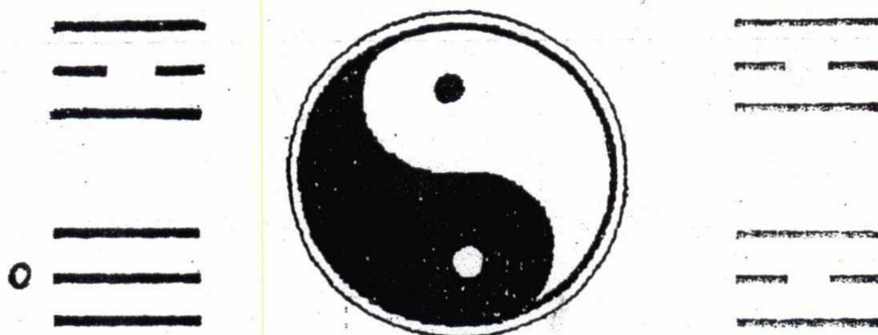
- SỰ THẬT DỊCH LÝ LÀ GÌ ?
- ỨNG DỤNG DỊCH LÝ RA SAO ?
- DỊCH LÝ Y LÝ = DỊCH Y ĐẠO

NAM THANH PHAN QUỐC SỬ

----oOo----

VIỆT NAM KHOA

DỊCH LÝ HỌC



LUẬN CHỨNG DỊCH LÝ VIỆT NAM

Về 4 PHÂN KHOA :

1. **TRIẾT DỊCH :** ***BIẾN HÓA LÝ HỌC TỔNG QUÁT.***
2. **DỊCH LÝ BÁO TIN :** ***CHIÊM NGHIỆM LÝ DỊCH.***
3. **GIAO DỊCH XÃ HỘI :** ***THIÊN NHIÊN XÃ HỘI HỌC.***
4. **DỊCH Y ĐẠO :** ***NGUYÊN LÝ BIẾN HÓA BỆNH TẬT.***

Và các vấn đề *DỊCH LÝ* đó đây ...

5

MỤC LỤC



Địa chỉ liên hệ :
Quán Dịch Y Đạo NAM THANH
Lương Y **Phan Quốc Sử**
Tự **Nam Thanh Dịch Học Sĩ**
499/2 CMT8, Hòa Hưng,P.13,Q.10
TP/HCM-Việt Nam
☎ 98627313

LỜI TIỂU DẪN

****

của Tác giả Phan Quốc Sử
tự Nam Thanh Dịch Học Sĩ

Khi sinh ra trên đời, chúng ta được học trong gia đình đến nhà trường và ra ngoài xã hội, chúng ta học mãi đến hơi thở cuối cùng.

Các Bạn đã học tiểu học, trung học, đại học, cao học, tiến sĩ, thạc sĩ, bác học...chắc Các Bạn cũng không dám tự hào về cái sở học của mình, vì càng học chúng ta càng cảm thấy chưa đủ hoặc còn nhiều dốt nát.

Có lẽ Các Bạn cũng như chúng tôi hằng khao khát một cái học nào đó gọi là bể học muôn đời, học cái đúng cho mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh, mọi dân trí, tộc tính, địa phương, thời đại. ... với cái hiểu biết sâu rộng đó, chúng ta hy vọng sẽ trở nên đắc dụng trong xã hội loài người hay ít nhứt cũng đắc dụng cho gia đình hay cho chính bản thân ta.

Nếu Các Bạn có cùng dòng tư tưởng như thế thì khi chúng ta đi sâu vào VIỆT NAM KHOA DỊCH LÝ HỌC (Dịch Lý Việt Nam) ắt không có gì hối tiếc.

VIỆT NAM KHOA DỊCH LÝ HỌC chào đời, là một lần nữa nhắc lại nền Văn minh ÂM DƯƠNG HỌC RỒNG TIÊN ngàn xưa với bộ mặt mới, đồng thời đề ra học thuyết ĐỒNG NHI DỊ khai mở kỷ nguyên mới trong nhân loại, đóng góp vào công cuộc tiến hoá chung cho nhu cầu quân bình Đạo lý Khoa_học trong vận hội hiện nay.

Con người biến hoá (tiến thoái hoá) khắp nơi trong Vũ Trụ Đạo hằng tỷ tỷ năm với mọi ngành khoa học, dù có tiến về cho đến siêu khoa học đi nữa,cũng chỉ là ở trong vòng TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Y THỨC mà thôi chớ không có gì lạ. Do đó chúng ta gia công học tập VIỆT NAM KHOA DỊCH LÝ HỌC đến mức độ nào đó sẽ tự biện minh chứng nghiệm được những điều trên,thấu suốt Chân Lý của mọi Chân_ Lý,Quy Luật Tạo Hoá là định luật Khoa_Học của mọi Khoa_Học từ siêu thức đến hữu thể một cách dễ dàng không ai chối cãi nổi.

Giá trị siêu tuyệt của VIỆT NAM KHOA DỊCH LÝ HỌC dầu muốn dầu không vẫn xứng đáng là nền QUỐC HỌC VIỆT NAM, tiêu biểu hùng hồn nhứt cho Bốn Ngàn năm Văn hiến. Trong chiều hướng giao lưu văn hoá thế giới,dân tộc Việt Nam chúng ta mãi mãi tự hào về học thuật QUỐC BẢO có tầm cỡ Quốc_tế và Vũ_trụ là Văn_ Minh DỊCH LÝ VIỆT NAM. Chúng ta không phô trương khoác lác mà thông báo sự thật có đủ lý do bằng chứng chính đáng là : Muôn kiếp các khoa học văn minh tiến bộ trên khắp toàn cầu đến nay đều mới vừa có thể làm quen, chớ chưa có thể rốt ráo về Văn minh ÂM DƯƠNG HỌC VIỆT NAM ngàn xưa. Mọi ẩn số của bất kể Đạo lý Khoa_Học nào đều có thể tìm đáp số trong Văn Minh DỊCH LÝ VIỆT NAM.

VIỆT NAM KHOA DỊCH LÝ HỌC được nêu lên cũng như đã hoàn thành chương sách và đến dưới mắt Các Bạn trong vận hội này,giữa lúc các sự tàn bạo và độc ác nhứt trong lịch sử nhân loại đã đang và sẽ tràn ngập khắp nơi trên thế giới trong đó Việt Nam ta hứng chịu nặng nề nhứt. Do đó, Bạn đọc thông cảm hoàn cảnh chúng tôi mà tự suy gẫm cái lý, cái ý ngụ trong lời nói, việc làm của chúng tôi.

Tạo_Hoá đổi dời lắm éo le
Giả chơn Quyền biến có ai dè
Thành sự biết đâu người tài trí ?!
Vào đời còn sợ tiếng vo ve...

Chúng tôi hân hạnh và trân trọng giới thiệu Các Bạn một sở học mà có lẽ rất ít người có dịp trau dồi đạt tới, đa số vẫn còn mãi mãi:

Trông là lầm
Nghe là lạc
Hiểu là sai...

Chính do Các Bạn đã từng quen thuộc thân thiết, thường nghe chúng tôi nói nhiều về sở học DỊCH LÝ VIỆT NAM này, yêu cầu chúng tôi biên tập thành tài liệu thứ tự để Các Bạn tham khảo, chứ không phải cho đại chúng. Như thế chúng tôi đã phần nào làm tròn trách nhiệm đối với Các Bạn rồi vậy. Trong tập sách này, chúng tôi được phép tham khảo, sử dụng và tu thư toàn bộ tư liệu của VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI.

Chúng tôi tri ân tất cả mọi tri âm thiện chí đã giúp đỡ chúng tôi trong việc hình thành tập sách này.... . Khi tập sách này đến tay Bạn thì nó là của Bạn. Bạn có toàn quyền in ấn ban phát cho người khác mà không cần thông qua tác giả.

HOÀ_HƯNG, Tháng 7 Năm 1991.

Quán DỊCH Y ĐẠO
NAM THANH
499/2 Cách Mạng Tháng 8
Hoà Hưng Ph13 Q10 TP.HCM
****

CHƯƠNG TRÌNH

DỊCH LÝ VIỆT NAM

THỨ TỰ HỌC :

HÀNH TRÌNH I : DỊCH LÝ NHẬP MÔN

* **Bộ môn TRIẾT DỊCH :** (Lý thuyết căn bản)
Biến Hoá Lý Học Tổng Quát

Dịch Lý được trình bày theo phương pháp triết học hiện đại, thích hợp với các Bạn có nhiều suy tư về Triết Lý, Đạo Lý, Chân Lý, Khoa Học, Xã Hội, Nhân Sinh...Lý giải cặn kẽ để các Bạn có thể tự xây dựng được một Vũ Trụ Quan, Nhân Sinh Quan vừa ý theo tinh thần Văn Minh Dịch Lý Việt Nam.

** **Bộ môn GIAO DỊCH XÃ HỘI :** Triết Lý Nhân Sinh
(Phép tổ chức thành công trên đường Đời_Đạo)

Ứng dụng những nguyên lý của Dịch và phép Tổ Chức Cơ Mật của Trời Đất vào Xã Hội Nhân Sinh giúp Bạn thành công trong tổ chức điều.hành giao tế cá nhân hay đoàn thể hoặc bất cứ mục tiêu lý tưởng vĩ đại hay nhỏ nhặt nào mà hàng ngày Bạn đang phải sống chết với nó.

Phải học qua hai môn Triết Dịch và Dịch Lý Báo Tin rồi mới có thể Giao Dịch Xã Hội tối ưu.

HÀNH TRÌNH II : CHIÊM NGHIỆM LÝ DỊCH

*** **Bộ môn DỊCH LÝ BÁO TIN :**
(Thực hành chứng minh trong mọi sinh hoạt đời thường)

Dịch Lý được chứng minh, Chiêm Nghiệm bằng những công thức khoa học tân kỳ,diệu dụng, nhằm thoả mãn tối đa mọi thắc mắc cho nhu cầu cuộc sống của Bạn về tiên tri, tiên giác, tiên đoán,tiên lượng, tiên liệu.

Phải học qua môn Triết Dịch rồi mới học Dịch Lý Báo Tin, hoặc học cùng lúc hai môn.

****** Bộ môn DỊCH Y ĐẠO :**

(Chứng minh Nguyên lý Biến Hoá Bệnh Tật trong Vũ Trụ và Con Người)

Lý giải đầu mối của Y Lý là Dịch Lý và áp dụng Dịch trong Y. Giúp Bạn yêu thích ngành Y sâu sắc hơn trong nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo cho mình một Y Đạo tuyệt vời, lý giải được mọi Y Thuật, Y Học, Y Lý Đông Tây xưa nay.

Phải học qua ba môn trên mới vào Dịch Y Đạo được. Trung bình mỗi môn học trong ba tháng(mỗi tuần 2 buổi, mỗi buổi 2 giờ) có thể co giãn thời gian tuỳ mỗi bạn.

HÀNH TRÌNH III: TRUYỀN BÁ DỊCH LÝ

Đặc biệt dành cho một vài Bạn đã chứng đắc Dịch Lý qua đủ các môn học trên và nay có ý chí cao xa tự nguyện muốn truyền bá Dịch Lý Việt Nam theo đúng chương trình giảng huấn thống nhất với tư cách là Giảng viên, Giảng sư Dịch Lý Việt Nam.

Thời gian học không nhất định, kỳ đến khi nào Bạn có đủ khả năng tự lập giáo trình: viết bài, giảng bài, chấm bài, đối luận với học viên ở mọi trình độ.

ii

HÀNH TRÌNH LÝ HỌC

NHỮNG BƯỚC CHÁNH TRÊN ĐƯỜNG HỌC DỊCH

Theo thói quen, trong lúc ôn tập chúng tôi thường ghi chép bước đường đã qua để lưu lại dấu vết cho người sau dễ dõi theo nên đã tập trung hướng đưa hướng dẫy Thần Trí của mình dạo khắp các miền Âm Dương mới hay rằng:

Tạo Hoá bày đủ trò bể dâu cho muôn loài vạn vật học tập Dịch Lý, ngày càng sáng tỏ Đạo Trời, ngày càng thăng hoa tinh tấn để cùng Tạo Hoá chung hưởng an hoà duyệt lạc miên trường.Phần thưởng tối ưu đặc biệt chỉ dành cho những tấm lòng Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi đã gia công học dịch kiên cường không mệt mỏi cho đến khi Đắc Đạo. Lẽ dĩ nhiên trong lúc học tập phải ngụp lặn chuyển thân hoá kiếp lăn lộn lấm phen lâu dần mới thành chánh qủa.

Hành trình lý học thăm thẳm nhiều ngõ ngách nhiêu khê nên cũng tuỳ nơi hành giả và pháp môn tu tập đốn tiệm khác nhau, nhưng sở đắc cuối cùng giống nhau là Đạo Dịch Biến, là chân lý tuyệt đối và vĩnh cửu. Phật, Tiên, Chúa, Thánh, người đời, ngạ quỷ, súc sanh, muông chim cầm thú, cỏ cây sắt đá, nước lửa nắng mưa... mỗi mỗi đều đang đắc Đạo Dịch Biến _ Biến Hoá Hoá Thành_Thành Tựu Viên Mãn. Mọi thứ đã thành tựu,trọn vẹn thân phận của Nó, gọi là chỉnh thể, nên ta mới biết Nó và gọi được danh Nó.

Nó đã thành, Nó hoàn chỉnh, gọi là Nó Đắc Đạo. Dĩ nhiên Nó Đắc Đạo chung trong phạm vi Tính Lý riêng của Nó.

Đạo Dịch thì vô cùng, càng tu càng tiến, không đâu là rốt ráo tận cùng.

Đạo Dịch thì chỉ có một mà hành giả đắc Đạo thì có nhiều trình độ thấp cao từ hơi hơi khác đến quá quá khác.

Muôn loài vạn vật phải tích cực nổ lực tu tiến tinh tấn trong trường thi của Tạo Hoá.

Luật Tạo Hoá rất khắc nghiệt : Không tu tiến cũng không được, không thi cử cũng phải vào trường thi, cũng bị thử thách,

kiểm tra, đánh giá, phân hạng cao thấp, chứ không có rớt. Cao thấp gì rồi cũng phải tiếp tục học tập thăng hoa tiến bộ hơn nữa, không bao giờ được ngừng nghỉ, bỏ cuộc.

Tạo Hoá lập một sân khấu Vũ Trụ Dịch Biến khắp cùng để làm trường học, trường thi. Muôn loài vạn vật vừa là diễn viên vừa là học viên cho nhau.

Sân khấu Vũ Trụ Dịch Biến đủ mọi tuồng tích tình tiết bi hài. Tuồng cũ chưa diễn xong, tuồng mới lại dồn dập, xem không kịp, học không hết, ngày càng tinh vi, phức tạp, tiến bộ đến chóng mặt. Tuy chỉ là tuồng ảo hoá, giả hợp mà ngay chính diễn viên là Bạn, là tôi, là tất cả cũng phải choáng ngợp đảo điên trước sự múa máy quay cuồng có lúc tưởng là cảnh thật, người thật, việc thật nên phải biểu lộ một số động thái hết sức khôi hài, lố bịch, vô nghĩa, cũng là diễn viên kịch nữa. Thế mới hay, đạo diễn khéo vô cùng.

Muốn hay không tất cả đã nhập cuộc Tạo Hoá, tham dự trò chơi lớn, diễn kịch cho nhau coi, hàng hàng lớp lớp, vui thật là vui!

Bạn muốn biết ý đồ Tạo Hoá chăng ?

Xin Bạn hãy chuẩn bị Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi nhanh bước vào hành trình lý học là đường đi dĩ nhiên của Tạo Hoá, Bạn sẽ thấu đáo mọi lẽ.

BƯỚC I : CÁCH VẬT TRÍ TRI : QUAN SÁT
THỰC TẬP LÝ LUẬN : GIẢI LÝ

Dùng phương pháp phân tích, quan sát, luận giải, lý hội mọi sự vật đã đang sống động, động tĩnh trong và ngoài Tôi _ con người.

Ta phải năng theo dõi mọi phạm vi Âm Dương Trời Biển Tình Ý, mọi hiện tượng Dịch lý hoá được ta quan sát hết sức công phu từ đại thể tổng quát đến chi li nhiệm nhặt.... Thực tế như thế nào ta ghi nhận như thế ấy, rồi cố gắng lý giải bằng những quy luật Dịch lý đã được gợi ý.

Mục đích để ta hiểu biết và nhớ rất nhiều về mọi phạm vi tình ý. Người có hiểu biết nhiều và sâu rộng về tình ý Trời Đời Người thì mới luận bàn rốt ráo về Dịch lý được. Thực tập luận lý là để trau dồi Đạo Biến Thông Thiên Địa Tất Yếu.

Tóm lại, ở bước một, Dịch học sĩ phải năng làm bài tập kiểm soát, thực tập quan sát mọi uẩn khúc éo le của nhiều phạm vi sinh động ở trời đời người, sự, vật, việc, v.v... Nếu Bạn là người từng trải thì hồi tưởng ôn nhớ lại, nghiệm xét lại vấn đề trên, tốt nhất nên viết ra giấy để tập biến thông danh ý trên mọi sự, vật, việc... Như vậy, con người văn lý học của Bạn ngày càng thực sáng hơn.

Không có cách nào khác hơn là Bạn phải dấn thân, nhập cuộc vào dòng sống động bằng cách nào tốt nhất mà Bạn có thể.

BƯỚC II : LÝ LUẬN : BIỆN CHỨNG BIẾN THÔNG

Để xứng danh là một Dịch học sĩ, Bạn phải tự có bổn phận phải hiểu biết thật rõ, thật đúng, thật chính lý các quy luật, các lý tượng Dịch và từng Danh Ý, thuật ngữ của khoa Dịch lý học để điều động được nghĩa lý, danh ý tượng Dịch tan vào mọi phạm vi Âm Dương trời biến tình ý, mới thấy rõ, hiểu rõ mọi hiện tượng Dịch lý hoá, đang và sẽ động biến hết sức sinh linh động trong lò Tạo Hoá ra sao, như thế nào.

Đây là giai đoạn Dịch học sĩ thực tập từ Danh lý siêu hình, biến thông để hiểu biết hữu thể, hữu hình . Phải hết sức kiên nhẫn, cố gắng, miệt mài lý sự để thông dịch, phát ý, phác hoạ mọi sự vật việc mà mình không cần quan sát nữa, mà nó vẫn phải xảy ra y như sự lý luận của mình. Đây là giai đoạn trau dồi Thần Thức Đức Thần Minh của Bạn càng chí công vô tư hơn.

Nói rõ hơn, ở bước một, Bạn thực tập biết đúng y như thiên nhiên xuất hiện của mọi chuyện hiện tại; ở bước hai, Bạn thực tập hiểu biết y như thiên nhiên xuất hiện ở qúa khứ hiện tại vị lai. Ở bước nào Bạn cũng phải đạt đạo biến thông thiên địa tất yếu cùng lúc với Đức Thần Minh Thần Thức chí công vô tư. Phân tích gượng ép làm hai giai đoạn để nhấn mạnh chổ trọng tâm. Sự thật lý luận, luận lý cũng cùng chủ đích càng làm sáng tỏ LÝ DỊCH mà thôi. Hiện tại, quá khứ, tương lai cũng chỉ là một, không chia cách được.

BƯỚC III : TRỤ THẦN ĐỂ CHẤN TRI

Là giai đoạn tôi luyện kết hợp nhuần nhuyễn lý luận, luận lý để biết đúng y như thiên nhiên xuất hiện bất kể là quá khứ, hiện tại hay vị lai, bất kể là Bạn có quan sát sự lý hay không, Bạn am thông mọi sự lý và Bạn phải thành thạo mọi lý sự,

tức Bạn củng cố Đức Thần Minh Thần Thức sao cho thường trụ nơi con người Bạn. Người đời hay chính Bạn biết được Bạn là con người có Thần Hoạt Bát, Thần Minh, Thần Thức thường trụ. Khi nào con người Bạn đủ và thừa sức hữu hình hoá Đức Thần là Bạn phải biến thông viết ra cho được, nói ra cho được và làm cho người khác hiểu được cái Chân Tri (Chân lý tuyệt đối).

Bạn phải năng ghi lại, chép lại, nói lại những sự lý mà chính Bạn đã lý sự chính lý, chứng tỏ con người Bạn là hiện thân của Trí Tri sáng tỏ về chân lý và mọi người thì tin được Bạn qua sách vở, tự, từ, ngữ, ngôn xuống của con người Bạn. Đây là sự luyện tập trụ thần để trở thành hiện thân của Chân Tri.

BƯỚC IV : BẮT KỊP CHỮ THỜI : ĐÚNG LÚC : THIÊN CƠ, THỜI CƠ, NHÂN CƠ

Lúc Trí Tri Ý của Bạn vụt loé sáng lên, nổi bật lên về một sự lý gì đó mỗi nơi, mỗi lúc sẽ hơi hơi khác. Lúc sáng trí vụt loé lên là đúng lúc Bạn phải lo ghi nhớ, chắc hơn, Bạn phải lo ghi chép, vì khi đến lúc Trí Tri Ý vụt tắt mất, nó khó trở lại để Bạn nhớ rõ lại đường đi dĩ nhiên của chính nó. Ít nữa là Bạn phải ghi vắn tắt, tóm tắt hoặc tốc ký cái Trí Tri vụt loé sáng lên đó. Đừng bao giờ không ghi vội mà mất Ý, vì Ý nổi bật là ý quan trọng nhất của THỜI LÚC, của hoàn cảnh đặc thù mà ít khi ta có lại được. Lúc Trí Tri vụt loé sáng chính lý, chính là Thời Trời đến với Bạn đó, mua bán không bao giờ có chuyện ấy cả. Bạn nên nhớ sâu đậm : suốt đời người học Dịch chỉ là học hai chữ THỜI TRỜI. Chữ Thời Trời tối quan trọng cho con nhà Dịch học lắm.

Bước bốn là giai đoạn Bạn luyện tập để biết Thời Trời. Để làm quen với chữ thời lúc thì quá dễ : mỗi khi lòng Bạn có cảm xúc muốn biết, Bạn liền phải ghi nhớ và viết tắt điều thắc mắc ấy. Năng thắc mắc, liên tục thắc mắc (nhất là thắc mắc nguyên nhân tại sao)là cơ duyên, cơ hội gần gũi với Tạo Hoá, là tập biết lúc nào Thiên cơ máy động trong Nhân cơ.

Lẽ dĩ nhiên có thắc mắc mới có giải đáp. Còn giải đáp đúng sai là một qúa trình tư duy.

BƯỚC V : THẦN THÔNG TRI ĐỂ TRI HOÁ

Là giai đoạn Bạn luyện tập Thần Thông Tri để có Thần Tri Hoá là Thần biết khắp mọi nơi.

Bạn cố gắng giải đáp thắc mắc bằng phép Âm Dương Đồng nhi Dị, lấy dị biệt, chi li, tiểu tiết để được tỏ lý tương đồng, đại thể, tổng tập, và ngược lại.

Đây là giai đoạn Bạn thực tập triết lý, lý sự, cố giải đáp mọi thắc mắc để đạt mục đích tối hậu là lý giải được Tại sao của mọi cái Tại sao. Muốn được vậy, Bạn phải siêng năng suy tư rốt ráo cho đến tận cùng kỳ lý của lý trí. Có thấu hiểu được ý siêu siêu, hiểu được ý thâm sâu, ý cao siêu thì mới dễ dàng giải đáp được các câu hỏi Tại sao. Các khoa học Triết học chúng nhân đã có, đang có thường chỉ giải thích nhiều về thế nào, làm sao, ra sao hoặc cùng lắm chỉ giải thích được nửa vời những cái tại sao vụn vặt, ngọn ngành không hề thoả mãn đầu óc muốn biết của Bạn, tức muốn biết tại sao của mọi cái Tại sao.

Chính bạn phải nang cà nát ý, mài ý, tẩy não những tà kiến, thiên kiến, chấp kiến đã và đang ngự trị, mê hoặc, xui khiến lâu nay ở con người Bạn. Bạn phải phản bác, phản biện, chống chế ý vừa mới đưa ra giải đáp, cho đến khi Bạn hết chống đối nổi vì Bạn đã cạn hết lý lẽ rồi.

Bạn phải tự nghiêm khắc, cẩn trọng với con người trí thức của Bạn để Bạn sớm trở thành nhà trí thức xứng danh. Bạn không thể dễ dàng chấp nhận suông, mới vừa thấy hữu lý là ưng ý ngay mà không trải qua quá trình tự đấu tranh tư tưởng quyết liệt với chính mình. Bằng không, Bạn chỉ là tiến sĩ giấy, trí ngủ (chớ không thức), chuyên lừa gạt tri thức mọi người và chính Bạn, và để làm tay sai, công cụ cho bạo lực mà thôi.

Bạn nên nhớ : " Bao giờ cho đến tôi chết, tôi luôn luôn chỉ chấp nhận tạm những ý mà tôi cho là hữu lý ", nghĩa là Bạn luôn luôn triệt để đả phá mọi thứ chấp. Vậy là chấp mà không chấp _ như bánh xe lăn trên mặt đường vừa bám vừa buông thì mới có thể tới đích điểm được.

BƯỚC VI : TRI THIÊN MẠNG : ĐƯỜNG ĐI DĨ NHIÊN CỦA TẠO HOÁ

Cái ý mới hoá thành, rồi liên tục nối tiếp hoá thành ý mới mãi.... hoá thành ra chuổi lý ý dệ nhiên sinh hoá, dệ nhiên sinh thành, thành ra một giai đoạn diễn biến của ý sao đó, thế nào đó, được và bị định danh là số phận! số mạng!

Đây là giai đoạn Bạn đã đến độ say mê, thích thú chỉ muốn tìm biết, tìm hiểu rốt ráo về số phận, số mạng mà Bạn và muôn loài vạn vật phải trải qua tức Bạn đang ráo riết ngày đêm vén khăn che mặt Tạo Hoá, để biết luật Tạo Hoá an bày (thiên cơ). Cuối cùng Bạn thật sự am thông về Đạo Cực Tiên Quyết, về tài năng tuyệt vời vô địch của Tạo Hoá : HƠI HƠI KHÁC.

Bạn am hiểu luật bí nhiệm mầu nhiệm với đường đi dĩ nhiên đệ nhiên sinh khắc, chế hoá của Tạo Hoá. Bạn rõ lưới trời tuy thưa lồng lộng mà chẳng lọt mảy may. Bạn thoả mãn tối đa mọi thắc mắc, chẳng còn phải hỏi Tại sao của mọi cái Tại sao như lúc trước nữa. Chính Bạn đã trả lời đầy đủ xong xuôi cho Bạn, mà Bạn không phải trông chờ bất cứ thánh trí nào minh xác cho Bạn, vì thánh trí cũng hiểu biết đến như Bạn là cùng là hết. Vì Bạn đã thực tập biết quá rõ đường đi dĩ nhiên của Tạo Hoá, Bạn đã thành thạo Biến Hoá Luật. Là giai đoạn mà Tánh Biết Biết, Biết Hiểu của Bạn linh ứng như Thần, là một nhà Tiên Tri xứng danh lỗi lạc. Bạn là hiện thân của Thần Thông Tri và Thần Tri Hoá.

BƯỚC VII : TRI HÀNH HIỂN ĐẠT : ĐẮC ĐẠO

Tiên tri xứng danh là vì Bạn đã biết rõ, biết đúng về mọi phạm vi Âm Dương Tình Ý lý ở trong Đạo Càn Khôn, ở Âm Dương Trời Biển Tình Ý. Bạn đã hội đủ Thần Hoạt Bát Biến Thông, Thần Thức Đức Thần Minh _ với Thời Thần. Đó là Tánh Biết Đúng Tự Nhiên tức Bạn mới vừa Đạt Đạo, Ngộ Đạo.

Ở giai đoạn Bảy, Bạn tôi luyện tiếp để trở thành con người Đắc Đạo, tức biết áp dụng Dịch, chứ không chịu biết đúng suông, biết để biết. Muốn đắc đạo, Bạn phải tỏ rõ có khả năng diệu dụng Lý Dịch thâm sâu mầu nhiệm. Đây là giai đoạn Bạn phải luyện tập khai hạp thu phóng Thần Thông Tri và Thần Tri Hoá như ý, là Biết Hiểu và Biết Hành, biết đúng và biết làm đúng, biết lý thuyết và biết áp dụng cho đến diệu dụng.

Bạn phải học chí tử, thực hành tối đa rốt ráo về Đạo Biến Hoá_Hoá Thành, phải lo tự tạo cho mình có một môi trường thực tập ngay những điều mình đã hiểu biết đúng và đã thuộc làu rồi.

Đây là giai đoạn mà Bạn chỉ còn có một cách là : sáng tạo, tự tin rồi tự quyết định và tự nhận lãnh trách nhiệm vì là giai đoạn mà bao sinh linh mạng sống của mọi người đang uỷ thác

phó thác, trao gởi trọn vẹn cho Bạn. Một lời nói sai một hành động sai thật nhỏ thôi ở Bạn, tội của Bạn vô cùng lớn (y như một lời nói sai của kinh thánh vậy).

Bạn sẽ đến trạng thái : **Vi _ Vô _ Vi** nghĩa là những việc làm của Thánh Trí, của Tạo Hoá như điên, dồn dập mà lặng lẽ êm đềm trong sâu kín, làm đủ mọi việc mà tuồng như không hề có làm việc gì cả. Không làm mà thật sự làm dữ dội. Thấy không chương trình mà mọi việc đều hợp lý hoá trong chương trình. Bạn đã thể hiện sít sao lý lẽ : **"Dịch không là gì cả, Dịch là cái gì đó mà Dịch là tất cả"**. Dân tộc Việt Nam ngàn xưa đã chọn phong thái lý tưởng biểu tượng nền văn minh Dịch Lý bằng hình ảnh Tiên Rồng ẩn hiện lung linh màu nhiệm thanh thoát của một cộng đồng đắc đạo : Đại Hùng _ Đại Lực _ Đại Từ Bi. Một lẽ sống, một cách sống và một con đường phải sống khôn ngoan cao cả nhất, đầy đủ ĐỨC UY để tồn tại và tiến bộ trong hoàn vũ đảo điên điên đảo.

BƯỚC VIII: PHÉP NHƯ LAI AN NHIÊN TỰ TẠI
THUẬN THIÊN HÀNH ĐẠO KHAI VẬT THÀNH VỤ

Đây là giai đoạn Bạn phải ra công tôi luyện cái mà người đời gọi là linh tánh, linh cảm, linh khiếu, linh giác. Ai có được những tánh ấy, người đời gọi là Thiên tử, là con Trời, là thiên tài, là Đạo sư, là Vạn Thế sư biểu. Trong phạm vi siêu hình, người đời còn gọi là trạng thái xuất hồn, nhập hồn, xuất thần, nhập thần. Trong phạm vi Đạo giáo còn gọi danh là Đấng Cứu Thế Cứu Tinh. Nghĩa là đến giai đoạn Bạn luyện phép Như Lai

Như là như nhiên, như vậy, như vầy, hết sức tự nhiên, dĩ nhiên. **Lai** là đến rồi đi, tự nhiên đến, tự nhiên đi.

Là giai đoạn Bạn tự nhiên tiết giảm tối đa (chớ không hề tiêu diệt được đâu nhé!) cái tham lam, sân si, tiền tài danh vọng, sắc tình ... là giai đoạn Bạn dấn thân ngụp lặn trong Đạo Đời.

" Đời không Đạo, Đời vô liêm sỉ,
Đạo không Đời, Đạo biết dạy ai."

Tuy đang ở trong Đời, sống với Đời mà Bạn không luy việc đời, nhân tình thế thái nóng lạnh đều vô nghĩa. Con người Bạn đã thật sự tiến từ từ vào trạng thái xuất nhập thần, xuất nhập

thế là một. Xuất thế cũng là nhập thế, nhập thế cũng là xuất thế. Xuất nhập thần cũng là thiền quán, chánh thiền, siêu thiền. Xuất nhập thế là sống động, hoạt động, linh động tiêu trưởng ẩn hiện. Bạn tự nhiên có một Vũ trụ quan, một Nhân sinh quan hết sức siêu khoa học, siêu Đạo lý, siêu Triết lý. Con người Bạn thực sự an nhiên tự tại, an hoà duyệt lạc, từ đó hào quang nhân cách của Bạn thấm thấu lòng người đem lại sự bình an tại thế cho người hữu duyên. Bạn là Dịch lý sĩ, Đạo sĩ chính danh, xứng đáng là Người đủ và thừa sức khai mở kỷ nguyên mới cho nhân loại (chứ không phải như những loại kỷ nguyên ba trợn của bọn người bá đạo, tà đạo dầy dẫy tham sân si nhơ bẩn).

BƯỚC IX : CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH

TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC là tài năng vô địch tuyệt vời của Tạo Hoá, của Vũ trụ Vô Hữu. Nó sẵn có trong con người Bạn. Nó dẫn dắt Bạn đến trạng thái xuất nhập vô ngại, thiên biến vạn hoá, linh hiển như Thần _ Là phép vô ky tối mật của Trời Đời Người, thường kẻ đạo hạnh chí thành đắc đạo mới dụng nổi.

Riêng Bạn đã nghiêng nặng về Đạo_Đời rồi thì đến giai đoạn cuối cùng, Bạn tôi luyện Đạo Chí Thành(thực tập Đạo Lý) để Bạn thực sự mãi mãi trung thành với Bạn, trung thành với sự đắc đạo của Bạn mà hoá ra Bạn trở thành con người cứu nhân độ thế hết sức tự nhiên đến chính Bạn cũng không hay biết. Cứu người mà hay biết thì chưa hẳn là cứu nhân.

Còn nếu Bạn nghiêng về Đời Đạo, thì sự chí thành của Bạn, tấm lòng, sự nghiệp của Bạn đối với thiên hạ cũng thừa sức cảm ứng lôi cuốn người đời thường, theo hào quang vào quỹ đạo của Bạn.

"Tất cả đều đổi thay, trừ lý đổi thay thì không bao giờ thay đổi." (Dịch : Biến dịch dã; Biến Dịch : Bất dịch dã)

Đạo lý muôn đời là thế, mãi mãi như thế. Bạn tin tưởng chí thành Biến Hoá Luật, dụng đức tánh lý thay đổi như điên của Vũ trụ Vô Hữu làm Đạo Nghĩa (Thành Tín Tồn Tồn, Đạo Nghĩa Chi Môn) thì đúng Bạn là một Dịch Nhân, Con người Vũ trụ Dịch, hoà nhập làm bạn hữu với Tạo Hoá. Người đời thường chẳng hiểu được mấy về Bạn, họ cho Bạn là siêu nhân, siêu phàm, hết lòng sùng bái Bạn qua vọng tưởng đồn đãi; hoặc cho Bạn là bất thường, khác thường bèn kính nhi viễn chi.

Thật sự Bạn đâu có thiết đến trò đời bày vẽ nóng lạnh vì Bạn đang bận phải miệt mài dấn sâu tít mù vào một việc: **Tạo Hoá**, phải Cấu Tạo Hoá Thành, phải Biến Động, Biến Đổi, Biến Hoá, Hoá Thành như diễn trong Biến Hoá Luật, không thể khác được. Dĩ nhiên việc **Tạo Hoá** thì vô cùng tận, không bao giờ xong nên Bạn ngày càng tuyệt tích giang hồ, chỉ để lại trong lòng người, nơi muôn vật những nhạt phai quên nhớ man mác nào đó mà thôi...

Khi Bạn nhập cuộc với Tạo Hoá thì cứ trôi lăn mãi theo dòng biến chuyển Tạo Hoá. Bộ mặt mới cũ chồng chất, phủ dầy lên bộ mặt cũ đến đỗi chính Bạn cũng không xác định được Không_Thời gian của Vũ trụ, của Bạn. Lúc đó Bạn không có thân phận riêng mà cũng không màng biết thân phận mình làm gì.

Tất cả trước mắt Bạn chỉ còn Lý Biến Hoá đeo dẳng mãi với Bạn mà thôi,nó trung thành khắn khít với Bạn không sao tách rời ra được. Lý Biến Hoá hoà nhập với Bạn là một, Nó là lẽ sống thường còn vĩnh cửu của Bạn, nên an vui trọn vẹn với Nó. Cuối cùng Nó chính là Bạn đích thực_ Bạn làm sao thì Nó làm vậy. Bạn đâu còn ý nghĩ ban đầu là bực bội, khó chịu muốn chối bỏ Nó nữa.

Người đời thường gọi hiện tượng này là vong thân thì thật chẳng biết tới thôi, chứ sự thật Bạn đã chuyển thân giả hợp về với thân vĩnh cửu, bỏ cái tiểu ngã mạn để hoà nhập cái đại ngã tối thượng của Vũ Trụ là Dịch lý.

Đắc Đạo là thế đấy !

Bạn có muốn hay không, tùy Bạn, thử xem ?! Chúc Bạn sớm thành công như ý. Hỡi người Đại Hùng Đại Lực Đại Từ Bi.

Hành trình lý học tuy phân làm chín bước nhưng không nhất định phải thứ tự và đầy đủ như thế. Chúng tôi ghi lại hành trình này theo tôn ý của Ân Sư Xuân Phong và Đại Sư Huynh Cao Thanh truyền chỉ.

HÒA HƯNG, giờ Thìn, ngày 26 tháng 9
Nhâm Thân (21-10-1992)
Đại Tráng _ Hằng.

Nam Thanh Dịch Học Sĩ.

PHONG CÁCH HỌC DỊCH

NÓI DỊCH _ GIẢNG DỊCH _ DÙNG DỊCH NGÀY NAY

* NAM THANH Dịch học Sĩ *

Dù chúng ta đang ở cương vị nào : Học Dịch _ Nói Dịch _ Giảng Dịch _ Dùng Dịch cũng phải thận trọng vì Tình Đời, Tình Người lắm chuyện éo le, nghiệt ngã nên bắt buộc chúng ta phải chọn một PHONG CÁCH xứng đáng để đối xử sao cho Ta được tồn tại và tiến bộ.

Trước hết, tự thân chúng ta luôn ghi nhớ là : **mình đang lo cho chính bản thân mình,** là người đang tự tập, hấp thụ những khả năng hiểu biết của nhân loại, là người đang chuẩn bị thay thế những địa vị khá cao mà nay ta chưa ở đấy, là người sẽ phải gánh vác những trách nhiệm khi được Trời _ Đời _ Người giao phó. Nói cách khác là tự thân chúng ta đang chuẩn bị để xứng đáng với một vai trò thuộc khả năng tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, điều hành, chế tác, phát minh, sáng tạo, lao động, sản xuất, chiến đấu, v.v.. cho cá nhân, gia đình, xã hội, đảng, đạo, khối, nhóm ...

Nhìn chung, sự chuẩn bị bản thân tồn tại và tiến bộ không chỉ riêng ta mới có mà cả nhân loại ngày nay đang ráo riết thi đua. Đó là Quy luật tự nhiên, là triển vọng của đa số thuộc về nhiệm vụ và công cuộc Tiến Hoá Chung của Xã Hội Loài Người, là sự tiến bộ chằng chịt ảnh hưởng với nhau(nhân sinh hệ lụy)mà Người phải sống chết với Người trong Vũ Trụ Vô Hữu, phải sống chết với Trời Đất, Quỷ Thần vây phủ chung quanh con Người. Chúng ta phải ý thức rõ rệt như thế để vạch rõ một hướng đi quyết định cho chính mình. Chúng ta không luận bàn với người tự tách rời cuộc Nhân Sinh, sống chết ở cảnh giới khác Con Người.

Tóm lại, sự chuẩn bị bản thân tồn tại và tiến bộ có nghĩa là luôn luôn sẵn sàng trong mọi hoàn cảnh. Dù hoàn cảnh nào cũng không làm cho Ta mất bình tĩnh.

Biết rằng đời toàn là giả dối và trung thực. Nhưng thân mật thì rất ít, thành thật thì chốc lát, thay đổi thì không ngừng. Nên thái độ của Ta phải dứt khoát. Cần thành thật với

thành thật, không cần thành thật với giả dối. Nhưng nên thường thành thật với chính mình và thiên hạ. Đây là theo Chân nhiều Giả ít. Giả dối không đúng lúc, thành thật không đúng chổ đều là chưa hay. Trong giao tiếp, tuỳ tình hình mà đối xử, chọn cách học, cách nói, cách giảng, cách dùng DỊCH LÝ VIỆT NAM sao cho phù hợp.

CÁCH HỌC DỊCH

Trước hết phải xác định mục tiêu tối hậu của chúng ta là : **Sở đắc tối đa Chân Lý muôn đời là Dịch Lý**, là Âm Dương Lý, là **Yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ (giống** mà hơi **khác**) bằng phương pháp **Chiêm Nghiệm Lý Dịch**(Tiên Tri Tiên Giác), xử thế tiếp vật(Thuận Thiên Hành Đạo, Khai Vật Thành Vụ) do các nhà **DỊCH LÝ VIỆT NAM** hướng dẫn.

Học bằng cách : Tích cực, quyết liệt **đả phá liên tục lý tưởng** của mình và của người khác đến tận cùng kỳ lý của lý trí, cho vỡ lẽ tất cả chỉ là BIẾN HOÁ, do một LUẬT BIẾN HOÁ mà ra.

Muốn đả phá triệt để, có hiệu quả cao, phải chọn đúng cách thức tốt nhất :

#1 _ Trình bày, Lý Giải cái đã đang hiểu biết ít nhiều sao đó về một chủ đề.

#2 _ Phê bình, đối luận nghiêm khắc đến ráo Lý mới thôi, không được vị nể ai cả.

#3 _ Tiếp thu đầy đủ những gì đã được hướng dẫn, thực hành thông thạo, nghiệm xét kỹ lưỡng,sâu sát từng chi tiết, nét dấu.

#4 _ Thông báo kết quả trên từng bước học tập để được giúp đỡ ngay

*** **<u>Xin nhớ</u>** : *Không ai biểu không tư tưởng tâm đắc quý báu của mình cho kẻ không dám có ý kiến, chỉ ngồi nghe, nghe rồi bội ơn, phủi ơn mình tại chổ vì tính lười biếng, ươn hèn ngoan cố, xuẩn động của họ (học theo kiểu lưu manh).*

CÁCH NÓI DỊCH

Trong lúc học cũng như sau khi sở đắc Dịch Lý, có lúc ta phải giao tiếp với người khác thì nên nhớ : Không có gì bắt ta phải nói cả _ Không thích thì không nói _ Không cần thì không nói.

Con người Dịch Lý là con người luôn luôn chủ động, chủ xướng trong mọi hoàn cảnh. Kẻ không biết cầu Ta, chứ Ta nào cầu kẻ không biết, không chấp nhận lời khen chê về Dịch Lý Việt Nam cũng như các loại Dịch Lý khác, vì Ta hội đủ lý do để tự mãn, tự trọng và tự hào.

Trước mắt, mình là con nhà DỊCH LÝ VIỆT NAM chánh tông không để cho kẻ khác dạy dỗ mình là Dịch Lý thế này thế nọ, thế kia, rồi mình lại vô tình đồng ý tiếp nối câu chuyện với họ, coi sao được. Trong khi mình ngày đêm đã nằm lòng phương pháp giáo khoa, đã sắp đặt có hệ thống có mạch lạc cho tiểu, trung, đại, cao và siêu đẳng học.

Nhưng nếu muốn đối đáp thì cứ để cho đối phương nói xong đã, rồi Ta từ từ nhớ thật kỹ tư tưởng thầm kín của họ đang thiên về đâu, kế đó ôn tồn gọt rửa tư tưởng của họ hoặc tiêu diệt tư tưởng của họ nếu cần. Đại khái, Ta chủ động tư tưởng trước đối diện, khi muốn nói thấp, lúc muốn nói cao đều tuỳ theo khả năng của họ.

<u>Xin nhắc lại</u>:

- Cần chỉnh chính người thì chỉnh chính
- Cần tẩy não thì tẩy não
- Cần tiêu diệt chà đạp thì chà đạp tiêu diệt
- Cần dìu dắt thì dìu dắt
- Cần khinh chê bỏ qua thì bỏ qua.

Chỉnh chính, tẩy não, dìu dắt đều phải từ từ và bình tĩnh. Nói với người một cách nghệ thuật và chính lý là tài năng đã sẵn có trong mỗi con nhà Dịch Lý Việt Nam.

CÁCH GIẢNG DỊCH

Khi người đã tỏ vẻ thật tình muốn tìm hiểu, học hỏi, cầu tiến lúc đó Ta mới chịu khó bỏ công chỉ dẫn giảng dạy chu đáo.

Dẫn dắt từng bước một theo chương trình. Bước nào chắc bước đó. Tuỳ mức độ khả năng tiếp thu của người nghe mà Ta linh

động bài giảng cao thấp nhanh chậm. Nhưng không vì quá chìu lòng họ mà hạ thấp giá trị của Dịch Lý Việt Nam hoặc đi lạc hướng trọng tâm của Ta.

Cùng nhau tạo đủ điều kiện thuận lợi, thân mật mới có thể trao truyền tâm đắc bản môn được. Chứng minh cụ thể sau thời gian trao đổi rèn luyện người học có khả năng, bản lĩnh gì, có xứng đáng ở trong ngôi nhà Dịch Lý Việt Nam và có đủ sức là Thời Nhân đại diện Chân Lý không ?

Khi giảng Dịch không cần đề cao Dịch Lý Việt Nam, nhưng nhất định không tha thứ cho kẻ nào cố tình láo xược, bôi lọ nó. Giảng viên là người hiểu rỏ Đạo Tự Cường bất khuất của trời đất hơn ai hết nên thừa sức khéo léo linh động sống chết theo ý mình.

CÁCH DÙNG DỊCH

Bản thân người học hiểu, đạt Dịch phải Dịch hoá được con người của mình cả về thân, tâm, ý, nghiệp, linh động biến hoá trong mọi tình huống sống chết hằng ngày.

Lẽ dĩ nhiên không ai ra khỏi quy luật Tạo Hoá(Luật Cấu Tạo Hoá Thành), chứ đừng hòng sửa đổi bộ máy Âm Dương. Nhưng con người cũng như muôn vật, vẫn được sống động tự do trong quy luật sống động.

Vậy ta hãy sử dụng tối đa cái quyền tự do này để sống chết, làm việc, nghỉ ngơi, cống hiến, hưởng thụ, thương ghét, sinh trưởng, thu tàng theo đúng nhịp sống động của Vũ Trụ Dịch, gọi là Thuận Thiên Hành Đạo, Khai Vật Thành Vụ.

Tuy nhiên, mặc dù Dịch Nhân đã hoà hợp cùng Tạo Hoá, hội nhập mọi miền Âm Dương, có kiến thức và bản lĩnh siêu tuyệt thiên biến vạn hoá, xuất quỷ nhập thần chăng nữa, cũng không nên ỷ lại, quấy động Nhân sinh, tạo nhiều nghiệp chướng, e sau này phải hối.

Nếu cảm thấy thuận tiện giúp Đời được thì nên ra gánh vác hoặc đóng góp đôi lời để vơi bớt nhọc nhằn của nhân thế, cho Trần gian ngày càng sáng tỏ Đạo Trời. Đó cũng chỉ là Dịch Lý Thời Nhân,chứ Ta nào có ý đồ riêng tư gì đâu mà ngại. Tất cả đều phải Tạo Hoá. Đó là lẽ Sinh Sinh Chi vị Dịch, vậy. Chẳng lẽ Ta không làm gì cả được sao? TẠO HOÁ cũng phải làm việc hùn hục như điên, huống chi TA _ CON NGƯỜI!

24

DỰNG ĐƯỜNG CHU

Đề tặng bạn : **PHAN QUỐC SỬ.**

Nam thiên truyền giảng Việt Đồ Thơ
Thanh khiết lòng theo đạt ước mơ.
Dịch chuyển mười phương thông diệu lý.
Học nhuần tám tượng thấu huyền cơ.
Sĩ danh, sĩ khí luôn bày rõ.
Y thuật, y tâm chẳng để mờ.
Đạo " Tri Tri " hành, gương tế đạo
Toàn chân - thiện - ý dựng Đường - Chu.

. Sài gòn Tiết Vũ Thuỷ Xuân Quý Dậu (1993)

. Giờ Bí - Cấn.

. Cư sĩ MINH THANH " Nguyễn Thanh Vân "

Chú giải : - Đường chu : Thơ Đường và Chu Dịch.
- Việt Đồ Thư : Lạc Việt Đồ Thư, ngày xưa sứ Nam cống cho Tàu. Nay Đồ Thư Hiệp Nhất.
- Tám Tượng : Bát Quái.

PHÂN KHOA

TRIẾT DỊCH

(BIẾN HÓA LÝ HỌC TỔNG QUÁT)

BÀI 1

ĐẠI CƯƠNG VỀ LÝ HỌC TRUY NGUYÊN

KHOA DỊCH LÝ HỌC

Trên đường học hỏi *Dịch Lý*, với những năm tháng ngày giờ lục lọi, tìm tòi nghiên cứu, chúng tôi có cơ hội giao tiếp với nhiều bậc cao minh thông hiểu *Dịch*, mới hay rằng : mặc dù cùng trong một nhà *Dịch Lý*, mà các Dịch Học Sĩ hiểu về *Dịch Lý* có hơi khác nhau, thậm chí quá khác nhau, khác hẳn ... Đó là tại bởi công phu nghiên cứu riêng của từng người về một ngành học nhỏ nào đó của *Dịch Lý*. Do đó, thiết nghĩ sự Chính Danh và Chính Lý cho hai danh từ *Dịch Lý* là điều tối cần thiết, để mọi người tìm hiểu về *Dịch* có một thống quan tổng tập đúng đắn về *Dịch Lý*.

Vì không ai hiểu biết giống ai về *Dịch Lý*, từ đó người bảo *Dịch Lý* là thế này, kẻ bảo *Dịch Lý* là thế kia, ứng dụng lợi ích của *Dịch Lý* là như thế, như thế theo nhu cầu riêng tư của mình. Hậu quả của nó được và bị lịch sử *Dịch Lý* ghi chép cho ta rõ : kẻ thông hiểu Dịch để làm thành khoa học *Dịch Lý* thì có rất ít, còn kẻ vô tình hoặc cố ý làm lu mờ, hoen ố, khiến cho người đời ngộ nhận về *Dịch Lý* thì quá đông đảo ! Thậm chí có những người chẳng hiểu gì về *Dịch Lý* cũng tán tụng, hoặc mở miệng chê bai *Dịch Lý* lung tung.

Gần đây, Liên Hiệp Quốc đã cho thành lập Hội Nghiên Cứu Kinh Dịch Quốc Tế (xem trích báo ở cuối bài này). Phải ghi nhận, từ trước đến nay, đây là lần đầu tiên và duy nhất một cuốn "KINH", được một Cơ Quan cao nhất loài người hiện nay chính thức công nhận và chỉ đạo các quốc gia toàn thế giới quan tâm tổ chức nghiên cứu sâu rộng, đủ biết là quan trọng bậc nào. Trong thiên hạ xưa nay thiếu gì kinh, tại sao phải là *KINH DỊCH* ???

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí về sự sáng suốt của Hội Liên Hiệp Quốc đã cho thành lập Hội Nghiên Cứu Kinh Dịch Quốc Tế. Nhưng rất tiếc, cho đến nay dân tộc Việt Nam chưa có chân trong Hội này cũng như chưa có tiếng nói chính thức tại Diễn Đàn Liên Hiệp Quốc về vấn đề *DỊCH LÝ*. Dù vậy, chúng tôi vẫn lên tiếng trước là việc bất đắc dĩ.

Chúng tôi phải **"liều lĩnh"** *Chính danh* và *chính lý* cho hai từ *DỊCH LÝ* lần này, để làm nền tảng cho *Khoa Học Dịch Lý Đại Chúng* ra đời. Vậy vấn đề trước tiên là phải giải đáp một câu hỏi như sau :

DỊCH LÝ là gì ? Ý nghĩa của DỊCH LÝ ra sao ?

Câu hỏi này đã được và bị Nhân Loại trả lời rất nhiều rồi, và dĩ nhiên những câu trả lời đó chưa thể thành *Khoa Học Dịch Lý Đại Chúng*. Những định ý nghĩa đã có về *Dịch Lý* chỉ lồng vào trong hoặc khoác bên ngoài khoa học *Dịch Lý* chứ chưa đi sâu vào cốt lõi, vào trọng tâm của khoa học *Dịch Lý* . Họ định ý nghĩa *Dịch Lý* qua từng ngành học thuật, theo sở trường sở đoản của riêng mình.

Chẳng hạn, như trong các ngành võ học, y học, văn học, triết học, quân sự học, đạo học, thần học, chính trị học, xã hội học, thiên văn học, địa lý học, tổ chức học, nhân dạng học, tử vi học, Khổng Minh triết tự, Thái Ất Thần Kinh, Lục Nhâm đại độn, Lục Nhâm dị tri, Lục Nhâm Kim khẩu quyết, Mai Hoa, Kỳ Môn độn giáp, Bốc Phệ, Bát Tự lữ tài, Bát Trạch cung phi, Nhân Điện học, Nhân Bản học, chỉ tay, bói bài, bùa chú, Lỗ Ban, phù thủy, thôi miên, Thiền học, cầu cơ, đồng bóng,..., không sao kể hết được. Tất cả những thứ vừa kể trên chỉ trả lời một cách phiến diện, một cách gián tiếp cho ý nghĩa, nghĩa lý của *Dịch Lý* mà thôi.

Dù chỉ có ý nghĩa phiến diện như vậy, chúng vẫn đủ sức giúp cho thiên hạ làm rùm beng, rầm rộ về *Dịch Lý*.

DỊCH LÝ *hiện diện* hoặc *ẩn tàng* trong mọi LÃNH VỰC, nên các khoa vừa kể trên đều có LÝ DỊCH ngự trị và chẳng khoa nào phản ánh toàn diện về *DỊCH LÝ* cả.

Chúng tôi xin mạn phép *tổng kết* như sau :

DỊCH LÝ chẳng những hiện diện và ẩn tàng ở tất cả mọi ngành học thuật, dù là *đã qua*, dù là *hiện tại* và cho đến *muôn đời, mãi mãi* về sau, tất cả mọi ngành học thuật đã có hoặc sẽ có, hữu hình hoặc vô hình, nhân tạo hay thiên nhiên, con người hay muôn loài vạn vật đều được và bị *Dịch Lý hiện diện ẩn tàng chi phối trực ngự* trong từng phút, từng giây, từng vô giây (khó hiểu, khó thấy biết), không làm sao tránh khỏi được DỊCH.

Vậy, *Dịch Lý* là cái gì, cái chi chi, mà kỳ quặc và ghê gớm như vậy ???

Định ý nghĩa chữ DỊCH

1- DỊCH LÀ ĐỘNG TĨNH LẪN LỘN, nghĩa là không chia cách được *tĩnh* và *động, tĩnh động cùng lúc chung cùng,* danh gọi là *Sống Động,* hết sức *Linh Động, Linh Diệu* khôn lường ! Nhờ đó, mà Vô Hữu Vật có *Sinh Động.*

2- DỊCH LÀ ĐỔI MỚI, trong vô giây cũng đổi mới, bất chấp mắt có thấy, tai có nghe, trí có hiểu được hay không ? Vì vậy, ta hằng thấy muôn loài luôn luôn *Biến Đổi* trong sâu kín và lặng lẽ, tài tình kỳ diệu ! *Đổi Mới* là một *Ma Lực Hấp Dẫn,* để sự *Sinh Động* càng thêm *Sinh Linh Động* !

3- DỊCH LÀ CẤU TẠO HÓA THÀNH, thành cái tầm thường, cái phi thường, thành cái dơ bẩn, cái trong sạch, thành phá hoại, thành xây dựng, thành cái thành công, thành cái thất bại, thành quỷ sứ, thành thánh thiện, ô dề, linh diệu, thành *Vũ Trụ Vô Hữu Biến Động Biến Đổi Biến Hóa,* thành nghiệp Dịch Biến : là *TẠO HÓA.*

4- DỊCH LÀ ĐỒNG DỊ - DỊ ĐỒNG : nói rõ hơn là ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG : Là chỗ giống mà hơi hơi khác - khác mà hơi giống ở khắp nơi. Biến dịch từ *Đồng* đến *Dị;* từ *Dị* đến *Đồng* là siêu nhiên lộ mà người xưa gọi *Đồng Dị* là *Âm Dương* (Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo).

5- DỊCH LÀ TRÍ TRI Ý THỨC : Là :

* Đức Tánh *BIẾT HÓA RA, BIẾT TRỞ NÊN* lập tức và mầu nhiệm của môn loài (Sinh Sinh chi vi Dịch).

* THẦN THỨC và ĐỨC THẦN MINH nên người xưa xem DỊCH với THẦN là một (Thần vô phương như Dịch vô thể). *Dịch* là *THỂ* mà *Thần* là *DỤNG*. Tóm lại DỊCH là ĐỒNG DỊ Biến động, Biến đổi, Biến hóa, Hóa thành ĐỒNG DỊ nhiệm nhặt liên lũy ở khắp cả mọi nơi mà người xưa cho là phép lạ của mọi phép lạ (QUÁI) và biến hóa cực kỳ nhanh lẹ (QUỶ THẦN).

Chẳng hạn trong các Danh : Thần Vật, Thần Kinh, Thần Nhãn, Thần Sắc, Thần Trí, Thần Lực, Thần Thánh, Ma Quái, Ma Quỷ, Ma Vương, Ma Thiêng, Ma Trận, ... hoặc, Phật Tánh, Tánh linh, Linh Căn, Nhiên Tánh, Đức hiếu-sinh, Đấng tạo hóa, Lý Trí, Tánh_ Biết, Tiên Hậu Thiên Trí Tri Ý Thức, Tiềm Thức,... hoặc Bản Năng, Tiềm Năng, Khả năng, Đặc tánh, Đặc điểm, Công dụng, Ứng dụng, Tác dụng ... Chế tác, Sáng tạo, Phát minh, Sản Xuất, Tiêu dùng... Quản lý, Điều hành, Quản trị, Cai trị, Chính trị, Thống trị, Bị trị ... vô hữu đắc thất, buồn vui, sống chết, ... tất cả không nằm ngoài ý nghĩa trên của *Dịch*, đều là *Dịch* cả, đều là *Dịch* mà thành. Chứ không chỉ riêng Y mới có *Dịch* (Vô Dịch bất thành Y). Nói cách khác tất cả đều là hiện thân của *Dịch*, là hiện tượng *Dịch* hóa *Dịch Biến* là chịu chung nghiệp *Dịch*, là trong lò *Tạo Hóa* đúc nên (cấu tạo hóa thành) không có gì chạy khỏi ra ngoài *DỊCH* được .

Định ý nghĩa chữ LÝ

Muôn loài đều có từ *Lý* mà ra, về đến *Lý* là cùng, là hết. Nên *DỊCH* cũng phải có *LÝ* thì mới *DỊCH* được. Vì vậy phải nói chung là *DỊCH LÝ*.

Vậy *LÝ* là gì mà quan trọng như vậy ??

31

1- LÝ LÀ LÝ LẼ, THUỘC VÔ HỮU LÝ

Khi phán đoán điều gì chúng ta thường cho thế nào đó là vô lý hoặc hữu lý. Vậy chỉ có một lý mà lúc *Vô* lúc *Hữu*. Lý là ***thể tĩnh***, VÔ HỮU là ***động dụng***. Do VÔ HỮU LÝ nên mọi loài mới có đồng ý hoặc bất đồng ý, mới phủ nhận hoặc chấp nhận vấn đề gì đó.

LÝ VÔ HỮU tuy vô hình nhưng là cái tự nhiên sẵn có trong mỗi người mỗi vật, mỗi sự việc. Tất cả đã đang và mãi mãi dùng xài VÔ HỮU LÝ, có biết chăng ?? Mặc kệ con người. *LÝ* vẫn sừng sững, sờ sờ ra đó, vì *LÝ* là một thực tại khách quan. Nói theo dân gian : Trời sẵn sẵn cứ xài; Xài hoài không bao giờ hết.

2- LÝ là LÝ DO, thuộc NGUYÊN NHÂN trước đó.

Mọi thành tựu đều có nguyên nhân, lý do nên con người mới hay triết lý, lý luận truy lý truy nguyên đến bí cũng chưa chịu thôi. Muốn biết đến nguyên nhân đầu tiên của mọi nguyên nhân, cái tại sao của mọi cái tại sao. Vậy là con người đã bắt đầu dấn chân vào con đường LÝ HỌC, quyết tâm cho vỡ lẽ cái BÍ MẬT, cái huyền bí của vũ trụ, thật sự là gì, chân lý là đâu. Con người đó đâu có ngờ rằng mình đang thắc mắc về DỊCH LÝ, đang khám phá ít nhiều về DỊCH LÝ .

Nói cách khác họ chính là nhà ít nhiều về chân lý học, nhà Dịch Lý Học, dù họ không tự cho mình là như vậy.

3- LÝ là LỘ GIỚI thuộc PHẠM TRÙ TRIẾT HỌC

Lý vừa là nền tảng, vừa là ranh giới để một thứ gì đó sống động, hoạt động, chuyển biến, trôi lăn trên đó, trong đó. Nếu không có LÝ thì thứ đó không có, không thành, không tồn tại. vì nó sẽ hà lãng không có phạm vi tình lý nào để mà ý thức, nghe nhìn so sánh định hình đặt tên cho nó được.

Sự thật chẳng có thứ gì không có phạm vi, dù là trên phạm trù triết học hoặc trong tưởng tượng.

- Chẳng hạn như TRÍ cũng phải có LÝ làm nền tảng ranh giới, làm siêu nhiên lộ thì TRÍ mới có thể vận động được, nên VĂN MINH Á ĐÔNG phải nối cặp đôi là LÝ TRÍ mới Chính danh, chính lý.

Vật cũng phải có lý mới vận động được nên gọi là Vật Lý. Những lãnh vực khác cũng thế : nào là Giáo lý, Pháp lý, Tâm lý, Võ lý, Đạo lý, Đạo pháp, Y Đạo, Võ đạo, Đạo đức,...

Người xưa thường dùng chữ LÝ và chữ ĐẠO thay thế nhau trong nhiều trường hợp; vì LÝ có nghĩa là con đường lớn tự nhiên, là CON ĐƯỜNG của mọi nẻo đường (ĐẠO nhược đại lộ nhiên). Lão Tử ngày xưa không biết gọi đó là gì nên gọi là Đạo. Vậy *Lý* là *Đạo* và *Đạo* cũng là *Lý* nên Á Đông thường nói chung là *Đạo Lý*.

4- LÝ CĂN GỐC thuộc SỰ THẬT TUYỆT ĐỐI cuối cùng :

LÝ LẼ CĂN GỐC thì không có gì so sánh tương đối với nó được nên nó là TUYỆT ĐỐI. LÝ LẼ CĂN GỐC là khởi đầu của tất cả mọi lý lẽ về sau nên gọi là NGUYÊN LÝ. LÝ LẼ CĂN GỐC có khắp mọi nơi mọi lúc nên nó là SỰ THẬT gọi là CHÂN LÝ.

Mọi thứ khi truy nguyên, truy lý đến cuối cùng về đến LÝ căn gốc là hết vì không còn gì để truy nữa, không có gì trước LÝ GỐC được. Nếu tiếp tục truy lý được nữa thì cái lý đó chưa phải GỐC.

LÝ GỐC chỉ có Một, độc nhất vô nhị nên gọi là *nhất lý*. (đạo nhất nhi dĩ : Đạo chỉ có Một).

Chúng ta cứ bình thản vô tư mà xét mọi thứ LÝ trong thiên hạ mới thấy rằng chỉ có *LÝ DỊCH* là đạt tiêu chuẩn : ***ắt có và đủ*** của một chân lý, Nguyên lý, Nhất lý. Vậy *DỊCH LÝ* chính là LÝ CĂN GỐC TUYỆT ĐỐI của mọi *LÝ* tương đối ngọn ngành.

✠ Tóm lại :

Với ***Vũ Trụ Vô Hữu*** (Trong đó có Con Người), Lý Dịch là *biến hóa để hóa thành*, cái vừa *hóa thành* đó *liền, lập tức* Biến Hóa bất chấp *không gian, thời gian*. Nói theo thuật ngữ của *Dịch Lý Việt Nam*, thì

Dịch Lý là *tiên hậu thiên trí tri ý*. Nói cho dễ hiểu hơn, thì Dịch Lý là lý lẽ biến động biến đổi biến hóa đã đang và sẽ mãi mãi chi phối muôn vô hữu vật..., tức con người và muôn loài chỉ xứng đáng là con cháu chắt chít của Dịch, mang nghiệp Dịch, bất kể là có biết hay không biết điều này. Tất cả chỉ là thành viên trên sân khấu Dịch Biến mà thôi. Rõ ràng, Dịch là Tất Cả. Dịch Lý là *âm dương lý*. Chỉ có :

nhất lý là *âm dương lý,*
nhất luật là *biến hóa luật.*

<u>Luận thêm về biến hóa luật</u> :

Với khí cụ sắc bén sẵn có ở trong Tự thân mỗi con người là lý trí, chắc chắn bạn khó chối nhận : Biến động Biến đổi Biến hóa là chân lý mãi mãi và các bạn chỉ tồn tại những vấn nạn :

↳ Có chắc chắn rằng trong vũ trụ vô hữu, Biến hóa luật là nhất luật không ? hay còn nhiều thứ luật quan trọng hơn biến hóa luật ?

<u>Xin thưa</u> : Biến hóa luật là luật của mọi quy luật, nó là siêu siêu luật, siêu siêu nhiên luật, vì *lý nào thì luật đó*. Luật do Lý mà thành.

↳ Các bạn lại hỏi : loài Người có tìm ra được Quy Luật đó hay không ? Nó có vĩnh cửu hay không ?

<u>Xin thưa</u> : Loài Người đã khám phá ra Biến hóa luật từ lâu rồi, nhưng vấn đề giải thích về biến hóa luật còn rất mơ hồ, rất mù mờ, thậm chí phản lại những nguyên tắc của khoa học thông thường, tỉ như nói Bát tượng (Bát Quái) đã có sẵn trên lưng của Linh Qui, con rùa thần ! - Kỳ này, Biến hóa luật được và bị Dịch Lý Việt Nam giải thích thỏa đáng, phù hợp với Khoa học Tự nhiên và với cả Khoa học Huyền bí.

↳ Có bạn lại hỏi : Dịch Lý là Lẽ Thật, là Biến Động Biến Đổi Biến Hóa, thì Dịch Tàu cũng đã nói tới rồi ?

<u>Xin thưa</u> : Nhà Bác Vật và người bán xôi sẽ hiểu về nguyên tử và giải thích về nó ắt là khác nhau nhiều. Cho nên vấn đề nói tới hay không nói tới ắt là không quan trọng, chỉ có sự Lý Giải về Lẽ Thật mới thật quan trọng. Sự lý giải nào càng chính lý, càng chính danh mới đáng nói tới, không nên chấp vào kinh điển.

34

Lý Biến Hóa là cái lý lẽ *có thật* trong muôn đời và ở mọi nơi. Lẽ ấy phải có thật như thế trong muôn đời và ở mọi nơi. Có vậy, mới xứng danh là chân lý mãi mãi, chân lý tuyệt đối; bởi vì hễ đã gọi là lẽ thật, thì lẽ ấy phải có thật từ lúc chưa có trời đất cho đến nay và từ nay đến mãi mãi về sau... Nếu chúng ta bình tâm suy xét lại, kể từ trong thâm tâm sâu kín và lặng lẽ , tận trong cõi lòng mình (Vô Hữu Hình), cho đến vũ trụ vô hữu bao la rộng lớn bên ngoài, xem coi có cái gì cái chi là không biến động biến đổi biến hóa không ? Không luân chuyển, không xê dịch không ?

Nếu tất thảy đều biến hóa, thì biến hóa là cái lẽ có thật, lẽ thật trong tất cả, bất kể *không thời gian* nào.

Khi chúng ta nói đến chân lý, tức là nói đến cái lẽ hằng có thật trong khắp cùng muôn nơi, ở khắp cả muôn đời và mãi mãi, bất chấp ý riêng của con người hoặc ý riêng của muôn loài vạn vật (vạn hữu cũng có ý riêng của nó). Bàn về chân lý, trong kinh Dịch, tiền nhân nói đúng mà chưa chứng minh rõ : "dịch, biến dịch dã; biến dịch, bất dịch dã", tạm hiểu : Dịch có nghĩa là Biến Dịch; còn cái lẽ biến dịch thì không làm sao mà biến đổi được nữa. Bổn phận của chúng ta ngày nay phải lo chứng minh câu nói trên đây là đúng. "Tất cả đều đổi thay trừ lý đổi thay thì không bao giờ thay đổi"

Khi chúng ta đi tìm học Dịch Lý, tức như chúng ta bước chân vào con đường Lý Học Truy Nguyên, tức là con đường truy tầm Chân Lý, vì Dịch Lý là Chân Lý. Khi đã là Chân Lý thì nó phải có tính cách ***khắp cùng, vĩnh hằng***, nơi nào cũng có, chỗ nào cũng có và thời nào cũng có, cũng đúng là Biến Hóa, đúng ở chỗ cao nhất lẫn chỗ thấp nhất, đúng ở chỗ thanh khiết nhất, trang nghiêm nhất, uy nghi nhất lẫn nơi ô trọc nhất, loạn lạc nhất, xô bồ nhất, đúng ở chỗ thiện nhất lẫn cả nơi ác nhất, đúng ở xã hội loài người thì cũng đúng ở chỗ xã hội muôn loài đã qua, hiện nay và chưa đến.

Nếu lẽ Biến Hóa chưa có , thì chưa Hóa Thành ra cái LINH ĐỘNG SIÊU TUYỆT, MẦU NHIỆM, HUYỀN DIỆU nào cả, vẫn chưa có Hóa Thành ra Tạo Hóa, Thượng Đế, Niết Bàn, Thiên Đàng, Thánh Thần, chưa có Hóa Thành ra con người... Nhưng hiện nay, cơ nghiệp Tạo Hóa

đã đầy dẫy, đã có nghiệp Dịch Biến; do đó, Con Người với Lý Trí mới nói đến và lập thành khoa học về LÝ BIẾN HÓA được.

Các bạn hãy bình tâm suy nghĩ, cái gì mà nằm bên ngoài Biến Hóa thì vẫn do Lý Trí tưởng nghĩ đến. Cái gì mà bạn cho rằng nó có thật và ngoài Lý Trí, bạn ơi ! trước tiên cái đó vẫn là ý tưởng, ý nghĩ của các bạn tức là Lý Trí Biến Hóa Thành ra ý ấy trong tận thâm tâm sâu kín và lặng lẽ của bạn mà thôi !

Chẳng có gì lạ cả. Tất cả chỉ là Ý.

Với tính cách khắp cùng, Mọi nơi, Mọi lúc đó, Dịch Lý không giới hạn riêng trong một phạm vi nào, một biên cương nào, một vấn đề nào. Chúng tôi nói : Dịch không là gì cả, mà Dịch sẽ là cái gì đó, cái chi đó. Dịch không là gì cả, mà Dịch là tất cả. Câu nói này có vẻ quái gở, nhưng nó làm sáng tỏ được câu : THẦN VÔ PHƯƠNG nhi DỊCH VÔ THỂ, nghĩa là THẦN thì không phương sở, DỊCH thì không hình bóng.

Bởi vì tất cả đều Biến Hóa_ Ngoại trừ Biến Hóa luật_ bất kể là *Vô Thể* hay *Hữu Thể* đều phải bị và được *Biến Hóa* và chúng ta cũng không lấy làm lạ gì khi thấy các ngành học tập xưa nay đều tự nhận là thân thuộc với Dịch Lý hay gốc *Dịch Lý* mà ra, mà có, mặc dù sự tự nhận đó chưa chính danh, chính lý của *Dịch Lý*.

Chúng ta hoàn toàn tin rằng vấn đề Dịch Lý sẽ không còn bị và được hiểu lệch lạc một cách thật thà hay man trá qua một cặp kính mầu đầy tà kiến sai lệch nông cạn, như trong đã qua nữa.

Dịch Lý là lẽ *Biến Hóa* không giây phút ngưng nghỉ, chi phối muôn loài vạn vật, bất kể vô hình hay hữu hình, bất kể không gian nào, thời gian nào, nó là *Chân Lý Tuyệt Đối*, chứ không phải là thứ *Lý Lẽ Tương Đối*.

Dịch Lý đã trở thành khoa học, nó là khoa Siêu Việt Học, và là ***của chung*** cho nhân loại, chẳng phải độc quyền cho riêng một dân tộc nào, một đoàn thể nào, hoặc một cá nhân nào. Và như vậy các bạn sẽ thắc mắc :

➭ Thế thì tại sao lại có danh xưng Dịch Lý Việt Nam ?

Xin thưa : Điều này rất dễ hiểu. Sở dĩ có danh xưng *Dịch Lý Việt Nam* cũng chỉ là chuyện ký danh, ký hiệu của những nhà lịch sử *Dịch Lý*, để đánh dấu địa danh và những thời kỳ suy thịnh, thăng trầm mờ tỏ trong vấn đề *Dịch Lý* mà thôi. Vậy, *Dịch Lý* không của riêng ai, mà chỉ là *Dịch Lý Thời Nhân,* cũng như ta không thể nói Vật Lý Học là của Coulomb hay Ampère gì cả, mà là của chung.

Dịch Lý Trung Hoa là lúc mà người Trung Hoa lập luận, suy luận, giải thích và chịu trách nhiệm đối với lịch sử *Dịch Lý* .

Và *Dịch Lý Việt Nam* kỳ này thì cũng vậy, dân tộc Việt Nam có trách nhiệm làm sáng tỏ Dịch Lý trong Vận Hội mới của Nhân Loại Liên Hành Tinh.

➭ Vậy, phải chăng nhân có Dịch Lý Trung Hoa, người Việt Nam canh cải để trở thành *Dịch Lý Việt Nam ??*

Xin đáp : Những người nào đã học thâm hậu về Dịch Tàu ắt đã biết Dịch Tàu không thể nào giải thích cặn kẽ nguồn gốc của Tạo Hóa, không giải thích được nguyên nhân tiên khởi phát sinh ra *Lý Biến Hóa..*

Người Việt Nam, trong khi lo tìm hiểu biết về Tạo Hóa, về Tại Sao của mọi cái Tại Sao, về nguyên nhân tiên khởi của mọi nguyên nhân, đã khám phá ra được *Tiên Hậu Thiên Trí Tri Ý Thức,* và cũng nhận ra rằng nhờ có khoa Dịch Lý Tàu làm bờ mốc, chúng tôi mới có dịp khám phá ra Vũ Trụ Vô Hữu một cách nhanh chóng hơn; và để tỏ lòng có cũ có mới, chúng tôi tiếp tục dùng xài danh từ Dịch Lý, thay vì dùng xài danh từ Tiên Hậu Thiên Trí Tri Ý, một danh từ rất xứng danh, rất chính danh và chính lý của Vũ Trụ Vô Hữu.

Vậy, để cho vô tư, chúng ta người Việt Nam, khi nói Dịch hoặc nghe người khác nói Dịch, chúng ta cần phải xác định rõ ràng : muốn nói, muốn đề cập đến thứ Dịch nào, Vì cùng là Dịch Lý, mà dân Trung Hoa nói khác, dân tộc Đại Hàn, Nhật, Anh, Mỹ, Pháp, Đức ... đều nói khác nhau, có khi lại khác rất xa nhau trong một vấn đề, bất kể là vấn đề nào, bất kể vấn đề nhỏ lớn.

Thật thế, sự suy luận lập luận của Dịch Lý Học Việt Nam phần lớn không giống bất cứ Dịch Lý Học của một dân tộc nào trên khắp thế giới, và sách vở cổ kim đông tây, đó cũng chính là một trong những lý do chính đáng để dân tộc Việt Nam KHAI MỞ KỶ NGUYÊN MỚI về DỊCH LÝ trong Nhân Loại.

Đến Vận Hội này, Văn Minh Dịch Lý cổ xưa quả thật đã cực kỳ lu mờ trong Nhân Thế . Nó LU MỜ CÙNG CỰC đến nỗi không thể lu mờ hơn nữa được. Vậy, nó sẽ thật sự từ từ SÁNG TỎ LẠI theo lẽ tuần hoàn tự nhiên.

Văn Minh Âm Dương Học Việt Nam ngàn xưa bắt đầu *sống trở lại,* nó đã Sống Lại giữa lúc cục diện Nhân Loại đang đi vào Tử lộ, đang bị và được người máy Robot hăm he sinh mạng. Nhân loại bất kể ngày đêm, bất kể không thời gian nào, cũng có thể xảy ra trận *đại hồng thủy* dễ như chơi. Vì vậy, *cục diện Nhân Loại* đang *trông ngóng,* đang *chờ đợi* luồng gió *Văn minh Đông phương* thổi lên. Một sự thật mà chúng ta cần phải lưu ý là : Chỉ có dân tộc Việt Nam *không chủ chiến* cũng *không chủ hòa,* không a dua chạy theo khoa học cơ khí giết người, cũng không mù quáng để sống trong Huyền Thoại Duy Vật, Duy Tâm, Duy Thần, Duy Linh, Duy Lý gì cả, cũng không chạy theo khoa học đắc dụng thực dụng hạ cấp, hạ thấp giá trị đạo lý làm người, nghĩa là chỉ có dân tộc Việt Nam không mất gốc Rồng Tiên và rất hài hòa với thời đại liên hành tinh, nên mới đủ và thừa sức làm sáng tỏ nổi vấn đề Dịch Lý mà thôi. Văn Minh Rồng Tiên không thua sút bất cứ Văn Minh của một dân tộc nào cả. Không có vấn đề chạy theo làm học trò hạng bét của ngoại bang mà hiu hiu tự đắc không hổ thẹn. Theo thời gian, Nhân Loại sẽ không thỏa mãn được những Man Kinh Dịch Lý, ắt phải tìm đến Dịch Lý Việt Nam tân kỳ mà trao đổi, mà học hỏi. Dịch Lý Việt Nam là Vũ Trụ Ngữ, Vũ Trụ Đạo. Người đời sẽ lợi dụng Dịch Lý Việt Nam trong mọi ngành học thuật để mưu cầu sinh tồn và tiến bộ.

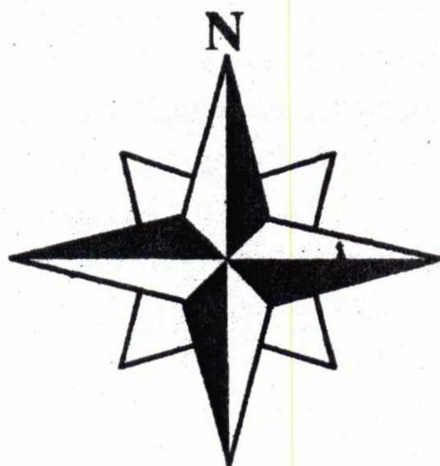
Chúng ta đang ở vào Thời Mạt Mạt Pháp và may mắn thay, cũng là Thời Phục Pháp, khởi nguyên với Kỷ Nguyên mới Tiên Hậu Thiên Trí Tri Y Thức. Mọi học thuyết lỗi thời sẽ bị và được đào thải, cũng như ý niệm Thiên Lôi bị đào thải bởi cột thu lôi vậy thôi ...

Trên tinh thần hết sức vô tư khách quan, chúng tôi nhận định toàn bộ nền văn minh Dịch Lý Thế Giới đã qua, hiện nay và sắp tới là như thế. Dám mong các bậc cao minh biện chứng lý giải và chỉ giáo thêm.

(Biên tập theo tư liệu của Sư huynh CAO THANH Dịch học sĩ)

Viết xong giờ DI _ PHỆ HẠP
Hòa Hưng, ngày mùng 07 tháng 08 năm Tân Mùi
(14/09/1991)

NAM THANH Dịch học sĩ .



BÀI 11

SỰ ĐẶT TÊN
(ĐỊNH DANH)

I . DANH LÀ GÌ ?

Danh là âm thanh, hình tượng, nét vẽ, ký hiệu biểu diễn hiện tượng, trạng thái, ý nghĩa, lý lẽ nào đó của sự vật, sự lý.

Danh có thể do tự nhiên, có thể do bày đặt của con người hoặc muôn vật; gồm có Danh Từ, Danh Tượng, Danh Tính, Danh Ý, Danh Lý.

Con người lúc nào cũng sống trong môi trường tràn ngập Danh.

Danh là sản phẩm của Trí Tri Ý Tiên Hậu Thiên, là Trí Tri Cơ Cấu Tượng Hình Hài Thanh.

Hình thức biểu hiện và ý nghĩa nội dung của Danh biến đổi theo thời gian, không gian.

Muốn hiểu rõ Danh, phải theo qui ước của Danh. Qui ước của Danh là Phạm Vi Tình Lý. Ở mỗi phạm vi tình lý, Danh có hình thức và ý nghĩa riêng cho trong phạm vi tình lý đó; qua phạm vi khác, Danh có thể biến đổi hình thái lẫn nội dung.

Riêng xã hội loài người càng phát triển thì nhu cầu đặt tên càng đa dạng và phức tạp vì *Danh* là nhu cầu thiết yếu của bất cứ cái TÔI - CON NGƯỜI nào để phân biệt chỗ *Giống Mà Hơi Khác Nhau* (ĐỒNG NHI DỊ) của vạn hữu và để truyền thông tư tưởng lẫn nhau giữa những cái TÔI - CON NGƯỜI và LOẠI VẬT.

Vạn Hữu trước kia vốn không tên (Vô Danh), đến nay không thứ gì mà chẳng có tên.

"Vô Danh thiên địa chi thủy,
Hữu Danh vạn vật chi mẫu".

Tiền nhân đã liều mạng đặt tên cho cái Lý Không Tên. Do đó, có nhiều Danh khó hiểu nổi, không hiểu được. Dù có dùng bao nhiêu Danh để diễn tả, cũng không lột hết được sự thật. Lúc ấy, phải Hội Ý, Hội Lý mới quán thông được toàn cảnh, toàn thể sự thật.

Trong tất cả các Danh, thì Danh KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG (KHTK) là khó hiểu nhất, không thể hiểu được, vì nó là "không có gì hết, không là gì hết", ngay cả sự hiểu biết cũng không có, thì lấy gì để hiểu; cái KHÔNG, muôn ngàn triệu tỷ cái KHÔNG vẫn chưa phải là KHTK. Nhưng éo le thay, danh KHTK đã có, thì dù khó khăn cỡ nào, không thể hiểu được, cũng ráng mà hiểu. CON NGƯỜI có tật lớn là muốn biết điều không thể biết được. Do đó, không tránh khỏi suy diễn sai lạc sự thật, như cảnh 5 người mù sờ voi. Nên có người than :

"Đạo khả Đạo phi thường Đạo
Danh khả Danh phi thường Danh"

hoặc *"Đạo cảm thông, không thể nghĩ bàn"*

Ngay cả những danh thông thường gần gũi quen thuộc dễ thấy biết, nếu không để ý, vẫn hiểu và dùng lầm lẫn. Chẳng hạn, danh DỊCH LÝ. Đến giờ, còn có người hiểu lầm *Dịch Lý* là Bói Toán, là Bùa Chú, hoặc chấp danh là hễ nói đến Dịch Lý phải có các từ Âm Dương, Thái Cực, Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, Ngũ Hành, với các nét, các vạch đứt liền, các hình đồ vuông tròn góc cạnh ngôi sao. . . nếu không có những thứ trên, không phải là Dịch Lý.

Đa số Chấp Danh là Chấp Lời, Chấp Tướng. Như thầy tu thì phải vầy, phải vậy; hiếu nghĩa thì phải thế nọ thế kia; tình yêu phải có điều kiện này nọ. Sự thật :

"Chiếc áo không làm nên thầy tu"
"Tu đầu tóc không cần phải cạo,
miễn cho rồi cái đạo làm người"

Tình yêu là Tình Yêu, Cuộc đời là cuộc đời, với ý nghĩa trọn vẹn của nó. Chứ đừng ép uổng theo kiểu "tình yêu là nhìn về 1 hướng" hoặc bẻ cong sự thật : "nhân chi sơ tính bản thiện". Thiện Ác là phán đoán chủ quan, qui ước của từng xã hội Con Người. Loài Người lúc đầu cũng như mãi mãi về sau, lúc nào chẳng có Thiện Ác, chỉ có mức độ thiện ác thay đổi ít nhiều tùy theo thời gian và không gian.

Chấp Danh gồm cả Chấp Ý, Chấp Lý. Người thất nghiệp có khi do Chấp Ý, cho mình là thế này, thích thế kia, không cho phép mình làm việc nọ, chê khen chọn lựa. Có Đảng Đạo Chấp Lý, cho không phải bạn là thù, cho đời là mộng ảo, cho Tương Đối là Chân Lý, cho Tâm có trước, Vật có trước; cho chân lý mỗi người tự thấp đuốc mà tìm vì không truyền giảng được, cho con người là linh ư vạn vật, cho chỉ có con người mới có lý trí, còn cỏ cây sắt đá muông chim cầm thú không có lý trí, không có tình cảm. Tệ hại hơn, còn đẻ ra nhiều học thuyết duy này, duy nọ, chuyên chính này nọ, trong khi sự thật đâu chỉ có vậy. Bệnh Chấp Danh kể sao cho xiết. Có người quá sợ tai hại của Danh nên đã tự hạn chế, như cấm khẩu, bịt tai, nhắm mắt, đóng tư tưởng lại, nhưng liệu họ có thoát khỏi ảnh hưởng của Danh chăng ? - Không ! không bao giờ thoát khỏi Danh. Vì họ tưởng Danh là thế này, Danh là thế kia, chứ không ngờ Danh là tất cả, Danh là tất yếu, Danh là một sự thật trong muôn ngàn sự thật. Vũ trụ muôn loài còn có Danh, huống chi con người sao lại không Danh được.

Danh Tự Nhiên của Tạo Hóa là hình ảnh hiện tượng núi sông, mưa nắng, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cỏ cây, sắt đá, muông chim, cầm thú, con người . . . nói chung là vạn vật; là âm thanh, là tiếng động trầm bổng của vạn vật. Tạo Hóa đã đặt tên : bằng cách lưu lại dấu vết, neo ý về sự nghiệp công trình Cấu Tạo Hóa Thành bằng tượng hình hài thanh nơi muôn vật. Có vậy, ta mới có thể nương theo Danh Tự Nhiên của Tạo Hóa mà học hỏi bày chế đủ thứ. Con người khi sinh ra đã dần dần tiếp thu mọi hiện tượng thiên nhiên để biến thành các ấn tượng tiềm ẩn trong bộ nhớ của giác quan và Lý trí. Hiện tượng thiên nhiên lưu lại dấu vết là ký hiệu của Tạo Hóa, còn ấn tượng gom tụ thu nhỏ trong bộ nhớ con người là tín hiệu lưu trữ. Ký hiệu, tín hiệu này là Danh Tự Nhiên, bất chấp ý muốn con người. Danh Tự Nhiên hoàn hảo hoàn thiện nhất

thể, nó bộc lộ gồm chứa tất cả mọi huyền bí khoa học của vũ trụ. Chúng tôi thường nói chơi mà thật, các Bạn học Dịch đến khi nào thấy hiểu cục đá, cột đèn đang nói cười với mình mới là vấn đề.

Danh thuộc nhân tạo là bắt chước đường đi dĩ nhiên của Tạo Hóa, theo qui luật Cấu Tạo Hóa Thành cũng theo đúng mọi lý lẽ đặt tên của Vũ trụ và đa số nương theo Danh của Tự Nhiên mà đặt tên. Danh này người đời gọi là tín hiệu thứ hai, chỉ có nơi các động vật cao cấp. Nói riêng phạm vi loài người, mọi sự đặt tên do con người đều là sự bày đặt của trí óc. Con người bày đặt lời nói, chữ viết, hình tượng, điệu bộ, dấu hiệu, mã số để phục vụ lợi ích cho nhu cầu đời sống ngành nghề của mình. Danh nhân tạo chỉ phản ảnh phần nào sự thật. Nó là sự thật của Danh; chứ không phải là sự thật của sự thật. Dùng Danh nhân tạo để chuyên chở sự thật là chuyện bất đắc dĩ của con người.

Tiền nhân thường nhắc :
- Văn dĩ tải Đạo.
- Văn bất tận Ngôn, Ngôn bất tận Ý, Ý bất tận cùng kỳ Lý.

Nhìn lại chung quanh con người hiện nay, gần như đâu đâu cũng có Danh nhân tạo và lần lần hội nhập Danh thiên nhiên với nhân tạo là một. Cái gì con người cũng đặt tên theo ý mình. Con người gặp sự vật hơi khác lạ, thường hỏi : cái đó là cái gì ? Là sao ? Và liền tức khắc con người dùng Danh nào đó đã đặt sẵn để trả lời hoặc dùng nhiều Danh đồng nghĩa, khác nghĩa để diễn tả hoặc đặt Danh mới nếu chưa có sẵn Danh. Như đó là tấm bảng, là em tôi, là cục đá, là ông Địa, là Thiên Lôi; hoặc Dịch là Biến Hóa, Biến Động, Biến Đổi, Thay đổi, Hóa Thành, Trở Nên, Hóa Ra, là Tạo Hóa, là Thiên, là Trời, là không là gì cả, mà là cái gì đó, mà là tất cả; hoặc vi trùng lao này lạ quá, chưa có tên, ta lấy tên người Khám phá là ông Koch mà đặt tên là vi trùng Koch, hoặc tọa độ một đỉnh núi xa lạ ta dùng ám số Z 287 . . .

Tóm lại, đối với chúng ta là người nghiên cứu Dịch Lý là con nhà Văn Lý Học, chắc chắn phải dùng Danh, nhưng khác với người đời một tí ngoài Danh Từ, Danh Tượng, Danh Ý, ta chú trọng Danh Lý. Lấy Lý gì mà đặt tên muôn vật ? Tại sao Tôi có tên là con người, là Quốc Sử ?

Có thật tên tôi là Quốc sử không ? Tại sao người ta nói tôi tuổi Thân, con khỉ chuyên cành ? Có chắc đúng tôi tuổi Thân không ? Tính nết và cuộc đời tôi có phải là giống con khỉ không ? Đâu là hữu lý, đâu là vô lý, phi lý ? Rốt cũng, tối hiểu ra rằng tôi chẳng là gì cả, người ta muốn gán, muốn cho tên gì, neo ý ra sao cũng được. Sự thật tôi vẫn là tôi.

Người đời thường ít khi rảnh, hơi đâu thắc mắc cùng tột về Danh, nhưng riêng ta phải lý giải cho ra lẽ mới xứng đáng Lý Học Uyên Nguyên chứ ta không lẩm cẩm, điên rồ đâu.

Vậy :

- Đặt Tên có theo lý lẽ nào không ?
- Nếu có, thì Lý lẽ đó ra sao ?

II. ĐỊNH DANH THEO LÝ LẼ NÀO ?

Bất cứ một sự Định Danh nào, tự nhiên hay nhân tạo, từ xưa đến nay và mãi mãi, đều theo chung một nguyên lý, một qui luật nhất định, là điều kiện ắt có và đủ tối thiểu để thành một Tên như sau :

1. Phải có sự Lý và ý thức sự Lý :

Trước hết, phải có sự lý, dù sự lý trừu tượng hay cụ thể, trong quá khứ hay hiện tại hoặc tương lai. Sự lý đó đang gom tụ thu nhỏ thành cái hiện hữu, có phạm vi, có giới hạn, dù giới hạn đó là vô cùng hay nhiệm nhặt. Sự lý hiện hữu vào một thời điểm (không thời gian) bên ngoài hoặc bên trong Tôi con người, cũng như Tôi con người là một sự lý hiện hữu đối với muôn vật.

Khi tôi đặt tên cho sự lý, thì bắt buộc phải có sự lý trước đã và tôi hiểu sự lý sao đó, rồi mới chọn tên gọi nó .

Mọi sự lý trừ KHTK (Không Hoàn Toàn Không) đều là CÓ, dù là cái KHÔNG vẫn là *CÓ cái KHÔNG,* nên gọi là VẠN HỮU, là Hậu Thiên so với KHTK là Tiên Thiên. Vậy, con người và muôn vật ở cõi CÓ, nên gọi là Hậu Thiên, là Hiện Hữu.

Không gian Thời gian có ngay từ lúc KHTK cực, nên mọi sự lý đều ở trong Không gian Thời gian. Sự lý hiện hữu vào thời điểm nào đó gọi là *Phạm Vi Tình Lý*. Sự vật, sự việc do lý lẽ nào đó nó hiện hữu và có liên quan hữu tình với sự vật sự việc khác, hoặc có Tình Người Tình Đời tham dự lý luận về nó nên gọi là *Sự Lý,* là *Tình Lý*. Không có Sự vật việc gì mà không có lý lẽ của nó, đó là sự lý; và bất cứ lý lẽ lý luận nào cũng phải lý luận về sự vật việc gì, đó là *lý sự*. Các sự lý quây quần tụ tán với nhau là Hữu tình, lại thêm có Tình Người tham dự, nên gọi chung là *Tình Lý*.

Vậy, khi có Sự lý, nói đến sự lý nào, thì con người cũng có hiểu biết lý luận ít nhiều về nó, chứ không thể nói hoàn toàn không biết, không có Tình Ý với nó.

Đó là có ý thức mờ tỏ về sự lý.

Mọi sự lý đều phải biến hóa biến động biến đổi, từ hơi hơi khác đến quá quá khác, nếu không lưu lại dấu vết với ý nghĩa sơ mọn nào đó, thì khi sự lý trôi lăn theo thời gian và lẫn lộn trong không gian, giống mà hơi khác với sự lý khác, đến lúc cần, làm sao tôi dò tìm cho nhanh và đúng sự lý và neo một số ý nghĩa đặc biệt riêng cho sự lý đó. Trước khi đặt tên, tôi phải phân biệt chỗ Đồng Dị của Sự lý. Mỗi sự lý là Đồng Nhi Dị.

2. So sánh phân biệt chỗ Đồng Dị của Sự Lý :
(Tức là so sánh Phạm vi Âm Dương)

Dĩ nhiên khi TÔI CON NGƯỜI ý thức sự lý là TÔI Ý thức chỗ Giống Mà Hơi Khác Nhau (Đồng Nhi Dị) chính nơi sự lý đó, hoặc với sự lý khác. Nội dung thực sự của Ý thức chỉ là Ý thức Đồng Nhi Dị, chứ chẳng có gì lạ. Ý thức Đồng Nhi Dị là có so sánh, phân biệt chỗ Giống Mà Hơi Khác ở sự lý, gọi tắt là *so sánh Phạm vi Âm Dương* hay Phạm Vi Tình Lý Âm Dương.

Thí dụ : Bạn có một vòng tròn như vầy :
Bạn có dám gọi (đặt tên) vòng tròn này
là lớn hay nhỏ không ?

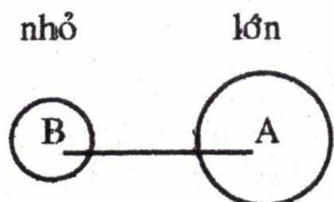


- Nếu bạn chưa nói được lớn hay nhỏ, là vì bạn chưa có Phạm Vi Tình Lý để so sánh phân biệt Đồng Dị (Âm Dương) với nó.

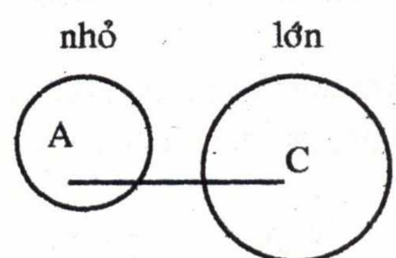
- Nếu Bạn nói ngay là lớn hay nhỏ là vì Bạn đã ngầm có Phạm Vi Tình Lý Âm Dương, đã so sánh phân biệt theo qui ước từ lâu trong trí óc Bạn, chứ không cần mỗi lần lập lại qui ước.

Sự thật một mình nó thì không có Danh là lớn hay nhỏ, mà nó vừa lớn vừa nhỏ, lớn nhỏ cùng lúc, chẳng lớn chẳng nhỏ. Sở dĩ nói được lớn hay nhỏ là do ở trong Phạm Vi Tình Lý. Như :

Trong *Phạm Vi Tình Lý AB* so sánh theo chiều hướng của người, thì vòng tròn A đáng gọi là lớn so với vòng tròn B đáng là nhỏ.



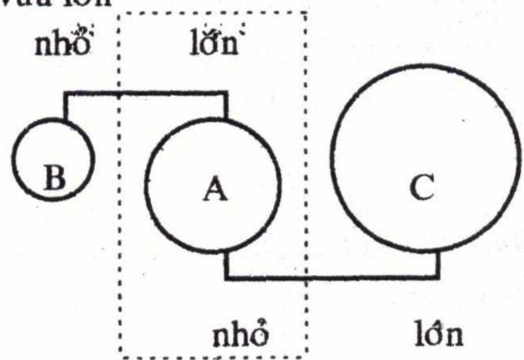
Nhưng qua *Phạm Vi Tình Lý AC* thì vòng tròn A đâu đáng gọi là lớn nữa mà đáng là nhỏ so với vòng tròn C đáng là lớn.



Nếu chồng chất, gán ghép hai phạm vi tình lý vào nhau, thì vòng tròn A vừa lớn vừa nhỏ, chẳng lớn chẳng nhỏ.

Lớn là Nhỏ, Nhỏ là Lớn
Dương là Â m, Âm là Dương.

Đồng là một vòng tròn A mà Dị là có **Hai** : lớn - nhỏ



Vậy, A lớn hay nhỏ ? Nói :

- Lớn cũng đúng, nhỏ cũng đúng,
- Lớn cũng sai, nhỏ cũng sai.

Đúng Sai phải có phạm vi tình lý, rồi so sánh chỗ Đồng nhi Dị, tức là Âm Dương, thời mới có thể xác định được theo qui ước của Tôi trong phạm vi đó, và chỉ đúng sai cho phạm vi đó mà thôi.

Lớn là lớn so với nhỏ.
Nhỏ là Nhỏ so với Lớn.

Lớn Nhỏ cùng ban nghĩa cho nhau, để cả hai cùng có lý.
Một mình Lớn là Vô Lý. Một mình Nhỏ là Phi Lý.
Vì lấy gì gọi nó là Lớn ?

- Vì có so với cái Giống Mà Hơi Khác nó là Nhỏ. Hoặc ngược lại.

Vậy, *Lý là lớn nhỏ cùng lúc, một ẩn một hiện.*
Lý là Vô Hữu cùng lúc, là Âm Dương cùng lúc.
Gọi được là Âm phải có Dương ban nghĩa.
Gọi được là Dương phải có Âm so sánh.

Âm chỉ có giá trị đối với Dương và Dương chỉ có giá trị đối với Âm trong phạm vi tình lý Âm Dương đó mà thôi.

Người học Dịch rất chú ý đến Phạm Vi Tình Lý. Muốn hiểu đúng mọi người mọi việc, lúc nào cũng phải xác định rõ phạm vi tình lý. Tức là tập có thói quen định nghĩa lại bất cứ Danh nào khi chưa rõ, chưa cùng qui ước, để tránh ngộ nhận đáng tiếc.

Định nghĩa lại Danh là Chính Danh, Chính Nghĩa, Chính Lý, là đưa Danh vào đúng Phạm Vi Tình Lý của nó.

Tóm lại : Phạm Vi Tình Lý Âm Dương là phạm vi Một mà Hai. Phạm vi Một là ĐỒNG (cùng chung, giống nhau) gồm có Tình Lý Âm Dương là Hai là ĐỒNG DỊ (Giống mà hơi khác với nó).

3. Chọn và gắn tên cho sự Lý .

Sau khi ý thức phân biệt chỗ Đồng Dị của Sự Lý, nếu sự lý xẩy ra đúng như qui ước của Tôi, thì Tôi chọn và gán cho sự lý một hay nhiều tên thích hợp có sẵn ý nghĩa nào đó hoặc chẳng có ý nghĩa gì.

Tên có rất nhiều, tha hồ tôi chọn lựa hoặc bày đặt Tên mới.
Dù là Tên cũ hoặc tên mới, mỗi tên gắn cho sự lý nào, tôi cũng xác định lại hoặc ấn định ý nghĩa theo qui ước tôi chấp nhận hay đặt ra.

Chẳng hạn, vòng tròn A khi nẩy được so sánh trong phạm vi lớn nhỏ, theo chiều nhìn của tôi, nó bằng vòng tròn quả cam, so với vòng tròn B bằng vòng tròn quả chanh, mà tôi thường cho là quả cam lớn hơn quả chanh. Vậy, tôi kết luận A lớn hơn B. Vậy, tôi có lý của tôi khi cho *A lớn.* Còn Bạn thì sao ? Nếu Bạn so sánh A bằng quả cam với C là cái nón, chắc chắn bạn cho *A là nhỏ.* Cái lý của bạn cũng đúng. Cả hai ta đều có lý cả. Tôi và bạn sẽ tôn trọng và thông cảm nhau, đâu có cãi lộn, giành nhau hơn thua. Phải chi mọi người đều biết rành cái Lý Đặt Tên của mọi Tên như thế, thì có thể bớt gay cấn, có thể gần nhau hơn, bạn nhỉ !

4. Neo ý về Sự Lý cùng cái Tên của nó :

Bất cứ cái Tên nào cũng mang ít nhiều nghĩa lý, mà Tôi Con người hay Tạo Hóa gửi gắm sự lý qua trong cái Tên đó. Tên đó đi sâu vào tâm khảm bộ nhớ của tôi với nghĩa lý nào đó. Vậy là tôi đã neo ý về sự lý cho cái tên tôi đã chọn cho nó. Qua trung gian của Danh Từ, Danh Tượng, Danh Tính, Danh Ý, Danh Lý, Tôi Con người dần dần đồng nhất hóa Danh với Sự Lý.

Tên đó thì Sự đó. Sự đó có Tên đó.
Có Tượng đó thì có Lý đó. Có Lý đó thì có Tượng đó.
Không cho phép lầm lẫn với cái khác.

Sự đồng nhất hóa Danh với Sự lúc đầu rất tiện lợi cho suy tư, học hỏi trao đổi, neo ý, nhưng về sau lý trí có thể suy luận toàn bằng Tên

mà chẳng cần đến Sự. Thói quen suy luận bằng Tên khiến Tôi Con Người ngày càng lệ thuộc bởi Danh; không có Danh thì Tôi khó suy luận. Sự lệ thuộc Danh trong suy nghĩ, không phải là Chấp Danh, giống như bánh xe phải lăn trượt trên mặt đường, vẫn phải bám mặt đường mà không dính cứng, lúc đó lý trí tôi lướt qua Danh mà Hội Ý Hội Lý rất mau về sự thật, vì tôi biết rõ Danh chỉ là qui ước, sự bày đặt của lý trí, là phương tiện chuyên chở sự thật, chứ chưa phải là sự thật. Bánh xe phải lăn tới đích, chứ mặt đường không phải là đích. Danh tạm thời đeo một số ý về sự lý để mở đường dẫn lối cho ta đi đến hiểu toàn vẹn sự lý (toàn giác), cũng như bánh xe tạm thời phải bám mặt đường thì mới lăn tới bến bờ được. Vừa bám vừa buông là cách khôn ngoan tiến bộ nhất.

Dĩ nhiên, qua nhiều không gian thời gian, Danh cũng phải biến đổi, nên ít có Danh nào giữ được nghĩa lý ban đầu được neo. Tam sao thất bản, ngoa ngôn ngoa truyền, ông nói gà bà nói vịt, nóimà không biết mình nói gì, nghe mà không biết mình nghe gì, thấy vậy mà không phải vậy; chưa nói đến bọn giả Danh, lộng giả thành chân, loạn ngôn lộng ngữ, chính tà khó phân, làm điên đảo lòng người.

Bởi vậy, hãy thận trọng :

Trông là Lầm,
Nghe là Lạc,
Hiểu là Sai.

Ở đây, chúng ta phân tích cái Lý Đặt Tên muôn đời và mãi mãi của Tự nhiên và Nhân Tạo, bất chấp Danh giả hay Danh thật, đặt tên trong vô thức hay có ý thức, đều phải trải qua bốn giai đoạn trên :

1. Ý thức Sự lý
2. So sánh Phạm vi Âm Dương
3. Chọn gắn Tên
4. Neo Ý.

Có thể lúc nào đó, diễn tiến của sự thật đặt tên quá nhanh hay quá chậm, tưởng chừng như không theo thứ tự hoặc không có đủ các giai đoạn như trên. Sự thật, Lý đặt tên quá chặt chẽ rõ ràng như thế, không còn lý lẽ nào khác, không thể thông qua giai đoạn nào được.

III. GIÁ TRỊ CỦA SỰ ĐẶT TÊN

Trên bước đường truy tầm chân lý, Người học Dịch vẫn phải dùng Danh cũng như mọi người mọi vật, vì dù sao Danh cũng là phương tiện hữu ích giúp ta diễn đạt nhanh gọn hơn là trưng bày trực tiếp sự lý có nhiều bất tiện. Hơn nữa, đâu phải lúc nào ta cũng cần trực diện sự lý, kè kè sự lý bên mình. Kẻ có trí chưa nói đã biết, nói một hiểu mười, không như trí thịt thường rêu rao : trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một sờ. Tuy nhiên, ta phải biết nguồn gốc bản chất giá trị của Danh, thì việc sử dụng Danh mới có hiệu quả cao, không mang bệnh Chấp Danh.

Nguồn gốc của Danh là Trí Tri Cơ Cấu Tượng Hình Hài Thanh, do Tự nhiên, do Con người muôn vật cấu tạo hóa thành.

Bản chất của Danh vừa là một sự thật một hiện hữu cũng như mọi sự thật hiện hữu khác, là sự thật của Danh, vừa là phương tiện diễn đạt mọi sự thật khác.

Giá trị của Danh thay đổi theo không gian thời gian và chỉ có giá trị là một qui ước cho riêng từng phạm vi tình lý, nên giá trị của Danh rất mỏng manh. Con người và muôn vật có quyền tự do chọn dùng Danh nào theo nhu cầu cũng như có quyền tự do sáng tạo bày đặt Danh mới, nếu xét thấy sự lý chưa có Danh hoặc Danh cũ không còn thích hợp với sự lý. Không ai và thứ gì có độc quyền định danh và cũng không phải nô lệ lệ thuộc vào Danh của người khác vật khác.

Danh là tất cả. Tất cả đều có Danh, đều là Danh. Nhưng, sự thật của Danh, không phải lúc nào ai cũng biết, dễ biết. Dù có đau lòng, ta cũng phải phanh phui sự thật của Danh là như thế, để mong được phá chấp tối đa mới tránh được nhiều sai lầm ngộ nhận đáng tiếc, để được tồn tại và tiến bộ mau chóng.

Muốn vậy, Người Học Dịch luôn tập có thói quen định danh, định nghĩa, dù đã rõ hay chưa về nghĩa lý, nhất là trước đối tượng chưa cùng qui ước, xa lạ với danh. Ta biết chắc rằng mỗi người, mỗi vật hiểu danh

giống mà hơi khác nhau, nên tối thiểu phải định danh định nghĩa cụ thể rõ ràng để cả hai bên cùng chấp nhận qui ước trước khi đi sâu vào bàn luận.

Sở dĩ phải định nghĩa cho Danh là chiết tính Tình Ý của người, của mình, của muôn vật đang nghiêng nặng về đâu, mức độ hiểu biết sâu sắc về sự lý thế nào, để ta dễ dàng tiến thoái. Người đời dùng danh bừa bãi, ăn nói lung tung quen rồi, ta nên nhắc chừng họ dùng danh cho chính xác, định nghĩa rõ ràng, đang nói ở phạm vi nào thì không được lẫn lộn qua phạm vi khác, để khỏi lạc đề hoặc hiểu lầm đáng tiếc.

Chẳng hạn, vào năm 1971, trong buổi thuyết trình đông người, có vị giáo sư hỏi chúng tôi : "Theo Dịch Lý VN, có Trời hay không ? " thì liền trong trí, chúng tôi chiết tính tình ý câu hỏi đó ngay về một số vấn đề liên quan; như nội dung, người hỏi, khung cảnh, thời đại, xã hội, chính trị, tôn giáo, v.v... và chúng tôi yêu cầu giáo sư cho biết Trời nghĩa là gì, thì chúng tôi mới trả lời là có hay không. Giáo sư nói : "Trời như bao nhiêu người hiểu xưa nay". Giáo sư không chịu định nghĩa, còn Trời như bao nhiêu người hiểu xưa nay, thì có trăm ngàn ý kiến khác nhau, làm sao xác định. Các bạn chú ý kẻ nổi danh trí thức hỏi loại câu hỏi như thế là bẩy rập, là thăm dò, hết sức nguy hiểm. Tốt nhất, ta khéo léo tìm cách không trả lời, hoặc nếu muốn trả lời thì bắt buộc họ phải có một định nghĩa rồi theo định nghĩa đó ta chọn cách ứng đối thích hợp, hoặc nếu cao tay ấn, không sợ gì cả, thì vừa định nghĩa, vừa xác định luôn, để dạy cho họ bài học đích đáng, như hôm đó chúng tôi đã làm :

" - Như giáo sư và quý vị đã biết, có rất nhiều quan điểm về Trời. Chắc chắn 100 vị ở đây thì có trên 101 ý kiến giống mà hơi khác nhau về Trời. Để khỏi mất thì giờ, chúng tôi xin định nghĩa và trả lời luôn : Theo quan điểm Dịch Lý VN, Trời nghĩa là Biến Hóa; với nghĩa Biến Hóa, thì có Trời; ngoài nghĩa Biến Hóa thì không có Trời".

Sau lời giải đáp của chúng tôi, tất cả đều im lặng một lúc lâu, có vẻ trầm tư gay cấn và sau cùng, chẳng thấy ai lên tiếng phản ứng nên chúng tôi tiếp nối chương trình.

Cái bẩy Vô Thần, Hữu Thần, Duy Vật Duy Tâm, Cộng Sản Tư Bản đã bị hóa giải dễ dàng.

Một thí dụ nữa : Trên một chuyến xe đò, có một vị đang kể chuyện liên miên về những thành quả của khoa học thế giới, lý giải nghe cũng xuôi tai. Đang lúc cao hứng, bỗng ông thốt ra : "Trên đời, chẳng có gì huyền bí cả".

Tôi thận trọng xin phép hỏi nhẹ : "Theo ông, huyền bí nghĩa là gì ?" Ông đáp ngay : "Huyền bí là cái gì mù mờ, không biết được.". Tôi hỏi thêm : "Vậy đối với ông, trên đời cái gì ông cũng biết và biết rõ ràng ?" Ông liếc xéo nhìn tôi và không nói thêm gì nữa. Tôi rất buồn ... cười. Đúng là cường điệu. Trí thức thường có tật lớn này.

Thí dụ khác : Hồi ở Đà Lạt, đang là sinh viên, tôi có kết bạn vong niên với 1 cụ khoa bảng nổi tiếng nhiều hoài bảo lớn. Cụ đang vận động người thành lập Tổ Tiên Chính Giáo. Một hôm, cụ đưa tôi xem và yêu cầu tôi phê bình quyển sách "Kế hoạch Hòa Bình" của cụ vừa viết và in xong trên giấy hoa tiên thơm đẹp lắm, (định gửi qua Pháp, dự giải Nobel, đã nhờ được 5 tòa đại sứ giới thiệu.) Cụ nói đây là đại diện trí thức Việt Nam. Tôi rất thán phục thiện chí và công trình của cụ, nên đã lần lượt dở từng trang sách, phê bình thẳng thắn. Bất đắc dĩ, tôi phải chìu ý cụ : "Thưa cụ, nếu cụ bảo đây là đại diện trí thức VN lần đầu tiên dự Prix Nobel, thì cháu xin nghiêm túc nói : thật là cả một sự nhục nhã cho trí thức VN". Nghe thế, cụ sửng sờ xanh mặt, chết lặng một hồi, tưởng chừng mọi cái đều xụp đổ, mọi hy vọng cuối đời tiêu tan thành mây khói. Tôi nói : "Cụ đừng tưởng các viện sĩ Hàn lâm Pháp dốt nát cả; như cháu đây còn trẻ, hiểu biết còn nông cạn, mà vừa đọc qua sách của cụ, đã thấy ngay những sai lầm trầm trọng ở tiền đề, mà tiền đề đã sai, thì kết luận về sau, dù công trình cỡ nào cũng chẳng có giá trị gì. Sách cụ loanh quanh đề cao văn minh Âm Dương Học Rồng Tiên, nhưng xem lại định nghĩa Âm Dương của cụ : Âm là cõi thấy được, Dương là cõi không thấy được. Vậy, ta nên tu về cõi Dương là cõi ở trên Trời". Thưa cụ, nếu thế, thì đây đến núi, cụ thấy gì không ?" Cụ nói "có". Tôi hỏi tiếp : "Qua bên kia núi, cụ có thấy gì không ?" Cụ nói : "Không". Tôi nói : "Bên này núi, cụ thấy được là cõi Âm. Bên kia núi ,

cụ không thấy được là cõi Dương. Vậy, cụ cần gì phải tu lên tới trên Trời, qua bên kia núi đủ rồi vì đó cũng là cõi Dương".

Cả quyển sách của cụ được biện luận theo ý nghĩa Âm Dương lệch lạc như thế, thì bây giờ làm sao sửa lại được; dù có định nghĩa lại cho đúng, thì toàn bộ quyển sách phải sửa nát bét hết. Cụ đã quá già rồi đâu còn công sức làm nổi. Sau đó, nghe nói cụ đã bỏ hẳn quyển sách này, không gửi dự giải nữa. Tôi mến cụ, kính trọng cụ, nhưng không thể để cụ nhân danh trí thức VN bị thảm bại ở vòng loại đầu tiên trước diễn đàn quốc tế.

Cũng một vị trí thức tiền bối nữa, là giáo sư nổi tiếng Đại Học Văn Khoa Saigon ngày xưa, nhân lúc tôi đến thăm, do chỗ quen biết, cụ đưa cho tôi xem quyển sách tựa là "Đạo Đồng" cụ vừa mới viết và in ra, cũng yêu cầu tôi phê bình. Thật tình, tôi chán ngấy việc "bới lông tìm vết" này lắm rồi, tôi đánh trống lãng sang chuyện khác. Một hồi, cụ lại nhắc : "Sao cậu không đọc ?".

Tôi liền nói : "Cụ xem mọi vật chung quanh đây, có cái gì Đồng, cụ chỉ giùm cháu". Cụ thoáng nhìn lại mọi vật, từ cái bàn, cái ly, con người, cổng rào; đường đi, nhà cửa . . . rồi trầm ngâm rất lâu. Rõ ràng, cụ không chỉ được cái nào Đồng, mà trong thâm tâm, với kiến thức của một giáo sư, cụ dư biết mọi vật là Đồng Nhi Dị. Vậy mà cụ cứ một mực viết sách đề tựa kêu gọi về Đồng. Hóa ra sách của cụ chỉ là nói lên cái mơ ước, chứ không phải sách dạy cho người ta biết sự thật.

Nhìn tựa sách là biết rồi, cần gì phải đọc.

Hiểu lầm, dùng sai, cố chấp Danh là chứng bệnh nhan nhản khắp nơi, ở mọi thời đại, gây tai nạn không biết bao nhiêu mà kể. Không chỉ người dân thường mà ngay cả đại trí thức cũng vướng bệnh ấu trĩ này. Họ lo xây dựng tòa lâu đài nguy nga đồ sộ, nhưng lại ở trên nền cát của Danh, chỉ cần bảo họ định nghĩa Danh, thì tự họ cho thấy họ chẳng hiểu Danh là gì. Họ nói huyên thuyên mà cuối cùng họ không hiểu mình nói gì.

Chúng tôi khuyên tất cả nên học tập, nghiên cứu bài Sự Đặt Tên cho kỹ, thì may ra mới phá nổi bệnh *Chấp Danh,* mà tiến bộ nhanh chóng. Nhất là trên đường học Dịch Lý, cần phải *Biến Thông Danh Ý* để đạt *Thần Hoạt Bất Biến Thông,* thì mới có thể cùng *Thần Tri Hóa, Quán Thông Cảm Thông Thiên Địa.*_



Bài đọc thêm



Thiện-Hữu nói :

- Tất-Đạt, tôi thấy dường như anh cũng còn thích đùa bỡn chút đỉnh. Tôi tin anh, và biết anh đã không theo một vị thầy nào, nhưng đến cả chính anh lại không có một lý-thuyết, một tư-tưởng nào hay sao ? Anh lại không khám phá cho chính mình một vài tri thức giúp anh sống hay sao ? Tôi sẽ rất sung-sướng nếu được anh nói cho nghe về điều ấy.

Tất-Đạt nói :

- Vâng, tôi đã có những ý-nghĩ và hiểu biết thâu nhặt được thỉnh thoảng. Đôi khi trong một giờ hay một ngày, tôi đã trực giác có tri-thức, hệt như người ta cảm thấy sự sống trong nhịp tim. Tôi đã có nhiều ý tưởng, nhưng thật khó nói cho bạn nghe về chúng. Nhưng đây là một ý tưởng đã làm tôi chú ý. Thiện-Hữu, sự khôn ngoan không thể truyền cho kẻ khác. Trí huệ mà một người hiền triết cố truyền lại luôn luôn nghe có vẻ điên rồ.

- Anh đùa đấy chăng ? Thiện-Hữu hỏi.

- Không, tôi đang nói với bạn điều mà tôi đã tìm thấy. Kiến thức có thể truyền được nhưng trí huệ thì không. Người ta có thể tìm thấy nó, sống trong nó, được thêm sức mạnh vì nó, làm nên những phép lạ nhờ nó, nhưng Người ta không thể truyền dạy nó được. Tôi đặt nghi vấn về điều này từ hồi còn trẻ, và chính nghi vấn đó đã làm tôi xa lánh mọi

thầy học. Có một ý tưởng tôi suy ra, Thiện-Hữu, mà có lẽ bạn cho tôi là một trò đùa hay một sự điên rồ nữa : ấy là trong mọi sự thật, điều ngược lại cũng đúng không kém. Chẳng hạn, một sự thật chỉ có thể diễn tả và gói gọn trong danh-từ nếu sự thật chỉ có một mặt. Mọi điều, nếu được suy tưởng và diễn tả thành danh từ thì đều là phiến diện, chỉ là nửa phần sự thật, nó thiếu hẳn tính toàn vẹn, tròn đầy, nhất thể. Khi đức Phật dạy về thế-giới, Ngài phải phân chia thành khổ đế và niết bàn, thành vọng và chân, thành khổ đau và giải thoát. Người ta không thể làm khác hơn, không có phương pháp nào khác cho những người giảng dạy. Nhưng thế-giới tự nó, ở trong ta và xung quanh ta, thì lại không bao giờ phiến diện. Không bao giờ một người lại thuần là khổ hay thuần lạc, không bao giờ một người lại thuần thánh thiện hay thuần tội lỗi, chỉ dường như thế bởi vì chúng ta bị mắc phải một ảo tưởng rằng thời gian là cái gì có thực. Thời gian không có thực, Thiện-Hữu, tôi đã luôn trực nhận điều này. Và nếu thời gian không thực có, thì tưởng tượng ngăn chia cõi đời này với cõi vô cùng, ngăn chia thiện và ác, hạnh phúc và đau khổ, tất cả chỉ là một ảo tưởng . . .

- Sao lại như thế ? Thiện-Hữu hỏi hoang mang.

- Này nhé bạn ! Tôi là một kẻ phạm tội và bạn là một kẻ phạm tội, nhưng một ngày kia người tội lỗi cũng sẽ là Đại-ngã trở lại sẽ đạt Niết-bàn, sẽ trở thành một đức Phật. Nhưng ý niệm "*một ngày kia*" ấy là một ảo tưởng : đây chỉ là một sự so sánh. Kẻ tội nhân không phải đang tiến hóa, mặc dù tư-tưởng ta không quan-niệm khác hơn. Không, đức Phật tiềm-năng đã sẵn có trong người tội lỗi, tương lai đã ở trong hiện tại. Đức Phật tiềm tàng ấy phải được trực nhận trong người kia, trong bạn, trong tất cả mọi người. Thiện-Hữu, thế-giới không phải bất toàn hay đang từ từ tiến trên đường dài để đạt đến toàn thiện : Không, nó hoàn hảo trong mọi giây phút, mọi tội lỗi đều mang theo với nó sự ân xá, mọi trẻ con đã là những ông già tiềm tàng, mọi mầm non đã sẵn mang chết chóc, và trong mọi người hấp hối đã có sự sống vĩnh-cửu. Một người không thể nào thấy được người khác đã đi bao xa, đức Phật hiện hữu trong kẻ trộm cướp và tay bạc bịp, kẻ trộm cướp hiện diện trong người Bà-la-môn. Trong lúc quán tưởng sâu xa, ta có thể bất chấp thời gian tính, thấy đồng thời tất cả quá-khứ, hiện tại, vị lai, và khi thấy mọi sự đều tốt, đều hoàn hảo, mọi sự đều Đại-ngã, linh-hồn. Bởi thế đối

với tôi, dường như mọi sự vật hiện hữu đều tốt cả, chết cũng như sống, tội lỗi cũng như thánh thiện, khôn ngoan cũng như điên rồ. Mọi sự đều cần thiết, mọi sự chỉ cần sự biểu đồng tình của tôi, cái gật đầu của tôi, niềm yêu thương và thông cảm của tôi : lúc đó tất cả đều tốt đẹp đối với tôi và không gì có thể làm hại tôi nữa. Tôi đã học qua thể xác và linh hồn tôi rằng tôi cần phải phạm tội, cần phải đắm mê dục lạc, cần phải lao tâm nhọc trí kiếm tiền của, trải qua những cơn buồn nôn và xuống tận cùng hố thẳm tuyệt vọng, để mà học yêu thương cuộc đời, và không còn so sánh nó với một thế-giới tưởng tượng viễn vông do mình ao ước, không còn so sánh nó với một ảo tưởng nào về toàn-thiện, mà trái lại để cuộc đời nguyên-trạng của nó, những điều này, Thiện-Hữu ơi, là vài ý tưởng trong đầu tôi.

Tất-Đạt cúi xuống nâng một hòn đá khỏi mặt đất, cầm trên tay

- Đây, chàng nâng niu viên đá, đây là một viên đá mà trong một thời gian nào đó có lẽ nó sẽ là đất, và từ đất trở thành cây, loài vật hay người. Trước đây có thể tôi đã nói : viên đá này là đá, nó không có giá trị, nó thuộc về thế giới vật chất trơ lẽ, nhưng có lẽ trong vòng biến hóa viên đá cũng có thể trở thành người và linh hồn, vậy thì nó cũng quan trọng. Đấy là điều mà đáng lẽ tôi đã nghĩ. Nhưng bây giờ tôi lại nghĩ : hòn đá này là đá, nó cũng là loài vật, Chúa và Phật. Tôi không yêu kính nó vì nó là một vật và sẽ trở thành một vật gì khác, nhưng vì nó từ lâu đã và mãi mãi sẽ là mọi sự. Tôi yêu nó chỉ vì nó là một hòn đá. Tôi thấy giá trị và ý nghĩa trong mọi đường vân tinh vi của nó và trong mọi lỗ hổng, trong màu vàng, màu xám, trong vẻ cứng và âm thanh của nó khi tôi gõ lên trong sự khô ráo hay ẩm ướt của bề mặt. Có những hòn đá sờ giống dầu hay xà phòng trông giống như lá hay cát, và mỗi viên đá đều khác biệt và tôn thờ Toàn-thiện một cách riêng, mỗi viên đá đều là Đại-ngã. Đồng thời nó lại cũng rất là đá, trơn như dầu hay xà phòng và chính điều đó làm cho tôi thích thú và thấy nó thần diệu, đáng tôn thờ. Nhưng thôi, tôi không nói thêm nữa. Danh từ không diễn tả được tư tưởng bao nhiêu. Những ý tưởng luôn luôn trở nên hơi khác đi ngay khi chúng được diễn tả, chúng trở nên méo mó, đôi khi điên rồ. Tuy vậy, điều này cũng làm cho tôi lấy làm thú vị và có lẽ đúng, rằng cái gì có giá trị, là chân lý đối với một người, thì đối với người khác nó dường như vô nghĩa.

Thiện-Hữu lắng nghe trong im lặng.

- Tại sao anh kể cho tôi nghe về hòn đá ? Chàng hỏi sau một lúc ngập-ngừng.

- Tôi không cốt làm thế. Nhưng có lẽ điều ấy chứng tỏ rằng tôi yêu hòn đá, con sông và tất cả mọi sự mà ta thấy đây và từ đó ta có thể học. Tôi có thể yêu thương một hòn đá, Thiện-Hữu ạ, và một thân cây hay một mảnh vỏ cây. Đấy là những sự vật, và người ta có thể yêu mến sự vật nhưng người ta không thể yêu mến danh-từ. Vì thế, những lời giảng dạy đối với tôi thật vô dụng. Chúng không cứng, cũng không mềm, không màu sắc, không góc cạnh, không mùi, không vị. Chúng không có gì ngoài ra danh-từ. Có lẽ chính chúng đã ngăn cản bạn đạt đến bình an. Có lẽ quá nhiều danh-từ, vì cả đến sự giải thoát và đức hạnh, khổ và lạc, cũng chỉ là những danh-từ, hỡi Thiện-Hữu. Niết-bàn không phải là sự-vật, chỉ có danh-từ Niết-bàn mà thôi.

Thiện-Hữu :

- Niết bàn không chỉ là một danh-từ, Tất-Đạt. Đó là một ý-tưởng.

Tất-Đạt tiếp :

- Nó có thể là một ý-tưởng, nhưng tôi phải thú thật với bạn rằng tôi không phân biệt mấy giữa *Ý-tưởng* và *Danh-từ*. Thành thật mà nói, tôi cũng không gán cho Ý-Tưởng nhiều quan trọng nữa. Tôi quan tâm đến sự vật nhiều hơn. Chẳng hạn, có một người ở trên khúc sông này đã là tiên phong của tôi và thầy tôi. Ông ta là một người thánh thiện trong bao nhiêu năm đã chỉ tin vào dòng sông, và không tin gì khác. Ông ta để ý rằng tiếng con sông đang nói với ông ta. Ông ta học từ đó, nó dạy dỗ, giáo dục ông ta. Con sông đối với ông ta như một thượng đế, mà trong nhiều năm ông không biết rằng mỗi làn gió, mỗi một đám mây, mỗi thân chim, mỗi con bọ cũng đều thần tiên không kém hiểu biết và có thể dạy cho ta hệt như dòng sông mà ông tôn sùng. Nhưng khi người thánh-thiện ấy bỏ đi vào rừng, ông ta biết hết mọi sự, ông ta biết hơn cả bạn và tôi, mà không cần thầy hay sách vở, chỉ vì ông ta tin tưởng dòng sông.

Thiện-Hữu nói :

- Nhưng cái mà anh gọi là "sự vật" ấy, nó có phải là một cái gì có thật hay không, một cái gì thực hữu nội tại ! Nó lại không chỉ là ảo ảnh của phù trần, hình bóng, hiện-tượng mà thôi hay sao ? Hòn đá của anh, cây cối của anh, chúng có thực hay không ?

Tất-Đạt nói :

- Điều đó cũng không làm tôi bận-tâm mảy may. Nếu chúng là ảo tưởng thì tôi cũng là ảo tưởng, và như thế chúng luôn luôn đồng một tính chất với tôi. Chính điều này làm cho chúng đáng kính đáng yêu biết mấy. Chính vì thế mà tôi có thể yêu chúng. Và đây là lý-thuyết sẽ làm cho bạn cười nữa, Thiện-Hữu. Ấy là với tôi, dường như thương yêu là điều quan trọng nhất trên đời. Những tư-tưởng gia vĩ-đại có thể đặt nặng vấn đề tìm hiểu vũ-trụ nhân-sinh, giảng giải và khinh bỉ nó. Nhưng tôi nghĩ chỉ có một điều quan-trọng là yêu thương thế giới, không phải khinh bỉ nó, không thù ghét nhau mà phải nhìn thế giới và nhìn chính chúng ta cùng mọi sự vật với lòng yêu thương và kính trọng.

- Tôi hiểu điều đó, Thiện-Hữu bảo. Nhưng đây chính là cái mà đức giác ngộ gọi là vọng tưởng. Ngài dạy lẽ độ lượng, nhẫn nhục từ bi . . . nhưng không dạy yêu thương. Ngài giới răn chúng ta không được trói buộc mình vào những tình yêu thế tục.

- Tôi hiểu, Tất-Đạt nói, nụ cười chàng sáng ngời hào-quang, tôi hiểu, Thiện-Hữu, và đây chúng ta lại đang rối ren vì nghĩa danh-từ lọt vào trong sự tranh chấp của những tiếng, lời, vì tôi không phủ nhận rằng danh-từ của tôi về yêu thương thật là trái ngược với những lời chỉ dạy của đức Cồ-Đàm. Chính vì thế mà tôi khinh thường danh-từ thế đó, Thiện-Hữu, vì tôi biết mâu-thuẫn kia chỉ là một ảo tưởng. Tôi biết ý tôi không mâu-thuẫn với Đức Phật.Thật vậy, làm sao ngài có thể không biết đến Tình-yêu. Ngài, người đã trực nhận mọi sự phù phiếm giả tạo của nhân-sinh, nhưng mặc dù vậy, Ngài vẫn yêu nhân-loại đến độ đã tận tụy một đời chỉ để giúp đỡ và giáo-dục con người. Với các bậc thầy cao cả này, cũng thế, tôi xem sự vật quan-trọng hơn danh-từ, hành-động và đời sống của Ngài đối với tôi quan trọng hơn quan-niệm của Ngài.

Không phải vì lời nói hay tư-tưởng của Ngài mà tôi xem Ngài là một vĩ-nhân, mà chính là hành vi và nếp sống của Ngài.

Hai người im lặng một lúc lâu, khi Thiện-Hữu sửa soạn từ giã, chàng nói :

- Cảm ơn anh đã nói cho tôi nghe những ý tưởng của anh, Tất-Đạt. Một vài ý tưởng thật là quái lạ. Tôi không thể nắm vững được chúng ngay. Tuy nhiên, cảm ơn anh và chúc anh hưởng nhiều ngày bình an.

Nhưng trong thâm tâm, chàng lại nghĩ : Tất-Đạt thật là một người lạ lùng, diễn tả những tư tưởng kỳ-dị, có vẻ điên rồ. Thật là khác với những lời của Thế-Tôn biết bao ! Lời Thế-Tôn thì bao giờ cũng sáng sủa, trực tiếp, hiểu được ngay, không có gì là kỳ-dị, quái gở, hay đáng cười. Nhưng tay chân Tất-Đạt, mắt chàng, vầng trán chàng, hơi thở,nụ cười chàng, cái chào của chàng, dáng điệu của chàng có ảnh hưởng với ta khác với những tư-tưởng của chàng. Từ ngày Thế-Tôn nhập Niết-bàn, chưa bao giờ ta được gặp một người, trừ Tất-Đạt, mà về người ấy ta nghĩ đây chính là một người thánh thiện ! ý nghĩ anh ta có thể quái dị, lời lẽ anh ta cóvẽ điên rồ, nhưng cái nhìn, bàn tay anh ta, da thịt anh, tất cả tỏa ngời sự trong sáng, thanh-bình, hiền hòa, thánh-thiện mà ta chưa hề thấy ở bất cứ một người nào từ khi vị thầy Giác-Ngộ của ta khuất bóng.

Khi Thiện-Hữu đang có những tư tưởng ngổn ngang đối chọi ấy, chàng lại cúi chào Tất-Đạt đầy trìu mến đối với chàng, Thiện-Hữu cúi thấp trước con người đang ngồi trầm tĩnh.

- Tất-Đạt, Thiện-Hữu bảo - bây giờ chúng ta đã là những ông già. Có thể chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau trên đời này nữa. Tôi có thể thấy được, hỡi bạn thân yêu, rằng anh đã tìm thấy bình an. Tôi nhận rằng tôi đã không tìm thấy nó. Nói cho tôi nghe thêm một lần nữa, hỡi người bạn yêu kính, hãy nói cho tôi nghe một điều mà tôi có thể quan-niệm được, một điều tôi có thể hiểu được. Cho tôi một điều gì để giúp tôi trên đường đi, hỡi Tất-Đạt, đường tôi đi thường gian-nan và tăm-tối.

Tất-Đạt lặng yên nhìn Thiện-Hữu với nụ cười trầm tĩnh thanh-bình của chàng. Thiện-Hữu nhìn chăm chăm vào mặt chàng, lo-ngại, khát-khao, Cái nhìn của Thiện-Hữu in dấu niềm đau khổ, sự tìm kiếm không ngừng, và luôn luôn thất bại. Tất-Đạt thấy rõ điều ấy và mỉm cười :

- Cúi gần tôi ! - Chàng trai thì thầm bên tai Thiện-Hữu. Nào, đến gần hơn nữa, sát lại gần, hãy hôn lên trán tôi đi, Thiện-Hữu !

Mặc dầu ngạc nhiên, chàng do một tình thương lớn thúc đẩy, phải vâng lời Tất-Đạt. Chàng cúi sát gần Tất-Đạt và kề môi vào vầng trán. Một cái gì thần diệu xảy đến với chàng. Khi chàng đang còn vương vấn vì những nỗi kỳ dị của Tất-Đạt, khi chàng nhọc công khổ trí một cách vô hiệu để đuổi xa ý niệm thời gian, để tưởng-tượng Niết-bàn và khổ-đế là một, khi cả đến một ý niệm khinh bỉ đối với lời lẽ của bạn đang mâu-thuẫn với một niềm yêu thương kính-phục vô bờ, thì điều kỳ-diệu ấy xảy đến với chàng. Chàng không còn thấy mặt của bạn chàng là Tất-Đạt nữa. Thay vào đấy, chàng thấy những nét mặt khác, nhiều nét mặt, cả một loạt, một dòng liên tiếp những nét mặt, trăm ngàn nét mặt, chợt hiện rồi chợt biến, nhưng đồng thời cũng dường như đều ở đấy, thay đổi không ngừng và mới lạ luôn luôn, tuy thế tất cả đều là Tất-Đạt. Chàng thấy mặt mày một con cá, một con cá chép, há hốc mồm đau đớn, một con cá đang hấp hối với đôi mắt nhắm nghiền. Chàng thấy nét mặt hài nhi mới sanh, đỏ hỏn và nhăn nheo, chợt khóc. Chàng thấy nét mặt một kẻ sát-nhân, thấy anh ta đang thọc dao vào thân thể một người, đồng thời chàng thấy kẻ tội nhân kia quì gối, bị trói và chiếc đầu bị chặt đứt do một người đao phủ. Chàng thấy những thân-thể trần-truồng của đàn ông và đàn bà trong dáng điệu và trong cơn cuồng nhiệt của yêu thương. Chàng thấy những thi thể duỗi dài, cứng đờ, lạnh giá, trống trải. Chàng thấy những đầu thú vật, beo, cá sấu, voi, bò, chim chóc. Chàng thấy thần Sáng-Tạo và thần Hủy-Diệt. Chàng thấy tất cả những hình dáng, nét mặt kia trong muôn ngàn tương quan với nhau, tất cả đều hỗ trợ nhau, yêu, ghét, hủy diệt nhau và hỗ trợ lại sơ-sinh. Mỗi dáng hình đều đi đến cái chết, đều là một biểu hiện say đắm, khổ đau của luật vô thường. Tuy thế, không có một hình hài nào là chết hẳn, chúng chỉ có thời gian đứng giữa nét mặt này với nét mặt khác. Và tất cả những hình hài cùng dáng mặt này nghỉ ngơi, tuôn chảy, sinh-hóa trôi qua và hòa

lẫn vào nhau, và trên tất cả những hình hài đó, luôn luôn có một cái gì mong manh, hư ảo, tuy nhiên vẫn hiện hữu, phủ lên như một làn băng giá mỏng, như một làn da trong suốt, một lớp vỏ, một dáng hình hay mặt nạ bằng nước - và chiếc mặt nạ kia là nét mặt tươi cười của Tất-Đạt, mà chàng đang đặt môi hôn. Và Thiện-Hữu thấy rằng nụ cười phớt trên bao nhiêu hình hài ẩn nấp kia, nụ cười của sự *Nhất-thể* phảng phất trên bao nhiêu hình hài tuôn chảy, nụ cười của sự *Đồng thời* ở trong muôn ngàn cái sinh và tử - trong sinh có tử, và ngược lại - nụ cười của Tất-Đạt, chính thực là nụ cười trầm tĩnh, sâu xa, khô dòn, nụ cười có vẻ ban ân vừa có vẻ chế giễu, nụ cười trí-tuệ, nụ cười muôn mặt của Thế-Tôn, đức Phật, mà chàng đã bao lần nhìn thấy, lòng tràn đầy uy-phục. Thiện-Hữu biết rõ nụ cười kia chính là nụ cười của đấng Toàn-Giác.

Không còn biết nữa thời gian có hiện hữu hay không, cảnh trước mắt đã hiện ra trong một giây hay tròn thế-kỷ, không còn biết nữa đấy là Tất-Đạt hay đức Thế-Tôn, một tiểu-ngã hay cái gì khác, Thiện-Hữu như vừa nhận mũi tên thần diệu đâm sâu vào trong chàng đem lại cho chàng niềm hân-hoan. Vô cùng mừng rỡ, Thiện-Hữu vẫn đứng một lúc, nghiêng mình trên nét mặt đã là sân-khấu cho tất cả những hình hài hiện tại, vị lai. Vẻ mặt chàng không đổi sau khi làn gương của muôn hình sắc đã biến mất, Tất-Đạt mỉm cười bình an, hiền từ, nụ cười có vẻ đầy ơn huệ, cũng có vẻ đầy châm biếm, hệt như đấng Giác-Ngộ đã cười.

Thiện-Hữu cúi thấp. Những giọt nước mắt khôn ngăn nhỏ xuống gương mặt già nua. Chàng thấy tràn ngập một cảm giác yêu thương lớn rộng, tràn ngập niềm kính cẩn. Chàng phủ phục trước con người đang ngồi bất động, mà nụ cười nhắc chàng nhớ đến mọi sự chàng đã từng yêu thương trong cuộc sống, mọi giá trị và thánh-thiện trong đời chàng.



(Trích đoạn cuối sách CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG của HER MANN HESSE, nhà xuất bản An-Tiêm, bản dịch của Phùng Khánh, Phùng Thăng, in lần thứ sáu - năm 1974).

61

"KINH DỊCH" - MỘT ĐỀ TÀI NÓNG HỔI CỦA CÁC HỌC GIẢ PHƯƠNG TÂY

Trong lúc Trung Quốc đang mở rộng cửa với thế giới bên ngoài để thu hút các kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại cũng như phương pháp quản lý, kinh doanh hiện đại của phương Tây, thì các học giả phương Tây lại đang dấy lên "cơn sốt" nghiên cứu, tìm hiểu nền văn hóa cổ đại của Á Đông nói chung và của Trung Quốc nói riêng. Một số nước như Nhật Bản, Mỹ vận dụng chúng vào quản lý và kinh doanh hiện đại. "Tứ Thư" và "Ngũ Kinh" hiện đang là đề tài nghiên cứu sôi nổi của các học giả phương Tây, trong "Ngũ Kinh" thì "Kinh Dịch" trước đây đã có các học giả nghiên cứu, nhưng gần đây đang trở thành đề tài nóng hổi.

LHQ đã thành lập "Hội Nghiên Cứu Kinh Dịch" và đã tổ chức tới 4 lần Hội thảo quốc tế xung quanh "Kinh Dịch". Tại Mỹ, các tổ chức như "Hội Kinh Dịch Quốc Tế", "Hội Kinh Dịch Mỹ", "Hội Khảo Cổ Kinh Dịch Mỹ" đã được thành lập.

"Kinh Dịch" trong "Ngũ Kinh" (Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Xuân Thu) là bộ bách khoa kinh điển kết hợp giữa các ngành khoa học tự nhiên, triết học, khoa học xã hội. Trong "Kinh Dịch" bao gồm các bộ môn kết hợp chặt chẽ với nhau quyện lấy nhau như thiên văn, địa lý, khí tượng, pháp học, toán học, văn học, sử học, triết học, giáo dục học, phong tục tập quán, khí công, quân sự, y học, vật lý, sinh vật, tương lai học, thậm chí các ngành khoa học này liên quan chặt chẽ với nhau mà ngày nay gọi là khoa học liên ngành. Trong "Kinh Dịch" có "Phương Vị Bát Quái" hay "Bát Quái Đồ" mà từ trước đến nay nhiều học giả rất hứng thú và khâm phục.

Ngay từ thế kỷ 18, nhà toán học người Đức Leibniz đã vận dụng nguyên lý "Bát Quái" để phát minh ra phương pháp "Nhị Phân" trong máy tính điện tử. Năm 1930, Lưu Từ Hoa lúc đó đang ở nước Anh đã vận dụng nguyên lý "Bát Quái" tìm ra quỹ đạo của hành tinh thứ

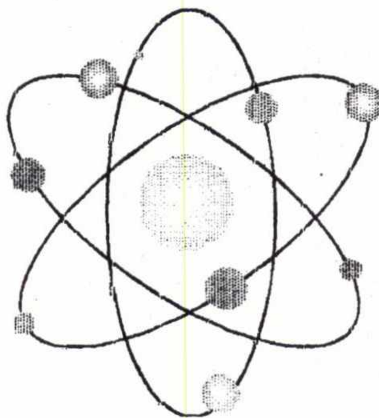
10 trong hệ mặt trời. Nhà bác học nổi tiếng Einstein rất thán phục "Bát Quái" của Trung Quốc.

Theo ghi chép lịch sử, ngay từ thế kỷ 17, "Kinh Dịch" đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới để truyền đi các nơi.

Thời gian qua tại Trung Quốc cũng dấy lên cao trào nghiên cứu "Kinh Dịch". Năm 1984 tại Vũ Hán đã tổ chức cuộc "Hội thảo Kinh Dịch" đầu tiên. Hiện nay ở Bắc Kinh đã thành lập "Hội nghiên cứu Kinh Dịch" tại Tín Dương (tỉnh Hà Nam) đã thành lập "Hội nghiên cứu Bát quái", trường đại học Sơn Đông thành lập Văn Phòng Nghiên Cứu Chu Dịch, các tỉnh và thành phố khác ở Trung Quốc cũng lần lượt thành lập "Hội nghiên cứu Kinh Dịch". Năm 1989 "Hội thảo nghiên cứu khoa học kinh dịch toàn quốc được tổ chức tại Quảng Châu.

KIỀU TĨNH

(Trích báo Văn Hóa Thể Thao ra ngày 28-12-1991 tại T.P. HCM - VN)



63

BÀI III

CON NGƯỜI
Theo quan điểm Dịch Lý

Bất cứ con người nào, trước khi tìm hiểu mọi vật chung quanh, hay tìm hiểu chính bản thân, cũng phải xuất phát từ cái TÔI - CON NGƯỜI . Nếu không có cái TÔI - CON NGƯỜI làm xuất phát điểm, thì không có sự hiểu biết được. Vì vậy, con nhà Dịch Lý Học trước tiên phải xét nét về cái TÔI - CON NGƯỜI , mà hóa ra khám phá được Dịch Lý ngay trong chính cái TÔI - CON NGƯỜI . Đó là ý nghĩa của câu "DỊCH là GẦN", gần nhất của tôi chính là cái TÔI - CON NGƯỜI.

Vậy, Dịch Lý Học là cái Học căn bản nhân sinh, nhân quyền, nhân chủ, nhân tâm, nhân đạo, nhân ái nhất, Xã hội loài người liên lạc mật thiết với con người của tôi. Tôi đã được và bị gắn tên chung : CON NGƯỜI, và đó cũng là lý do tôi đề cập đến con người.

1. TÔI - CON NGƯỜI LÀ GÌ ?

Chắc chắn trong đời, ít nhất cũng có một lần ta thắc mắc về chính ta : Ta là Ai ? Ta từ đâu tới ? Ta sẽ về đâu ?

Nói chung, ta phải xác định trước tiên và trả lời cho được câu hỏi : TÔI - CON NGƯỜI là Gì ?

Con người rất gần gũi và cũng rất xa lạ khi ta khảo sát về con người. Xưa nay, đã có nhiều người cố tìm một định nghĩa rõ nét nhất về con người. Nhưng ta chưa vội phân tích sâu xa về những định nghĩa đó, mà cần có nhận thức cơ bản tất yếu về cái TÔI - CON NGƯỜI như sau :

64

a) XÉT VỀ TÊN GỌI :
TÔI CÓ PHẢI LÀ CON NGƯỜI KHÔNG ?

Khi sinh ra trên đời, dù muốn dù không, tôi cũng đã bị và được gọi tên chung là Con Người. Nếu lúc nào đó tôi bằng lòng thân phận kiếp người, thì tôi cho là tôi **được** làm người. Nếu không xứng ý, thì tôi than trách là tôi **bị** làm người.

Đến như Nguyễn Công Trứ cũng có lần thốt lên :

"Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo."

Đối với quan điểm Dịch Lý, **bị** hay **được** làm người là chủ quan riêng của mỗi cá nhân, chẳng nói làm gì. Vấn đề bàn luận là cái TÔI - CON NGƯỜI , nói chung, là một sự thật, một hiện hữu, một thực tế.

Con người là một thực tại khách quan, nhưng xét về danh gọi, thì theo lý của sự đặt tên, Cái Tôi vốn trước kia Không Tên, mà nó có thể mang bất cứ tên gì, và ai đó đã gắn cho cái Tôi, như vậy tên gọi là con người. Lâu đời, tên Con Người trở thành qui ước chung để gọi cho mọi cái tôi, và chính tôi mặc nhiên chấp nhận tên đó; chứ tôi vẫn biết thật sự tôi đâu chỉ có tên là Con Người, mà có thể mang bất cứ một tên gì, mà sự thật Không Tên Gì Cả. Nếu ngày xưa, ai đó gọi cái tôi là con ngỗng, thì bây giờ chúng ta đều là con ngỗng cả, chứ đâu phải là con người.

Vậy, xét về Danh Lý : Tôi vừa là Con Người, vừa không phải là Con Người. Đó là sự thật. Nếu có ai đó nói tôi là cái con gì đó không phải là Con Người, thì tôi mỉm cười bỏ qua, hơi đâu chấp danh, trừ

trường hợp họ cố tình hạ nhục con người đồng loại với tôi, chắc chắn tôi không tha thứ.

b) TÔI CON NGƯỜI CÓ CHẤP NHẬN LÝ TRÍ.

Trong cuộc sống, chắc có ngày vui sướng hay đau khổ, trong cái tôi sâu kín lặng lẽ, những dòng tư tưởng kỳ quặc chớm nở. Đó là lúc tôi thắc mắc về chính tôi và mọi vật liên hệ xa gần nơi tôi, mà tôi muốn biết. Vì vậy, con người rất gần gủi và đồng thời rất xa lạ, khi tôi khảo sát về Con Người.

Kể từ lúc đó, Con Người tôi chịu thắc mắc liên tiếp theo đường lối truy nguyên, tức là đi dần vào thế giới Lý Học hầu giải đáp cho được mọi cái Tại Sao ?? Học như vậy có nghĩa là học sự lý một cách tận cùng kỳ lý của Lý Trí. Thế rồi, mỗi khi tôi thắc mắc : "Tại sao có Tôi ? Tại sao có Vũ Trụ ? Tại sao .....?", phải thú nhận rằng chúng ta thường bối rối, vì hình như những gì thắc mắc há được đáp ứng thỏa mãn ngay. Thắc mắc thường vượt quá sự hiểu biết của Con Người. Nhưng khi tôi thắc mắc, hoặc người khác thắc mắc hỏi tôi, giả sử như tôi bí tịt, xét lại chính tôi, sẽ thấy tôi trầm tư mặc tưởng : thì ra tôi đang dùng Lý Trí sẵn có của tôi hầu giải đáp mọi thắc mắc. Tôi đang cùng chính Lý Trí của Tôi suy tư. Mà nếu tôi không muốn công nhận có Lý Trí, thời chính tôi cũng đã dùng Lý Trí để phủ nhận Lý Trí, tức là dùng sự hiểu biết và không hiểu biết này để phủ nhận sự hiểu biết và không hiểu biết khác. Rốt cùng, cũng chỉ là làm công việc : Lý Trí phủ nhận Lý Trí. Vậy trước sau, Tôi, Con Người, cũng không thể phủ nhận Lý Trí của Tôi, tức là đương nhiên chấp nhận TÔI - CON NGƯỜI CÓ LÝ TRÍ.

Một khi TÔI - CON NGƯỜI chấp nhận hay không chấp nhận Lý Trí, thì Lý Trí vẫn thúc đẩy tôi ít nhiều bắt đầu lăn xả vào con đường truy nguyên, tìm hiểu mọi bí mật mà tôi thắc mắc.

Sự biến hóa của Lý Trí, chúng ta không rờ rẫm được, không nghe thấy nó, nhưng công nhận là ta đang vận dụng nó. Lý Trí là một thực tại, một hiện hữu cùng lúc với TÔI - CON NGƯỜI , và nó chính là TÔI - CON NGƯỜI .

c) TÔI CON NGƯỜI LÀ MỘT CÁI THÀNH CON NGƯỜI TRONG LUẬT CẤU TẠO HÓA THÀNH

TÔI - CON NGƯỜI đã được và bị sinh ra, lớn lên, sống chết trong hay ngoài xã hội loài người. Tôi đã được và bị người đời gọi một tên chung là CON NGƯỜI, mà không cần TÔI có đồng ý hay không.

TÔI - CON NGƯỜI , nói chung, đang có mặt trong thời đại hiện nay, chỉ là sự kết tinh của muôn thuở nhân loại đã qua, đi trong luật tiến hóa, thoái hóa mà về đến đây, gồm có đầy đủ mọi sự chí thiện và chí ác, mà TÔI - CON NGƯỜI chung riêng có hệ lụy (Hậu Thiên ôm ấp Tiên Thiên, Hậu Thiên là bông trái của Tiên Thiên).

Vậy TÔI - CON NGƯỜI đã được hay bị cấu tạo hóa thành bởi những cái trước đó, và đang nối tiếp cấu tạo hóa thành không sao dừng được, vì TÔI - CON NGƯỜI , là một cái thành con người trong luật cấu tạo hóa thành, thì phải cấu tạo hóa thành mãi thôi, biến hóa mãi thôi. Nói rõ hơn, dù không có TÔI - CON NGƯỜI sinh ra trên đời thì Lý Biến Hóa vẫn có, đi trong luật cấu tạo hóa thành. Nó cấu tạo hóa thành ra TÔI - CON NGƯỜI hôm nay, cũng như nó đã cấu tạo hóa thành ra muôn vật và muôn đời theo trong qui luật biến hóa nhất định, không còn ngờ vực chi cả.

Nói gì thì nói, sự thật TÔI - CON NGƯỜI đã được hay bị cấu tạo hóa thành, là một cái thành con người trong qui luật cấu tạo không thể chối cãi được, dù cái thành TÔI - CON NGƯỜI ra làm sao, thế nào cũng được.

67

d) TÔI CON NGƯỜI LÀ MỘT SỐNG ĐỘNG TỰ DO TRONG QUI LUẬT SỐNG ĐỘNG CŨNG NHƯ MUÔN NGÀN SỐNG ĐỘNG KHÁC TRONG VÀ NGOÀI NÓ.

Trở lại với ý nghĩa từ đầu, là đi tìm một định nghĩa thật sự cho cái TÔI - CON NGƯỜI , quả không phải dễ, vì cái TÔI - CON NGƯỜI rất đa dạng, phong phú. Nếu phải định nghĩa, tôi chỉ có thể định nghĩa như trên, và xem như không có định nghĩa. Chính vì vậy, mà câu định nghĩa trên rất là vô tư (có tư lự mà bất thiên, bất nhiễm).

Nói lại theo quan điểm Dịch Lý, TÔI - CON NGƯỜI là một sống động_tự do trong qui luật sống động, cũng như muôn ngàn sống động khác trong và ngoài nó.

Tôi đang sống động, tuy là của riêng tư, tôi tự do, nhưng suy cho cùng,xét cho cạn, thì tôi đang sống giữa muôn sự sống động của muôn loài, người và vạn hữu đang vây kín trong và ngoài tôi. Tôi biết rằng vạn hữu, dù muốn dù không, cũng đã trở thành hiện hữu đối với TÔI - CON NGƯỜI , vì ít nữa, giác quan và lý trí của tôi có tiếp xúc cảm nhận. Và cái hiện hữu, cái thành nào cũng phải biến hóa theo qui luật cấu tạo hóa thành, tức là mọi cái trở thành hiện nay đang nhảy múa theo biến hóa luật, khởi từ nguyên lý biến hóa tức DỊCH LÝ.

Tôi gọi DỊCH LÝ là LUẬT TẠO LẬP VŨ TRỤ.

Nếu chúng ta không tin cũng như phủ nhận sự hiểu biết của loài người về luật Tạo Lập Vũ Trụ, nghĩa là loài người làm gì truy ra được Luật Tạo Lập Vũ Trụ, thời tối thiểu chúng ta cũng biểu đồng tình rằng : Vũ Trụ đã thành ắt phải có căn cơ và đi trong lý lẽ qui luật sao đó, mà riêng TÔI - CON NGƯỜI cảm thấy tự do sống động nào đó. Vậy đã rõ con người là một sống động tự do trong qui luật sống động.

2. TƯ NĂNG VÀ ĐỘNG THÁI CỦA TÔI - CON NGƯỜI CHÍNH LÀ LÝTRÍ TÁNH HÌNH HIỂN

Nhờ giác quan và lý trí , TÔI - CON NGƯỜI cảm thấy có lúc tôi hiểu biết, có lúc tôi không hiểu biết; có lúc tôi biết tôi có biết gì đó, có lúc tôi biết tôi hiểu mù mờ hoặc không hiểu gì cả. Nói chung, tâm tư tôi luôn luôn thay đổi biến hóa vô cùng, lúc hóa ra thế này, lúc hóa ra thế nọ; có điều tôi ý thức được, có những động tĩnh tôi điều khiển được, có những động tĩnh tôi không chủ động được.

Tất cả những sự hiểu biết không hiểu biết (ý thức vô thức), động tĩnh theo ý muốn và ngoài ý muốn, mọi sự biến hóa hóa thành ở TÔI - CON NGƯỜI (thể xác và tinh thần), dù nhanh chậm thế nào, dù lớn lao hay nhiệm nhặt đến đâu, cũng đều do một khả năng duy nhất mà tôi gọi chung là LÝ TRÍ TÁNH.

Bởi LÝ TRÍ TÁNH là một lực lượng siêu tuyệt mầu nhiệm luôn luôn sẵn có trong cái TÔI - CON NGƯỜI , nó quyết định mọi động thái của TÔI - CON NGƯỜI từ lúc sinh ra cho đến lúc chết đi, nên TÔI - CON NGƯỜI phải đặc biệt quan tâm nghiên cứu thành một chủ đề lớn về LÝ TRÍ TÁNH ở bài kế tiếp.

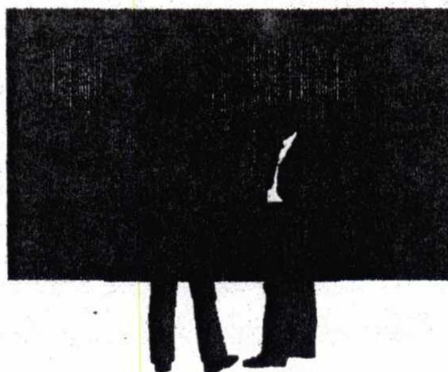
Riêng người học DỊCH , quyết tâm truy tầm cho vỡ lẽ qui luật Vũ Trụ và Chân Lý muôn đời thì LÝ TRÍ TÁNH là khí cụ sắc bén duy nhất có thể giúp TÔI - CON NGƯỜI nhanh chóng thấu đạt kết quả.

Từ đó TÔI - CON NGƯỜI DỊCH LÝ sẽ có cái nhìn toàn diện về VŨ TRỤ và NHÂN SINH thoáng hơn, sâu hơn, linh hoạt, đúng thật hơn. Rồi tự mỗi cái TÔI - CON NGƯỜI sẽ đủ bản lĩnh xây dựng vũ trụ quan nhân sinh quan vừa vặn cho mình, cho người mà không sợ hối.

Chúng tôi có nhiệm vụ giúp đỡ, cung cấp chất liệu, công thức....để các bạn có thể tự lập nên CON NGƯỜI VŨ TRỤ DỊCH BIẾN thích hợp

theo cách riêng mình. Chứ chúng tôi không hề có ý vẽ sẵn loại hình mẫu nào giùm bạn cho bất cứ cái TÔI - CON NGƯỜI nào. Vì như vậy là trái với LÝ ĐỒNG NHI DỊ, DỊ NHI ĐỒNG và qui luật DỊCH BIẾN. Nên nhớ mỗi cái TÔI - CON NGƯỜI là "GẬY THẦN VÀ SÁCH ƯỚC".

Bước đầu chúng tôi chỉ sơ lược một vài quan điểm cơ bản của Dịch Lý về TÔI - CON NGƯỜI như thế. Đợi đến khi các bạn trải qua thêm các bài then chốt kế tiếp của Phân Khoa TRIẾT DỊCH, nhất là bài LÝ TRÍ TÁNH, bài LÝ THÀNH rồi, chúng tôi sẽ tổng luận trong bài CON NGƯỜI VŨ TRỤ DỊCH, lúc đó ắt bạn sẽ sáng tỏ hơn về những gì chúng tôi đã nói trong bài CON NGƯỜI này vậy ./.



70

ÂM DƯƠNG DỊCH LÝ

TỪ THANH NGUYỄN VĂN PHÚC
Dịch lý sĩ XUÂN PHONG NGUYỄN VĂN MÌ
Thi sĩ LĂNG VÂN LÃ VĂN ĐIỆN

Vòm trời luân chuyển âm dương
Nào ai thấu triệt chủ trương những gì?
Mừng thay Dịch Lý tinh vi
Cho ta thấy được thịnh – suy trên đời
Lạ thay biến đổi cơ trời
Nếu không học Dịch, ắt thời u mê
Âm –Dương luân chuyển tứ bề
Hội [1] này sáng tỏ vấn đề hồ nghi
Ai người gắng sức kiên trì
Học thời biết được huyền vi nhiệm mầu
Quỷ thần, thiên địa, nông sâu
Người không học Dịch lấy đâu đo lường
Vô thần hữu thánh nhiễu nhương
Đẩy xô thiên hạ vào đường lầm than
Chi bằng chí khí kiện toàn
Âm Dương tầm học lo toan phận mình
Hữu vô – Vô hữu phân minh
Trí – Tri – Ý – Thức diễn trình vô tư.

28/6/1968
T.T.– X.P.– L.V.

(1) Theo Định Ý Lịch Số Á Đông, một Hội là 10.800 năm.

690

71

ĐƯỜNG ĐI CỦA Ý TỪ CÁI TÔI - CON NGƯỜI DỊCH BIẾN

BÀI IV

LÝ TRÍ TÁNH

BƯỚC MỘT : KHỞI ĐẦU TRIẾT LÝ

I . LÝ TRÍ THẮC MẮC CHÍNH LÝ TRÍ

TÔI - CON NGƯỜI nói chung, bất kể là con người nào, đang có thắc mắc, suy tư về những sống động trong và ngoài TÔI - CON NGƯỜI và tìm mọi cách để lý giải đến tận cùng kỳ lý của lý trí : chỉ chấp nhận ở hữu lý, chính lý, chân lý mà thôi.

Đó là TÔI - CON NGƯỜI đang truy nguyên, truy lý, mang tính triết lý về nguồn gốc, lý lẽ qui luật sinh thành vạn hữu. Các nguyên do, lý lẽ, qui luật chung riêng đó ắt phải được thực nghiệm kiểm chứng nghiêm túc để sau cùng được quy kết thành những định lý, định luật có hệ thống nhất quán mà người ta quen gọi là khoa học .

Vậy khoa học là thành quả của trí tuệ thông qua lao động tư duy sáng tạo thực nghiệm. TÔI - CON NGƯỜI vận dụng lý trí của mình để xây dựng biết bao khoa môn, học thuật nhằm thỏa mãn nhu cầu của TÔI - CON NGƯỜI . Trong đó có lẽ khoa học tìm hiểu về chính lý trí của TÔI - CON NGƯỜI đến nay vẫn chưa rốt ráo.

Người học Dịch luôn tuân thủ đức vô tư khách quan, công bằng của chân lý thì phải công bằng cho tất cả muôn loài vạn vật và cũng phải công bằng cho chính cả TÔI - CON NGƯỜI. Vậy tại sao TÔI - CON NGƯỜI không thắc mắc tìm hiểu chính LÝ TRÍ của TÔI - CON NGƯỜI ?! Lý trí thắc mắc chính Lý trí và Lý trí giải đáp cho chính lý trí mới là phải lẽ, mới là hợp đạo lý : "DỊCH là gần" vậy.

Thật không có gì vô lý, phi lý hơn khi TÔI - CON NGƯỜI mải mê thắc mắc tìm hiểu những gì quanh TÔI - CON NGƯỜI mà TÔI - CON NGƯỜI lại không thắc mắc tìm hiểu về cái gần gũi nhất với TÔI - CON NGƯỜI, chính là Lý Trí của TÔI - CON NGƯỜI .

Rõ ràng không lúc nào Lý Trí xa rời Tôi. Tôi đang vận dụng dùng xài nó cả lúc thức lúc ngủ vànó đang điều khiển lại tôi. Có thể nói TÔI - CON NGƯỜI với LÝ TRÍ TÔI - CON NGƯỜI là một thể thống nhất không chia cách. Nó chính là Tôi. Tôi chính là Nó. Nếu không có LÝ TRÍ thì tôi không còn làTÔI - CON NGƯỜI nữa.

Khi Lý Trí thắc mắc ít nhiều về chính Lý Trí là dấu hiệu khởi đầu TÔI - CON NGƯỜI triết lý về chính mình. Lúc đó lập tức trong cái TÔI - CON NGƯỜI sâu kín lặng lẽ lâu nay bừng bực tuôn ra miên man hỏi đáp : Lý Trí là gì ? Là sao ? Từ đâu có ? Cơ chế động thái thế nào ? Ảnh hưởng giá trị với TÔI - CON NGƯỜI tới đâu ? Cái gì có thể trả lời cho TÔI - CON NGƯỜI thỏa mãn ? v.v...

Lý Trí lúc bấy giờ như ngựa không cương tha hồ tung tăng mọi nẻo đường ngõ ngách tạo thành dòng tư tưởng, bề ngoài có vẻ trầm mặc nhưng bên trong là sóng cồn bất tận : LÝ TRÍ vừa thắc mắc vừa giải đáp theo kiểu của nó, có khi quá nhanh, có khi lấp lửng, khi dồn dập, khi lặng lờ.

Nhờ tiềm thức TÔI - CON NGƯỜI chỉ hồi tưởng man mác được vài bước đường đi rất mờ ảo của Lý Trí còn vương vấn lại. TÔI - CON NGƯỜI phải hết sức cố gắng thực hiện minh họa dõi theo diễn tiến hi hữu thần kỳ nẩy của Lý Trí ở nhịp độ thật chậm mới thấy tính biện chứng (logic) chính xác vô cùng thông minh của Lý Trí.

ĐƯỜNG ĐI CỦA Ý khởi đầu từ TÔI - CON NGƯỜI thắc mắc về chính Lý Trí của TÔI - CON NGƯỜI, hầu mong khám phá những nỗi niềm u uẩn bấy lâu của Lý Trí. TÔI - CON NGƯỜI hóa ra có liên quan mật thiết đến Lý Trí chung của muôn loài vạn vật. Do đó TÔI - CON NGƯỜI phải luận giải cùng lúc cả hai phạm vi : CON NGƯỜI và VŨ TRỤ chung trong một đề tài là LÝ TRÍ TÁNH.

II . LÝ TRÍ PHÂN TÁCH DANH TỪ LÝ TRÍ.

Chữ Lý Trí do hai từ LÝ và TRÍ chung cùng hợp lại.

LÝ là lý lẽ, lý do, nguyên nhân như đã nhiều lần được định nghĩa trong chữ DỊCH LÝ .

Còn TRÍ là từ đại diện cho các loại HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU : tạm quy vào một từ chung gọi là *Trí Tri Ý Thức*.

Mọi HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU nào cũng phải do có lý lẽ, nguyên nhân cấu tạo hóa thành nó. Nếu không thì TRÍ TRI Ý cũng không có. Cái LÝ thành cái TRÍ luôn sẵn có ở TRÍ TÔI - CON NGƯỜI. LÝ và TRÍ là cặp phạm trù triết học hữu cơ với nhau, không thể tách rời ra được.

LÝ ví như Thể, TRÍ ví như Dụng

LÝ là nền tảng, là bờ mốc, là ranh giới, là phạm vi để TRÍ hoạt động , linh động, sống động trên đó, trong đó. Nếu không có LÝ làm bờ bao, làm lộ giới thì không thể thành TRÍ được tức không có HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU gì cả.

LÝ chính là VÔ HỮU LÝ. Chỉ có một LÝ mà lúc vô lúc hữu, biến dịch qua lại, tiêu trưởng ẩn hiện từ Vô đến Hữu, từ Hữu đến Vô. Nên có lúc ta thấy cái gì đó là vô lý hoặc hữu lý khiến ta đồng ý hoặc bất đồng ý. Còn nói phi lý, kỳ thật cũng đồng nghĩa với vô lý, vì đâu có cái gì ngoài khỏi LÝ (Vô Hữu) tức chẳng Vô thì Hữu, chẳng Hữu thì Vô .

LÝ VÔ HỮU bao trùm tất cả. Tất cả đều ở trong vòng VÔ HỮU LÝ. Nên TRÍ của TÔI - CON NGƯỜI lúc nào cũng sẵn có Vô Lý, Hữu Lý để nhận thức mọi thứ.

Vậy LÝ (*Vô Hữu*) là tột cùng của TRÍ. Bởi thế tiền nhân Á Đông đã tinh tế ghép từ kép là LÝ TRÍ , thật minh triết vô cùng.

LÝ TRÍ tuy vô hình nhưng lúc nào cũng hiện hữu ở TÔI - CON NGƯỜI ở nhiều cấp độ từ siêu siêu, siêu hiển đến hiển siêu, hiển hiển mà TÔI - CON NGƯỜI thường trực nhận qua *12 Đại Phạm vi căn cơ của TRÍ* như sau :

1- LÝ của TRÍ : VÔ HỮU - HỮU VÔ TRÍ

2- ĐỨC của TRÍ : MANH NHA CỰC - CỰC MANH NHA TRÍ

3- TÁNH của TRÍ : BIẾN HÓA HÓA THÀNH - HÓA THÀNH BIẾN HÓA TRÍ

4- THỜI của TRÍ : KHỞI DỨT - DỨT KHỞI TRÍ

5- THẦN của TRÍ : LINH HIỂN - HIỂN LINH TRÍ

6- KHÍ của TRÍ : THANH TRƯỢC - TRƯỢC THANH TRÍ

7- TÌNH của TRÍ : TỤ TÁN - TÁN TỤ TRÍ

8- THANH của TRÍ : TRẦM BỔNG - BỔNG TRẦM TRÍ

9- SẮC của TRÍ : SÁNG TỐI - TỐI SÁNG TRÍ

10- CHẤT của TRÍ : TINH TẠP - TẠP TINH TRÍ

11- THỂ của TRÍ : TIỂU ĐẠI - ĐẠI TIỂU TRÍ

12- HÌNH của TRÍ : NGAY CONG - CONG NGAY TRÍ

TRÍ TRI Ý THỨC của TÔI - CON NGƯỜI biểu hiện ở vô vàn phạm vi khác nữa không sao kể siết gọi là Âm Dương Trời Biển TÌNH Ý . Chúng ta tạm qui vào 12 phạm vi lớn như trên để làm cơ sở học tập, còn các phạm vi khác từ đó suy ra.

III. LÝ TRÍ TÁNH LÀ CỘI NGUỒN CỦA TRÍ TRI Ý THỨC

Để diễn tả khuynh hướng chiều sâu, cội nguồn tột cùng của một cái gì, thường người ta hay nói về ba phạm vi căn cơ là LÝ, ĐỨC, TÁNH của nó .

Vậy ta có thể gọi tất LÝ ĐỨC TÁNH của TRÍ TRI Ý THỨC là LÝ TRÍ TÁNH và minh giải như sau :

LÝ của TRÍ : là căn cội tột cùng của TRÍ, là siêu nhiên lộ để bất kể HIỂU BIẾT- BIẾT HIỂU nào cũng đều trôi lăn trong bến bờ Vô Hữu Lý.

ĐỨC của TRÍ : là bề dầy sâu thẳm của TRÍ để bất kể chủng tử HIỂU BIẾT- BIẾT HIỂU nào cũng được bén rễ manh nha (manh động, manh vi) và khoáng trương đến tận cùng hết sức, hết mức của nó (Manh Nha cực - Cực Manh Nha).

TÁNH của TRÍ : là chiều hướng biểu hiện của TRÍ , là sự vận động liên tục, phát triển không đình nghỉ của bất kể HIỂU BIẾT- BIẾT HIỂU nào.

Đó là nhiên tánh của TRÍ TRI Ý THỨC : luôn luôn BIẾN HÓA và khi BIẾN HÓA thì phải HÓA THÀNH lập tức HÓA THÀNH Ý mới và khi HÓA THÀNH liền lập tức BIẾN HÓA tiếp tục. TRÍ TRI Ý THỨC cứ BIẾN HÓA-HÓA THÀNH rồi BIẾN HÓA HÓA THÀNH mãi không

thôi, lập tức, mầu nhiệm, kỳ diệu vô cùng (Tâm Viên Ý mã, tính vận động của vật giới...)

IV. LÝ GIẢI BA ĐỊNH NGHĨA VỀ LÝ TRÍ TÁNH

Bản chất và hiện tượng của LÝ TRÍ TÁNH rất đa dạng phong phú nên TÔI - CON NGƯỜI có thể mỗi lúc nhận định ở một góc độ và trình độ nào đó.

Dịch lý Việt Nam chủ động đề ra ba định nghĩa về LÝ TRÍ TÁNH như sau :

1- LÝ TRÍ TÁNH là TÁNH BIẾT và TÁNH KHÔNG BIẾT

2- LÝ TRÍ TÁNH là TÁNH BIẾT BIẾT - BIẾT KHÔNG BIẾT

3- LÝ TRÍ TÁNH là TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN

Định nghĩa I : TÁNH BIẾT và TÁNH KHÔNG BIẾT

Muôn loài vạn vật đều có chung một LÝ TRÍ TÁNH . gồm TÁNH BIẾT và TÁNH KHÔNG BIẾT nghĩa là TÁNH BIẾT cũng là LÝ TRÍ TÁNH và TÁNH KHÔNG BIẾT cũng là LÝ TRÍ TÁNH.

Ít có người thấy biết được khả năng hai mặt cùng lúc của LÝ TRÍ TÁNH là BIẾT và KHÔNG BIẾT (Vô Hữu Lý)

Đa số thường quen ở TÁNH BIẾT, chớ họ không thể ngờ TÁNH KHÔNG BIẾT cũng là khả năng của LÝ TRÍ TÁNH nên lâu nay họ trông lầm nghe lạc hiểu sai rất nhiều. Và cũng không ngạc nhiên khi cho đến giờ phút nầy họ còn cho định nghĩa I này là vô lý, phi lý...

Sự thật muôn loài chỉ có một TÁNH gồm có lúc BIẾT, lúc KHÔNG BIẾT là do chiều hướng thiên cực Âm hoặc thiên cực Dương ở phạm vi sống động cụ thể lúc bấy giờ .

Chẳng hạn ở TÔI - CON NGƯỜI : Lý Trí Tánh biểu hiện ở giác quan và trí óc cũng có BIẾT và KHÔNG BIẾT, chứ chẳng phải lúc nào cũng BIẾT cả

Người đời thường chủ quan cho rằng cỏ cây, sắt đá, bàn ghế, ly tách.... là vật vô tri vô giác. Đó là sự cố tình nhìn lầm của loài người về chúng đấy thôi. Sự thật chúng có Tánh Biết và Không Biết theo kiểu cách của chúng. Con người không nên bắt buộc chúng Hiểu Biết - Biết Hiểu hoàn toàn giống như CON-NGƯỜI . Ngược lại cũng không thể bắt TÔI - CON NGƯỜI Hiểu Biết - Biết Hiểu hoàn toàn giống như chúng. LÝ TRÍ TÁNH ở muôn vật giống mà hơi khác hoặc quá khác nhau thì mới thành vô số chủng loại. Có loại thiên cực Âm có loại thiên cực Dương : thiên nhiều về Tánh biết hoặc thiên nhiều về Tánh không biết.

Nếu muôn vật không có LÝ TRÍ TÁNH thì chúng không thể sống động, động tĩnh, quây quầng tụ tán, hấp dẫn cung cầu thừa thiếu. sinh khắc tiêu tưởng ẩn hiện với nhau được. Vạn vật hấp dẫn là gì ?

Khoa học tiến bộ ngày nay đang dần dần chứng minh vật chất có ký ức, tiềm thức chứ không phải hoàn toàn vô tri vô giác như nhiều nơi còn lầm tưởng. Đến lúc nào đó TÔI - CON NGƯỜI hiểu ra rằng muôn loài vạn vật tri giác linh hiển có khi hơn cả loài người ở một phạm vi nào đó thì TÔI - CON NGƯỜI mới thôi tự cho *"Nhân Linh ư vạn vật"* và khiêm ái hòa hợp với muôn loài : *"Nhân thân tiểu vũ trụ"*.

Khoa Dịch lý học Việt Nam có nhiệm vụ phải nói rõ sự thật nầy để khai lối dẫn đường cho nhân loại có ngõ mà vào vũ trụ đạo, tránh cho con người khỏi họa cuồng ngông. Con người và muôn vật đều có chung một LÝ TRÍ TÁNH (vạn vật đồng nhất thể) , nhưng hơi khác hoặc quá khác nhau ở biểu hiện. LÝ TRÍ TÁNH thuộc phạm vi Vô Hữu Lý là TÁNH BIÊT và TÁNH KHÔNG BIẾT. Người đời cho cái gì là hữu lý chính lý chí lý hoặc vô lý, phi lý thì cũng do trong khả năng vô hữu lý của LÝ TRÍ TÁNH là BIẾT hoặc KHÔNG BIẾT mà ra. Vậy đâu có gì là mâu thuẫn ?

Định nghĩa II :

TÁNH BIẾT BIẾT - BIẾT KHÔNG BIẾT

Nếu người khó tánh chưa chấp nhận nổi định nghĩa thứ nhất về LÝ TRÍ TÁNH thì có lẽ với định nghĩa thứ hai này sẽ thấy dễ chịu hơn.

LÝ TRÍ TÁNH là TÁNH BIẾT BIẾT - BIẾT KHÔNG BIẾT. Như có trường hợp ai kia bỗng hỏi bạn hoặc tôi có biết việc gì đó không thì ta có thể trả lời : có biết hoặc không biết !

Phân tách kỹ trường hợp :

- *Ta có biết : là ta Biết mình có Biết việc đó.*

- *Ta không biết : là ta biết mình không Biết việc đó*

Vậy cũng là ta Biết mà lúc thì BIẾT BIẾT, lúc thì BIẾT KHÔNG BIẾT đều thuộc tư năng của LÝ TRÍ TÁNH (TÁNH BIẾT)

Muôn loài vạn vật có TÁNH BIẾT chung là BIẾT BIẾT-BIẾT KHÔNG BIẾT. Còn BIẾT cái gì, ra làm sao ta chưa bàn đến. Nhưng chắc chắn khi TÁNH BIẾT BIẾT - BIẾT KHÔNG BIẾT ở vật loại nào thì có động thái biểu hiện giống mà khác nhau theo qui ước tín hiệu riêng của thế giới loài vật đó Bởi thế, loài này muốn hiểu biết loài kia thì phải tìm hiểu, học tập qui ước của nhau, may ra mới hiểu biết được thêm ít nhiều hoặc toàn diện.

TÔI - CON NGƯỜI phải thú nhận đôi lúc mình còn quá mù mịt về chính con người mình, chứ nói chi đến thế giới xung quanh, vũ trụ xa gần lại càng mù tịt hơn nữa.

Đến đây bạn nào còn hơi hoài nghi về TÁNH BIẾT BIẾT - BIẾT KHÔNG BIẾT ở nơi muôn vật ngoài TÔI - CON NGƯỜI thì xin qua định nghĩa thứ ba về LÝ TRÍ TÁNH sẽ rõ.

Định nghĩa III :

TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN

Trải qua hai định nghĩa trên về LÝ TRÍ TÁNH khoa Dịch Lý Việt Nam còn dành sẵn định nghĩa thứ ba này hi vọng sẽ thỏa mãn trọn vẹn nọi ưu tư còn vương vấn trong lòng bạn về LÝ TRÍ TÁNH.

Bất kể vật việc người nào khi đã được CẤU TẠO HÓA THÀNH đều khởi đầu do LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN NÓ. Nếu không thì làm sao Nó có thể HÓA RA - TRỞ NÊN NÓ thế nọ thế kia được.

Có bạn tỏ ra nghiêm khắc, không cho đó là TÁNH BIẾT mà thường gọi là tự tánh, nhiên tánh, đức tánh, bản tánh, đặc tánh hoặc khả năng, bản năng, công năng, đặc điểm, nghiệp lực.... tức không đồng ý chữ BIẾT trong định nghĩa của chúng tôi về LÝ TRÍ TÁNH là TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN, mà cho đó làLÝ ĐỨC TÁNH HÓA RA - TRỞ NÊN, thì cũng không sao.

Chỉ e rằng sau này khi bạn đi sâu vào tìm hiểu nguồn gốc của LÝ TRÍ TÁNH, nguồn gốc TẠO LẬP VŨ TRỤ , bạn sẽ không có cầu nối nào để lý giải cái BIẾT HẬU THIÊN của LÝ TRÍ TÁNH với cái BIẾT TIÊN THIÊN của Vô Cực là Một (Tính nhất quán). TÁNH BIẾT đầu tiên của vũ trụ vô hữu phải là *Tánh Biết Cực Không* cái đã (VÔ CỰC TÁNH BIẾT là Vô tự BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN hết sức, hết mức cùng cực, chấm dứt VÔ để thành cái HỮU đầu tiên)

Mọi cái BIẾT về sau của muôn loài vạn vật đều khởi nguồn truyền nối từ VÔ CỰC TÁNH BIẾT. Thế giới mới là HẬU THIÊN ôm ấp TIÊN THIÊN, HẬU THIÊN là bông trái của TIÊN THIÊN . Nếu không có di truyền TÁNH BIẾT từ Vô Cực thì thử hỏi TÁNH BIẾT ở TÔI - CON NGƯỜI từ đâu mà có ? Hoặc chính xác cái BIẾT hiện tại của bạn, của tôi chắc chắn không phải bỗng nhiên nứt niềng mà có, càng không phải do ơn trên, ơn dưới gì ban cho.

Người đời hay nói thuộc tánh của vật chất, lương tri, Tánh linh , Ý Chúa, Phật Tánh, Thiên Ý,.... gì gì đi nữa, cũng đều cùng nghĩa với LÝ TRÍ TÁNH . TIÊN HẬU THIÊN là TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN.

Nếu bạn, vẫn chưa đồng ý danh chung cho tất cả mọi thứ trên là LÝ TRÍ TÁNH là TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN, thì bạn có quyền đặt tên nào khác, miễn sao danh đó đủ sức lý giải nhất quán được mọi trạng thái hiện tượng của Vũ Trụ Vô Hữu. Như Lão tử không biết gọi tên gì nên gọi đại đó là ĐẠO.

Còn Bạn, nếu chưa có sẵn tên gì xứng ý(Danh Khả Danh, phi thường Danh) thì cứ tạm dùng là TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN hoặc LÝ TRÍ TÁNH như chúng tôi đang dùng để sớm thông qua vấn đề danh lý mà đi thẳng vào nội dung cơ cấu hoạt động của LÝ TRÍ TÁNH.



BƯỚC HAI : HOẠT ĐỘNG CỦA LÝ TRÍ TÁNH TRÍ TRI CƠ CẤU

I. LÝ TRÍ TÁNH khám phá : YẾU LÝ ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG

TRÍ TRI Ý THỨC là kết quả của quá trình vận động giao dịch biến hóa hóa thành : nhận thức, phân tách, so sánh, tổng hợp thông qua qui luật tương động, tương giao, tương cảm, tương sinh thành Ý.

Đường đi dĩ nhiên của TRÍ TRI Ý THỨC là từ cái KHÔNG BIẾT, CHƯA BIẾT hoặc từ cái BIẾT cũ HÓA RA TRỞ NÊN thành cái BIẾT mới : BIẾT BIẾT - BIẾT KHÔNG BIẾT.

So sánh giữa cái BIẾT cũ với cái BIẾT mơi có chỗ giống (ĐỒNG) mà hơi khác hoặc quá khác nhau (DỊ). Cùng là cái BIẾT nhưng có khác ở một hay nhiều phạm vi.

ĐỒNG DỊ nhiệm nhặt của BIẾT là HIỂU, của HIỂU là BIẾT. HIỂU với BIẾT giống mà hơi khác nhau rất tế vi, nên có lúc ta khó phân biệt được đâu là HIỂU đâu là BIẾT . Do đó nhiều lúc người ta có thể nói lẫn lộn giữa HIỂU và BIẾT cũng không sao. Vì không có cái HIỂU nào chẳng BIẾT mà HIỂU được, hoặc ngược lại.

Người xưa dùng hai từ TRÍ TRI để chỉ HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU. Tạm phân tích : TRÍ là HIỂU, TRI là BIẾT.

TRÍ TRI cơ cấu hợp thành Ý (THỨC) là HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU

$$\text{TRÍ} + \text{TRI} \Rightarrow \text{Ý (THỨC)}$$

$$\text{HIỂU} + \text{BIẾT} \Rightarrow \text{HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU}$$

Thông qua TRÍ TRI cơ cấu, TÔI - CON NGƯỜI khám phá một lý lẽ rất quan trọng, đó là Yếu Lý Đồng NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG mà danh xưa gọi là ÂM DƯƠNG LÝ : TRÍ với TRI giống mà hơi khác.

1_ TÁM LOẠI Ý ĐỒNG NHI DỊ :

Cùng là Ý mà có mờ tỏ, tối sáng hơi hơi khác, hơi khác, khác, quá khác, quá quá khác hoặc hơi hơi giống, hơi giống, giống, quá giống, quá quá giống cũng là lẽ đương nhiên theo yếu lý Đồng Nhi Dị - Dị Nhi Đồng, không sao tránh khỏi được.

Để tiện theo dõi đường đi của Ý chúng ta có thể tạm phân ra 8 thứ Ý từ mờ đến tỏ tương đương với Bát Quái như sau:

Ý TƯỞNG (KHÔN)	☷	Ý NIỆM (CHẤN)	☳
Ý NGHĨ (CẤN)	☶	Ý CHÍ (LY)	☲
Ý THÍCH (KHẢM)	☵	Ý ĐỊNH (ĐOÀI)	☱
Ý THỨC (TỐN)	☴	Ý KIẾN (KIỀN)	☰

Yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ chi phối không những quá trình TRÍ TRI CƠ CẤU HÓA THÀNH Ý ĐỒNG DỊ như trên mà còn ảnh hưởng đến hệ quả khi Ý giao dịch với Ý.

TÔI - CON NGƯỜI khi dùng Ý giao du với SỰ LÝ (SỰ LÝ cũng là Ý), tức Ý giao du với Ý, thì có thể dùng một hoặc nhiều loại Ý trên cùng lúc, trước sau lẫn lộn. Rồi tùy cự ly và cường độ Ý tiếp cận với SỰ LÝ sẽ biến hóa thành Ý mới đồng dị với Ý cũ.

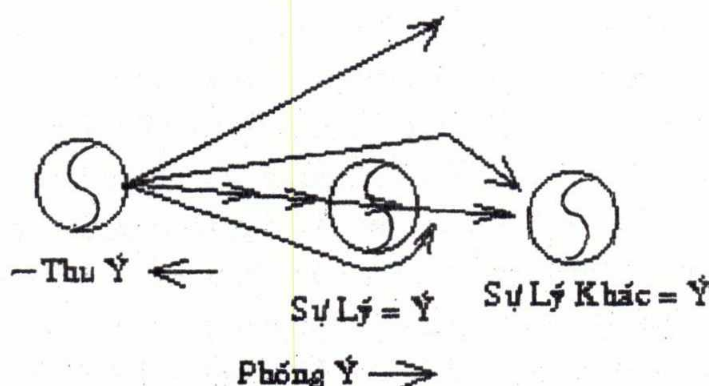
Chẳng hạn, nếu ta dùng Ý TƯỞNG đến với SỰ LÝ ắt hẳn sẽ hiểu biết sự lý mờ ảo hơn là dùng Ý THÍCH . Hoặc nếu ta dùng Ý KIẾN ắt sẽ rõ hơn làdùng Ý NIỆM . Cường độ của Ý phản ánh phần nào sự sáng trí, tối trí của Ý mới.

Còn khi Ý phóng ra giao du với SỰ LÝ cũng còn tùy mức độ tiếp cận : chưa tới, gần tới, vừa tới, chạm tới, vào trong hoặc vượt qua, nhảy vọt, quanh co, vòng quanh, lạc xa...

Dù cách nào khi Ý thu về, Ta sẽ có sự HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU mới sao đó về SỰ LÝ tức có Ý mới. Nhưng chắc chắn các Ý mới không hoàn toàn giống nhau : có khi chẳng hiểu biết gì hơn bao nhiêu hoặc

hiểu biết sai lệch, hiểu biết từng mảng, hiểu biết đại khái, hiểu biết lung tung hoặc hiểu biết chính xác rõ ràng , toàn bộ.....

Người hay dùng cùng lúc nhiều Ý đến với sự lý quá nhanh rồi nhảy qua sự lý khác trong lúc đang nói ắt phải lấp bấp, cà lăm hoặc nói mà chẳng ai hiểu gì vì đã chuyển đổi phạm vi (sự lý) bất ngờ hoặc lạc xa sự lý (lạc đề) hoặc nói mà không biết mình đang nói gì, hoặc nói mà không có đường ra (rối trí, tối trí, loạn trí).



Người học Dịch có một cánh học tối ưu là lựa lúc bỗng nhiên trong trí óc lóe sáng lên một Ý gì mới lạ thì liền ghi vội, nhớ ngay : vì đó là lúc THỜI TRỜI ưu đãi cho Ta sáng trí lúc khác không thể có được, mua bán càng không được luôn.

Người học Dịch suốt một đời chỉ học chữ THỜI nhất là THỜI TRỜI thì rất vô tư : hợp đức, hợp sáng, hợp lý, tức là học lúc THẦN THỨC, ĐỨC THẦN MINH TRÍ TRI CƠ CẤU xuất hình ư ngoại. Còn Ý muốn đó đúng sai, hay dở , ta sẽ chắc lọc trau chuốt sau.

Tóm lại, Ý của TÔI - CON NGƯỜI phải ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA và BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ khôn lường. Cộng chung Ý khắp trong thiên hạ xưa nay càng đa đoan, phức tạp hơn nhiều, pha trộn cả sáng trí, tối trí, rối trí chơn giả, nên người đời thường khó phân định nổi đâu là chánh kiến, đâu là tà kiến.

Đa số thường nương tựa bám víu vào Danh, vào Lời, vào Ý đã có sẵn hoặc suy nghĩ theo lối mòn, vết hằn của Ý (bị nhồi sọ, lệ thuộc tư tưởng của người khác), lâu dần trở thành lề thói, không dễ gì gột rửa, thay đổi một sớm một chiều được. không mấy ai có Ý riêng mà thường lấy ý người làm ý mình. Chưa chắc Ý người, dù là Thánh Trí, lúc nào cũng hay cũng đúng đâu. TÔI - CON NGƯỜI mắc bịnh lười biếng, hoang mang, khiếp sợ, cả nể, vụ lợi....nên không màng phản bác, không dám phản biện. Thái độ tự ti mặc cảm, thụ động thụ hưởng, ươn hèn này không phải là phong cách của người tầm học chân lý.

Phải biết rằng do nhu cầu phân biệt vạn hữu và nhu cầu truyền thông tư tưởng lẫn nhau con người đã có công chế tác mọi thứ tự, từ, ngữ, ngôn xướng (Trí Tri Cơ Cấu Tượng Hình, Hài Thanh, Định danh, Neo Ý) để làm phương tiện diễn Ý. Nhưng lâu dần thành tập quán, thói quen khi TÔI - CON NGƯỜI suy tư, phát ý phải dựa vào phương tiện ký hiệu : hình ảnh, chữ viết, lời nói.... nếu không thì khó lòng suy nghĩ nổi, khôngsuy nghĩ được. Vậy lại thêm mang bệnh chấp Danh , chấp Lời, chấp Ý thì làm sao có thể Vô Tư sáng Trí để HỘI LÝ QUÁN THÔNG THIÊN ĐỊA được, tức làm sao có thể vận dụng rốt ráo tiềm năng siêu tuyệt của LÝ TRÍ TÁNH sẵn có ở mỗi cái TÔI - CON NGƯỜI và ở khắp Vũ Trụ Vô Hữu.

2. TRÍ TRI Ý THÔNG THƯỜNG và TRÍ TRI Ý KHÁC THƯỜNG :

Như ta đã biết yếu lý ĐỒNG NHI DỊ chính là Lý Âm Dương, nay ta soi rọi cơ cấu của LÝ TRÍ TÁNH để thấm đậm thêm tiềm lực của yếu lý như trong Thiên Âm Dương ứng Tượng Đại Luận, sách Hoàng Đế Nội Kinh có viết : "Âm Dương giả , thiên địa chi đạo giả. Vạn vật chi kỷ cương, biến hóa chi phụ mẫu, sanh sát chí bổn thủy, thần minh chi phủ giả. Trị bịnh tất cầu kỳ bổn".

(Âm Dương ấy là Đạo của Trời Đất vậy; giềng mối của muôn vật, cha mẹ của biến hóa, đầu dọc của sống chết, chỗ chứa của thần minh. Trị bịnh tất phải tìm về gốc Âm Dương).

ĐỒNG DỊ LÀ ÂM DƯƠNG

Âm Dương của TRÍ là TRI. Âm Dương của TRI là TRÍ.

TRÍ TRI Ý THỨC là Âm Dương hình hiển so với LÝ ĐỒNG NHI DỊ là Âm Dương ẩn tàng.

TRÍ TRI Ý luôn luôn biến động biến đổi biến hóa nhanh chậm cũng đồng dị nên có thông thường và khác thường.

- TRÍ TRI Ý THÔNG THƯỜNG CỦA GIÁC QUAN VÀ TRÍ ÓC

Tương đối chậm hơn, ta có thể vận dụng dõi theo được như khi ta suy nghĩ , tính toán, biện luận trong lúc thức để làm việc, cử động, đi đứng, ăn nói giao tiếp hàng ngày.....

- TRÍ TRI Ý KHÁC THƯỜNG CỦA PHẢN XẠ VÀ TIỀM THỨC

Là lúc quá nhanh, vụt xảy ra ngoài tầm kiểm soát chủ động của ta như trong giấc ngủ, chiêm bao, mộng mị, trực giác, linh tính, phản xạ tự nhiên , tiềm thức mà người đời thường cho là trạng thái vô thức .

Sự thật TRÍ TRI Ý khác thường không phải là vô thức mà nó là lực lượng LÝ TRÍ TÁNH ẩn tàng gồm có THẦN THỨC và Đức THẦN MINH âm dương đồng dị với nhau.

Có thể so sánh và gọi Trí Tri Ý thông thường là DƯƠNG TRÍ TRI Ý . Còn TRÍ TRI Ý khác thường là ÂM TRÍ TRI Ý cũng có ĐỒNG DỊ (*Âm Dương*) THẦN THỨC là TÍNH hiện đáng là DƯƠNG so với ĐỨC THẦN MINH là ĐỨC ẩn đáng là ÂM .

86

3. LUẬN THÊM VỀ THẦN THỨC VÀ ĐỨC THẦN MINH

Trong Dịch học, chữ THẦN có nghĩa là LINH HIỂN - HIỂN LINH là khả năng linh động biến hóa hóa thành cực kỳ nhanh nhạy. Bất kể thứ gì vừa LINH vừa HIỂN được gọi là THẦN . THẦN có LINH thì phải HIỂN, THẦN có HIỂN mới là LINH.

Người xưa so sánh tương đồng rồi qui nạp THẦN chính là DỊCH : "THẦN vô phương nhi DỊCH vô thể". (THẦN không ở đâu cả, THẦN ở khắp cả mọi nơi, DỊCH không hình bóng, DỊCH là tất cả). THẦN thì phải DỊCH. DỊCH đã là THẦN rồi.

Sự BIẾN HÓA lập tức và mầu nhiệm ở đâu cũng có nên THẦN linh hiển - hiển linh ở khắp nơi mà người đời thường gọi là *Thần kinh, Tâm thần, Thần vật, Thần nhân, Thần linh, Thần Thánh, Thần lực, Thần Trí, Thần dược, Thần phương.....*

Trong LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI, THẦN THỨC và ĐỨC THẦN MINH là MỘT TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN mà có Hai : khi hiện là THẦN THỨC, khi ẩn là ĐỨC THẦN MINH. ĐỨC với TÍNH tuy hai mà một nương tựa lẫn nhau làm nền tảng thể dụng cho nhau không phân cách được.

THẦN THỨC và ĐỨC THẦN MINH là Trí Tri Ý khác thường cùng hoạt động chung với Trí Tri Ý thông thường là giác quan và Trí óc, thay phiên trực ngự tiếp trợ nhau điều động toàn bộ nọi HIỂU BIẾT - KHÔNG BIẾT HIỂU của TÔI - CON NGƯỜI mà danh gọi chung là LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI có quan hệ hữu cơ với LÝ TRÍ TÁNH của VŨ TRỤ VÔ HỮU mà khởi nguồn là VÔ CỰC TÁNH BIẾT (Nhân thân tiểu vũ trụ).

Có thể nói : mỗi cái TÔI - CON NGƯỜI là "GẬY THẦN - SÁCH ƯỚC" gồm mọi động tĩnh sống động ngu khôn đồng dị do lực lượng LÝ TRÍ TÁNH TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC phát động trong lý lẽ ĐỒNG NHI DỊ : VÔ LÝ - HỮU LÝ.

Bởi thế, TÔI - CON NGƯỜI có lúc Sáng Trí, Tối Trí, Rối trí, chứ không có chuyện Sáng Trí mãi mãi. Thánh Trí cũng có lúc tối trí, rối trí của Thánh Trí là điều dĩ nhiên theo qui luật TẠO HÓA. Đừng có ai hòng giải thoát khỏi Lý Âm Dương Đồng Dị mất công , chỉ có thể nương theo lý luật tự nhiên mà làm được đôi việc gì nho nhỏ cũng là quý lắm rồi. (*Thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ*) . Tất cả đều ở trong vòng Càn Khôn (Âm Dương) là vậy đó.

"TÔI - CON NGƯỜI là một sống động tự do trong qui luật sống động cũng như muôn ngàn sống động trong và ngoài nó".

Vậy qui luật sống động đó là gì ? Chính là BIẾN HÓA LUẬT mà LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI đã khám phá ra như sau :

II . LÝ TRÍ TÁNH khám phá: BIẾN HÓA LUẬT

Khi LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI dõi theo đường đi của Trí Tri Ý mình nhiều lần mới thấy rằng TRÍ TRI luôn luôn tiêu trưởng ẩn hiện với nhau tùy lúc, chứ không có tiêu mất hoặc hiện mãi. Tiêu là tiêu ẩn, Trưởng là trưởng hiện. Một đàng tiêu thì một đàng trưởng, một đàng ẩn thì một đàng hiện cùng lúc.

Vậy TRÍ TRI có cái Lý luôn luôn biến động, biến đổi, biến hóa mãi không ngừng gọi là LÝ DỊCH BIẾN tức DỊCH LÝ.

Tất cả đều phải biến động , biến đổi , biến hóa nên BIẾN HÓA trở thành một qui luật khách quan phổ biến và tất yếu gọi là BIẾN HÓA LUẬT. LÝ có trước, luật có sau ví như pháp lý có trước pháp luật vậy.

Dựa vào TRÍ TRI CƠ CẤU ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA - HÓA THÀNH Ý, ta viết ra được công thức của BIẾN HÓA LUẬT như sau :

88

TRÍ + TRI ⇒ Ý

HIỂU + BIẾT ⇒ HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU

BỘ MẶT CŨ ± HƠI HƠI KHÁC ⇔ BỘ MẶT MỚI

Cũ mới ở đây là trước sau. Bộ mặt cũ là bộ mặt trước đó. Bộ mặt mới là bộ mặt sau đó. Cùng là một Bộ mặt (ĐỒNG) mà trước sau có hơi khác (DỊ). Bộ mặt Mới giống mà hơi hơi khác với Bộ mặt cũ, từ Bộ mặt cũ biến hóa hóa thành ra. Như vậy là có thay đổi nhiệm nhặt (DỊCH BIẾN).

Nếu nói Bộ mặt mới hoàn toàn giống Bộ mặt cũ không khác chút nào, dù là hơi khác thì quả là nghịch lý, vì như vậy là không có thay đổi, không có biến hóa là điều không bao giờ có đối với muôn vật, trừ LÝ BIẾN HÓA là bất dịch. "tất cả đều đổi thay, trừ lý đổi thay thì không bao giờ thay đổi". Vậy khi nói Bộ mặt mới phải hiểu rằng đó là Bộ mặt cũ biến hóa hóa thành hơi hơi khác hoặc quá quá khác với chính nó.

Do đó cũng không thể nói rằng Bộ mặt Mới hoàn toàn khác với Bộ mặt cũ, không giống chút nào, dù là hơi hơi giống. Chỉ tại Bộ mặt cũ thay đổi biến hóa quá nhiều đến độ quá quá khác với chính nó làm cho ta tưởng lầm là Bộ mặt Mới hoàn toàn khác với Bộ mặt cũ. Chứ sự thật chúng chỉ là một Bộ mặt biến hóa hóa thân cực dị quá quá khác. Nhưng lúc nào Bộ mặt Mới cũng vẫn ôm ấp ít nhiều Bộ mặt cũ gọi là Hậu thiên ôm ấp Tiên Thiên. Hậu thiên là bông trái của Tiên Thiên. Nên phải nói cho đúng lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là Bộ mặt Mới quá quá khác (DỊ) mà hơi hơi giống (ĐỒNG) với Bộ mặt cũ tức DỊ NHI ĐỒNG (khác mà hơi hơi giống) . Đề ra công thức BIẾN HÓA LUẬT trên để : minh họa yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là LÝ ÂM DƯƠNG bằng như tuyên bố bác bỏ mọi luận thuyết hoàn toàn ĐỒNG hoặc HOÀN TOÀN DỊ mà phải nhận thức đúng với chân lý : trong ĐỒNG có DỊ, trong DỊ có ĐỒNG, trong ÂM có DƯƠNG, trong DƯƠNG có ÂM, không có gì hoàn toàn ÂM hoặc hoàn toàn DƯƠNG (ÂM trung hữu DƯƠNG căn, DƯƠNG trung hữu ÂM căn).

1. LÝ CỰC : ĐẠO CỰC TIÊN QUYẾT.

Khi TÔI - CON NGƯỜI dõi theo đường đi của Ý đã khám phá được Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG bắt buộc TRÍ TRI Ý THỨC phải biến động, biến đổi, biến hóa, hóa thành Đồng Dị Tiêu Trưởng ẩn hiện liên tục, khiến Tôi hết thắc mắc tại sao TÔI - CON NGƯỜI phải có Ý, đủ thứ Ý, miên man Ý, hết Ý này đến Ý nọ chồng chéo nhau : từ chưa có Ý, không có Ý tới thành có Ý, từ có Ý đến không còn Ý đó để tiếp tục có Ý mới giống mà hơi khác hoặc quá quá khác với Ý cũ, không Ý nào hoàn toàn giống Ý nào....

Như vậy là TRÍ TRI Ý THỨC phải đi trong BIẾN HÓA LUẬT . TÔI - CON NGƯỜI lại tiếp tục trầm tư, lý luận sâu hơn về BIẾN HÓA LUẬT..... lại khám phá một điều tối hệ trọng là : khi thành có Ý mới tất nhiên Ý cũ phải cùng cực, hết sức hết mức tối đa tối thiểu, không thể ráng thêm được nưã để chuẩn bị thành Ý mới.

Ngay cả khi chưa có Ý không có Ý thì điều kiện tiên quyết là phải chấm dứt Bộ mặt chưa hoặc không Ý (Cực Không) thì mới có thể manh nha biến hóa hóa thành có Ý .

Vậy dù chưa có Ý, không có Ý hoặc có Ý này biến chuyển thành Ý mới hoặc không còn Ý đó đều phải cực bộ mặt trước (bộ mặt cũ) thì mới có thể tiếp tục manh nha biến hóa hóa thành Bộ mặt sau (Bộ mặt mới).

Cái Lý tột cùng, hết mức, hết sức của Bộ mặt cũ hoặc mới gọi là LÝ CỰC hoặc THÁI CỰC . Còn danh Vô Cực để chỉ riêng cho LÝ CỰC KHÔNG. (*Không Hoàn Toàn Không Cực*).

Vậy LÝ CỰC là điều kiện tiên quyết để có diễn trình BIẾN HÓA , nên gọi là ĐẠO CỰC TIÊN QUYẾT.

TRÍ TRI Ý THỨC TÔI - CON NGƯỜI gọi chung là LÝ TRÍ TÁNH BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ liên tục không đình nghỉ nên LÝ CỰC cũng liên

lũy nối tiếp không đứt đoạn tạo thành chuỗi lý CẤU TẠO HÓA THÀNH hết sức nhiệm nhặt và huyền diệu.

Người xưa khi luận về tới nguồn gốc đầu tiên tạo lập vũ trụ đã đề danh Vô Cực tức KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG CỰC (VÔ TOÀN VÔ CỰC) là LÝ CỰC KHÔNG hoặc danh THÁI CỰC là LÝ CỰC TỔNG QUÁT chung cho cả LÝ CỰC ở phạm vi TIÊN THIÊN lẫn HẬU THIÊN : cái gì CÙNG CỰC TẮC BIẾN; cực DƯƠNG tất sinh ÂM, cực ÂM tất sinh DƯƠNG. Mỗi người, mỗi vật, tất cả đều ôm LÝ VÔ CỰC, LÝ THÁI CỰC là vậy.

2. ĐẠO MANH NHA HƠI HƠI KHÁC KHỞI ĐẦU BIẾN HÓA

Sự sống động của LÝ TRÍ TÁNH dù biến hóa nhanh lẹ lập tức mầu nhiệm cỡ nào như THẦN chăng nữa thì cũng phải có KHỞI ĐẦU BIẾN HÓA THÀNH . Sự KHỞI ĐẦU NHIỆM NHẶT đó gọi là MANH NHA (MANH ĐỘNG, MANH VI) :

- *CHƯA CÓ Ý → MANH NHA CÓ Ý → HÓA THÀNH CÓ Ý*
- *CHƯA HẾT Ý → MANH NHA HẾT Ý → HÓA THÀNH HẾT Ý*

MANH NHA là giai đoạn chớm nở , hơi hơi khác với Bộ mặt Cũ ví như chủng tử, căn mầm tiềm ẩn sẵn có nơi muôn vật, do đó mọi vật mới có thể hóa ra - trở nên thế này thế nọ.

Vậy MANH NHA chính là LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC của LÝ TRÍ TÁNH. Người xưa cho là ĐỨC HIẾU SINH của TẠO HÓA, ngày nay chính danh, chính lý là ĐẠO MANH NHA gồm cã *Hiếu Sinh* và *Hiếu Sát* của TẠO HÓA. Có *Manh Nha sống*, *Manh Nha chết* mới thành sống chết. Có *Manh Nha thành công, manh nha thất bại* mới thành thành công - thất bại....

3. LÝ KHỞI DỨT - DỨT KHỞI
MANH NHA CỰC - CỰC MANH NHA

• Là đường đi DĨ NHIÊN của Tạo Hóa Muôn Loài

Có khởi phải có Dứt. Có Manh Nha mới có Cực. Bất kể cái gì hễ đã THÀNH, đã có đều phải trải qua ba giai đoạn chủ yếu :

CHƯA CÓ - MANH NHA CÓ - HÓA THÀNH CÓ

CHƯA THÀNH - MANH NHA THÀNH - HÓA THÀNH THÀNH

CHƯA - MANH NHA - HÓA THÀNH

là LÝ KHỞI DỨT KHỞI là đường đi dĩ nhiên của mọi cấu tạo hóa thành. là Lý Tam Tài của Trời Đất muôn loài.

• Là qui luật Nhân Quả Tự Nhiên của mọi Sống Động :

Tuy nói LÝ là ĐẠO CỰC TIÊN QUYẾT là tài năng tuyệt vời của TẠO HÓA, nói BIẾN HÓA là qui luật mầu nhiệm huyền diệu của Vũ Trụ , nhưng xét cho kỹ CỰC BIẾN HÓA - HÓA THÀNH mỗi mỗi đều do công lao của MANH NHA (*Manh Động, Manh Vi*). Nếu không có MANH NHA HƠI HƠI KHÁC khởi đầu thì không thể có CỰC BIẾN - HÓA THÀNH gì ráo. ĐẠO MANH NHA là tài năng siêu tuyệt độc đáo, tuy sâu kín thầm lặng, nhưng đầy đức uy của TẠO HÓA.

Người đời thường lầm tưởng TẠO HÓA có nhiều tài năng lắm, chứ sự thật chỉ có một tài năng duy nhất, lúc nào cũng chỉ chăm chăm làm có mỗi một việc là HƠI HƠI KHÁC, rồi lại HƠI HƠI KHÁC, lâu dần chồng chất nhiều HƠI HƠI khác thành QUÁ QUÁ KHÁC nơi Muôn Vật.

Cơ nghiệp TẠO HÓA đến nay đã đầy dẫy khắp nơi cũng chỉ nhờ có một bí pháp là làm cho muôn vật cứ mãi mãi HƠI HƠI KHÁC với chính nó. Bí mật của TẠO HÓA chỉ có vậy, còn đòi hỏi bí mật gì nữa ? ! TÔI - CON NGƯỜI đã vén khăn che mặt TẠO HÓA từ lâu rồi, nay đồ lại cho người đời càng thêm tỏ tường gọi là ngày càng sáng tỏ ĐẠO TRỜI.

Người đời xưa nay hết lời khen tặng tôn sùng TẠO HÓA, TRỜI, THƯỢNG ĐẾ có ĐỨC HIẾU SINH, lại còn cho đó là ĐẠO LÝ cao siêu khó biết lắm (Đạo cảm thông,không thể nghĩ bàn). Chứ họ có ngờ đâu TẠO HÓA chỉ là qui luật tự nhiên CẤU TẠO HÓA THÀNH mải miết sinh sinh hóa hóa không ngừng nghỉ (sinh sinh chi vị dịch) vô tư, vô tâm sinh hóa bất kể thứ gì theo đường đi dĩ nhiên của tạo vật. (TẠO HÓA vô tâm, THÁNH NHÂN hữu tâm).

Không nên chỉ khen TẠO HÓA theo một chiều HIẾU SINH như vậy mà bỏ qua chiều HIẾU SÁT. TẠO HÓA luôn luôn trổ sinh hai mặt : ÂM DƯƠNG ĐỒNG DỊ. CÓ ĐẠO DƯỠNG SINH thì cùng lúc đồng thời có ĐẠO SÁT SINH như thế mới có QUÂN BÌNH SINH HÓA chung riêng để muôn vật có thể tồn tại tiến bộ giữ vững cơ nghiệp TẠO HÓA .

TẠO HÓA hay TẠO VẬT là qui luật tự nhiên vô tư rất giản dị (Kiền dĩ *dị* tri, Khôn dĩ *giản* năng : đạo Trời dễ biết, đạo Đất dễ làm) , chứ đâu phải là ÔNG TRỜI , Bà Đất, Ngọc Hoàng, Thượng Đế mà người đời thường hay nhân cách hóa, Thần Thánh hóa cho vui tai, lạ mắt hoặc kỳ bí khó hiểu.

Không nên làm màu mè, lập dị hóa Dịch lý thêm nữa.Đã đến lúc phải nói SỰ THẬT của mọi SỰ THẬT để Loài Người và Muôn Vật ngày càng sáng tỏ ĐẠO TRỜI mà ăn ở cho đúng phép : Nhất Âm Nhất Dương chi vị ĐẠO là ĐẠO DỊCH : MANH NHA KHỞI - DỨT - KHỞI NHÂN QUẢ miên trường của Vũ Trụ Nhân Sinh.

4. PHÂN BIỆT DIỄN TIẾN MANH NHA-CỰC :

MANH NHA là Bộ mặt cũ khởi đầu biến hóa để hóa thành Bộ mặt mới, là CỰC của CỰC (Bộ mặt cũ).

CỰC : là chấm dứt Bộ mặt cũ đồng thời MANH NHA để BIẾN HÓA- HÓA THÀNH Bộ mặt Mới (cùng cực tắc biến).

BIẾN HÓA - HÓA THÀNH : là diễn tiến tiếp nối liên tục từ MANH NHA đến CỰC hoặc từ CỰC đến MANH NHA. BIẾN HÓA - HÓA THÀNH HƠI HƠI KHÁC từng bước nhiệm nhặt hoặc BIẾN HÓA - HÓA THÀNH QUÁ QUÁ KHÁC ở mỗi chu kỳ để sang chu kỳ kế tiếp.

Phân tích nhiệm nhặt LÝ MANH NHA CỰC (LÝ KHỞI DỨT KHỞI) làm ba giai đoạn gọi là :

• CỰC ĐẦU ĐƯỜNG :

Khi Bộ Mặt Cũ vừa Manh Nha Hơi Hơi Khác thì lập tức BỘ MẶT CŨ không còn nguyên trạng nữa mà là Bộ Mặt cũ hơi hơi khác với chính nó. Nó đã động tức không yên. (cùng cực tắc biến).

Vậy là Bộ Mặt cũ đã Cực trong thế Manh Nha, Manh Động, Manh vi tiềm ẩn, khó thấy biết gọi là Cực đầu đường.

• CỰC GIỮA ĐƯỜNG :

Khi Bộ Mặt Cũ đã MANH NHA hơi hơi khác rồi thì phải BIẾN HÓA - HÓA THÀNH từng bước tiếp nối theo chuỗi lý CẤU TẠO HÓA THÀNH đến lúc Quá Quá khác, gọi là Cực giữa đường tức Khởi - Dứt - Khởi từng bước ở giai đoạn giữa đều có MANH NHA - CỰC, CỰC - MANH NHA nhiệm nhặt.

• CỰC CUỐI ĐƯỜNG :

Khi Bộ mặt cũ đã MANH NHA BIẾN HÓA thì phải HÓA THÀNH, bất kể THÀNH thế nào đến tột độ, hết mức , hết sức của sự THÀNH,

Không thể THÀNH hơn được nữa tức là cùng cực của cái THÀNH, gọi là cực cuối đường của một chu kỳ THÀNH.

Nếu kể Cực đầu đường là Bộ mặt cũ và Cực cuối đường là Bộ mặt mới thì Manh Nha - Biến Hóa đều có trước và sau điểm Cực Bộ mặt cũ hoặc Bộ mặt Mới, vừa MANH NHA - BIẾN HÓA - HÓA THÀNH - HOÀN THÀNH chu kỳ trước (CỰC), vừa MANH NHA - BIẾN HÓA - HÓA THÀNH tiếp liền chu kỳ sau không đứt đoạn. Nói tổng quát hễ có MANH NHA thì phải CỰC, hễ CỰC thì có MANH NHA, hễ đã BIẾN HÓA thì phải HÓA THÀNH, đã HÓA THÀNH thì phải BIẾN HÓA tiếp tục không đình nghỉ được . KHỞI - DỨT - DỨT - KHỞI liên tục.

(CỰC) - MANH NHA - BIẾN HÓA- | HÓA THÀNH

(CỰC)

MANH NHA | (CỰC) - BIẾN HÓA - HÓA THÀNH

Người đời thường quan trọng và sợ CỰC CUỐI ĐƯỜNG. Họ không biết hoặc lơ là CỰC ĐẦU ĐƯỜNG và CỰC GIỮA ĐƯỜNG, chứ "lỗ nhỏ đắm thuyền, chuột nền đổng tước" hoặc "tiểu phú do cần : tích thiểu thành đa "....

Người sành dùng cả hai ĐẠO LÝ MANH NHA - CỰC ở mọi lúc mọi nơi là đúng phép VÔ KỴ của TẠO HÓA, nên BIẾN HÓA vô cùng linh động, chỉ có thành công, thành công dễ dàng, hiếm khi thất bại vì họ đã tuân thủ yếu chỉ bí mật của luật Cấu Tạo Hóa Thành là : Thành Công Từng Bước tức THÀNH CÔNG GIAI ĐOẠN vậy. Họ biết áp dụng lý KHỞI-DỨT-KHỞI ĐẠO MANH NHA CỰC để tạo dòng diễn tiến Nhân Quả là họ biết BẮT ĐẦU của BẮT ĐẦU. Họ gieo cấy, manh

nha âm thầm ở khắp nơi gọi là tạo Âm Đức để hậu nên họ ít khi bị tuyệt lộ tử lộ. Mỗi bước đường đi của họ đều có nhiều cơ hội, duyên may trợ giúp là vậy. Nhớ lại chuyện "Ăn khế trả vàng" hoặc "Kết cỏ ngậm vành" đã giúp cho Mạnh Thường Quân thoát hiểm, "Lê Lai liều mình cứu chúa" giúp cho Lê Lợi được sống còn mưu giành lại nước .....

Trong y học, rất sợ bệnh tới thời kỳ cực cuối đường, vong âm , vong dương chí nguy, nên phải lo trị tối đa lúc bệnh cực giữa đường và tốt nhất nên cẩn thận phòng bệnh lúc cực đầu đường, tức bệnh ở thời kỳ đầu tiềm phát.



ĐƯỜNG ĐI CỦA Ý TÔI - CON NGƯỜI CÙNG KHẮP VŨ TRỤ VÔ HỮU ĐỘNG TĨNH

BƯỚC BA : CỘI NGUỒN CỦA LÝ TRÍ TÁNH

Trải qua hành trình dài dằng dặc Lý Trí tìm hiểu về chính Lý Trí, TÔI - CON NGƯỜI đến đây tạm thỏa mãn ít nhiều với những hiểu biết như trên. Nhưng vẫn còn tồn đọng một thắc mắc cuối cùng hốc búa nhất về nguồn cội của LÝ TRÍ TÁNH.

Tại sao có LÝ TRÍ TÁNH ? Do đâu có LÝ TRÍ TÁNH ? TÔI - CON NGƯỜI thường tỏ ra bối rối, khó chịu trước câu hỏi tại sao thuộc loại truy nguyên truy lý ở cao độ tận cùng căn gốc như vậy. Nhất là khi TA không còn biết phải hỏi ai vì từ lâu chẳng có ai trả lời thỏa mãn cho TA được. Vậy chỉ còn cách TÔI - CON NGƯỜI phải bắt buộc LÝ TRÍ

TÁNH tìm hiểu giải đáp cho được nguồn cội của LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI tức LÝ TRÍ TÁNH trực diện với LÝ TRÍ TÁNH, Vì sao ?

Vì TÔI - CON NGƯỜI có LÝ TRÍ TÁNH và chấp nhận LÝ TRÍ là khả năng siêu tuyệt duy nhất sẵn có ở TÔI - CON NGƯỜI mới có thể giải đáp thỏa mãn mọi nhu cầu hiểu biết - biết hiểu của mình. CON NGƯỜI VĂN LÝ HỌC trong tôi không bao giờ chịu chấp nhận mọi thứ mặc khải siêu nhiên, thần quyền huyễn hoặc vô lý, phi lý, mọi thứ chân lý nửa vời, triết lý vùng, những học thuyết giáo điều thiển cận bịa đặt dối người.

Biết rằng đòi hỏi như vậy là khó lắm đấy, nhưng TÔI - CON NGƯỜI vẫn tin ở sức mình vì mỗi cái TÔI - CON NGƯỜI là MỘT GẬY THẦN và SÁCH ƯỚC. Phải để cho GẬY THẦN SÁCH ƯỚC TÔI - CON NGƯỜI là lực lượng LÝ TRÍ TÁNH làm việc cật lực, không chịu đầu hàng.

Trên dòng sống động, đã nhiều lần TRÍ TUỆ NHÂN LOẠI hiện thân linh thiêng huyền diệu không thua kém bất cứ phép lạ nào ngoài TÔI - CON NGƯỜI. Tuy nhiên, TÔI - CON NGƯỜI vẫn phải luôn luôn cảnh giác, lúc nào cũng nắm hờ dây cương đối với con ngựa bất kham là LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI, buộc nó phải chính lý mới chấp nhận, vì chính lý là điều kiện tiên quyết của chân lý. Hữu lý vẫn chưa đủ, còn vô lý, phi lý thì dứt khoát gạt bỏ ngay, không thương tiếc. Có như vậy Ta mới tới tận cùng kỳ lý của Lý Trí, hầu mong soi sáng màn vô minh từng vây phủ che mờ căn trí TÔI - CON NGƯỜI từ vô lượng kiếp đến nay.

Bạn và tôi hãy cứ thử xem LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI có thể vén màn bí mật của TẠO HÓA được chăng ? Hay ít nhất cũng lý giải được nguồn cội của LÝ TRÍ TÁNH ?

I . LÝ TRÍ TÁNH LÀ LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA -BIẾT TRỞ NÊN Ở KHẮP NƠI

TÔI - CON NGƯỜI nếu vô tư công bằng mà xét khắp cùng thì đâu đâu cũng có TỰ TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC với CHÍNH NÓ, chứ không chỉ riêng có TÔI - CON NGƯỜI. Vậy phải chăng TÔI - CON NGƯỜI và muôn loài vạn vật đồng có chung một TÁNH là TÁNH TỰ BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC, gọi là LÝ TRÍ TÁNH.

LÝ TRÍ TÁNH không chỉ BIẾT HÓA RA- BIẾT TRỞ NÊN TÔI - CON NGƯỜI mà nó BIẾT HÓA RA - TRỞ NÊN tất cả vũ trụ Vô hữu lớn nhỏ. LÝ TRÍ TÁNH biết hóa ra- trở nên mọi thứ BIẾT VÀ KHÔNG BIẾT.

Tất cả đều là sản phẩm của TRÍ TRỊ CƠ CẤU : MANH NHA - BIẾN HÓA - HÓA THÀNH ĐỒNG DỊ. Thứ gì mà chẳng có khởi đầu từ Lý Đức Tánh TỰ BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN khơi dòng sống động mới có biến hóa - hóa thành nó được.

Có thể nói LÝ TRÍ TÁNH là siêu nhiên lực tự BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN tất cả nên LÝ TRÍ TÁNH chính là phép lạ của mọi phép lạ. LÝ TRÍ TÁNH là động lực MANH NHA - BIẾN HÓA - HÓA THÀNH các thứ nào là : Trí tuệ, thân xác, sống chết, thần linh, ma quỷ, ảo ảnh, huyễn hoặc, tâm tưởng, người vật, cỏ cây, chim thú, sắt đá, sông núi, nắng lửa gió mưa, bầu trời quả đất, tinh tú, ngân hà, điện tử, nguyên tử, khinh khí, vi trùng, vi khuẩn, sâu bọ, tế bào, thần kinh, nhà cửa, xe cộ, bàn ghế, tàu bè, khoa học, đạo giáo, Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Phật tiên, Chúa Thánh, Niết Bàn, Thiên đàng, địa ngục, diêm vương, vui buồn, thành bại.....

Những thứ kể trên đều là cái có (vạn hữu) dù là có trong tưởng tượng cũng là có Tưởng Tượng. tức là chúng đã THÀNH thì phải đi trong qui luật CẤU TẠO HÓA THÀNH : từ Chưa Thành - Manh Nha Thành đến HÓA THÀNH, từ chưa có - Manh Nha có đến thành có. Vậy khởi đầu chưa có chúng, chưa thành chúng (VÔ), rồi tự trong cái Vô đã

sẵn có LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA BIẾT TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC cái Vô đến độ quá quá khác cái vô, thành ra là HỮU.

Chúng ta chọn học Dịch là theo con đường học tối ưu nhất : Học một mà biết muôn trùng, học bí pháp tối cơ mật của TẠO HÓA đã cấu tạo thành ra muôn loài vạn vật , học về LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN, danh chung là LÝ TRÍ TÁNH , ở phạm vi TIÊN THIÊN gọi là VÔ CỰC TÁNH BIẾT. Rồi nương theo bí pháp Tự Nhiên đó TÔI - CON NGƯỜI tha hồ sáng tạo chế tác phát minh phương tiện, động thái cho nhu cầu sống chết của TÔI - CON NGƯỜI.

Triết học Đông Phương thường nói : vạn vật đồng nhất lý, đồng nhất thể, thiên nhân hợp nhất hoặc nhân thân tiểu vũ trụ , nên đã nhiều lần đề ra "LÝ HỌC VẠN VẬT QUY NHẤT LÝ" . Vậy Nhất Lý đó là gì nếu không phải là Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là Âm Dương Lý là Dịch lý ? Còn Nhất Thể đó là gì nếu không phải là LÝ TRÍ TÁNH là ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN mà có Người gọi là TÁNH LINH, là LƯƠNG TRI, là MINH TÂM, là TUỆ GIÁC, là THUỘC TÁNH VẬN ĐỘNG, là CHỦNG TỬ DI TRUYỀN....

Nôm na người đời quen gọi LÝ TRÍ TÁNH ở người là Ý NGƯỜI, ở khắp nơi là Ý TRỜI (THIÊN Ý).

Nếu Ý Người không cùng chung một LÝ ĐỨC TÁNH với Ý TRỜI thì chẳng lẽ Ý NGƯỜI không có nguyên nhân hoặc do nguồn cội nào khác ?! TÔI - CON NGƯỜI dù muốn dù không cũng là HẬU THIÊN (CÁI HỮU) lẽ nào không ôm ấp TIÊN THIÊN, không là bông trái của TIÊN THIÊN (VÔ CỰC TÁNH BIẾT : BIẾT CỰC KHÔNG) được ?! Tất cả đều phải có nguồn cội di truyền : TÁNH BIẾT của NGƯỜI phải từ TÁNH BIẾT TỔ TIÊN nào đó. TRỜI có trước NGƯỜI Vậy Ý NGƯỜI phải có nguồn cội từ Ý TRỜI là cái chắc : LÝ TRÍ TÁNH có nguồn cội là VÔ CỰC TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC là LÝ TRÍ TÁNH TIÊN THIÊN. Vậy LÝ TRÍ TÁNH vừa TIÊN THIÊN vừa Hậu Thiên gọi chung một danh là TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC.

II. LÝ TRÍ TÁNH TRUY NGUYÊN RA KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG

Theo quan điểm Dịch lý Việt Nam, TRỜI nghĩa là BIẾN HÓA, với nghĩa BIẾN HÓA thì có TRỜI, ngoài nghĩa BIẾN HÓA thì không có TRỜI (*Thiên*). Trước cái *Có* (Hữu) phải là cái *Không* (Vô). TIÊN THIÊN là lúc chưa có BIẾN HÓA, không có BIẾN HÓA, tức chưa có gì cả, không có gì hết, hoàn toàn không gọi là KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG (KHTK).

KHTK là chưa có Không gian , Thời gian, không có lý Biến Hóa, không có yếu lý Đồng nhi Dị, không có Vũ Trụ Vô Hữu, muôn loài vạn vật, con người thần thánh vật chất tâm linh gì cả. Đến cái KHÔNG KHÔNG (*Hư Vô*) mà TÔI - CON NGƯỜI còn tưởng tượng được hoặc không tưởng nghĩ nổi vẫn không có. Cái KHÔNG là gì hết, không có gì hết mới đáng là KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG. (*Vô Toàn Vô*), không có nguyên nhân, không có thứ gì trước KHTK, cũng không có thứ gì trên dưới trong ngoài KHTK.

Vậy KHTK là không có hiểu biết-biết hiểu gì được KHTK, dù LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI và muôn loài vạn vật có siêu tuyệt đến đâu vẫn hoàn toàn bí tịt về KHTK vì KHTK là KHÔNG CÓ HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU .

Bất kể thứ gì mà LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI mom mem tới được dù là tưởng tượng mơ màng thì thứ đó được liệt vào cái CÓ thuộc VẠN HỮU là HẬU THIÊN. Hàng tỷ tỷ cái KHÔNG KHÔNG mà TÔI - CON NGƯỜI còn nghĩ tưởng đến được thì đó chưa phải đích thị là KHTK mà làcó KHTK. Còn KHTK là không có gì hết, kể cả KHTK vẫn không có.

Vậy KHTK là chấm dứt truy nguyên, truy lý vì không có nguyên,không có lý thì lấy gì mà truy. Còn hiểu biết thì còn truy, hết hiểu biết thì hết truy. KHTK là không có HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU thì sao ta dám nói là có HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU về KHTK. KHTK là

không có LÝ BIẾN HÓA chưa có LÝ ĐỒNG NHI DỊ thì sao ta dám nói có thứ giống gì trước hoặc ngoài KHTK sinh ra KHTK, họa chăng trước KHTK vẫn là KHTK, mà làm sao có cái trước KHTK được ?! Nếu có cái trước KHTK thì KHTK chưa đáng danh là KHTK mà là có KHTK.

Nếu một cái TÔI - CON NGƯỜI nào chỉ ra được nguyên nhân trước KHTK là gì theo như đã định nghĩa KHTK trên thì xin nghiêm túc nói ra và sao cho chính lý. lúc đó KHTK không còn làNGUYÊN NHÂN ĐỆ NHẤT của mọi NGUYÊN NHÂN nữa.

Ngược lại TÔI - CON NGƯỜI sẽ không hết thắc mắc truy nguyên truy lý nếu lấy bất kỳ cái có (Hữu) nào là nguyên nhân cho mọi Vũ Trụ Vô Hữu. Riêng Dịch Lý Việt Nam cho rằng danh KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG quả là một phi thường danh, thách đố trí tuệ siêu đẳng của cả loài người và muôn vật có thể phản biện, đề danh khác được chăng ?!

Lảo Tử là người chịu thua trước qua câu :

"ĐẠO khả ĐẠO phi thường ĐẠO
DANH khả DANH phi thường DANH "

Lão tử chỉ biết gọi đó là ĐẠO, chứ chưa tìm được chính danh KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG . Đến như chữ Hư Vô cũng chưa đủ nghĩa lý xứng danh thay cho KHTK. Nói chi đến quan niệm cho rằng lúc đầu Vũ Trụ là cõi huyền đồng, một khối đen mờ mịt, một vụ nổ lớn (Big Bang)...., Vậy là luận chưa tới KHTK, còn ở kiến thức Hậu thiên học thuộc cõi có : có khối , có màu, có vật, có nổ, có không gian. có thời gian.... còn KHTK là không có gì ráo.

Ngày xưa rất nhiều Thánh Trí đã không muốn luận bàn dạy dỗ người đời về Hình Nhi Thượng Học tức TIÊN THIÊN HỌC THUẬT vì cho rằng muốn hiểu cái Vô (HƯ VÔ) đã khó lắm rồi, huống hồ VÔ TOÀN VÔ (KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG) . Do đó tiền nhân chỉ giảng dạy quanh quẩn

ở HÌNH NHI HẠ HỌC tức HẬU Thiên Học Thuật từ cái HỮU đầu tiên là có cái vô đến mọi cái HỮU VÔ - VÔ HỮU về sau. Còn VÔ TOÀN VÔ (KHTK) đầu tiên thì là "ĐẠO cảm thông không thể nghĩ bàn" nhưng tiền nhân vẫn luôn động viên hậu học : "Chân lý tự mỗi người thắp đuốc mà tìm". Kiến thức thì trao truyền được còn trí tuệ thì tự sáng lấy. Sách và Thầy chỉ là phương tiện chỉ đường trợ duyên mà thôi.

III . LÝ TRÍ TÁNH PHẢN BIỆN KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG VÀ KHÁM PHÁ VÔ CỰC TÁNH BIẾT

LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜIđã đề được danh KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG và cho KHTK là nguyên nhân đầu tiên của mọi VÔ HỮU ĐỘNG TĨNH , thật là một hành trình đăng đẳng đầy cam go nhưng rất phi thường , đáng khen thay cho LÝ TRÍ TÁNH - TÔI - CON NGƯỜI ! Những tưởng KHTK là tuyệt đích rồi nên TÔI - CON NGƯỜI mừng vui khôn xiết .

Sự hân hoan chưa được mấy chốc, thì liền tự trong LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI cảm thấy có cái gì không ổn về KHTK . Cái Vô Hữu Lý trong TÔI - CON NGƯỜI lại vùng dậy phản biện KHTK .

Đề được danh KHTK mà lại mù tịt, chẳng hiểu biết tí gì về nó, thì làm sao ăn nói về cái điều mà chính mình và người khác không thể nào hiểu biết được, dù là cái biết của viễn tưởng ảo tưởng, mơ tưởng, tin tưởng vẫn chưa đáng là KHTK.

Vậy danh KHTK là trò ảo thuật chơi chữ của các nhà Dịch học chăng ? Hoặc LÝ TRÍ TÁNH xí gạt LÝ TRÍ TÁNH ?!

TÔI - CON NGƯỜI văn lý học luôn luôn chí thành với sự thật thì chắc chắn đây không phải muốn chơi chữ để làm gì, không rảnh đâu mà nói dóc. Rõ ràng chính LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI đã lý luận biện chứng tới KHTK và đề được danh KHTK, đâu có xí gạt.

Vấn đề KHTK đến đây quả là không lối thoát. TÔI - CON NGƯỜI tức điên lên được, gần như hoàn toàn thất vọng ở cái phao KHTK, nên đành phải ngậm bồ hòn, không dám nói ra cho ai về danh KHTK đã đành mà chính TÔI - CON NGƯỜI cũng đã quá mệt mỏi, chẳng muốn nghĩ ngợi nhớ đến KHTK chi nữa cho thêm lao tâm tổn trí....

Khổ nỗi, muốn quên cũng không quên được, chính cái hữu lý, vô lý, phi lý sẵn có trong LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI cứ âm ỉ đun đẩy cái bóng ma KHTK chập chùng chọc ghẹo mãi khiến TÔI - CON NGƯỜI lại nhớ tới, trăn trở, lặn hụp, bao phen trong màn vô minh về KHTK.

Có những lúc TÔI - CON NGƯỜI nào đó tưởng nghĩ chắc là KHTK chỉ có ở cõi chết nên đã tự nguyện hủy thân để đi tìm về hư vô mù mịt... chẳng hiểu họ có hiểu biết được gì hơn về KHTK chăng ? Nhưng xét về LÝ (vô hữu lý) thì chắc chắn cái họ gặp cũng chỉ là có cái KHTK tức có cái hư vô, chứ đâu phải là KHTK (không có KHTK, không có hư vô)

Thật tội nghiệp cho TÔI - CON NGƯỜI có cái tật lớn là thường muốn biết cho được điều không thể nào biết nổi, cũng như đã cả gan đặt tên cho cái KHÔNG TÊN là KHTK .

TÔI - CON NGƯỜI truyền kiếp cứ trầm tư, mặc tưởng, lý luận, dằn vật mãi về KHTK mờ mịt chết tiệt đó không biết bao lâu..... cũng vẫn là KHTK mờ mịt. Đến một lúc nào đó bỗng LÝ TRÍ TÁNH của một cái TÔI - CON NGƯỜI chợt lóe ra một ánh sáng hữu lý, chính lý cho KHTK là : Hiện giờ đâu còn là KHTK nữa vì đã có muôn loài vạn vật rồi, cơ nghiệp TẠO HÓA đã đầy dẫy khắp nơi. Vậy đã chấm dứt KHTK, KHTK đã cùng cực từ khuya tức là VÔ CỰC rồi.

Phải có cái lý lẽ CỰC KHÔNG (KHTK cực) đầu tiên thì mới thành có được, mới trổ sinh thành muôn loài vạn vật được. Nhưng vì KHTK là không có nguyên nhân nào trước nó, trong nó, ngoài nó nên nó phải TỰ CỰC lấy gọi là TỰ HÓA . KHTK TỰ HÓA là KHTK tự biết

MANH NHA HƠI HƠI KHÁC với chính Nó , là tự chấm dứt tình trạng KHTK để thành có KHTK, ít nhất là trong LÝ giới.

Nói cho rõ hơn, KHTK đầu tiên tự có LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT CỰC KHÔNG gọi là VÔ CỰC TÁNH BIẾT HÓA RA TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC KHTK. KHTK tự có tánh biết hóa ra- trở nên cực thì nó mới cực được, mới thành cái có đầu tiên là có KHTK, cũng chỉ là KHTK mà hơi hơi khác với chính nó.

Thật ra KHTK chẳng thể nói có hay không vì nó không là gì cả, chẳng ở đâu cả, không có cảnh giới (không gian thời gian) nào. Nhưng khi LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI mom mem nẩy ý về KHTK, tất nhiên trong Lý Giới của TRÍ TRI Ý THỨC TÔI CON NGƯỜI, thì lập tức đó là cái KHTK chứ nào phải hoàn toàn KHTK, nghĩa là KHTK cực ngay. KHTK so với KHTK CỰC giống nhau chỉ hơi hơi khác chút xíu : KHTK là KHTK không có LÝ TRÍ TÁNH manh nha tưởng nghĩ mom mem tới được bất kể là LÝ TRÍ TÁNH của TÔI - CON NGƯỜI hoặc muôn loài. Còn KHTK CỰC là KHTK có LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI hoặc muôn loài vạn vật mom mem tới được, chứng tỏ là có KHTK.

Vậy KHTK cực ngay trong LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI khi TÔI - CON NGƯỜI vừa chợt nghĩ tưởng đến KHTK. Nói cách khác KHTK manh nha bởi LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI là KHTK CỰC, là có KHTK.

Kết luận : KHTK và KHTK CỰC diễn tiến hiện hữu cùng lúc ở LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI , không trước không sau nên gọi là lập tức và mầu nhiệm chỉ có ở phạm vi LÝ Giới (Vô Hữu Lý) mà thôi.

Lấy thí dụ cho dễ hiểu :

Đây là tờ giấy trắng tinh chưa có dấu vết hình ảnh chữ viết gì.... tượng trưng là KHTK. Ta lấy ngón tay vẽ một vòng tròn mờ nhạt vô hình lên đó. Lúc ngón tay vẽ vừa giáp vòng tròn thì lập tức chuyện gì đã xảy ra ? KHTK bây giờ thế nào ? Ở đâu ? Tờ giấy có còn gọi là trinh nguyên nữa chăng ?

Xin đáp : nhìn bề ngoài tờ giấy vẫn trắng tinh (KHTK) nhưng sự thật đã bị ngón tay tôi (LÝ TRÍ TÁNH) chạm tới (*Vô hình*) thì bây giờ

phải nói chính xác tờ giấy không còn trinh nguyên được nữa (KHTK cực) , vì đã có dấu ngón tay tôi in nhẹ lên dù là mờ nhạt khó thấy được,

KHTK là không có trên dưới, trong ngoài, trước sau, vậy mà bây giờ có trên có dưới, trong ngoài, trước sau ở LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI , khi LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI vừa mọm mem tới KHTK (ví như khi ngón tay tôi vừa chạm tới tờ giấy thì có trên dưới trong ngoài trước sau vòng tròn)

Nên nhớ người học Dịch Lý là học LÝ của Dịch, nếu phải dùng Tượng của Dịch là để hội được LÝ ở Tượng (Tượng nào thì có LÝ đó, Lý nào thì có Tượng đó). Vậy giải quyết vấn đề KHTK - KHTK CỰC là thuộc phạm vi lý giới mà thông qua hiện tượng của LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI có MANH NHA KHTK . Vậy vừa là KHTK vừa là KHTK CỰC mới là chính lý, tức vô hữu -hữu vô lý về KHTK đã sẵn có ở LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI.

IV. LÝ TRÍ TÁNH VÀ VÔ CỰC TÁNH BIẾT LÀ MỘT

Vô tư mà nói dù có tác nhân là LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI hay không thì vũ trụ muôn loài cũng đã có rồi, có từ lâu trước TÔI - CON NGƯỜI. Điều này chứng tỏ nguồn gốc đầu tiên của vũ trụ muôn loài là KHTK đã MANH NHA CỰC lâu lắm rồi.

Chính KHTK tự sẵn có LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA-BIẾT TRỞ NÊN CỰC thì mới CỰC được. Ví như tờ giấy trắng tinh sẵn có tính lý thấm thấu, còn tác nhân chỉ là động cơ chứng cớ để LÝ CỰC hình hiển mà thôi (Xuất hình ư ngoại).

Do biết được muôn loài ngậm chứa sẵn Tánh Lý CỰC BIẾN nên TÔI - CON NGƯỜI và muôn vật thuận theo nhiên tánh chung đó mà cấu tạo hóa thành tác động qua lại được. Ví như biết tờ giấy có khả

năng thấm mực thì TÔI - CON NGƯỜI mới có thể vẽ mực dính lên tờ giấy được, tờ giấy biết rách, biết cháy, biết mục thì mới làm rách, làm cháy, làm mục nát được....

Khi TÔI - CON NGƯỜI công nhận KHTK Cực (Vô Cực) thì đương nhiên không thể phủ nhận TÁNH BIẾT CỰC KHÔNG của KHTK là Tánh Biết đầu tiên của Vũ Trụ Vô Hữu gọi là Vô Cực TÁNH BIẾT : BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC là LÝ TRÍ TÁNH TIÊN THIÊN. Cùng là TÁNH BIẾT, ở VÔ CỰC là TÁNH BIẾT TIÊN THIÊN, ở TÔI - CON NGƯỜI và muôn loài vạn vật là TÁNH BIẾT HẬU THIÊN.

Làm sao LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI có đủ tư cách khiến cho, khi vừa mom mem chạm tới KHTK thì lập tức KHTK cực ngay, nếu Nó không có sự liên hệ đồng chủng loại với VÔ CỰC TÁNH BIẾT ?!

Theo quy luật nhân quả di truyền : HẬU THIÊN ôm ấp TIÊN THIÊN, HẬU THIÊN là bông trái của TIÊN THIÊN nên chính trong LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI có ôm ấp VÔ CỰC TÁNH BIẾT do đó LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI mới có thể khởi Ý về KHTK được và KHTK cực ngay trong LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI

Tiền nhân Á Đông đãnói mỗi người là một VÔ CỰC hoặc THÁI CỰC thu nhỏ, quả không sai.

Nói cách khác Vô cực TÁNH BIẾT hiện thân ở TÔI - CON NGƯỜI chính là LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI nên có thể nói LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI là TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC.

Thật mầu nhiệm, huyền diệu thay cho LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI có đủ cả LÝ ĐỒNG NHI DỊ MANH NHA-CỰC BIẾN HOÁ THÀNH TIÊN HẬU THIÊN. Chí lý thay khi nói DỊCH là gần, gần nhất với TÔI - CON NGƯỜI chính là LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI. Do vậy học DỊCH đâu cần học ở đâu xa, cứ tìm hiểu ngay chính LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI thì sẽ tỏ tường mọi lẽ.

Người xưa đã theo cách này mà khám phá DỊCH LÝ là chân lý muôn đời, là qui luật tự nhiên của Vũ Trụ rất tuyệt hảo mà cho đến nay chưa có một khoa học nào phản biện nổi. Ngày xưa làm gì có máy móc, phương tiện hiện đại để phóng to thu nhỏ sự vật, để bay lên trời, chui vào lòng đất, các Ngài chỉ ngồi một chỗ dùng phép quán tưởng thiền định luận lý, lý luận mà hội lý quán thông thiên địa (Hậu Thiên luận Tiên Thiên). Dĩ nhiên, ta phải thông cảm hoàn cảnh của người xưa có nhiều mặt hạn chế lúc khám phá Dịch Lý và khoa học hóa thành Khoa Dịch Lý học truyền thụ đến ngày nay. Nếu tri thức Nhân loại hiện nay và về sau có khôn ngoan hơn cũng chớ nên khinh xuất, vội chê đè chối bỏ công trình vĩ đại của tiền nhân mà phải cố gắng ôn cố tri tân phân biệt chỗ đúng sai, hay dở, vừa kế thừa vừa sáng tạo, phát huy, phát triển. Đó mới đúng là phong cách chân chính của Triết Học , Khoa học tiến bộ.



BƯỚC BỐN : BIỆN CHỨNG DỊCH LÝ

I. KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG ĐƯỢC LÝ LÀ NGUYÊN NHÂN ĐỆ NHẤT

LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI đã khám phá VÔ CỰC TÁNH BIẾT là nguyên nhân đầu tiên của mọi biến hóa hóa thành về sau và tập trung tìm hiểu Vô cực tức KHTK cực.

Vậy còn vai trò của KHTK như thế nào ?

Theo dòng biện chứng, TÔI - CON NGƯỜI lại khám phá một lý lẽ cực kỳ quan trọng như sau :

Nếu phân tích thuần lý chữ KHTK Cực (Vô Cực) thì rõ ràng phải có KHTK (Vô) làm chủ từ , làm tiền đề của cực. Cái gì cực ? Vô (KHTK) cực.

KHTK và cực không thể tách rời nhau được , chúng làm nền tảng cho nhau để cả hai được lý là KHTK cực (Vô Cực) , chúng tự ban nghĩa lý cho nhau nên cả hai cùng tồn tại không trước không sau, có cùng một lượt, có cùng lúc. KHTK là do có KHTK cực làm nền tảng để so sánh, chứ làm sao dám gọi đó là KHTK ? Ngược lại nói KHTK cực là do KHTK làm nền tảng (Bộ mặt cũ) hơi hơi khác với chính nó.

Nếu chẳng có KHTK thì sao dám nói đó là KHTK cực có KHTK thì mới có KHTK cực. Có KHTK cực thì tất phải có KHTK. Có thể minh họa bằng công thức :

KHTK ± HƠI HƠI KHÁC ⇔ KHTK CỰC

hoặc KHTK ± KHTK MANH NHA ⇔ KHTK CỰC

Chính KHTK ngậm LÝ ĐỒNG NHI DỊ với chính nó (giống mà hơi hơi khác nó) nên có danh mới là KHTK Cực.

Vậy trước sau vẫn là KHTK biến dịch (biến động biến đổi, biến hóa). Do đó KHTK vẫn luôn luôn là cội nguồn truy nguyên của tất cả mọi VÔ HỮU ĐỘNG TĨNH (KHTK manh nha - KHTK cực) để tất cả đều hữu lý, chính lý.

KHTK, KHTK cực là Một mà Hai, Hai mà Một đúng với Lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG, Chúng Âm Dương lẫn nhau . Có cái này phải có cái kia để cả hai được lý là Nó.

KHTK còn phải hơi hơi khác với chính nó tức KHTK cực thì thử hỏi Trời Đời Người, thứ gì mà thoát được tiềm lực *Hơi Hơi Khác* là tài năng, tuyệt vời và duy nhất của TẠO HÓA.

Dịch lý là vậy đó ! Biến Dịch là thế đó ! Giản dị nhưng cực kỳ siêu tuyệt, nhiệm nhặt nhưng sức mạnh vạn năng.

II. YẾU LÝ ĐỒNG NHI DỊ ĐÚNG THẬT LÀ CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI

Người đời thường hay nói nhiều về Chân lý, nay có dịp chúng ta định nghĩa lại và xác định đâu là chân lý.

Theo quan điểm Dịch Lý Việt Nam : *Chân lý* là lẽ thật là lý lẽ đúng thật, có thật ở muôn đời và muôn nơi. Vậy điều kiện ắt có và đủ để một cái gì đó xứng danh là chân lý là : cái *lý lẽ* nào đó phải *có thật*, (có cái lý đó và *thật có* chứ không phải giả có do tưởng nghĩ); phải *đúng thật* (kiểm chứng quả nhiên lý lẽ đó đúng là có thật), ở *muôn đời* và *muôn nơi* (bất chấp có không gian, thời gian hoặc không có không gian, thời gian , bất kể không gian thời gian nào ở đâu cũng có, lúc nào cũng có lý lẽ ấy... có đúng ở con người phải có đúng cho con vật, có đúng cả cho cỏ cây, sắt đá, có đúng cho quả đất phải có đúng cho bầu trời, tinh tú, có đúng cho cõi Hữu phải có đúng cho cõi Vô....)

Như vậy chân lý có tính tuyệt đối vì nó phải có thật, đúng thật cho tất cả muôn loài vạn vật. Nếu có vật việc người nào không có hoặc ở ngoài lý lẽ đó, dù là một trường hợp rất nhỏ hoặc rất lớn thì nó chưa đáng gọi là chân lý đúng nghĩa mà chỉ có thể gọi đó là chân lý nửa vời, triết lý vùng (đúng bên này dãy Pyrénée mà không đúng bên kia dãy Pyrénée). Còn chân lý là phải đúng cho cả hai bên. Đúng cho cả Thiện ác, tốt xấu, thành bại, có không, động tĩnh, xa gần, nóng lạnh, vui buồn, tâm vật, đạo lý khoa học, sống chết, vi mô, vĩ mô.....

Nếu các Bạn cùng chấp nhận định nghĩa và điều kiện ắt có và đủ của một Chân lý như trên thì chúng ta mới có tư cách bàn tiếp về chân lý Tuyệt đối được.

Còn thật tế, Chân lý Tuyệt Đối như thế nào ? Có hay không ? Chúng ta hãy bình tĩnh suy xét. Nhưng trước hết chúng ta hãy kiểm điểm lại mọi thứ lý lẽ xưa nay được cho là chân lý xem có đủ điều kiện

trên không. Nếu cái nào không đủ thì ta không nên tiếc rẻ và gọi gượng đó là chân lý nữa.

Vì Chân lý mang tính phổ biến và tất yếu nên nó là tuyệt đối chỉ có một không thể có hai lý cùng lúc (tương đối) . (Đạo nhất nhi dĩ : Đạo chỉ có một : nhất lý nhất luật).

Ngay từ bây giờ bạn hãy nêu ra một lý lẽ nào có tính tuyệt đối mà Bạn cho là chân lý, rồi chúng ta cùng kiểm chứng có đúng thật vậy chăng. Còn nếu Bạn cho rằng trên đời này không có gì là chân lý tuyệt đối thì Bạn hãy bình tĩnh nghe chúng tôi xác quyết :

"Chân lý Tuyệt đối là Yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG" và chúng tôi xin minh chứng :

Ở đâu có ĐỒNG DỊ là có BIẾN HÓA. Ở đâu có BIẾN HÓA là có ĐỒNG DỊ nên Lý ĐỒNG DỊ còn gọi là LÝ BIẾN HÓA, LÝ DỊCH hay DỊCH LÝ .

Ở TIÊN THIÊN: KHTK là nguyên nhân đầu tiên của Vũ Trụ muôn loài cũng phải ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA - HÓA THÀNH HƠI HƠI KHÁC với chính nó.

Ở HẬU THIÊN : mọi thứ đều phải được CẤU TẠO HÓA THÀNH (TẠO HÓA) từ Bộ mặt cũ HƠI HƠI KHÁC hoặc quá quá khác với nó mà thành Bộ mặt mới . Không có cái gì hoàn toàn Đồng cũng không có gì hoàn toàn Dị. Nếu đợi phải chứng minh đầy đủ ở muôn loài vạn vật thì quá lâu, nên chỉ có cách là chính Bạn tìm xem có trường hợp nào vật việc gì hoàn toàn Đồng, hoặc hoàn toàn Dị thì lúc đó Yếu lý Đồng Nhi Dị - Dị Nhi Đồng tức học thuyết Âm Dương Dịch lý sẽ bị sụp đổ. Nên nhớ tất cả đều đổi thay, trừ lý đổi thay thì không bao giờ thay đổi.

Muôn vật từ lý mà ra, về đến lý là cùng là hết, lý nầy phải là nguyên lý, chân lý tuyệt đối (Nguyên : khởi đầu)

Đã gọi là nguyên lý thì làm gì có lý lẽ nào trước nó nữa mà chẳng nó là lý lẽ đầu mối của mọi lý lẽ về sau.

Vậy lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG có ở khắp nơi từ lúc khởi đầu tạo lập Vũ Tru đến mãi mãi về sau nên nó chính là nguyên lý, chân lý của Vũ Trụ : Do đó TÔI - CON NGƯỜI không thể đặt thêm câu hỏi truy lý truy nguyên nào được nữa về nguyên lý Gốc là Yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ - vì như thế hóa ra TÔI - CON NGƯỜI lẩm cẩm, không rành phép Lý Học Truy Nguyên.

Nếu có cái TÔI - CON NGƯỜI nào đó chưa trọn tin Yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ là nguyên lý TẠO LẬP Vũ Trụ là chân lý của mọi chân lý, thì cứ tạm để đó, chờ đến lúc họ đã tự từng trải quá trình chiêm nghiệm Lý Dịch cũng sẽ rõ thôi. Còn ngay bây giờ họ muốn cố tình phản bác, thì xin hãy đưa ra cho được một nguyên lý nào khác thử xem có đầy đủ ĐỨC UY bằng Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ hay không.

Xin phép được nói rõ trước : ĐỨC UY của yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG (ÂM DƯƠNG LÝ) tạo mọi Trời Đời là TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC, ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA cực kỳ lớn nhỏ, cực kỳ nhanh chậm, thừa sức xây dựng phá vỡ mọi toan tính, ước mơ vĩnh cửu nhất thời chung riêng của bất cứ Thiên Địa, Quỷ Thần, loài người và muôn vật nào. Tất cả đều phải Đồng Dị Biến Hóa - Biến Hóa Đồng Dị không sao cưỡng lại được. Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà chẳng lọt mảy may (Nhân nguyện như thử, như thử. Thiên lý dị nhiên, dị nhiên = lòng người muốn là vậy. là vậy ! lý Trời lạ thay ! lạ thay !).

TẠO HÓA mặc cho người đời khen chê : gọi thằng (Hóa Nhi) hay Ông (Hóa Công) , chân lý là chân lý, qui luật là qui luật chí công vô tư, không miễn trừ, bất cứ thứ giống gì. Quyền lực nào, vạn năng nào thử cãi xem có được không ?! Giữa Người với Người, Người với Vật còn chưa chắc đã được huống hồ mong bẻ nạng chống Trời. Xin đừng ngạo mạn vọng động nhất thời mà về sau phải hối ! Tốt nhất nên học cho thấu tới Ông Trời, hiểu Trời là gì rồi lúc đó phát biểu cũng không muộn

III



TÓM TẮT BÀI LÝ TRÍ TÁNH

Muôn vật đều có Lý Đức Tánh của nó, thông qua Lý Đức Tánh của muôn vật, TÔI - CON NGƯỜI biết nó hiện hữu và chính TÔI - CON NGƯỜI cũng là một hiện hữu, một thực tại khách quan có LÝ Đức Tánh (tư năng) là LÝ TRÍ TÁNH, biểu lộ ở mọi trạng thái sống động của TÔI - CON NGƯỜI từ thân xác đến trí óc.

LÝ TRÍ TÁNH là tất cả những gì có :

1. TÁNH BIẾT và TÁNH KHÔNG BIẾT

2. TÁNH BIẾT BIẾT và TÁNH BIẾT KHÔNG BIẾT

3. TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN

LÝ TRÍ TÁNH ở TÔI - CON NGƯỜI gọi là Ý NGƯỜI

LÝ TRÍ TÁNH ở khắp nơi gọi là Ý TRỜI

TÁNH của TRÍ là luôn luôn biến động biến đổi biến hóa mãi mãi không thôi trong qui luật CẤU TẠO HÓA THÀNH (TẠO HÓA) nghĩa là có lúc động lúc tĩnh, lúc vô lúc hữu nên có lúc TÔI - CON NGƯỜI sáng trí, tối trí hằng luân chuyển từng vô giây phút .

Sự biến hóa của LÝ TRÍ TÁNH nhanh hơn qui thần, nên LÝ TRÍ TÁNH là lập tức và mầu nhiệm, bất chấp không gian thời gian. LÝ TRÍ TÁNH là lúc (thời) của TRÍ TRI Ý THỨC phối hợp giao cảm hóa sinh lập tức trong giao động.

112

Vì là Tánh lập tức và mầu nhiệm, lúc nào cũng manh nha sẵn sàng biến hóa hóa thành Ý mới nên LÝ TRÍ TÁNH thuộc về TÁNH SIÊU NHIÊN (TIÊN THIÊN TÁNH), có khả năng biến động, biến đổi, biến hóa tất cả bất cứ thứ gì, nên LÝ TRÍ TÁNH là SIÊU NHIÊN LỰC (TRÍ TRI Ý LỰC)

TÁNH LỰC siêu nhiên của LÝ TRÍ TÁNH sẵn có trong TÔI - CON NGƯỜI là GẬY THẦN SÁCH ƯỚC có thể giúp TÔI - CON NGƯỜI truy nguyên truy lý về đến lúc khởi đầu TẠO LẬP VŨ TRỤ, chưa có không gian, thời gian, chưa có LÝ BIẾN HÓA.

Xét lại, mọi động thái của TÔI - CON NGƯỜI đều có mang TÁNH trên, hay nói đúng hơn TÔI - CON NGƯỜI là do LÝ TRÍ TÁNH cấu tạo hoá thành toàn diện cả thể xác lẫn tinh thần, đâu đâu cũng có LÝ TRÍ TÁNH.

LÝ TRÍ TÁNH là TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN : THÂN XÁC : giác quan, tạng phủ, khí huyết, thần kinh, tế bào, gân xương, lông tóc, móng tay, móng chân, nhân điện , nóng lạnh .... TINH THẦN : lý trí , tình cảm, bản năng, tiềm thức, thói quen, di truyền, quên nhớ, sáng tối....

LÝ TRÍ TÁNH ở THỂ XÁC và ở TINH THẦN TÔI - CON NGƯỜI động tĩnh biến hóa cùng chung một quy luật sống động nhưng được thích nghi với tư năng của mỗi thứ. Nên không thể đòi hỏi hoạt động của Thể Xác và Tinh Thần hoàn toàn giống nhau về hình thức hoặc nội dung mà chúng bắt buộc phải hơi hơi khác hoặc quá quá khác nhau ở một hoặc nhiều mặt.

Qui luật sống động của LÝ TRÍ TÁNH điều hành toàn bộ TÔI - CON NGƯỜI : THỂ XÁC - TINH THẦN - CUỘC ĐỜI TÔI - CON NGƯỜI. Qui luật tự động , tự hóa, tự điều khiển, tự điều chỉnh bất chấp TÔI - CON NGƯỜI có Ý thức hay không Ý thức, có chấp nhận hay không chấp nhận mà nhiều lúc TÔI - CON NGƯỜI muốn can thiệp cũng không được hoặc có can thiệp cũng phải tùy theo qui luật . Lúc đó

TÔI - CON NGƯỜI mới biết ngoài Ý NGƯỜI, còn có Ý TRỜI (Qui luật sống động)

Qui luật sống động của LÝ TRÍ TÁNH là Siêu Nhiên lộ có từ lúc TẠO LẬP VŨ TRỤ và LÝ TRÍ TÁNH có nguồn cội ở Tiên Thiên là VÔ CỰC TÁNH BIẾT (*Biết Hóa Ra - Biết Trở Nên Cực Không*), là Lý ĐỨC TÁNH MANH NHA-CỰC : KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG tự biết hóa ra HƠI HƠI KHÁC với chính Nó, gọi là KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG CỰC (*Vô Cực*).

LÝ TRÍ TÁNH TIÊN THIÊN lúc Vô cực là TÁNH BIẾT đầu tiên của mọi Vũ Trụ Vô Hữu. Rồi từ đó VÔ CỰC TÁNH BIẾT khoáng trương từ Hơi Hơi Khác đến Quá Quá Khác (ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG) cấu tạo hóa thành muôn loài vạn vật.

Rõ ràng, hậu thiên ôm ấp Tiên Thiên, nên trong mỗi cái TÔI HẬU THIÊN (*Con Người* và *Muôn Vật*) đều có ôm ấp Vô cực TÁNH BIẾT. Nên LÝ TRÍ TÁNH ở TÔI - CON NGƯỜI và Muôn Vật có cả TIÊN THIÊN và HẬU THIÊN, được gọi đích danh là TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC .

Nói cách khác, Vô cực lúc nào cũng có ở trong TÔI - CON NGƯỜI, chứ không cần tìm ở đâu xa xôi. Do đó, nếu TÔI - CON NGƯỜI chịu khó truy nguyên, truy lý suy nghiệm tận cùng kỳ lý của LÝ TRÍ ất sẽ thấu đạt tới Vô cực TÁNH BIẾT tức thấu đạt Lý lẽ Qui luật TẠO LẬP VŨ TRỤ ngay chính bản thân TÔI - CON NGƯỜI (*Ngộ Đạo, Đạt Chân Lý*)

Chính vì vậy người học Dịch sớm hiểu Dịch là gần, gần nhất với TÔI chính là Lý Trí TÔI - CON NGƯỜI, nên thường lấy cái TÔI - CON NGƯỜI của mình làm đối tượng nghiên cứu học tập nhiệm nhặt đến tận cùng kỳ lý mà hóa ra thông hiểu tất cả. (Học một mà biết muôn trùng)

Ở đâu có ĐỒNG DỊ thì có BIẾN HÓA, ở đâu có BIẾN HÓA là có ĐỒNG DỊ. Đó là LÝ ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA - BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ mà danh xưa gọi là LÝ ÂM DƯƠNG, hay gọi là Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ

NHI ĐỒNG, còn gọi là LÝ DỊCH hay DỊCH LÝ là LÝ BIẾN HÓA hay BIẾN HÓA LUẬT, LUẬT TẠO HÓA (CẤU TẠO HÓA THÀNH).

TẠO HÓA, TẠO VẬT chỉ có một Tài năng duy nhất là lúc nào cũng HƠI HƠI KHÁC. Đó là LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC - QUÁ QUÁ KHÁC (MANH NHA - CỰC) mà TÔI - CON NGƯỜI gọi danh chung là LÝ TRÍ TÁNH như đã nghiên cứu kỹ trong bài học.

Nhờ TÔI - CON NGƯỜI chí thành học hỏi : Lý Trí thắc mắc chính Lý Trí giải đáp cho Lý Trí, cuối cùng LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI đã khám phá được Vũ Trụ muôn loài chỉ có :

- Nhất lý là Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ (*Âm Dương lý*)

- Nhất luật là BIẾN HÓA LUẬT (*Luật Tạo Hóa*)

và chỉ có MỘT TÁNH là TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC... QUÁ QUÁ KHÁC

Đó là con đường đi dĩ nhiên của Ý từ TÔI - CON NGƯỜI (xưa nay mãi mãi) phải trải qua trên hành trình LÝ HỌC VẠN VẬT Qui nhất LÝ là DỊCH LÝ vậy.

HÒA HƯNG, ngày 22 tháng 8 năm Ất Hợi
(16-9-1995)
Viết xong vào giờ THUẦN ĐOÀI - TÙY
-NAM THANH PHAN QUỐC SỬ-

115

ĐƯỜNG ĐI CỦA Ý VÀO VŨ TRỤ DỊCH BIẾN

BÀI V

LÝ THÀNH

MINH GIẢI THÁI CỰC ĐỒ



I. LÝ THÀNH LÀ GÌ ?

TÔI - CON NGƯỜI và muôn loài vạn vật là những cái THÀNH đã qua, hiện tại hoặc sắp tới.

Mọi cái THÀNH đều phải đi trong qui luật *Cấu Tạo Hóa Thành (Luật Tạo Hóa).*

Vạn hữu *Thành Tựu* được là do bởi có lý lẽ nguyên nhân để THÀNH ra nó, gọi chung là LÝ THÀNH .

Mọi cái THÀNH đều là cái có gọi là V*ạn Hữu. Chưa Thành là cái KHÔNG (VÔ)*

VẠN HỮU THÀNH TỰU bất kể đã qua, hiện tại sắp đến như thế nào gồm mọi động tĩnh vô hữu : THÀNH vô hình, hữu hình, siêu hình, kể cả KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG cũng phải THÀNH (*Thành KHTK gọi là KHTK Cực hoặc Vô Cực*). THÀNH VÔ CỰC TÁNH BIẾT, THÀNH LÝ ĐỒNG NHI DỊ, THÀNH BIẾN HÓA LUẬT, THÀNH TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC, THÀNH LÝ TRÍ TÁNH.....THÀNH CON NGƯỜI, Phật, Tiên , Chúa, Thánh, Quỷ Thần, Tà Ma, Yêu Quái ..... THÀNH Thành công , THÀNH Thất bại, THÀNH Sống , THÀNH Chết, THÀNH Vui Buồn, Khôn Ngu, THÀNH Vật Chất, THÀNH Tâm

hồn, THÀNH cỏ cây , sắt đá vi trùng, vi khuẩn..... THÀNH bầu trời quả đất, tinh tú....Nói chung là THÀNH tất cả Thiên Địa Qủy Thần Vô Hữu Động Tĩnh, Vũ Trụ muôn loài.

Dù bị hay được Cấu tạo Hóa Thành thế này, thế khác trong vô lượng kiếp, mọi thứ đều cùng chịu chung một lý lẽ, một quy luật THÀNH .

Nhưng để giúp Bạn dễ dàng nghiên cứu học tập quen muốn biết trước sau kế tiếp, chúng ta tạm phân ra : *Lý Thành Tiên Thiên* và *Lý Thành Hậu Thiên* như sau :

1. LÝ THÀNH TIÊN THIÊN LÀ MỘT MÀ BA

LÝ THÀNH TIÊN THIÊN là LÝ THÀNH nhiệm nhặt đầu tiên khi KHTK không còn là KHTK nữa, tức là có KHTK mà danh gọi là KHTK CỰC (VÔ CỰC)

Tạm diễn LÝ THÀNH TIÊN THIÊN bằng công thức :

KHTK ± KHTK MANH NHA ⇔ KHTK CỰC

đúng theo Lý Tam Tài :

CHƯA - MANH NHA - HÓA THÀNH

- KHTK là chưa có, chưa thành KHTK

- KHTK MANH NHA là manh nha thành có KHTK

- KHTK CỰC là THÀNH có KHTK

Vậy LÝ THÀNH TIÊN THIÊN nhiệm nhặt tối thiểu phải là : MỘT MÀ BA . Nếu thiếu một trong ba yếu tố trong công thức trên thì không thể THÀNH KHTK được, tức THÀNH VÔ CỰC được.

Mọi cái THÀNH HẬU THIÊN đều ôm ấp LÝ THÀNH TIÊN THIÊN này. Tuy nó đơn giản nhiệm nhặt nhưng cực kỳ linh động huyền diệu khắp nơi và mãi mãi.

2. LÝ THÀNH HẬU THIÊN là CHUỖI LÝ MỘT MÀ BA

Vạn hữu bất kể thứ gì có sau KHTK CỰC đều là HẬU THIÊN, do nối tiếp LÝ·TRÍ TÁNH của KHTK CỰC mà THÀNH, nên Vạn Hữu chỉ là những cái THÀNH liên lũy theo chuỗi lý MỘT MÀ BA của TIÊN THIÊN.

Vì Vạn Hữu là nhiều thứ có, ở cõi có , nên công thức LÝ THÀNH HẬU THIÊN phải có tính tổng quát, chứ không được mang danh tiên thiên là KHTK nữa.

Tạm dùng chữ BỘ MẶT CŨ - MỚI để chỉ tình trạng trước sau của bất cứ thứ gì và công thức LÝ THÀNH HẬU THIÊN được diễn như sau :

BỘ MẶT CŨ ± HƠI HƠI KHÁC ⇔ BỘ MẶT MỚI

Công thức LÝ THÀNH HẬU THIÊN này cũng có đủ 3 yếu tố TAM TÀI : CHƯA THÀNH - MANH NHA - HÓA THÀNH THÀNH

-BỘ MẶT CŨ LÀ CHƯA THÀNH BỘ MẶT MỚI.

- HƠI HƠI KHÁC là BỘ MẶT CŨ MANH NHA Thành có BỘ MẶT MỚI.

- BỘ MẶT MỚI là BỘ MẶT CŨ MANH NHA HÓA THÀNH BỘ MẶT MỚI .

Chỉ có một Bộ Mặt (Đồng) khi MANH NHA - HÓA THÀNH thì hơi hơi khác, khác, quá khác hoặc quá quá khác (Dị) với chính nó . So sánh lại,

qua diễn tiến cùng là một Bộ mặt mà có trước sau đồng dị nên gọi Bộ mặt trước đó là Bộ mặt cũ và Bộ mặt sau đó là Bộ mặt mới.

Vậy Bộ mặt mới chính là Bộ mặt cũ biến dịch giống mà hơi hơi khác ... quá quá khác với chính nó. Để cộng trừ hơi hơi khác là muốn chỉ đến cái lý nhiệm nhặt sâu kín lặng lẽ tế vi của lý Đồng nhi Dị manh nha biến hóa. Công thức trên diễn tả đầy đủ yếu lý ĐỒNG NHI DỊ (giống mà hơi khác).

Như đã nói, TIÊN HẬU THIÊN là một, TIÊN đâu HẬU đó, HẬU đâu TIÊN đó, TIÊN HẬU cùng lúc, nên công thức LÝ THÀNH HẬU THIÊN cũng là công thức LÝ THÀNH TIÊN THIÊN (nếu để danh KHTK) :

KHTK Bộ mặt cũ ± KHTK HƠI HƠI KHÁC ⇔ KHTK Bộ mặt mới

Công thức Bộ mặt cũ ± HƠI HƠI Khác ⇔ Bộ mặt mới vừa lý giải được đầy đủ cho cả LÝ THÀNH TIÊN THIÊN lẫn HẬU THIÊN, vừa có tính phổ biến và tất yếu của một qui luật định luật nên nó đúng là BIẾN HÓA LUẬT .

Người xưa gọi BIẾN HÓA LUẬT tổng quát này là THÁI CỰC thay cho VÔ CỰC dành nói riêng ở phạm vi Tiên Thiên. BIẾN HÓA LUẬT chính là nội dung đích thật của THÁI CỰC ĐỒ mà người xưa vẽ làm biểu tượng cho DỊCH LÝ là LÝ CẤU TẠO HÓA THÀNH muôn vô hữu vật.

LÝ THÀNH MỘT MÀ BA là bất kể cái THÀNH nào, cũng được xem là BỘ MẶT MỚI là một THÁI CỰC tượng trưng là một hình tròn gọi là THÁI CỰC ĐỒ .(Là cái MỘT, cái ĐỒNG). Phân tích nhiệm nhặt kết cấu trong đó, tối thiểu phải có *HAI* giống mà hơi hơi khác (ĐỒNG mà có DỊ , Dị mà có ĐỒNG gọi là ÂM DƯƠNG).

Khi phân tích chiều sâu (triết lý) của một cái THÀNH là MỘT MÀ CÓ HAI. Khi tổng hợp toàn diện nhất quán gồm cả THÁI CỰC (1) và ÂM DƯƠNG (2) , vậy là MỘT MÀ BA.

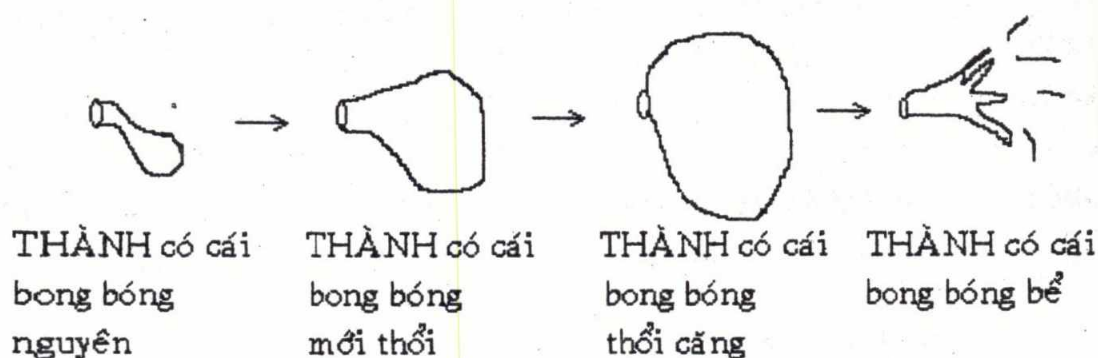
LÝ THÀNH MỘT MÀ BA là nội dung của câu nói : "Nhất Âm,Nhất Dương chi vị Đao" là Đạo Biến Dịch.

Nếu đúng theo LÝ THÀNH thì mỗi Nhất Âm , Nhất Dương cũng là MỘT cái THÀNH (có Âm , có Dương) tất chúng phải ngậm lý Đồng nhi Dị tức giống mà hơi hơi khác với chính Nó, nghĩa là Âm hơi hơi khác với Âm (ÂM manh nha Dương), Dương hơi hơi khác với Dương (Dương manh nha ÂM). Tiền nhân đã diễn tả cái lý này bằng cách chấm một điểm nhỏ Dương ở trong mặt Âm, và một điểm nhỏ Âm ở trong mặt Dương gọi là Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn.

Chính cái căn mầm nhỏ nhoi (điểm Âm , điểm Dương) hơi hơi khác đó ngấm ngầm liên lũy manh nha- cực biến hóa - hóa thành chồng chất làm cho Âm hoặc Dương phải thay đổi, từ hơi hơi khác đến quá quá khác với chính nó.

Âm Dương tự nhiên sẵn có Lý Đức Tính Manh Nha Hơi Hơi Khác làm cho chúng không thể và không lúc nào hoàn toàn Âm hoặc hoàn toàn Dương. Âm Dương phải Đồng Dị Biến Hóa vận động dịch chuyển không ngừng nên luôn là Âm , Dương Bộ mặt mới (đổi mới) là chuỗi lý cấu tạo Hóa Thành mà người xưa quen gọi là ĐẠO DỊCH.

Vài hình ảnh minh họa về chuỗi LÝ THÀNH :



Bốn hình ảnh trên của một cái bong bóng diễn tiến thay đổi mỗi lúc đều là cái THÀNH là BỘ MẶT MỚI so với Bộ mặt cũ trước đó, nhưng trước sau cũng chỉ có một cái bong bóng (cùng một Bộ Mặt) mà lúc nguyên, lúc mới thổi, lúc thổi căng và lúc tan xác....

II. DIỄN TIẾN CỦA SỰ THÀNH

1. CUNG CẦU ÂM DƯƠNG :

Khoa Dịch lý Việt Nam định nghĩa ÂM DƯƠNG là chỗ GIỐNG MÀ HƠI KHÁC - KHÁC MÀ HƠI GIỐNG của muôn loài vạn vật. Muôn loài vạn vật được qui là ÂM DƯƠNG.

Như vậy đã khẳng định không có vấn đề Hoàn Toàn Âm hoặc Hoàn Toàn Dương mà luôn luôn là Âm manh nha Dương - Dương có manh nha Âm . Cũng không có vấn đề Hoàn Toàn Động hoặc Hoàn Toàn Tĩnh, Động là manh nha Tĩnh, Tĩnh là manh nha Động.

VÔ HỮU, ĐỒNG DỊ, ÂM DƯƠNG, ĐỘNG TĨNH lúc nào cũng gắn bó chằng chạ xà nẹo lẫn lộn nhau, không chia cách xa lìa nhau được. Nếu có thì phải có cả hai cùng lúc để chúng tự ban nghĩa lý, làm cơ sở cho nhau thành ra cả hai đều được lý, đều tồn tại. Nếu chỉ có một thì là vô lý phi lý, không thể đứng vững được. Chẳng hạn lấy lý gì cho đó là ĐỒNG nếu không có DỊ để so sánh. Gọi được là ĐỒNG vì có DỊ, không có DỊ thì không có ĐỒNG......lấy lý gì gọi đó là cha ? Nếu chưa có con thì xưng cha với ai ?! Lấy lý gì biết được là có cái bàn nếu không có **cái không có cái bàn** xác định giới hạn. Vậy là CÓ-KHÔNG (VÔ-HỮU) cùng lúc : một hiện một ẩn; một tiêu, một trưởng.

ÂM DƯƠNG ĐỒNG DỊ VÔ HỮU ĐỘNG TĨNH là MỘT mà HAI.

Một là Tuyệt đối. Hai là tương đối. Một mà Hai là vừa Tuyệt đối vừa Tương đối. Khi nói ở Một là Tuyệt đối, khi nói ở Hai là Tương đối. Do có Tuyệt đối mới biết được Tương đối, do có Tương đối mới biết được

tuyệt đối. Tương đối là Tuyệt đối. Tuyệt đối là tương đối. Kiến thức thông thường khó hiểu biết điều này, chỉ có Trí Tuệ mới thông suốt mà thôi.

HIỂU BIẾT trên đưa TÔI - CON NGƯỜI đến kết luận : ÂM DƯƠNG tự chúng có Lý Đức Tánh cung cầu lẫn nhau. Nhiên tánh cung cầu của Âm Dương là do chính bản thân Âm Dương có thừa thiếu nên phải tìm về nhau , giao dịch nhau để san xẻ sự tiện lợi hại lẫn cho nhau tạo thành cuộc sống động miên trường.

Âm Dương Đồng Dị tự chúng có nhu cầu lẫn nhau để cả hai cùng tồn tại và tiến bộ (tiến thoái hóa) gọi là ÂM DƯƠNG TƯƠNG CẦU. ÂM cầu DƯƠNG thì DƯƠNG cũng cầu ÂM, chứ không thể nói chỉ có cái này cầu cái kia không thôi.

Sở dĩ cầu là do có cung . Âm có khả năng cung cấp thừa thiếu cho DƯƠNG thì DƯƠNG mới cầu Âm . DƯƠNG có khả năng cung cấp thừa thiếu cho ÂM thì ÂM mới cầu DƯƠNG. Còn mức độ cung cầu thừa thiếu chơn giả là tùy lúc, tùy hoàn cảnh. Khi học tới KHOA THIÊN NHIÊN XÃ HỘI HỌC tức KHOA GIAO DỊCH XÃ HỘI sẽ rõ hơn.

2. LUẬT ÂM DƯƠNG TƯƠNG ĐỘNG TƯƠNG GIAO, TƯƠNG CẢM, TƯƠNG SINH THÀNH

** ÂM DƯƠNG TƯƠNG ĐỘNG :*

ÂM DƯƠNG lúc thừa lúc thiếu về sức cung hoặc cầu nên cả hai tự trong thâm tâm có khuynh hướng manh động, mái động (manh vi, manh nha) cung cầu cho nhau, gọi là tương động.

Sự manh động cung cầu tiềm ẩn thôi thúc Âm Dương ấy tạo thành một nguyên động lực khiến cho Âm Dương hấp dẫn nhau. Có khi chính Âm Dương cũng không hay biết là nó có sức cung, sức cầu thừa hoặc

thiếu đó, cũng như không ngờ mình có sẵn ái lực với nhau. Như nam với nữ, lửa với rơm, kẻ sản xuất-người tiêu thụ, lúc còn đang cách xa nhau mà đã có khuynh hướng manh nha, manh động, manh vi tìm về nhau. Ví như có người nói : như không nó chọc ghẹo tôi, không phải như không đâu. Tại bạn có cái gì đó mà nó cần lúc bấy giờ mà Bạn chưa biết, không ngờ đấy thôi : mắc thấy ghét cũng chọc đánh cho bõ ghét, mắc thấy thương chọc đánh cho dễ thương, thấy hoa đẹp ngắt chơi, ai biểu hồng nhan chi cho bạc mệnh v.v....

Xin nói rõ, ĐỘNG trong Dịch học là ĐỘNG TĨNH lẫn lộn. Tất cả đều là ĐỘNG, gọi là SỐNG ĐỘNG, vì không có vấn đề Tĩnh hoàn toàn Tĩnh mà chỉ có Tĩnh manh nha Động thì cũng là Động (Động sâu kín trong tình thế Tĩnh). Ngược lại, vì không có vấn đề Động hoàn toàn Động mà chỉ có Động manh nha Tĩnh (Manh nha Tĩnh cũng là cái động thiên cực Tĩnh). Hoặc có chiều hướng : TĨNH -TĨNH HƠN, ĐỘNG - ĐỘNG HƠN tức có sự thay đổi chuyển dịch từ trạng thái này sang trạng thái khác, từ Bộ mặt này sang Bộ mặt khác, tức là có DỊCH BIẾN mà hễ có DỊCH BIẾN là có vận động, sống động vậy.

Tóm lại ĐỘNG tức là không yên, không còn như cũ, là có thay đổi dù là bản chất hay hiện tượng, dù có khuynh hướng thiên về ĐỘNG hoặc TĨNH, cực ĐỘNG hoặc cực TĨNH .

* *ÂM DƯƠNG TƯƠNG GIAO*

ÂM DƯƠNG tương động dù là tự động bị động, thụ động (chủ động, chánh động, phó động) đến lúc nào đó do ngẫu nhiên hay tất định, vô tình hay cố ý gặp gỡ nhau, có qua lại nhau thì gọi là *tương giao*.

Âm Dương tương giao bằng mọi kiểu cách xa gần, thân sơ, ẩn hiện, nhiều ít tạo thành mối tương quan lâu bền hoặc nhất thời vào thời điểm nào đó gọi là *Trục Âm Dương, Trục Quân Bình Sinh Hóa.*

Âm Dương có động, có giao thì mới có biến hóa sinh thành được. Phải có CẤU TẠO thì mới HÓA THÀNH gọi tắt là TẠO HÓA . Chưa có vật việc gì không giao mà thành. Nhất Âm , Nhất Dương có giao nhau mới thành ĐẠO BIẾN HÓA.

Ở HẬU THIÊN có không gian thời gian thì ÂM DƯƠNG giao nhau phải có lúc, có chỗ. Chỗ lúc tức thời điểm Âm Dương giao nhau gọi là TRỤC. TRỤC không cố định mà tùy thuộc sự biến thiên của ÂM DƯƠNG . Trục thay đổi để ÂM DƯƠNG được quân bình sinh hóa : nhiều ít, nặng nhẹ, tiêu trưởng, ẩn hiện .... (Quân bình sinh hóa không phải chỉ là ngang bằng nhau về lượng hoặc chất). Thí dụ muốn có nước 60° , thì pha hai sôi, một lạnh (quân bình sinh hóa 60°). Muốn cây nghiêng ngả thì phải dùng sức lực đến mức độ ắt có và đủ để cây được quân bình sinh hóa nghiêng đổ. Muốn cây đứng vững thì lực trì kéo phải đúng độ số của quân bình đứng....

Hình cong chữ S trong Thái cực đồ là đường biểu diễn Trục Quân bình sinh hóa của Âm Dương thiên thắng. Bất cứ điểm nào trên đường chữ S cũng là điểm Âm Dương tương giao quân bình sinh hóa thành hiện tượng, trạng thái Âm nhiều Dương ít, Dương nhiều Âm ít hoặc Âm quá nhiều Dương quá ít hoặc Dương quá nhiều Âm quá ít. Đừng lầm tưởng điểm, tâm vòng tròn hoặc điểm giữa hình chữ S là Âm Dương quân bình hoàn toàn không có khuynh hướng thiên cực Âm hoặc thiên cực Dương, sinh hóa Âm hoặc sinh hóa Dương tức không có vấn đề quân bình bất biến hoàn toàn tĩnh lặng đâu mà hòng mơ ước chỗ bất sinh bất diệt hoặc đồng đều nhau. Không có một trọng tài nào hòan toàn vô tư khách quan mà không thiên nhiễm ít nhiều cả.

** ÂM DƯƠNG TƯƠNG CẢM*

Âm Dương khi cùng động, cùng giao ắt có trao truyền cảm xúc, thông tin, ảnh hưởng nhau, có san xẻ sự tiện lợi hại ít nhiều lẫn nhau sao đó, bất chấp có muốn hay không muốn.

Âm Dương khi giao cảm là có thọ nhận của nhau điều gì đó làm cho chúng tăng sức hoặc giảm sức ít nhiều gọi là chúng sinh khắc nhau. Tăng sức là sinh, giảm sức là khắc. Chúng có thể sinh mặt này mà khắc mặt khác, sinh khắc cùng lúc hoặc trước sau lẫn lộn. hoặc tham sinh vong khắc, tham khắc vong sinh... tạo ra mối tình Âm Dương bi hài, thương hận truyền kiếp.

Âm Dương muôn loài khi giao dịch với nhau liền có sự tương cảm không sao tránh khỏi, dù đó là sự cảm gì, cảm thế nào : cảm xúc, cảm thụ, cảm thông, cảm tình, cảm động, cảm nhiễm, cảm tưởng, cảm nghĩ, cảm hóa, cảm xạ, cảm tính, cảm tạ, cảm ơn, ...linh cảm, nhạy cảm, đa cảm, truyền cảm, ngoại cảm, cách cảm, đồng cảm....

Chính có sự giao cảm muôn vật mới hữu tình, hệ lụy nhau, quây quần tụ tán, sống chết vì nhau .

Giao cảm là điều kiện tất yếu để sinh thành muôn loài, có cấu tạo giao cảm mới hóa thành được..

** ÂM DƯƠNG TƯƠNG SINH THÀNH*

Muôn loài Âm Dương khi đã trải qua quá trình động giao cảm thì phải chuyển biến, chuyển hóa, thay đổi ít nhiều sao đó sinh ra , thành ra Bộ Mặt mới,hiện tượng trạng thái tốt xấu hơn, thuận nghịch hơn, tụ tán hơn...

Cả Âm lẫn Dương đều thay đổi, chứ không phải chỉ có một. Âm Dương hòa quyện chế hóa nhập cục tan biến vào nhau, cùng nhau sinh thành Bộ mặt mới, bất kể Bộ mặt mới như thế nào.

Mọi sự sinh thành đều phải có cấu tạo giao hợp . Nói là cấu tạo giao hợp thì tối thiểu phải có Hai thứ giống mà hơi khác hoặc quá khác mới giao được, chứ chỉ có một thì đâu có sự giao , giao là giao với cái gì

giống hoặc khác nó tức phải có Hai mới thành sự giao (cấu tạo). Có cấu tạo mới hóa thành.

Vậy trách nhiệm sinh thành là do HAI cái giống mà khác gọi là ĐỒNG DỊ ÂM DƯƠNG TƯƠNG SINH THÀNH, bất kể Đồng Dị, Âm Dương nào.

Đồng Dị Âm Dương ở muôn trùng thiên phạm vi gọi là Âm Dương Trời Biển Tình Ý , chứ đâu chỉ là một phạm vi Âm Dương mà hòng thoát khỏi. Cho là thoát khỏi phạm vi Âm Dương này thì cũng vướng phạm vi Âm Dương khác. trùng trùng điệp điệp bủa vây.

Đồng Dị Âm Dương ở đâu cũng có, luôn luôn động giao cảm nên muôn vật cứ phải sinh thành, không sinh thành kiểu này thì cũng sinh thành kiểu nọ. Chẳng ai khờ khạo dám nói thoát khỏi qui luật sinh thành bao giờ. Giấc mơ cõi vĩnh hằng bất sinh bất diệt cũng chỉ là giấc mơ, đẹp như mơ, chứ nào phải sự thật mà bỏ công tìm kiếm, mò trăng đáy nước.

Phân tích nhiệm nhặt đường đi của Âm Dương do cung cầu thừa thiếu mà phải *động giao cảm - sinh thành* như trên đây là theo nguyên lý, nguyên tắc. Còn trong thực tế cuộc đời rất nhiêu khê, phức tạp hơn nhiều nên vấn đề này sẽ được trình bày lại kỹ hơn ở phần khoa Giao Dịch Xã Hội (Khoa Thiên Nhiên Xã Hội Học).

3. LUẬT ÂM DƯƠNG TIÊU TRƯỞNG ẨN HIỆN :

NGUYÊN - HANH - LỢI - TRINH

Mọi cái THÀNH dù lớn hay nhỏ, nhanh hay chậm đều có tuần tự, trật tự của nó, trải qua các giai đoạn diễn tiến : -có khởi đầu - rồi lớn lên - đến trọn vẹn - thành ra nó.

Người xưa gọi đó là lý NGUYÊN - HANH - LỢI - TRINH, được luận giải rất kỹ trong KINH DỊCH cổ điển.

Ở chu kỳ lớn nhỏ cũng đều diễn tiến theo Lý NGUYÊN - HANH - LỢI - TRINH như sau :

NGUYÊN : Vạn vật chi thỉ

Khởi đầu của muôn vật gọi là NGUYÊN. Muôn vô hữu vật biến hóa (tiến thoái hóa) phải từ chỗ bắt đầu của nó. Không có vật gì mà không có khởi đầu trước đó. Không có KHỞI thì không có DỨT. Không có THỈ thì sao có CHUNG. Không có MANH NHA thì sao có BIẾN HÓA - HÓA THÀNH CỰC được.

Thường ai cũng biết bắt đầu sự việc gì đó, nhưng không phải ai cũng biết rành cái lý *bắt đầu của bắt đầu*, tức là biết vận dụng khéo léo ĐẠO MANH NHA (Manh động, manh vi) từ lúc chưa có gì hết để KHAI VẬT THÀNH VỤ , là biết cái gốc của mọi sự THÀNH .

Biết KHỞI NGUYÊN cho đúng NGUYÊN là một kỹ năng và cũng là một yếu tố hết sức quan trọng để THÀNH TỰU. (Sai một ly đi ngàn dặm)

Trên đường đời, chúng ta thường đứng trước nhiều ngã ba cần phải quyết định hướng đi. Giây phút chọn lựa quyết định đó rất quan trọng, không được coi thường vì khi đã tiến hành khá xa rồi thì khó có cơ hội trở lại (ván đã đóng thuyền)

Thánh trí thường khế hợp cùng TẠO HÓA đo lường lúc nào nên *Khai Nguyên Mới* cho Thiên hạ để Thiên hạ muôn loài có đường mà vào *Đạo Cả Vũ Trụ*. Công đức của người biết Khai Nguyên (bắt đầu của bắt đầu) thật không nhỏ vậy. Nhưng khi cỗ máy đã vận hành rồi thì người ta bị cuốn hút theo sự vận hành của cỗ máy, mấy ai rảnh nhớ, nhắc rành chuyện xửa xưa lúc hoang sơ chưa có gì, ai đã khởi động để có sự nghiệp như ngày nay.(Thành sự biết đâu người tài trí ?!) , Quên nhớ là chuyện thường tình của người đời, hơi đâu mà trách cứ .

HANH : VẠN VẬT CHI TRƯỞNG

Sức lớn lên của muôn vật gọi là HANH. Theo qui luật Biến Hóa, mọi vật khi đã khởi đầu rồi thì không thể dừng lại được nữa mà bước kế tiếp phải tăng trưởng, khoáng trương, phát triển liên tục theo chiều hướng thuận hay nghịch.

HANH TRƯỞNG là giai đoạn cần phải có dù nhanh hay chậm để chủng tử mọi vật lớn dần. Có nẩy nở mới có tựu thành. Nếu HANH TRƯỞNG không khéo, không đúng qui cách, không đúng chiều hướng thì sự thành tựu sẽ bị lệch lạc hoặc đi nghịch lại. Sự quan tâm chăm chút bồi dưỡng mầm non cho nó nẩy nở lớn lên là rất cần thiết đúng theo qui luật tiến thoái hóa.

Ở đời cũng không ít người vô trách nhiệm "đem con bỏ chợ", "đánh trống bỏ dùi" hoặc không biết trì chí nuôi dưỡng hạt nhân để cho nó lép hư, hoặc cứ lay hoay chuyền cành, hết bắt đầu này lại sang bắt đầu khác, chưa hanh thông được sự nghiệp gì toại ý.

Vậy công đức HANH TRƯỞNG cũng không phải nhỏ . Sinh dưỡng đạo đồng. Không có công sinh thì cũng có công dưỡng. (Trời sinh muôn vật: Thánh nhân nuôi người). Là người hiền đức phải giữ vẹn tứ ân : ân tổ tiên cha mẹ, ân thầy bạn, ân đất nước, ân đồng bào và nhân loại. Những người đó đã sinh ra ta nuôi dưỡng ta khôn lớn, dạy dỗ giúp đỡ ta nên người, cho ta cuộc sống an lành hạnh phúc nên ta phải nhớ công ơn của họ mà lo đền đáp.

LỢI : VẠN VẬT CHI TOẠI

Sức lớn lên đến cực độ thỏa chí của muôn vật gọi là Lợi. Sức lớn lên theo đà trưởng hiện hoặc tiêu ẩn đến mức cùng tột (cực đại hoặc cực

tiểu) thì thôi, chứ không thể lớn lên mãi mãi vô giới hạn được. (Lợi đã cùng ắt thôi)

Giai đoạn cùng tột được ví như vạn vật đã toại chí hoàn tất, hết sức, hết mức, không thể thêm được nữa. Ví như con người trưởng thành đến độ thành nhơn chi mỹ, còn muốn gì hơn nữa. Ví như cái gì đến độ bảo hòa thì thôi.

Biết được cái giới hạn cuối cùng cho phép, vạn vật phải dừng lại đúng lúc tại đó để an hưởng cái đã đang có thì được mãn nguyện, toại nguyện thì hạnh phúc biết bao. Đừng có tham lam sẽ chuốc họa dù là đại quá hoặc tiểu quá (già néo đứt dây, con nhái muốn to bằng con bò cũng không được mà e có điều hối tiếc, kháng long thì hữu hối. tiềm long thì vật dụng ấy vậy)

Làm người phải biết tới đâu là đủ và chấp nhận tới đó (tự mãn). Cứ tận nhân lực đi rồi đến lúc nào đó tri ra thiên mạng thì dừng lại là vừa hoặc tri thiên mạng trước đi rồi hãy tận nhân lực cho khớp với thiên mạng thì thôi.

TRINH : VẠN VẬT CHI THÀNH

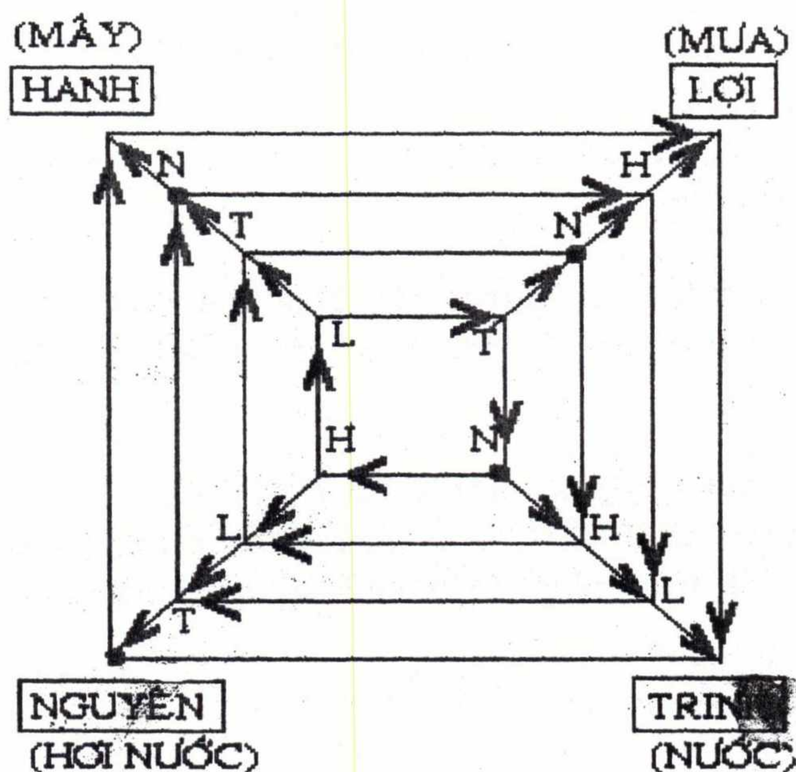
Hoàn tất một chu kỳ biến hóa hóa thành gọi là TRINH. Mọi vật đều trải qua quá trình : **khởi đầu - lớn lên - toại chí** thì phải đến lúc kết thúc để chuyển qua chu kỳ khác kế tiếp.

TRINH là lúc kết thúc một quá trình Biến Hóa để HÓA THÀNH Bộ mặt mới (cực) so với bộ mặt cũ lúc khởi đầu (NGUYÊN). Rồi Bộ mặt mới lại tiếp tục manh nha - biến hóa - hóa thành Bộ mặt mới nữa cứ theo nhịp điệu diễn tiến tuần tự, trật tự : Nguyên - Hanh - Lợi - Trinh như thế.

Hễ có Khởi thì phải có Dứt, có NGUYÊN phải có TRINH, có nhân phải có quả, bất kể nhân gì, quả nào. Luật Nhân Quả thật là cao viễn,

chúng ta phải nghiêm túc học tập trong một đề mục riêng mới có thể thông suốt được.

Để minh họa LÝ - NGUYÊN - HANH - LỢI - TRINH, chúng ta theo dõi hình đồ : CHU TRÌNH NGUYÊN-HANH-LỢI-TRINH như sau :

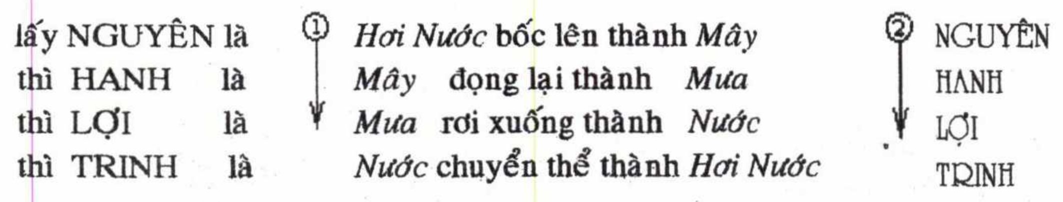


Chu trình NGUYÊN HANH LỢI TRINH ví như một hình vuông khép kín được phóng to thu nhỏ thành 4 hình vuông.

Bất cứ ở góc nào của hình vuông cũng đều là NGUYÊN HANH LỢI TRINH được . Nếu ta cho tại đâu là gì thì sẽ có diễn tiến tuần tự kế tiếp của nó theo chiều kim đồng hồ sẽ thấy thứ tự NGUYÊN HANH LỢI TRINH của nó.

CHU KỲ TUẦN HOÀN : có thể khởi NGUYÊN từ góc nào cũng được trong 4 góc (Hơi Nước , Mây, Mưa, Nước) thì góc kế tiếp của nó sẽ là HANH LỢI và TRINH.

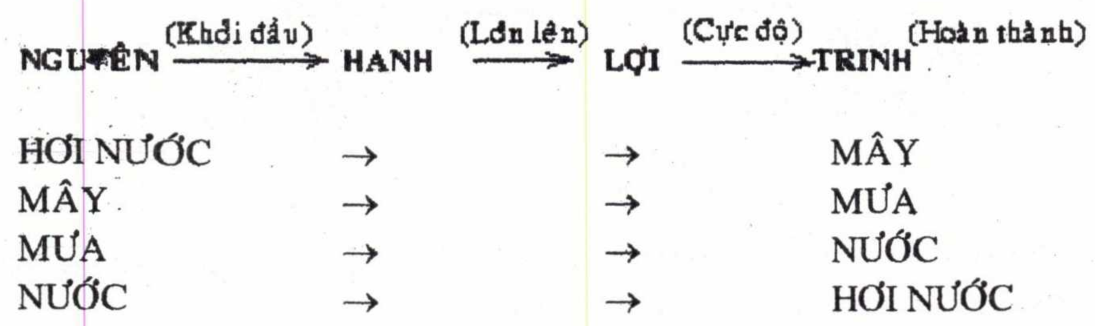
Thí dụ :



Nếu khởi NGUYÊN là MÂY thì MƯA là HANH, NƯỚC là LỢI và HƠI NƯỚC là TRINH......②

NGUYÊN là NGUYÊN của HANH, HANH là NGUYÊN của LỢI, LỢI là NGUYÊN của TRINHH, TRINH là NGUYÊN của NGUYÊN chu kỳ sau kế tiếp.

CHU KỲ NHIỆM NHẶT : Mỗi giai đoạn lớn của chu kỳ tuần hoàn NGUYÊN HANH LỢI TRINH lại có những bước nhỏ nhiệm nhặt cũng tuần tự NGUYÊN HANH LỢI TRINH nối tiếp nhau. chẳng hạn :



Chu kỳ tuần hoàn NGUYÊN- HANH- LỢI- TRINH cũng được minh họa trong câu : "chu nhi phục thỉ, như hoàn vô đoan" (đi rồi trở lại chỗ khởi đầu như vòng kiền không đầu mối), ngụ ý : ĐẠO DỊCH BIẾN TUẦN HOÀN BẤT TẬN mà Lý NGUYÊN- HANH- LỢI- TRINH diễn đạt hết sức chính lý, rõ nét hơn, bao quát hơn THÀNH - TRỤ - HOẠI - KHÔNG hoặc SINH - LÃO - BỆNH - TỬ vậy.

ÂM DƯƠNG ĐỒNG DỊ theo chu kỳ tuần hoàn NGUYÊN- HANH- LỢI- TRINH từng bước nhiệm nhặt tiêu trưởng ẩn hiện. Bước trước tiêu ẩn để bước sau trưởng hiện. Bước này tiêu ẩn tới đâu thì lập tức cùng lúc bước kia trưởng hiện tới đó.

NGUYÊN tiêu ẩn trong HANH : HANH trưởng hiện.

HANH tiêu ẩn trong LỢI : LỢI trưởng hiện.

LỢI tiêu ẩn trong TRINH : TRINH trưởng hiện

TRINH tiêu ẩn trong NGUYÊN : NGUYÊN trưởng hiện.

Mỗi giai đoạn trưởng hiện đều có ôm chứa ba giai đoạn trước đang tiêu ẩn và đồng thời có manh nha ba giai đoạn sau kế tiếp sắp trưởng hiện, tạo thành dòng sống động chuyển dịch không sao ngừng được nữa. Thế mới gọi là qui luật ÂM DƯƠNG TIÊU TRƯỞNG ẨN HIỆN tức Âm Dương thiên thắng : Âm thiên cực tiểu thì Dương thiên cực đại. Dương thiên cực tiểu thì Âm thiên cực đại. ÂM DƯƠNG co dãn đối ứng hữu cơ lẫn nhau : vừa hưng phấn vừa ức chế nhau, để sau cùng cả hai đều tồn tại tạo cuộc quân bình sinh hóa chung.

III. BA HỆ LUẬN LÝ THÀNH THEO HẬU THIÊN

- LÝ ĐỒNG NHI DỊ : *Một mà Hai*
- LÝ KHỞI DỨT : *Âm trước Dương sau*
- LÝ TRƯỞNG HIỆN : *Bộ Mặt Mới phủ lên trên.*

TÔI - CON NGƯỜI hậu thiên quen sống trong môi trường có không gian thời gian (hậu thiên), nên bất cứ hiểu biết nào cũng phải được diễn đạt có trình tự thời điểm thì TÔI - CON NGƯỜI mới có thể học hiểu

được, Hơn nữa, nếu sự diễn đạt càng chắc lý thì TÔI - CON NGƯỜI càng công nhận tính khoa học tối ưu của nó.

Vì vậy TÔI - CON NGƯỜI lấy kiến thức hậu thiên thử diễn đạt LÝ THÀNH để thấy sự hợp lý hóa biện chứng gọi là HỆ LUẬN LÝ THÀNH theo HẬU THIÊN.

TÔI - CON NGƯỜI thường nghiệm mọi sống động của vũ trụ vô hữu thấy có ba biểu hiện mấu chốt hữu cơ của LÝ THÀNH là :

HỆ LUẬN I LÝ ĐỒNG NHI DỊ

MỘT MÀ HAI
MỘT MÀ CÓ HAI
MỘT LÀ HAI

Như chúng ta đã biết Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ tức LÝ ÂM DƯƠNG là tiềm lực của mọi Biến Hóa - Hóa Thành tạo dựng muôn loài vạn vật khắp nơi và mãi mãi, là chân lý tuyệt đối của mọi Vũ Trụ Vô Hữu, là Nguyên lý Cấu Tạo Hóa Thành Vạn Hữu .

Chính TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC TÔI - CON NGƯỜI đã khám phá ra Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG và BIẾN HÓA LUẬT TẠO LẬP Vũ Trụ và TÔI - CON NGƯỜI đã xác định : LÝ ĐỒNG NHI DỊ là nội dung chính của LÝ THÀNH. Để cho dễ hiểu hơn, chúng ta thử dùng số lý để minh họa LÝ ĐỒNG NHI DỊ như sau :

1. ĐỒNG NHI DỊ là MỘT mà có HAI :

thuộc phạm vi phân tích.

Khi phân tích MỘT cái THÀNH là một tập hợp, một tổng thể thì tối thiểu cơ cấu của nó phải có HAI thành phần, Hai yếu tố giống mà hơi hơi khác... quá quá khác nhau, đang chung hợp giao dịch kết cấu thành cái Một tổng thể, tập hợp đó.

Hai là số lý tối thiểu, có thể nhiều hơn đến vô số kể, kết cấu bên trong thành một tập hợp. Nói là một tập thể, một cộng đồng thì phải tập hợp nhiều phần tử thành viên, ít nhất cũng phải có hai thì mới đúng danh nghĩa là một tập hợp. Chỉ có Một thành viên thì không thể gọi là một tập hợp được. Ví như là một gia đình thì ít nhất cũng phải có hai người làm thành viên của gia đình, mới gọi được đó là một gia đình. Một cộng đồng xã hội tối thiểu cũng phải có hai thành phần : thống trị và bị trị, có người lãnh đạo thì phải có kẻ bị lãnh đạo hoặc được lãnh đạo.

Một mà có Hai là sự thật hiển nhiên tối thiểu nhất của bất cứ một cái THÀNH nào.

Lưu ý đừng hiểu lầm phạm vi rồi nói xuyên tạc theo kiểu một cái bánh mà có hai cái bánh, mà phải hiểu đúng tư cách triết lý là một cái bánh gồm có ít nhất hai miếng bánh. Triết là chặt, là phân ra, là mổ xẻ cái gì đó để tìm thấy lý lẽ. lý do, lý luận (cách vật trí tri) mới gọi là triết lý.

Nói một cái bánh mà có hai miếng bánh, nghe được hữu lý. Còn nói một cái bánh mà có hai cái bánh, nghe sao giống ảo thuật quá. Phải phân biệt *cái* bánh với *miếng* bánh : cái là nói phạm vi toàn thể chỉnh thể thống nhất, còn miếng là nói phạm vi cá thể, phân tích, chia cắt. Không được lập lờ đánh lận con đen nói miếng bánh là cái bánh được.

Người xưa cũng đã thận trọng , sợ hậu sinh hiểu lầm nên phải nói rõ : Thái cực sinh Lưỡng nghi Âm Dương là khi phân tích triết lý thấy trong Thái cực là cái Một phải có tối thiểu hai thành phần giống mà hơi hơi khác là Âm Dương gọi là Lưỡng nghi, chứ đâu có nói Một Thái cực sinh Hai Thái cực đâu. Cũng thế theo đà phân tích chiều sâu phát hiện tiếp : Lưỡng nghi sinh Tứ Tượng, nói Nghi sinh Tượng chứ không nói Nghi sinh Nghi. Rồi đến Tứ Tượng sinh Bát Quái, nói Tượng sinh Quái chứ đâu có nói Tượng sinh Tượng để cho người sau hiểu lầm suy diễn lung tung.

134

2. ĐỒNG NHI DỊ là MỘT MÀ HAI

Thuộc Phạm Vi Ẩn Hiện

Sự vật việc có trên dưới trong ngoài, có chu vi có đơn vị tùy lúc ta chọn góc độ nào, phạm vi nào để ngắm nhìn đề cập tới thì cái đó hiện , còn cái kia ẩn hoặc ngược lại.

Ví như **rừng** với **cây** . Rừng cây là nói toàn cảnh , khác với cây rừng là nói phạm vi cục bộ gốc cây . Nhìn ở xa thấy là một rừng cây, khi đến thật gần thấy rõ từng cây. Vậy có lúc thấy rừng mà không thấy cây, có lúc thấy cây mà không thấy rừng . Đó là sự ẩn hiện của **Rừng** và **cây**.

Dân ta cũng khá rành phạm vi Ẩn hiện : ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG, giống mà khác - khác mà giống, nên thường nói câu chí lý :

"MÌNH với TA, tuy HAI mà MỘT
TA với MÌNH, tuy MỘT mà HAI."

HAI là ĐỒNG DỊ ÂM DƯƠNG phải thống nhất mới thành MỘT . Nhưng MỘT nào cũng kết cấu tối thiểu bởi Đồng Dị Âm Dương là HAI. Vậy nói HAI phải hiểu đó là MỘT, nói MỘT phải hiểu đó là HAI.

Người có sức hiểu biết ẩn hiện như vậy mới là hiểu biết đúng sự thật. Riêng người học Dịch quá rành lý Âm Dương ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG nên nói MỘT MÀ HAI - HAI MÀ MỘT là biết ngay đang đề cập vấn đề ở phạm vi Ẩn Hiện : thấy được cả hai mặt của một vấn đề và một vấn đề nào cũng có tối thiểu hai mặt cùng lúc : một ẩn, một hiện, lúc MỘT lúc HAI. MỘT cũng là đó, HAI cũng là đó, **giống** nhau cùng một thứ (ĐỒNG) nhưng hơi **khác** nhau tùy nơi tùy lúc ẩn hiện (DỊ).

Ví như trong đời sống vợ chồng, cho dù hai người rất mực tâm đầu ý hợp, tri âm tri kỷ, thương yêu da diết, hẹn thề chung thủy suốt đời, hi sinh cho nhau vô điều kiện, thậm chí còn muốn khi chết đồng quan

đồng quách .... Nhưng rồi thực tế vẫn là thực tế : vợ là vợ, chồng là chồng, thân phận tuy có chung mà vẫn có cái riêng, cái giới hạn cuối cùng, không được phép cũng như không thể vượt qua được, cả hai phải giữ gìn, tôn trọng cái TÔI của nhau (vợ chồng tương kính như tân). Nếu không , đó không phải là đời sống vợ chồng có đạo lý nữa mà là một thảm họa vong thân mất nết cho cả hai.

TẠO HÓA không bao giờ cho phép muôn vật hoàn toàn ĐỒNG (ĐỒNG hoá) hoặc hoàn toàn DỊ (DỊ hóa) vì sẽ đi vào Tử lộ nên bắt buộc phải dụng phép ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG để khai sinh lộ, đưa đẩy muôn loài sống động miên trường, chỉ biến thể chứ không tiêu diệt gì được nhau.

3. ĐỒNG NHI DỊ là MỘT LÀ HAI
Thuộc Phạm Vi Vô Hữu Lý .

Không một cái TÔI - CON NGƯỜI nào mà không dùng cái Vô Lý-Hữu Lý sẵn có ở LÝ TRÍ TÁNH của mình để phán xét mọi thứ. TÔI - CON NGƯỜI nhận thức sự việc rồi lý luận sao đó để mỗi lúc có một kết luận cho rằng sự việc đó là hữu lý, vô lý hoặc phi lý... Dĩ nhiên kết luận vô hữu lý đó thường dẫn tới biểu lộ bằng những động thái thuận hay nghịch đối với vấn đề.

Vậy cùng là MỘT LÝ (ĐỒNG) mà lúc thì Vô lý, lúc thì Hữu Lý (DỊ). Rõ ràng ĐỒNG NHI DỊ ở phạm vi Vô Hữu Lý là Một là Hai _ Hai là Một . MỘT LÝ là LÝ VÔ HỮU, HAI LÝ là VÔ LÝ và HỮU LÝ đều có thật cả. Nói Một cũng được vì Một là Hai - Hai là Một tương đương nhau .

Chẳng hạn ngay khi chúng tôi nói Âm là Dương, Dương là Âm , chắc chắn lập tức ít nhiều cũng có hai ý kiến phản bác nhau :

- người thấy hữu lý thì cho là đúng .

- người thấy vô lý, phi lý thì cho là không đúng.

Ngay chính bản thân Bạn cũng vậy, lúc đầu thấy vô lý, lúc sau thấy hữu lý hoặc ngược lại .

Vô Hữu Lý khiến cho TÔI - CON NGƯỜI điên đảo, đảo điên. Người mới học Dịch lúc đầu cũng khổ sở lắm vì loại câu nói MỘT là HAI - HAI là MỘT này. Nhưng dần dà đến lúc hiểu được : Chân Lý Tuyệt đối nhất định phải đúng cho cả hai vừa vô lý vừa hữu lý. Có như vậy mới xứng đáng là chân lý tuyệt đối, đúng cho mọi trường hợp, mọi lúc, mọi nơi, bằng không đó chỉ là triết lý vùng, chân lý nửa vời, một chiều mà thôi.

Vậy chỉ có CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI mới là LÝ MỘT LÀ HAI - HAI LÀ MỘT, vì nội dung đích thật của chân lý Tuyệt đối là TƯƠNG ĐỐI và TƯƠNG ĐỐI chính là chân lý Tuyệt đối. Nói ngắn gọn TUYỆT ĐỐI là Tương đối, Tương đối là Tuyệt đối. Nhắc lại có người nói : trên đời này không có gì tuyệt đối cả, chỉ có tương đối mà thôi. Rõ ràng câu nói này họ đã tuyệt đối hóa cái lý lẽ Tương đối mà họ không ngờ .

Chắc chắn đa số nhân loại sẽ còn lấy làm khó chịu thậm chí còn dõng dạc tuyên bố không chấp nhận lý lẽ *Một Là Hai*, vì từ xưa đến nay có mấy ai được sáng tỏ chân lý này. Đa số vẫn còn chết ngộp trong cái hiểu biết *Một Là Một, Hai Là Hai*, còn lâu lắm mới có nhiều người hiểu nổi *Một Là Hai - Hai Là Một* . Họ cho *Một Là Hai* là ba phải ?! Một cũng đúng Hai cũng đúng ! Nhưng để giúp các Bạn hiểu học có cách phân biệt giữa chân lý và ước mơ, chúng tôi xin mách nước :

- Câu nói nào *Một* là *hai*, *Một* mà *Hai*, *Một* mà có *Hai* là câu chân lý, còn *Một* là *Một* là thuộc ước mơ. Chân lý là sự thật không thể chối cãi, còn ước mơ thì tha hồ mơ ước, tha hồ bàn cãi vì hầu như ước mơ nào cũng lý tưởng hóa một chiều. Rất hiếm khi ước mơ trùng với chân lý. Còn chân lý không cần ước mơ hay không . Sự thật hiển nhiên phải như vậy (Chân Như), muốn hay không nó vẫn là thế, như thế.

Chẳng hạn nói : "giết người là ác". Có chắc là ác không ? Có trường hợp nào giết người hàng loạt mà vẫn cho là thiện, là nhân đạo, là chính nghĩa không ?! Đối với người từng trải tình đời tình người, câu

trả lời không khó gì . Họ còn biết rõ ai thường nói câu này, do động cơ nào và còn có người cho giết người là Thiện nữa. Thế đâu là sự thật ?!

Sự thật là chỉ có mỗi một chuyện giết người mà kẻ cho là thiện, kẻ cho là ác. Vậy giết người là thiện ác do vô hữu lý mà giết người, do vô hữu lý mà cho là thiện hoặc cho là ác và cũng do vô hữu lý mà ta đồng ý hoặc bất đồng ý hành vi thiện hoặc hành vi ác đó ....

Cái vòng xiềng vô hữu lý bất tận khiến TÔI - CON NGƯỜI cuối cùng đuối sức phải thừa nhận chính TÔI - CON NGƯỜI lúc nào cũng vô hữu lý với chính mình thì còn tranh cãi, tranh biện với nhau làm gì vô ích. Tranh cãi đã rồi cũng chỉ thấy vô lý đối với mình mà hữu lý đối với người hoặc ngược lại. Vì vô hữu lý là hiện thân của tiềm lực yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG

- Người học Dịch biết rất rõ thiện ác , tốt xấu, lợi hại là cùng lúc và càng sáng tỏ ở tận cùng kỳ lý : Thiện là Ác, Ác là Thiện, Tốt là Xấu, Xấu là Tốt, Lợi là Hại, Hại là Lợi. Đó là Vô Hữu lý cùng lúc, Vô lý là Hữu lý, Hữu lý là vô lý. Một là Hai, Hai là Một, Âm là Dương, Dương là Âm . Những điều Tôi nói trên, Bạn có đồng ý hay không đồng ý, có chấp nhận hay không chấp nhận thì chính Bạn cũng đang vô hữu lý với Bạn trước vấn đề vô hữu lý, như TẠO HÓA là hiếu sinh hay hiếu sát ??? Chắc bạn cũng đã từng thận trọng trước những câu nói một chiều kém vô tư đại loại MỘT LÀ MỘT như : “*Nhân chi sơ tánh bản Thiện* “ hoặc “*Nhân chi sơ tánh bản ác* “.

Người mong muốn thiện thì cố tình nói lệch một bên thiện, kết tội cái mình cho rằng ác. Ngược lại người muốn che đậy tội ác, hung bạo dã man cũng dùng lắm lời bào chữa để hợp lý hóa việc ác, như nói : “vật dưỡng nhơn”, rồi tha hồ sinh sát hoặc nói : “Nhân linh ư vạn vật”,”con người là động vật cao cấp” rồi tự cao, tự đại, tự cho con người có quyền miệt thị, hà hiếp muôn loài. Con người tự vẽ bùa mình đeo nên phải chịu luật Nhân Quả nghiệt ngã cho chừa ngạo mạn để biết điều hơn, công bằng chấp nhận : người có linh và không linh, vật cũng có linh và không linh. Linh về phạm vi nào, Không linh về việc gì....

Sự thật TÔI - CON NGƯỜI muôn thuở vẫn là kết tinh của nhân loại đã qua dồn tụ đến ngày nay gồm mọi sự chí thiện và chí ác. TÔI - CON NGƯỜI là một sống động tự do trong qui luật sống động nên TÔI - CON NGƯỜI phải chịu trách nhiệm về mọi việc thiện ác của mình trước qui luật TẠO HÓA.

Mới nghe qua câu nói trên, có bạn cho là hữu lý, chính lý. Đừng vội bạn ạ ! Nó có vô lý phi lý đấy, nếu chiết tính cho kỹ. Đồng nhi Dị vô hữu lý đầy dẫy trong đó. TRỜI ĐẤT còn phải chịu Đồng nhi Dị Vô Hữu lý thì sá gì TÔI - CON NGƯỜI chẳng có Vô Hữu lý ĐỒNG NHI DỊ : MỘT LÀ HAI là mâu thuẫn.

Người ta mải miết đề cao học thuyết mâu thuẫn, lại không chấp nhận MỘT LÀ HAI mà chỉ có MỘT LÀ MỘT thì càng mâu thuẫn hơn, càng lún sâu vào vô hữu lý hơn không lối thoát. Chung qui cũng tại Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG làm cho TRỜI ĐỜI NGƯỜI phải thất điên bát đảo, mũ mũ mịt mịt, chẳng hiểu ra sao nữa ?! Nhưng vẫn phải tiếp tục ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG không thôi. Đúng là nghiệp chướng của mâu thuẫn ĐỒNG NHI DỊ rồi ! Làm sao chối cãi được khi lọt vào phạm vi của Lý giới là vô Hữu lý cùng lúc, vì tận cùng kỳ lý của LÝ là LÝ VÔ HỮU - HỮU VÔ biến hóa từ Vô lý tới Hữu lý, từ Hữu lý đến Vô lý nhiệm nhặt vô cùng, mâu thuẫn đồng dị vô cùng.

HỆ LUẬN II : LÝ KHỞI DỨT

Âm trước Dương sau.

TÔI - CON NGƯỜI sống động trong không gian thời gian nên có nhận thức mọi vật, mọi hiện tượng biến dịch theo diễn tiến có nhân quả trước sau kế tiếp (đệ nhiên sinh hóa) : KHỞI trước DỨT sau và qui ước Âm trước, Dương sau.

Sự diễn tiến sống động Âm trước Dương sau ở Hậu Thiên làm cho TÔI - CON NGƯỜI cảm thấy sự MAMH NHA - BIẾN HÓA - HÓA THÀNH có tuần tự trật tự khác với Tiên Thiên chưa có không gian thời

gian nên KHỞI DỨT cùng lúc, ÂM DƯƠNG cùng lúc không trước không sau, Manh nha - Biến hóa - Hóa Thành một lượt.

Tiên Thiên là lúc khởi Đầu Tạo lập Vũ Trụ, Tạo Hóa trổ sinh trọn gói lập tức và mầu nhiệm nên THÀNH là THÀNH một lượt cùng lúc. Do đó có thể nói LÝ THÀNH là *Một* mà *Hai*, *Một* mà *Ba*, *Một* mà *Bốn*, *Một* mà *Năm*, *Một* mà *Tám* , *Chín*, *Mười*; *Một* mà 64, *Một* mà muôn Trùng THIÊN....Phân tích ra là MUÔN TRÙNG THIÊN nhưng tổng qui lại chỉ là MỘT HÓA THÀNH, MỘT CÁI THÀNH . TIÊN HẬU THIÊN đồng NHẤT LÝ là LÝ THÀNH .

Hậu Thiên là lúc có Biến Hóa Luật rồi NHÂN đó trổ sinh QUẢ là muôn loài vạn vật.

Chuỗi lý Nhân Quả **Khởi Dứt Khởi** hậu thiên trùng trùng điệp điệp vây phủ, tròng chéo lẫn nhau. Nhân này là Quả của Nhân kia, Quả này là Nhân của Quả kế tiếp không đứt đoạn.

Nhân Quả manh nha - biến hóa - hóa thành cũng theo khít khao yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG :

Một Nhân có thể đưa đến Một Quả

Một Nhân có thể đưa đến Nhiều Quả

Nhiều Nhân có thể đưa đến Nhiều Quả

Nhiều Nhân có thể đưa đến Một Quả

Thông thường Nhân nào Quả nấy , dị thường Nhân này Quả nọ. Thế mới là đảo điên, điên đảo, rắc rối cuộc đời.

Do đó, không thể khẳng định "Muốn là Được" vì có thể xảy ra các trường hợp Nhân Quả Đồng Dị giữa Muốn và Được như sau :

- Muốn mà Được - Muốn mà không Được

- Không muốn mà Được - Không Muốn thì không Được.

Đó là chưa kể : *- có cái muốn được ngay.*

- có cái muốn lâu mới được.

- có cái muốn chẳng bao giờ được .

Nhưng dầu sao cũng phải có NHÂN mới có thể được QUẢ - QUẢ nào cũng phải có NHÂN . Nên xưa nay Đạo Làm Người rất thận trọng lúc gieo NHÂN (manh nha manh động, manh vi) để hy vọng có QUẢ như ý.

Đó là TÔI - CON NGƯỜI biết vận dụng đúng đắn LÝ KHỞI DỨT : ÂM trước, DƯƠNG sau cho nhu cầu sống chết của TÔI - CON NGƯỜI.

HỆ LUẬN III : LÝ ĐỔI MỚI

Bộ Mặt Mới Phủ Lên Trên

Ở Hậu Thiên , tất cả đều thay đổi, trừ LÝ ĐỔI THAY thì không bao giờ thay đổi.

Bất kể thứ gì khi có thay đổi là ĐỔI MỚI.

ĐỔI MỚI có nghĩa là từ tình trạng hiện tượng trước đó (BỘ MẶT CŨ) có chuyển biến thành giống mà hơi hơi khác .... quá quá khác với chính Nó, tức đổi thành tình trạng, hiện tượng sau đó (BỘ MẶT MỚI).

Cũ mới là trước sau. Cùng là một BỘ MẶT vì biến thiên theo không gian thời gian nên có trước sau cũ mới ở mỗi thời điểm. Chẳng hạn TÔI - CON NGƯỜI lúc thai nhi, lúc 1 tuổi, 5 tuổi, 10 tuổi, 30 tuổi, 60 tuổi, 100 tuổi.... sung mãn, già nua, bịnh hoạn, qua đời cũng chỉ có một cái TÔI (*Một Bộ Mặt*) mà mỗi lúc hơi hơi khác (đổi mới) lâu dần thành quá quá khác (đổi mới). Như cái áo tôi vừa mua hôm nay là áo

mới, tôi mặc đến một hai năm sau rách nát có thể làm nùi giẻ. Áo rách nát đó cũng là áo mới (có sau) do với áo hiện nay có trước trở thành áo cũ.

Rõ ràng Bộ mặt mới rách nát phủ lên trên Bộ mặt cũ lành lặn. Nếu tôi đem cắt vá mạng lại cho lành lặn thì áo mới vá lành lặn là Bộ mặt mới tân trang phủ lên Bộ mặt cũ rách rưới.

Chuyện tân trần đại tạ, thay cũ đổi mới là việc hiển nhiên bình thường, bất kể đổi mới như thế nào, muốn hay không muốn đều phải đổi mới không ngừng.

Người xưa có câu về đổi mới không ngừng là : "*Nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân*" (ngày mới, ngày càng mới, luôn luôn là ngày mới).

Có người thích sự thay cũ đổi mới, mong chờ đổi mới, cũng có người chán ghét sợ sệt đổi mới, sanh ra bảo thủ. Chẳng hạn, người nói "ngày tam nương là ngày sát chủ" và rất sợ kiêng kỵ không dám động đậy chuyện gì vào ngày đó. Sự thật ngày này cũng như ngày khác, ngày nào mà chả có sát chủ cũ, dựng chủ mới. Người bảo hoàng, thủ cựu tiếc rẻ ba triều đại bên Tàu bị ba nàng Muội Hỉ, Bao Tự, Đắc Kỷ làm sụp đổ, nên chọn ngày nào đó gọi là Ngày Tam Nương Sát Chủ.

Vậy ai là chủ cũ hoặc theo chủ cũ thì sợ đổi mới coi là ngày Quốc Hận, còn ai là chủ mới hoặc theo chủ mới thì đó là ngày Quốc Khánh ăn tiệc mừng, vì sát chủ cũ chứ có sát chủ mới đâu. Nhờ có Tam Nương sát được chủ cũ, thì chủ mới được thay thế dựng nên nghiệp mới.

Đổi mới là qui luật tự nhiên , bất chấp TÔI - CON NGƯỜI nào thích hay không thích chống hay không chống tất cả đều phải đổi mới, phải trôi lăn theo dòng tiến thoái hóa của vũ trụ vô hữu muôn loài (vật đổi sao dời) không đình nghỉ.

Mỗi lúc Bộ mặt mới chồng chất, phủ chụp trong ngoài trên dưới Bộ mặt cũ. Nói tắt là Bộ mặt mới phủ lên trên Bộ mặt cũ. Nói theo lối ẩn dụ là lớp bụi thời gian phủ lên lâu dần che lấp mờ nhạt Bộ mặt cũ. Nói theo chiều quen nhìn của TÔI - CON NGƯỜI ở trên quả đất có sức hút

mọi vật rơi từ trên rơi xuống dưới, đóng đầy thành tầng tầng lớp lớp, càng ở dưới sâu càng lâu đời xưa cũ, bị lớp mới non trẻ phủ chụp lên trên. (Bãi bể biến cồn dâu)

Ba HỆ LUẬN LÝ THÀNH theo Hậu Thiên này rất quan trọng mà tiền nhân đã vận dụng làm cơ sở để cụ thể hóa, hữu hình hóa Dịch lý gọi là thành lập Bát Quái do Âm Dương cấu tạo hóa thành

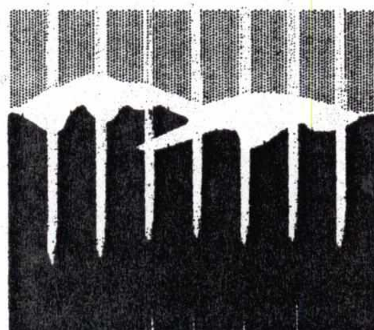
Vậy xin nhớ kỹ *BA HỆ LUẬN LÝ THÀNH* :

- *Lý ĐỒNG NHI DỊ* : *MỘT MÀ HAI*

- *Lý KHỞI DỨT* : *ÂM trước DƯƠNG sau*

- *Lý ĐỔI MỚI* : *BỘ MẶT MỚI phủ lên trên.*





143

BÀI TOÁN THÀNH VÔ TƯ VÀ HỆ THỐNG

BÀI VI

KINH DỊCH XƯA VÀ NAY

I. TỪ NHẬN THỨC VỀ DỊCH LÝ

Diễn trình khám phá ĐỊNH LUẬT 8 (BÁT QUÁI) và HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ (64 DỊCH TƯỢNG) là cả công trình lao động bằng tim óc rất độc đáo của tiền nhân Á ĐÔNG. Kết quả công trình đã có từ lâu đời, nhiều thế hệ tiếp nối tận dụng khai thác có hiệu quả ở nhiều lãnh vực.

Riêng chúng tôi là những nhà Dịch lý học chuyên sâu nên đã cẩn thận thể nghiệm minh chứng di sản của tiền nhân, tuy có sáng tạo, nhưng không được phép dừng lại ở thành quả thực dụng mà bổn phận phải lý giải cho được những gì mình dùng xài để cầu tiến.

Chúng tôi thử đặt mình vào cương vị như lúc tiền nhân bước dần vào thế giới lý học lúc khám phá qui luật Dịch Biến và hữu hình hóa Dịch lý thành khoa học Dịch lý.

Dõi theo bước đi của tư tưởng tiền nhân sao cho hợp lý, hữu lý không phải là chuyện dễ. Sau cùng chúng tôi cũng theo kịp dấu vết neo ý của tiền nhân. Nay xin được phục hiện chậm lại trong đề tài KINH DỊCH XƯA VÀ NAY thuộc phân khoa TRIẾT DỊCH của VIỆT NAM KHOA DỊCH LÝ HỌC. Mong các bạn nghiêm khắc chỉnh lý cho, để sự lập luận biện chứng ngày càng hữu lý và nhất quán hơn.

Khi tiền nhân kịp hiểu LÝ DỊCH là Lẽ BIẾN HÓA khắp nơi và muôn đời, đã ngầm hiểu có BIẾN HÓA LUẬT, đã thường nghiệm tiềm lực của yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG bèn đặt tên là LÝ ÂM DƯƠNG.... thì tất cả còn trong suy tư vô hình siêu hình của trí óc.

Tiền nhân cũng theo lẽ tự nhiên có nhu cầu muốn neo ý bằng dấu vết nào đó để về sau còn dò tìm lại được đường đi của ý đã trải qua, nên đã cẩn thận : trên trông trời, dưới ngó đất, giữa xét người tìm cách tối ưu để đặt tên : tượng hình, hài thanh bằng những ký hiệu theo qui ước của tiền nhân lúc bấy giờ.

Quả là tiền nhân đã liều mạng, dám đặt tên cho cái lý không tên, hữu hình hóa cái lý vô hình. Việc làm này có thể đối với trí tuệ là vô ích, nhưng đối với chúng ta, những người hậu học, rất cần thiết vì nhờ sự hữu hình hóa DỊCH LÝ của tiền nhân làm nhịp cầu nối liền giữa HUYỀN VI và HIỂN HIỆN, giữa TIÊN THIÊN với HẬU THIÊN. Dựa vào đó, chúng ta vừa thừa kế vừa sáng tạo phát huy nền khoa học DỊCH LÝ ĐẠI CHÚNG để nhiều người hiểu được văn minh Âm Dương học ngàn xưa thâm sâu cao độ biết chừng nào và sự tiến bộ vượt bậc của khoa học DỊCH LÝ TÂN KỲ ngày nay tối ưu ra sao.

Muốn vậy, chúng ta phải có phong cách học tập đúng đắn nhất : không chỉ học thuộc lòng Dịch tượng mà phải thông qua Dịch tượng ta tìm học Dịch lý. Học tập như thế mới đúng ý đồ của tiền nhân đã khéo léo để lại Dịch tượng với hy vọng đời sau chúng ta biết được : Hễ có Tượng đó thì có Lý đó, hễ có LÝ đó thì có TƯỢNG đó.

Nói về TƯỢNG thì có : Danh Tượng , Hình Tượng, Ý Tượng, LÝ Tượng và Số của Tượng. Lần lượt chúng ta sẽ phanh phui tất cả để tìm đáp số.

A . LUẬN VỀ CHỮ VÔ CỰC - THÁI CỰC : LÝ CỰC- ĐẠO CỰC

Tiền nhân vừa nói chữ VÔ CỰC, lại nói chữ THÁI CỰC, chứng tỏ tiền nhân đã thấy đến nguồn gốc đầu tiên của VẠN HỮU là VÔ (KHÔNG) . Nhưng vì cái KHÔNG đầu tiên này là không có gì hết, không là gì cả, hoàn toàn không _ thì làm sao có sự hiểu biết mà mong tìm được hiểu biết KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG.

Tiền nhân cũng chỉ là những cái TÔI - CON NGƯỜI hậu thiên nên vẫn phải suy diễn theo hậu thiên : mọi cái **có** phải từ cái **không có** . Nếu vẫn là KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG thì sao thành cái có được, mà bây giờ mọi cái đều có, vậy KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG phải chấm dứt tình trạng KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG (KHTK).

Cái lý phải chấm dứt tình trạng KHTK gọi là *LÝ CỰC KHÔNG* , nói tắt là VÔ CỰC . KHTK CỰC có nghĩa là KHTK không còn có thể KHTK được nữa tức KHTK đến mức cuối cùng, tận cùng , cùng tột rồi, quá cỡ rồi thì phải chấm dứt.

Cái LÝ quá độ thì phải chấm dứt đó gọi là THÁI CỰC. LÝ CỰC đầu tiên của mọi Vũ Trụ Vô Hữu là LÝ CỰC KHÔNG (*Bộ Mặt Cũ*) để thành có cái KHÔNG đầu tiên (*Bộ Mặt Mới*) . Vô thái quá phải cực. Vậy VÔ CỰC đã ôm nghĩa THÁI CỰC . THÁI CỰC của vô là VÔ CỰC. VÔ CỰC - THÁI CỰC tuy hai danh nhưng đều dùng để diễn tả LÝ CỰC KHÔNG đầu tiên TẠO LẬP VŨ TRỤ tức là cái LÝ THÀNH đầu tiên : THÀNH CÓ KHTK .

Về sau, người ta quen dùng chữ VÔ CỰC cho phạm vi Tiên Thiên là lúc chưa có BIẾN HÓA, chưa có gì hết, lúc còn là KHTK và dùng chữ THÁI CỰC để chỉ chung cho mọi LÝ CỰC ở cả phạm vi Tiên Thiên lẫn Hậu thiên (từ có KHTK về sau....)

Lý THÁI CỰC ở đâu cũng có , khắp mọi nơi mọi lúc, là đường đi dĩ nhiên để THÀNH có bất kể thứ gì nên người xưa gọi đó là ĐẠO, chính là ĐẠO CỰC TIÊN QUYẾT :

Nói gì thì nói trước hết phải CỰC KHÔNG cái đã thì mới thành mọi cái có về sau như có cái KHÔNG , có cái CÓ, không có cái CÓ, không có cái KHÔNG CÓ ... Mọi cái KHÔNG , cái CÓ ở Hậu thiên đều ôm ấp LÝ THÁI CỰC nên tất cả đều phải CỰC BIẾN : KHÔNG cũng cực, CÓ cũng cực, chẳng vật việc gì chẳng đến chỗ tột cùng cực, chấm dứt chính nó để biến hóa hóa thành giống mà hơi hơi khác hoặc quá quá khác nó.

B. LUẬN VỀ ĐẠO ĐỨC - ĐẠO LÝ:

ĐẠO MANH NHA - LÝ BIẾN HÓA
ĐỨC HIẾU SINH - ĐẠO DỊCH BIẾN

Khi tiền nhân xét việc cũng theo kiến thức Hậu Thiên có không gian thời gian trước sau, trên dưới, trong ngoài nên cho rằng CỰC là giai đoạn Biến Hóa - Hóa Thành ắt phải sau giai đoạn MANH NHA, MANH ĐỘNG, MANH VI. Vậy KHTK phải MANH NHA mới THÁI CỰC được.

Nhưng KHTK MANH NHA bởi cái gì hoặc cái gì làm KHTK MANH NHA để rồi THÁI CỰC ?

Như đã từng nói KHTK là không có gì hết thì kể cả MANH NHA cũng không có chứ đừng nói là THÁI CỰC hoặc có thứ gì khác làm cho nó MANH NHA được. Thế mà KHTK đã MANH NHA, đã BIẾN HÓA, đã HÓA THÀNH KHTK CỰC, THÀNH muôn loài vạn vật.....

Vậy là sao ? Hết hiểu nổi. Bí tịt rồi chăng ?!....

Tiền nhân rất bình tỉnh vô tư lắng đọng thần trí trước vấn đề hết sức hốc búa này. Sau thời gian khá dài trầm tư mặc tưởng, chợt lóe lên một ánh sáng lỳ lạ phá tan màn u minh dằng dặc. MỘT SỰ THẬT không thể chối cãi là TÔI - CON NGƯỜI đang suy tư đang dùng LÝ TRÍ TÁNH của TÔI - CON NGƯỜI lần mò về đến lý luận cuối cùng và đề ra danh KHTK là nguyên nhân của mọi nguyên nhân, không còn

một danh nào xứng đáng hơn. Vậy KHTK nầy là do LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI khám phá đẻ ra. Nói cách khác KHTK được MANH NHA bởi LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI.

Vô tư mà xét, KHTK MANH NHA bởi LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI đáng là có KHTK , chứ đâu phải KHTK đích thị là KHTK không có LÝ TRÍ TÁNH.

Vậy là có hai thứ KHTK :

- KHTK **không có** trong ngoài LÝ TRÍ TÁNH và
- KHTK **có** ở trong ngoài LÝ TRÍ TÁNH

TÔI - CON NGƯỜI không thể biết gì được KHTK **không có** trong ngoài LÝ TRÍ TÁNH. Nhưng khi TÔI - CON NGƯỜI vừa chợt nghĩ đến thì lập tức KHTK **có** trong ngoài LÝ TRÍ TÁNH.

Vậy TÔI - CON NGƯỜI có thể gọi **không có** KHTK là KHTK TIÊN THIÊN và **có** KHTK là KHTK HẬU THIÊN.

Cũng là KHTK chỉ khác ở chỗ *Không Có* và *Có* trong ngoài LÝ TRÍ TÁNH tức khác nhau thuộc phạm vi lý giới : VÔ HỮU LÝ TRÍ TÁNH.

Chỗ giống mà hơi hơi khác của KHTK thuộc lý giới đó gọi là LÝ ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG _ tự nhiên xảy ra khi LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI vừa mom mem tới KHTK thì lập tức KHTK CỰC ngay thành có KHTK trong ngoài LÝ TRÍ TÁNH.

Nói cho chính xác nhiệm nhặt hơn là KHTK được MANH NHA bởi LÝ TRÍ TÁNH mới thành KHTK cực . Ngày nay chúng ta có thể diễn gọn bằng công thức sau :

KHTK	±	KHTK MANH NHA	⇔	KHTK CỰC
BỘ MẶT CŨ	±	HƠI HƠI KHÁC	⇔	BỘ MẶT MỚI

Với công thức này, chúng ta có thể rút ra một số hệ luận hết sức quan trọng, có lẽ chắc đúng như ý của tiền nhân :

HỆ LUẬN 1 : TIỀM LỰC CỦA YẾU LÝ ĐỒNG NHI DỊ ĐỐI VỚI KHTK

KHTK TIÊN THIÊN không thể xác định có hay không, mà dù có hay không thì bây giờ không còn là KHTK TIÊN THIÊN được nữa vì LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI đã nghĩ ra và đặt tên cho nó, thì nó phải có dù là có trong tưởng tượng, có trong lý giới. Hơn nữa, bây giờ đã có muôn loài vạn vật rồi thì không thể nói KHTK được .

Vậy *chỉ có KHTK Hậu thiên* trong lý giới khi LÝ TRÍ TÁNH truy nguyên truy lý đến tận cùng.

Khởi đầu Tạo lập Vũ Trụ là có KHTK tức KHTK CỰC - VÔ CỰC đồng nhi dị với KHTK mà thôi.

Không thể phủ nhận VÔ CỰC được vì mọi cái hữu trước tiên phải từ VÔ CỰC - CỰC KHÔNG cái đã, và lúc nào cái Vô cũng tồn tại để làm nền tảng hữu lý cho cái Hữu . Cái KHÔNG ban nghĩa cho cái CÓ. CÓ là CÓ đối với KHÔNG.

Vậy khi chấp nhận KHTK CỰC thì đã mặc nhiên chấp nhận KHTK . Chớ cái gì CỰC ?? Đây là vấn đề hết sức vô hữu lý, nhưng cũng hết sức biện chứng. Cho thấy uyên nguyên tiềm lực của yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ vô cùng nhiệm nhặt huyền diệu, không buông tha bất cứ thứ gì, phạm vi nào dù là Hậu Thiên hay Tiên Thiên.

HỆ LUẬN 2 : VÔ CỰC TÁNH BIẾT

KHTK phải biết hóa ra CỰC thì mới cực được. Khả năng tự BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN CỰC BIẾN của KHTK đó gọi là VÔ CỰC TÁNH BIẾT.

VÔ CỰC TÁNH BIẾT là nguồn cội hóa thành mọi TÁNH BIẾT của muôn loài vạn vật nên muôn loài vạn vật đều có ôm ấp VÔ CỰC TÁNH BIẾT . TÁNH BIẾT VÔ CỰC và TÁNH BIẾT của muôn loài cùng là MỘT TÁNH BIẾT gọi danh chung là LÝ TRÍ TÁNH, là TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC.

Chính LÝ TRÍ TÁNH TÔI - CON NGƯỜI cũng là Vô Cực TÁNH BIẾT Bộ mặt cũ mới nên dĩ nhiên theo lẽ vật đồng loại hội tụ , đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, chỉ có LÝ TRÍ TÁNH mới có thắc mắc, tìm về, hiểu được nguồn cội LÝ TRÍ TÁNH là VÔ CỰC TÁNH BIẾT mà thôi. Bởi thế, người nào muốn tìm hiểu biết về nguồn cội Vũ Trụ thì chỉ có một phương cách dễ dàng, nhanh lẹ , chính xác nhất là tìm hiểu chính LÝ TRÍ TÁNH của mình đến tận cùng kỳ lý của LÝ TRÍ thì sẽ thấu đạt chân lý là Vô Cực TÁNH BIẾT, mà không cần phải đi tìm ở đâu xa. Tiền nhân và nhiều người trong chúng ta ngày nay đã theo cách này mà chứng quả chẳng khó khăn lắm đâu.

HỆ LUẬN 3 : ĐẠO ĐỨC CỦA TẠO HÓA LÀ MANH NHA :HƠI HƠI KHÁC

LÝ TRÍ TÁNH là TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC, là TÁNH BIẾT HÓA RA-BIẾT TRỞ NÊN ở khắp nơi muôn đời từ Tiên Thiên tới Hậu Thiên, mãi mãi đâu đâu cũng chỉ là hiện thân của LÝ TRÍ TÁNH.

Thường TÁNH hiện, Đức ẩn, ĐỨC là nền tảng sâu kín của TÁNH. TÁNH là BIẾN HÓA - HÓA THÀNH thì Đức là MANH NHA-CỰC. Nói chung là ĐỨC TÁNH BIẾT MANH NHA-CỰC, BIẾN HÓA - HÓA THÀNH là nguồn cội của mọi Vận Hành, Vận Động, Thành Tựu.

MANH NHA-CỰC BIẾN HÓA-HÓA THÀNH tuy bốn danh nhưng chỉ có MỘT LÝ làDỊCH LÝ. Về sau tùy lúc muốn nhấn mạnh về Đức hay Tánh, người ta đề cập, đề cao danh đó . Suy tôn một Danh là đủ cả bốn DANH.

Riêng Danh MANH NHA, muốn đề cao phải là bậc thượng thừa mới diễn nổi, bằng không chỉ nói chung chung mà thôi. Người xưa thường nói. ĐỨC HIẾU SINH của Trời Đất, nói cái ĐẠO của Vũ Trụ, cái chân lý của Tự Nhiên, chẳng qua là khen ngợi ĐẠO ĐỨC của MANH NHA.

MANH NHA là cái HƠI HƠI KHÁC nhiệm nhặt, sâu kín _ lập tức _ mầu nhiệm _ khởi đầu, tự tại _ tự hóa _ tuyệt đối _ vĩnh hằng, là cái Siêu Nhiên Lực vạn năng bất sinh bất diệt vô hình có đầy đủ Đức Uy TẠO HÓA, TẠO VẬT, là cái lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG : *giống mà hơi hơi khác - khác mà hơi hơi giống*

KHTK còn phải tự MANH NHA - HƠI HƠI KHÁC với chính nó để CỰC BIẾN - VÔ CỰC thì thử hỏi thứ giống gì ở Hậu Thiên chẳng phải MANH NHA, thoát khỏi MANH NHA tức HƠI HƠI KHÁC với CHÍNH NÓ.

Quyền năng MANH NHA chính là quyền năng của TẠO HÓA, ĐẠO MANH NHA chính là ĐẠO của Vũ Trụ , vô cùng vô tận. Lý Đức TÁNH BIẾT MANH NHA : BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN được người đời thường gọi bằng nhiều Danh như ĐẠO ĐỨC, MINH TÂM, LƯƠNG TRI, TÁNH LINH, THIÊN Ý, PHẬT TÁNH, THẦN LINH, BẢN TÁNH, THUỘC TÁNH (Vận động, Biến động, Biến đổi, Biến hóa......) Nhưng Danh TẠO HÓA (*Cấu Tạo Hóa Thành*) là vô tư nhất, súc tích nhất.

TẠO HÓA chỉ có một Tài Năng duy nhất là HƠI HƠI KHÁC, cứ mãi mãi HƠI HƠI KHÁC mà đã cấu tạo hóa thành muôn loài vạn vật, tạo mọi Trời Đời, dựng nên cơ nghiệp TẠO HÓA vô cùng tận.

Nào là chủng tử, căn mầm, hạt giống, hạt nhân, gieo giống, di truyền, nghiệp chướng, duyên nợ , nhân quả, âm đức .v.v... toàn là những chuyện thuộc ĐẠO ĐỨC MANH NHA của TẠO HÓA.

Người thấu suốt ĐẠO LÝ - ĐẠO ĐỨC MANH NHA rồi tận dụng thế lực MANH NHA - HƠI HƠI KHÁC là dùng phép VÔ KỴ của TẠO HÓA thì không có gì đương cự nổi, vì MANH NHA là phép lạ của

mọi phép lạ, mưu kế của mọi mưu kế, đạo thuật của mọi đạo thuật. Phép lạ, mưu kế, đạo thuật, khoa học nào mà chẳng khởi đầu bằng hơi hơi khác, tích lũy từ những cái hơi hơi khác đến độ thành quá quá khác mà người đời cho đó là phép lạ, là mưu kế, là đạo thuật, là khoa học tinh vi.

MANH NHA HƠI HƠI KHÁC là bí pháp tối mật, là quyền uy tối thượng của TẠO HÓA, tiến hành tuần tự trật tự âm thầm nhẹ nhàng, êm đềm, âm nhu khó thấy biết làm mọi vật phải thay đổi từng chút trong vô giây phút. MANH NHA là chìa khóa của BIẾN HÓA LUẬT . Ít ai ngờ rằng MANH NHA là tài năng bí mật của TẠO HÓA đã bật mí từ lâu rồi, ít nhất từ lúc có danh *Âm Dương Đồng Nhi Dị.*

Người đời có hiểu biết chút về ĐẠO LÝ MANH NHA, rồi khai thác lập ĐẠO, tạo ĐỜI mưu lợi chung riêng cho mình, cho người rất hiệu quả. Người sau lượm lặt kinh nghiệm người trước tiếp nối làm thầy đời lập thuyết vẽ vời thêm ra, chứ chẳng có gì lạ.

Chẳng hạn, bày dạy tu phước, tu huệ lập công bồi đức, ăn ở ứng xử sao cho phải, chế tác phát minh phục vụ cho đời sống, đời chết hoặc tăng độ cường điệu MANH NHA ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là mâu thuẫn đối lập nên dạy người chuyên dùng mâu thuẫn đối lập để đấu tranh phá hoại sinh tồn.... Hơn nữa, coi MANH NHA là hủy thể, CỰC là hủy thể của hủy thể, là phản đề (antithèse) là hợp đề (synthèse)... tha hồ mà vung vít.

Thiên hạ càng đảo điên, điên đảo là vậy, làm sao phân biệt chánh tà chơn giả.

Kẻ tà cũng dùng MANH NHA, kẻ chính cũng dùng MANH NHA để CẤU TẠO HÓA THÀNH. *Nhưng kẻ tà dùng MANH NHA để làm loạn thiên hạ . Kẻ chính dùng MANH NHA để yên thiên hạ.*

Kẻ thiếu tài, kém đức dùng MANH NHA hiệu lực có hạn vì lòng dục nôn nóng (dục tốc bất đạt), sân si lấn lướt che mờ căn trí dễ bị rối trí, tối trí. Kẻ tài cao, đức trọng dùng MANH NHA thường bình thản tự nhiên vô tư, chẳng khác gì TẠO HÓA nhúng tay, thành sự là cái chắc

(vi vô vi, bất chiến tự nhiên thành). Cao thấp, hay dở, tốt xấu, thiện ác là ở chỗ đó.

Người học DỊCH thường xuyên tu tâm dưỡng tính, tập rèn ĐỨC TÍNH VÔ TƯ linh động Biến Hóa thì khi hành xử ĐẠO MANH NHA sẽ tối ưu đắc sách hơn người là cái chắc (*Cái Dũng của Thánh Nhân*). Hoạt động chứ không náo động, loạn động như chúng nhân dưới phố. Thuận Thiên hành đạo, khai vật thành vụ đã là hay lắm rồi, chứ đâu như những kẻ chẳng biết Đất Trời là gì ngông cuồng ngạo mạn nuôi giấc mộng bằng Trời (Tề Thiên), tự cho là con Trời (Thiên Tử) có quyền thay Trời (Thế Thiên) hành đạo, bạo ngược hung tàn, dối Trời gạt người. Tội lỗi biết bao, Trời không dung , Đất không tha đâu. là vậy.

HỆ LUẬN 4 : Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ có cùng lúc khi KHTK manh nha

MANH NHA là khả năng tự có, tự hóa trong lòng bản thân của sự vật. MANH NHA là tiềm lực ĐỒNG NHI DỊ làm cho *Bộ mặt cũ phải hơi hơi khác với chính NÓ.*

Vậy MANH NHA là năng lực ĐỒNG NHI DỊ vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả. MANH NHA là ĐỒNG NHI DỊ ẩn sâu. Ở đâu có MANH NHA là có ĐỒNG NHI DỊ . Ở đâu có ĐỒNG NHI DỊ là có MANH NHA. ĐỒNG NHI DỊ nhiệm nhặt là cái lý lẽ MANH NHA.

Lý là phạm vi cuối cùng của muôn vật : muôn vật từ Lý mà ra, về đến LÝ là cùng là hết. LÝ này có thật, đúng thật ở khắp nơi, làm nền tảng đường đi nhất định mà muôn vật phải trôi lăn sống động trong đó, trên đó. *Con đường của mọi nẻo đường, người xưa gọi là ĐẠO.*

Vậy ĐẠO LÝ của Vũ Trụ Vô Hữu muôn đời là Nguyên lý, Chân lý, Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ (DỊ NHI ĐỒNG) là ĐẠO MANH NHA, ĐỨC MANH NHA.

Ngay cả khi luận về KHTK cũng đến Lý ĐỒNG NHI DỊ là cùng, là hết không còn bàn luận gì được nữa, tức tới Niết Bàn (Niết là không, Bàn là luận. Niết Bàn là chỗ không thể bàn luận được), tức tới Thượng Đế (Thượng là trên cao cả, Đế là Vua, vị Thần, Trời, Thượng Đế, là Trên cả Trời). Theo quan điểm Dịch lý Việt Nam : Trời là BIẾN HÓA, với nghĩa BIẾN HÓA thì có Trời, ngoài nghĩa Biến Hóa không có Trời. Vậy trên trước Biến Hóa phải là MANH NHA BIẾN HÓA là ĐẠO MANH NHA là Lý ĐỒNG NHI DỊ (*giống mà hơi hơi khác*)

Có người nói : '*ĐẠO cảm thông không thể nghĩ bàn*' vì ĐẠO tột cùng ở phạm vi LÝ mà LÝ thì có VÔ HỮU LÝ. HỮU LÝ cũng là ĐẠO. VÔ LÝ cũng là ĐẠO. Lấy trí thường mong hiểu được ĐẠO VÔ HỮU LÝ cùng lúc là khó lắm. Bởi vậy mới có người nói : 'Chân lý tự mỗi người thắp đuốc mà tìm'. Chứ họ ngờ đâu ĐẠO Trời Đất vốn rất giản dị (*KIỀN dĩ dị tri, KHÔN dĩ giản năng = Đạo Trời dễ biết, Đạo Đất dễ làm*). Trời Đất hay bất kể thứ gì, làm gì truy ra cũng chỉ là HƠI HƠI KHÁC lũy tiến khoáng trương mà thôi. Giản dị quá phải không các bạn ?!

HỆ LUẬN 5 : Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ là LÝ BIẾN HÓA : DỊCH LÝ

KHTK khi MANH NHA CỰC BIẾN HÓA HÓA THÀNH CÓ KHTK (Bộ mặt mới của KHTK) cũng là lúc khởi đầu nguồn cội HÓA RA - TRỞ NÊN tất cả mọi Vũ Trụ Vô Hữu. Vậy KHTK MANH NHA là Bắt Đầu của mọi cái Bắt Đầu, Bắt Đầu nở rộ đồng loạt cùng lúc mầm mống của tất cả mọi cái Thành Hậu Thiên .

KHTK MANH NHA là cùng lúc ló dạng Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG, là bắt đầu có Khởi Dứt-Trước Sau cùng lúc (có Không gian Thời gian), có *Vô Hữu cùng lúc*. (Âm Dương cùng lúc). Không có thì thôi, hễ có là có một lượt lập tức mầu nhiệm vô giây phút cùng lúc không trước không sau cực kỳ siêu tuyệt, đó là cái có đầu tiên : CÓ KHTK, THÀNH KHTK , là lúc KHTK CỰC - VÔ CỰC - CỰC KHÔNG là lúc KHTK hơi hơi khác với chính nó là KHTK MANH NHA, khởi đầu

BIẾN HÓA HÓA THÀNH KHTK HƠI HƠI KHÁC. là có sự thay đổi nhiệm nhặt gọi là DỊCH BIẾN.

Vậy Lý ĐỒNG NHI DỊ (giống mà Hơi Hơi khác) đã làm MANH NHA CỰC BIẾN HÓA HÓA THÀNH có KHTK và có tất cả nên gọi là Lý Âm Dương là LÝ BIẾN HÓA là DỊCH LÝ tự có sẵn trước Trời Đất (Thượng Đế) mới hóa sinh Trời Đất được và không bàn cãi gì được (Niết Bàn)

C NHU CẦU HỮU HÌNH HÓA DỊCH LÝ : DỊCH TƯỢNG

LÝ BIẾN HÓA TIÊN THIÊN THÀNH CÓ KHTK vô hình siêu hình lập tức và mầu nhiệm chưa có không gian thời gian, nên TÔI - CON NGƯỜI Hậu Thiên khó thấy biết, ngay cả Tiền nhân Trí Tuệ Giác Ngộ cũng thấy khó diễn đạt cho người đời đã quen hiểu biết có tuần tự trước sau, không thể nhất thời hiểu cùng lúc được. Do đó, cần phải hửu hình hóa Dịch lý bằng tượng hình hài thanh neo ý gọi là DỊCH TƯỢNG.

Tiền nhân bất đắc dĩ phải dùng kiến thức Hậu Thiên của loài Người mà lập ra qui ước ký hiệu công thức, danh từ .... Chúng ta phải thông cảm và biết ơn Tiền Nhân đã dầy công chế biến chọn lọc phương tiện nào xem ra tối ưu nhất để người đời sau học tập dễ hơn, chứ không được coi đó là cứu cánh tuyệt đối.

Chẳng hạn tiền nhân đã vẽ hình đồ Thái Cực để diễn lý ĐỒNG NHI DỊ - LÝ ÂM DƯƠNG - LÝ CỰC BIẾN - ĐẠO MANH NHA..... chứ thực tế đem soi rọi bất cứ điểm cực nào cũng không thấy có hình tròn với chữ 'S' ở giữa, có hai chấm nhỏ trong hai mặt đậm lợt Âm Dương trái chiều nhau như vậy.

Hoặc công thức Biến Hóa Luật :

Bộ mặt cũ $\pm$ *Hơi Hơi Khác* $\Leftrightarrow$ *Bộ mặt mới*

Nếu hiểu theo kiến thức Hậu Thiên, thì Bộ mặt cũ có trước, Bộ mặt mới có sau. Bộ mặt cũ làm nền cho Bộ mặt mới phủ lên trên. Có Khởi Dứt trước sau theo qui ước là Âm trước Dương sau. Có dấu cộng hoặc trừ là có kết cấu giao dịch tăng giảm, sinh khắc. Có dấu bằng với hai đầu mũi tên hai chiều là để so sánh tương đương diễn tiến, truy nguyên....

Còn nếu hiểu theo đúng lý Tiên Thiên chưa có không gian, thời gian thì cũ mới cùng lúc không trước không sau, thành một lượt, có một lúc cả hai Âm Dương. Chẳng phải thêm bớt cộng trừ yếu tố nào bên ngoài bên trong mà chính tự bản thân Bộ mặt cũ hơi hơi khác với chính Nó , vì KHTK làm gì có trên dưới trong ngoài trước sau với Nó .

Nhân đây, xin lạm bàn thêm về vấn đề trước sau của TÂM VẬT . Triết học Âu Tây có thói quen nhìn sự vật trong phạm trù có không gian thời gian cõi hậu thiên nên phân vân tranh luận, giành phần TÂM hay VẬT, cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quan trọng hơn cái nào, cái nào chi phối cái nào......

Họ chỉ đúng phần nào ở Lý Hậu Thiên, nhưng vấn đề họ đặt ra thuộc Triết lý thì phải tận cùng kỳ lý tức phải tới Lý Tiên Thiên, chứ không thể ép lý nửa chừng, một chiều theo ý riêng mình.

Vậy họ đã áp đặt tiền đề không đúng chỗ. Họ cố tình hoặc vô tình đòi hỏi bắt buộc phải có cái trước cái sau trong khi sự thật đã quá rõ dù ở Tiên Thiên hay Hậu Thiên đều cùng lúc. Họ vừa đề cao thuyết tương đối, thuyết tiến hóa, thuyết mâu thuẫn, cặp phạm trù triết học... thì lại vừa muốn tuyệt đối hóa chủ trương của mình, họ vẫn thấy sự thoái hóa trong lúc tiến hóa, vẫn muốn về cái Đồng, Đại Đồng nữa trong khi họ ra sức phân biệt đối xử : tàn tệ, gây mâu thuẫn trầm trọng tăng cường Dị biệt.

Họ tỏ ra khôn ngoan nhất loài người khi chủ trương chuyên chính, duy này, duy nọ, một là một, hai là hai , không chấp nhận ba phải. Nhưng rồi tự trong thâm tâm họ, thái độ hành động, đời sống và việc làm của họ toàn là ba phải hết. Làm sao họ chống cự lâu dài nổi cái Lý

Tự Nhiên MỘT MÀ CÓ HAI, MỘT MÀ HAI, MỘT LÀ HAI trước sau cùng lúc.

Trong ngôn ngữ thường ngày họ vẫn dùng từ cùng lúc, đồng thời đấy chứ ? Trong tính toán họ cũng dùng cộng trừ nhân chia tăng giảm cùng lúc đó là gì ? Họ vẫn thấy rõ tương quan hữu cơ giữa chất đổi - lượng đổi, lượng đổi - chất đổi, vẫn thấy TÂM - VẬT cùng lúc thành có cái
TÔI - CON NGƯỜI họ, không thể, chỉ có riêng Một cái nào đủ sức để cho đời sống họ tồn tại tiến bộ được .

Vậy tại sao họ cứ chủ trương duy tâm, duy vật, Tâm có trước, Vật có trước để làm gì ?? _ Có thể nói họ cũng đi trong qui luật TẠO HÓA, BIẾN DỊCH THIÊN THẮNG, là THỜI TRỜI THIÊN CỰC lúc nắng, lúc mưa, lúc sáng, lúc tối, lúc nặng về văn minh Tinh Thần, lúc nặng về văn minh Vật chất, nói chung là thiên cực Âm hoặc thiên cực Dương. Đến lúc khác,THỜI TRỜI thiên cực đổi ngược lại : cực Âm tất sinh Dương , cực Dương tất sinh Âm thì họ cũng sẽ nói ngược lại.

Muôn loài vạn vật cứ mãi mãi đưa đẩy trôi lăn theo Thiên cực, hết cực này qua cực nọ để có cuộc quân bình sinh hóa chung riêng, chứ không làm sao ở yên mãi một chỗ cực nào được, vì cực thì phải Biến : MANH NHA - BIẾN HÓA - HÓA THÀNH CỰC tiếp tục .

Đạo giáo khoa học nào chưa nói được tới LÝ cuối cùng là Vô Hữu cùng lúc, Âm Dương cùng lúc, Tâm vật cùng lúc thì nên chấm dứt luận điệu một chiều thiên cực dù là Âm hay Dương , nên kịp thời canh tân giáo lý giáo điều học thuyết mình sao cho phù hợp với chân lý thực tế, với qui luật Tạo Hóa tự nhiên để Trí Tuệ Nhân loại thoải mái thăng hoa chung hưởng hòa bình.

Nhân loại nói chung và từng Người phải hết sức cảnh giác trước mọi tà thuyết, tà đạo sặc mùi danh-lợi-tình ngày càng nhiều. Đừng vội tin nghe theo lạ tai lạ mắt của bọn tà thuật. Phải nghiệm xét thực hành chứng ngộ đến khi nào đúng với chân lý như đã trình bày thì mới tin

dùng. Lúc nào nhân thế cũng còn đầy rẫy những chuyện trông là lầm, nghe là lạc, hiểu là sai.

Tốt nhất không nên vội tin bất cứ thứ gì do loài Người bày đặt ra, chỉ có Lẽ Thật Tự Nhiên mới giải quyết được mọi vấn đề, còn Lẽ Giả Nhân Tạo chẳng giải quyết được gì cả.

DỊCH LÝ là lý lẽ tự nhiên của Vũ Trụ Vô Hữu, Ta tin hay không thì nó vẫn thế, nó vẫn có thật, đúng thật ở muôn đời, muôn nơi. Còn Dịch lý học là những lập luận, thuyết minh, biện chứng của những cái TÔI - CON NGƯỜI sáng trí, tối trí, rối trí ở nhiều thời đại về Dịch lý. Họ bày đặt ra đủ các khoa môn, kinh sách, phương thuật, ký hiệu thì Ta phải nghiêm túc soát xét đo lường thật kỹ. Ai nói đúng , luận giải rành phù hợp với thực tế tự nhiên thì Ta mới có thể tin theo. Đừng để danh lợi tình chen vào vấn đề triết lý sự thật.

Đa số tin theo chưa chắc đó là chân lý, vì chân lý đâu chỉ ở số đông nếu số đông đó đang lầm lẫn bị gạt gẫm thì sao ?

Thánh trí nói chưa chắc là đúng tất cả, vì Thánh trí nào cũng có lúc tối trí, rối trí. Cái tối trí, rối trí của thánh trí người đời thường dễ gì hay biết hoặc có hay biết cũng không dám phê phán .

Để dẫn dụ người tin theo, họ thường dùng đạo thuật biểu diễn, trổ tài thần thông nhiều kỹ sảo phép lạ làm lòng người mê mệt nhưng về Đạo lý thì họ mù mịt, lý giải ậm ờ bèn che lấp dấu dốt bằng cách hăm dọa thưởng phạt tội phước đủ điều. Nên chuyện quỷ thần, tốt nhất ta "Kính nhi viễn chi", kiêng nể mà chẳng nên gần.

Người đã học Dịch lý rồi mà còn chạy theo thứ ánh sáng này nọ, còn khen mề thứ phép lạ nào đó , chứng tỏ họ chẳng hiểu gì bao nhiêu về Dịch lý cả.

Họ đâu có hiểu biết nổi và chứng minh được :

'Dịch không là gì cả.
Dịch là cái gì đó.
Dịch là tất cả'.

Họ có biết chăng Dịch Lý là Ánh sáng của mọi thứ ánh sáng, Phép lạ của mọi phép lạ, Đạo lý của mọi đạo lý , Khoa Học của mọi khoa học. Bất kể Ánh sáng, Phép lạ, Đạo lý, Khoa học nào cũng đều phải được cấu tạo hóa thành theo Qui Luật Cấu Tạo Hóa Thành là DỊCH LÝ thì mới thành có thứ đó.

II . ĐẾN CÓ KINH DỊCH XƯA VÀ NAY

A . BÀI TOÁN THÀNH VÔ TƯ KHÁM PHÁ ĐỊNH LUẬT 8 : BÁT QUÁI

Đến đây, chúng ta đã được chuẩn bị khá đầy đủ những gì cần thiết để có thể dõi theo công trình khám phá Qui luật Tạo lập Vũ Trụ độc đáo của tiền nhân Á Đông.

Vừa qua tiền nhân đã giải đáp xong câu hỏi hốc búa nhất là : Tại sao KHTK tự biết MANH NHA để thành có KHTK Cực được ? _ Là do Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ !

Vấn đề hốc búa còn lại kế tiếp là cái hộp đen : MANH NHA như thế nào ? Có theo qui luật trật tự nào không ?

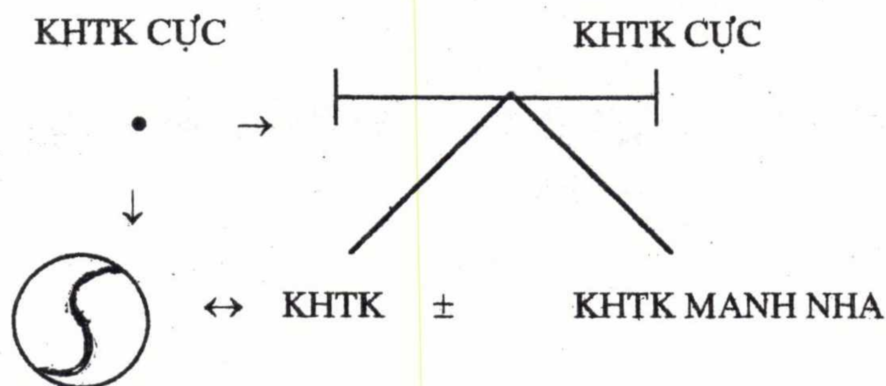
Nếu ví ĐẦU VÀO (input) là KHTK, sau khi qua quá trình HỘP ĐEN (black box) là MANH NHA-CỰC BIẾN HÓA-HÓA THÀNH thì ĐẦU RA (output) là KHTK CỰC :

KHTK $\pm$ KHTK MANH NHA $\Leftrightarrow$ KHTK CỰC

Giả định lúc đầu tiền nhân hoàn toàn chưa biết tí gì cơ chế tự động chuyển hóa (cybecnetic) trong hộp đen KHTK MANH NHA. Vậy phải làm sao để khám phá nó ?!

Tiền nhân lúc bấy giờ trong tư thế như nhà bác học khoả học cứ vồ tư khách quan suy nghĩ thử nghiệm mò mẫm bằng những gì sẵn có, cuối cùng chọn lọc được một phương cách giản dị nhất là dùng ký hiệu bằng vạch đứt, vạch liền để cụ thể hóa Dịch lý như sau :

Lấy một chấm tròn phóng to hoặc kéo dài tượng trưng cho KHTK Cực (Vô Cực - Thái Cực) là cái THÀNH đầu tiên hoặc bất cứ cái THÀNH nào về sau (Vô Cực - Thái Cực Bộ mặt mới)

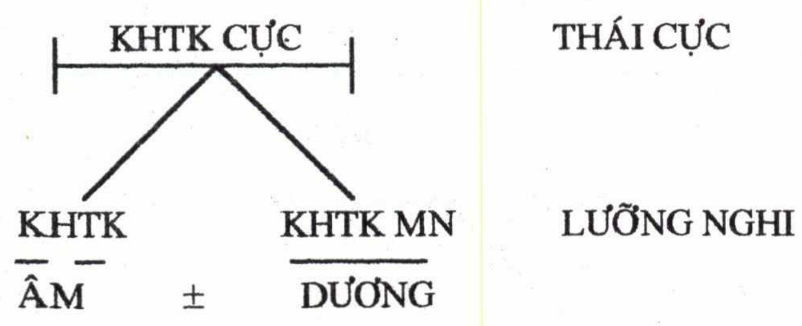


Phân tích bên trong MỘT cái THÀNH nào cũng đều phải có những thành phần, phần tử, yếu tố cơ cấu nhiệm nhặt, tối thiểu cũng phải có HAI hoặc được tập hợp qui chúng thành HAI nhóm ĐỒNG DỊ gọi là ÂM DƯƠNG. Rồi cho đâu là Âm, đâu là Dương cũng được.

Nhưng khi đã quen rồi thì không cần thay đổi ước lệ ban đầu nếu xét thấy không cần thiết.

Chẳng hạn, tiền nhân đã tự qui ước cho KHTK là ÂM và KHTK MANH NHA là DƯƠNG, rồi dùng ký hiệu vạch đứt (– –) là ÂM , vạch liền (——) là DƯƠNG gọi là LƯỠNG NGHI : NGHI ÂM và NGHI DƯƠNG

Tiền nhân cũng như chúng ta rất ưng ý với ký hiệu bằng vạch nầy, vì nó tiện lợi dễ vẽ vời, trình bày hơn các ký hiệu khác như chấm tròn đen trắng ......



Theo LÝ THÀNH :Cực là đã MANH NHA, vừa MANH NHA là lập tức CỰC, do đó KHTK CỰC là KHTK MANH NHA.

Trong công thức KHTK có cộng (+) và trừ (-) KHTK MANH NHA tức KHTK với (KHTK) MANH NHA có đi lại giao hợp đảo chuyển để hóa ra trở nên KHTK CỰC. Đây là sự phân tích gượng ép, quay phim chậm , chứ sự thật MANH NHA không phải là yếu tố bên ngoài hay bên trong KHTK mà chính là LÝ ĐỨC TÁNH KHTK.

Tiền nhân bất đắc dĩ phải phân tích một chỉnh thể là SỰ LÝ ra làm hai : SỰ và LÝ là ÂM và DƯƠNG để dễ nghiên cứu. Ví như ÂM

và DƯƠNG là hai sự lý tách rời có quan hệ giao dịch qua lại **sinh khắc** tăng giảm sức lẫn nhau (cộng trừ) theo qui luật *Tương động, Tương giao, Tương cảm, Tương Sinh Thành*. Tương là cả Âm và Dương cùng động, giao, cảm, sinh thành tự phát (manh động, rung động, liên động, chuyển động), tức tự bản thân Âm và Dương có nhu cầu tìm về nhau theo qui luật hấp dẫn cung cầu thừa thiếu để san xẻ sự tiện lợi hại lẫn nhau.

Âm Dương giao phối qua lại tạo thành Trục Quân Bình Sinh Hóa, ảnh hưởng lẫn nhau tùy theo tỷ lệ, vị thế cung cầu thừa thiếu sinh khắc chơn giả tất phải có hệ quả nhất định nào đó gọi là hóa thành Bộ mặt Mới càng lúc càng đa dạng, phức tạp hơn, càng Đồng nhi Dị - Dị nhi Đồng nhiệm nhặt nhiều hơn.

Tiền nhân đã phân tích theo cách triết lý là chặt chẽ ra từ cái MỘT (Thái cực) thấy tối thiểu tổng quát có HAI (Lưỡng Nghi : Âm Dương), rồi lại triết lý tiếp bên trong cái HAI thấy có BỐN (TỨ TƯỢNG).... Câu nói của tiền nhân : Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng theo cách triết lý mà người đời sau dõi theo chưa kỹ con đường triết lý của tiền nhân nên có sự hiểu lầm đáng tiếc về chữ SINH. Họ cho SINH ở đây là đẻ ra, nở ra thêm ra, chứ sự thật chỉ là sự phân tích mổ xẻ chiều sâu (vi mô), không có đẻ thêm ra cái gì ngoài cái MỘT . Như cái bánh được cắt ra nhiều miếng bánh nhỏ, chứ không phải một cái bánh hóa thành hai, bốn , tám cái bánh đâu.

Biết rằng Âm Dương có giao phối mới sinh thành, có CẤU TẠO mới HÓA THÀNH, Tiền nhân thử nghiệm mò mẫm sắp xếp chồng chất chung lộn các vạch đứt liền Âm Dương với nhau một cách tự do để xem cuối cùng xảy ra bao nhiêu trường hợp ĐỒNG DỊ nhiệm nhặt của Âm Dương (phép tính sác xuất).

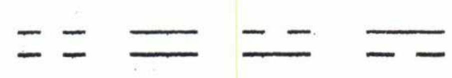
BẮT ĐẦU LÀM BÀI TOÁN THÀNH VÔ TƯ

Tiền nhân đã làm Bài Toán THÀNH Vô Tư như sau : Âm hoặc Dương có thể nó giao với nó hoặc nó giao với cái khác nó nên xảy ra ba trường hợp giao :

- Âm giao với Âm
- Dương giao với Dương
- Âm Dương giao với nhau hoặc

Theo Lý vô tư hai hình , là một (Âm Dương giao), nhưng theo chiều quen nhìn của TÔI - CON NGƯỜI có trên dưới thì phải ghi cả hai hình mới thỏa mãn.

Vậy Âm Dương giao nhau tổng quát có ba trường hợp mà hình vẽ tới bốn tượng hai vạch gọi là TỨ TƯỢNG :



Nhìn kết quả TỨ TƯỢNG HAI VẠCH quá đơn giản không thỏa mãn trí tò mò và thực tế khách quan, vì sự vật việc nào cũng đều có trên dưới, trong ngoài, trước sau , dầy mỏng nhiều ít nhiệm nhặt hơn về HÌNH TƯỢNG nên Tiền nhân thử chồng chất thêm thành TƯỢNG BA VẠCH để xem ÂM DƯƠNG giao nhau có mấy trường hợp ?

Trong vô tư lấy vạch Âm hoặc vạch Dương rồi chồng chất bất kể vạch Âm Dương trên dưới trong ngoài trước sau thì cuối cùng có được :

4 trường hợp chồng chất Âm Dương trên dưới NGHI ÂM :

→ Âm giao với Âm trên, Âm dưới
→ Âm giao với Dương trên, Âm dưới
→ Âm giao với Âm trên, Dương dưới
→ Âm giao với Dương trên, Dương dưới

và 4 trường hợp chồng chất Âm Dương trên dưới NGHI DƯƠNG :

← Dương giao với Dương trên, Dương dưới
← Dương giao với Dương trên, Âm dưới
← Dương giao với Âm trên, Dương dưới
← Dương giao với Âm trên, Âm dưới

Soát lại *Bài Toán THÀNH Vô Tư* tới TƯỢNG BA VẠCH chỉ có TÁM HÌNH giống mà hơi hơi khác.... giống mà quá quá khác biểu diễn đầy đủ các trường hợp ÂM DƯƠNG ĐỒNG DỊ giao nhau có trên dưới trong ngoài trước sau, nhiều ít, dầy mỏng. Thử làm lại nhiều lần chồng chất bằng mọi cách để có TƯỢNG BA VẠCH thì cũng thấy chỉ có 8 trường hợp nhiệm nhặt như trên, không nhiều hơn cũng không ít hơn cũng không có hình nào khác nữa. Vô tư là không biết trước kết quả bao nhiêu hình, được bao nhiêu nói bấy nhiêu .

TÁM DỊCH TƯỢNG BA VẠCH Tiền nhân gọi là BÁT QUÁI đã tượng hình neo ý đầy đủ yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG từ giống mà hơi hơi khác đến quá quá khác mà hơi hơi giống ......

☞ Lưu ý: theo đúng *Lý Đồng Nhi Dị* tức *Lý Âm Dương* cùng lúc thì không có Tượng nào hoàn toàn ÂM hoặc hoàn toàn DƯƠNG. Do đó :

Tượng ☷ cũng thế , là Âm quá nhiều, Dương quá ít, chứ không phải là hoàn toàn Âm , Thuần Âm mà là Âm hiện, Dương ẩn, trong Âm có Dương . Một vạch, Hai vạch, Ba vạch Âm hoặc nhiều vạch Âm hơn nữa cũng chỉ là sự phóng to thu nhỏ của Một Âm mà thôi Tượng ☰ cũng thế, là Dương quá nhiều, Âm quá ít, không phải là hoàn

toàn Dương, Thuần Dương mà là Dương trưởng hiện ngoài Âm, Âm tiêu ẩn trong Dương tức trong Dương có Âm . Ba vạch Dương cũng chỉ là sự phóng to phân tích từ Một Dương tức tương đương với MỘT DƯƠNG.

Về mặt hình tượng cô đọng mắt nhìn khó phân biệt nên phải vẽ rời các vạch Âm Dương đứt liền ra như vậy, nhưng phải ngầm hiểu trong bất cứ hình tượng Âm Dương nào cũng ngậm lý Âm Dương cùng lúc : trong Âm có Dương,trong Dương có Âm ẩn sâu thì mới khỏi chấp danh chấp tượng, mới xứng danh con nhà Văn Lý học.

B. BÀI TOÁN THÀNH HỆ THỐNG
HỆ THỐNG HÓA ĐỊNH LUẬT 8 : BÁT QUÁI

Trãi qua không biết bao lâu, Tiền nhân đã dầy công lắm mới khám phá ra được ĐỊNH LUẬT THÀNH VŨ TRỤ là BÁT QUÁI. Lúc đầu chỉ vỏn vẹn có 8 hình 3 vạch đứt liền nhiều ít như vậy. Tiền nhân cũng chưa biết nó ứng cho việc gì, dùng như thế nào vì cảm thấy dường như nó có vẻ còn lộn xộn, chưa có tính biện chứng chặc chẽ, nên tiền nhân chưa vội đặt tên được. Nhưng vẫn tin chắc đây là qui luật TẠO HÓA hình hiển ví như Sách Trời không có chữ gọi là VÔ TỰ THIÊN THƠ.

Rồi trải qua không biết bao nhiêu đêm dài của lịch sử, tiền nhân nầy nối tiếp tiền nhân khác suy tư nghiền ngẫm biện minh chứng nghiệm cho thật chín mùi đến lúc có thể hệ thống hóa thành khoa học Dịch Lý cho người đời học tập bằng kinh sách gọi là KINH DỊCH XƯA và NAY.

Quá trình hệ thống hóa, khoa học hóa DỊCH LÝ rất nhiêu khê lâu dài mới thành tựu được. Nếu kể lể dông dài, e làm nản lòng hậu học chỉ nóng gấp muốn thâu tóm kết quả và giá trị thực dụng của nó mà thôi, nên tiền nhân buộc lòng phải nói tắt để che dấu nguồn gốc của BÁT QUÁI. Đó là lý do tại sao tiền nhân đổ thừa nhân thấy các vằn trên lưng Rùa Thần mà vạch được Bát Quái (HÀ ĐỒ), cũng như do con Long Mã dâng THƯ mà sắp xếp lại đặt tên cho BÁT QUÁI (LẠC

THƯ). Người đời về sau gọi đó là TIÊN THIÊN BÁT QUÁI và HẬU THIÊN BÁT QUÁI của Vua Phục Hy và Vua Văn Vương bên Tàu. Chuyện thần quyền linh qui, long mã, Phục Hy Văn Vương về nguồn gốc của Bát Quái có thật vậy hay không, xin các nhà sử học, khảo cổ học xác minh .

Riêng chúng ta là con nhà Văn Lý Học chuyên truy nguyên, truy lý bằng biện chứng của tư duy : hữu lý mới chấp nhận, còn vô lý, phi lý thì cứ để đó .

Cũng thế, Dịch lý học ở nước Việt Nam ta cũng khởi nguồn bằng huyền sử, huyền thoại TIÊN RỒNG là Lạc Long Quân và Âu Cơ lấy nhau đẻ ra một bọc trăm trứng nở trăm con, 50 theo cha lên non, 50 theo mẹ xuống biển....

Tinh thần Văn Lý học buộc chúng ta tìm hiểu, nhận định đích thật : đây làchuyện Tổ Tiên Ta ẩn dụ một học thuyết cho dân tộc sinh tồn, một văn hiến truyền miệng - hiến pháp bất thành văn, dựa trên Nguyên lý bất biến của Vũ Trụ là Lý ĐỒNG NHI DỊ : Âm Dương Lý, một Triết Lý Nhân Sinh gồm cả ĐỨC và UY cùng lúc, một qui luật sống động :

Qui luật Cấu Tạo HóaThành, một phép tắc để tồn tại và tiến bộ : BIẾN HÓA, TỤ TÁN - TÁN TỤ, ĐỒNG HÓA-DỊ HÓA,... tạo thành một nền văn minh độc đáo của người Việt Nam trên bốn ngàn năm Văn Hiến. Đó là VĂN MINH ÂM DƯƠNG HỌC RỒNG TIÊN, là VĂN MINH DỊCH LÝ VIỆT NAM.

Dõi theo bước đi của tư tưởng tiền nhân tới lúc làm được Bài Toán Thành Vô tư đã khám phá ra Định luật 8 : BÁT QUÁI là 8 TƯỢNG 3 VẠCH .ĐỒNG NHI DỊ tức không Tượng nào giống Tượng nào hoàn toàn đúng với LÝ ÂM DƯƠNG , đồng thời cũng diễn đạt được nội dung giao dịch biến hóa thành tựu của Âm Dương là cái hộp đen (black box). Nhưng tiền nhân vẫn chưa thoả mãn vì chưa thấy được tính biện chứng tuần tự trật tự của một Qui Luật phải có. Nếu BÁT QUÁI là định luật BIẾN HÓA HÓA THÀNH của mọi Vũ Trụ Vô Hữu thì nó có theo tuần tự trật tự nào không ??

Sau nhiều lần thử nghiệm , cuối cùng tiền nhân cũng tìm ra được đáp số bằng cách vận dụng kiến thức hậu thiên sẵn có của TÔI - CON NGƯỜI với ba hệ luận :

- Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ : *MỘT MÀ HAI*

- LÝ KHỞI trước DỨT sau : *Âm trước Dương sau.*

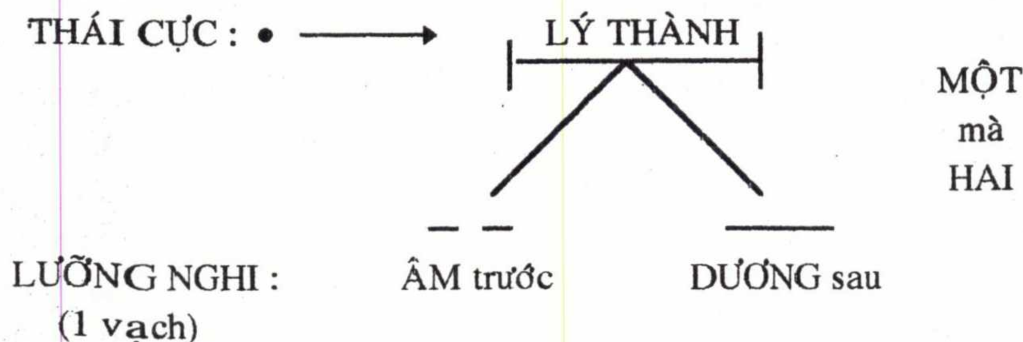
- LÝ ĐỔI MỚI : *Bộ mặt mới phủ lên trên*

để làm Bài TOÁN THÀNH HỆ THỐNG như sau :

Cũng bắt đầu tượng trưng bất kể cái THÀNH nào bằng một chấm tròn hoặc kéo thành một vạch dài rồi phân tích bằng cách phóng to ra để tìm lý lẽ trong hình tượng. Vậy là tiền nhân vận dụng phương cách triết lý (cách vật trí tri).

TRIẾT LÝ LẦN THỨ NHẤT : ĐƯỢC LÝ LƯỠNG NGHI

Trong Một cái THÀNH (THÁI CỰC) theo Lý ĐỒNG NHI DỊ : MỘT MÀ HAI - MỘT MÀ CÓ HAI - MỘT LÀ HAI, vậy LÝ THÀNH tối thiểu phải là : MỘT là THÁI CỰC mà có HAI là LƯỠNG NGHI : ÂM trước , DƯƠNG sau .



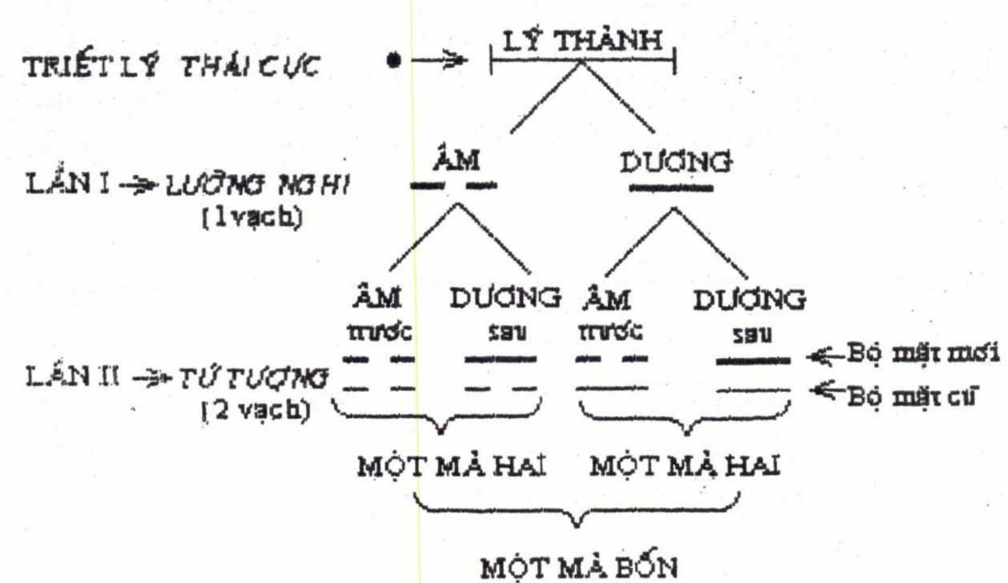
TRIẾT LÝ LẦN THỨ HAI : ĐƯỢC LÝ TỨ TƯỢNG

ÂM DƯƠNG tự bản thân sẵn có tiềm lực ĐỒNG NHI DỊ nên phải BIẾN HÓA HÓA THÀNH theo qui luật TẠO HÓA tức phải có CẤU TẠO mới HÓA THÀNH.

ÂM DƯƠNG CẤU TẠO là do có động cơ cung cầu thừa thiếu lẫn nhau nên phải giao dịch phối hợp sinh khắc, tiêu trưởng ẩn hiện với nhau theo qui luật tương động, tương giao, tương cảm, tương sinh thành.

Âm Dương Cấu Tạo Hóa Thành được hệ thống hóa bằng ba hệ luận căn bản hậu thiên theo thứ tự như sau :

① - MỘT mà HAI
② - Âm trước Dương sau
③ - Bộ mặt Mới phủ lên trên.



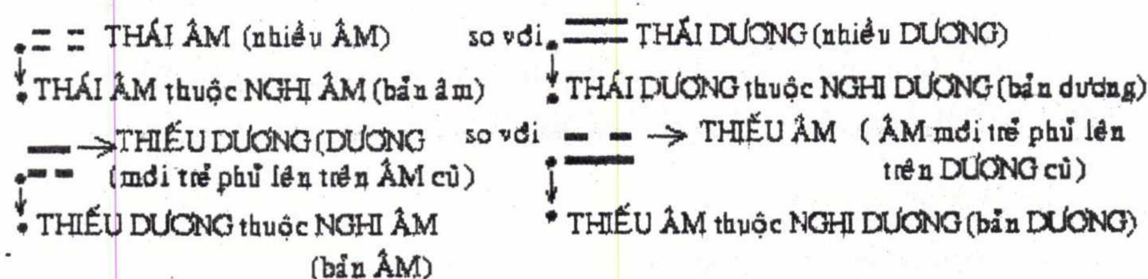
168

Theo nguyên lý định danh, tiền nhân qui ước :

- Cái gì nhiều, lớn quá đỗi gọi là THÁI.

- Cái gì ít, nhỏ non trẻ gọi là THIẾU.

Nên Tứ Tượng được đặt tên là :



Muốn luận gọi đâu là Thiếu Âm , Thiếu Dương thì trước phải xét bản gốc ở dưới; nếu là vạch đứt thuộc Nghi Âm (bản Âm); nếu là vạch liền thuộc Nghi Dương (bản Dương), rồi sau mới xét ngọn ở trên : nếu gốc là ÂM mà ngọn là Dương mới phủ lên trên thì gọi là Thiếu Dương ⚎ , nếu gốc là Dương mà ngọn là Âm mới phủ lên trên thì gọi là Thiếu Âm ⚍ . Vậy đặt tên cho Tứ Tượng theo thứ tự từ Âm đến Dương là :

THÁI ÂM ⚏ , THIẾU DƯƠNG ⚎ , THIẾU ÂM ⚍ , THÁI DƯƠNG ⚌

Mỗi Tượng đều có Âm Dương tiêu trưởng ẩn hiện đồng dị ít nhiều giao dịch sinh khắc vận hành biến hóa ngay trong mỗi TƯỢNG. Vậy mỗi TƯỢNG là một HÀNH, chúng vận động chung lẫn với nhau :

THÁI CỰC là MỘT HÀNH vì có ÂM DƯƠNG vận hành bên trong.

LƯỠNG NGHI là HAI HÀNH vì cũng có ÂM DƯƠNG vận hành bên trong mỗi NGHI.

TỨ TƯỢNG là *Bốn Hành* vì có *Âm Dương* vận hành bên trong mỗi TƯỢNG . *Sự Vận Hành* của *Thái Cực - Lưỡng Nghi (Hai Hành)* vậy là *Một* mà *Ba Hành*. Sự vận hành của THÁI CỰC – TỨ TƯỢNG là *Một* mà *Bốn*. Kể cả sự *Vận Hành* chung của TỨ TƯỢNG – THÁI CỰC (*Một Hành*), vậy là MỘT mà NĂM HÀNH (*Ngũ Hành*).

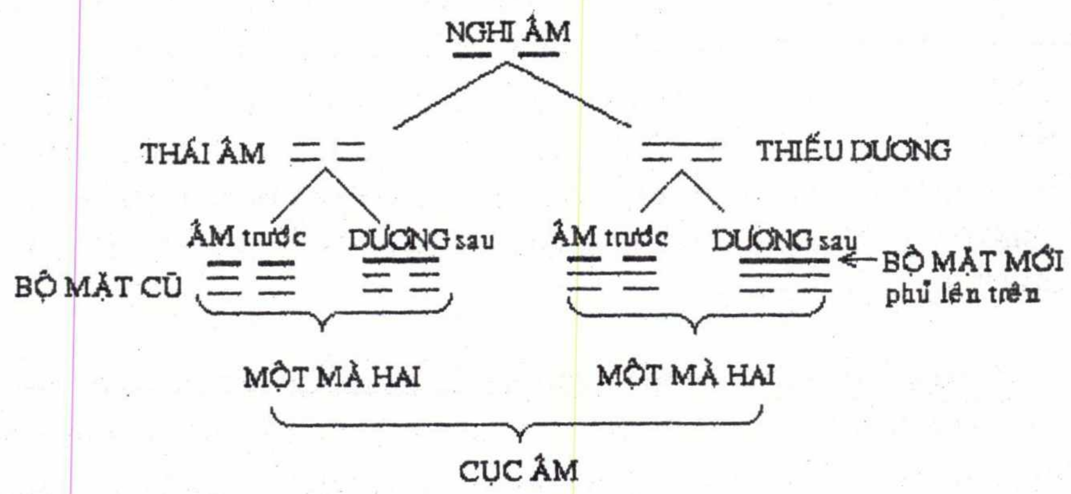
Như thế nguồn gốc của LÝ NGŨ HÀNH sinh khắc đã có ngay từ lúc Âm Dương giao, có sẵn trong Tứ Tượng, trong Bát Quái, Lục Thập Tứ Quái....... Về sau người đời thấy Lý Ngũ Hành Sinh Khắc có thể khai thác thực dụng trong một số lãnh vực nên dựng ra học thuyết Ngũ Hành theo Hậu Thiên lấy 5 vật chất làm thí dụ là *Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ*. Dụng ý tựu trung cũng để làm sáng tỏ cái Lý Đệ nhiên sinh khắc của Âm Dương mà thôi.

Nhưng cũng từ đó, khiến cho nhiều người hiểu lầm tuyệt đối hóa trong Trời Đất chỉ có 5 vật chất đó, họ cố gắng rất chật vật để chứng minh, qui loại và nâng cấp luận thêm về tính năng tạng tượng mong cứu gỡ học thuyết Ngũ Hành Ngũ Vật Hậu Thiên cổ điển hạn hẹp vốn có nhiều khuyết điểm.

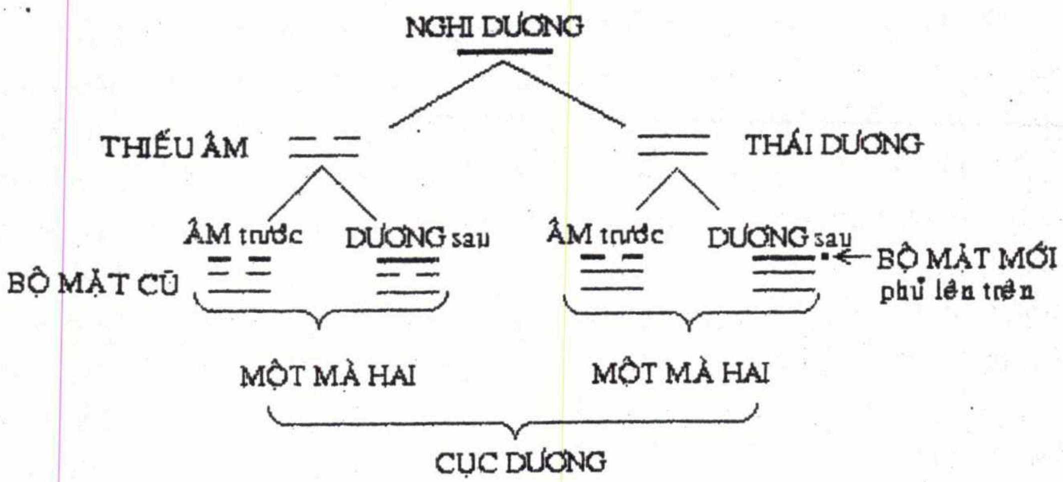
Đó là lý do tại sao Dịch Lý Việt Nam khi luận BÁT QUÁI không nhắc tới *Ngũ Hành Vật Chất Hậu Thiên*, cũng không cần bàn sâu *Lý Ngũ Hành Tiên Thiên* của BÁT QUÁI lúc chưa có vật chất, vì trong BÁT QUÁI đã sẵn có *Lý Ngũ Hành Sinh Khắc* rồi, phân tách chi li làm gì thêm rối trí hậu học. Nhưng dù sao Dịch Lý Việt Nam cũng có trách nhiệm khi phê bình thì phải có giải pháp nên chúng tôi đã vận dụng thuyết NGŨ THẦN (*Nguyên, Cừu, Kỵ, Tiết , Dụng Thần*) để lý giải mọi hiện tượng trạng thái của Vũ Trụ Con Người. Xét ra thuyết NGŨ THẦN tối ưu hơn nhiều. (Xem chương luận NGŨ HÀNH - NGŨ THẦN trong KHOA THIÊN NHIÊN XÃ HỘI HỌC, phân khoa GIAO DỊCH XÃ HỘI).

TRIẾT LÝ LẦN THỨ BA :
ĐƯỢC LÝ BÁT QUÁI

Mỗi TƯỢNG trong Tứ Tượng cũng là một cái THÀNH nên cũng phải ngậm yếu lý *Đồng Nhi Dị : Một Mà Hai, Lý Khởi Dứt* : ÂM trước DƯƠNG sau, *LÝ SINH THÀNH : BỘ MẶT MỚI* phủ lên trên như sau :



Triết lý NGHI ÂM được 4 TƯỢNG 3 vạch thuộc CỤC ÂM



Triết lý NGHI DƯƠNG được 4 *Tượng* 3 *Vạch* thuộc cục DƯƠNG

Tóm lại :

Triết lý lần I : MỘT cái THÀNH : THÁI CỰC thấy có HAI LƯỠNG NGHI : ÂM DƯƠNG;

Triết lý lần II : LƯỠNG NGHI thấy có TỨ TƯỢNG : THÁI ÂM, THIẾU DƯƠNG, THIẾU ÂM, THÁI DƯƠNG.

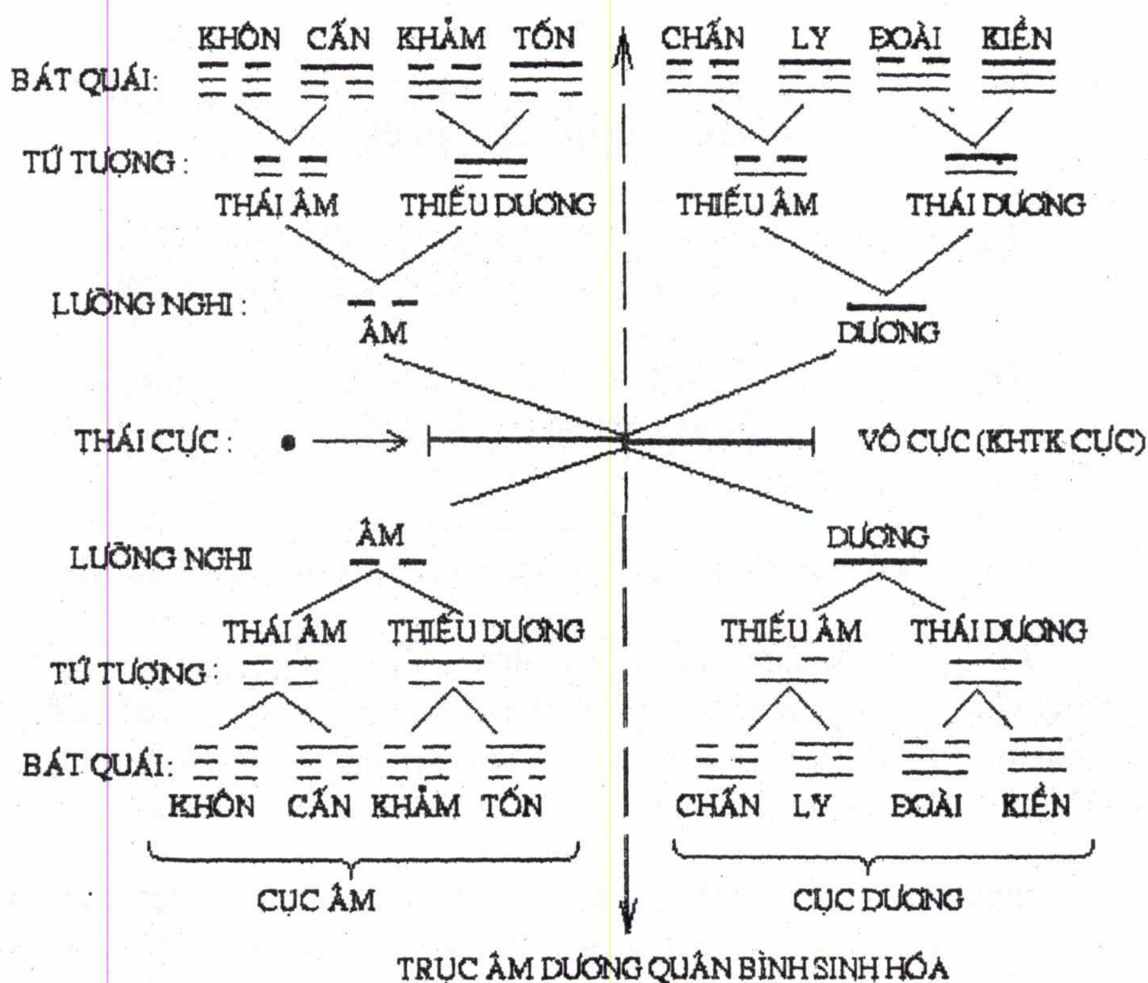
Triết lý lần III : TỨ TƯỢNG thấy có BÁT QUÁI mà tiền nhân gọi tên theo thứ tự từ Khởi đến Dứt, từ Âm đến Dương là :

KHÔN, CẤN, KHẢM , TỐN, CHẤN, LY, ĐOÀI, KIỀN (CÀN).

Khi triết lý đến lần thứ ba, tiền nhân thấy có đủ 8 hình 3 vạch đúng như kết quả 8 hình 3 vạch của Bài Toán Thành Vô Tư, nên tiền nhân dừng lại. Như vậy chứng tỏ Bài Toán Thành Hệ Thống với ba Hệ luận Hậu Thiên là đúng.

Nguồn gốc BÁT QUÁI và cách thành lập BÁT QUÁI dù theo cách nào : vô tư, ngẫu nhiên hoặc định kiến tiền nghiệm đều có chung một kết quả như nhau khi Âm Dương giao dịch vận hành tiêu trưởng ẩn hiện sinh khắc tăng giảm có đầy đủ trên dưới trong ngoài trước sau. Nhưng thời đại ngày nay sính văn lý học biện chứng nên chuộng BÀI TOÁN THÀNH HỆ THỐNG hơn vì nó hữu hình hóa DỊCH LÝ hết sức nhiệm nhặt chặc chẽ cho thấy được tính qui luật BIẾN DỊCH tuần tự trật tự nhịp nhàng cân đối không rối loạn.

Để thỏa mãn những đầu óc vô tư quen nhìn hai chiều, tiền nhân đã vẽ gọn lại như sau :



Tiền nhân còn vẽ nhiều loại hình đồ khác nữa về BÁT QUÁI để rộng đường dư luận như vuông tròn (phương viên Bát Quái phương vị đồ), tám góc (bát giác)

NHẬN ĐỊNH KẾT QUẢ BÀI TOÁN THÀNH HỆ THỐNG

BÁT QUÁI là kết quả của BÀI TOÁN THÀNH Vô Tư và HỆ THỐNG gồm có đầy đủ cả BA HỆ LUẬN CƠ BẢN của LÝ THÀNH HẬU THIÊN : Yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ : MỘT MÀ HAI - LÝ KHỞI DỨT : Âm trước Dương sau, Lý BIẾN HÓA : BỘ MẶT MỚI phủ lên trên .

BÁT QUÁI gồm có 8 hình 3 vạch Thượng , Trung , Hạ : trên dưới trong ngoài đạt lý TAM TÀI thuộc không gian (Vũ)

Diễn tiến của BÁT QUÁI có tuần tự trật tự từ KHÔN đến KIỀN gồm có 3 giai đoạn Khởi cuộc, Trung cuộc, Kết cuộc : CHƯA - MANH NHA - HÓA THÀNH đạt Lý TAM TÀI thuộc thời gian (Trụ)

BÁT QUÁI BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ từ KHÔN đến KIỀN hoặc từ KIỀN đến KHÔN minh họa rõ nét đường hướng thiên cực Âm hoặc thiên cực Dương và các giai đoạn trung chuyển (CẤN, KHẢM, TỐN, CHẤN, LY, ĐOÀI) chuyển hóa từ Hơi Hơi Khác đến Quá Quá Khác từ Hơi Hơi Giống đến Quá Quá Giống có tuần tự trật tự rất nhiệm nhặt, khít khao, chứng minh được tiềm lực của Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là hai Khả năng ĐỒNG HÓA và DỊ HÓA siêu tuyệt mầu nhiệm của TẠO HÓA.

Sáu Hình ở giữa KIỀN KHÔN chính là đáp số về cơ cấu của Hộp Đen (black box) mà tiền nhân đã thắc mắc : KHTK MANH NHA - BIẾN HÓA thế nào để thành có KHTK CỰC.

Âm Dương giao phải có Trục gọi là Trục Âm Dương Quân Bình Sinh Hóa. BÁT QUÁI là nội dung giao dịch của ÂM DƯƠNG nên phải

qua Trục Âm Dương Quân Bình Sinh Hóa ở giữa hai Tượng TỐN ☴ và CHẤN ☳ là trục chính.

Giữa hai Tượng TỐN và CHẤN có sự BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ cực độ, thay đổi quá quá khác về vị trí và tỷ lệ của Âm Dương gọi là giai đoạn giao thời thay ngôi đổi chủ.

Muốn luận được chính xác LÝ ĐỨC TÁNH của BÁT QUÁI trước tiên phải xác định căn gốc của nó thuộc NGHI , TƯỢNG, CỤC nào :

-Căn cứ vào một vạch (hào) ở dưới để biết thuộc NGHI gì ? NGHI ÂM hoặc NGHI DƯƠNG.

-Căn cứ vào Hai vạch (hào) ở dưới và ở giữa để biết thuộc TƯỢNG nào ? -Thái Âm - Thiếu Dương - Thiếu Âm - Thái Dương

-Căn cứ vị trí của Quái so với các Quái trước sau của nó để xác định Quái thuộc CỤC ÂM hoặc CỤC DƯƠNG

Bốn Quái : KHÔN CẤN KHẢM TỐN thuộc Nghi ÂM, Cục ÂM

KHÔN CẤN thuộc TƯỢNG THÁI ÂM
KHẢM TỐN thuộc TƯỢNG THIẾU DƯƠNG

Bốn Quái: CHẤN LY ĐOÀI KIỀN thuộc Nghi DƯƠNG cục DƯƠNG

CHẤN LY thuộc TƯỢNG THIẾU ÂM
ĐOÀI KIỀN thuộc TƯỢNG THÁI DƯƠNG

TÁM QUẺ nầy càng nghiên cứu đào sâu càng có nhiều điều kỳ lạ lý thú không sao nói hết được nên tiền nhân gọi là BÁT QUÁI (Tám điều Kỳ lạ). Có người còn giải thích chữ QUÁI là do chữ QUẢI đọc trại ra: QUẢI là tấm, bức, đồ, hình treo trên vách...

Nghĩa chữ QUÁI rất thông dụng ai cũng biết như dùng trong chữ quái đản, quái kiệt, quái quỷ, quái nhân, quái vật... để chỉ cái gì hết sức lạ lùng, kỳ diệu, không giống ai, bất bình thường, khác thường....

Tiền nhân đã không ngờ chỉ có vỏn vẹn 8 hình bóng 3 vạch đứt liền như thế mà có thể lý giải hầu hết mọi hiện tượng trạng thái Vũ Trụ. Thật là kỳ quái ! Quái dị chưa từng thấy !

Rồi trải qua thời gian dài biết bao thế hệ nối tiếp nghiệm xét càng thấy BÁT QUÁI có tính phổ biến , tất yếu và nhất quán của một qui luật khách quan siêu đẳng của tự nhiên nên đồng tình khẳng định : BÁT QUÁI là LUẬT TẠO LẬP VŨ TRỤ gọi tắt là ĐỊNH LUẬT 8 hay LUẬT TẠO HÓA. Theo lối nói ẩn dụ thì ĐỊNH LUẬT 8 - BÁT QUÁI là LÒ TẠO HÓA cấu tạo hóa thành, khuôn đúc ra muôn loài vạn vật.

Sự vận động chuyển hóa Âm Dương ở mỗi hình tượng và giữa các hình tượng của BÁT QUÁI gọi là DỊCH BIẾN luôn luôn giống mà hơi hơi khác.

Mỗi Tượng đều có LÝ BIẾN HÓA ĐỒNG NHI DỊ nên còn gọi là DỊCH TƯỢNG. TƯỢNG nào LÝ đó, LÝ nào TƯỢNG đó. TƯỢNG càng chuẩn thì LÝ càng rõ (văn dĩ tải đạo)

Dịch Lý vốn vô hình bàng bạc, nay do công lao của tiền nhân đã trụ thần hữu hình hóa thành Dịch tượng. Thật là việc vĩ đại có một không hai vậy.

Việc khó nhất là Nguyên Nhân đầu tiên của mọi nguyên nhân là KHTK MANH NHA mà tiền nhân còn phanh phui ra được và hệ thống hóa thành qui luật cấu tạo hóa thành Vũ Trụ . Thử hỏi đó có phải là tiền nhân đã vén khăn che mặt của TẠO HÓA rồi chăng ?? Bí mật TIÊN THIÊN muôn đời về sau của Vũ Trụ từ từ loài Người cũng sẽ làm sáng tỏ hết.

Các nhà nghiên cứu Khoa học, Đạo học mọi ngành biết lợi dụng thành quả khám phá của Tiền nhân về Luật Tạo Lập Vũ Trụ, Biến Hóa Luật, Định Luật 8 một cách nhuần nhuyễn thì bằng như đi hia bảy dặm, tiến bộ rất mau.

Định luật 8 - Bát Quái đã có thời vàng son được đề cao tột đỉnh như là thứ kính chiếu yêu, quả không ngoa, vì nó soi rọi được mọi sự vật việc người phải hiện nguyên hình, phải lộ chân tướng không sao dấu diếm được, không có gì tránh khỏi BÁT QUÁI được (xem BÁT QUÁI VẠN LOẠI) . Nội dung của BÁT QUÁI diễn đạt đầy đủ Yếu lý ĐỒNG

NHI DỊ - ÂM DƯƠNG LÝ là DỊCH LÝ đã trở thành một học thuyết bất hủ, có người gọi đó là VÔ SONG NGUYÊN LÝ.

Tóm lại, Định Luật 8 - BÁT QUÁI là LUẬT TẠO HÓA vạn năng, loài người biết lợi dùng ở phạm vi lãnh vực nào thì hết sức đề cao hiệu quả ở lãnh vực đó. Nó là Khoa Học Tổng Tập của Nhân thế, là Đạo Lý của mọi Đạo lý. Uy danh còn để lại hậu thế đến nay và mãi mãi.

C. HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ LÝ 64 QUẺ:

Tiền nhân nghĩ rằng : ĐỊNH LUẬT 8 - BÁT QUÁI là qui luật Cấu Tạo Hóa Thành tất cả thì chính Định luật 8 cũng phải được cấu tạo hóa thành, vì qui luật này chắc chắn chưa có lúc KHTK mà chỉ có khi KHTK MANH NHA, cùng lúc với KHTK MANH NHA.

Vậy Lý vô tư buộc tiền nhân phải trung thật công nhận ĐỊNH LUẬT 8 cũng là một cái THÀNH như mọi cái THÀNH khác. Vậy Thành ĐỊNH LUẬT 8 theo lý lẽ qui luật nào ?

Lập trường của tiền nhân rất nhất quán : tất cả THÀNH đều do ĐỊNH LUẬT 8. Vậy THÀNH ĐỊNH LUẬT 8 cũng phải do ĐỊNH LUẬT 8 mà thành. Nghĩa là mỗi QUÁI của ĐỊNH LUẬT 8 - BÁT QUÁI khi thành đều do qui luật 8 cấu tạo hóa thành.

Chẳng hạn thành Tượng KHÔN ☷☷ thì phải trải qua ĐỊNH LUẬT 8 như sau :

ĐỊNH LUẬT 8 : ☷ ☶ ☵ ☴ ☳ ☲ ☱ ☰

THÀNH TƯỢNG KHÔN ䷁ ䷖ ䷇ ䷓ ䷏ ䷢ ䷬ ䷋

CÓ 8 TƯỢNG KÉP : KHÔN BÁC TỶ QUAN DỰ TẤN TỤY BĨ

Sở dĩ để ĐỊNH LUẬT 8 ở bên trên, bên ngoài là ví như khuôn đúc, như lò TẠO HÓA. Còn Tượng KHÔN ☷☷ hoặc các Tượng khác của BÁT QUÁI ở dưới, ở trong ví như vật việc chỉ được đúc là cái thai nằm trong bào thai vậy.

Kết quả THÀNH được TƯỢNG KHÔN phải trải qua đủ ĐỊNH LUẬT 8 nên có 8 trạng thái hình tượng ĐỒNG NHI DỊ của TƯỢNG KHÔN gồm 6 vạch Âm Dương như trên. TƯỢNG 6 vạch ngày xưa gọi là QUẺ, nay gọi là DỊCH TƯỢNG kép, nói tắt là DỊCH TƯỢNG.

Cũng thế, Thành mỗi QUÁI (TƯỢNG đơn) khác đều trải qua 8 trạng thái hình tượng ĐỒNG NHI DỊ tức 8 DỊCH TƯỢNG kép

Cộng chung, thành BÁT QUÁI (8 TƯỢNG ĐƠN) bởi ĐỊNH LUẬT 8, gồm có : 8 x 8 = 64 trạng thái hình tượng ĐỒNG NHI DỊ tức LỤC THẬP TỨ QUÁI (64 DỊCH TƯỢNG).

Tiền nhân cho hai Tượng ĐƠN ghép lại trên dưới trong ngoài trước sau là có ý theo đúng nguyên lý qui luật *Âm Dương Tương động - Giao - Cảm - Sinh Thành* tăng giảm thay đổi tỷ lệ và vị trí các vạch Âm Dương Như thế là phù hợp với Lý Tam Tài : Thượng - Trung - Hạ, Khởi - Trung - Kết cuộc, diễn tiến sống động, động tĩnh lẫn lộn .... Kết quả thành ra Bộ Mặt Mới là một DỊCH TƯỢNG KÉP tích hợp cả Lý Thái Cực, Lưỡng nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, Ngũ Hành đệ nhiên Sinh Khắc, biểu tượng đầy đủ sâu sắc yếu lý ĐỒNG NHI DỊ ÷ LÝ MANH NHA + LÝ CỰC BIẾN, nói chung là DỊCH LÝ.

Vậy toàn bộ HỆ THỐNG 64 DỊCH TƯỢNG KÉP là một cấu trúc hoàn chỉnh tối thiểu nhất để hữu hình hóa DỊCH LÝ, cụ thể khoa học hóa qui luật TẠO LẬP VŨ TRỤ.

Tóm lai :

ĐỊNH LUẬT THÀNH cũng phải THÀNH ĐỊNH LUẬT. Vậy mới là vô tư khách quan. LÒ TẠO HÓA phải THÀNH LẬP có trước, rồi từ đó tha hồ đúc ra muôn loài.

Như vậy HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ -64 DỊCH TƯỢNG KÉP có cùng một lúc, một lượt với KHTK MANH NHA BIẾN HÓA tức có cùng lúc VÔ CỰC - THÁI CỰC không trước không sau.

Còn biện chứng theo hậu thiên thì có THÁI mới có CỰC. Có CỰC mới có BIẾN. Vậy LÝ THÁI CỰC chính là DỊCH LÝ. LÝ THÁI CỰC là MỘT , triết lý đến cùng lý là 64 Dịch Tượng. Vậy MỘT là 64. 64 là MỘT. Một phân tích ra là 64. 64 gom lại tích hợp trong cái MỘT

Sau đây là toàn bộ *HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRU* :
64 DỊCH TƯỢNG.

HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ (64 THIÊN DIỆN)

BÁT THUẦN:
KHÔN:

CẤN:

KHẢM:

TỐN:

CHẤN:

LY:

ĐOÀI:

KIỀN:

HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ gồm có 64 Thiên Diện (Bộ Mặt của Trời) hiển lộ thành 64 DỊCH TƯỢNG (QUẺ) còn được nhiều học phái DỊCH LÝ xưa nay xếp đặt thứ tự khác nữa tùy theo sở kiến không tiện nhắc ở đây.

Điều quan trọng là KHOA DỊCH LÝ VIỆT NAM đã vừa làm xong trách nhiệm lý giải tại sao từ đâu có BÁT QUÁI - LỤC THẬP TỨ QUÁI như trên. Còn thứ tự trật tự của chúng có hay không như thế nào là đúng thì xin lưu ý học giả : đây là 64 tình tiết éo le Âm Dương Đồng Nhi Dị vô hình, biến hóa vô cùng tế vi nhiệm nhặt, kỳ diệu, chằng chịt không đầu mối, vậy mà không rối loạn, thế mới kỳ lạ hơn.

DỊCH LÝ là vậy đó !

Người có tinh thần DỊCH LÝ linh hoạt không cố chấp thì hiểu đạt dễ dàng HỆ THỐNG 64 chỉ là sự bày đặt của TÔI - CON NGƯỜI nhằm hữu hình hóa tượng trưng cho cái lý vô hình, cái lý không tên để giúp cho người đời có cửa mà vào Đạo cả của Vũ Trụ. Bằng chẳng có vậy thì dù là thánh trí cũng phải điên đầu bó tay khi phải chiều lòng người muốn lấy cái hữu hạn đo cái vô cùng, lấy cái khoa học nửa vời đo lường cái siêu khoa học tuyệt đỉnh.

Đến đây đã đầy đủ HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ đầu tiên từ KHTK - KHTK MANH NHA - KHTK CỰC . LÝ BIẾN HÓA đã có, BIẾN HÓA LUẬT đã thành.

Nói chung cùng một lượt có tất cả. Đâu đâu cũng thể hiện tiềm lực của yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là nguyên lý, chân lý tuyệt đối của mọi Vũ Trụ Vô Hữu. Tất cả đều đã có, đều sống động biến hóa hóa thành để càng sáng tỏ ĐẠO TRỜI là sáng tỏ Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ khắp nơi muôn đời từ TIÊN THIÊN đến HẬU THIÊN,

NHẬN ĐỊNH VỀ HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ : 64 QUẺ:

① - *HỆ THỐNG TẠO LẬPVŨ TRỤ : 8 TƯỢNG ĐƠN và 64 TƯỢNG KÉP* lúc đầu khi tiền nhân vừa khám phá bằng cách làm những BÀI TOÁN THÀNH VÔ TƯ và HỆ THỐNG, kết quả chỉ là những ký hiệu

đơn thuần vạch đứt vạch liền, chưa có tên, chưa có chữ, chưa có nghĩa theo Hậu thiên. (Vô tự thiên thơ)

Về sau vì chiều lòng hậu học, tiền nhân bất đắc dĩ phải bày đặt gắn tên, neo ý, lý giải cho từng Dịch tượng những mong nhờ TƯỢNG mà thấu LÝ. Nhưng rồi hậu học vẫn cứ chấp danh chấp tượng, lo học thuộc lòng Dịch tượng mà chẳng màng đến DỊCH LÝ, khiến cho người đời càng hiểu lầm Dịch lý là thế này, thế nọ.

Thông cảm với các Bạn hiếu học, chúng tôi sẽ lại một lần nữa lý giải nguồn gốc của từng Danh, Ý, Lý, Tượng Dịch để các bạn làm bờ mốc học tập tiến bộ hơn. (Xem phần LÝ GIẢI CÁC DỊCH TƯỢNG ở chương sau).

② - CÁI TUẦN TỰ TRẬT TỰ của HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ gọi là THIÊN DIỆN hay DỊCH TƯỢNG là giai đoạn diễn tiến chung và riêng của từng sự vật người vào một thời điểm nào đó và vào những thời điểm kế tiếp khác, gọi là SỐ, MỆNH.

Mỗi giai đoạn diễn tiến rộng lớn hay nhiệm nhặt khi hiển lộ là biểu hiện *Đạo Cực Biến* tại đó, tới đó thành ra có DỊCH TƯỢNG đó. Người nào muốn biết sự Tuần tự Trật Tự của TẠO HÓA của muôn loài đã, đang, sẽ tới giai đoạn nào trong HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ thì đầu tiên phải nắm vững *Đạo Cực Tiên Quyết.*

Nếu dùng Dịch Tượng làm thước đo lường mọi động tĩnh thì căn cứ vào cái ĐỘNG của Tượng kép, Tượng đơn, Hào động. Đạo cực Biến đang ở chỗ Động đó. (Xem Khoa Dịch Lý Báo Tin).

Như vậy mỗi Dịch Tượng kép 6 hào, có khả năng động cực biến cả 6 Hào và Toàn bộ HỆ THỐNG TẠO LẬP VŨ TRỤ 64 DỊCH TƯỢNG lúc nào cũng động cực biến cùng lúc thành ra có tới 64 x 6 =384 Tình

tiết Đồng Nhi Dị nhiệm nhặt hơn nữa mà mỗi giai đoạn diễn tiến của bất cứ thứ gì đều có thể tìm thấy trong đó.

Các giai đoạn diễn tiến của sự vật cứ trôi lăn đảo chuyển tiêu trưởng ẩn hiện mãi trong Hệ Thống Tạo lập Vũ Trụ, hết Tượng này qua Tượng khác, chồng chéo nhau đủ kiểu cách, không bao giờ đình nghỉ tạo thành dòng sống động miên trường.

Tuy nhiên, khi lòng người muốn biết sự việc đang ở giai đoạn nào thì có cách chụp bắt thật nhanh hình bóng của nó như lúc chụp ảnh, quay phim. Ảnh còn đó mà người vật đâu rồi. Sự vật vẫn trôi lăn theo đường đi dĩ nhiên của nó.

"Nhạn quá tùng không
Ảnh trầm hải thủy
Nhạn vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm"

Cách biết giai đoạn diễn tiến, người đời gọi là thuật tiên tri, tiến đoán **số mạng.** Hình ảnh giai đoạn là **số**, diễn tiến sống động theo đường đi dĩ nhiên gọi là **mạng** (mệnh). Có vô số hình ảnh giai đoạn nên sự vật có vô **số số** và chỉ có một đường đi dĩ nhiên nên chỉ có **một mạng.**

Ta thông cảm cho người đời thường phải lăn lộn trong cuộc sống rất hoang mang mờ mịt về nhiều sự việc hệ trọng nên cần có ánh sáng tiên tri soi đường dẫn lối.

Còn dịch học sĩ xứng danh chẳng những tự biết tiên đoán tiên tri mà còn là chân tri thì đâu cần thứ ánh sáng phương tiện nào soi đường dùm cho. Dịch học sĩ biết tất cả rồi, thấu suốt đường đi dĩ nhiên của muôn đời và muôn nơi từ lâu nên ít khi tiên đoán, tiên tri làm gì vô ích .Nếu có tiên tri tiên đoán chỉ là tham dự trò chơi trí thức làm vui lòng bè bạn để tăng cường động viên tri âm quyết liệt hơn với chân lý học mà thôi.

③ - *Mọi mưu toan tính toán gọi là MƯU* : mưu kế, mưu tính. Có ba loại Mưu : Nhân Mưu, Quỷ Mưu và Thiên Mưu.

Nhân Mưu là mọi sự toan tính của loài người đời thường. *Quỷ Mưu* là mọi sự toan tính của quỷ thần tiên thánh thuộc hạng siêu nhân khuất mặt. Còn *Thiên Mưu* là mọi sự toan tính của siêu nhiên lực tự động, tự hóa thường gọi là CƠ TRỜI (*Thiên Cơ*).

Nhân mưu, Quỷ mưu dù có lắc léo sâu kín cỡ nào cũng không thoát khỏi qui luật *Tạo Hóa*, cũng nằm trong vòng Thiên mưu mà thôi.

Với Hệ Thống Tạo Lập Vũ Trụ - Bát Quái, 64 Quẻ trong tay, người học Dịch nếu muốn biết thì không có thứ MƯU nào che giấu được.

Sá gì *Nhân mưu* là sản phẩm của trí thịt, đến cả *Quỷ mưu* là sản phẩm của thánh trí, thần trí cũng chỉ là Lý Trí Tánh Hậu Thiên sao bì được với TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC là THIÊN Ý vậy. Dùng từ Quỷ mưu đại diện cho mọi sự toan tính của Quỷ Thần Thánh Tiên vì cách đây trên 2.500 năm chưa có Phật Chúa ra đời. Nhưng dù Phật Tánh, Ý Chúa có linh thiêng mầu nhiệm tới đâu cũng phải đi trong qui luật CẤU TẠO HÓA THÀNH (LUẬT TẠO HÓA) mới thành có cái linh thiêng, mầu nhiệm đó.

Còn Khoa học cơ giới dù có cực kỳ văn minh cũng chỉ là sự vận dụng qui luật tự nhiên khai thác muôn vật để thành công vụ. (Thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ) là học trò xuất sắc của bậc thầy kiến trúc vĩ đại là TẠO HÓA - TẠO VẬT. Khoa học loài Người còn phải học nhiều điều bí mật của Vũ Trụ lắm vậy.

"Bầu Trời luân chuyển Âm Dương
Nào ai thấu triệt chủ trương những gì ?!"

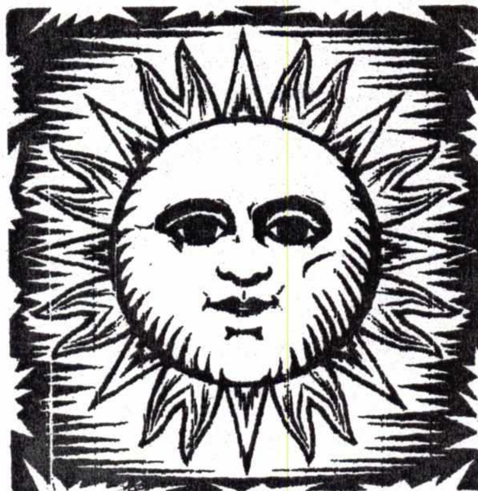
④ - *Suốt đời người học Dịch chỉ học có một chữ THỜI*, quan trọng nhất là THỜI TRỜI vì không ai có thể hiểu biết hết Càn Khôn Vũ Trụ muôn loài, mà có biết cũng vô ích. Bởi lẽ TÔI - CON NGƯỜI thực dụng

mỗi lúc cần biết điều gì đó trên dòng sống động thì đã có sẵn Hệ Thống Tạo Lập Vũ Trụ, chỉ cần ngửa lòng bàn tay là có thể nắm bắt được nhịp điệu sống động của Vũ Trụ muôn loài vật việc gì đã đang sẽ diễn tiến tới đâu. Đó là THỜI của muôn vật ứng hiện ở *Thời Trời* là qui luật *Tạo Hóa* hiển lộ báo tin.

Người học Dịch cũng sống động như bao cái TÔI - CON NGƯỜI khác, không cần biết gì nhiều để cho tâm trí thư thản, nhưng khi muốn biết điều gì thì có thể biết được đại ý hoặc chính xác từng chi tiết một , tùy việc, tùy lúc.

Nếu nói người học Dịch có tài năng siêu tuyệt đặc biệt nào đó, chẳng qua cũng chỉ là biết vận dụng lợi dụng tài năng sẵn có của Tạo Hóa muôn loài làm tài mình chớ có tài gì đâu ?!.





BÀI VII

LÝ GIẢI 8 TƯỢNG ĐƠN - BÁT QUÁI

(Theo quan điểm Dịch Lý Việt Nam)

A . THÔNG QUA CÁC QUI ƯỚC THÀNH LẬP BÁT QUÁI

TÔI - CON NGƯỜI càng lúc càng đi sâu vào qui ước của Tự, Từ, Ngữ, Ngôn, Xướng là làm công việc Trí Tri cơ cấu Tượng Hình Hài Thanh Neo Ý.

Không có cách nào khác hơn là TÔI - CON NGƯỜI phải bám víu vào qui ước. Rồi qui ước này sẽ dẫn tới qui ước khác nữa, lần hồi tràn ngập qui ước, chồng chéo qui ước. Nếu không khéo ta sẽ chết ngộp trong qui ước do TÔI - CON NGƯỜI đã đặt ra. Một môn học, một trò chơi nào có quá nhiều qui ước thì sẽ mất tính linh động hấp dẫn.

Biết vậy, nên trong Khoa Dịch Lý Học, tiền nhân rất hạn chế qui ước và cố gắng làm sao các qui ước được nhất quán. Mỗi môn học có qui ước riêng của nó. Người học phải nắm vững các qui ước chìa khóa mới có thể tiến bộ trong môn học. (Thầy nào sách đó).

Nay luận giải 8 Tượng Đơn, chúng ta cũng phải chui vào qui ước của tiền nhân thì mới mong hiểu nổi Bát quái.

Lý Biến Hóa vô hình đã được hay bị tiền nhân hữu hình cụ thể hóa bằng nhiều qui ước tất yếu hợp tình hợp lý nhất. Đó là những quy ước Hậu Thiên luận Tiên Thiên về Danh lý, Tượng Lý, Số Lý cho từng trạng thái hiện tượng Đồng Nhi Dị - Dị Nhi Đồng.

QUI ƯỚC I : ĐỒNG DỊ là ÂM DƯƠNG

Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG có khắp mọi nơi chính là Âm Dương Lý.

Nơi nào, lúc nào có ĐỒNG DỊ là có ÂM DƯƠNG vì ÂM DƯƠNG là ĐỒNG DỊ . Danh Âm Dương dùng cả Tiên Thiên lẫn Hậu Thiên. Danh Âm Dương lúc đầu không có nghĩa gì khác ngoài nghĩa ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG .

QUI ƯỚC II : VẠCH ĐỨT LÀ ÂM
VẠCH LIỀN LÀ DƯƠNG

Để cụ thể hóa, hữu hình hóa Âm Dương Đồng Dị, tiền nhân đã chọn ký hiệu : vạch đứt (– –) là Âm , vạch liền (——) là Dương để biểu diễn yếu lý ĐỒNG NHI DỊ Một mà có Hai. Đồng là vạch mà có hai là đứt liền (Dị). Tiền nhân đã vận dụng qui ước nầy với ký hiệu vạch đứt liền để luận về Âm Dương Đồng Dị trong suốt khoa Dịch Lý học

Nếu ai không đồng ý, thì hãy định lại hoặc tìm qui ước khác tối ưu hơn. Riêng chúng tôi vẫn dùng xài ký hiệu vạch đứt liền của tiền nhân vì nó tiện lợi trong việc vẽ vời trình bày.

QUI ƯỚC III : KHỞI trước DỨT sau
ÂM trước DƯƠNG sau

Theo Biến Hóa luật, tất cả đều phải manh nha biến hóa hóa thành có tuần tự trật tự từ khởi đến dứt. Khởi trước, Dứt sau. Bộ mặt cũ

trước, Bộ mặt mới sau. Nói rõ hơn theo thứ tự của lý Tam Tài : Chưa - Manh Nha - Hóa Thành.

Do đó khi hữu hình hóa Dịch lý bằng vạch Âm Dương cũng phải Âm trước Dương sau

Lưỡng nghi :	Âm	– –	trước	Dương	—	sau
Tứ tượng	: Thái Âm	⚏	trước	Thái Dương	⚌	sau
Bát Quái	: KHÔN (ĐỊA)	☷	trước	KIỀN (THIÊN)	☰	sau
	HƯ trước			NHƯ sau		

Lý khởi dứt bao trùm vạn vật. Khởi đầu là Âm , rồi manh nha diễn tiến sống động đến hết mức hóa thành, cùng cực sự thành là Dương . Từ Dương lại khởi chuyển sang chu kỳ biến hóa mới nữa. Có Khởi thì có Dứt. Có Dứt thì lại Khởi tiếp tục không bao giờ đình nghỉ.

Vũ trụ vạn vật luôn luôn sống động trong vòng Âm Dương , trong vòng Càn Khôn hay trong vòng Thiên Địa Tuần Hoàn là vậy đó.

QUI ƯỚC IV : ÂM DƯƠNG giao có tăng giảm là SINH KHẮC

Âm Dương Tiêu Trưởng Ẩn Hiện Đồng Dị Biến Hóa theo Luật Tương Động, Tương Giao, Tương Cảm, Tương Sinh Thành thì có Tăng sức và Giảm sức cho nhau gọi là SINH KHẮC nên luôn luôn tạo được sự Quân Bình Sinh Hóa Âm Dương .

Khi Âm Dương tương giao lập tức manh nha biến hóa hóa thành 8 Tình trạng Đồng nhi Dị nhiệm nhặt, tiền nhân đã vẽ được hình, đặt được tên, neo được ý thứ tự như sau :

B . SƠ ĐỒ BÁT QUÁI VẠN LOẠI

DỊCH TƯỢNG	☷	☶	☵	☴	☳	☲	☱	☰
DANH TƯỢNG	KHÔN ĐỊA	CẤN SƠN	KHẢM THỦY	TỐN PHONG	CHẤN LÔI	LY HỎA	ĐOÀI TRẠCH	KIỀN THIÊN
HÌNH TƯỢNG	LỤC ĐOẠN	PHỦ HẠ	TRUNG MÃN	HẠ ĐOẠN	NGƯỠNG THƯỢNG	TRUNG HƯ	THƯỢNG KHUYẾT	TAM LIÊN
LÝ TƯỢNG	HƯ Nhu dã	NGƯNG Chỉ dã	TRỤ Hãm dã	TIỀM Nhập dã	KHỞI Động dã	VŨ Lệ dã	HIỂN Duyệt dã	NHƯ Kiện dã
Ý TƯỢNG	NHU THUẬN	NGƯNG NGHỈ	HÃM HIỂM	THUẬN NHẬP	THUẬN ĐỘNG	TỎA SÁNG	HIỂN HIỆN	CƯƠNG CHÍNH
SỐ LÝ	8 (=0)	7	6	5	4	3	2	1

C. LÝ GIẢI SƠ ĐỒ BÁT QUÁI

I. LÝ GIẢI VỀ DANH TƯỢNG TIÊN THIÊN :

Tám danh KHÔN CẤN KHẢM TỐN CHẤN LY ĐOÀI KIỀN là tối cổ ngữ, không rõ nguồn gốc và ý nghĩa từ đâu tiền nhân đã dùng để đặt tên cho 8 Tượng. Dù không biết nghĩa nhưng đã quen gọi các tượng như vậy, nên ta không cần phải thay đổi giống như ta dùng thứ tự A, B, C, D ... hoặc tên gì cũng được.

Còn 8 Danh : ĐỊA SƠN THỦY PHONG LÔI HỎA TRẠCH THIÊN có mang ý nghĩa chỉ vật cụ thể sẽ được lý giải ở đoạn dưới

II. LÝ GIẢI VỀ HÌNH TƯỢNG :

Căn cứ vào hình bóng vị trí và tỷ lệ của các hào Âm Dương trong mỗi Tượng so với Tượng khác, tiền nhân áp dụng nguyên tắc :

- Đồng lấy Dị mà luận.
- Dị lấy Đồng mà quy.

Vì Khởi là Âm , nên lấy các Tượng có hào Âm luận trước :

Tượng 3 hào ÂM :

Tượng KHÔN có 3 vạch đứt thành 6 khúc ☷ nên neo ý là KHÔN-LỤC ĐOẠN so với Tượng KIỀN có 3 vạch liền ☰ nên nói KIỀN-TAM LIÊN.

Tượng 2 hào ÂM :

Tượng CẤN ☶ gồm có 2 hào Âm là Đồng, 1 hào Dương là Dị. Nguyên tắc Đồng lấy Dị mà luận, ở đây Dị là Dương nên lấy Dương mà luận. Một Dương ở trên liền lạc, ngăn chận, che đậy, phủ chụp xuống dưới nên neo ý là CẤN - PHỦ HẠ. Người xưa thấy giống như cái chén úp nên nói CẤN- PHÚC UYỂN.

Tượng CHẤN ☳ gồm 2 Âm trên, một Dương dưới nên lấy Dương mà luận. Dương dưới động dấy lên, hướng lên trên nên neo ý là CHẤN - NGƯỠNG THƯỢNG Ngó lên. Người xưa liên tưởng hình cái chậu ngửa nên nói CHẤN - NGƯỠNG BỒN.

Đang xét về hình trạng của Tượng, bỗng tiền nhân đưa 2 vật chén úp, chậu ngửa vào hai tượng CẤN và CHẤN e không phải chỗ, nên Thầy Xuân Phong đã sửa lại là Cấn phủ hạ, Chấn ngưỡng thượng. cho nhất quán về hình trạng, vì chưa phải lúc luận về vật thể ở đây.

Tượng KHẢM ☵ gồm 2 Âm trên dưới là Đồng , nên lấy một Dương giữa là Dị để luận. Dương ở giữa liền lạc đầy đặn nên neo ý là KHẢM - TRUNG MÃN, giữa đầy.

200

Tượng 1 hào ÂM :

Tượng LY ☲ Đối lại với Tượng KHẢM là Tượng LY ☲ gồm 2 Dương trên dưới là Đồng nên lấy 1 Âm ở giữa là Dị để luận. Âm ở giữa đứt đoạn, trống trơn nên neo ý là LY - TRUNG HƯ, *giữa trống.*

Tượng TỐN ☴ gồm 2 Dương , 1 Âm , lấy Âm mà luận . Âm dưới đứt đoạn nên neo ý là TỐN - HẠ ĐOẠN *dưới đứt.*

Tượng ĐOÀI ☱ gồm 2 Dương dưới và 1 Âm ở trên khuyết đứt nên neo ý là ĐOÀI - THƯỢNG KHUYẾT, *trên lõm.*

III. LÝ GIẢI VỀ LÝ ĐỨC TÍNH ÂM DƯƠNG CỦA 8 TƯỢNG :

Các biểu tượng tuy có khác nhau nhưng cũng có chỗ giống nhau nên áp dụng nguyên tắc : Dị lấy Đồng mà qui.

Các Tượng KHÔN, CẤN, KHẢM, TỐN đều có bản gốc chung ở dưới là Nghi Âm nên có LÝ ĐỨC TÍNH thuộc Âm và ở gần cùng nhau một bên gọi là CỤC ÂM (vật đồng loại hội tụ)

Các Tượng :	KHÔN ☷	CẤN ☶	KHẢM ☵	TỐN ☴
có LĐT ÂM : (Lý Đức Tính)	HƯ	NGƯNG	TRỤ	TIỀM

Các Tượng CHẤN, LY, ĐOÀI, KIỀN đều có bản gốc chung ở dưới là nghi Dương nên có LÝ ĐỨC TÍNH thuộc Dương và ở gần cùng nhau một bên gọi là CỤC DƯƠNG.

Các Tượng :	CHẤN ☳	LY ☲	ĐOÀI ☱	KIỀN ☰.
có LĐT DƯƠNG :	KHỞI	VŨ	HIỂN	NHƯ

Trong phép luận Tượng, Ta dùng phương pháp so sánh đối đãi Đồng Dị Âm Dương rồi mới qui nạp, Chẳng hạn muốn luận Tượng

KHÔN thì phải đối chiếu với Tượng KIỀN , Tượng CẤN hoặc ngược lại.

1. Lý đức tính Tượng KHÔN ☷ là HƯ

Tượng KHÔN là Âm tượng trưng Bộ mặt cũ Khởi đầu chưa có, chưa thành, trống trơn, là chưa lộ Dương , chưa thành Dương .

KHÔN là Tượng khởi đầu của Bát Quái.

KHỞI ĐẦU từ chỗ chưa có, chưa thành gọi là *HƯ*.

CHẤM DỨT ở chỗ đã có, đã thành gọi là NHƯ.

Chữ HƯ nầy đồng nghĩa trong chữ HƯ VÔ, HƯ KHÔNG. HƯ là HƯ đối với NHƯ, là KHÔN ☷ đối với KIỀN ☰ nên nói là *HƯ NHƯ*

2. Lý đức tính Tượng CẤN ☶ là NGƯNG

Tượng CẤN kế tiếp tượng KHÔN.

Tượng CẤN do Tượng KHÔN manh nha biến hóa hóa thành. Tượng CẤN là Bộ mặt mới giống mà hơi hơi khác Tượng KHÔN - giống là cục Âm , nghi Âm, hơi hơi khác là có hào Dương trẻ mới phủ lên trên.

Khởi đầu từ tượng KHÔN là cực Âm tất sinh Dương (Lý cùng cực tắc biến). Tượng KHÔN là quá Âm , hết sức Âm nên phải cực là chấm dứt, đừng lại, ngưng lại không thể tiếp tục Âm nữa. Nên Lý Đức Tính của Tượng CẤN là chỉ rõ thời điểm Tượng KHÔN - Âm cùng cực *NGƯNG NGHỈ* đồng thời manh nha Dương . Dương ló dạng theo đúng Biến Hóa luật là Bộ mặt mới phủ lên trên Âm Bộ mặt cũ. Vậy Dương từ đâu ló dạng ?

Theo yếu lý Đồng Nhi Dị, không có gì hoàn toàn Đồng hoặc hoàn toàn Dị nên Tượng KHÔN không phải là Thuần Âm vô Dương mà là Âm quá nhiều Dương quá ít. Dương tiềm ẩn bàng bạc trong Âm ,

trong Âm có Dương . Nay Âm cực, ngưng trưởng hiện thì lập tức Dương lâu nay tiêu ẩn tiềm tàng liền manh nha hiển lộ bằng cách *ngưng đọng* lại, không còn bàng bạc lẩn trốn trong Âm nữa.

Vậy Lý Đức TÍNH TƯỢNG CẤN ☶ là NGƯNG :

-Âm ngưng nghỉ
- Dương ngưng đọng.

3. Lý Đức Tính Tượng KHẢM ☵ là TRỤ

Tượng KHẢM kế tiếp tượng CẤN , trên diễn trình Dương hóa từ tượng KHÔN cực Âm , manh nha Dương ở Tượng CẤN ☶ , chuyển hóa Dương chiếm trung (đắc trung) ở giữa tượng KHẢM ☵. Dương ở giữa tượng KHẢM chứng tỏ Dương đã gom nhóm lớn mạnh đủ sức trụ hình giữa các Âm vây hãm mà không hề hấn gì. Dương muốn trụ được phải nhờ Âm nêm chặc (Dương trong Âm sáng hoài không mất).

Nên Lý Đức Tính của Tượng KHẢM ☵ là TRỤ, kềm hảm ở giữa.

4. Lý Đức Tính Tượng TỐN ☴ là TIỀM

Tượng TỐN là giai đoạn chót của diễn trình cực Âm từ KHÔN, CẤN, KHẢM tới TỐN.

Ở tượng TỐN chỉ còn 1 gốc Âm tiềm ẩn ở dưới. Dương tuy ở trên, ở giữa nhưng đang có khuynh hướng lắng sâu xuống để chiếm gốc của Âm để trở thành tượng CHẤN ☳ kế tiếp.

Do đó Lý Đức Tính của Tượng TỐN là TIỀM, *chìm lắng ẩn sâu ở* dưới, thuận nhập vào trong.

5. Lý Đức Tính Tượng CHẤN ☳ là KHỞI

Diễn tiến từ Tượng TỐN qua Tượng CHẤN là giai đoạn cực Âm, đang chuyển tiếp thay đổi toàn bộ Âm đến tận căn gốc ở dưới là

nghi Âm hóa thành nghi Dương , khởi đẩy cuộc Dương hóa đến cực thịnh của Dương là tượng KIỀN ☰ .

Dương khởi từ dưới lên trên là manh nha động theo chiều thuận nên Lý Đức Tính của Tượng CHẤN là *KHỞI ĐỘNG* dấy động. Âm theo cái Động của Dương mà đi lên là *Thuận Động* . Sự Động biến của Âm Dương ở giai đoạn này là cực động nên có sự thay đổi toàn diện từ trong ra ngoài, từ dưới lên trên. Do đó các Hào Dương ở tượng TỐN lắng tụ thành Hào Dương của Tượng CHẤN, và Hào Âm Tượng TỐN trôi nổi lên thành 2 Hào Âm của Tượng CHẤN. Từ đây Âm mất gốc phải động theo Dương :



Đó là diễn tiến tự nhiên phải xảy ra như vậy vào lúc giao thời chuyển tiếp giữa CỰC Âm và CỰC Dương .

Nên Lý Đức Tính của Tượng CHẤN là *Dương khởi động, Âm thuận động* không thể miễn cưỡng được.

6. Lý Đức Tính Tượng LY ☲ là VŨ .

Dương đã chiếm gốc ở dưới Tượng CHẤN ☳ khởi động thuận động, dấy động mạnh theo tính lý cương kiện của Dương nên không từ từ vào giữa. mà bung rộng, tỏa vượt lên trên ngay, bỏ trống ở giữa, bao bọc bên ngoài.

Do đó Lý Đức Tính của Tượng LY ☲ là *VŨ, Tỏa Rộng, BỎ trống giữa* (Trung hư) nên Dương Tượng LY là Tỏa rộng bên ngoài; Âm Tượng Ly là *Trống giữa bên trong*.

7. LÝ ĐỨC TÍNH TƯỢNG ĐOÀI ☱ là HIỂN

Cuộc Dương hóa tức thiên cực Dương đến Tượng ĐOÀI là thấy rõ nét, hiển lộ, hiển đạt của Dương mặc dù chưa hoàn tất hoàn chỉnh như Tượng KIỀN ☰. Dương đã làm chủ lực, nắm chủ lực ở Tượng ĐOÀI : **Chính vị** căn gốc là nghi Dương ở dưới, **đắc trung** là hào Dương ở giữa. Nên Lý Đức Tính của Tượng ĐOÀI ☱ là Dương HIỂN HIỆN, chỉ còn một chút Âm nhỏ ở trên là Thiếu Âm cũng lộ hình ở trên không thể che giấu tiềm ẩn như ở Tượng TỐN ☴, Tượng CHẤN ☳, Tượng LY ☲

Do đó Lý Đức Tính của Tượng ĐOÀI là :
Dương *Hiển Hiện* , Âm *Hiển Lộ*, cả Âm Dương đều *HIỂN* cả.

8. Lý Đức Tính Tượng KIỀN ☰ là NHƯ

Diễn tiến thiên cực Dương khởi đầu từ Tượng KHÔN 3 hào Âm ☷. Dương hóa dần dần đến Tượng ĐOÀI ☱ là Dương hiển hiện nhưng chưa hoàn chỉnh phải chuyển hóa một bước nữa tới *Tượng KIỀN* đầy đủ 3 hào Dương ☰ là hoàn tất, hoàn thành như ý nguyện, liền lạc mạnh mẽ đầy đủ đến như thế là cùng. Nên Lý Đức Tính của Tượng KIỀN là *NHƯ* so với Tượng KHÔN là *HƯ*.

NHƯ là đã thành, đã có được như vậy, như thế đồng nghĩa trong chữ *như nhiên, như lai*. NHƯ là NHƯ so với HƯ nên nói là NHƯ HƯ là hóa thành chỉnh thể rồi đấy, là như thế đấy, như vậy đó : Dương trưởng hiện thì Âm phải tiêu ẩn trong Dương . Dương càng trưởng hiện thì Âm càng tiêu ẩn. Dương trưởng hiện tối đa hết sức, hết mức thì Âm cũng tiêu ẩn, tàng hình tối đa hết sức hết mức trong Dương không dễ gì thấy được nó.

Âm tiêu ẩn trong Dương, chứ không phải tiêu mất nên lúc nào Âm cũng tiềm tàng núp sẵn trong Dương , đợi đến khi *Dương cực thịnh* Tượng KIỀN ☰ cũng là lúc *Dương manh nha* suy thì lập tức Âm ló dạng, lộ hình bắt đầu chu kỳ thiên cực Âm kế tiếp.

Cuộc Âm hóa dần dần từ Tượng KIỀN qua ĐOÀI, LY, CHẤN, TỐN, KHẢM, CẤN, KHÔN là chung cuộc Âm để lại tiếp tục cuộc Dương hóa, không bao giờ đình nghỉ.

Chu kỳ thiên cực Âm Dương - Dương hóa Âm hóa trải qua thứ tự của 8 Tượng ĐỒNG NHI DỊ - BÁT QUÁI, chính là vòng Tuần Hoàn của Vũ Trụ muôn loài : từ HƯ đến NHƯ rồi từ NHƯ đến HƯ, không thành có, có thành không, chu lưu bất tận.

IV. LÝ GIẢI VỀ DANH Ý HẬU THIÊN CỦA 8 TƯỢNG - BÁT QUÁI

Tiền nhân thánh trí đã dựa vào qui ước Lý Đức Tính và Hình Bóng của 8 Tương như trên để biến thông thành Danh Ý Tượng Dịch ở một số phạm vi Tình Lý Âm Dương mà người đời thường hay gặp, có thể hiểu và dùng được.

Chúng ta nên thông cảm thiện chí của tiền nhân, vì Danh Ý Tượng Dịch là có Tình Ý người tham dự vào nên không tránh khỏi thiên nhiễm (Hậu Thiên Học Thuật).

Ngoài ra tiền nhân còn cố gắng minh họa Lý Đức Tính của 8 Tượng bằng cách chọn lọc những thí dụ điển hình mà bất cứ TÔI - CON NGƯỜI ở thời đại nào cũng có thể thấy biết được.

Sau cùng tiền nhân đã chọn những hiện tượng thiên văn địa lý là tương đối phổ thông và thường có nhất như sau :

1. ĐỊA ☷ Nhu Dã. Nhu Thuận.
THIÊN ☰ Kiện dã. Cương Chính

Xét ở cõi Hậu Thiên, thường cái gì rời rạc thì mềm yếu, cái gì liền lạc thì cứng mạnh. Mềm yếu thường uyển chuyển nương theo. Cứng mạnh thường chống chỏi, bảo bọc. Xét về hình bóng thì trên mặt đất lỗ chỗ lục cục, đứt khúc giống với hình tượng Khôn ☷ lục đoạn, nên mượn ĐỊA (đất) tượng hình của KHÔN và neo ý : *Nhu dã, Nhu Thuận*.

Sở dĩ chọn Đất vì đất gần trời xa, chân đạp đất đầu đội trời. TÔI - CON NGƯỜI gần với Đất nhất, lúc nào cũng dính liền với Đất, sống trên đất, chết về với Đất. Cúi xuống thấy rõ ngay mặt đất lồi lõm. Do đó trong phạm vi địa lý thiên văn thì Đất được lý tượng KHÔN nên Tượng KHÔN ☷ được gọi thêm tên là ĐỊA.

Đối với TÔI - CON NGƯỜI gần nhất là ĐỊA thì xa nhất phải là THIÊN. Khi nhìn lên thấy bầu trời thăm thẳm như cái vòm liền lạc. TÔI - CON NGƯỜI và muôn vật sống giữa Trời và Đất giống như sống động biến hóa trong vòng Càn Khôn. Nếu ví ĐỊA là KHÔN thì CÀN phải là TRỜI. Nên Tượng CÀN hay KIỀN ☰ còn có tên là THIÊN. Chữ THIÊN ĐỊA ở đây dùng theo nghĩa cụ thể là bầu trời quả đất như Thiên tôn, Địa ti (trời cao, đất thấp), Trời che, Đất chở, Thiên Địa Tuần Hoàn...

Theo quan niệm người xưa Đất rời nên mềm dễ lún, Trời liền nên cứng khó thủng do đó tiền nhân neo ý Tượng KIỀN hay THIÊN ☰ là *Kiện Dã : Cương Chính*.

Nay luận thêm về Đạo Cương Nhu ở đời. Cương hoặc Nhu đúng lúc, đúng chỗ đều có giá trị cao. Không nên chủ trương một chiều như kiểu nâng Dương nén Âm hoặc Nhu thắng Cương , Nhược thắng Cường.

Dù Cương hay Nhu đều LỢI TRINH cả, tùy hoàn cảnh vận dụng vì theo Hậu Thiên học thuật :

KHÔN là Nhu Thuận Lợi Trinh.
KIỀN là Nguyên Hanh Lợi Trinh.

Người đời thường sợ cái gì quá giản dị e mất giá trị nên bày đặt thêm rườm rà phức tạp khó khăn lập dị để không bị coi thường. Chớ sự thật Đạo Trời Đất là giản và dị (*Kiền dĩ dị tri, Khôn dĩ giãn năng* = Đạo Trời dễ biết, Đạo Đất dễ làm). Yếu lý Đồng Nhi Dị tức lý Âm Dương dễ hiểu lắm mà, cớ sao người đời mãi cho là mờ mịt huyền bí ?!

2.. SƠN ☶ Chỉ Dã Ngưng Nghỉ
TRẠCH ☱ Duyệt Dã Hiện Đẹp

Tượng CẤN ☶ có hào Dương ở trên liền lạc ngăn chặn, phủ chụp lũ Âm ở dưới, buộc chúng phải an phận dừng lại không được trèo leo.

Hào Dương ở bên trên cao nhất, bên ngoài cùng nhất không còn chỗ để đi nữa nên phải dừng lại, từ đó ngó trở xuống, trở vào. Ví như người leo đến đỉnh núi tạm dừng lại nghỉ chân, từ đó nhìn xuống thấy chân núi xoè rộng ra như cái nơm, mái nhà, che phủ các vật bên trong ở dưới.

Địa ☷ là đất, nay trên mặt đất có hào Dương lồi lên, gồ lên, nhô lên ví như là gò, nống, đồi, núi nên lấy núi là SƠN tượng hình quẻ CẤN ☶ Về địa lý, người ta thường lấy núi làm biên cương ranh giới cho một địa phận lãnh thổ hoặc đi đến chân núi thì mỏi mệt dừng lại nghỉ ngơi.

Do đó tiếp theo tượng ĐỊA ☷ là tượng SƠN ☶ và neo ý là *Chỉ dã : Ngưng Nghỉ , Ngăn Che, ngăn chận, phủ chụp, ranh giới.*

Trên mặt đất có chỗ lồi thì có chỗ lõm. Chỗ lõm trên mặt đất là Thượng khuyết như những đường nứt, chỗ trũng, khe, lạch , suối, ao,

208

đầm, hồ, sông, biển... giống như tượng ĐOÀI ☱ nên lấy đầm là *TRẠCH* tượng hình cho ĐOÀI.

Đoài Thượng Khuyết có Lý Đức Tính là Âm Dương cùng hiển hiện thật hài hòa vui đẹp ví như miệng của người thiếu nữ nói cười như hoa nở tươi đẹp biết bao. (Miệng là cái lỗ trên mặt = thượng khuyết, Thiếu nữ là thiếu Âm(☱) .

Chính cái Khuyết ở trên là chấm Âm của tượng Đoài (má lúm đồng tiền, nốt ruồi duyên, răng khểnh....) hơi lạ lạ, dị dị làm tăng thêm vẻ đẹp, làm tươi mát sự cằn cỗi của bộ mặt lão Dương KIỀN ☰. Tuổi trăng tròn 14 hơi hơi khuyết, hơi non chắc chắn thơ mộng hơn trăng đứng tuổi 15, 16, quá cứng.

Do đó tiếp theo tượng Địa (đất), Tượng Sơn (núi) là tượng TRẠCH (đầm) ☱ và neo ý *Duyệt Dã : Hiện Đẹp nói năng , khuyết mẻ.*

Tiền nhân thật đáo để khi khám phá chính cái khuyết mẻ làm tươi mát vui đẹp như mặt đất khuyết mẻ thành ao hồ sông biển ... chứa nước mềm mại tươi mát hơn so với lòng đất sâu dầy khô cứng nóng cháy.

3. THỦY ☵ Hãm dã . Hãm hiểm
HỎA ☲ Lệ dã . Nóng Sáng

Trí nghĩ của tiền nhân cứ liên tục phát triển tự nhiên từ tượng đất , núi, đầm, rồi thì thấy đầm có chứa nước nên nhớ lại quan sát bất cứ vật gì vào trong nước đều bị nước bao vây. Tiền nhân liền ngụ ý tới tượng KHẢM ☵ có hào Dương ở giữa ví như vật gì ở trong *nước*, bị nước (các hào Âm mềm mại) bao quanh nên mượn hình tính của nước là THỦY tượng trưng cho KHẢM.

Nước lạnh mát, lửa nóng cháy. Người đời ít cảnh giác mà còn thích tắm gội trầm mình lâu dưới nước, do đó chết vì nước thì nhiều,

nên neo ý Thủy là *Hãm Hiểm*. Càng xuyên sâu vào trong nước càng bị kềm hãm : nguy hiểm.

Tiền nhân lại liên tưởng hào Dương tượng Khảm ví như con đường dài bị khuyết hai bên, lở trên lở dưới là hai hào Âm , chỗ đó ắt đi lại gập ghềnh khó khăn trắc trở, nguy hiểm giống như đoạn đường đèo, eo hẹp co thắt lại.

Do vậy, tượng KHẢM được điển hình là THỦY và neo ý là Hãm dã. *Hãm Hiểm : kềm kẹp, nguy hiểm.*

Nước với Lửa dường như có duyên tiền định như Âm với Dương vậy. Nói đến Nước phải nói tới Lửa hoặc ngược lại. Chẳng hạn khi xuống nước lạnh rồi thì lên tìm lửa sưởi ấm. Khi lửa cháy, ngọn lửa bùng ra, lan tỏa sức nóng và ánh sáng, Tiền nhân liền liên tưởng đến Lý Đức Tính và Hình tượng LY ☲ Trung Hư, Vũ : bung tỏa.

Ngọn lửa tuy có hình đó nhưng trống rỗng không thể nắm, bắt, nhốt nó được. Khi cháy nó bập bùng nhảy múa bốc lên như điệu *Vũ* trái ngược với nước lắng đọng thường *Trụ* . Không khí bên trong ngọn lửa bị đốt cháy loang lỗ làm cho ngọn lửa nhấp nhô.

Do đó tượng LY được điển hình là HỎA và neo ý là *Lệ* dã (lệ là Sáng). Nóng Sáng, Bung tỏa, ánh sáng tỏa ra bám vào, là trống trơn, là nồng nhiệt....Tai họa của lửa dữ dội khủng khiếp thiêu rụi tất cả những gì nó thiêu rụi được : nhà cửa, ruộng vườn, rừng núi....(*Môn hộ bất ninh* = nhà cửa không yên khi gặp lửa là trống trơn).

4. PHONG ☴ Nhập dã . Thuận Nhập
LÔI ☳ Động dã. Thuận Động

Khi lửa cháy, không khí nơi này bị đốt, thì không khí nơi khác lùa tới tạo thành gió. Lửa càng cháy lớn thì gió càng mạnh và gió càng mạnh thì lửa càng cháy to. Gió nhập vào cùng lửa nung đốt mọi vật như thổi bếp, thổi lò rèn...

210

Gió thường thâm nhập vào bất cứ nơi nào có chỗ trống. Gió không có hình riêng mà nương theo hình của vật uốn éo để mà đi lên, đi xuống, đi tới, đi lui bất định. Gió luồn theo khe kẽ tới hang cùng ngõ hẹp.

Tiền nhân bèn liên tưởng đến Lý Đức Tính và Hình Tượng TỐN là tiềm ẩn bên trong nên ví điển hình Tượng TỐN ☴ là PHONG (Gió, không khí) và neo ý là *Nhập dã : Thuận Nhập* . Không khí thuận nhập tiềm ẩn bao phủ bất kể trong ngoài của vật. Thường không thấy được không khí, nhờ có gió ta mới biết có không khí chuyển động. Vậy không khí là phần tiềm ẩn bên trong gió, giấu mình trong mọi vật.

Do đó, tượng TỐN ☴ còn có tên là PHONG làm điển hình và neo ý là *Nhập dã : Thuận nhập, tiềm ẩn, có sự dấu giếm bên trong, thông đồng ngấm ngầm..*

Khi gió thổi tạo nên tiếng động, gió nhẹ thổi vi vu, gió mạnh hú rít kinh giật, gầm thét, gió lớn gọi là bão tố làm long trời lở đất, sóng dậy ba đào...

Tuy bề ngoài của gió âm nhu nhưng bên trong có sức dấy động kinh hồn đầy dương tính. Không khí tuy bàng bạc nhưng kết thành một tấm đệm vô hình nâng nổi cả cánh chim sắt khổng lồ hoặc cản , làm giảm tốc độ những vật rơi.

Đối lại là Tượng CHẤN ☳

Trên không trung lúc tăm tối (2 hào âm) mây che mù mịt, lúc trời chuyển mưa, đang mưa bỗng một lần thật sáng chớp loé lên (1 hào Dương), sau đó là tiếng nổ rền trời, rung đất làm kinh hãi người và vật. Đó là sấm và chớp, một hiện tượng thiên văn xưa nay ai cũng thấy biết.

Do đó Tiền nhân dùng sấm chớp làm điển hình cho tượng CHẤN ☳ nên có thêm tên là LÔI (Sấm sét) và neo ý là *Động dã. Thuận động* là thuận theo gió theo mưa, theo mây mà động thành sấm chớp rền vang khắp nơi. Ngày xưa gọi là Thiên lôi, ngày nay gọi là điện tích Âm Dương .

V. LÝ GIẢI VỀ SỐ LÝ CỦA 8 TƯỢNG

Số là giai đoạn diễn tiến của một chu kỳ sống động biến hóa. Số được ký hiệu bằng tượng số, số số, danh số.

Khi có *số số* thì đó cũng là số lý, vì bất kể số nào cũng phải có lý lẽ mới thành được số đó . Còn Lý số là nguyên lý tại sao có số lý ?

Tiên Thiên Lý số là lúc chưa có Lý số danh gọi KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG SỐ.

Lúc chưa có Lý số thì chẳng có số nào cả, kể cả số KHÔNG (zéro), nhưng khi có Lý số thì liền lập tức có số KHÔNG (0) tiên thiên là số vô cực (KHTK cực). Vô cực số lý là *có số KHÔNG, một số KHÔNG* đầu tiên. Vậy số KHÔNG này gồm : KHÔNG và MỘT. (0 - 1) là MỘT số KHÔNG (1 - 0). Số MỘT (1) có được là do có số KHÔNG (0). Số 1 là số thành đầu tiên cùng chung một lượt với số 0. tức là lúc thành có Lý số để cả hai số 0 và 1 cùng được lý .Số 0 - 1 là Âm Dương số lý.

Số THÀNH là số 1. Còn các số khác như 2, 3, 4, 5, 6... đến muôn trùng thiên số cũng chỉ là gia bội của số 0 và số 1 mà thôi.

Vậy có lý số tiên thiên 0 - 1 mới có số lý, số số, toán số hậu thiên.

Toán số là phép tính toán để biết giai đoạn sống động diễn tiến tới đâu, lúc nào ở quá khứ , hiện tại, vị lai.

Khi diễn tiến nhất định phải có ở giai đoạn nào thì gọi là *số mạng, số mệnh_* nên có thể dựa vào phép toán số tính ra được bằng số số, tượng số hoặc danh số mà biết số mạng.

Số số như 0, 1, 2, 3, 4 , 5, 6 ...

Tượng số hoặc **Tướng số** là những hiện tượng vào một thời điểm của người, vật như nét mặt, chỉ tay, chữ ký, mưa nắng, động đất, giật mình v.v...

Danh số là những ký hiệu ngôn từ tên gọi ở giai đoạn diễn tiến như lúc mặt trời mọc gọi là ngày, mặt trời lặn gọi là đêm, nhiều tiền của là giàu, ít tiền của là nghèo...

Người xưa nói : "***Dịch nghịch số dã***" là sao ?

Mọi vật Thành sau Lý Biến Hóa tức sau Lý Thành và Định Luật 8 - Bát Quái.

Lý Số đã có , đã thành rồi sau đó mới có *Tượng Số, Số Số, Danh Số, Toán Số.* Theo diễn tiến của các tượng Bát Quái thì Tượng KHÔN ☷ là lúc chưa thành , chưa có gọi là HƯ. Tượng KIỀN ☰ là lúc đã thành , đã có là NHƯ. Vậy Thành có Lý Số là phải ở Tượng KIỀN, mà bất kể cái gì đã thành được kể là 1, chứ không còn là KHÔNG (zéro = 0) nữa. Nên ký hiệu KIỀN có số lý là **1** vậy.

Quá khứ, Hiện tại, Vị lai đều là cái Thành : Thành Quá khứ, Thành Hiện Tại, Thành Vị Lai. Nếu quá khứ, hiện tại, vị lai chưa thành thì không ai tiên tri tiên đoán được gì cả. Quá khứ là cái Thành đã qua, Hiện tại là cái Thành đang diễn tiến, Vị lai là cái Thành sẽ tới.

Vậy :

Thành quá Khứ cũng là ở KIỀN số 1
Thành Hiện Tại cũng là ở KIỀN số 1
Thành Vị Lai cũng là ở KIỀN số 1

Nếu ta muốn biết giai đoạn sống động trong quá khứ, trong hiện tại, trong vị lai, ta dùng phép truy nguyên, truy lý tức đi ngược từ cái Thành ở Kiền số 1 về đến chỗ chưa thành là KHÔN số 0 (8), vì có tất cả 8 bước nên tượng KHÔN còn có số lý là 8.

Phép truy nguyên ngược đó người xưa nói là *Dịch nghịch số dã*, tức Dịch Lý Học là môn học chuyên truy nguyên truy lý ngược dòng quá khứ, ngược dòng hiện tại, ngược dòng vị lai để biết chính xác giai

đoạn diễn tiến của sự việc muốn biết. Chớ không phải như có người hiểu lầm Dịch nghịch số là người học dịch có thể cãi số, chống lại số Trời...

Mỗi tượng Bát Quái là một số (giai đoạn diễn tiến sống động) do Âm Dương số lý cấu tạo hóa thành. Số Không (0) được lý là Âm , số (1) được lý là Dương. Bội số của Âm Dương có chẵn lẻ. Số lẻ : 1, 3, 5, 7, 9... gọi là số cơ, số Dương . Số chẵn 0, 2, 4, 6, 8......là số ngẫu, số Âm . Cơ ngẫu là số Âm Dương giao nhau mà thành vô vàn số số.

Vậy theo Hậu Thiên Học thì số truy nguyên phải bắt đầu từ cái Thành là tượng KIỀN có số lý là 1. Trước tượng Kiền là tượng Đoài được lý là số 2, trước tượng Đoài là tượng LY được lý là số 3.... đến cuối cùng chưa thành là tượng KHÔN được lý là số 8. Vậy tượng KHÔN được lý của hai số :

- số 0 (zéro) nếu khởi từ KHÔN theo Lý Thành Tiên Thiên : Biến Hóa luật.
- số 8 nếu khởi từ KIỀN theo Lý Thành Hậu Thiên : Lý học Truy Nguyên.

Do đó các tượng có số lý truy nguyên thuộc Hậu thiên học thuật như sau :

DỊCH TƯỢNG	☰	☱	☲	☳	☴	☵	☶	☷
DANH TƯỢNG	KIỀN THIÊN	ĐOÀI TRẠCH	LY HỎA	CHẤN LÔI	TỐN PHONG	KHẢM THỦY	CẤN SƠN	KHÔN ĐỊA
SỐ LÝ TRUY NGUYÊN	1	2	3	4	5	6	7	8=0

Điều này giải thích toàn bộ tại sao trong KINH DỊCH Tiền nhân chọn tượng KIỀN làm khởi nguyên muôn vật; là đạo Trời (THIÊN) (KIỀN : Nguyên Hanh Lợi Trinh).

Cũng cắt nghĩa tại sao chủ trương *KIỀN dĩ dị tri KHÔN dĩ giản năng. Đạo TRỜI dễ biết* vì khi thắc mắc về việc gì thì lấy ngay việc đó

DỊCH TƯỢNG / PHẠM VI	☷ KHÔN 8	☶ CẤN 7	☵ KHẢM 6	☴ TỐN 5	☳ CHẤN 4	☲ LY 3	☱ ĐOÀI 2	☰ KIỀN 1
1- NGOẠI THỂ	Bàn chân	Bụng	Lưng	Chân	Tay	Đầu	Ngực	Đỉnh đầu
2- CƠ CẤU (HỆ)	Âm chất Thể dịch	Tiêu hóa	Xương	Gân cơ	Thần kinh Điện lực	Tuần hoàn Mạch máu	Hô hấp Bài tiết	Dương khí Thân nhiệt
3- GIÁC QUAN	Da thịt	Mũi	Lông tóc	Tai	Lưỡi	Mắt	Miệng	Thần thức
4- NỘI TẠNG	Não Tủy	Vị Tỳ	Bàng quang Thận	Đởm Can	Tiểu trường Tâm	Tâm bào lạc Tam tiêu	Đại trường Phế	Bì phu Tế bào
5- KINH MẠCH	Tam Âm (Túc)	Túc Dương Minh Túc Thái Âm	Túc Thái Dương Túc Thiếu Âm	Túc Thiếu Dương Túc Quyết Âm	Thủ Thái Dương Thủ Thiếu Âm	Thủ Quyết Âm Thủ Thiếu Dương	Thủ Dương Minh Thủ Thái Âm	Tam Dương (Thủ)
6- SINH THỰC	Nước đái Nhau	Túi tinh Tử cung	Tinh trùng Noãn sào	Ống tinh Âm đạo	Dương vật Âm hạch	Dịch hoàn Noãn	Hậu môn Niệu đạo	Phân Thai nhi
7- ĐỘNG THÁI	Mềm lỏng Buông thả	Nằm ngồi Dựa	Đứng, im Co, khép	Tới lui Uốn éo	Chạy nhảy Run giật	Quơ múa Hấp tấp	Bay lượn Lộn nhào	Mạnh cứng Dẻo dai
8- SINH HOÁ	Tiêu hao	Thư giãn	Ngủ	Đái	Ăn	Thức	Ỉa ,Thở	Kết tinh
9- TRI THỨC	Cảm xúc	Ức chế	Lắng đọng	Thu nhận	Hưng phấn	Bung toả	Phóng khoáng	Vận động
10- TINH THẦN	Lạnh nhạt Mềm yếu	Buồn chán Lười biếng Nhờ nhượng	Ổn định Co rút Sợ hãi	Hờn mát Thương lo	Kích động Kinh động Hoạt náo	Mơ mộng Tinh táo	Lạc quan Mừng rỡ	Nồng nàn Cương kiện
11- TƯ TƯỞNG	Ý tưởng	Ý Nghĩ	Ý Thích	Ý Thức	Ý Niệm	Ý Chí	Ý Định	Ý Kiến
12- HÌNH DẠNG	Đứt rời Góc cạnh Lạc đoạn	Xù xì U nần Phủ hạ	Đặc lõi Eo mắc Trung mãn	Dài Sợi Hạ Đoạn	Xoắn Tua NgưỡngThượng	Rỗng Mềm ở trong Trung Hư	Khuyết lõm Cửa khẩu ThượngKhuyết	Liền trơn Tròn khối Tam Liên

BẢNG PHÂN LOẠI CƠ THỂ VÀO 8 TƯỢNG ĐƠN (BÁT QUÁI)

TÓM TẮT :

LÝ TƯỢNG SƠ-GIẢI CỦA 8 TƯỢNG ĐƠN

SỐ LÝ	DỊCH TƯỢNG	DANH TƯỢNG	Ý TƯỢNG
1	☰ TAM LIÊN	THIÊN KIỀN NHƯ	CƯƠNG KIỆN. Kiện dã, mạnh mẽ, mạnh tiến, cứng mạnh,khoẻ mạnh,khô, lớn, cao, DƯƠNG ÂM
2	☱ THƯỢNG KHUYẾT	TRẠCH ĐOÀI HIỂN	HIỆN ĐẸP. Duyệt dã, vui lòng, đẹp đẽ, ưa thích, khuyết mẻ, nói năng.
3	☲ TRUNG HƯ	HỎA LY VŨ	NÓNG SÁNG. Lệ dã, sáng sủa, tỏa ra, bám vào, phụ vào, trưng bày, phô trương, trống trơn, không yên
4	☳ NGƯỠNG THƯỢNG	LÔI CHẤN KHỞI	ĐỘNG DỤNG. Động dã, rung động, khởi lên, sợ hãi, phấn-phát, nổ vang, chấn-động, chấn kinh.
5	☴ HẠ ĐOẠN	PHONG TỐN TIÊM	THUẬN NHẬP. Thuận dã, thuận theo ý trên, theo lên, theo xuống, theo tới, theo lui, có sự giấu diếm ở trong.
6	☵ TRUNG MÃN	THỦY KHẢM TRỤ	HẢM HIỂM. Hảm dã, hảm vào trong, bắt buộc, xuyên sâu vào trong, hố sâu, trắc trở, hiểm hóc gập ghềnh.
7	☶ PHÚ HẠ	SƠN CẤN NGƯNG	NGƯNG NGHỈ. Chỉ dã, ngăn giữ, ở, thôi, ngừng lại, đậy lại, để dành ngăn cấm, vừa đúng chỗ, che phủ.
8 hay 0	☷ LỤC ĐOẠN	ĐỊA KHÔN HƯ	NHU-THUẬN. Thuận dã, mềm mỏng, thuận-tòng, hòa theo lẽ, chịu lấy, tuân theo mà được lợi, thấp, nhỏ, tối, Âm Dương.

làm tượng KIỀN là có vấn đề đó được đặt ra ít nhất trong trí nghĩ. *Đạo ĐẤT dễ làm* vì khi biết KHỞI ở đâu thì cứ theo Lý học Truy Nguyên dò tìm trong Biến Hóa Luật BÁT QUÁI, sẽ biết được Dứt điểm ở đâu. KHỞI ở KIỀN thì DỨT ở KHÔN, thật giản dị hết sức.

Cũng giải thích được luôn tại sao Tiên Thiên Bát Quái và Hậu Thiên Bát Quái trong Kinh Dịch khởi đầu bằng số 1 là KIỀN mà không khởi bằng số 0 là KHÔN.

Tóm lại trong KINH DỊCH chỉ luận từ Vô Cực trở về sau tức Lý Biến Hóa đã có đã thành, khởi ở Vô cực (tượng KIỀN) là Hậu thiên học thuật. Dịch lý Việt Nam tiếp sức bổ sung luận giải thêm từ khi chưa có Lý Biến Hóa (Dịch lý) đến khi có Lý Biến Hóa tức từ Vô đến Vô Cực.

Đó là ưu thế lớn của Dịch lý Việt Nam ngày nay đã bắt được nhịp cầu giữa Huyền Vi và Hiển Hiện, giữa Hình nhi Thượng học và Hình nhi Hạ học, hòa cựu hợp tân để nhân loại chung hưởng cả hai nền văn minh Tinh Thần và Vật Chất, Đạo lý và Khoa học của cổ kim Đông Tây.

Người đời không hiểu tại sao các nhà Dịch học chỉ căn cứ vào có mấy TƯỢNG (Bát Quái) và vài con số tính toán đơn giản 1, 2, 3, 4, 5, v.v... mà có thể hiểu biết nhiều việc trong quá khứ , hiện tại, vị lai như thế.

Họ có biết đâu đây là phép tính nhị phân cao cấp nhất , dùng tới Âm Dương số lý (VÔ HỮU số lý). Mọi hiện tượng trạng thái của sự vật được mã hóa tối ưu (qui ước) bằng ký hiệu Âm Dương (vạch đứt, vạch liền) và danh số Cơ Ngẫu (chẵn lẻ) (số Thiên là số lẻ, số Địa là số chẵn). Dịch lý học là một Siêu Khoa Học, một Khoa Học Tổng Tập hẳn hòi chứ có phải đâu là sự bịa đặt hoang đường mượn tiếng là Khoa Học để mập mờ "đánh lận con đen", mị dân lừa dối thủ lợi riêng mình.

BÀI VIII

Tổng Luận
CON NGƯỜI VŨ TRỤ DỊCH

Dịch Lý Học là môn Biến Hóa Lý Học Tổng Quát của TÔI - CON NGƯỜI khắp nơi xưa nay được kết thành Kinh sách gọi là KINH DỊCH. Trải qua nhiều thời đại, người đời đã tích cực đóng góp ít nhiều kiến thức vào KINH DỊCH nhằm mục đích ngày càng sáng tỏ hơn về chân lý muôn đời là DỊCH LÝ và vận dụng DỊCH LÝ tạo thành các khoa học thực dụng cho nhân sinh.

Đến nay, Khoa Dịch Lý Học đã rộng mở khắp thế giới đều biết tới, nhưng không tránh khỏi sự hiểu biết đúng sai về Dịch Lý.

Dân tộc Việt Nam từ lâu cũng có quan điểm chung và riêng về Dịch Lý kết tinh thành nền văn minh Âm Dương học Rồng Tiên trên 4000 năm qua, danh nay gọi là Việt Nam Khoa Dịch Lý Học.

Trong chiều hướng giao lưu Quốc Tế giữa các dân tộc trên địa cầu, người Việt Nam xin góp mặt với thời đại bằng những luận chứng về CON NGƯỜI VŨ TRỤ DỊCH của Việt Nam Khoa Dịch Lý Học (Dịch Lý Việt Nam) được tổng luận như sau:

1. DỊCH LÝ LÀ GÌ ?

Dịch Lý là Lý lẽ biến hóa tuy vô hình, nhưng có ở khắp nơi. Người xưa nói :"Thần vô phương nhi Dịch vô thể" (Thần không có phương sở, Dịch không có hình bóng). Thần không ở phương nào cả mà Thần ở khắp cả mọi nơi. Thần không làm gì cả mà Thần làm tất cả mọi việc. Cũng như Dịch không là gì cả mà Dịch là cái gì đó nên Dịch là tất cả.

Tiền nhân đã định nghĩa : "*Dịch, Biến Dịch dã. Biến Dịch, Bất Dịch dã*". (Dịch nghĩa là Biến Dịch. Cái lẽ Biến Dịch thì bất dịch) = Tất cả đều đổi thay, trừ LÝ ĐỔI THAY thì không bao giờ thay đổi.

Tiền nhân còn bảo hãy tìm LÝ của DỊCH trong mối quan hệ tương tác của Âm Dương :

"Nhất Âm , nhất Dương chi vị Đạo.
Càn Khôn kỳ DỊCH chi môn đa."

và Tiền nhân đã mô tả Âm Dương như sau :

陰 陽
ÂM DƯƠNG

原文： 陰陽者。天地之道也。萬物之紀綱。變化之父母。生殺之本始，神明之府也。治病必求其本，（陰陽應象大論，）

Dịch Âm Nguyện Văn . *Âm Dương giã, thiên địa chi đạo dã. Vạn vật chi kỷ-cương, biến hóa chi phụ mẫu, sanh sát chi bổn thủy, thần minh chi phủ dã. Trị bịnh tất cầu kỳ bổn. (Âm Dương Ứng Tượng Đại Luận).*

Dịch Nghĩa Nguyễn Văn : *Âm - dương ấy là Đạo của trời đất vậy. Giềng-mối của muôn vật, cha mẹ của biến hóa, đầu dọc của sống chết, là kho-tàng chứa đựng thần-minh vậy. Trị bịnh tất phải tìm Nguồn-gốc gây ra bịnh. (Thiên Âm-Dương Ứng Tượng Đại Luận).*

原 文： 陰陽者。數之可十。推之可百。數之可千，推之可萬萬之大。不可勝數。然其要一也，

Dịch Âm Nguyễn-Văn : *Âm Dương giã, số chi khả thập, thôi chi khả bách. Số chi khả thiên, thôi chi khả Vạn-vạn chi đại, bất khả thăng số. Nhiên kỳ yếu nhứt dã.*

Dịch Nghĩa Nguyễn Văn : *Âm Dương ấy, đếm đó có thể mười, suy rộng đó có thể trăm; đếm đó có thể ngàn, suy rộng đó có thể muôn-muôn rất to lớn, không thể đếm kể hết. Song tóm lại thì có một vậy.*

Thiết nghĩ, người xưa lý hội DỊCH LÝ rất sâu sắc nhưng diễn tả DỊCH bằng cổ văn rất cô đọng nên tưởng chừng khó hiểu lắm. Chứ nếu được lý giải bằng bạch văn và dẫn chứng bằng nhiều thí dụ cụ thể để minh họa thì Dịch lý cũng dễ hiểu thôi.

Khoa Triết Dịch Việt Nam đã có định nghĩa DỊCH LÝ bằng Quốc ngữ như sau :

Dịch là Biến động , Biến đổi, Biến hóa, Hóa thành. Nói cho dễ hiểu là sống động, động tĩnh, vận động, thay đổi, đổi mới luân chuyển,

chuyển dịch, hóa ra, trở nên, tạo thành, thành tựu, cấu tạo hóa thành, tạo hóa, tạo vật....

Lý là lý lẽ, lý do, nguyên nhân như thường nói ; vô lý, hữu lý, phi lý, đạo lý, công lý....LÝ ở đây là lý lẽ công nhiên, tự nhiên như vậy, đúng như vậy, phải như vậy, có bày đặt hay không bày đặt, thiệt láo gì cũng là như thế. Nên Lý là đường đi dĩ nhiên của muôn loài vạn vật, người xưa gọi là ĐẠO.

ĐẠO LÝ có tính qui luật khách quan, phổ biến và tất yếu của một định luật tự nhiên, có thật, đúng thật ở mọi nơi, mọi lúc là điều kiện ắt có và đủ để gọi là chân lý. Chân lý không chỉ là sự thật đơn thuần mà còn là cơ sở biện chứng pháp của Vũ Trụ quan và nhân sinh quan.

LÝ GIỚI tuy vô hình nhưng được người đời sính dùng chung với nhiều thứ để chứng tỏ thứ đó có lý, hợp lý như là *thiên lý, địa lý, tâm lý, vật lý, sinh lý, bệnh lý, y lý, võ lý, tình lý, tính lý, sự lý, luận lý, lý luận, lý sự, lý trí, lý số, số lý, đạo lý, giáo lý, pháp lý, lý thuyết, lý do .....*

Như vậy đủ biết LÝ là cái gì hết sức quan trọng và tối cần thiết để muôn loài vạn vật có chỗ tựa mà tồn tại tiến bộ. Thử hỏi nếu không có LÝ thì mọi thứ sẽ ra sao ? Chắc chắn là không có, không thành tựu được thứ gì cả. Vậy lý đó ắt phải là LÝ THÀNH thì muôn loài mới thành tựu được. Ngay cả DỊCH cũng phải có LÝ để DỊCH, thì mới DỊCH được, nên phải nói chung đầy đủ là LÝ DỊCH hoặc DỊCH LÝ.

Vậy DỊCH LÝ đúng là Lý lẽ Biến Hóa - Hóa Thành tất cả, vì DỊCH LÝ là LÝ THÀNH. Có Biến Hóa mới Hóa Thành được, không có Biến Hóa thì không có Sinh Thành bất kể thứ gì : *thành vô, thành hữu, thành động, thành tĩnh, thành đồng, thành dị, thành sống, thành chết, thành thành công, thành thất bại.....*

Bạn hãy quan sát chiêm nghiệm lại xem trên dưới trong ngoài trước sau Bạn có gì chẳng thay đổi, chẳng hóa ra trở nên, chẳng đồng dị chăng ?? Chắc chắn Bạn sẽ thấy có đúng thật những điều như vậy và Bạn sẽ tự xác nhận với Bạn đúng là DỊCH LÝ có ở khắp nơi vì chính Bạn không thể phủ nhận được sự thật này.

Rồi bạn cũng sẽ thắc mắc tiếp :

2. BIẾN HÓA - HÓA THÀNH RA SAO ?

BIẾN HÓA : là thay đổi trở nên không còn giống hoàn toàn như cũ gọi là ***đổi mới.***

Cái cũ đến cùng cực (Thái cực) thì phải biến hóa (thay đổi), đã biến hóa thì phải hóa thành cái mới. Đó là cái Lý cùng cực tắc biến : *cực Âm tất sinh Dương , cực Dương tất sinh Âm .*

Như vậy LÝ BIẾN HÓA tức DỊCH LÝ làm mọi thứ phải thay đổi không còn giữ nguyên được trạng thái hiện tượng , bản chất, cơ cấu , vị trí, hình dáng cũ nữa. Chỉ cần Bộ mặt cũ có chút ***hơi hơi khác*** với chính nó thì gọi là có thay đổi, có biến hóa khởi đầu.

Chính cái HƠI HƠI KHÁC (DỊ) trong ngoài Bộ mặt cũ (ĐỒNG) là lý do, là nguyên nhân, là yếu tố quyết định khởi đầu sâu xa của sự thay đổi, là uyên nguyên của Biến Hóa, là manh nha biến hóa....

Từ HƠI HƠI KHÁC đến KHÁC, QUÁ KHÁC hoặc QUÁ QUÁ KHÁC là sự gia bội tích lũy của nhiều ***hơi hơi khác*** chồng chất lâu dần hóa thành Bộ mặt mới giống mà hơi hơi khác....quá quá khác với Bộ mặt cũ. (ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG).

Vậy ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là yếu lý làm cho mọi sự vật phải biến hóa, vận động. ĐỒNG DỊ - DỊ ĐỒNG là cặp phạm trù triết học tổng quát của nhiều phạm trù triết học khác mà người xưa thường gọi là *Lưỡng Nghi Âm Dương* .

240

HÓA THÀNH : là sự THÀNH TỰU Bộ mặt mới.

Bất kể thứ gì đã biến hóa thì phải tựu thành Bộ mặt mới thế nào đó gọi là Sinh Thành, Hóa Thành.

Âm Dương Đồng Dị có cấu tạo biến hóa thì mới hóa thành tức có TẠO mới HÓA RA - TRỞ NÊN được nên gọi chung là TẠO HÓA (cấu tạo hóa thành).

Căn cứ những khái niệm cơ bản như trên về Dịch lý là gì, Biến Hóa Hóa thành ra sao, người đời có thể tự trả lời nhiều câu hỏi ly kỳ. Chẳng hạn : Biến Hoá để làm gì ? - Biến Hóa để Hóa Thành. Hỏi tiếp : Hóa Thành để làm gì ? - Hóa Thành để Biến Hóa tiếp tục. Hỏi nữa : Thế có bao giờ ngưng Biến Hóa - Hóa Thành không ? - Không bao giờ vì BIẾN HÓA - HÓA THÀNH đã là một Định luật, một Qui luật Tự Nhiên Tuyệt đối (Nhất Luật) thì tất cả Vũ Trụ muôn loài đều phải DỊCH BIẾN miên trường.

Lại hỏi nữa : Nếu thế thì Vũ Trụ Con Người Dịch Biến để làm gì ? -Loài Người thực dụng thường hay hỏi kết quả cuối cùng để làm gì. Sự thật guồng máy TẠO HÓA (CƠ TRỜI) xoay chuyển mãi không bao giờ ngừng được thì làm sao có điểm cuối cùng (chu nhi phục thỉ như hoàn vô đoan). Ví như sự vật quả đất bầu trời, con người Vũ Trụ có tiêu tan không còn nữa thì LÝ BIẾN HÓA vẫn còn vì không thể trở lại KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG tức không có LÝ BIẾN HÓA được nữa. Họa chăng về đến KHTK Cực là cùng mà KHTK Cực (VÔ CỰC - THÁI CỰC) là có LÝ BIẾN HÓA rồi.

Nếu trả lời đúng sự thật là BIẾN HÓA - HÓA THÀNH để HÓA THÀNH BIẾN HÓA tiếp tục theo kiểu NGHIỆP DỊCH - BIẾN TUẦN HOÀN thì e sẽ không được vừa ý một vài bạn hay đòi hỏi một lối thoát. Vậy buộc lòng chúng ta phải khéo nói : Con Người Vũ Trụ Dịch Biến là để ngày càng sáng tỏ ĐẠO TRỜI, sáng tỏ chân lý Tuyệt Đối là yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là Âm Dương lý là DỊCH LÝ. Quả vậy ngày nay loài người có văn minh tiếnbộ hơn về hiểu biết sự thật của Con Người và Vũ Trụ luôn luôn Dịch biến chỉ có ***Một Lý*** (Nhất

lý) là Lý ĐỒNG NHI DỊ và ***Một Luật*** (Nhất luật) là BIẾN HÓA LUẬT, chứ không có lý luật thứ hai nào khác đối lại cả.

Loài người và muôn vật có muốn hay không muốn cũng phải đã đang sẽ vừa là diễn viên vừa là khán giả của sân khấu DỊCH BIẾN vừa hát vừa xem tấn tuồng ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA - BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ ngày càng ly kỳ nhiệm nhặt mầu nhiệm và huyền diệu hơn đến chỗ sáng mắt, sáng lòng (giác ngộ), đến chỗ hết nói nổi (biết rồi ! khổ lắm ! nói mãi !), nói hoài cũng vậy thôi. Nhưng rồi cũng phải nói nữa vì còn có biết bao nhiêu giống loại chưa thật sáng tỏ chân lý, Đạo Trời là gì.

3. TÍNH NĂNG CỦA DỊCH LÝ thế nào ?

Người xưa dựa vào Lý Đức Tánh của Dịch biến hóa linh hiển nhanh lẹ như Thần nên cho rằng Dịch với Thần là một, Thần là Dịch mà Dịch là Thần.

Người đời hay bàn luận Vô Thần, Hữu Thần mà có mấy ai hiểu rõ Thần là gì, rồi đua nhau tranh cãi thật khôi hài.

THẦN là Linh Hiển - Hiển Linh.

THẦN có linh thì phải hiển, có hiển thì mới linh. Linh Hiển - Hiển linh là Manh Nha - Biến Hóa - Hóa Thành lập tức và mầu nhiệm. Cái thứ gì Biến Hóa cực kỳ nhanh lẹ gọi là Thần.

Ở đâu cũng có Manh nha - Biến Hóa - Hóa Thành tức là DỊCH BIẾN vô cùng nhiệm nhặt không giây phút ngừng nghỉ, lập tức và mầu nhiệm nên khắp nơi nơi đều có Thần. Người đời hay cho đó là thần vật, thần kinh, thần nhân, thần tiên, thần thánh, thần linh, tâm thần, thần trí,thần lực, thần quyền, thần dược, thần phương...

Tất cả những phép lạ kỳ diệu trên cũng chỉ là hiện thân của DỊCH BIẾN. Nếu không có MANH NHA BIẾN HÓA HÓA THÀNH cực thì bất cứ phép lạ nào đó có linh hiển - hiển linh được chăng ? có được gọi là thần thông, thần lực, thần quyền chăng ???

LÝ BIẾN HÓA tức DỊCH LÝ là phép lạ của mọi phép lạ. LÝ BIẾN HÓA đã đang sẽ mãi mãi cấu tạo hóa thành muôn loài vạn vật, chứ không phải như một số học thuyết cho Biến Hóa là ***thuộc tính*** của Tâm, của Vật.

Nói Biến Hóa (vận động) là ***bản tính*** của muôn loài vạn vật thì tạm được, còn nói là thuộc tính thì e hơi vội vì chưa biết và không ngờ LÝ BIẾN HÓA là Nguồn cội cấu tạo hóa thành mọi thứ.

Không thể nói ngược lấy những thứ Hậu Thiên như Vật, Khí, Tâm....đẻ ra Tiên Thiên là Lý Biến Hóa được. LÝ BIẾN HÓA TIÊN THIÊN là khuôn đúc, là lò TẠO HÓA cấu tạo hóa thành tất cả mọi thứ Hậu Thiên.

Lẽ đương nhiên Hậu Thiên phải ôm ấp Tiên Thiên. Hậu Thiên là bông trái của Tiên Thiên, trong Hậu Thiên (con cháu) có di truyền bóng dáng của Tiên Thiên (cha mẹ). Bởi thế khi nhìn muôn loài vạn vật hậu thiên ta đều thấy có Lý Biến Hóa Tiên Thiên.

Con người và muôn vật chỉ là sản phẩm của TẠO HÓA, TẠO VẬT, của LÝ TỰ NHIÊN. Có thể ví TẠO HÓA là một kiến trúc sư vĩ đại, làm sao dám nói kiến trúc sư là thuộc tính của chiếc xe, của nhà cửa được.

Muôn loài vạn vật luôn luôn phải thay đổi vô thường, chỉ có Lý Biến Hóa là tồn tại vĩnh cửu, bất di bất dịch, bất biến, bất diệt.

Nay cơ nghiệp TẠO HÓA đã dẫy đầy khắp Vũ Trụ vô Hữu rồi. Giả thiết, lúc nào đó Vũ Trụ có tan tành, Con Người có tiêu tan thì Lý Biến Hóa vẫn còn, vì THÀNH TAN TÀNH cũng là một cái Thành do Lý Biến Hóa tức LÝ THÀNH điều động TỤ-TÁN, TÁN-TỤ.

Thật ra, TÔI - CON NGƯỜI không thể tưởng tượng nổi muôn loài sẽ ra sao khi trong vô giây phút không có Biến động, Biến đổi, Biến hóa gì cả. Sư Tổ Dịch Lý Việt Nam là Dịch Lý Sĩ Xuân Phong Nguyễn Văn Mì đã hỏi :

"Đạo không Đời, Trời Đất không có.
Đời không Đạo,(hỏi) Đất Trời đi đâu ?"

4. ĐIỀU KIỆN ẮT CÓ VÀ ĐỦ CỦA MỘT CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI

CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI là lý lẽ nào đó phải có thật đúng thật ở muôn đời và muôn nơi, bất kể không gian thời gian nào và không có một lý lẽ thứ hai nào khác đối lại.

Lý lẽ đó phải có đúng ở Con Người và muôn loài vạn vật, hữu hình, vô hình, siêu hình, có đúng ở quá khứ xa xăm từ lúc tạo Thiên lập Địa đến hôm nay và mãi mãi về sau, chỉ trong một trường hợp lớn nhỏ nào bất kể mà không thấy có đúng thì lý lẽ ấy chưa đáng danh là chân lý tuyệt đối mà chỉ được gọi là chân lý tương đối, chân lý nửa vời, là thứ triết lý vùng mà thôi.

Nói gọn lại Chân lý Tuyệt đối là vạn vật Qui Nhất Lý. Tiền nhân Á Đông đã từng nghiệm xét và đến nay vẫn khẳng định DỊCH LÝ là chân lý tuyệt đối mãi mãi khắp nơi, bất chấp Con Người có biết tới hay không biết tới, có tin tưởng hay không tin tưởng.

Riêng bạn có tin không ?

Nếu tin, thì liệu trong mọi trường hợp Bạn có đủ sức biện minh chứng nghiệm chăng ? Bạn không nên tin suông, coi chừng Đức Tin ẩu vẫn còn đang lớn mạnh lấn át cả chân tri. Lòng tin mù quáng dễ gây sự

ngộ nhận đáng tiếc. Không nên tiếp tục ngoa ngôn ngoa truyền DỊCH LÝ kiểu ấy. Khoan tin ngay khi chưa có đủ luận chứng.

Còn nếu Bạn cứ nhất định không tin, dù có biết bao chứng cớ, thì tự Bạn phải đối diện với chính mình, thẳng thắn công bằng phản biện. phản bác, dẫn chứng một trường hợp đơn lẻ hiếm hoi nào không có ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA - BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ hoặc Bạn chỉ ra được thứ gì khác xứng đáng là chân lý tuyệt đối hơn, với điều kiện không dùng bạo lực chăng ?!

Nói chuyện chân lý nhất định không cần dùng bạo lực và chẳng ai thèm nói chân lý cho bạo lực để chuốc họa vào thân. Bạo lực nào rồi cũng sẽ qua đi, chân lý còn mãi mãi. Thiệt láo gì sớm muộn cũng thấy chân lý cả. Mắc gì ta phải bận tâm !

Chân lý tuyệt đối tự nó thừa sức hóa giải, khuất phục mọi chân giả thiện ác một cách tự nhiên như nhiên tuyệt vời. ĐỨC UY của chân lý tuyệt đối vô địch vô song. Chân lý tự nó biết sáng tỏ lấy,không đợi lệ thuộc ở Con Người, vật thứ gì đại diện quảng cáo, nói dùm chân lý cả. Còn TÔI - CON NGƯỜI nào ưa thích chân lý thì hãy dấn thân tìm hiểu, ắt sẽ có tri âm trợ duyên chỉ bảo cho.

5. KHẲNG ĐỊNH YẾU LÝ ĐỒNG NHI DỊ LÀ CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI

TÔI - CON NGƯỜI vì muốn biết sự thật của mọi sự thật giả nên mới dấn thân truy tầm cho vỡ lẽ tại sao muôn loài vạn vật thành có được mà hóa ra khám phá Dịch lý là chân lý tuyệt đối là Luật Tạo Lập Vũ Trụ .

Chân lý tuyệt đối đương nhiên phải là một ***nguyên lý***, nghĩa là lý lẽ nguyên nhân đầu tiên trước hết của mọi lý lẽ nguyên nhân, không còn có lý lẽ nguyên nhân nào trước nguyên lý được. Nếu không nó chưa xứng đáng được gọi là Nguyên lý.

Sự thật là ở đâu có Đồng Dị, ở đó có Biến Hóa; ở đâu có Biến Hóa là ở đó có Đồng Dị. Không có Đồng Dị thì không có Biến Hóa; không có Biến Hóa thì không có Đồng Dị.

ĐỒNG DỊ - BIẾN HÓA - BIẾN HÓA - ĐỒNG DỊ tuy HAI mà chỉ là MỘT LÝ LẼ duy nhất, là NHẤT LÝ. Người xưa đã khéo gọi DỊCH LÝ là ÂM DƯƠNG LÝ và khi nói LÝ ÂM DƯƠNG là ý muốn nói đến LÝ DỊCH.

Ngày nay gọi đích danh LÝ ÂM DƯƠNG là *YẾU LÝ* ĐỒNG NHI DỊ là NGUYÊN LÝ DỊCH BIẾN, vì lý lẽ này rất quan trọng có tính cách chân lý, nguyên lý tuyệt đối cấu tạo hóa thành muôn loài vạn vật nên mới gọi là *YẾU LÝ*.

Chắc không ai hỏi : trước Nguyên lý ĐỒNG NHI DỊ là gì, do đâu mà có vì đã là Nguyên lý thì tự nó có sẵn từ lúc khởi đầu tạo lập Vũ Trụ Nếu có hỏi, cũng chỉ để đùa cho vui thôi vì tất cả đều biết rằng đâu có gì trước nguyên lý, sinh ra nguyên lý được. Nếu có thì nó đâu còn đáng gọi là nguyên lý.

TÔI - CON NGƯỜI chỉ có thể khám phá cái LÝ TỰ NHIÊN đã có sẵn trong lòng muôn vật và cho đó là một ĐỊNH LÝ, ĐỊNH LUẬT hoặc ĐỊNH ĐỀ có thật, đúng thật nhưng không thể chứng minh, lý giải được vì nó là một TIỀN ĐỀ có tính thượng đế, niết bàn (trên trước cả Trời, không biện chứng).

LÝ tự nhiên đó là VÔ HỮU LÝ ĐỒNG NHI DỊ của KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG. KHTK là không có gì hết, không là gì cả, vẫn chưa có yếu lý ĐỒNG NHI DỊ. Nhưng khi KHTK CỰC thì đã hiển lộ có yếu lý ĐỒNG NHI DỊ. Vậy phải chăng KHTK đã tự có sẵn LÝ MANH NHA (ĐỒNG DỊ ***tiềm ẩn***) - BIẾN HÓA HÓA THÀNH CỰC (ĐỒNG DỊ ***hiển lộ***) nghĩa là Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ có từ lúc :

KHTK $\pm$ KHTK MANH NHA $\Rightarrow$ KHTK CỰC

Triết lý tới KHTK MANH NHA - CỰC cùng lúc là TÔI - CON NGƯỜI đang dấn thân xông pha vào cuộc VÔ HỮU LÝ cuối cùng, gay

go, ác liệt nhất nầy để thấy được sự hữu lý chính lý (biện chứng) của VÔ HỮU LÝ : Yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ.

TÔI - CON NGƯỜI dù lý giải trăm phương nghìn cách vẫn thấy sự vô lý, hũu lý, phi lý, về nguồn gốc do đâu mà có Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ tức có vấn đề VÔ HỮU LÝ ĐỒNG DỊ.

Cuối cùng TÔI - CON NGƯỜI phải chịu phép ở phạm vi Lý Giới và kết luận LÝ gồm VÔ HỮU - HỮU VÔ LÝ ***cùng lúc***, mãi mãi vẫn là VÔ HỮU LÝ mà thôi. Đồng ý - Bất đồng ý, chấp nhận hoặc không chấp nhận đều do tiềm lực VÔ HỮU LÝ trong TÔI - CON NGƯỜI điều động cả.Lúc thấy Vô Lý, lúc thấy Hữu lý khiến cho mọi động thái của TÔI - CON NGƯỜI phải thay đổi điên đảo, đảo điên tạo thành thiên hạ sự đa đoan phức tạp là vậy.

Khi nói yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG là mặc nhiên không có vấn đề hoàn toàn đồng, hoặc hoàn toàn dị, hoàn toàn vô lý, hoàn toàn hữu lý mà mãi mãi là ĐỒNG DỊ cùng lúc, VÔ HỮU cùng lúc. Do đó, ta không ngạc nhiên khi thấy mọi hiện tượng động thái của Con Người và Vũ Trụ muôn loài lúc hợp lý, lúc nghịch lý, lúc hữu lý, lúc vô lý vì Lý là Vô Hữu ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA - BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ từ Vô đến Hữu hoặc từ Hữu đến Vô Lý.

6. BIẾN HÓA LÀ QUI LUẬT TỰ NHIÊN BIẾN HÓA LUẬT

Tất cả đều phải ĐỒNG DỊ BIẾN HÓA - BIẾN HÓA ĐỒNG DỊ nên đó là yếu lý và qui luật tự nhiên, thiên nhiên phổ biến vàtất yếu gọi chung là BIẾN HÓA LUẬT, khác hẳn việc TÔI - CON NGƯỜI bày chế, áp đặt cái Luật nào đó cho vấn đề gì là luật của Con Người (nhân tạo)

BIẾN HÓA trở thành LUẬT (Nhất Luật) mà theo ngữ pháp Việt Nam, chủ ngữ BIẾN HÓA phải để trước, bổ ngữ LUẬT để sau thành ra phải gọi là BIẾN HÓA LUẬT, chứ không phải LUẬT BIẾN HÓA.

LUẬT nào cũng phải có lý do, nguyên nhân mới thành Luật đó được nên LUẬT phải có LÝ của LUẬT. LÝ và LUẬT là MỘT, đồng bộ nhất quán.

- Chỉ có Nhất lý là yếu lý ĐỒNG NHI DỊ nên BIẾN HÓA LUẬT cũng chỉ ngậm có một lý ĐỒNG NHI DỊ.

- Chỉ có Nhất luật là BIẾN HÓA LUẬT nên Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ chính là *Lý BIẾN HÓA*.

Tóm lại, ở đâu có BIẾN HÓA là có ĐỒNG DỊ, ở đâu có ĐỒNG DỊ là có BIẾN HÓA.

BIẾN HÓA là có sự thay đổi khác biệt ít nhiều giữa cái trước và cái sau (Bộ mặt cũ, Bộ mặt mới) :

BỘ MẶT CŨ ± (HƠI HƠI) KHÁC ⇔ BỘ MẶT MỚI

Trước sau CŨ MỚI cũng chỉ là một Bộ Mặt (ĐỒNG) mà có thay đổi biến hóa từ hơi hơi khác đến quá quá khác (DỊ)

Hơi Hơi Khác đồng nghĩa là ***Quá Quá Giống***

Quá Quá khác đồng nghĩa là ***Hơi Hơi Giống***.

Không có chuyện hoàn toàn Đồng hoặc hoàn toàn Dị nên đừng dễ dãi lầm tưởng cho Hơi Hơi Khác - Quá Quá Giống là hoàn toàn giống hoặc hơi hơi giống - quá quá khác là hoàn toàn khác. Chẳng có thuần Âm (hoàn toàn Âm) hoặc thuần Dương (hoàn toàn Dương) nên Tiền nhân đã cẩn thận chỉ nói là Thái Âm (Âm nhiều Dương ít), Thái Dương (Dương nhiều Âm ít). Khi luận về Tứ Tượng và luôn luôn nhắc nhở trong Âm có Dương , trong Dương có Âm (Dương trung hữu Âm căn,

Âm trung hữu Dương căn), trong Đồng có Dị, trong Dị có Đồng (Đồng Nhi Dị, Dị Nhi Đồng).

ĐỔI MỚI là qui luật tự nhiên nhất định để muôn loài vạn vật tiến thoái hóa. Nhưng đừng lầm tưởng Bộ mặt mới có thể hoàn toàn khác với Bộ mặt cũ, dứt khoát không dính líu ~~ôm~~ ấp tí gì Bộ mặt cũ.

Đổi mới phải theo qui luật tuần tự trật tự từ hơi hơi khác đến quá quá khác, chứ không thể xóa sạch ngay Bộ mặt cũ được . Bộ mặt cũ là nền tảng, cơ sở, chỗ dựa hữu lý cho Bộ mặt mới ***phủ lên trên***. Không có cũ sao có mới, lấy lý gì gọi đó là mới ? Làm sao chối nhận được lý lịch, cội nguồn, tổ tiên, truyền thống, di truyền, nòi giống, tộc tính, chủng loại.... chỉ có thể từng bước đổi mới, mỗi lúc hơi hơi khác đến lâu dần thành quá quá khác mà thôi.

7. ĐỨC TÀI TƯ CỦA TẠO HÓA HƠI HƠI KHÁC.

Người đời thường gọi TẠO HÓA, TẠO VẬT là muốn nói đến Qui Luật CẤU TẠO HÓA THÀNH của TỰ NHIÊN và thường khen ngợi Đức, Tài Tư của TẠO HÓA là vạn năng.

Quả đúng vậy, TẠO HÓA tuy chỉ có một tài năng duy nhất là HƠI HƠI KHÁC, khiến cho mọi vật tự HƠI HƠI KHÁC với chính nó mà hóa ra - trở nên quá quá khác nhau, không sao cưỡng lại được nên TẠO HÓA là vạn năng. (Nhất thể nhi bách dụng).

Đạo Trời Đất vốn rất giản dị, dễ biết, dễ làm là thế, cứ mãi mãi là BỘ MẶT CŨ HƠI HƠI KHÁC nên lúc nào cũng MỚI cả. (Kiền dĩ dị tri, Khôn dĩ giản năng = Đạo Trời dễ biết, Đạo Đất dễ làm).

Cái khả năng HƠI HƠI KHÁC tiềm ẩn trong lòng mọi sự vật gọi là MANH NHA. Vậy MANH NHA là LÝ ĐỨC TÁNH BIẾT HÓA RA -

TRỞ NÊN HƠI HƠI KHÁC của muôn vật. Chính muôn vật có sẵn Lý Đức Tính Tự Biết HÓA RA - Biết Trở Nên HƠI HƠI KHÁC này nên nó mới có thể hóa ra - trở nên hơi hơi khác - quá quá khác được.

Tóm lại, tiềm lực của yếu lý ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG (giống mà hơi hơi khác - khác mà hơi hơi giống) làm cho muôn vật biến hóa thay đổi từ ĐỒNG đến DỊ hoặc từ DỊ đến ĐỒNG là Đức Tài Tư của TẠO HÓA QUYỀN NĂNG vậy.

TÔI - CON NGƯỜI nói là học tập bắt chước theo tự nhiên là qui luật TẠO HÓA (Thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ) mà chẳng vận dụng nổi qui luật để quân bình sinh hóa gần nhất là bản thân, gia đình, làng xóm mình thì nói chi đến xã hội, đất nước, thế giới, vũ trụ xa xôi...

Hiện nay Ý thức hệ loài Người càng đi dần đến chỗ cực Dị - quá quá khác đến nỗi không thể chấp nhận nhau được thì đừng trách Nhân loại cứ loạn mãi. Muốn cứu vãn thì Nhân loại phải mau mau tìm về chỗ GIỐNG mà HƠI HƠI KHÁC nhau để có thể sống chung hòa bình ("xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều"), chứ đừng để đến độ thái quá phải cực biến ở cuối đường theo luật Nhân Quả tự nhiên e có hối cũng không kịp.

Nhân loại khôn ngoan dứt khoát không chạy theo cũng không để cho những chủ trương hậu thiên học nông cạn tiếp tục hô hào cổ vũ đưa đẩy ép buộc thiên cực : cho ĐỒNG là quan trọng hơn hoặc Dị là quan trọng hơn.

Nhân loại phải làm sao học hiểu đúng lẽ thật là lúc nào ở đâu cũng phải là ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG, không bao giờ có hoàn toàn ĐỒNG hoặc hoàn toàn DỊ thì mới có thể tạo cuộc quân bình sinh hóa chung riêng để tồn tại và tiến bộ giống như cái khôn ngoan tột đỉnh của TẠO HÓA đã dựng nên nghiệp Dịch trường cửu vậy .

TẠO HÓA dùng phép Âm Dương Đồng Dị Biến Hóa cung cầu thừa thiếu để đối đãi, san xẻ sự tiện lợi hại lẫn nhau cũng thừa sức tạo cuộc sinh tồn, chứ chẳng cần phải như một số người bệnh hoạn lúc nào cũng

canh cánh lo đối lập mà thống nhất, thống nhất mà đối lập, gây mâu thuẫn để đấu tranh gay gắt tiêu diệt nhau, rồi cùng rủ nhau đi vào tử lộ....

8. MUÔN VẬT HỮU TÌNH NHÂN SINH HỆ LỤY

Âm Dương Đồng Dị cùng có nhu cầu hấp dẫn cung ứng san xẻ thừa thiếu tiện lợi hại lẫn cho nhau nên lúc nào chúng cũng có khuynh hướng ái lực tìm đến nhau.

Tiềm lực, ái lực của Âm Dương Đồng Dị là nguồn cội của mọi thứ TÌNH : TỤ TÁN - TÁN TỤ của muôn loài vạn vật (***muôn vật hữu tình***).

Nghiệp lực Đồng Dị Biến Hóa vô cùng nhiệm nhặt. Khiến cho muôn loài phải hấp dẫn hữu tình chung đụng quây quần sống động tụ tán với nhau không sao giải thoát được (***vạn vật hấp dẫn - Nhân sinh hệ lụy***)

TÔI - CON NGƯỜI nào, tài giỏi tới đâu cũng không nên nói ẩu là đã giải thoát khỏi hoàn toàn Lý Luật ĐỒNG DỊ - BIẾN HÓA, chỉ có thể tạm gỡ rối ở một vài bước đi quanh quẩn cũng đã là hay lắm rồi.

TẠO HÓA quyền năng đến thế kia mà cũng còn phải đi trong qui luật cung cầu ***Âm Dương Danh lợi Tình*** mới có thể lập ĐẠO, tạo ĐỜI được, thì thứ hỏi thứ giống gì chẳng vướng mắc ái lực Danh lợi Tình chung tư.

TÔI - CON NGƯỜI và Muôn Vật mãi mãi ở trong vòng Càn Khôn (Đồng Dị Âm Dương) nên chẳng cần phải bận tâm chuyện giải thoát vô ích. Trái lại, nên học hiểu Dịch Lý thật kỹ để lợi dùng tối ưu cho cuộc sống hiện tại và mai sau.

Dù TÔI - CON NGƯỜI và muôn loài vạn vật là sản phẩm của TẠO HÓA và phải sống động đi trong qui luật Cấu Tạo Hóa Thành chặt chẽ nhiệm nhặt, nhưng chắc chắn, không phải là những nô lệ ngoan ngoãn của thần quyền.

Nay ta được hiểu biết TẠO HÓA tối cao chỉ là qui luật Biến Hóa chứ không phải là siêu nhân, thần linh nào cả nên TÔI - CON NGƯỜI và muôn vật là ***những sống động tự do trong qui luật sống động***. Nhờ có qui luật sống động muôn loài mới có thể sống động tự do được, nếu không thì sẽ rối loạn, lộn xộn, nát bét hết, chẳng thành có được thứ gì cả.

Cuộc sống TÔI - CON NGƯỜI và muôn vật tuy vô thường ngắn ngủi nhưng lúc nào cũng muốn được tồn tại tiến bộ ít nhất cho hết chu kỳ sinh hóa của mình, nên thấy cần thiết phải dựa vào qui luật sống động tự nhiên vững chắc để ***tạo hóa*** được tối ưu. Ngược lại, TẠO HÓA cũng cần có TÔI - CON NGƯỜI và muôn loài vạn vật để ngày càng sáng tỏ ĐỨC UY Tuyệt Đối của TẠO HÓA.

TẠO HÓA và Muôn loài luôn luôn phải nương tựa, níu nắm bầu bạn với nhau để cả hai cùng có lợi dùng, nên chẳng cần phải khách khí, kình chống nhau làm gì, hòa thuận vui sống với nhau có phải hơn không.

Nếu dại dột ngông cuồng đi ngược chống phá lý luật tự nhiên thì TÔI - CON NGƯỜI và muôn vật chỉ chuốc họa vào thân thảm thương hơn mà thôi vì TẠO HÓA là ***quyền năng vô kỵ*** chẳng thể thay đổi được qui luật Âm Dương đâu. Không nên đem thân hữu hạn thí mạng với cái Lý vô cùng. Hãy bỏ ngay giấc mộng tề thiên (bằng trời hoặc cái rún của Vũ Trụ).

TẠO HÓA chí công vô tư tuân thủ nghiêm chỉnh cán cân quân bình sinh hóa chung cho mọi Vũ trụ Vô Hữu nên phải sinh diệt theo lý luật tự nhiên. Bởi thế TÔI - CON NGƯỜI và muôn vật đừng vội kêu Trời, trách Đất , than thân oán phận vì Trời Đất chỉ là ĐẠO LÝ Tự Nhiên chứ đâu phải thần linh như loài người mà có nghe thấy lời van cầu của thiên hạ.

252

TÔI - CON NGƯỜI ráng học hỏi Dịch lý cho thấu tới ông Trời, hiểu rành TẠO HÓA như trên thì lúc đó mới thấy TẠO HÓA dễ thương hơn là đáng ghét, mới thấy TẠO HÓA là người bạn tri âm trung thành tín cẩn không bao giờ phản bội ta cả, mới thông cảm cho cuộc sống chết của loài Người và muôn vật đều cùng chung một số phận DỊCH BIẾN . Có *quán thông* Thiên Địa thì mới *cảm thông* Thiên Địa được (Vô tri bất mộ).

9. THÀNH ĐẠT CỦA NGƯỜI HỌC DỊCH

Như đã nói DỊCH là BIẾN HÓA linh hiển là THẦN nên ở đâu cũng có DỊCH cũng có THẦN.

Muôn loài vạn vật biến hóa linh hiển - hiển linh cực kỳ nhanh lẹ vô giây phút nên đều là THẦN.

LÝ TRÍ TÁNH - THÂN XÁC TÔI - CON NGƯỜI cũng là THẦN (*GẬY THẦN*) và lợi dụng gậy Thần TÔI - CON NGƯỜI để thỏa mãn mọi ước mơ đòi hỏi của TÔI - CON NGƯỜI (*SÁCH ƯỚC*).

Vậy khi TÔI - CON NGƯỜI vận dụng LÝ TRÍ TÁNH (Trí óc, giác quan thân xác) giao du với mọi sự lý, sự vật trong ngoài TÔI - CON NGƯỜI (***Âm Dương Trời Biển Tình Ý***), đó là việc ***cùng* THẦN TRI HÓA**, tức THẦN ở TÔI - CON NGƯỜI là LÝ TRÍ TÁNH cùng với THẦN ở muôn nơi muôn vật là TÁNH BIẾT HÓA RA - BIẾT TRỞ NÊN HIỂU BIẾT - BIẾT HIỂU sao đó là **TRI HÓA**.

TRÍ TRI Ý THỨC TÔI - CON NGƯỜI có thông thường và khác thường gồm cả Tiên Hậu Thiên tự nhiên hoặc được tập luyện đến mức độ nhanh lẹ linh động lập tức và mầu nhiệm hợp đức, hợp sáng, hợp lý thấu suốt mọi phạm vi Tình Lý Âm Dương thì gọi là có **THẦN HOẠT BIẾN** (HOẠT BÁT BIẾN THÔNG).

Người đời xưa nay vẫn hay dùng phép **TRỤ THẦN** (THIỀN) là vận dụng khai thác năng lực của **THẦN THỨC ĐỨC THẦN MINH** (Tiềm thức trực giác) sẵn có ở mỗi cái TÔI - CON NGƯỜI để đạt đến THẦN HOẠT BIẾN gọi là TUỆ GIÁC - GIÁC NGỘ.

Phân tích bước đi nhiệm nhặt của THẦN trải qua :

- THẦN THÔNG GIAO : các THẦN qua lại với nhau.
- THẦN THÔNG TRI : các THẦN trao đổi thông tin về nhau.
- THẦN TRI HÓA : các THẦN hoá ra, trở nên hiểu biết biết hiểu lẫn nhau
- THẦN HOẠT BIẾN : các THẦN TRI HÓA linh hiển khắp nơi vô ngại, hoạt bát biến thông.

Một trong những mục đích tối quan trọng của người học DỊCH là để có được THẦN HOẠT BIẾN nhạy bén, chính xác ngày càng cao độ, đến lúc có thể vượt qua sự lý luận thông thường chậm chạp của trí thịt mà chỉ cần HỘI LÝ là QUÁN THÔNG THIÊN ĐỊA và CẢM THÔNG THIÊN ĐỊA.

Người có trình độ *HỘI LÝ QUÁN THÔNG* thì học một biết muôn trùng, dễ dàng vượt qua mọi vướng mắc của phương tiện ngôn ngữ tư tưởng để chỉ còn điều LÝ mà biết, mà hiểu được đại ý hoặc nội tâm của tất cả những gì trải ngang qua tai, mắt, thân xác, tâm trí họ.

Hơn nữa họ còn biết vận dụng DỊCH tức THẦN HOẠT BIẾN sao cho Thân, Tâm, Ý, Nghiệp của họ linh động biến hóa mầu nhiệm huyền diệu (***xuất Thần***) mới đúng là một Dịch Nhân. Dịch Nhân là TÔI - CON NGƯỜI trưởng thành ở cao độ mà người đời thường gọi là bậc Siêu Nhân, vĩ nhân như Phật, Tiên, Chúa, Thánh, Quỷ, Thần, Đạo sư, Võ sư, Y sư, Kỹ sư, Giáo sư, Bác học ... hoặc những nghệ nhân tuyệt đỉnh cao đạo phi phàm....Mọi động thái cuộc đời họ, người đời thường khó đo

lường nổi và họ để lại cho đời rất nhiều kỳ tích, công trình, sự nghiệp đáng gọi là khai nguyên (khai mở kỷ nguyên mới) về một hay nhiều lãnh vực vũ trụ nhân sinh.

Riêng TÔI - CON NGƯỜI đời thường cũng là một ***Gậy Thần Sách Ước*** nếu khéo biết thừa kế vận dụng những công trình siêu tuyệt của tiền nhân đồng thời với sở trường Dịch học tinh thông thì lần hồi cũng tới chỗ thiên biến vạn hóa, xuất quỷ nhập thần, tha hồ cấu tạo hóa thành (chế biến phát minh) lập Đạo, tạo Đời chung tư vật chất, tinh thần, Khoa học, Đạo lý, đắc dụng cho nhu cầu ước mơ của nhân thế (Sách ước).

Tóm lại, TÔI - CON NGƯỜI VŨ TRỤ DỊCH là Con Người *TRƯỞNG THÀNH - THÀNH ĐẠT* đúng mức là một CON NGƯỜI trọn vẹn, có khả năng, quyền năng Thuận Thiên Hành Đạo khai vật Thành Vụ, hợp cùng TẠO HÓA lập thành Tam Tài (THIÊN ĐỊA NHÂN) tạo ra nhiều phép lạ hữu ích cho Nhân loại ngày càng tồn tại và tiến bộ (Văn Minh).

Do trình độ và khả năng cao sâu hơn hẳn người đời thường nên bất kể CON NGƯỜI VŨ TRỤ DỊCH nào cũng có cái nhìn và việc làm đi trước thời đại có khi rất xa, vô tình hoặc cố ý khai lối dẫn đường thiên hạ vào Đạo cả của Vũ Trụ Vô Hữu.

Xã Hội loài Người hiện nay đang vận động ngày càng gia tốc đến siêu tốc để chuyển dịch từ xã hội nông nghiệp đến công nghiệp, đến siêu công nghiệp, từ bộ tộc đến quốc gia, đến quốc tế, đến liên hành tinh. Hình thái xã hội bất buộc phải thay đổi, đổi mới cực kỳ khẩn trương, sẽ phá vỡ mọi cấu trúc tương quan xã hội cũ để hình thành mô thức xã hội mới cho phù hợp cuộc sống mới.

Xã hội mới, cuộc sống mới thì phải có con người mới thích nghi đồng bộ. Bất kể điều kiện tiêu chuẩn hình thái xã hội mới, cuộc sống mới, con người mới đó như thế nào, thiết nghĩ CON NGƯỜI VŨ TRỤ DỊCH cũng thừa sức xây dựng hòa nhập chung sống dễ dàng vì đã học được phép vô kỵ của TẠO HÓA là ĐỒNG DỊ - BIẾN HÓA - BIẾN

HÓA ĐỒNG DỊ từ lâu rồi, nên vô ngại. Đó là lý do tối ư quan trọng để chúng tôi, chúng ta và tất cả mọi cái TÔI - CON NGƯỜI cần thiết phải học DỊCH LÝ TÂN KỲ dành cho THỜI ĐẠI MỚI là KINH DỊCH XƯA và NAY do Người Việt Nam chủ trương canh tân cải tiến đổi mới (hòa cựu hợp tân), với danh nghĩa cụ thể là VIỆT NAM KHOA DỊCH LÝ HỌC, nói tắt là DỊCH LÝ VIỆT NAM đóng góp cùng thời đại hai sự kiện trọng đại :

- Khai mở Kỷ Nguyên mới cho nhân loại :

KỶ NGUYÊN TIÊN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC.

- Đại chúng hóa Thiên cơ Thời Cơ Nhân cơ :

VŨ TRỤ ĐẠO VÀ CHÍNH TRỊ LIÊN HÀNH TINH.

để xã hội loài Người ngày càng có nhiều CON NGƯỜI MỚI : CON NGƯỜI VŨ TRỤ DỊCH làm rường cột cho mọi Xã Hội như đã qua, hiện nay và sắp tới vậy.





Viết xong tại
HOÀ HƯNG, ngày 10 tháng 11, Bính Tý
(18-12-1996)
Giờ TĨNH - THĂNG
-NAM THANH PHAN QUỐC SỬ-

256

VIỆT-NAM DỊCH-LÝ HỘI
157/96 Lê-văn-Duyệt, Saigon.

SAIGON, ngày 4 tháng 11 năm 1969.

- Chiếu Nghị Định số 620 BNV/KS ngày 11-5-1965 cho phép thành lập Hội Việt Nam Dịch Lý.
- Chiếu Tờ Ủy quyền chức Chánh Hội Trưởng của Ông Nguyễn văn Phúc, ngày 01-3-1966.

Theo tinh thần văn thơ dẫn thượng, tôi Nguyễn văn Mì, nhân danh Hội Trưởng Việt Nam Dịch Lý Hội :

T Í N - N H I Ệ M :

Ông PHAN QUỐC SỬ tự là NAM THANH, là HỘI VIÊN được hoạt động để thành lập một Chi Hội tại Quận 8 cho Việt Nam Dịch Lý Hội, với điều kiện phải báo cáo các hoạt động hàng tuần từ địa phương về Trung Ương cho đến khi nào đủ số người và đủ điều kiện để thành lập một Chi Hội thiệt thọ tại Quận 8 (theo Điều Lệ và Nội Qui của Việt Nam Dịch Lý Hội).

Trụ sở tạm của Chi Hội đặt tại số 171-175 bến Phạm thế Hiển, Phường Rạch Ông, Quận 8, Saigon.

Nay cấp giấy này cho đương sự để tùy nghi sử dụng./.



HỘI-TRƯỞNG
VIỆT-NAM DỊCH-LÝ HỘI

NGUYỄN-VĂN-MÌ
tự XUÂN PHONG

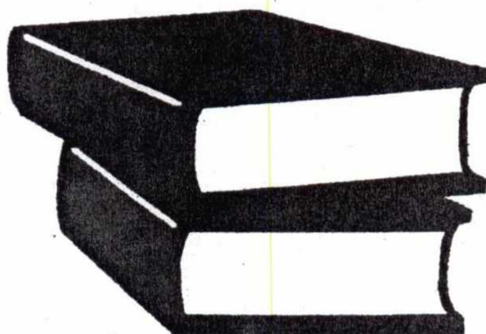
PHÂN KHOA

GIAO DỊCH XÃ HỘI

(THIÊN NHIÊN XÃ HỘI HỌC)

MỤC LỤC

PHẦN KHOA GIAO DỊCH XÃ HỘI





LỜI TIỂU-DẪN

Khoa Giao-Dịch Xã-Hội ngày nay phần lớn dựa vào Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học, do Dịch Lý Sĩ XUÂN PHONG (Hội Trưởng VIỆT NAM DỊCH-LÝ HỘI) và NAM THANH Dịch Học Sĩ (Trưởng Ban Tu Thư VIỆT NAM DỊCH-LÝ HỘI) biên soạn vào năm Canh Tuất (1970) tại Hòa Hưng SÀI-GÒN.

Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học, sau khi chào đời, được truyền bá cho một số tầng lớp trí thức, đến nay trên 20 năm thử thách, đã minh chứng được hiệu quả ưu việt của nó. Nhưng, cũng có nhiều ý kiến yêu cầu tu chỉnh bổ xung mở rộng, cho phù hợp với nhiều tầng lớp xã-hội, chứ không chỉ riêng với các giới Dịch-Học-Sĩ, Chính-trị gia, Quản-trị gia, Kinh-tế gia hoặc Quân-sự gia mà thôi.

Do đó, được sự nhất trí của Thầy là Dịch-Lý Sĩ XUÂN PHONG, Tôi là NAM THANH Dịch-Học-Sĩ, tác giả, xin được phép sắp xếp lại tập sách và đặt thêm tên mới là khoa GIAO-DỊCH XÃ-HỘI cho thích nghi với hoàn cảnh.

Trong hơn 20 năm chủ nhiệm đề tài, tôi đã áp dụng thử nghiệm bằng chính bản thân cuộc đời mình, tuy chưa hết tuyệt đỉnh của môn học, tôi đã thấy nó quá siêu-tuyệt, hơn tất cả các sách vở khoa môn Cổ-Kim Đông-Tây, mà tôi đã được học về Giao-Dịch Xã-Hội, tổ-chức, lãnh-đạo, chỉ-huy, quản-trị, của các phe phái, học thuyết, chính quyền, hoặc của giới giang hồ, bách-gia chu-tử, đạo-giáo, trường học . . .

Thuở nhỏ và lớn lên, tôi đã được bị sinh và sống trong thời kỳ đen tối và ly loạn nhất của đất nước Việt Nam. Cha tôi đã cho tôi một cái tên, để kỷ niệm, là Phan Quốc Sử (1944) Giáp Thân. Tôi theo Cha đó đây làm trai thời loạn, mưu việc nước nhà. Tôi thấy ông Cha thật nhiệt tình với Tổ-Quốc, có việc được việc không, nhưng tình đời tình

262

người rất éo le nghiệt ngã, chữ Thời chữ Thế trêu mãi chí anh hùng. Làm thế nào để thành công không thất bại ?? Thật khó thay cho một chàng sinh viên trường Chính-Trị Kinh-Doanh như tôi còn non tuổi đời có thể tin được trên đời có một học thuật, một chân thực học nào giữa hoàn cảnh Đất-nước phân ly, Xã-Hội tan nát. Là một người dân sắp mất nước, bắt buộc tôi không thể tin bất cứ lời dạy dỗ nào của thế lực ngoại bang cả. Cứ thế tôi đi lang thang và đến khi gặp Thầy Xuân Phong trả lời "*Có một môn học để thành công, không bao giờ thất bại, chính do người VIỆT NAM phát minh, đó là Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội Học* ". Thế là tôi lao vào miệt mài học với Thầy Xuân Phong Nguyễn Văn Mì trong 3 năm liền và ghi lại sự học của mình, tuy vội vã, nhưng cũng có thể làm tài liệu tham khảo cho người đời. Dĩ nhiên, muốn thấu đạt Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội học hay Khoa Giao-Dịch Xã-Hội này, tôi phải học qua các môn căn bản khác như Triết Dịch Việt Nam, Chiêm Nghiệm Lý Dịch (Dịch-Lý Báo Tin) và nhiều môn phụ về sau (1965-1974).

Đến nay, thời kỳ lịch sử đã trôi qua, tôi tuổi đời ngày càng cao, sức khoẻ đã kém, không muốn dính dấp đến thế sự nhân tình nữa, tự giới hạn ứng dụng khoa học này trong việc trị bệnh kiếm ăn nuôi đàn con nhỏ. Nhưng, bạn hữu xa gần trong ngoài Ngành Y, nhất là các bạn trẻ, chuẩn bị vào đời, nghe danh mến mộ, thấy tôi áp dụng tới đâu, thành công tới đó, dù việc giữa chợ đời hay trong nghề Y. Các bạn tỏ ý tiếc rẻ, nên yêu cầu tôi hướng dẫn truyền chỉ lại. Tôi thấy khoa này có thể ứng dụng giúp đời về nhiều mặt, nên tôi ráng nhín chút ít thì giờ cuối đời, quảng diễn thêm, được tới đâu hay tới đó, chứ chẳng dám cầu toàn. Hằng mong về sau có người thiện chí tiếp nối hoàn chỉnh.

Hòa Hưng, giờ Thìn ngày 12 tháng 10 Nhâm Thân

(06-11-1992)

DI - PHỤC

Tác giả

PHAN QUỐC SỬ

Tự NAM-THANH Dịch-Học-Sĩ

265

Đại cương về
Khoa Thiên-Nhiên XÃ-HỘI-HỌC

XÃ - HỘI ÂM - DƯƠNG

Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học chào đời do nhu cầu trước tiên của các Dịch-Học-Sĩ. Sau khi đã dầy công nghiên cứu lý thuyết và biện minh chứng nghiệm Dịch-Lý Việt Nam, tức là đã ít nhiều chứng đạt phần Triết Lý Đạo-Đời, các Dịch-Học-Sĩ nghĩ rằng đã làm người, thì không tránh khỏi nhân sinh hệ lụy; dù muốn hay không, cũng phải xử thế tiếp vật, xuất-xử sao cho khôn khéo. Biết rằng giữa chợ đời muôn mặt, chân giả đảo điên, dù không muốn, nhưng nếu Trời-Đời-Người bắt buộc, e khó thể chối từ, nên Dịch-Học-Sĩ phải chuẩn bị trước cho mình một khả năng bản lĩnh siêu tuyệt thuộc Đời-Đạo, để linh động hành sự xứng danh là một Dịch-Lý Thời Nhân. Do vậy, Dịch-Học-Sĩ tự mình làm khó lấy mình, phải tìm tòi học hỏi tập rèn các nguyên lý qui luật nghệ thuật, cả phần Đạo (Dịch-Lý) và phần Đời (Xã-Hội), sao cho *'THÀNH CÔNG, KHÔNG BAO GIỜ THẤT BẠI'* hoặc thường thành công nhiều, thất bại ít, thất bại không đáng kể. Liệu yêu cầu này có quá sức người, có không tưởng, có cường điệu chăng ??

Các Dịch-Học-Sĩ vẫn biết đòi hỏi *'Thành Công, không bao giờ Thất Bại'* là khó đấy, người đời làm sao tin nổi, nhưng các Dịch-Học-Sĩ đã cố gắng vận dụng tinh hoa học thuật của Nhân-Thế và của chính mình về khoa Dịch-Lý Việt Nam, để tựu thành khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học tối ưu diệu dụng. Tuy nhiên, phải nói ngay 'Cây đàn bầu hay, nhưng không phải ai đàn cũng hay cả'. Chính ngay Dịch-Học-Sĩ nào, không nghiêm chỉnh theo đúng sít sao những quy luật đã chỉ rõ trong khoa học này, dù chỉ là sơ suất nhỏ, vẫn chuốc lấy thất bại như thường. Nhưng sự thất bại của một Dịch-Học-Sĩ ,nếu có, cũng không quá bi đát tồi tệ như người khác.

164

Vậy chúng tôi có lời khuyên, nếu ai chưa từng học Dịch Lý Việt Nam, không có chí hướng tiến lên thành một Dịch Học Sị, và không là một Dịch học Sĩ chính hiệu, không có khả năng chịu đựng nổi sự thật của tất cả mọi sự thật giả của Tình Đời, Tình Người thì tốt nhất người đó ngay từ bây giờ và mãi về sau đừng sờ mó nếm thử Thiên Nhiên Xã Hội Học, e sẽ hoài công vô ích, mà có khi bị phản tác dụng, tác hại khôn lường.

Nói như vậy không có nghĩa là Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học chỉ có các Dịch-Học-Sĩ mới được quyền biết và dùng. Nếu trong nhân thế, có người cần tới nó, thì nó vẫn có thể được dùng xài ít nhiều và cũng có hiệu quả thành công hơn người, nhưng không thể mãi mãi '*thành công, không bao giờ thất bại'*. Chúng tôi đề nghị Nhân-Thế dùng tên gọi là "*Khoa GIAO-DỊCH XÃ-HỘI*" cho phù hợp với mình hơn, trong những sinh hoạt thường nhật.

Dù vậy, khi trình bày cho Nhân-Thế, chúng tôi vẫn dùng và nói đúng theo Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học, chứ không thể hạ thấp giá trị của môn học. Mong quí vị thông cảm và cố gắng theo dõi.

Phàm khi chúng ta nghiên cứu tầm học một môn học nào, chúng ta cần biết ngay đối tượng, phương pháp và công dụng của môn học đó. Sự hiểu biết đại cương nầy giúp chúng ta nắm vững môn học và kiên trì học tập cho đến ngày đạt kết quả mỹ-mãn.

Vậy Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học là gì ?

I. ĐỐI TƯỢNG : TỔ CHỨC CƠ MẬT CỦA TRỜI ĐẤT

Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học là một khoa học nghiên cứu và luận giải về các sự sâu kín và lặng lẽ trong các tổ chức đời sống của muôn loài vạn vật, trong đó có con người.

Thiên nhiên **là tất cả cái gì có *Lý Động-Tĩnh*, từ Uyên-Nguyên đến Vạn-Hữu, thể hiện qua *Lý, Đức, Tính, Thời, Thần, Khí, Tình, Thanh, Sắc, Chất, Thể, Hình*. Những thứ đó, do Trời làm, hoặc do con người**

- -

hay loài vật làm, đã qua hiện tại và sắp đến. *Thiên-Nhiên* có đó, mãi mãi có đó, dù con người đã biết tới hay chưa biết tới, đã khám phá hay chưa khám phá, đã đề cập hay chưa đề cập.

Xã-Hội là tất cả các thứ kể trên có sự quây quần, hội tụ lẫn với nhau, có sự va chạm, hấp dẫn cung cầu cho nhau, có *tiêu-trưởng,* có *sinh-diệt,* có *động tĩnh,* vây phủ trong cũng như ngoài Con Người.

Vậy, THIÊN-NHIÊN XÃ-HỘI là cái khung cảnh trong đó muôn loài vạn vật mãi mãi đi lại với nhau.

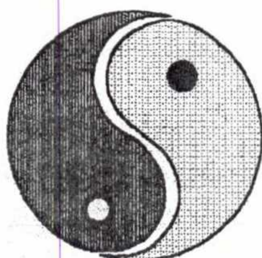
Thiên-Nhiên Xã-Hội có thể lớn đến vô cùng vũ trụ (vĩ mô), có thể nhỏ đến tế-vi nhiệm-nhặt (vi mô), vượt qua mọi phương tiện đo lường hay sức tưởng nghĩ của người. Dù lớn hay nhỏ, cơ cấu tất yếu của Xã-Hội Thiên-nhiên luôn hội đủ Lý *MỘT mà có HAI* là *Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ* (Giống mà Hơi Khác) là *ÂM DƯƠNG Lý.*

Theo quan điểm Dịch Lý, Xã hội là khung cảnh, là phạm vi, là cái MỘT , là ĐỒNG. Xã hội gồm có những phần tử, những yếu tố mầu nhiệm, tối thiểu phải là HAI, là DỊ, sống động đi lại trong Xã hội ấy, trong cái MỘT ấy, trong cái ĐỒNG ấy. Vậy Xã hội là *MỘT mà HAI,* là ĐỒNG nhi DỊ, là xã hội ÂM DƯƠNG. .Muốn trở thành một xã hội, tối thiểu phải có Hai (Hai phần tử, Hai yếu tố). Hai đó ta mệnh danh là *Âm Dương* . Vì Âm Dương là hai danh từ chỉ cái LÝ đương nhiên mà Vũ Trụ Muôn loài hằng ôm ấp mới có Biến Hóa.
Âm Dương vượt cả Không-thời gian, nên nó là *Thiên Nhiên*, là hằng cửu.

Người xưa tượng trưng 1xã hội thiên nhiên bằng hình đồ *Thái Cực* là một xã hội nhỏ nhất, tối thiểu phải là 1 mà 2. Bất kể thứ gì hễ có 2 là thành 1 xã hội. Còn chỉ có Một thì không thể gọi là xã hội được. Nếu vô tư, thì chính bất cứ trong cái 1 nào cũng có 2. Vậy, bất cứ đâu đâu 1 hoặc 2 cũng đều là Xã hội. Xã Hội lớn gồm nhiều Xã hội nhỏ (1 mà 2) chồng chất kết tụ . Thí dụ : 1 người là 1 xã hội, là Ta, gồm nhiều cơ quan. 2 người là 1 xã hội, gồm Ta và kẻ khác.

266

Với nghĩa lý của một Xã Hội Tiên Thiên tự nhiên như thế, ta mới thầm khen tiền nhân đã khéo léo biểu diễn bằng 1 đồ hình khá độc đáo, mà người đời quen gọi là *Thái Cực Đồ* hay *Vô Cực Đồ* :



- Vòng tròn tượng trưng thể thống nhất là cái MỘT, cái ĐỒNG, là XÃ HỘI.

- Nội dung kết cấu bên trong Xã hội cái ĐỒNG, cái MỘT đó gồm HAI cái Giống mà Hơi Khác (Đồng nhi Dị), quen gọi là HAI mặt Âm Dương đối đãi.

- Đường cong chữ S là đường biểu diễn giao dịch biến thiên của Âm Dương.

Vậy, Thiên-Nhiên Xã-Hội chính là Xã Hội Âm Dương , là Xã hội đầu tiên, đồng thời cũng là xã hội tiêu biểu mãi mãi cho mọi Xã Hội con người và muôn vật. Bất chấp con người và muôn vật cấu tạo sinh hoạt loại hình xã hội nào, xét ra cũng chỉ là Xã Hội Âm Dương . Cho nên, muốn giao dịch Xã hội thành công, chúng ta không thể không am tường mọi nguyên lý qui luật của Xã Hội Âm Dương.

Thí dụ 1 :
Xã Hội Âm Dương thuộc 12 Đại Phạm Vi Căn Cơ của Vũ Trụ :

Lý là Vô Hữu	- Hữu Vô Lý
Đức là Manh Nha Cực	- Cực Manh Nha
Tính là Biến Hóa Hóa Thành	- Hóa Thành Biến Hóa
Thần là Linh Hiển	- Hiển Linh
Thời là Khởi Dứt	- Dứt Khởi
Khí là Thanh Trọc	- Trọc Thanh
Tình là Tụ Tán	- Tán Tụ

Thanh là Trầm Bổng	- Bổng Trầm
Sắc là Sáng Tối	- Tối Sáng
Chất là Tinh Tạp	- Tạp Tinh
Thể là Đại Tiểu	- Tiểu Đại
Hình là Ngay Cong	- Cong Ngay

Thí Dụ 2 :
Xã Hội Âm Dương thuộc muôn trùng Âm Dương Trời Biển Tình Ý Là Phạm Vi Cơ Cấu Dịch Biến.

Giống : Đực Cái	Người : Nam , Nữ
Độ : Hàn Nhiệt	Chiều : Cao , Thấp
Sức : Mạnh, Yếu	Khoảng : Dài, Ngắn....

Hoặc Xã Hội Danh Lý Như : Lý với Trí, Tâm với Vật, Tinh Thần với Thể Xác, Thiên Đàng với Địa Ngục, Hạnh phúc với Đau khổ, Thiện với Ác, Đạo với Đời, Huyền Vi với Hiển Hiện, Thương với Ghét, Giúp với Hại, Bản Chất với Hiện Tượng hoặc Chất với Lượng, Nội với Ngoại, Sinh với Tử, Khôn với Ngu, Nghèo với Giàu, Gốc với Ngọn, Nhân với Quả, Tinh với Noãn, Tử Cung với Bào Thai, Khí với Huyết, Thủy với Hỏa, Mạch với Chứng, Thuốc với Bệnh, Tăng với Giảm.....

Muôn trùng Thiên-Nhiên Xã-Hội như thế kể sao cho xiết, chung qui cũng chỉ là Xã hội Âm Dương , tất cả chúng đang quây quẩng vây phủ qua lại trong ngoài con người và muôn vật, tạo thành cục diện xã hội đa đoan phức tạp, gọi chung là Con Người Vũ Trụ Dịch.

Bởi tính đa dạng và phức tạp của bất cứ một xã hội nhỏ lớn nào, nên khi nghiệm xét một sự lý, Người Học Dịch phải xác định từng phạm vi, chứ không thể cùng lúc bàn luận trên tất cả mọi phạm vi của sự lý và cũng chỉ được phép kết luận được lý, hữu lý ở phạm vi đó mà thôi, chứ không được qui nạp chắc đúng cho tất cả mọi phạm vi khác. Người đời hay dùng chữ TƯƠNG ĐỐI để cảnh giác chủ quan, phiến diện, như trong mẩu chuyện "5 người mù sờ voi". Muôn đời

mãi mãi đa số loài người sẽ chết ngộp trong vòng tương đối, nếu không có sở kiến về chân lý tuyệt đối là *Yếu Lý ĐỒNG NHI DỊ*, là *ÂM DƯƠNG LÝ* , là *Tiên Hậu Thiên Trí Tri Ý Thức,* là *Dịch Lý*, là Xã hội Gốc của mọi Xã Hội.

Tóm lại, đối tượng của Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học là Xã Hội Âm Dương mẫu mực khuôn phép đúc nên mọi Xã Hội Con Người Vũ Trụ Dịch Biến. Nói thẳng ra, là Tổ Chức Cơ Mật của Trời Đất, bất di bất dịch, chứ chẳng phải chuyện bày đặt, ước mơ, vọng tưởng của Loài Người.

II. PHƯƠNG PHÁP : ĐỒNG-DỊ SINH KHẮC :

Giao-Dịch Sống-Động Biến-Hóa
Tiêu-Trưởng Ẩn-Hiện

Phương pháp của Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học hoàn toàn dựa vào Lý-Tính đương nhiên của muôn-loài vạn-vật là ĐỒNG-NHI-DỊ tức *Giống Mà Hơi Khác Nhau* hay còn được gọi là Âm Dương Lý. Không bao giờ có vấn đề Hoàn Toàn Đồng, hay Hoàn Toàn Dị, mà chỉ có một Chân lý là *Đồng Nhi Dị - Dị Nhi Đồng* chi phối khắp nơi và mãi mãi.

Nếu có gì Hoàn Toàn Đồng hay Hoàn Toàn Dị là không có Biến Hóa. Nhưng tất cả muôn đời mãi mãi đều Biến Hóa, thì đừng có ai hòng mơ tưởng ảo vọng về đến chỗ Không Biến Hóa, Bất Sinh Bất Diệt, Tất cả đều phải *Tạo-Hóa*, phải *Giao Dịch Sống Động, Biến Hóa Hóa Thành, Tiêu Trưởng Ẩn Hiện , Vận Hành Sinh Khắc*... nói chung là phải *Dịch Biến*.

Vậy, Phương pháp then chốt của Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học là noi theo lý lẽ qui luật tự nhiên của TẠO HÓA để thành sự cho loài người và muôn vật, tức là *Thuận Thiên Hành Đạo, Khai Vật Thành Vụ*, tập trung vận dụng *Nhất lý* và *Nhất Luật* :

- Nhất Lý là ÂM DƯƠNG Lý (Yếu lý ĐỒNG NHI DỊ)

- Nhất Luật là BIẾN HÓA Luật (qui luật DỊCH-BIẾN)

Nếu ai thấu đạt Nhất-Lý Nhất-Luật này và biết khôn khéo áp dụng thì tài năng bản lĩnh siêu tuyệt hợp cùng Tạo-Hóa, chẳng đáng là bậc siêu phàm thiên biến vạn hóa, giúp ích cho đời, công đức không nhỏ sao ?

Các bạn thử kiểm lại cuộc đời sự nghiệp của các danh nhân, vĩ nhân xưa nay, xem có đúng vậy chăng ??

III. CÔNG DỤNG :

Vận Hành, Quân Bình Sinh Hóa
Biến Hóa Hóa Thành

Trong xã hội loài người và xã hội loài vật, đều có những vấn đề gần gũi, giúp đỡ diệt hại lẫn nhau, nghĩa là có giao dịch biến hóa sao đó, mà các nhà ÂM DƯƠNG Học gọi là TƯƠNG ĐỘNG, TƯƠNG GIAO, TƯƠNG CẢM, TƯƠNG SINH.

Vạn vật, dù là hữu hình hay vô hình, dù là cỏ cây hay sắt đá, muông chim cầm thú hay con người quỉ thần, có hiểu biết hay không hiểu biết, khi nó va chạm vào thân xác hay tâm hồn chúng ta, chúng ta nẩy sinh có ưa thích hay không có ưa thích, có bằng lòng hay không bằng lòng, có xứng ý hay không xứng ý, ở mỗi người chúng ta không ai giống ai cả. Ngàn đời cũng chỉ có thể, làm cho chúng ta có trạng thái mừng vui buồn giận, yêu ghét lẫn nhau cũng chỉ tại vấn đề Âm Dương Tiêu Trưởng Ẩn Hiện Vận Hành Sinh Khắc, chứ chẳng có gì lạ.

Hôm nay, chúng ta nghiên cứu thâm sâu Lý Âm Dương Sinh Khắc để hiểu rõ Tình Đời, Tình Người đi lại tính toán ra sao, theo những nguyên tắc, định luật nào, rồi tùy thời mà tiến thoái. Hơn nữa, dựa vào những qui luật tiến thoái hóa của Vũ Trụ, con người với bộ óc phát minh và khả năng sáng tạo chế biến tùy theo nhu cầu nhân loại đòi hỏi. Những khả năng và lợi ích của Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học đủ sức hướng dẫn nhân loại trên đường

Tiến Thoái Hóa, phác họa được phần nào về phép tổ chức cơ mật của Trời Đất muôn đời, cho nên Khoa Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học đáng là một Khoa Học Tổng Tập thực dụng và quán chúng. Bởi vì Khoa này sáng tác bởi các nhà Âm Dương Học Việt Nam, cố gắng vô tư, cố tình cố ý noi theo dấu của Trời Đất, hợp cùng Thiên-Ý,làm thành Tam Tài là Thiên-Địa-Nhân để tổ chức sự quây quần sống động của Vũ Trụ Vô Hữu, hầu đem lại an hòa duyệt lạc cùng khắp cả muôn loài.

IV. KẾT LUẬN :

Khoa Xã-Hội này được đề ra dựa vào Tính Lý Thiên Nhiên của ÂM DƯƠNG, nên gọi là Thiên-Nhiên Xã-Hội-Học, tức là một Khoa Học về Tổ Chức của Xã Hội muôn đời mà muôn loài vạn vật, dù là vô hình hay hữu hình, đều rập khuôn như thế, không thể nào khác được.

Nay, chúng ta gia công nghiên cứu học tập về tổ chức xã hội thiên nhiên ấy, chẳng khác nào chúng ta có cơ hội ngàn năm một thuở về cội nguồn, tìm sống lại với bộ mặt mới, khung cảnh mới, kỷ nguyên mới, trong niềm hân hoan tin tưởng với những di tích kỳ quan từ thuở tạo thiên lập địa, hoặc của Tổ Tiên vậy. Vì, dù muốn dù không, con người ngày nay cũng chỉ là CON NGƯỜI HẬU THIÊN so với con người đã qua, cho nên tổ chức Xã Hội của con người ngày nay có lý đâu chẳng ôm ấp rập khuôn mẫu của tổ chức Xã hội Tiên Thiên. Hậu Thiên ôm ấp Tiên Thiên là lý đương nhiên. Hậu Thiên chỉ là bông trái của Tiên Thiên. Tổ chức Xã hội Tiên Thiên là tổ chức cơ mật huyền diệu của Trời Đất, chúng ta phải hết sức cẩn trọng và thành tâm, thì mới hy vọng khám phá nổi lý nhiệm mầu sâu kín được. Trái lại, chúng ta sẽ phải hứng chịu những truông kiếp nặng nề không sao kể xiết.

Yêu cầu các bạn thường xuyên ôn lại Triết Dịch mới có thể vận dụng sâu sắc tối ưu Dịch Lý vào Xã Hội Nhân Sinh •

CƠ CẤU XÃ HỘI THIÊN NHIÊN

Khoa Dịch Lý, như ta đã biết, là một khoa học nghiên cứu, truy tầm cho vỡ lẽ cái lý do tại sao *Vạn Hữu Biến Hóa Hóa Thành.*

Trải qua quá trình tư duy thực nghiệm dầy dặn công phu chắc lọc sáng tạo của biết bao con người trí tuệ cổ kim Đông Tây, đến nay Trí Tri Ý Thức chung của Nhân loại đã thẳng thắn quả quyết chấp nhận yếu lý *Đồng Nhi Dị* (giống mà hơi khác) tức *Âm Dương Lý* là nguồn gốc, là nguyên nhân đầu tiên cấu tạo hóa thành muôn loài vạn vật, bất kể vô hình hữu hình.

Muôn vật từ Lý mà ra
Muôn vật về đến Lý là cùng, là hết.

Lý *Đồng Nhi Dị* là chân lý tuyệt đối, là Lý Biến Động, Biến Đổi, Biến Hóa, *Hóa Thành* mọi sống động, động tĩnh vô hữu, gọi tất là *Dịch Lý*, danh chính lý nhất là *Tiên Hậu Thiên Trí Tri Ý Thức*, danh quen dùng là *Âm Dương Lý*.

Khi vào phạm vi *Xã Hội Thiên Nhiên* là *Xã Hội Âm Dương*, một lần nữa ta cần thống nhất quan điểm về *Âm Dương* thì mới có thể bàn luận tiến sâu vào cơ cấu nhiệm nhặt hơn.

I. ĐỊNH RÕ NGHĨA LÝ ÂM DƯƠNG :

ĐỒNG NHI DỊ – DỊ NHI ĐỒNG

Âm Dương : là danh từ dùng để chỉ chỗ *Giống mà Hơi Khác* : *Đồng Nhi Dị – Dị Nhi Đồng* có khắp nơi muôn loài vạn vật.

Đồng :

là tuyệt đối, là cái *Một*, là tổng thể, là Tập Hợp gồm cả *Âm Dương*. Vậy *Đồng Là Âm Dương Tuyệt Đối.*

Dị :

Là tương đối, là cái *Hai*, là cơ cấu, là thành phần, là có so sánh phân biệt.
Ở trong một sự lý hoặc giữa hai sự lý có :

Giống mà hơi hơi khác = khác mà Quá Quá giống.
Giống mà hơi khác = khác mà quá giống.
Giống mà khác = khác mà giống.
Giống mà quá khác = khác mà hơi giống.
Giống mà quá quá khác = khác mà hơi hơi giống.

Bất kể trạng thái hiện tượng phạm vi nào cũng đều có *Đồng Dị* và mức độ *Đồng Dị* nhiều ít cũng khác nhau.
Vậy :
Dị là *Âm Dương* Tương Đối
Đồng Dị – Dị Đồng là *Âm Dương Thiên Cực*
Đồng Nhi Dị – Dị Nhi Đồng là *Âm Dương Dịch Biến.*

Lý *Đồng Nhi Dị* ở phạm vi :
- Phân tích : là *Lý Một Mà Có Hai – Hai Mà Có Một*
- Ẩn hiện : là *Lý Một Mà Hai - Hai Mà Một*
- Lý chứng : là *Lý Một Là Hai - Hai Là Một*
(Vô hữu lý)

Chân lý *Đồng Nhi Dị – Dị Nhi Đồng* là sự thật muôn đời nên không bao giờ có vấn đề Đồng hòan toàn hay Dị hoàn toàn, Âm hoàn toàn hay Dương hoàn toàn.

Người xưa sợ đời sau không hiểu được lý *Đồng Dị* cùng lúc, *Âm Dương* cùng lúc, nên phải nhấn mạnh phân tích thêm là trong *Âm* có *Dương,* trong *Dương* có *Âm*, trong *Đồng* có *Dị* , trong *Dị* có *Đồng*. Chẳng qua là muốn chỉ về lý lẽ : Âm là manh nha Dương, Dương là manh nha Âm, hoặc Âm là Dương, Dương là Âm – tức chiều hướng biến hóa luôn luôn là thiên cực từ Đồng đến Dị, từ Dị về Đồng. Chỗ nào gọi là Đồng là đã có manh nha Dị, chỗ nào Dị là đã có manh nha Đồng. Để khi Đồng đến cực độ thì manh nha Dị cũng

đến cực độ mà hóa ra cả hai đều cực biến theo chiều trưởng hiện – hoặc ngược lại Dị cực biến theo chiều tiêu ẩn thì Đồng cực biến theo chiều trưởng hiện.

Vì *Âm Dương Đồng Dị* biến hóa vô cùng nhiệm nhặt nên không thể xác định dứt khoát đâu là Âm đâu là Dương, đâu là Đồng, đâu là Dị, nên phải nói Âm là Dương, Dương là Âm, Đồng là Dị, Dị là thì mới chính lý, mới hữu lý cho tất cả mọi người và muôn vật.

Tóm lại, định rõ nghĩa lý Âm Dương là *Đồng Nhi Dị* như trên thì lúc nào ở đâu ta cũng dễ dàng nhận thức được Âm Dương – Còn bất cứ định ý nghĩa nào khác cho Âm Dương đều là hạn hẹp, cục bộ, triết lý vùng, không xứng đáng cho danh vị chí tôn của Âm Dương là một phi thường Danh.

II. PHẠM VI ÂM DƯƠNG :

Con người và muôn vật lúc nào cũng đi trong lý lẽ Âm Dương vừa tuyệt đối vừa tương đối như trên, chớ không như một số học thuyết viễn vông, tưởng tượng ra cái chẳng phải Âm, chẳng phải Dương, phi Âm, phi Dương thuần Âm, thuần Dương. . .

Xét cho cùng những cái Bất, Phi, Vô, Thuần Âm Dương gì đó cũng chỉ là *Đồng Nhi Dị* – giống mà hơi khác nhau của Ý, của Sự, của Lý Vô Hữu Động Tĩnh mà thôi, tức cũng trong vòng Âm Dương Ý, Âm Dương Sự, Âm Dương Vật, Âm Dương Lý, rồi tùy theo mỗi lúc nhìn thấy được gì người ta tưởng là mới lạ bèn hứng khởi đặt tên khác, gây nhiều sự ngộ nhận đáng tiếc.

Âm Dương Động Tĩnh Biến Hóa Đồng Dị cực kỳ nhanh, chậm, tiêu trưởng ẩn hiện sinh khắc vô cùng, mờ tỏ, khiến cho tri thức nhân loại lúc sáng, tối, rối trí. Có lúc hoài nghi cả những sự thật hiển nhiên hoặc trốn chạy sự thật để đắm chìm trong mộng ảo, mơ ước cảnh giới nào đó bất sinh bất diệt, vĩnh cửu đời đời, ngoài lý Âm Dương.

Cái cực lạc, bình an, hạnh phúc mộng mị đó chỉ là liều thuốc an thần giả tạm để họ tự dối mình trong cơn mê – khi tỉnh dậy toàn thân họ càng ê ẩm đớn đau hơn – vì thực tế vẫn là thực tế. Họ đâu có biết cực lạc, bình an, hạnh phúc lúc nào cũng hiện hữu ở thực tế trần gian cùng lúc chung lộn với đắng cay, bất ổn, đau buồn, chỉ có yếu lý *Đồng Nhi Dị* mới là bất sinh bất diệt mới là toàn năng Tạo Hóa ổn định, mới là linh thiêng mầu nhiệm, huyền diệu ban phước giáng họa muôn loài.

Vậy không thể và không nên chạy trốn sự thật, tự đánh lừa đời mình mà hãy đối diện chấp nhận thực tế cuộc đời dù nó phủ phàng hay không rồi bạn sẽ thấy niềm vui, thật vui trong đó.

Để các bạn quen dần với cái học Âm Dương, bước đầu chúng tôi tập các bạn biết cách xác định phạm vi Âm Dương. Khi bạn đã thành thạo bất cứ lúc nào, ở đâu cũng xác định được phạm vi Âm Dương thì cũng là lúc bạn hiểu được tính qui ước nhất thời của Âm Dương và không còn chấp Âm là gì, Dương là gì theo hậu thiên học nữa.

ĐỊNH PHẠM VI ÂM DƯƠNG

Tuy Âm Dương là lý tuyệt đối khắp cùng, nhưng khi ở mỗi sự vật việc, ta vẫn có thể xác định theo qui ước tương đối : đâu là Âm, đâu là Dương.

Muốn vậy, ta áp dụng Nguyên lý Định Danh (Đặt Tên).

*Trước hết phải có phạm vi (Sự lý) và xác định phạm vi sự lý đó đang được đề cập tới, chứ không phải phạm vi sự lý khác.
Phạm vi là giới hạn, ranh giới, khung cảnh tổng thể, tập hợp, bao hàm, là cái Đồng, cái *Một*, là *Xã Hội*. . .
Thí dụ có sự lý là Ánh Sáng thì ánh sáng là phạm vi Tình Lý đang thời được đề cập xác định, ta chỉ luận bàn trong vấn đề Ánh Sáng

mà thôi không lẫn lộn qua phạm vi khác, vấn đề khác như nước, lửa, người, v.v. . .

*Bất cứ phạm vi nào cũng đều là phạm vi Âm Dương nên xác định phạm vi tức là xác định phạm vi Âm Dương nghĩa là phạm vi (sự lý) đó có hàm chứa *Đồng Nhi Dị* – giống mà hơi khác trong bản thân nó.

Thí dụ phạm vi Ánh sáng thì có cường độ giống mà hơi khác, mà ta gọi là Sáng và Tối là Âm Dương. Nếu Đồng là Sáng thì sáng và sáng hơn là Âm Dương, nếu Đồng là Tối thì Tối và tối hơn là Âm Dương.

*Tùy theo qui ước khi so sánh phân biệt chỗ Đồng Dị nơi sự lý mà ta ấn định là âm, là dương – và khi chấp nhận qui ước nào thì cứ theo qui ước đó mà suy luận – khi qua phạm vi khác ta lại có qui ước mới phù hợp tình lý mới, tức định lại Âm Dương.

Thí dụ : người ta thường qui ước cho rằng : Âm là cái gì thuộc trước, tỉnh, nhỏ, tối, mềm. . . Dương là cái gì thuộc sau, động, lớn, sáng, cứng. . . Vậy ở phạm vi Sáng Tối thì Sáng là Dương, Tối là Âm; ở phạm vi Sáng thì sáng nhiều là Dương, sáng ít là Âm, ở phạm vi Tối thì tối mờ mờ là Dương, tối mịt là Âm.

Vậy sáng là Dương mà cũng là Dương/Âm.

Tối là Âm mà cũng là Âm/Dương.

*Một sự lý vừa có thể Âm, vừa có thể Dương mà cũng không phải là Âm, không phải là Dương – vì nó chính là Âm Dương cùng lúc, nên Âm là Dương, Dương là Âm – Ta gọi nó là Âm cũng được, gọi nó là Dương cũng được. Quan trọng là ta đã căn cứ vào lý lẽ tiêu chuẩn nào để định là Âm hay Dương.

Chứ đừng quen thói nói Nam là Dương, Nữ là Âm, mà phải hỏi tại sao, lấy lý gì cho Nam là Dương, Nữ là Âm. Có phải theo tiêu chuẩn động, tĩnh, mạnh yếu, khôn ngu. . . chăng ? Có chắc Nữ

nào cũng tĩnh, yếu, ngu hơn Nam chăng ? Hay Nam không có tĩnh, yếu, ngu sao ?

Vậy đúng lý Nam là Dương Âm Dương, Nữ là Âm Dương Âm – và đúng hơn nữa Nam là Âm Dương, Nữ là Âm Dương thì không ai cãi được – vì đúng quá rồi còn gì.

Đa số hiểu chết nghĩa, không biết tên là qui ước được lý, bởi có so sánh Đồng Dị ở một phạm vi Âm Dương nào đó mà thôi. Bởi thế, họ thường chấp Danh, chấp Tình, chấp Ý, chấp Lý, chấp đủ thứ là một tệ nạn lớn làm cản bước đường họ thấu đạt chân lý Đồng Dị Biến Hóa.

Tóm lại nơi nào có *Đồng Dị* là có *Âm Dương* – khắp cả đều Đồng Dị thì khắp cả là Âm Dương. Chí lý thay !

Hiểu biết này giúp Ta phá chấp, tránh được chuyện Trông là lầm; Nghe là lạc, Hiểu là sai. Ta sẽ hiểu đúng và sâu sắc

Âm Dương không là gì cả
Âm Dương là cái gì đó
Âm Dương là tất cả
Âm Dương cùng lúc chung cùng
Âm ẩn Dương hiện. Dương ẩn Âm hiện
Âm tiêu Dương trưởng. Dương tiêu Âm trưởng

Trong Âm có Dương . Trong Dương có Âm.

Âm là manh nha Dương. Dương là manh nha Âm
Âm là Dương. Dương là Âm
Âm đâu Dương đó. Dương đâu Âm đó
Đồng đâu Dị đó. Dị đâu Đồng đó
Đại Đồng, đại Dị. Tiểu Đồng, tiểu Dị
Đại Đồng, tiểu Dị. Tiểu Đồng, đại Dị

Trong giao dịch Xã Hội, Động Tĩnh là Âm Dương, Suy Vượng là Âm Dương, Sinh Khắc là Âm Dương, chủ khách, Thể Dụng, Vô Hữu, Chân Giả, Họa Phước, Ngu Khôn, Ấm lạnh là Âm Dương. . .

Nay ta nghiên cứu làm vở tung mối giao dịch quan hệ giữa Đồng Dị Âm Dương là cơ cấu của mọi xã hội, bằng như ta vén khăn che mặt của Tạo Hóa, thấu rõ tổ chức cơ mật của Trời Đất, của tổ chức cơ thể, sinh thái xã hội người, vật hay bất kể thứ gì. Vậy là học một mà biết muôn trùng.

Có biết đúng thì mới mong hành đúng – Tri Hành đúng thì mới mong thành công cao độ tối ưu – Tri Hành đúng hoài hoài là thành công không bao giờ thất bại.

Muốn Tri Hành thành công thì bạn phải chịu khó học hỏi kiên trì đến khi nào bạn thấy y như lời chúng tôi nói, không sai.

III. LUẬT ÂM DƯƠNG CUNG CẦU THỪA THIẾU : ÂM DƯƠNG TƯƠNG ĐỘNG, TƯƠNG GIAO, TƯƠNG CẢM, TƯƠNG SINH

Âm manh nha động sang Dương
Dương manh nha động sang Âm.

Âm Dương cùng manh nha động nên gọi là Tương Động. Khi hội đủ cơ duyên, chúng gặp nhau, giao tiếp nhau gọi là Tương giao.

Khi chúng giao nhau ắt có sự san xẻ tiện lợi hại lẫn cho nhau ít nhiều sao đó, gọi là Tương cảm.

Khi chúng đi lại san xẻ sự tiện lợi hại lẫn nhau ắt chúng phải hóa sinh Bộ Mặt Mới sao đó, gọi là Tương Sinh (Thành).
Tương động – Tương giao – Tương cảm – Tương sinh thành

Đây là định luật để Âm Dương sinh hóa, gọi là *Luật Âm Dương Cung Cầu Thừa Thiếu.*

Sở dĩ gọi Âm Dương phải giao dịch nhau là tự bản thân chúng có nhu cầu qua lại với nhau nên gọi là Tương cầu.

Chúng cầu gì ở nhau ?

- Cầu tri âm có khả năng cung cấp, chia xẻ sự thừa thiếu. Thí dụ : bên lở bên lồi, nước chảy về chỗ trũng, Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Vật đồng loại hội tụ. Đồng bệnh tương lân – Quân với tướng, giàu với nghèo, sáng với tối, nam với nữ, đực với cái, nhà với cửa, rồng với mây, đạo với đời, chiến tranh với hòa bình, họa với phước...

- Cầu tìm cung, cung tìm cầu – cung cầu là Âm Dương. Cung cầu cũng có chân giả, ở đây ta chưa nói tới.

Phải hiểu Âm cầu Dương, Dương cũng cầu Âm, chứ không chỉ riêng cái này cầu mà cái kia không có cầu lại.

Cung cầu cũng giống mà hơi khác nhau theo lẽ *Đồng Nhi Dị* nên mức độ cung cầu vào mỗi thời điểm thay đổi biến hóa linh động ít nhiều. Do đó cung cầu vừa mang tính nhất thời vừa đa dạng và phức tạp.

Sở dĩ cái này cầu cái kia là do cái kia có sức cung thỏa mãn ít nhiều cho nó. Nếu không có cung thì chẳng có cầu, không có cầu thì chẳng có cung. Bên cung cũng phải tìm cầu, nếu không sẽ bị dư thừa ùn tắc tức cung cũng phải cầu – Bên cầu muốn được cung thì cũng phải cung cái gì đáp lại, chứ ai cho không bao giờ, nên cầu cũng phải cung. Vậy cả hai bên cung cầu đều phải lo có khả năng đáp ứng đền bù xứng đáng, là thủ tục cung cầu đầu tiên để có được cung cầu thật sự.

Có trường hợp cung giả hoặc cầu giả nghĩa là không có khả năng cung hay cầu mà lầm tưởng hay cố tình dối gạt là có khả năng đó.

Có khi chính đương sự cũng không biết mình có sức cung cầu thừa thiếu như thế hoặc hiểu rất lờ mờ về khả năng, tiềm năng của mình, của người. Phải đợi khi cơ duyên hay tri âm khơi dậy, gợi ý mới biết. Vì không ý thức hay trị giá đúng mức khả năng cung cầu của mình hay đối tượng nên thường bị lầm lỡ cơ hội giao dịch tốt.

Bởi thế, khi giao dịch muốn thành công tốt đẹp phải năng chiết tính Tình Ý sâu rộng về tiềm năng Đức, Tài, Tư của ta và kẻ khác – trước khi, trong khi và sau khi hành sự. Biết mình, biết người trăm trận trăm thắng là vậy.

Cái biết này không phải dễ dàng vì cung cầu thừa thiếu, động tĩnh chân giả trùng trùng điệp điệp vây phủ chồng chất lên nhau. Nếu không thận trọng, từng trải chưa chắc đã biết đúng thật. Chẳng hạn có lúc chính ta cũng không biết ta đang có gì, cần gì, muốn gì, nói gì, làm gì. . . chứ chưa nói là kẻ khác.

Tuy nhiên, muôn loài dù có ý thức hay không ý thức về cung cầu, có muốn hay không muốn giao dịch vẫn bắt buộc phải cung cầu, giao dịch, sống động hấp dẫn theo nhiên tính đầy ma lực linh thiêng huyền diệu mầu nhiệm, đừng hòng giải thoát trốn chạy. Ta không tìm nó thì nó vẫn tìm ta. Cấm sao được.

Đã nói là Nhiên Tính của Tạo Hóa, của Thiên Nhiên Xã Hội nên nó trở thành định luật bắt buộc phải vậy, đúng vậy. *Đó là Luật Âm Dương Cung Cầu.*

Âm Dương tự chúng có ái lực với nhau, hấp dẫn nhau, lôi cuốn quấn quít nhau bằng nhiều kiểu cách, có khi mãnh liệt, kỳ lạ, lắc léo, oái oăm không sao cưỡng chế nổi, không sao lường được.

Ái lực hấp dẫn cung cầu là động cơ nguyên phát là cơ sở để có giao dịch biến hóa. Ái lực này có cùng lúc với Tạo Hóa, cùng lúc

với yếu lý *Đồng Nhi Dị*, cùng lúc với Biến Hóa đầu tiên là *Không Hoàn Toàn Không Cực.*

Âm Dương cung cầu là nguyên động lực tự có, tự phát trong bản thân của Âm Dương, chớ không phải từ bên ngòai hoặc từ đâu cả – nên nói Âm Dương có khả năng tự hóa.

Cái lực đầu tiên khiến cho *Không Hoàn Toàn Không Biết Cực* là Vô Cực *Đức Tánh* là uyên nguyên của mọi ái lực về sau làm cho vạn vật hấp dẫn biến dịch.

Lẽ Biến Dịch đã có lâu rồi, có trước Tôi - Con Người và muôn vật, nó cấu tạo hóa thành tất cả vũ trụ. Tôi - Con Người Hậu Thiên dù muốn dù không cũng phải chấp nhận nguồn gốc tổ tiên mình và muôn loài là Dịch Lý, vì không thể phủ nhận, thì đương nhiên cũng phải biết ơn luật Âm Dương cung cầu do nó có Ái lực Hấp Dẫn Vũ Trụ Dịch Biến Hóa Thành ra Tôi - Con Người và mọi cái Tôi khác.

BỐN NHU CẦU ÂM DƯƠNG CƠ BẢN

1/-Nhu cầu hữu lý, chính lý, được lý là Âm, Dương

Lấy gì gọi đó là Âm, đó làDương ? Nếu không có cái giống mà hơi khác nó (*Đồng Nhi Dị*) so sánh ban nghĩa. Một mình Âm là vô lý, một mình Dương là vô lý. Muốn được hữu lý thì phải có cả hai cùng lúc hoặc một hiện một ẩn. Vậy *Âm Dương* cùng có nhu cầu được hữu lý, chính lý, bởi nhau nên cả hai đều phải có một lượt về phương diện Danh Lý.

2/-Nhu cầu diễn tiến sống động thiên cực Âm hoặc Dương:

Tất cả mọi sự vật việc đều phải chịu Lý *Đồng Nhi Dị* tức phải giống mà hơi khác nên phải *Manh Nha – Cực – Biến Hóa – Hóa Thành* mãi một cách tự động, bị động hoặc thụ động.

Khi Âm hoặc Dương *Đồng Nhi Dị* với chính nó trong sâu kín lặng lẽ của nó thì nó đã manh nha tức đã động, mà động trong sâu kín nhiệm nhặt nên gọi là manh nha động hoặc tĩnh. Diễn tiến sống động của chúng theo chiều hướng thiên cực :

Âm manh nha động sang Dương
Dương manh nha động sang Âm.

Tính lý manh nha thiên cực sẵn có ở tận trong sâu kín của mỗi mỗi Âm Dương nên đó cũng là đường đi dĩ nhiên của *Tạo Hóa*.

3/-Nhu cầu quân bình sinh hóa giữa Âm và Dương

Do mức độ, tỷ lệ và vị trí của mỗi Âm Dương có thừa thiếu cần quân bình sinh hóa nên phát sinh vấn đề cung cầu thừa thiếu. Xin lưu ý trong cung có cầu, trong cầu có cung. Cung mặt này cầu mặt khác. Cầu mặt này cung mặt khác. Chưa kể cung cầu chân giả đã nói ở những đọan trên.

4/-Nhu cầu Đồng hóa Dị hóa : Âm Dương thiên thắng.

Trong Thiên Nhiên Xã Hội, muôn loài vạn vật cái này tồn tại tiến bộ phải nhờ vào cái kia – nuôi dưỡng đó là nhu cầu *Đồng hóa* cái khác – thu nạp cái khác.

Nhưng khi đồng hóa cái khác vẫn giữ bản sắc cá tính độc lập phân biệt cái khác, đó là nhu cầu *Dị hóa* – giữ gốc.

Do nhu cầu Đồng hóa Dị hóa nầy mà Âm Dương phải thiên thắng tranh cường – lấn áp, thu liễm, diệt hại lẫn nhau – Nhưng cuối cùng dù thế nào cũng vẫn không có kẻ thắng người bại. Thắng mặt này, bại mặt khác. Nên vẫn tồn tại cả hai mặt của vấn đề là Âm Dương muôn đời, vì muôn loài đâu có loài nào tự tung tự tác theo ý mình hoàn toàn được mà phải theo qui luật tự nhiên của tạo hóa sinh khắc cùng lúc. Có sinh hợp thì có khắc hợp, có khắc hợp thì có sinh hợp. Phải mãi mãi chung hợp, rồi trong chung hợp đó tùy thời lúc sinh khắc tiêu trưởng lẫn lộn cũng vẫn trong vòng

chung hợp sống động bằng cách này hay cách khác – không thể lìa nhau được.

Thiên hạ sự đa đoan rắc rối dở khóc, dở cười phần lớn cũng tại nhu cầu Đồng hóa Dị hóa, thu phóng, tụ tán, chiếm hữu, tách biệt này. Riêng trong phạm vi ý thôi thiên hạ đảo điên điên đảo chẳng phải vì đồng ý và bất đồng ý sao ? !

Lúc Đồng, lúc Dị – Từ Đồng phải Dị, từ Dị phải Đồng – Muốn Đồng được không, muốn Dị được không ? Chẳng phải chỉ riêng sức người muốn không mà được, chắc hẳn phải có ý Trời tham dự mới nên vậy.

IV-NHU CẦU ÂM DƯƠNG TRONG TÌNH ĐỜI, TÌNH NGƯỜI : DANH, LỢI, TÌNH.

Tình Đời, Tình người mãi mãi đi trong *Danh, Lợi, Tình* chung riêng, thầm kín hay biểu lộ, cao thượng hay thấp hèn, tích cực hay tiêu cực.

Không ai có thể chối nhận được là mình không có những nhu cầu tâm sinh lý thực tế hoặc mơ ước đòi hỏi cần phải thỏa mãn ít nhiều. Có thể qui chung những nhu cầu loài người, muôn vật vào ba phạm vi lớn tiêu biểu là Danh, Lợi, Tình.

Mọi sinh hoạt giao dịch giữa con người với con người, giữa con người với muôn vật không ngoài Danh Lợi Tình theo nghĩa rộng, hẹp. Vì Danh Lợi Tình thừa Thiếu, con người và muôn vật phải cung cầu thỏa mãn lẫn nhau :

Chưa có Danh thì cầu Danh
Chưa có Lợi thì cầu Lợi
Chưa có Tình thì cầu Tình.

Có Danh rồi thì cầu thêm Danh nữa hoặc cầu Lợi cầu Tình
Có Lợi rồi thì cầu thêm Lợi nữa hoặc cầu Danh, cầu Tình

Có Tình rồi thì cầu thêm Tình nữa hoặc cầu Danh, cầu Lợi
Có Danh Lợi Tình vừa đủ ở mức độ thấp thì cầu có ở mức độ cao, cao nữa.

Được Danh Lợi Tình riêng thì cầu Danh Lợi Tình chung hoặc ngược lại, được cái chung thì lo nghĩ tới riêng tư hoặc chung tư lẫn lộn. . .

Lòng tham cầu Danh Lợi Tình không có giới hạn. Nó không hẳn là tốt hay xấu. Nó là một thực tế, một thực tại hiển nhiên, là một nhiên tánh luôn luôn có sẵn trong muôn loài – vạn vật. Nó là một nhu cầu chánh đáng để Tạo Hóa, để sinh tồn, để tiến bộ. Nếu ai quá lạm dụng Danh Lợi Tình không đúng đắn thì mới bị chê trách và phải chịu hậu quả nặng nề.

Vì lòng tham cầu Danh Lợi Tình là một nhiên tánh, nên Đạo Đức của Tạo Hóa, của con người và muôn vật được xây dựng cơ bản và được đánh giá bởi Danh Lợi Tình.

Nếu không có Danh Lợi Tình làm động cơ, làm hấp dẫn lực thì lấy gì cuốn hút muôn loài vào vòng sinh hóa, ngày càng sáng tỏ Đạo Trời.

Mọi sự cố gắng chống chỏi, vượt thoát, tiêu diệt Danh Lợi Tình đều uổng công vì không thể làm được, càng cựa quậy càng lún sâu, vướng mắc lưới Danh Lợi Tình khắp nơi. Như thế chẳng khác gì mình tự phản bội lấy mình, phản bội tổ tiên, phản bội Trời Đất đã dầy công bồi đắp Danh Lợi Tình chính đáng để tạo ra và nuôi dưỡng mình lớn lên – Ta là ai mà dám nghịch thiên, nghịch địa vô ơn bạc nghĩa, tội này ắt Trời không dung đất không tha.

Những người đạo đức giả, trí thức giả làm sao biết được nguồn gốc danh, lợi, tình là thủy tổ của họ. Họ làm ra vẻ không màng, chán ngấy Danh Lợi Tình để gạt người, dối đời, chứ sự thật họ tính toán Danh Lợi Tình hơn ai hết, bỏ Danh Lợi Tình này để lấy Danh Lợi Tình khác. Trước sau họ cũng không bỏ được, thoát

được Danh Lợi Tình. Họ càng chối nhận, chê trách danh lợi tình thì càng chứng tỏ họ là hạng người kém trí thức, kém đạo đức hơn ai hết. Phật Tiên Chúa Thánh, con người và muôn vật không ai không có danh lợi tình mà lập Đạo, tạo Đời được. Chúng ta phải suy xét cẩn thận điều này, kẻo không sẽ ân hận vô cùng.

*Tóm lại : Danh Lợi Tình là một sự thật, có thật chứ không phải mơ ước vọng tưởng, tất cả đều cần nó dùng nó, trong từng giây phút trên mọi nẻo đường, sao lại vô ơn chối bỏ nó. Nó có tội tình gì. Tội tình chăng là con người ta hiểu sai lệch về nó, vận dụng nó tầm bậy nên nó gây ra biết bao thảm cảnh tai họa cho loài người. Đừng đổ oan, trách oán cho nó.

Người khôn ngoan không chối nhận trốn chạy sự thật Danh Lợi Tình mà dám nhìn thẳng, tiếp cận, khống chế, thuần hóa nó thành bạn tri âm đa năng đa hiệu đắc dụng trên đường Đời Đạo.

Động thái *Danh Lợi Tình* của ta phải thật khôn khéo. Người đời thường đến với ta bằng Danh Lợi Tình chơn giả thì Ta cũng phải chơn giả Danh Lợi Tình đối đãi.

Chúng ta hãy nghiệm xét bài thơ của Sư Tổ là Dịch Lý Sĩ Xuân Phong dạy như sau :

Chúng nhân năng giả bất năng chơn
Biến Hóa Âm Dương quyết thiệt hơn
Giả giả chơn chơn tùy thế thế
Khôn chơn khéo giả đạo hành nhân.

Nam Thanh chú giải :

Câu 1 : - Đa số người đời thường giả dối nhiều hơn là chân thật vì muốn thủ đắc Danh Lợi Tình nào đó.

Câu 2 : - Muốn thủ đắc Danh Lợi Tình thì loài người đã đang làm gì ? - Phải dùng mọi kiểu cách mưu trí phương tiện biến hóa đổi thay chân giả quyết liệt, tranh hơn thua thắng bại sinh tử với nhau.

Câu 3 : - Vậy Ta ở trong cuộc nhân sinh phải làm sao ? – Tùy thời thếmàchơn giả biến hóa.

Câu 4 : - Chơn giả phải thật khôn khéo
Chơn thật phải đúng lúc
Giả dối phải khéo léo như thật.

Đó là cách hay nhất để làm sao vào lửa không sợ chết cháy vào nước không sợ chết chìm.

Người học Dịch phải cố công tu học để có được khả năng bản lĩnh như thế mới mong tự thân tồn tại tiến bộ, tự giác mới giác tha, mới giúp ích được cho Đời Đạo mà không gây thêm tai họa cho mình cho Người. Đó là Đạo làm Người.

<u>Bài đọc thêm</u> :

BLACKS AND WHITES

All about me, Negroes were stealing. More than once I had been called a "dumb nigger" by black boys who discovered that I had not availed myself of a chance to suatch some petty piece of white property that had been carelessly left within my reach.

No negroes in my environment had ever thought of orgenizing, no matter in how orderly a fashion and petitioning their white employers for higher wages. The very thought would have been terrifying to them and they knew that the white, would have retaliated with swiftbrutality. So, pretending to conform to the laws of the whites, grinning, bowing, they let their fingers stick to what they could touch. And the whites seemed to like it.

But I, who stole nothing, who wanted to talk and act like a man, who wanted to look them straight in the face, inspired fear in them. The southern whites would rather have had Negroes who stole, work for them than Negroes who know, however dimly, the worth of their a humanity. Hence, whites placed a premium upon black deceit, they encouraged irresponsibility, and their rewards were bestowed upon us blacks in the degree that we could make them feel safe and superior.

RICHARD WRIGHT.

Da đen và da trắng.

Chung quanh tôi, dân da đen đều ăn cắp. Hơn một lần trẻ da đen đã gọi tôi là : "Thằng nhọ ngu" vì thấy tôi không lợi dụng cơ hội để xóay vài đồ vật của dân da trắng đã vô ý để vất vưởng vừa tầm tay tôi.

Dân da đen ở vùng phụ cận tôi đã không hề bao giờ nghĩ tới chuyện tổ chức, dù rất có trật tự và họ cũng không hề nghĩ tới chuyện yêu sách đám chủ nhân da trắng tăng lương. Chỉ nghĩ không, cũng làm họ hoảng hồn vì biết là người da trắng sẽ trả miếng ngy rất tàn nhẫn. Vì vậy trong khi làm ra vẻ thuần thục pháp luật của dân da trắng, họ nhe răng cười, khom lưng lại và cứ ăn cắp vật tất cả những thứ họ sờ tới. Và dân da trắng có vẻ thích thấy như vậy.

Nhưng riêng tôi, đã chẳng ăn cắp gì mà chỉ ao ước nói và hành động như con người, muốn nhìn thẳng vào mặt họ, gây sợ hãi cho họ. Dân da trắng miền Nam thà có bọn da đen hay ăn cắp, làm công cho họ còn hơn là dân da đen nào mà biết, dù là lơ mơ, cái giá trị nhân vị của họ. Vì vậy, dân da trắng đã tưởng lệ cái gian giảo của người da đen, họ phấn khởi tinh thần vô trách nhiệm, và các món hời họ ban cho bọn da đen chúng ta chỉ là để được an ninh và tự coi là kẻ cả của ta.

LÊ THÚY HIỀN dịch.

ÂM DƯƠNG TIÊU TRƯỞNG LUẬT

I.LÝ THÀNH : TIÊU TRƯỞNG ẨN HIỆN CÙNG LÚC

Muôn loài vạn vật đi trong hệ thống Âm Dương Tiêu Trưởng Luật.

Mỗi cái Thành đều có Tiêu Trưởng cùng lúc : Thành cái Tiêu, Thành cái Trưởng. Tiêu cũng phải thành cái Tiêu, Trưởng cũng phải thành cái Trưởng. Âm Trưởng thì Dương Tiêu, Dương Trưởng thì Âm Tiêu.

Tiêu Trưởng có nghĩa là Ẩn Hiện. Ẩn gọi là Tiêu, Hiện gọi là Trưởng. Tiêu là tiêu ẩn chứ không phải tiêu mất. Trưởng là trưởng hiện nhất thời chứ không phải là mãi mãi. Đó chỉ là thời lúc ẩn hiện (tiêu trưởng) của Âm Dương. Âm ẩn thì Dương hiện, Dương ẩn thì Âm hiện. Hết lúc Tiêu Ẩn đến lúc Trưởng hiện. Hết lúc Trưởng hiện thì phải Tiêu Ẩn.

Âm Dương là một cặp chung cùng như Hòa Bình và Chiến Tranh. Hòa Bình trưởng hiện thì chiến tranh tiêu ẩn trong hòa bình. Chiến tranh trưởng hiện thì hòa bình tiêu ẩn trong chiến tranh. Vậy Hòa Bình là có manh nha chiến tranh (tiêu ẩn trong ngoài). Chiến tranh là có manh nha Hòa Bình (trưởng hiện trong ngoài).

Như sáng tối, sáng hiện thì tối ẩn, tối hiện thì sáng ẩn. Như thành công và thất bại, thành công trưởng hiện thì thất bại tiêu, thất bại trưởng thì thành công tiêu. Tự chúng làm nền tảng cho nhau, trong ngoài cho nhau, ẩn hiện với nhau mà hóa ra cả hai cùng tồn tại, cùng được lý.

II.LÝ THÀNH TUẦN TỰ TRẬT TỰ : THÀNH CÔNG GIAI ĐOẠN

Tất cả đều được cấu tạo hóa thành theo qui luật Dịch Biến Tuần Tự – dù cái Thành đó là Thành Thành công hay

Thành thất bại, Thành vô hay Thành hữu, Thành động hay Thành tĩnh. . .

Luật Tuần tự và Trật tự Dịch Biến là :
Chưa - Manh Nha - Hóa Thành

Bất kể thứ gì khi cấu tạo hóa thành đều phải trải qua tuần tự 3 giai đọan : chưa – manh nha – hóa thành gọi là *Tam Tài.*

Tùy theo sự vật việc *Khởi Điểm* từ đâu và *Thiên Cực* tới đâu là *Dứt Điểm* thì lấy :
Khởi điểm (chưa) – Thiên cực (manh nha) – dứt điểm (hóa thành).

Thí dụ : Âm manh nha thiên cực sang Dương
Và Dương manh nha thiên cực sang Âm.

Nếu diễn tả nhiệm nhặt hơn ba giai đoạn của luật Dịch Biến Tuần Tự Trật Tự (*Tam Tài*) thì từ *Hư* đến *Như* (Âm sang Dương) và từ Như về Hư (Dương sang Âm) là :

☷ ☶ ☵ ☴ ☳ ☲ ☱ ☰

HƯ NGƯNG TRỤ TIỀM KHỞI VŨ HIỂN NHƯ

Mọi vật đều có Lý khởi Dứt theo nhịp điệu *Nguyên Hanh Lợi Trinh* ở mỗi giai đọan.

Nguyên : là cái lý khởi đầu của muôn vật
(Nguyên vạn vật chi Thủy)

Hanh : là cái sức lớn của muôn vật
(Hanh vạn vật chi trưởng)

Lợi : là cái sức lớn lên đến cực độ thỏa chí của muôn vật
(Lợi vạn vật chi toại)

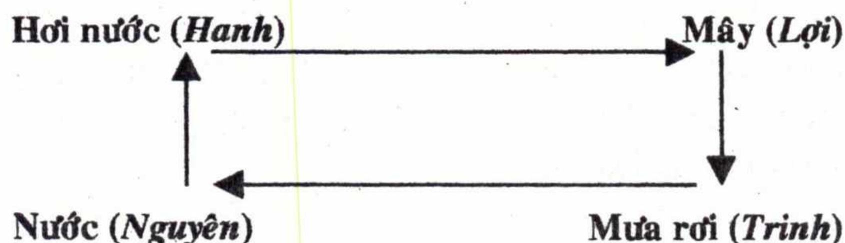
Trinh : là cái thành tựu Bộ Mặt Mới của muôn vật
(Trinh vạn vật chi Thành)

Cứ theo cái lý Tuần Tự Trật Tự Nguyên Hanh Lợi Trinh mà muôn vật diễn biến tiếp nối mãi không thôi, hết bước này sang bước khác.

Cái này là *Nguyên* của cái kia. Cái kia lại là *Nguyên* của cái kế tiếp.

Nguyên là Nguyên của Hanh, *Hanh* là Nguyên của Lợi, Lợi là Nguyên của *Trinh, Trinh* là Nguyên của cái Nguyên kế tiếp. . .

Sau đây là hình đồ gợi ý Lý Nguyên Hanh Lợi Trinh :



Nếu khởi từ Hơi Nước là Nguyên thì mây là Hanh, mưa rơi là Lợi, nước là Trinh . . .

Cũng thế Hư là nguyên của Ngưng, Ngưng là nguyên của Trụ, Trụ là nguyên của Tiềm . . .

Nay chúng ta nghiên cứu Thiên Nhiên Xã Hội Học, mục đích thấu rõ Tổ Chức Cơ Mật của Trời Đất để rồi tùy thời mà hành động cho đắc sách.

Vậy nếu lấy cái Dứt (*Trinh*) làm mục tiêu, làm lý tưởng cần phải đạt được tức phải thành công ở cuối đường thì ta phải biết khởi tại đâu, lúc nào và phải trải qua những giai đoạn nào kế tiếp để đến được mục tiêu.

Dù là một việc nhỏ nhặt hay lớn lao bao nhiêu, nếu muốn thành công vững chắc, chúng ta cũng phải theo luật tuần tự và trật tự. Sự thật, làm gì có vấn đề nhảy vọt, đốt giai đoạn được, chẳng qua là lầm tưởng do sự việc diễn biến quá nhanh hay quá chậm. Dù sự việc xảy ra nhanh chậm thế nào cũng phải theo luật Tuần Tự và Trật Tự, nếu không luật Tuần tự trật tự của Tạo Hóa sai trật sao ? ! chắc chắn là không bao giờ sai trật. Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa mà chẳng lọt bất cứ thứ gì.

Dùng luật Tuần tự và trật tự tối thiểu để thực hiện mục tiêu tức là chủ trương thành công giai đoạn – thành công từng bước.

Chia trường hạn thành nhiều đoản hạn tức hạ thấp lý tưởng, mục tiêu thích hợp từng giai đoạn và thực hiện theo từng giai đoạn một, xong bước này rồi mới tới bước kế tiếp, thành công từng bước vững chắc gọi là thành công giai đoạn. Như vậy làm sao gọi là có thất bại.

Mỗi giai đoạn lớn có thể chia ra nhiều giai đoạnhỏ nữa, bao nhiêu tùy sự vật việc thích hợp.

Dù giai đoạn nhỏ lớn, muốn thành công dĩ nhiên phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố, sẽ nói sau. Ở đây, quan trọng là phải biết hạ thấp mục tiêu về tới giai đoạn gần nhất trong tầm tay và khả năng sẵn có. Chỉ thực hiện những gì có sẵn trong tầm tay và khả năng sẵn có là điều kiện cơ bản để có thể thành công.

Muốn biết thứ tự các giai đoạn, ta dùng phép vẽ đường đi dĩ nhiên từ chưa đến manh nha đến Hóa Thành, từ Khởi đến Dứt hoặc dùng phép truy nguyên từ Dứt về Khởi dễ làm hơn nên chúng tôi trình bày kỹ như sau :

Lấy bất cứ vấn đề gì muốn thực hiện, làm cái *Đã Thành* (Dứt) thì giai đoạn trước nó phải là *Chưa Thành* (Khởi). Tóm gọn, phương pháp truy nguyên giai đoạn là phương pháp *Đã → Chưa*.

Thí dụ, muốn thực hiện nồi cơm chín trong điều kiện bình thường là hợp lý, khả thi và quyết liệt, chúng ta thường biết cần phải có người nấu, nồi, gạo, bếp,củi, lửa, nước. Nhưng ta chưa biết chắc giai đoạn nào trước và cần cái gì trước để đi tìm và thực hiện.

Thông thường nồi cơm muốn nấu chín phải đặt lên bếp có lửa, trong nồi phải có gạo ngâm nước. . . Vậy ta cứ diễn lại những giai đoạn kế tiếp bắt buộc trước đó thì sẽ thấy cần cái gì trước như sau :

Truy nguyên từ Dứt về Khởi, từ chỗ đã thành nồi cơm chín về đến chỗ chưa có gì hết theo tuần tự :

Đã thành nồi cơm chín
Chưa thành nồi cơm chín (nồi gạo cạn nước chưa chín)

Nồi gạo đã cạn nước
Nồi gạo chưa cạn nước (nồi gạo đã sôi nước)

Nồi gạo đã sôi nước
Nồi gạo chưa sôi nước (nồi gạo có nước nằm trên lò lửa)

Nồi nằm trên lò lửa
Nồi chưa nằm trên lò lửa (lò đã nổi lửa điện củi)

Lò đã có lửa điện
Lò chưa có lửa điện

Nồi đã đựng gạo vo
Nồi chưa đựng gạo vo (gạo đã có nước)

Nước đã ngâm gạo
Nước chưa ngâm gạo (Đã có nước)

Đã có nước
Chưa có nước

Đã mua gạo rồi
Chưa mua gạo nổi

292

Tóm lại, các giai đoạn :

- **Theo đường đi dĩ nhiên đệ nhiên sinh từ Khởi đến Dứt :**
  1. **Chờ *gạo***
  2. **Gạo chờ *nước* để vo**
  3. **Gạo nước chờ *nồi* để chứa**
  4. **Gạo nước trong nồi chờ *bếp* để bắt lên**
  5. **Gạo nước nồi bếp chờ *lửa* nung nóng**
  6. **Gạo nước nồi bếp lửa chờ *người nấu***

- **Theo phép Truy Nguyên đánh vòng ngược từ Dứt về Khởi thì :**

1.	**Nồi cơm chín nhờ . . .**	***Người* nấu**	***Dứt***
2.	**Nồi gạo được nấu sôi nhờ . . .**	***Lửa***	
3.	**Nồi gạo được bắt lên bếp nhờ . . .**	***Bếp***	
4.	**Gạo ngâm nước bỏ vào nồi nhờ. . .**	***Nồi***	
5.	**Gạo vo ngâm nhờ . . .**	***Nước***	
6.	**Có cơm ăn nhờ . . .**	***Gạo***	***Khởi***

Như vậy theo giai đọan diễn tiến, ta phải thực hiện bước khởi đầu là giai đoạn *Gạo* trước (1), kể đó là *Nước* (2), rồi mới đến *Nồi* (3), *Bếp* (4), *Lửa* (5), khi có đủ gạo nước nồi bếp lửa thì giai đoạn cuối cùng là kiếm *Người Nấu* (6), chắc chắn sẽ có nồi cơm chín theo điều kiện bình thường. Người cung tiêu cũng có thể kiêm luôn là người nấu.

Đang khi chúng ta cần gạo mà có kẻ cho lửa hay bếp, ấy là không hợp thời, không đúng nhu cầu của ta. Có thể người cho vô tình, nhưng nếu họ muốn giúp, ắt hẳn bổn phận họ phải biết người nhận đang cần gì hoặc họ giúp theo yêu cầu người nhận. Họ giúp không đúng nhu cầu ắt là họ không thành thật hay vô trách nhiệm.

Người nhận cũng phải cân nhắc tính đúng lúc nhất thời thuộc giai đoạn cần thiết, có thể linh động dự trữ nhưng không nên cả mô, ai cho gì cũng nhận hết, chất chứa cả đống, chẳng làm được gì còn thêm ăn hại. Đồng ý, tất cả đều quan trọng,

247

nhưng ta phải biết cái nào quan trọng nhất cho từng giai đoạn thành công.

Chúng ta thường nghe nói chính trị là tiên liệu tức là tiên lượng biết trước những diễn biến sẽ phải xảy ra từng giai đoạn một. Quả đúng vậy ! Nói chung về khoa Quản trị, lãnh đạo, giao dịch xã hội hơn nhau ở chỗ biết trước giai đoạn diễn tiến quyết định phải như thế,không thể khác được.

Muốn biết trước chúng ta phải theo phương pháp Tuần Tự Nhi Tiến ở trên, tuy nó có tính kinh điển nhưng rất hợp lý hóa. Cũng có thể ta theo dõi vòng Tương Sinh (Đệ Nhiên Sinh Khắc) của Ngũ Hành như Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, v.v. . . sẽ nói sau.

III.HÀNH ĐỘNG ĐÚNG LÚC : THIÊN CƠ THỜI CƠ NHÂN CƠ

Chúng ta học Dịch Lý, cũng mong sở đắc tối đa về Hiểu Biết thì Vô Tư, Hành Động thì Đúng lúc.

Muốn vậy, chúng ta phải hiểu rõ qui luật Âm Dương Tiêu Trưởng Ẩn Hiện, chi phối muôn loài vạn vật rất nhiệm nhặt khít khao.

Âm cực trưởng để sang Dương, Dương cực trưởng để về Âm
Âm cực tiêu để thành Dương, Dương cực tiêu để hóa Âm

Chúng không còn ngã khác để đi. Đó là Đường Đi Dĩ Nhiên của muôn loài vạn vật.

Sự tiêu trưởng thịnh suy lúc nào cũng có. Vậy mỗi khi hành động xử thế tiếp vật, chúng ta cần nên *Đúng Lúc*.

***Đúng Lúc* bao hàm nhiều ý nghĩa là đúng người, đúng vật, đúng việc, đúng chỗ, đúng thời gian . . .**

Lúc cần mạnh thì ta phải mạnh, lúc cần yếu thì ta phải yếu. Lúc cần hiện thì ta hiện, lúc cần ẩn thì ta ẩn. Đó là ta thích ứng, thích hợp, thích nghi với hoàn cảnh, tình huống, thời thế. Nếu làm trái lại tức là ta tự rước lấy thất bại. Nên "Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong" rất là chí lý.

Thiên đây có nghĩa là cơ biến động, biến đổi, biến hóa là nhịp điệu sống động của vũ trụ, của muôn loài, của xã hội, của con người, là động tĩnh ở khắp muôn phương.

Làm việc gì, ta cũng phải hội đủ cả Tam Yếu là Thiên cơ, Thời cơ, Nhân cơ.

Thiên Cơ : là tất cả cái gì có lý *Động Tĩnh* từ gần gủi đến xa xôi, từ mỗi thân tâm đến cõi vô biên.

Thời Cơ : là vào thời đại, thế hệ, vận hội, năm, tháng, ngày, giờ, phút, giây . . . lúc nào ấy có sự động tĩnh đặc biệt ấy.

Nhân Cơ : là nhân mọi cớ sự động tĩnh xa gần đó có khi làm cho lòng ta cảm xúc khiến ta muốn biết hoặc làm điều gì đó.

Đúng lúc của người học Dịch còn có ý nghĩa đặc biệt là khi Thiên cơ máy động trong Nhân cơ, đó là Thời cơ.

Thời cơ có tính nhất thời, không thường xuyên, xảy ra vào lúc bỗng nhiên, bất ưng, bất ngờ nên nó vô tư khách quan. Đó chính là lúc *Tạo Hóa* báo tin cơ hội đến, người học Dịch không thể bỏ qua mà cần phải làm đúng theo như vậy.

Suốt đời người học Dịch chỉ học có chữ *Thời* tức *Thời Trời*, luôn luôn dõi theo *Thời Trời* để theo đó mà ứng xử, mảy may không có riêng ý vọng động, nên chắc chắn phải thành công không bao giờ thất bại. Nay *Thời Trời* đã báo tin bằng cách Thiên Cơ máy động trong Nhân Cơ.

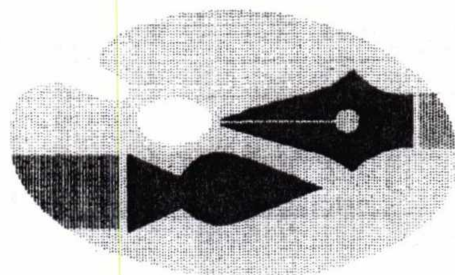
Biết *Thời Trời* là khả năng phải có của người học Dịch, còn có tiết lộ thiên cơ hay không là do ở hoàn cảnh nhu cầu chứ chẳng có uy quyền siêu nhiên nào cấm đoán hù dọa người đời là *Thiên Cơ* bất khả lậu cả.

Thiên Cơ nếu chưa máy động thì ta phải giữ mình đợi thời, chỉ làm những việc thông thường, chớ nên khinh động, nóng nảy, dễ hỏng việc lớn.

Người đời thường, chưa từng quen theo dõi *Tạo Hóa* khít khao như người học Dịch chúng ta, nên họ thường xét việc đại cương theo Thiên Thời, Địa Lợi, Nhân Hòa khi hành sự, chứ không biết phép *Tam Yếu :* Thiên cơ, Thời cơ, Nhân cơ này.

Giá trị của hai phép rõ ràng khác nhau lắm vậy. Phép Thiên Thời Địa Lợi Nhân Hòa lệ thuộc vào trí phán đoán ngu không sáng tối của đương sự và phạm vi hạn chế của Nhân mưu, Quỷ mưu. Tuy có lúc được việc nhưng không chắc lắm. Còn phép Tam yếu dựa vào huyền cơ của *Tạo Hóa* thuộc Thiên mưu, chí công vô tư nên không bao giờ sai trật được.

Muốn có tam yếu, người học Dịch phải khổ công tu dưỡng trụ thần thì mới có thể lắng nghe Thiên Ý được, chí thành thông thánh là vậy.



NGUỒN GỐC NGŨ HÀNH

Thiên Nhiên Xã Hội được thiết lập từ *Không Hoàn Toàn Không Cực (KHTK Cực = Vô Cực)*, khi Thái cực có Âm Dương.

Âm Dương sống động giao dịch qua lại đối đãi trong khung cảnh xã hội Thiên Nhiên đầu tiên này. Nghiên cứu Thiên Nhiên Xã Hội chủ yếu nghiên cứu mối quan hệ Âm Dương đầu tiên vì nó là giềng mối cho mọi quan hệ xã hội về sau.

I.TRỤC SINH HÓA

Chúng ta đã biết Âm Dương đi lại với nhau theo Luật Tương Động, Tương Giao, Tương Cảm, Tương Sinh.

Khi Âm Dương giao nhau bắt buộc phải có vấn đề Sinh hóa Bộ Mặt mới – dù sinh hóa thế nào, Bộ mặt mới ra sao cũng mặc.

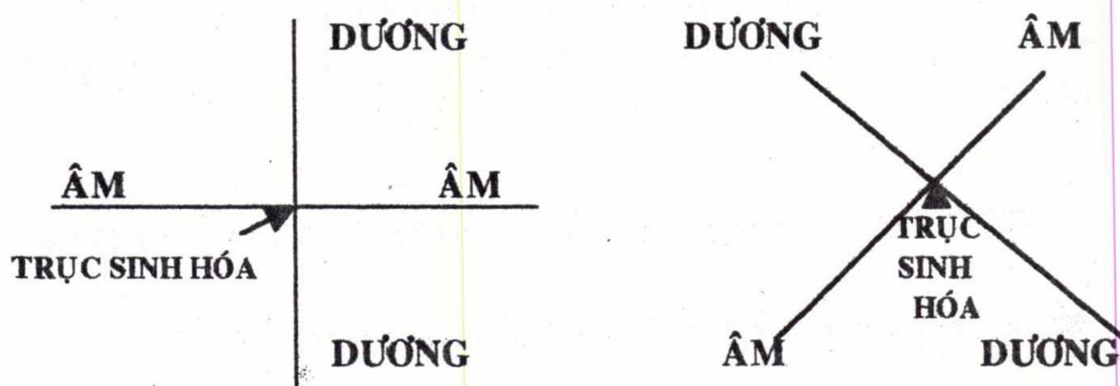
Âm Dương Sinh Hóa vào một thời điểm nào đó tạo thành một Trục gọi là Trục Âm Dương hay Trục Sinh Hóa.

Trục Âm Dương thay đổi biến thiên không cố định tùy theo vị trí tỷ lệ của Âm Dương.

Trong đồ hình Thái Cực, Trục Sinh Hóa của Âm Dương được tượng trưng bằng đường cong chữ S. Có thể vẽ chữ S theo chiều nào cũng được hoặc bao nhiêu chữ S tùy ý miễn lý giải

thông suốt là được. Không cần phải chấm 2 con mắt giữa mặt Âm Dương mới biết trong Âm có Dương, trong Dương có Âm. Chính Thái Cực Đồ diễn tả bất cứ cái chấm nào trong Âm Dương cũng đủ lý *Đồng Nhi Dị* : Đồng là Thái Cực mà Dị là Âm Dương. Đồng là cái chấm mà Dị là liền đứt.

Người ta còn có thể dùng 2 đường thẳn g giao nhau để diễn tả Trục Âm Dương Sinh Hóa như chữ thập, chữ vạn, dấu nhân . . .



Trục Sinh Hóa Âm Dương có giá trị duy nhất là quân bình Sinh Hóa Âm Dương Bộ Mặt mới – Do đó có thể nói nó chính là Trục Quân Bình Sinh Hóa - Âm Dương (muôn loài vạn vật).

Bất cứ một cuộc sinh hóa nào cũng phải có Trục của nó. Chính tại trục chúng mới tạo thế quân bình sinh hóa được.

Quân bình không có nghĩa là cân bằng, ngang nhau – về chất hay lượng . . . Quân bình là mức độ ắt có và đủ để thành tựu trở nên một trạng thái, một hiện tượng gọi là Bộ Mặt mới. Như cần mức độ quân bình nào đó để cây thẳng đứng hoặc một mức độ quân bình nào đó để cây ngã đổ. Quân bình đứng, quân bình xiên, quân bình ngang v.v. . . Vậy Quân bình phải hiểu là luôn luôn quân bình sinh hóa, chứ không bao giờ có thế quân bình hòan toàn không thiên cực, không có manh nha - Âm hay Dương.

II.-ÂM DƯƠNG TỨ TƯỢNG :

Đa số xưa nay quen ký hiệu :

- Vạch đứt (— —) tượng trưng cho Âm
- Vạch liền (——) tượng trưng cho Dương

Ta không cần phải đổi ký hiệu khác, vì xét ra ký hiệu vạch đứt vạch liền có phần tiện lợi lúc vẽ vời.

Khi ta giả sử cho Âm Dương giao nhau, tức vạch đứt vạch liền chồng chất lên nhau, trong vô tư, ắt cuối cùng thì thấy có 4 trường hợp (hình bóng trạng thái) gọi là Tứ Tượng :

THÁI ÂM THIẾU DƯƠNG THIẾU ÂM THÁI DƯƠNG

Âm nhiều gọi là Thái Âm tức là có rất ít dương

Âm dưới Dương trên gọi là thiếu Dương (Dương trẻ) tức gốc Âm, ngọn Dương (Bộ mặt mới phủ lên trên)

Dương dưới Âm trên gọi là Thiếu Âm (Âm trẻ) tức gốc Dương, ngọn Âm (Âm bộ mặt mới phủ lên trên)

Dương nhiều gọi là Thái Dương tức có rất ít Âm.

Vậy Thái có nghĩa là quá nhiều chứ không có nghĩa là hoàn toàn. Nên Tứ Tượng đều diễn tả đầy đủ các mức độ lý *Đồng Nhi Dị* là lý Âm Dương cùng lúc.

Bất cứ hai thứ gì giao nhau thì cũng chỉ có bốn trường hợp *Đồng Nhi Dị* trên, không hơn không kém. Nhưng ở một lúc nào đó, tự thấy đứng trong một trường hợp. Sự tự thấy này không nên nhất quyết tin tưởng mãi mãi ở trong hoàn cảnh đó vì quy luật Dịch biến vận hành tuần hoàn luôn cả Tứ Tượng – Chứ

không có một Tượng nào bất di bất dịch – Các Tượng lần lượt thay đổi qua lại trưởng hiện, tiêu ẩn vào thời điểm đúng lúc của nó.

Thí dụ : Người đời nói : "Muốn là được"

(Vouloir c'est pouvoir)

Ta phân câu này ra làm 2 sự lý : muốn, và được làm Âm và Dương.

Ta áp dụng qui luật Âm Dương, Tứ Tượng Vận Hành một cách vô tư giữa *Muốn* và *Được* thì có bốn trường hợp :

1- Muốn thì được
2- Muốn thì không được
3- Không muốn thì được
4- Không muốn thì không được

Vậy câu nói "Muốn là Được" lọt vào 1 trong 4 trường hợp có thể xảy ra – chứ không phải là câu nói khẳng định có tính chân lý tuyệt đối đúng mãi trong mọi hoàn cảnh vì có thể xảy ra ở 3 trường hợp còn lại.

Đây là dạng câu nói khích động, một chiều, kém vô tư, không phải sai nhưng thiếu khách quan. Người đời vẫn biết sự thật vốn có 4 trường hợp xảy ra tùy lúc này hay lúc khác, nhưng khi nói cho mình hay cho người khác lại cố tình động viên vào một trường hợp, với mục đích đưa dẫn đối tượng vào một hướng mong muốn, nên phải che dấu không nhắc đến 3 trường hợp kia.

Chính những loại câu nói ước muốn nầy đã làm cho người sau học theo, hiểu lầm cho đây là chân lý, là sự thật đúng thật mãi mãi. Đến khi gặp thực tế phủ phàng không đúng vậy thì tai họa biết là dường nào. Người khôn ngoan để tránh lầm lạc thường chọn câu nói chân lý hơn câu nói ước muốn.

Chân lý chỉ có một là Nhất lý là lý *Đồng Nhi Dị* là Dịch Lý còn ước muốn thì muôn trùng, lung tung đủ thứ. Do đó thường vào đời, ta hay gặp đa số những câu ước muốn hơn là những câu sự thật. Vậy người học Dịch để được vô tư trước tiên phải phá chấp bằng cách khi gặp một câu nói ý tưởng gì phải phân tích chiết

tính tình ý ngay là nó thuộc dạng sự thật hay ước muốn. Sự thật thì chấp nhận. Ước muốn thì bỏ qua – vì mục đích tối hậu của người học Dịch là tìm hiểu sự thật, chân lý chứ không mất thì giờ ở những mong muốn, mơ ước xa rời sự thật.

III.-NGUỒN GỐC NGŨ HÀNH : TRỤC ÂM DƯƠNG TỨ TƯỢNG VẬN HÀNH

Âm Dương Tứ Tượng Vận Hành kể luôn cả sự vận hành của Tứ Tượng, vậy là có *Năm Hành* hay gọi là *Ngũ Hành*, là gốc hóa sinh vạn hữu.

Mỗi Tượng là một Hành vì tự thân mỗi Tượng là một Âm Dương Động Tĩnh Biến Hóa, là một *Đồng Nhi Dị Dịch Biến* vận động vận hành. Nên bốn Tượng là Bốn hành.

Cộng Bốn Hành (Tứ Tượng) với một Hành chung Trục của Tứ Tượng, vậy là có Năm Hành.

Đó là lý lẽ nguồn gốc chính thống của Ngũ Hành do Âm Dương Tứ Tượng Vận Hành *Đồng Nhi Dị* từ lúc Tiên Thiên, chưa có Trời Đất Vũ Trụ muôn loài. Lúc chưa có không gian thời gian, chưa có Dịch Lý, chưa có Tạo Hóa.

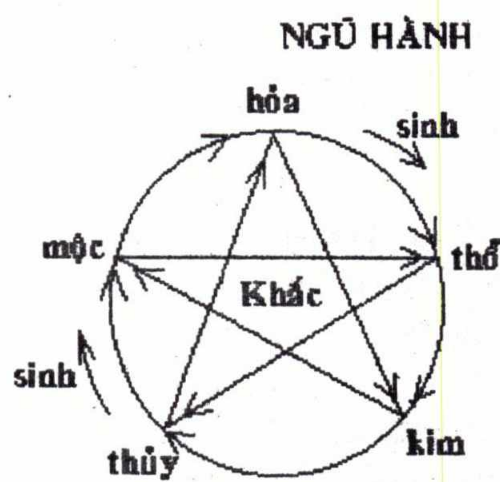
Ngũ Hành có cùng lập tức một lượt với Âm Dương, với Thái Cực, với Dịch Lý, với *Đồng Nhi Dị*, chứ không trước, không sau, không sớm không trễ.

IV. NGŨ HÀNH : KIM MỘC THỦY HỎA THỔ

Tiền nhân xưa kia có lẽ chỉ sợ người đời sau khó lãnh hội được lý Âm Dương Sinh Hóa thuộc phạm vi Tiên Thiên nên cố tìm những vật chất dễ thấy biết mà gán ghép vào ngũ hành để làm bờ mốc học tập.

Có năm vật chất được chọn lựa làm thí dụ Lý Ngũ hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ như nhiều người đã biết. Có người vì quá sùng thượng lý Ngũ Hành dựa trên danh lý Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ – và vẽ luôn vòng tương sinh tương khắc như sau :

VÒNG ĐỆ NHIÊN SINH KHẮC



VÒNG TRÒN TƯƠNG SINH

KIM		THỦY
THỦY	sinh	*MỘC*
MỘC	"	*HỎA*
HỎA	"	*THỔ*
THỔ	"	*KIM*

NGÔI SAO TƯƠNG KHẮC

KIM	khắc	*MỘC*
MỘC	"	*THỔ*
THỔ	"	*THỦY*
THỦY	"	*HỎA*
HỎA	"	*KIM*

Tại sao Kim sinh Thủy khắc Mộc ?

Xưa nay rất nhiều người cố gắng giải thích, nhưng tựu trung vẫn không vượt qua nổi hình ảnh của 5 vật chất : đất, nước, cây, lửa, kim loại, để về đến Lý Đức Tính của Ngũ Hành Tiên Thiên, khiến cho hậu học lại hiểu chết nghĩa trong trời đất chỉ có năm vật chất đó, hoặc Tứ đại : đất, nước, gió, lửa hoặc có người luận cao hơn một chút là có năm tính chất theo năm vật chất đó rồi bày ra học thuyết tạng tượng này nọ mà hóa ra vô tình phủ nhận công lao của tiền nhân nói về cái gốc hóa sinh vạn hữu, rút từ ở Âm Dương Trục.

Âm Dương Trục kể từ ở vô cực thuộc lý giới chứ không kể từ tính chất hay vật chất thô lậu như thế.

Nhưng rồi tiền nhân vì quá chìu lòng thiên hạ, một lần nữa lại sợ người đời sau khó thấu đạt tính chất hay vật chất trên, nên đã mượn Tình Người cho gần gủi với học giả hóa ra có năm danh từ : Phụ Mẫu, Tử Tôn, Huynh Đệ, Thê Tài, Quan Quỉ để diễn tả Lý Ngũ Hành sinh khắc. Ta - con người có lúc gần gủi với kẻ trên trước, dưới thấp hoặc ngang hàng, trong đó có sự thỏa lợi, vui mừng hay sự buồn phiền rầu lo.

Sau đây là : *NGŨ TÌNH TƯƠNG SINH KHẮC :*

1- *TÌNH PHỤ MẪU* : bao bọc chở che
Sinh ngã giả vi phụ mẫu – Ta Tỉnh (được động sinh)
(Sinh ra ta ấy là cha mẹ ta)

2- *TÌNH TỬ TÔN* : dung dưỡng, dạy bảo
(Ngã sinh giả vi tử tôn – Ta động sinh)
(Ta sinh ra ấy là con cái của Ta)

3- *TÌNH THÊ TÀI* : thỏa lợi, khu xử
Ngã khắc giả vi thê tài – Ta động khắc
(Ta khu xử được ấy là thê tài)
Quan niệm thê (vợ) gắn chung với tài (của cải) mang tính thời phong kiến, không đúng quan điểm Dịch Lý Chánh Tông.

4- *TÌNH QUAN QUỈ* : làm cho ta buồn phiền rầu lo
- **Ta Tỉnh – Ta bị động khắc**

(Khắc ngã giả vi quan quỉ = chế khắc ta ấy là quan quỉ)

5-*TÌNH HUYNH ĐỆ* : ngang hàng với ta phân phân phải phải – không sinh không khắc.
(Tỷ hòa giả vi huynh đệ = ngang hàng hòa đồng với Ta ấy là anh em bè bạn)

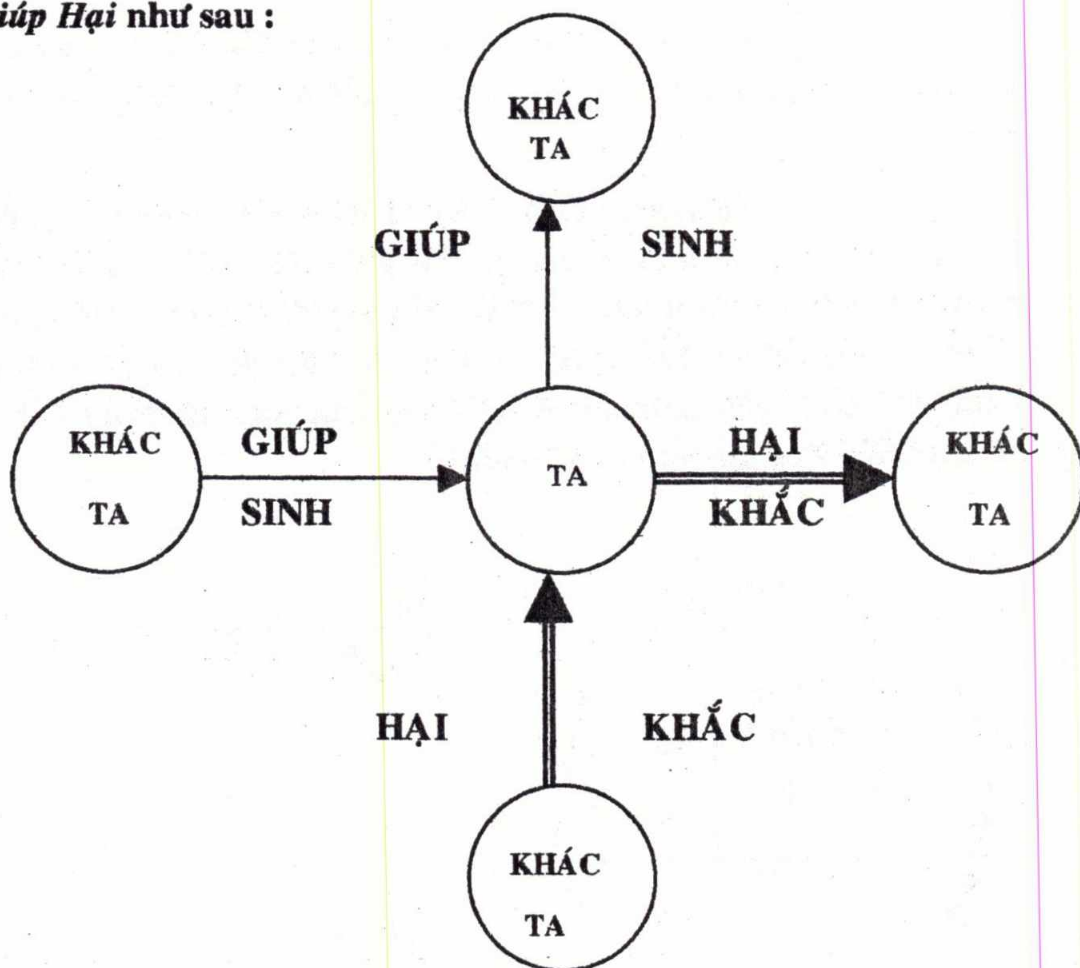
Tóm lại phàm một sự lý (cái TA) có lục thân tức sáu mối quan hệ thân thiết với TA :

- **Một là TA**

503

- Hai là cha mẹ, kẻ trên trước TA
- Ba là anh em bè bạn ngang hàng TA
- Bốn là vợ (chồng) tiền của, người gì TA khu xử thỏa lợi chủ động được.
- Năm là con cháu, kẻ dưới sau TA
- Sáu là cái sai khiến làm hại TA như quan làng, quỉ quái.

Có thể tóm tắt *Năm Tình (Ngũ Hành)* vào đồ hình *Ta – Kẻ Khác Ta Giúp Hại* như sau :



- *Ta* tương đương với Tình Huynh Đệ
- *Kẻ Khác Giúp Ta* tương đương Tình Phụ Mẫu
- *Ta Giúp Kẻ Khác* tương đương Tình Tử Tôn
- *Kẻ Khác Hại Ta* tương đương Tình Quan Quỉ
- *Ta Hại Kẻ Khác* tương đương Tình Thê Tài

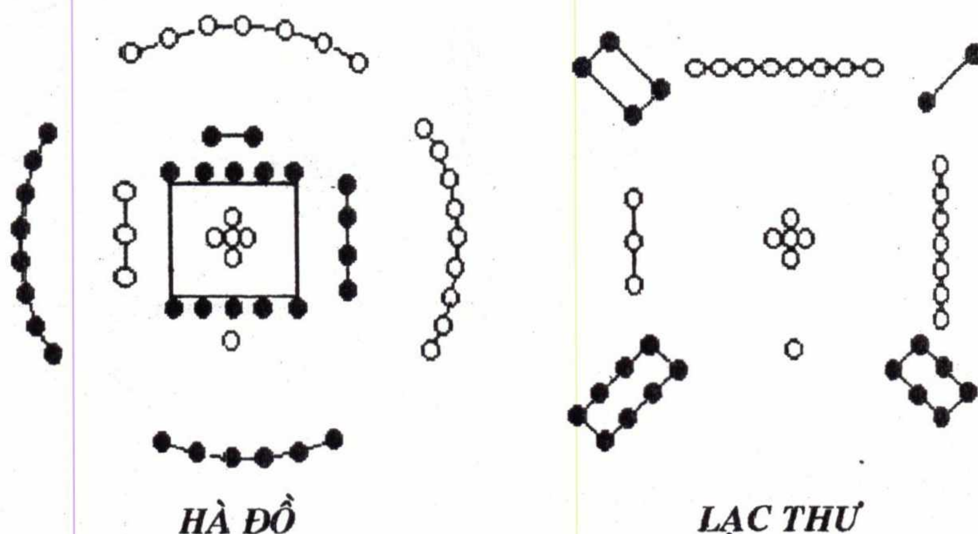
304

Có thể hiểu rộng hơn : ***Ta*** và ***Kẻ Khác*** là bất kể sự vật, việc, người nào cũng được. Khi chúng có động tĩnh giao dịch qua lại ắt phải xảy ra năm tình huống giúp hại sinh khắc hoặc tỉ hòa nhau.

Đồ hình trên đã ló dạng cái lý ***Một Mà Năm*** mà tiền nhân muốn chỉ dạy, nhưng vẫn chưa đủ sáng về nguồn gốc của số Ngũ (Năm).

Có người thấy trong bản vẽ Hà đồ và Lạc thư có số Ngũ (5) ở giữa nên vội cho nguồn gốc số Ngũ là ở Hà đồ Lạc Thư

Sự thật, nếu xét kỹ vị trí của số Ngũ trong Hà đồ Lạc thư là có sẵn được sắp xếp vào giữa để phối hợp với các số khác thành các số lớn hơn – Phải nói ngay đây là trò chơi chữ, xếp số máy móc gợi trí tưởng tượng thần bí hấp dẫn người mới nhập môn, chứ có lý giải được gì về nguồn gốc tại sao, từ đâu có số Ngũ. Mong thiện học giả vô tư nhận định.



HÀ ĐỒ *LẠC THƯ*

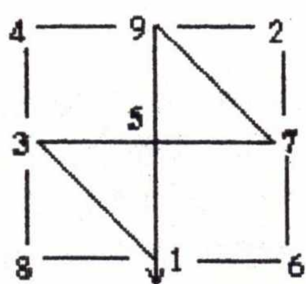
Chẳng hạn cổ nhân luận Hà đồ rằng :

Thiên nhất sinh Thủy, Địa lục thành chi
Địa nhị sinh Hỏa, Thiên thất thành chi
Thiên tam sinh Mộc, Địa bát thành chi

Địa tứ sinh Kim, Thiên cửu thành chi
Thiên ngũ sinh Thổ, Địa thập thành chi

Lưu ý : Thiên Địa ở đây có nghĩa là chấm trắng (Dương) và chấm đen (Âm) , số lẻ là Dương, số chẵn là Âm – tượng trưng cái lẽ *Đồng Nhi Dị* (giống mà hơi khác) của chấm và số, là một khái niệm thuần lý triết học, chứ không phải là bầu trời quả đất vũ trụ như có người lầm tưởng.

Cũng như Lạc Thư số Lý :



Tứ hải, tam sơn, hội bát tiên Cửu Long, ngũ hổ, hội nhất nhơn Nhị tướng, thất cầm, kinh lục quốc.

Số lẻ là số cơ là Dương số : 1, 3, 5, 7, 9
Số chẵn là số ngẫu là Âm số : 2, 4, 6, 8

Cộng số hàng ngang hàng dọc hàng chéo đều là 15.

Cả Hà Đồ và Lạc Thư đều có số 5 ở giữa. Vậy số 5 này từ đâu mà có ?

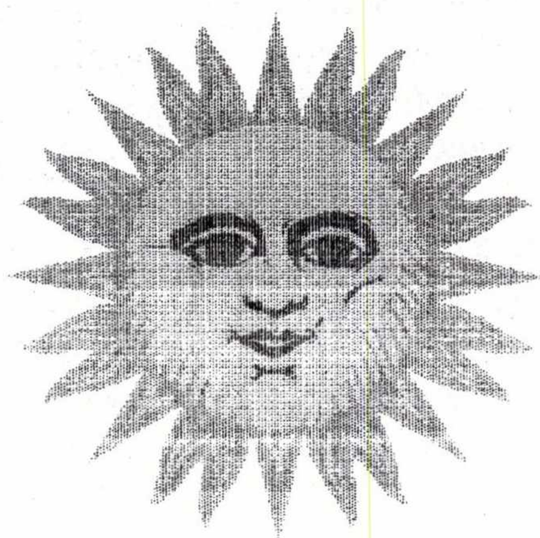
- Không rõ. Số Ngũ nó có sẵn ở đâu rồi ráp vô nên Hà Đồ, Lạc Thư được lập ra với ý đồ khác chứ không có chủ đích giải thích nguồn gốc số Ngũ hoặc Ngũ Hành. Tuy nhiên Đồ Thư cũng đã gợi ý phần nào sự hiểu biết thô thiển về Âm Dương Ngũ Hành của đa số, chứ không đủ sức thỏa mãn các bậc chân tri.

Chính vì người đời không hiểu rõ nguồn gốc Ngũ Hành là từ vấn đề Âm Dương Tứ Tượng vận hành (Thái Âm, Thiếu Dương, Thái Dương, Thiếu Âm và Trục của chúng) nên lý luận Ngũ Hành đã được hạ thấp bằng năm danh lý vật chất làm ví dụ cho dễ hiểu là Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ hoặc gắn chung với các con số chẳn lẻ như trong Hà Đồ Lạc Thư, hoặc thấy nữa như trong Tình một Người.

Cái khổ cho hậu học là cứ bám riết vào một thí dụ thuộc một phạm vi đặc thù rồi lầm tưởng là sẽ giải thích được mọi hiện tượng trạng thái khác trong vũ trụ bằng thí dụ đó. Họ bỏ lý lấy sự. Lý thì vô cùng. Sự thì hạn hẹp. Họ học như vậy thì trách sao chẳng có mấy người đạt đến trình độ Hội Lý Quán Thông Thiên Địa.

Tiền nhân cũng khó lòng tránh được tệ hại do chấp kiến của người đời, ngày càng nặng nề hơn về Ngũ Hành như trên.

Lại một lần nữa, chúng tôi xen vào việc của thiên hạ để thử dùng lý luận ngũ Thần với chút hy vọng minh họa cho người đời nay thấu lý Ngũ Hành Sinh Khắc là sao. Cũng là dịp chúng tôi đền đáp công ơn trời biển của tiền nhân đã dạy dỗ bấy lâu – Dám mong các bậc cao minh chỉ giáo thêm.



501

NGŨ THẦN ĐỆ NHIÊN SINH KHẮC

Muốn tham khảo hiểu rõ về Thiên Nhiên Xã Hội, về lẽ Quân Bình Sinh Hóa từ KHTK Cực về sự linh động, mầu nhiệm, huyền diệu của Biến Hóa, gốc hóa sinh Vạn Hữu, cũng như về mọi khía cạnh hiện tượng tình tiết của Xã Hội Con Người và Xã Hội Lòai Vật, chúng tôi nghĩ lý luận Ngũ Thần Đệ Nhiên Sinh thừa sức soi sáng ngọn ngành.

Dùng chữ *Thần* để chỉ muôn loài vạn vật kể cả con người, rất phù hợp với quan điểm Dịch Lý hơn là Năm vật chất Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, hoặc những con thú như Thanh Long, Chu Tước, Câu Trần, Đằng Xà, Bạch Hổ, Huyền Vũ hoặc 12 con giáp Tí Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi hoặc các con số máy móc thô thiển hạn hẹp.

***Thần* có nghĩa là cái gì lập tức linh động biến hóa thật nhanh – cái gì đó *Linh Hiển – Hiển Linh* gọi là *Thần*.**

Mọi sự vật việc người đều được xem là *Thần* vì lúc nào cũng sẵn có Lý Đức Tính *Đồng Nhi Dị Biến Hóa Linh Hiển – Hiển Linh* tự ở bản thân chúng.

Khi không có vấn đề gì thì thôi, còn khi có đề cập đến cái gì thì tức khắc phải xảy ra (đệ nhiên sinh) năm mối quan hệ hữu cơ với cái đó.

Năm mối quan hệ trong một sự lý gọi là Ngũ Thần gồm Dụng Thần, Nguyên Thần, Cừu thần, Kỵ Thần, Tiết Thần.

Ngũ Thần là : Lý : ***Một Mà Năm – Năm Mà Một***
Một mà Có Năm – Năm Mà Có Một
Một Là Năm – Năm Là Một

- **Là Lý Âm Dương Tứ Tượng Vận Hành kể luôn Trục Vận Hành của Tứ Tượng là Lý Ngũ Hành Sinh Khắc.**

- Là Lý *Đồng Nhi Dị Đệ Nhiên Sinh Khắc.*

Dụng Thần : là chỉ sự vật, việc người, v. v. . . vấn đề đang được đề cập tới.

Thí dụ : Khi muốn biết sự động dụng thuộc :

- Kẻ trên thì Phụ Mẫu là Dụng Thần.
- Kẻ dưới thì Tử tôn là Dụng Thần.
- Ngang hàng thì Huynh đệ là Dụng Thần.
- Tai hại, quan làng thì Quan Quỉ là Dụng Thần.
- Thỏa lợi, thủ đắc thì Thê tài là Dụng Thần.

Nguyên Thần : cái trước đó, cái sinh, giúp sức cho Dụng, sinh cho Dụng gọi là Nguyên.

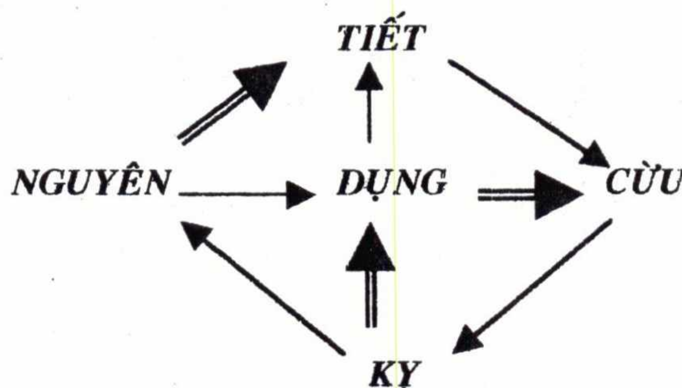
Cừu Thần : cái có mang lòng oán hận, căm thù với Dụng, bị giảm sức bởi Dụng hoặc bị Dụng cừu hận. Dụng khắc chế gọi là cừu.

Kỵ Thần : cái chống đối tai họa, làm giảm sức Dụng. Khắc chế Dụng gọi là Kỵ.

Tiết Thần : cái được hưởng thụ, được giúp sức bởi Dụng tiết khí ban cho. Dụng sinh cho gọi là *Tiết.*

Không sinh, không khắc với Dụng là cùng một Hành với Dụng, cùng gọi là Dụng.

Sau đây là vòng *Ngũ Thần Đệ Nhiên Sinh Khắc*



NGUYÊN sinh *DỤNG* khắc *TIẾT*
DỤNG - *TIẾT* - *CỪU*
TIẾT - *CỪU* - *KỴ*
CỪU - *KỴ* - *NGUYÊN*
KỴ - *NGUYÊN* - *DỤNG*

Đối với vấn đề nào cũng vậy, người học Dịch Lý luôn luôn phải tìm cho ra lý lẽ nguồn cội của nó và phải thật sự hợp tình hợp lý mới chấp nhận. Nên không thể dừng lại và học thuộc làu như xưa nay ở chỗ Kim sinh Thủy khắc Mộc, Mộc sinh Hỏa khắc Thổ hoặc Nguyên sinh Dụng khắc Tiết, Dụng sinh Tiết khắc Cừu. . . mà phải biết đặt câu hỏi trọng tâm truy lý truy nguyên như :

Tại sao Nguyên sinh Dụng khắc Tiết và
Dụng sinh Tiết khắc Cừu ?

Hoặc các câu hỏi tương tự cho đủ cả Năm Thần Năm Hành. Lý thì chỉ có một nên giải được một Thần thì các Thần khác cũng thế.

Người đời thường lý giải như sau :

- **Sở dĩ <u>Nguyên sinh Dụng khắc Tiết</u> vì Cừu khắc Nguyên nên Nguyên sinh Dụng để Dụng khắc Cừu – Vì Tiết sinh cho Cừu nên Nguyên phải khắc Tiết để gián tiếp khắc Cừu.**
- **Sở dĩ <u>Dụng sinh Tiết khắc Cừu</u> vì Tiết có khả năng khắc Kỵ nên Dụng phải sinh cho Tiết để Tiết đủ sức khắc Kỵ – vì Cừu trợ trưởng sinh cho Kỵ nên Dụng phải khắc cừu để giảm bớt áp lực của Kỵ đối với Dụng.**

Nói chung, Nguyên, Dụng hoặc các Thần khác vì quyền lợi bản thân phải sinh khắc các Thần khác.

Chúng tôi xin minh giải lý do tại sao Dụng Thần phải động tĩnh sinh khắc cùng lúc với các Thần khác để vén màn bí mật của Ngũ Thần – Ngũ Hành là điều bất đắc dĩ tiết lộ Thiên Cơ.

***1-DỤNG THẦN TÂM SỰ* : Do sợ *Kỵ Thần* khắc hại.**

Nếu lấy cái TA nào đó làm Dụng Thần thì khi chiết tính Tình Ý chiều sâu nội tâm thầm kín theo lý tính đương nhiên phải có của Dụng Thần, chắc chắn Dụng Thần lúc nào cũng lo âu, sợ hãi những mối đe dọa, tai họa, nguy hiểm, mất mát, thua lỗ làm giảm mất sự tồn tại hoặc hướng tiến của nó là *Kỵ Thần*.

Do đó *Dụng Thần* âm thầm hay công khai tìm đủ mọi cách hóa giải, tránh né, kềm hãm áp lực của Kỵ Thần.

Dụng Thần tự cho mình có lý do chính đáng cần phải tồn tại và tiến bộ riêng cho bản thân, chung cho kẻ khác nên Dụng Thần phải cường động, động tĩnh sinh khắc chân giả với các Thần khác.

2-DỤNG THẦN CƯỜNG ĐỘNG : ĐỘNG TĨNH SINH KHẮC CHÂN GIẢ

Để đối phó với Kỵ Thần, Dụng Thần cùng lúc triển khai hai phương án :

-Phương án *Sinh Hợp :* gồm hai đối tượng : Nguyên Thần và Tiết Thần

+Tìm *Nguyên Sinh Dụng* : Tìm nguồn trợ trưởng đắc lực

Do nhu cầu hoạt động rộng lớn lâu dài, trường kỳ kháng chiến chống lại Cừu Thần, Kỵ Thần nên Dụng Thần cần chọn tìm đúng tri âm đồng minh nào có khả năng cung cấp, giúp sức, bảo vệ làm Nguyên Thần – có điều kiện hoặc không có điều kiện trao đổi càng tốt – Nhưng Nguyên Thần phải sung vượng, tiếp trợ liên tục và kịp thời đúng nhu cầu của Dụng đòi hỏi. Đó mới là chơn Nguyên Thần.

Dụng phải biết chọn đúng *Nguyên* Thần để làm chỗ dựa vững chắc lâu bền.

+Tìm *Tiết* để *Dụng Sinh Tiết* : Tìm tri âm trợ thủ đắc lực.

Vì lý do nào đó Dụng Thần không trực tiếp đối đầu hoặc không đủ sức đối đầu, cần phải nhờ khả năng khác thay thế hoặc trợ thủ tấn công kỵ thần.

Khả năng đắc lực đó là Tiết thần, có thể là người vật việc phương tiện được *Dụng Thần* chọn lọc rất kỹ để làm chủ bài, chủ lực, công cụ tối ưu duy nhất thừa sức đè bẹp Kỵ Thần – Dĩ nhiên Dụng Thần rất quý trọng, hết mực chiều đãi cung phụng, bảo vệ nuôi dưỡng Tiết thần không tiếc công của hơi sức để Tiết thần sung mãn chiến đấu với Kỵ Thần. Ngòai Tiết ra, khó có cái khác đủ hiệu lực đối với Kỵ nên Dụng bằng bất cứ giá nào cũng phải sinh cho Tiết mới thành công được – Tiết thành công là Dụng thành công.

+Phương án *Khắc Hợp* : gồm 3 đối tượng Cừu thần, Tiết thần và Kỵ thần.

-Dụng Khắc Cừu : do bốn lý do :

•Cừu Thần là cái công khai hay ngấm ngầm giúp đỡ trợ thủ điểm tựa cho Kỵ thần khắc hại Dụng Thần – Cừu và Kỵ cùng một phe đảng nên Dụng phải khắc Cừu để triệt đường tiếp viện đối phương là sách lược công đồn phải đả viện.

• Cừu khắc hại Nguyên là nỗi lo sợ của Nguyên lâu nay nên Dụng phải khắc Cừu để bảo vệ đồng minh cũng là bảo vệ nguồn nuôi sống Dụng.

• Cừu Thần được Tiết lén lút hay công khai viện trợ giúp đỡ nuôi dưỡng bằng sức lực phương tiện của Dụng cung ứng hoặc của chính bản thân Tiết.

Nếu cứ để Tiết tiếp tục sinh cho Cừu thì cuộc chiến đấu với Cừu kỵ càng kéo dài hao tổn khó phân thắng bại vì có thể Tiết thần bị chia sức, phân tâm, không dốc hết toàn lực thi

hành nhiệm vụ được giao là Khắc chế Kỵ thần và cũng có thể Tiết thần lâm vào kế địch dụ dỗ "tham sinh vong khắc" mê sinh cho Cừu mà lơ là bảo vệ Dụng, hoặc ăn cánh đi đêm với Cừu kỵ, dù có khắc kỵ cũng là khắc giả.

Để bảo vệ Tiết thần mãi trung thành đắc lực với mình, Dụng thần bắt buộc phải tiêu diệt Cừu thần là đầu mối, cơ hội, nhịp cầu đưa Tiết đến hư hỏng phản chủ.

Vậy Dụng và Nguyên cùng có kẻ thù hận chung là Cừu nên chúng ra sức hợp tác tiêu diệt Cừu.

• Dụng tuy có mối lo âu là kỵ nhưng nếu tình thế bắt buộc hoặc cần phải đứng ra giữ quân bình sinh hóa chung giữa các Thần thì Dụng tự xét có thừa cơ mưu bản lĩnh hóa giải kỵ thần để vào lửa không sợ chết cháy, vào nước không sợ chết chìm.

Dụng sẽ xuất đầu lộ diện, nhữ cho kỵ thần ra mặt và cừu thần ló đuôi rồi dùng phép liên hườn 3 mặt giáp công như sau :

- Dụng Thần trực diện tấn công Cừu Thần để đả viện.

- Đồng thời đưa Nguyên Thần ra để dẫn dụ Kỵ thần tham sinh vong khắc phân tán lực lượng đối phương mất cảnh giác.

- Trong lúc đó Tiết thần nện liên tiếp những đòn chí tử vào Kỵ thần, buộc Kỵ thần phải lo chống trả, rối loạn hàng quân, không còn dám nghĩ đến khắc hại Dụng Thần nữa, lúc đó cho dù Kỵ thần có động mà không vượng thì làm gì được Dụng thần, đánh đấm như phủi bụi. Dụng Thần chỉ được dùng phép này khi nào thật sự vượng động và nắm chắc Nguyên Tiết vào trận hoặc thừa lúc Kỵ thần suy không động, bất cẩn.

Do đó, bằng mọi cách Dụng thần phải tích cực nhanh gọn triệt tiêu kềm chế Cừu thần ngay. Việc đả viện Cừu thần này quá dễ vì trong khả năng của Dụng Thần.

Muốn giữ thế quân bình sinh hóa chung giữa các Thần thì Dụng Thần không thể khoan nhượng Cừu và Kỵ được – Nếu không triệt tiêu được chúng thì cũng đưa chúng vào thế kềm hãm bị động, suy yếu lần lần.

- *<u>Nguyên khắc Tiết</u>* : rèn cán chỉnh quân.

Để uốn nắn, răn đe, dạy dỗ, kềm chế cho Tiết đi vào đúng nền nếp đường lối, dồi dào sức lực, ý chí tập trung, không được giao du, tiếp trợ với Cừu, Dụng phải nhờ Nguyên khắc Tiết – vì Nguyên vốn có đức uy khiến Tiết phải nể sợ.

Dụng chọn Nguyên để khắc Tiết là việc rất khéo, vừa bảo toàn bí mật vì Nguyên là tri âm đồng minh, ăn cánh với Dụng, vừa hiệu quả vì nhờ người có đức uy thương yêu dạy dỗ con mình tốt hơn là mình dạy con mình, theo đúng yêu cầu của Dụng để Tiết nên người hữu dụng, chớ nếu giao kẻ khác Nguyên, e không có lòng độ lượng thù oán nhỏ nhặt nặng tay giết chết con mình – vừa biết chia việc cho Nguyên để Dụng rảnh tay tập trung đối phó Cừu Kỵ.

-*<u>Tìm Kỵ để Kỵ Khắc Dụng</u>* :

Có trường hợp Ta tìm cho hoặc Dụng tự kiếm chân giả Kỵ thần.

Theo lẽ thường thì Dụng rất sợ Kỵ thần nhưng trong một số hoàn cảnh có lúc cần có Kỵ thần để thúc đẩy Dụng thần tiến bộ trên đường ngay nẻo chánh.

Nếu Dụng Thần suy nhược hèn nhát lười biếng lầm lạc quá trớn thì phải có Kỵ thần kích thích khích động răn đe, chế tài. Vì sợ kỷ luật hình phạt, Dụng phải cố gắng vươn lên hoạt động để sinh tồn để tiến bộ gọi là cạnh tranh sinh tồn, bằng không thì Dụng phải chịu luật đào thải tự nhiên.

Nếu Dụng vượng động e háo thắng kiêu căng lộng quyền vi phạm kỷ cương đạo lý nên cần phải có kỵ thần là cái thắng luôn kềm giữ Dụng thần mãi theo đúng hướng, hoặc để điều hòa sự quân bình sinh hóa chung của các Thần.

Trường hợp này kỵ thần cũng không được quá lạm quyền hành vượt qua giới hạn cho phép mà làm tê liệt triệt tiêu Dụng thần – vì Dụng Thần là trọng tâm sự việc, vấn đề. Nếu mất Dụng Thần thì không còn ý nghĩa Ngũ Thần nữa – rối loạn ngay.

Trường hợp phải giả kỵ thần cho khắc Dụng thần như là cò mồi đánh cuội chứ cùng một phe cánh ra cả, để tung hỏa mù, tạo khẩn trương nhằm lừa bịp kiểm tra thử thách xem nội bộ hoặc đối phương động tĩnh ra sao. Từ đó mới có thể kết luận đâu là Chơn nguyên thần Dụng thần Cừu thần Tiết thần . . . Bất đắc dĩ lắm mới được dùng phép Giả khắc vì dễ bị hiểu lầm là không trung thật, phản trắc. Có khi lộng giả thành chơn, rất nguy hiểm.

Qua sự sơ giải trên đủ thấy mưu lược bản lĩnh của Dụng thần quả chính chắn cao siêu. Còn nhiều điều kỳ diệu éo le trong lý luận Ngũ Thần mà chúng tôi chưa tiện nói ra nhưng hy vọng tự các Bạn phanh phui được – nhất là bản thân linh động của Dụng Thần, ứng xử giữa Dụng Thần với Kỵ Thần.

Sự việc có khi không đơn giản như Dụng Thần mưu tính, thực tế có khi phức tạp hơnnhiều hoặc ngược lại thực tế rất giản đơn mà mưu tính quá ư thận trọng máy móc.

Ngoài ra sự thành công thất bại còn tùy thuộc nhiều yếu tố khác nữa chứ không phải có mưu lược, diệu kế bản lĩnh là đủ.

Chúng tôi mời bạn nghiệm qua lời nói của tiền nhân trước khi chúng tôi đi sâu vào chi tiết.

315

Theo *Dã Hạc* :

Khán Quái tiên tu khán kỵ Thần
Kỵ Thần nghi tỉnh bất nghi hưng
Kỵ thần cấp yếu phùng thương khắc
Nhược ngộ sinh phù, Dụng thụ hình.

✍

Nguyên thần phát động chí dương dương
Dụng phục tàng hề giả bất tương
Tu yếu sinh phù kiêm vượng tướng
Tối hiềm hóa khắc cập phùng thương

Đại ý : Không cứ coi việc gì, trước hết xem Dụng Thần có được vượng Tướng không ? Nguyên Thần có động sinh phù không ? Có Kỵ Thần động khắc hại không ?

Còn Dã Hạc lại bảo xét Kỵ thần trước là cách đi tắt, cũng hay, nhưng thiếu tính khoa học biện chứng.

***LUẬN DỤNG THẦN VÀ NGUYÊN THẦN* :**

Trước hết, xét Dụng Thần, kế đến, cần thiết phải biết rõ Nguyền Thần.

Tình thế An Tỉnh : thì phải xét Dụng và Nhật Thần. Nếu Nhật Thần hình khắc Dụng thì việc làm phải cẩn thận. Kỵ thần không nên ở vào Thế ứng (chủ khách). Nguyên thần nên hợp Dụng, việc làm được hưng thịnh.

Trong tình thế an tỉnh lắng đọng lúc chưa xuất phát hoặc bổng dưng im lặng hòa hưởn coi chừng giả tạm, ta chớ vội tin phải xem xét cho kỹ.

316

• Quan trọng là nội bộ trước, xem Dụng Thần và Nhật Thần có sự cố gì không – nhất là Nhật Thần có hình khắc Dụng không. Nếu có thì việc làm phải cẩn thận, phải củng cố xây dựng uốn nắn lại hoặc thay đổi Nhật Thần khác. Nhật Thần ví như là kẻ thừa hành mệnh lệnh, đại diện Dụng Thần hoặc là phương tiện chiến đấu, trực tiếp với đối phương – nên Nhật Thần phải tuyệt đối chấp hành qui thuận hữu dụng ích lợi với Dụng Thần. Vậy lúc nào cũng phải kiểm tra lại tư cách Nhật Thần trước khi xuất phát, trong khi lâm chiến, sau khi hành sự.

• Kế xét Ky Thần xem có động không. Nếu ky thần động dù ở thế chủ khách (Thế ứng) cũng có nguy cơ đến Dụng. Tốt nhất Ky thần không nên động, ở thế tĩnh thì đỡ lo. Nếu có động thì phải ở xa Dụng, nếu gần Dụng thì không được vượng, không được cho vào thế chủ khách trực diện với Dụng, chung bàn với Dụng.

• Nguyên Thần lúc nào cũng phải tích cực nhiệt tình hỗ trợ hợp tác với Dụng, không được tách rời bỏ rơi Dụng dù lúc Tĩnh hay Động, lúc Hòa bình hay chiến tranh. Có như vậy công việc mới hưng thịnh lâu bền được. Nguyên Thần và Dụng Thần phải sinh hợp đồng tâm hiệp lực trợ thủ cùng chiều với nhau để tạo thế ỷ dốc – có sức mạnh tổng hợp toàn diện.

• Tình thế Loạn Động : khắp nơi đều động hỗn loạn, là việc chưa minh bạch hay không minh bạch. Do đó phải xét kỹ Dụng Thần. Nếu Dụng Thần bị *Hưu, Tù, Khắc, Hại* thì chắc chắn việc làm chỉ phí công vô ích hoặc thảm bại đau thương.

Ví như tình thế thiên hạ lộn xộn, rối rắm, khẩn trương, náo loạn, không rõ ràng, chưa ngã ngũ . . . là tình hình hoàn cảnh môi trường chung quanh loạn động thì ta phải xét lại *Dụng Thần* tức vấn đề đề cập. Nếu vấn đề đã lỗi thời, quá yếu đuối, bị kềm hãm, giam cầm hoặc bị chống đối xung khắc mạnh, nhiều nguy hiểm đe dọa hãm hại . . . thì khoan vội tiến hành lúc

này vì sẽ tốn quá nhiều công sức mà chưa chắc đã có được một tí thành công. Nếu cần nên chuyển đổi vấn đề khác làm Dụng thần.

Trường hợp Dụng Tuần không, nguyệt phá suy nhược hoặc phục tàng bất hiện mà được Nguyên thần sinh cho, hoặc đợi Dụng ra khỏi Tuần, khỏi Phá để gặp thời thì mới đặt lại vấn đề đó làm Dụng thần.

Trường hợp Dụng Thần Vượng Tướng mà Nguyên Thần lại Hưu, Tù bất động biến ra Mộ, Tuyệt, Phá, Thoái hoặc Nguyên thần bị Nhật, Nguyệt chế khắc đều là Nguyên yếu không thể hoặc khó sinh cho Dụng. Phải cân nhắc cho thật kỹ liệu Dụng đủ sức làm một mình không, làm được thì làm không thì thôi, chớ liều lĩnh mang họa. Nếu chờ Nguyên thần phục hồi được thì chờ, còn không thì phải tìm Nguyên thần khác. Chớ Dụng không được vì tình riêng Nguyên thần mà bỏ lỡ cơ hội trao trút trách nhiệm, đình đốn hư hại công vụ. Nhưng dù sao Dụng thần cũng phải được Nguyên sinh cho là tốt nhất ví như việc gì có căn gốc, có cội rễ, có chủ lực quan tâm, có cán nắm, có điểm tựa thì càng tăng sức vẫy vùng, để thủ thắng hơn.

LUẬN KỴ THẦN

Cái gì khắc hại Dụng thần thì cái đó gọi là Kỵ thần.
Kỵ thần động khắc Dụng, tỉnh coi như không khắc.
Nếu Dụng ở Tuần không thì không bị chế ngự.
Nếu trong cục diện tình thế lại xuất hiện có Nguyên thần thì kỵ lại lo sinh cho Nguyên mà giảm sự khắc Dụng. Đó gọi là "Tham Sinh Vong Khắc". Cội rể của Dụng thần nhờ đó được sâu bền hơn nên Dụng càng tốt vượng hơn.

Nếu Dụng phục tàng, không hiện ra mặt, có thể tránh được hung tai.

Nếu có Nhật Nguyệt (Nhật thần, Nguyệt kiến) sinh cho Dụng gọi là có cứu tinh, triệu chứng tốt.

318

Nếu Kỵ thần biến "Hồi Đầu Khắc" tức quay lại tự hại lấy mình hoặc Kỵ bị Nhật Nguyệt động xung khắc với Kỵ, gọi là giặc muốn hại Ta mà chưa kịp thì giặc đã bị hại nên Ta được vô sự bình yên.

Nếu Nhật Nguyệt sinh cho Kỵ thần Vượng Tướng, thì dù Kỵ thần có núp trong Tuần không hay phục tàng, đến khi nó ra khỏi Tuần không hay phục tàng tức xuất hiện tham chánh thì Dụng càng bị hại nặng hơn chứ không tránh khỏi được.

Kỵ thần tuy là mối đe dọa thường xuyên đối với Dụng Thần nhưng không phải lúc nào, trường hợp nào cũng tác dụng. Nếu Dụng Thần khéo léo biết tạo thời thế hoặc thời thế giúp cho thì dù Kỵ thần cố tình động truy sát Dụng cũng không được, nên Dụng vẫn ung dung tự tại an nhàn, có khi còn khinh lờn Kỵ trước mặt, không phải lo sợ gì Kỵ.

Có Dụng thần thì ắt phải có Kỵ thần nó là đầu mối của mọi tai họa nên lúc nào cũng phải xem xét cảnh giác tối đa Kỵ thần đến mức tuyệt đối an toàn.

LUẬN CỪU THẦN

Cái gì khắc chế Nguyên thần mà sinh cho Kỵ thần thì cái đó là Cừu thần đối với Dụng.

Cừu thần phát động thì Nguyên thần bị thương tổn, gián tiếp hại Dụng Thần làm Dụng Thần mất căn gốc, đồng thời Kỵ thần được Cừu thần thêm sức mạnh càng khắc kỵ Dụng nặng nề hơn.

Đó là đại hạn, tai họa của Nguyên và Dụng nên Dụng không ưa cừu, thù oán cừu, gây sự cừu hận khắc hại cừu.

Dụng khắc cừu mãi cho đến khi nào Cừu yên tĩnh, chịu phép không còn tính chuyện khắc hại Nguyên cũng như trợ

giúp kỵ – mới thôi. Lúc đó dù Cừu có được Tiết giao du sinh cho, Dụng cũng bỏ qua được để Tiết vui lòng giúp Dụng trọn vẹn trực tiếp chạm trán khắc chế Kỵ.

Cừu thần có khi ngây thơ vô tình không biết tại sao Dụng cứ tìm mọi cách cản trở khắc hại mình, chứ có biết đâu chính Cừu đã gây cản trở tai hại cho Dụng, nên Dụng buộc lòng phải khắc Cừu để bảo vệ quyền lợi của Dụng, thật tâm Dụng không thù oán mưu hại riêng gì Cừu mà chỉ thù oán mưu hại ai, cái gì cản trở làm hại Dụng. Ai biểu Cừu dính dấp vào việc của Dụng chi cho nó thù oán. Muốn hòa giải, chỉ cần Cừu thôi đừng làm những gì Dụng không muốn – không thích trên hướng tiến của nó. Nếu là trường hợp nghiệp chướng oan trái đến lúc phải vay trả sòng phẳng thì dù Dụng Cừu có thiện chí hóa giải tới mấy cũng chưa chắc toại nguyện.

NHẬN ĐỊNH NGŨ THẦN THEO QUAN ĐIỂM DỊCH LÝ VN

Các Thần sở dĩ phải sinh khắc lẫn nhau, không phải do ý muốn hay không muốn mà trước mắt vì quyền lợi bản thân phải tồn tại và tiến bộ, sau nữa là vì tương quan hệ lụy để giữ vững cuộc quân bình sinh hóa chung.

Lý do tự thân phải tồn tại và tiến bộ :

- Mỗi Thần đều có nội tâm sâu kín là rất sợ : Kỵ thần và Cừu thần làm hại, nên tìm đủ mọi cách vô hiệu hóa, giảm bớt thế lực kỵ thần và cừu thần, đồng thời lôi kéo thêm đồng minh có năng lực để trợ thủ. Chứ thực tâm chẳng ưa ghét thù oán gì riêng ai cả. Nếu ai giúp được thì cầu thân tới, ai hại thì tránh diệt đi.

Tất cả chỉ là vì quyền lợi ích kỷ bản thân phải tồn tại tiến bộ chứ chẳng ai tốt lành hay độc ác gì hết.

Đó là qui luật sinh tồn, khiến cho nhân sinh mãi mãi phải sinh khắc hệ lụy lẫn nhau một cách vô tội vạ, không sao tránh khỏi được.

Nghiên cứu các quan hệ xã hội thì phải dựa vào Lý Đức Tính Tâm Sinh Lý chiều sâu của các Thần như thế thì không bao giờ sai chạy được.

Lý do tương quan hệ lụy để tạo quân bình sinh hóa chung :

Cái trớ trêu ở đây là Nguyên với Dụng tuy là đồng minh nhưng việc làm lại khác nhau (*Đồng Nhi Dị*). Trong khi Nguyên mãi mãi khắc Tiết mà Dụng thì cắm đầu sinh cho Tiết hoặc ngược lại. Vậy thì làm sao Tiết bị tiêu diệt hay lớn mạnh được. Tiết vừa được hưng phấn vừa bị ức chế. Đó là thế quân bình sinh hóa ở mỗi Thần – chứ không phải các Thần tự do hoàn toàn muốn làm gì thì làm.

Cái gì cũng có đồ kỵ chứ không thể vô kỵ và cái gì cũng có người cần chứ không hoàn toàn vô dụng.

Tiết được Dụng sinh cho nên Tiết ở trong Tình Tử Tôn (con cháu) với Dụng.

Tiết được Dụng nuôi dưỡng chở che thì đáng lẽ phải tuyệt đối trung thành tin tưởng tôn thờ cùng 1 đường lối với Dụng mới phải chớ ?!

Đàng này, một mặt Tiết vẫn tiếp tục nhận viện trợ thọ ơn nghĩa của Dụng, một mặt công khai hay lén lút giúp đỡ cung phụng cho Cừu là kẻ đang có thù oán với Dụng, làm cho Dụng phải mất nhiều công sức hơn mới ngăn giữ kềm chế được Cừu, nhưng không tiêu diệt được Cừu, để cho Cừu có cơ hội đút lót cầu cứu, mượn sức, xúi Kỵ khắc Dụng nặng nề hơn nữa.

Ta có thể cho rằng Tiết phản bội Dụng chăng ?

-Tiết vừa trung thành vừa phản bội Dụng cùng lúc. Còn Dụng giúp Tiết có phải là ý tốt không ? Dụng biết Tiết có khả năng khắc chế được Kỵ nên Dụng mới chịu Tiết khí tài lực nuôi dưỡng bảo vệ lợi Dụng ban ơn nghĩa để Tiết phải liều thân đi khắc Kỵ – một mặt

khắc Dụng dùng phép cộng đồn đả viện, muốn tấn công được Cửu thì phải triệt đường tiếp viện của Cửu là Tiết, nên Dụng nhờ Nguyên vốn khắc Tiết làm việc giảm sức răn đe Tiết, để Tiết phải bận rộn lo đối phó Nguyên lơ là hạn chế giúp Cửu nhờ đó Tiết dồn toàn lực chiến đấu với Kỵ theo đúng ý đồ yêu cầu của Dụng – Vậy Tiết là con cờ của Dụng, chứ Dụng có tử tế riêng gì với Tiết. Chính Tiết cũng biết rõ điều này nên mượn sức của Dụng để kiếm lợi cho hướng tiến của mình.

Rõ ràng cái Lý Đồng Dị Sinh Khắc phản phục cùng lúc luôn ẩn sâu trong các quan hệ giao dịch giữa các Thần thì trách sao Xã Hội Tình đời Tình người không có trung thành phản bội cùng lúc.

Mỗi Thần đều có lẽ sống, cách sống và hoàn cảnh sống riêng không giống nhau thì không thể trách cứ kết tội trung thành phản bội cho kẻ khác trong khi chính mình cũng có trung thành phản bội.

Cuộc sống là giả hợp đổi thay, chính Ta cũng phải đổi thay chân giả mà lại đòi hỏi kẻ khác phải mãi mãi thành thật, trung thành, chung tình với ta, có phải là vô lý chăng ?

Sự hiểu biết vô tư công bằng này sẽ giúp ta thích ứng với cuộc sống, tràn đầy lòng cảm thông, rộng lượng tội nghiệp cho muôn loài – phải chịu lăn lộn trong một qui luật nghiệt ngã như thế, không sao thoát được.

Tuy nhiên, nếu không có qui luật Âm Dương Ngũ Hành Quân Bình Sinh Hóa, thì vũ trụ muôn loài con người ra sao, có thành tựu được không ? có biến hóa được không ? Và nếu ngay bây giờ, lý lẽ Biến Hóa không còn nữa, Âm Dương Sinh khắc không có, thì ta có thể tưởng tượng việc gì sẽ xảy ra. . . chắc chắn không ai hình dung nổi hết và lúc đó con người hối hận ăn năn tiếc mong có lại được luật Âm Dương Quân Bình Sinh Hóa, mà lúc đó làm gì còn có con người nào để mà tiếc rẻ ăn năn.

Đó là nói bâng quơ cho vui, chớ làm gì có chuyện không còn biến hóa, không còn sinh khắc. Âm Dương Vận Hành Sinh Khắc để tạo Quân Bình Sinh Hóa muôn loài vạn vật đã trở thành một Nhiên Luật rồi thì đừng mong thoát khỏi, cải sửa gì cả.

Ngược lại, ta phải thấy nhờ sự vận hành sinh khắc cùng lúc nên các Thần mới còn tồn tại, mới tạo được thế quân bình sinh hóa cho toàn thể xã hội Ngũ Hành. Nếu một hoặc hai Thần nào quá mạnh hay quá yếu bị tiêu diệt thì cơ cấu ngũ hành bị phá vỡ mất quân bình ngay và lập tức ngay lúc đó lại nẩy sinh một

cơ cấu Ngũ Hành mới để tái lập quân bình sinh hóa.

Vũ trụ muôn loài không phải chỉ có một cơ cấu Ngũ Hành mà là muôn trùng thiên ngũ hành trùng lấp chồng chất nắm níu không còn biết đâu là đầu mối. Vì chính mỗi sự vật việc con người là một Ngũ Hành, là một mà Năm, có sẵn Năm Hành cùng lúc trong cái một đó.

Lý luận Ngũ Thần còn nhiều điều có lẽ kỳ bí nhiệm nhặt, chúng tôi không tiện trình bày hết độc đáo của nó, e kinh động lòng người. Nhưng nhờ lý luận Ngũ Thần giúp chúng ta hiểu tường tận Ngũ Hành trên mọi phạm vi vũ trụ vô hữu.

5.- KẾT LUẬN :

Ngũ Hành là cơ cấu của Xã Hội muôn đời – của Xã Hội Âm Dương.

Xã Hội Âm Dương tổ chức theo Ngũ Hành. Mỗi Hành ví như là một khối, nhóm, một vấn đề.

Những khối nhóm, vấn đề quẩng tụ chung lộn thành ra một Cục Diện, gọi là Thiên Hạ Sự.

Nếu không có sẵn một kiến thức sâu rộng về Âm Dương, chúng ta khó thấu biết Thiên Hạ Sự đang biến diễn đến giai đoạn nào.

Thiên Hạ Sự như đống tơ vò, như mê hồn trận, nếu chẳng có nguyên tắc để soi rọi vào, chẳng có phương pháp để nhìn biết thì suốt đời chúng ta chẳng thể nào nhìn biết được ngõ hầu có thể tạo thành sự quân bình cho thiên hạ được. Vì Ngũ Hành không phải chỉ Sinh Khắc dễ dàng như thế đâu. Không phải Kim sinh Thủy là sinh Thủy mãi đâu – không phải Kim khắc Mộc là khắc Mộc mãi đâu – Tùy lúc mà chúng biến đổi sinh khắc luôn luôn.

Nên nhớ chính một Thần đã có sẵn Năm Thần, nên mới nói Lý nhiệm nhặt ***Một Mà Năm***. Thần đó sẽ tùy lúc biến đổi vậy – khi thì làm Dụng Thần, khi làm Tiết Thần, khi làm Nguyên Thần, khi làm Cừu Thần, khi làm Kỵ Thần, chứ không nhất định Kỵ Thần là Kỵ Thần mãi, hay Cừu Thần là Cừu Thần mãi.

Tình đời, Tình người đã cho ta thấy rõ điều đó. Thí dụ cha mẹ với con cái.

Cha mẹ có lúc giúp con cái, có lúc hại con cái – lại có lúc con cái giúp cha mẹ, có lúc hại cha mẹ.

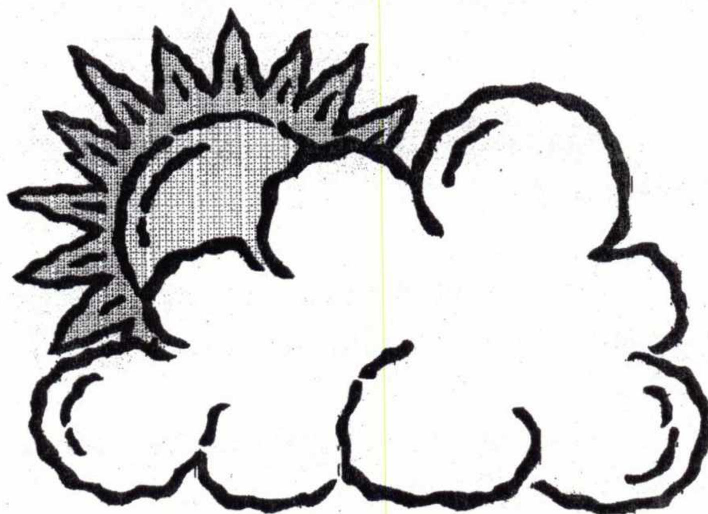
Thường tình đều có như thế, nhan nhản khắp nơi trên dòng sống của Nhân loại, chứ không phải chỉ có cha mẹ giúp con cái mà thôi.

Vậy trên đường hành sự, vào mỗi lúc ta cần phải biết xem đâu là Nguyên Thần, Cừu Thần, Kỵ Thần, Tiết Thần, Dụng Thần, nhờ đó mới có thể tiến thoái đắc sách – không nên quá chơn thật chất phác, hiểu chết nghĩa để rồi bị người gạt gẫm gia hại.

Nếu không nhớ nhiều thì cũng phải phải hiểu Trời Đất muôn loài chỉ có nhất lý là yếu lý *Đồng Nhi Dị*, nhất Luật là Biến Hóa Luật. Vậy ở đâu lúc nào, bất cứ vấn đề gì, làm việc gì cũng là *Đồng Nhi Dị Biến Hóa.*

Ngũ Hành, Ngũ Thần Sinh Khắc cũng không ngoài Lý *Đồng Nhi Dị Biến Hóa* triển khai khoáng trương.

Tuy nhiên Sinh Khắc là vấn đề sinh tử trong Thiên Nhiên Xã Hội, cần phải nghiên cứu riêng thành một đề tài mới có thể thấu đáo diệu dụng.



- - -

LÝ SINH KHẮC

Chúng ta đã biết Xã Hội Âm Dương là một Xã Hội Tiên Thiên mẫu mực cho mọi cuộc sinh động của muôn loài.

Khi Âm Dương thu hút đi lại lẫn nhau, trong đó có vấn đề cân xứng nhiều hoặc cân xứng ít.

Sự cân xứng nhiều hoặc ít đó gọi là *Sinh Khắc.*

I.-ĐỊNH NGHĨA :

Sinh : có nghĩa là tăng sức, thêm sức cho cái gì.
Khắc : có nghĩa là giảm sức, bớt sức cho cái gì.
Sinh Hợp : Âm Dương phối hợp, cân xứng nhiều, bất cân xứng ít.
Khắc Hợp : Âm Dương phối hợp, cân xứng ít, bất cân xứng nhiều.

Tương xứng nhiều ít và bất tương xứng nhiều ít là tùy nhu cầu được thỏa mãn, đáp ứng ở mỗi lúc khác nhau.

II.-SINH KHẮC TỐT HAY XẤU :

Sinh không có nghĩa là tốt. Khắc không có nghĩa là xấu.
Sinh cũng tốt cũng xấu. Khắc cũng tốt cũng xấu.

Người đời thường không hiểu lẽ này nên khi nghe nói sinh đã vội mừng, khắc đã vội buồn.

Nếu thế khi gặp lửa cháy nhà, người người đều lo dập tắt lửa, bỗng có một ngọn gió lớn làm cho lửa bừng cháy cao hơn, gió đã làm tăng thêm sức của lửa. Đây là trường hợp *Sinh Hợp.* Ta lại mừng sao ? Ta lại cho là tốt sao ?

326

Ngược lại, nếu lúc lửa cháy ngất trời mà gặp trận mưa to dập tắt được ngọn lửa, nước đã làm giảm bớt sức lửa. Đây là trường hợp *Khắc Hợp*. Ta lại cho là xấu sao ? Buồn chăng ?

Kẻ chủ trương đốt nhà người, đốt được thì mừng, kẻ bị cháy nhà thì buồn. Ngược lại, kẻ chủ trương đốt nhà người cho được, nếu đốt không được nó rầu buồn. Trong khi đó, người chưa bị đốt mừng quýnh.

Nhân tình, thế thái là vậy đó.

Chuyện mừng vui, buồn giận, yêu ghét, tốt xấu, phải trái . . . là do phán đoán chủ quan của mỗi người mỗi phe nhóm vào mỗi thời lúc khác nhau.

Còn *Lý Sinh Khắc* là lý đương nhiên, khách quan vô tư, luôn luôn bao bọc, ẩn tàng ở muôn loài vạn vật trong Xã Hội Thiên Nhiên.

Chủ quan thường đưa đến chấp nê, sai lầm là đau khổ. Khách quan vô tư sẽ khiến ta vượt khỏi những thường tình đó.

Người đời thường phân lợi là Dương, hại là Âm. Sinh là Dương, Khắc là Âm như vậy không chính lý, Lợi đã là Âm Dương, Hại đã là Âm Dương, vì lợi nhiều lợi ít cũng là Âm Dương. Hại nhiều hại ít cũng là Âm Dương.

III.- ĐẠO SINH HỢP :

SINH, PHÙ, CỦNG, HỢP, THỜI VŨ TƯ MIÊU

Sự Hóa Thành ở muôn đời, mãi mãi chỉ là *Bộ Mặt Mới* của Âm Dương, là Âm Dương phối hợp cung cầu sinh hóa, nên chúng ta mới nói trong Trời Đất có hai đường : *Sinh Hợp* và *Khắc Hợp*.

Sinh Hợp là lúc chung cùng với nhau, giúp đỡ thêm sức cho nhau, nhưng cả hai đều thấy có lợi, thỏa mãn trong vấn đề

gì đó. Vừa giúp nhau trên bước tiến của hướng tiến tức là *Sinh* nhiều *Khắc* ít.

Nếu xông pha vào Đạo Thiên Hạ, thời ta nên thận trọng khi sử dụng cái Đạo Sinh Hợp ấy. Như xưa kia, Lang Sa thống trị làm điều bạo ngược, há người chí sĩ lại hùa giúp chúng sao? Như vậy thì tai vạ nặng lắm, học giả phải nên biết.

Cái Đạo Sinh Hợp ấy, người xưa gọi là *Đạo Sinh Phù Củng Hợp*.

Nếu vật hay việc gì là Dụng Thần bị suy nhược xung phá mà được *Sinh, Phù, Củng, Hợp* thì như mầm khô được mưa đâm chồi nẩy lộc. Vậy là ý nghĩa câu : Sinh Phù Củng Hợp Thời Vũ Tư Miêu.

Con người ta ở đời có lúc an lúc nguy, lúc thịnh lúc suy. Khi ta đang suy nhược mà được tri âm giúp đỡ, phù trợ, củng cố, hợp tác thì thật tươi mát, thỏai mái, phấn khởi biết bao.

IV.- ĐẠO KHẮC HỢP :
KHẮC, HẠI, HÌNH, XUNG THU SƯƠNG SÁT THẢO

Đã nói đến Sinh hợp, thời ta cũng phải nhắc đến khắc hợp vì trong thiên nhiên, sinh khắc chuyền tay nhau mãi mãi không thôi.

KHẮC HỢP : là lúc tuy chung cùng với nhau, nhưng chỉ để giảm sức của nhau. Trong đó, có lúc chỉ một bên thấy có hại, và một bên thấy có lợi hoặc cả hai đều bị hại bất lợi – về vấn đề gì đó.

Ngoài mặt thì chung cùng với nhau nhưng trong lòng là phá hoại bước tiến của nhau trong hướng tiến, gươm treo trước mặt, hại thầm sau lưng.

Đó là khắc nhiều sinh ít.

<u>XUNG KHẮC</u> : có nghĩa là giữa lực lượng này với lực lượng khác đối diện nhau, ra mặt không chấp nhận lẫn nhau, đối xung nhau, phá tán, tác hại, đối kháng ra mặt, giả dối lợi dụng lẫn nhau.

Trong cuộc sinh động, dù chủ trương hay không chủ trương, dù có làm hay không có làm, cũng có kẻ đồng ý và không đồng ý, có kẻ sinh hợp hoặc khắc hợp với mình.

Ta và kẻ khác gặp gỡ nhau, phá phách nhau, lừa dối nhau, đối đầu kình địch nhau, ấy đều có thể gọi là *Khắc Hợp*, nặng là *Xung Khắc – Hình Xung*.

Sử dụng *Đạo Khắc Hợp* hay *Xung Khắc* cũng phải thận trọng như khi sử dụng *Đạo Sinh Phù Củng Hợp* khi vào ra trong thiên hạ.

Nếu Dụng Thần đã bị suy nhược, chẳng những không được Sinh, Phù, Củng, Hợp như trên mà lại bị Khắc, Hại, Hình, Xung thì chẳng khác nào cỏ non gặp sương mùa thu vùi dập, ắt phải chết vậy. Đó là ý nghĩa câu : <u>Khắc, Hại, Hình, Xung thu sương sát thảo</u>. Tác dụng có thể đến chết người, chứ đâu phải chuyện đùa giỡn được.

Trời Đất tự nhiên có hai đường là Đạo Dưỡng Sinh và Đạo Sát Sinh. Làm người phải biết rõ khi nào nên dùng Đạo Dưỡng Sinh, khi nào Sát Sinh thì mới hợp Đạo Lý Tạo Hóa, hợp Đạo làm người.

Đạo Dưỡng Sinh hay Đạo Sát Sinh đều có uy lực tác dụng kinh thiên động địa, linh thiêng mầu nhiệm huyền diệu không kém nhau. Ta không nên khinh suất, sử dụng bừa bãi, vô tình nối giáo cho giặc thì tội không nhỏ vậy. Chí Ác hay Chí Thiện là do có biết dùng đúng chỗ đúng lúc hay không Đạo Dưỡng Sinh

và Đạo Sát Sinh mà thôi. Chỉ có *Tạo Hóa* toàn năng mới không sai lầm chút nào khi sử dụng hai Đạo Dưỡng Sinh và Sát Sinh cùng lúc.

V.-HỢP XUNG, XUNG HỢP : HỢP TRUNG PHÙNG XUNG XUNG TRUNG PHÙNG HỢP

Như chúng ta vừa thấy, Sinh đó, Khắc đó. Lý Sinh Khắc vô cùng nhiệm nhặt.

Có việc ta tưởng thành mà hóa ra bại. Có việc ta tưởng bại mà hóa ra thành.

Đó là do nơi vấn đề *Hợp Xung* hay *Xung Hợp*.

Có khi Hợp trước Xung sau, như trước thì mơ ước được cùng nhau, kế đó muốn xa nhau, trước thì ý hợp tâm đầu, kế đó nghịch ý khó thương – Hoặc ngược lại, trước *Xung* sau *Hợp*, trước là hiểu lầm, thù ghét muốn xa nhau, nhưng sau đưa đẩy gần nhau, thông cảm hiểu nhau, thương mến không muốn rời nhau. Người ta thường nói : *Hợp Trung Phùng Xung, Xung Trung Phùng Hợp*.

Như khi người ta trái ý mình và mình trái ý người ta, tức là hai bên không cùng với nhau mà có trường hợp phải chung đụng, đi đứng, ăn ở với nhau trong một việc gì đó. Vì tình thế lúc bấy giờ bắt buộc phải như vậy, thì mặc dầu bên kia tỏ ra hết sức tác hợp với mình, TA cũng nên biết rằng việc tuy có thành rồi cũng bại là *Hợp Trung Đái Khắc*. Còn việc tuy thấy bại trước rồi thành sau là *Xung Hợp, Tiền Hung Hậu Kiết*

Sở dĩ có vấn đề *Hợp Xung* hay *Xung Hợp* là vì có *Sinh Khắc Chơn Giả, Sinh Hợp Chơn Giả, Khắc Hợp Chơn Giả*. Có lúc Sinh Chơn, có lúc Sinh Giả. Có lúc khắc chơn có lúc khắc giả.

Vậy làm thế nào để biết Chơn Giả ?

VI.- SINH KHẮC CHƠN GIẢ :

Tình Đời Tình Người lúc nào, ở đâu cũng chỉ là sinh khắc chơn giả từ đơn giản đến phức tạp đa dạng khôn lường.

Bởi thế muốn đo lường chơn giả của Nhân Tình Thế Thái phải có nhiều cách phối hợp thì mới có thể lột trần bộ mặt thật của Chơn Giả. Ở đây chúng tôi xin trình bày một vài cách tìm chơn giả có tính kinh điển gợi ý, các bạn dựa vào đó mà sáng tạo linh động thêm.

1- Xét Cương Vị : của mình lúc bấy giờ đến với vấn đề và cục diện, xem lợi hại ra sao. Chỗ không đáng sinh mà sinh ấy là sinh giả. Chỗ không đáng khắc mà khắc ấy là khắc giả.

2- Dụng Thần Cường Động : để chọn Chơn Nguyên Thần và Chơn Kỵ Thần từ đó suy ra Cừu Thần và Tiết Thần. Ta cho Dụng Thần xuất hiện phát động thì lập tức theo luật cung cầu thừa thiếu sẽ có kẻ khác tìm đến theo hấp dẫn lực để hoặc là sinh giúp hoặc khắc hại Dụng Thần. Nếu không phải là Chơn Nguyên hay Chơn Kỵ thì nó không thiết tha tích cực đến với Dụng Thần hoặc có đến thì lúc đầu tỏ ra tích cực vì lầm lộn, sau biết rõ không phải đúng đối tượng, chúng nó sẽ bỏ đi ngay hoặc từ từ lợt lạt. Thời gian Dụng Thần cường động có thể mau hoặc lâu tùy theo tính chất của sự việc.

Trên đường hành sự, nếu có điều chi nghi ngờ cần trắc nghiệm thì phải thử cho Dụng Thần Cường Động để tìm chơn giả, nhưng phải thật khéo, chọn đúng Dụng Thần và nếu được kín đáo, bí mật bất ngờ càng hiệu nghiệm.

3 - Tình Huống Bất Ngờ :

Tình huống bất ngờ do tự nhiên xảy ra hay ta tạo nên để cho tính chất thiên nhiên chơn dạng lộ nguyên hình. Không

thể che giấu được trong lúc bất ưng. Từ đó ta suy ra sự thật chân hay giả.

4 -Tiền Hậu Bất Nhất :

Xét tính chất đơn giản của sự việc qua hình dáng, hành động, cử chỉ, chất liệu, ngôn ngữ, việc làm . . . trước sau y như vậy hay có thay đổi bất thường.

Cái giả thường bất nhất, cái sau phản cái trước, lộn xộn, lúng túng, giấu đầu lòi đuôi. Giữa lời nói và việc làm thì lời nói chỉ là lời nói suông, hành động mới là vấn đề.

5 -Truy Tìm Căn Đế Chiều Sâu :

Bản chất sự thật thường bị che giấu, tiềm ẩn, khó thấy biết nên phải truy nguyên lý lịch đến căn cội dòng giống để phân định chân giả.

Thành tích quá khứ, hiện tại là cơ sở có khả năng định hướng tương lai.

Hiện tượng có thể được ngụy trang, đội lốt không đúng với bản chất.

Nếu bản chất và hiện tượng đồng tính, thuận chiều là chơn; khác tính,nghịch chiều là giả.

Chơn là hể có lý đó thì có tượng đó, hể có tượng đó phải có lý đó – Nếu không là giả.

6-Dịch Lý Báo Tin

Người học Dịch được trang bị bản kính chiếu yêu là Động Tĩnh Công Thức, khi mở ra soi rọi vào bất cứ thứ gì thì nó phải hiện nguyên hình chân giả thật láo, không thể lẩn tránh được.

Chuyện đời thường có sinh khắc chơn giả nên sự thành bại cũng là lẻ thường. Chúng ta không nên lấy đó mà nản lòng.

Nếu vì hướng tiến chung, ta cũng nên xông pha vào Đạo Thiên Hạ để làm việc cả cho Thiên Hạ. Chớ không nên cầu

chấp tự cao, tự đại hoặc buông trôi, tự ti mặc cảm – Vì như thế suốt đời không làm được gì cho ai cả.

Chúng ta nên nhớ dầu bất cứ hạng người nào hay phe phái nào, đối với nhà Âm Dương học cũng có thể *Hợp* được, không trước thì sau mà thôi – Vì đâu có thứ gì hoàn toàn vô ky, bất khả xâm phạm, cố định, không thay đổi.

VII: SINH KHẮC CÙNG LÚC | SINH LÀ KHẮC
TĂNG GIẢM CÙNG LÚC | KHẮC LÀ SINH

Nội dung phương pháp chính yếu của Khoa Thiên Nhiên Xã Hội học là Ẩn hiện Giao Dịch Sống Động tức là ứng dụng cái lý lẽ Quy Luật Âm Dương Sinh Khắc Vận Hành, Quân Bình Sinh Hóa.

Người thấu rõ và linh động ứng xử qui luật này đến mức độ tuyệt vời thì được gọi là xuất quỷ nhập thần – thiên biến vạn hóa, người thường khó biết đâu mà đo lường. Nhất là khi sử dụng *Sinh Khắc Cùng Lúc : Sinh Là Khắc – Khắc Là Sinh*.

Vì muốn chỉ rõ lý Âm Dương Tiêu Trưởng cùng lúc cũng như vật chỉ biến hình, ẩn hiện lúc đó :

- hể Tính Lý Âm tiêu thì Tính Lý Dương Trưởng
- hể Tính Lý Dương Tiêu thì Tính Lý Âm Trưởng

như phạm vi Âm Dương Trong Đục : Trong Trưởng thì Đục tiêu. Đục trưởng thì trong tiêu nên tiền nhân mới đặt ra vấn đề Sinh Khắc và luôn luôn nhắc nhở nhấn mạnh sinh khắc cùng lúc.

Rồi người đời lại hiểu Sinh Khắc quá nông cạn, kém vô tư theo một chiều Tiêu hoặc một chiều Trưởng của Âm Dương, trong khi sự thật Âm Dương Tiêu Trưởng cùng lúc, một đàng tiêu thì một đàng trưởng.

Ví dụ : Theo đa số luận về Ngũ Hành Sinh Khắc đều cho là *Thổ* khắc *Thủy*. Nhưng lý thật là khi chúng sống động giao dịch, rồi liền biến dịch để hóa thành Bộ Mặt Mới thì cả *Thủy* và *Thổ* trong mỗi Hành đều có tiêu trưởng biến thể. Cái học dốt nát về Âm Dương lại gọi Tiêu Trưởng Biến Thể là Vong Thân trong khi chỉ là Tiêu Trưởng Ẩn Hiện – Tiêu là Tiêu Ẩn – Trưởng là trưởng hiện.

Nếu luận một chiều Tiêu Ẩn hoặc một chiều Trưởng hiện ta thấy có bốn trường hợp sinh khắc như sau :

- *Thổ* khắc *Thủy* (*Thủy* ẩn tàng trong *Thổ*)
  → đấp đập chặn nước, đất hút nước.
- *Thủy* khắc *Thổ* (*Thổ* tan rã trong *Thủy*)
  → nước sói mòn đất nước phù sa
- *Thổ* sinh *Thủy* (*Thổ* hòa mình với *Thủy*)
  → đào kinh dẫn nước thủy lợi
- *Thủy* sinh *Thổ* (*Thủy* hiến thân cho *Thổ*)
  → nước làm mềm đất để gieo trồng.

Chẳng hạn ta chọn điển hình của Thủy là *Nước*, Thổ là *Đất* thì bản thân của :

Đất có khô (Dương), ướt (Âm)
Nước có Trong (Dương), *Đục* (Âm)

Khi Đất Nước giao nhau thành *Đất Ướt – Nước Đục*. Phân tích Bộ Mặt Mới Đất Ướt hoặc Nước Đục, lý đương nhiên là :

-Phạm vi *Đất* : độ khô giảm (Tiêu) thì cùng lúc độ ướt tăng (Trưởng)

-Phạm vi *Nước* : độ trong giảm (Tiêu) thì cùng lúc độ đục tăng (Trưởng)

Vậy cả hai phạm vi Đất và Nước khi giao nhau thì cùng lúc cả hai đều có giảm độ khô, trong và tăng ướt, Đục, chứ không chỉ riêng đất hay nước mới tăng hoặc giảm mà cả hai tăng giảm cùng lúc, sinh khắc cùng lúc lẫn nhau.

334

Lý Âm Dương Tiêu Trưởng Ẩn Hiện Sinh Khắc cùng lúc, sinh là khắc, khắc là sinh, là lý tự nhiên như nhiên, không phải bày đặt tưởng tượng ra.

Tuy nhiên lý này sâu thẳm, người thiếu căn cơ khó hiểu được vội cho là vô lý, phi lý. Họ chỉ thấy một chiều là Thổ khắc Thủy, chứ họ đâu có ngờ Thủy khắc Thổ, Thủy sinh Thổ, Thổ sinh Thủy. Họ đâu có ngờ, Thổ khắc Thủy thì cả hai đều biến hóa thay đổi bộ mặt cũ ít nhiều. Người ta không thấy nổi chúng biến đổi trong sâu kín nhiệm nhặt, chỉ đợi đến khi mắt thấy tai nghe thì quá muộn rồi.

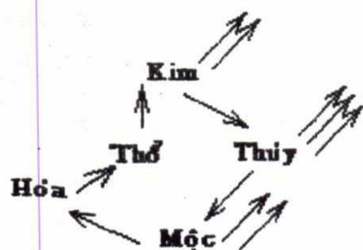
Họ không quen nhìn thấy hai chiều : sinh ở mặt này thì cùng lúc khắc ở mặt khác. Họ quen phán đoán theo hiện tượng biểu hiện, thấy đâu nói đó, chứ không quen lấy lý mà luận – thì chẳng khác gì các thầy bói mù sờ voi.

Người học Dịch luôn luôn nhận thức hai mặt sinh khắc cùng lúc trong một vấn đề nên khách quan vô tư hơn – vì sự thật vấn đề nào cũng có sinh khắc cùng lúc, Âm Dương cùng lúc. Nói sinh cũng đúng (một phần), nói khắc cũng đúng (một phần). Vừa sinh vừa khắc chẳng phải cùng lúc là gì ? Sinh cũng là đó, khắc cũng là đó, vậy chẳng phải sinh là khắc, khắc là sinh sao ?

MỘT CÁCH TĂNG GIẢM CÙNG LÚC TỐI ƯU

Trên dòng Đệ Nhiên Sinh Hóa, người học Dịch quen việc tăng giảm cùng lúc, sinh khắc cùng lúc như sau :

PHÉP TĂNG CÙNG LÚC :



Thủy Suy
- Tăng Thủy nhiều
- Tăng Kim kha khá
- Tăng Mộc kha khá

Thí dụ : <u>Thủy suy</u>, ta dùng phép Tăng cùng lúc theo lý thành Một mà Ba để tạo thế quân bình sinh hóa vững chắc lâu bền :

Tăng mạnh thẳng cho Thủy, đồng thời tăng khá khá cho *Kim* và *Mộc*.

Thủy đang suy thì phải tăng mạnh trực tiếp để cho Thủy Vượng là Dương pháp – quá đúng.

Tăng khá khá cho Kim là để bồi gốc của Thủy cho vững bền thì Kim mới tiếp trợ sinh cho Thủy để bảo đảm hiệu quả vượng của Thủy lâu dài.

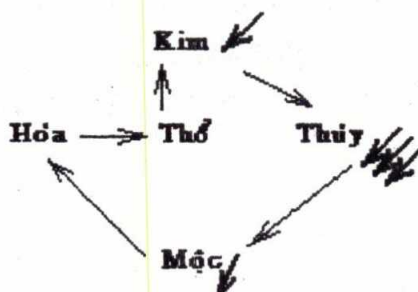
Tăng khá khá cho Mộc để Mộc vượng thì Thủy đỡ phải Tiết khí quá nhiều cho Mộc. Thủy được nghỉ ngơi dưỡng sức, phục hồi thịnh vượng nhanh chóng.

Tăng cho Thủy vượng như trên là đồng thời gián tiếp làm cho Thổ tù – Hỏa tử – mà không cần đụng tới Thổ và Hỏa.

Người ta thường cho đây là phép Vương đạo – khôn khéo đắc sách nhất, tránh được nhiều hao tổn, thù oán.

PHÉP GIẢM CÙNG LÚC :

Thí dụ : <u>Thủy vượng</u> bất lợi cho Ta, nếu muốn giảm sức của Thủy thì ta dùng phép *Giảm* cùng lúc cũng theo Lý thành Một mà ba như sau :



Giảm thẳng mạnh vào Thủy, đồng thời *Giảm* khá khá hoặc ít ít *Kim Mộc* đủ để quân bình sinh hóa thì thôi.

Giảm mạnh trực tiếp vào Thủy là biện pháp tích cực khống chế kềm hãm thế lực của đối tượng.

Giảm *Kim* là cách vừa công đồn vừa đả viện để kim suy yếu không tiếp trợ cho Thủy được, do đó Thủy mất nguồn cung cấp như đèn cạn dầu lần ắt phải lu, tắt.

Giảm *Mộc* là gián tiếp buộc Thủy phải tiết khí hao tổn để tiếp trợ cho *Mộc* đang suy yếu.

Như vậy gián tiếp *Thổ Hỏa* vượng trong hoàn cảnh Thủy Kim Mộc bần cùng.

Phép tăng giảm cùng lúc này rất diệu dụng trong trường hợp cấp cứu, nguy vong. Cũng có thể dùng trong lúc bình thường để luôn giữ sự quân bình sinh hóa chung của các hành – nhưng tăng giảm vừa mức độ thôi kẻo lại làm mất quân bình phải mất công điều chỉnh, nhất là phép giảm phải thận trọng vì dễ làm cho cả 5 Thần kiệt sức.

LỜI DẶN QUAN TRỌNG :

Sau khi dùng phép Tăng hoặc Giảm cùng lúc trên để đạt được mức quân bình sinh hóa tương đối thì lập tức bồi bổ nâng thể trạng của cả Năm Hành để tạo lập lại sự vận hành Đệ nhiên Sinh Hóa chung như là một guồng máy chạy đều, mỗi cái đều đúng chức năng của nó. Không nên để một Thần nào trong Năm Thần quá vượng hoặc quá suy sẽ làm phá vỡ thế quân bình sinh hóa chung rất tai hại.-

---

"ÁC DÃ QUÂN BÌNH KỲ ÁC TẮC TÁN
THIỆN DÃ QUÂN BÌNH KỲ THIỆN TẮC HIỆN"

Dịch Lý Sĩ XUÂN PHONG

VƯỢNG ĐỘNG

Nhà học Dịch luôn luôn nhớ rằng cái gì Động và Vượng mới thành vấn đề.

Động mà không Vượng không hề gì, như người yếu sức dầu có khoa tay múa chân đến đâu đi nữa cũng chả ai ngán.

Còn Vượng mà không Động cũng chưa đáng ngại, ví như Rồng có sức mạnh, nhưng đang ở vực sâu nghỉ ngơi bất động – chưa có ảnh hưởng lắm.

Trong Vượng suy Động Tĩnh luôn luôn có chơn giả khiến cho Tình Đời, Tình Người càng rối rắm, éo le hơn. Kẻ khác Vượng Suy Động Tĩnh chơn giả để tranh giành thì ta cũng phải nương thế để tạo thời thế, tương kế tựu kế, cũng động tĩnh suy vượng giả chơn đối xử để tồn tại và tiến bộ. Nếu không, Ta khó có thể thành công trên đường Đời Đạo, nếu không nói là có nguy cơ thất bại tiêu vong.

Xin nhớ lại lời của Dịch lý sĩ Xuân Phong :

"Chúng nhân năng giả bất năng chơn
Biến Hóa Âm Dương quyết thiệt hơn
Giả giả chơn chơn tùy thế thế
Khôn chơn khéo giả đạo hành nhơn"

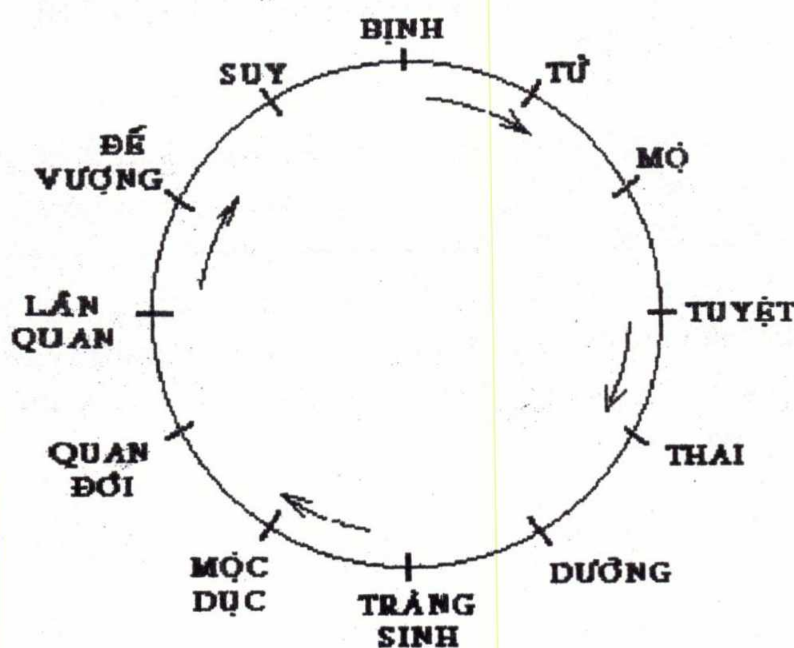
Do đó, ta cần phải tìm hiểu sâu sắc lý lẽ Vượng Suy Động Tĩnh chơn giả của bất cứ Xã Hội nào, Tình Đời, Tình Người nào.

338

I.-VƯỢNG SUY :

Trong một Xã Hội, các thế lực, khối nhóm đoàn thể, cá nhân, có sự mạnh yếu khác nhau về một phương diện nào đó vào một lúc nào đó. Có lúc họ vẫy vùng ngang dọc, có lúc im lìm bất động. Chúng ta phải cẩn trọng trong mọi trường hợp kẻo lầm kế độc của đối phương khi vào ra thiên hạ.

Cần phải biết sở trường và sở đoản của mình, của người. Mạnh về điều gì, yếu về điều gì. Đó là nói về thời kỳ Vượng suy của muôn loài vạn vật mà người xưa đã mượn vòng Tràng Sinh Đế Vượng để diễn tả như sau :



TRÀNG SINH ĐẾ VƯỢNG : có nghĩa là thời kỳ vàng son thịnh đạt nhất trong một kiếp sinh thành của muôn loài vạn vật (lấy kiếp Người làm ví dụ). Nên có câu : Tràng Sinh Đế Vượng tranh như kim cốc chi viên nghĩa là thời kỳ sinh động từ Tràng sinh tới Đế Vượng quý giá như trong vườn có hang vàng.

Lưu ý danh từ Tràng sinh hay Trường sinh ở đây không có nghĩa là sống lâu mà muốn chỉ cái gì mới sanh có khả năng sống lâu hơn giai đoạn già yếu không sống được bao lâu nữa

– Còn sống lâu là đã thụ hưởng quá nhiều tinh hoa tú khí của Trời Đất ban cho nên gọi là Trường thọ.

Nếu xét 12 danh từ để tượng trưng cái thủy chung của con người (muôn loài vạn vật cũng thế) trong cái khí Thập Can suy vượng trên thì :

1- Trường Sinh : như người mới sinh lần lần lớn lên.

2- Mộc Dục : Như người đã lớn rồi biết sự sạch sẽ thì – phải tắm cho hết dơ bẩn.

3- Quan Đới : Như người đã trưởng thành thì phải đội mão thắt đai.

4- Lâm Quan : Lớn rồi mạnh mẽ thì phải ra làm việc quan – việc nước.

5- Đế Vượng : Là thời kỳ thịnh vượng như người có thể – giúp vua mà làm các việc lớn.

6- Suy : Khi đã thịnh quá rồi thì phải suy đi như vật – chi biến hình.

7- Bịnh : là lúc suy lắm vậy.

8- Tử : Là lúc khí đã hết không còn dư lại.

9- Mộ : Là tạo hóa đã thu lại như người đã chết mà chôn dưới đất.

10- Tuyệt : Là khí trước đã hết mà có cái khí sau nối lại.

11- Thai : Là nhờ cái khí sau ấy mới kết thành thai.

12- Dưỡng : Như người ta lúc còn dưỡng nuôi trong bụng mẹ.

Mọi vật đều có chu trình tiến hóa của nó. Nó phải có chỗ bắt đầu và trưởng thành. Muôn vật đều đi từ khởi đầu sinh

340

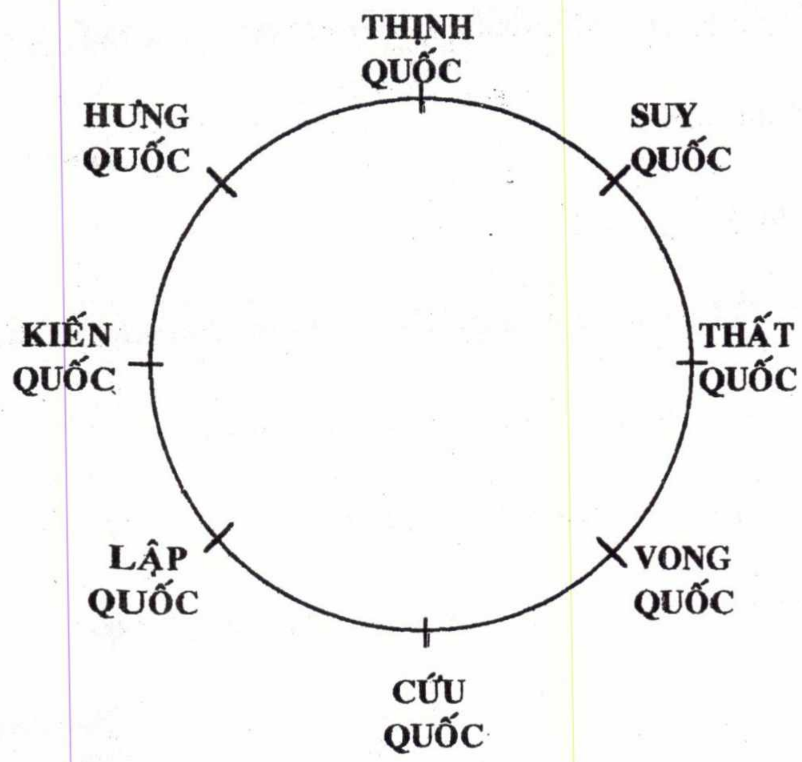
ra cho đến ngày tàn tạ để đi qua một kiếp sinh thành khác (tức vòng sinh trưởng của một vật hay của con người). Vòng – sinh trưởng này được phân làm 12 bước từ Trường Sinh đến Thai Dưỡng như trên.

Ở trong mỗi bước đều chứa cái lý *Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.*

Nương theo cách vẽ vòng Tràng Sinh Đế Vượng, ta có thể vẽ vòng *Sinh Trưởng Thu Tàng* cho bất kể vấn đề gì trải qua nhiều hay ít thời kỳ hơn cũng được.

Nếu ta vẽ vòng xong thì xác định vấn đề đang ở giai đoạn thời kỳ nào, rồi dùng Lý Đệ Nhiên Sinh để biết ngay giai đoạn thời kỳ kế tiếp phải xảy ra – Và cứ thế cho hết chu trình biến hóa của nó hoặc tiếp tục qua kiếp sinh thành khác – cũng như thế.

Thí dụ vẽ vòng *Sinh Trưởng* của một Quốc Gia :



Gồm 8 giai đoạn : Lập quốc, Kiến quốc, Hưng quốc, Thịnh quốc, Suy quốc, Thất quốc, Vong quốc, Cứu quốc.

Nếu một Đất Nước nào đã đến cực Thịnh thì bước kế tiếp phải là Suy tàn lần lần đến thất quốc và vong quốc không thể cưỡng lại được. Và khi Vong quốc thì mới có Cứu quốc, lập quốc, kiến quốc hưng quốc.

Các giai đoạn diễn biến nhanh chậm có khác nhau, trước sau gì cũng phải thay đổi bể dâu, chứ đừng tưởng mãi mãi là như thế ! Con người dù có cố gắng kéo dài hay thôi thúc cũng chỉ được một lúc mà thôi, rồi việc gì phải đến nó sẽ đến – Lịch sử đã chứng minh nhiều rồi, xin không bàn cãi chuyện này nữa.

Thí dụ nơi khác nói vòng Sinh Trưởng vắn tắt hơn là : Thành, Trụ, Hoại, Không . . . cũng cùng ý nghĩa chỉ về thời kỳ Vượng hay Suy của một kiếp sinh thành không sao tránh khỏi được.

II.- ĐỘNG TĨNH :

Khoa Dịch Lý học như ta đã biết là khoa Động Tĩnh học, chuyên nghiên cứu lý lẽ mọi động tĩnh của vũ trụ vô hữu khám phá qui kết thành qui luật có hệ thống.

Danh từ Âm Dương dùng để chỉ chỗ giống mà hơi khác (*Đồng Nhi Dị*) nơi muôn vật. Khi muôn vật có *Đồng Nhi Dị* tức là có *Biến Hóa*, có thay đổi từ *Đồng* đến *Dị*, từ *Dị* đến *Đồng*.

Sự biến chuyển giữa *Đồng Dị – Dị Đồng* là một sống động, vận động từ tĩnh đến động hoặc từ động đến tĩnh. Nên trong phạm vi động tĩnh, Âm Dương là Động Tĩnh – Do đó ta đã biết qui luật Âm Dương Tiêu Trưởng ẩn hiện như thế nào thì Động Tĩnh như thế ấy – chỉ có một lý và một luật mà thôi.

342

Trong khoa Thiên nhiên Xã hội học, ta thường chú trọng đến các mối quan hệ giao dịch xã hội tức những động tĩnh qua lại ở mỗi thời kỳ suy vượng của xã hội. Bởi thế ta cần phải biết rõ Động Tĩnh.

ĐỘNG : là có so sánh với Tĩnh, có 2 cách định nghĩa :
-Động là Động đang tăng mà Tĩnh đang giảm hoặc
-Động là manh nha Tĩnh.
TĨNH : là có so sánh với Động, có 2 nghĩa :
-Tĩnh là Tĩnh đang tăng mà Động đang giảm hoặc
-Tĩnh là manh nha Động

Động Tĩnh chỉ là danh được lý với nhau – Ta cho đâu là Tĩnh thì mới biết đâu là Động, cho đâu là Động thì mới biết đâu là Tĩnh – Phải có hai để chúng ban nghĩa lý cho nhau để cả hai cùng có lý.

Khi xác định gọi đâu là Động có nghĩa cái ấy hoặc đang diễn tiến thiên cực Động, có chiều hướng gia tăng Động hơn và ngầm hiểu bộ mặt đối đãi của nó là Tĩnh đang giảm lần cùng lúc với cái Động gia tăng hoặc cái ta gọi là Động ấy dù động ít hay nhiều, mới động hay đã lâu, động giữa đường hay động cuối đường cũng đang manh nha Tĩnh ở bên trong chiều sâu của động. Động càng tăng thì Tĩnh cũng manh nha càng tăng đến khi Cực Động, hết sức của Động thì manh nha Tĩnh cũng Cực để hóa thành Tĩnh. Đó là lúc Động Cực Biến Tĩnh (Dương cực sinh Âm).

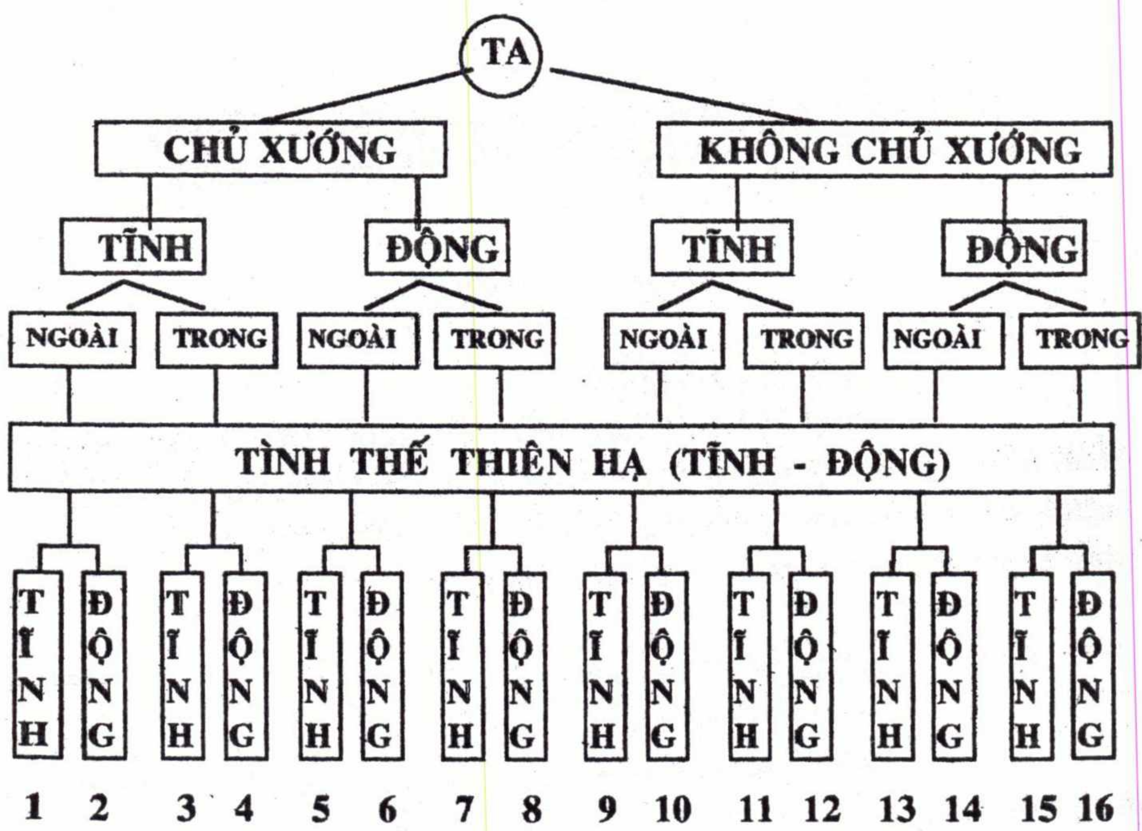
Ngược lại, Tĩnh cũng thế. Khi gọi đâu là Tĩnh có nghĩa Tĩnh đang tăng trưởng (trưởng hiện) cùng lúc Động đang giảm (tiêu ẩn) hoặc trong Tĩnh có (trưởng hiện) đang có manh nha Động (tiềm ẩn) là trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, trong Tĩnh có Động, trong Động có Tĩnh, là Âm Dương cùng lúc : Động Tĩnh cùng lúc, Âm là Dương, Dương là Âm = Tĩnh là Động chiều sâu, Động là Tĩnh ẩn tàng.

>4>

Vào khoa Xã hội, muốn đến cao độ, phải hiểu và làm động tĩnh cùng lúc như trên mới diệu dụng. Lẽ dĩ nhiên giá trị của động tĩnh còn tùy thuộc thời kỳ Suy Vượng, Chơn giả mà ta đã xét rồi.

Sau đây là bản xét cương vị Động Tĩnh trong ngoài tình thế thiên hạ. Bản này có tính cách gợi ý, trong thực tế còn nhiều tình tiết éo le hơn nhất là có vấn đề Động Tĩnh chơn giả mà ở đây tôi xin lược bớt phần suy vượng chơn giả.

Như vậy, chúng ta gom lại có 16 hoàn cảnh động tĩnh thông thường như sau :



Chúng tôi xin lấy cái *Ta* là người học Dịch hay bất cứ kẻ nào có chủ xướng hay không chủ xướng tĩnh hay động đứng trong hoặc ngoài tình thế thiên hạ tĩnh hay động thì sẽ xảy ra động thái tình lý Đồng nhi Dị như thế nào. Xin mượn khung cảnh thiên hạ sự Hòa Bình – Chiến Tranh để rộng đường biện luận. Bản 16 cương vị Động Tĩnh này có thể linh động co giãn suy nghiệm áp

dụng trên nhiều phạm vi khác. Nếu kèm theo chân giả ở mỗi khâu thì thật là thiên biến vạn hóa vô cùng. Ta chỉ có thể lấy Ý, lý hội, chứ hơi sức đâu diễn tả chi li.

Khi cần xác định động thái của cái *Ta* nào, các bạn nương vào bản 16 cương vị động tĩnh này, ắt sẽ có kết luận đại ý được – từ đó bạn biến thông phù hợp với hoàn cảnh thực tế sẽ rõ – thuận hay nghịch động, sinh hợp hay khắc hợp với cái động ở thời gian ấy.



LÝ GIẢI 16 CƯƠNG VỊ ĐỘNG TĨNH

Qua ví dụ mẫu

CÓ CHỦ XƯỚNG

Người học Dịch, bất cứ trong trường hợp, hoàn cảnh nào cũng là người có chủ xướng, có lập trường, có chí khí hơn người giống như đạo Trời Đất là đạo *Tự Cường* bất khuất, không phải là hạng chạy theo, a dua, luồn cuối.

CHỦ XƯỚNG TĨNH

I.- Tình thế Thiên Hạ Động

Khi tình thế thiên hạ đảo điên, nhân tâm ly tán, lòng người đen bạc, loạn lạc khắp nơi, thiên hạ đang hứng chịu truông kiếp của chiến tranh, người học Dịch vì cảm thông : Thiên hạ đang muốn hòa bình an lạc, nên xét thấy cần phải chủ xướng cái lý tưởng Hòa Bình. Tức là nương theo ý thiên hạ có chiều hướng giảm bớt chiến tranh, gia tăng hòa bình, đi từ *Động* đến *Tĩnh*. Như vậy là ta chủ xướng *Tĩnh* (Hòa Bình) trong tình thế thiên hạ động thì ta được ở một trong hai cương vị sau đây :

345

1/-<u>Chủ xướng Tĩnh đứng ngoài tình thế thiên hạ Động</u>
(cương vị 2)

Đứng ngoài thiên hạ để lo cho thiên hạ, ấy là ta đang thi ân bố đức, đào tạo nhân tài, mưu đồ đại sự về sau. Ta thuộc hạng *Anh Hùng Tạo Thời Thế*. Đây là một thế đứng căn bản, khá vững chắc mà các bậc cao nhân, ẩn sĩ thường áp dụng trước khi phất cờ khởi nghĩa tức là mình đang ở thế Tĩnh mà manh nha *Động*.

Không phải thuận mà chẳng phải nghịch động với cái động ở thời gian ấy. Không xung khắc với cái động ở thời gian ấy.

2/-<u>Chủ xướng Tĩnh đứng trong tình thế thiên hạ Động</u>
(cương vị 4)

Lúc bấy giờ thiên hạ đang tranh đấu, đa số hăng say chém giết, chỉ có một thiểu số chán nản giết hại. Ta đứng ra chủ xướng Tĩnh (Hòa Bình) tức là muốn cứu bớt số người chết. Ta đang ở trong thế đục hưởn cầu mưu. Đây là tư thế của một hiền sĩ, vì lòng nhân đạo quyết vào đời khuyến thiện.

Nghịch động, có xung khắc với cái Động ở thời gian ấy.

II.-<u>Tình Thế Thiên Hạ Tĩnh</u>

Trong lúc đó ta chủ trương Tĩnh thì ở một trong hai cương vị sau đây :

1)- <u>Chủ xướng Tĩnh đứng trong tình thế thiên hạ Tĩnh</u>
(cương vị 3)

Lúc bấy giờ, đa số chán nản chém giết, chỉ có thiểu số hăng say, thiên hạ đang trông chờ Hòa Bình. Ta chủ hòa chơn

chính, hợp lý lẽ với thiên hạ. Ta cùng thiên hạ chung hưởng Hòa Bình. Vậy là ta thuận động với tình thế, sinh hợp với tình thế. Thực hiện đúng lý tưởng đem Hòa Bình về cho thiên hạ tức là đã đạt chí nguyện.

2) - Chủ xướng Tĩnh đứng ngoài tình thế thiên hạ Tĩnh
(cương vị 1)

Thiên hạ đang hưởng thái bình, mình cũng hết nhiệm vụ nên rủ áo từ quan không màng danh lợi, tìm chỗ nghỉ ngơi riêng về mình tức muốn về hưu. Không nghịch mà cũng không thuận với tình thế thiên hạ Tĩnh lúc bấy giờ.

CHỦ XƯỚNG ĐỘNG

I. - TÌNH THẾ THIÊN HẠ TĨNH

Nếu lúc bấy giờ thiên hạ đang bị ru ngủ trong tình thế Hòa Bình giả tạo, người học Dịch không nỡ trơ mắt ngó một cơ nghiệp sắp bị diệt vong, nên chủ trương quật khởi đánh đuổi kẻ bạo ngược xâm lăng. Vậy là ta chủ trương Chiến Tranh tức chủ xướng Động. Ta sẽ ở một trong hai cương vị sau đây :

1- Chủ xướng Động ngoài tình thế thiên hạ Tĩnh
(cương vị 5)

Vì là ta chủ xướng, nên ta động theo ý riêng được. Ta đóng vai trò lãnh đạo, ta chuẩn bị dấy động tức là ta manh nha động. Đến ngày nào đó hội đủ cơ duyên ta phất cờ gióng trống thiên hạ sẽ quy về. Ta không thuận mà chẳng nghịch với tình thế thiên hạ Tĩnh lúc bấy giờ.

2- Chủ xướng Động đứng trong tình thế thiên hạ Tĩnh
(cương vị 7)

Ta động theo ý riêng được. Giữ phần lãnh đạo. Thiên hạ có chú ý đến, theo dõi tìm hiểu. Vấn đề của ta đưa ra có

hợp thời. Tuy nhiên vì ta chưa đủ uy tín nên phải chờ thời gian. Nghịch động với tình thế thiên hạ Tĩnh lúc bấy giờ. Có xung khắc với tình thế thiên hạ Tĩnh lúc bấy giờ. Vậy ta phải chịu nhiều cực khổ gian lao mới được. Phải tự lực tự cường.

II.- TÌNH THẾ THIÊN HẠ ĐỘNG

Nếu tình thế thiên hạ lúc bấy giờ đang Động (Chiến Tranh) hay hướng về Động mà ta cũng chủ trương Động. Vậy thì ta có thể ở một trong hai cương vị sau đây :

1/- Chủ xướng Động đứng ngoài tình thế thiên hạ Động (cương vị 6)

Động theo ý riêng được. Nhưng vì muốn mưu đồ riêng tư, háo danh háo lợi, tư kỷ tư danh, ắt sẽ bị lạc lỏng. Không thuận mà cũng không nghịch với tình thế thiên hạ Động lúc bấy giờ.

2/-Chủ xướng Động đứng trong tình thế thiên hạ Động (cương vị 8)

Động theo ý riêng được. Giữ vai trò chủ xướng lãnh đạo. Thiên hạ đa số đoàn kết với mình, chỉ có thiểu số chống đối đả đảo. Vậy là thuận lòng Trời ứng lòng Người gọi là thuận động với tình thế thiên hạ động lúc bấy giờ. Ta thuộc loại tự động, tự lực, tự cường. . .

KHÔNG CHỦ XƯỚNG

Trong xã hội có những kẻ không bao giờ chủ xướng một điều gì, họ là hạng người không có chí khí, không có lập trường, chỉ là hạng chạy theo. Gió thổi chiều nào cuốn theo chiều đó. Hoặc vào lúc nào đó họ không chủ xướng dù Tĩnh hay Động, họ bỏ mặc, buông trôi, không màng tới, không ý kiến, không chủ định

về một vấn đề gì hoặc toàn bộ sự việc. Chúng ta cũng cần biết rõ họ để tùy cơ ứng biến.

TĨNH KHÔNG CHỦ XƯỚNG

I.- TÌNH THẾ THIÊN HẠ ĐỘNG

Nếu tình thế thiên hạ đang Động (chiến tranh) mà họ thì nhu nhược im lìm, Tĩnh không chủ xướng thì có thể họ ở một trong hai cương vị sau đây :

1/- Tĩnh không chủ xướng ngoài tình thế thiên hạ Động (cương vị 10)

Họ là con người bất phùng thời, bất đắc chí, bất toại mãn, cam phận trớ trêu. Họ dễ bị lôi cuốn nhưng không trung thành với ai cả. Không thuận mà cũng chẳng nghịch với tình thế thiên hạ động lúc bấy giờ.

2/- Tĩnh không chủ xướng trong tình thế thiên hạ Động (cương vị 12)

Họ là con người vô tình, vô nghĩa, là kẻ vô tâm. Thiên hạ đang dở sống dở chết họ cũng mặc không màng tới, miễn sao vinh thân phì gia thì thôi. Đó là hạng người "sống chết mặc bây tiền thầy bỏ túi". Quốc gia có những kẻ này mà ngồi ở ngôi vị cao thì mất nước như chơi.

II.- TÌNH THẾ THIÊN HẠ TĨNH

Nếu tình thế thiên hạ đang hướng về Tĩnh (Hòa Bình) hay đang Tĩnh mà họ thì im lìm nhu nhược, Tĩnh mà không chủ xướng thì họ có thể ở một trong hai cương vị sau đây :

1)-Tĩnh không chủ xướng đứng trong tình thế thiên hạ Tĩnh (cương vị 11)

Thiên hạ đa số mong muốn hòa bình, nhưng họ không tự đứng ra chủ xướng Hòa Bình mà để cho ngoại nhân dựng họ ra hô hào hòa bình. Họ chỉ là hạng bù nhìn, là con cờ của người khác. Nên đa số nghi hoặc phân vân về họ, chỉ có thiểu số tán thành họ. Như vậy là họ cam tâm chấp nhận thứ Hòa Bình nô lệ. Vì hòa bình đó không phải chính họ và dân chúng tạo dựng nên mà chỉ là do kẻ khác xúi dục, ép buộc mang đến. Có khi vì tham quyền cố vị mà họ chấp nhận kiểu Hòa Bình đó. Họ tuân theo lệnh của quan thầy. Họ là tên nô lệ khiếp sợ trước chủ nhân ông để mặc tình ngoại nhân xây xài, bóc lột xương máu con cháu và dân chúng họ mà họ không chút xót thương.

2)- Tĩnh không chủ xướng đứng ngoài tình thế thiên hạ Tĩnh
(cương vị 9)

Thiên hạ đang muốn tĩnh (Hòa bình) mà họ thì quá vô tâm nhu nhược hèn kém không chủ xướng, tai ngơ mắt lấp, bỏ mặc thiên hạ, không màng đến nguyện vọng của nhân dân. Họ may mắn được yên tĩnh, mặc cho con cháu bất hiếu, xài phá. Họ mặc cho thiên hạ ở trong cảnh hòa bình nô lệ, kiếp sống tôi đòi, cam phận hẩm hiu. Họ dễ bị xúi giục, mua chuộc để làm lơ cho con cháu mình đi làm đầy tớ kẻ khác mà không chút xót thương. Họ là hạng người "ruột bỏ ra da bỏ vào". Không thuận mà chẳng nghịch với tình thế thiên hạ tĩnh lúc bấy giờ.

ĐỘNG KHÔNG CHỦ XƯỚNG

I.- TÌNH THẾ THIÊN HẠ TĨNH

Nếu tình thế thiên hạ đang Tĩnh hay hướng về tĩnh mà họ động không chủ xướng thì họ có thể ở một trong hai cương vị sau đây :

1)- Động không chủ xướng đứng ngoài tình thế thiên hạ tĩnh
(cương vị 13)

Họ động không chủ xướng, động theo ý riêng không được tức là họ bị động theo ý kẻ khác, họ bị lệ thuộc. Họ bị rù quến, quyến rũ. Họ có thể trở nên là kẻ lâu la sai vặt, cướp đường, cướp chợ. Đứng ngoài tình thế thiên hạ nên không ảnh hưởng gì lắm đến thiên hạ sự.

2)- Động không chủ xướng trong tình thế thiên hạ Tĩnh
(cương vị 15)

Họ động không theo ý riêng được, vậy là kẻ lệ thuộc, là kẻ tùy tùng, tay sai, nô lệ. Họ mất uy tín, không uy tín. Thiên hạ không màng đến họ. Những vấn đề họ đưa ra và chính con người họ trở nên lỗi thời. Nghịch động có xung khắc với tình thế thiên hạ Tĩnh lúc bấy giờ.

II.-TÌNH THẾ THIÊN HẠ ĐỘNG

Nếu tình thế thiên hạ đang động hay hướng về Động (chiến đấu chống xâm lăng chẳng hạn) mà họ động không chủ xướng thì có thể họ ở một trong hai cương vị sau đây :

1/- Động không chủ xướng đứng ngoài tình thế thiên hạ Động
(cương vị 14)

Động theo ý riêng không được, vậy là họ động tùy thuộc bất đắc dĩ, cầu an, động cầm chừng, tiêu cực qua truông. Việc động của họ vô tình giống với cái động của thiên hạ. Chẳng thuận, chẳng nghịch với cái Động của thiên hạ lúc bấy giờ.

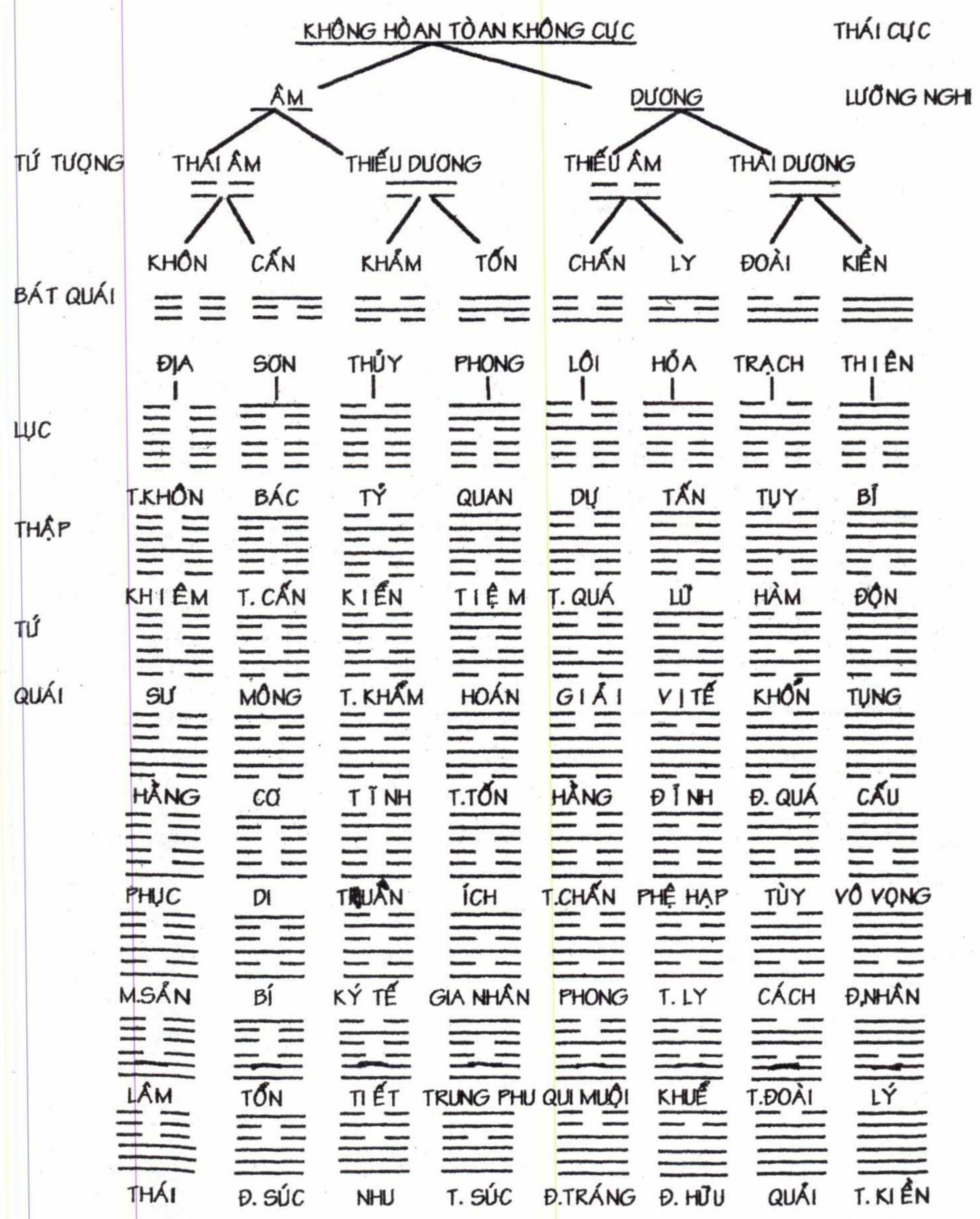
2/- Động không chủ xướng đứng trong tình thế thiên hạ Động
(cương vị 16)

Động theo ý riêng không được, chỉ tùy thuộc, tay sai nô lệ tùy tùng. Thiên hạ thiểu số sẽ hợp tác với họ, còn đa số chống đối, đả đảo vì họ nghịch lòng Trời, mất lòng người.

Sự quấy động của họ nếu không có chủ lực tham dự thì sớm muộn cũng lạc lõng, lỗi thời, tàn rụi, tiêu diệt . . . Sự

động của họ tuy lúc đầu có người lầm tưởng trùng với thiên hạ Động, nhưng vì họ Động không chủ xướng nên sau cùng lộ dần cái Động giả, lọan Động, náo Động vô tích sự của họ. Chẳng ai theo họ cả.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC XÃ HỘI THIÊN NHIÊN



555

CHÌA KHÓA SƠ ĐỒ :

Năm nguyên tắc tổ chức :

1- *Một Mà Hai (Đồng Nhi Dị = Âm Dương Dịch Biến)*
2- *Âm* trước *Dương* sau (Khởi trước, Dứt sau. *Manh Nha – Cực*)
3- *Bộ Mặt Mới* phủ lên trên
(*Biến Hóa Luật : Bộ Mặt Cũ* ± Hơi khác ⇒ *Bộ Mặt Mới*)
4- *Âm Dương Tiêu Trưởng Ẩn Hiện*
5- *Vận Hành Quân Bình Sinh Hóa* – Ngũ Hành Sinh Khắc)

Sơ đồ này có thể tổ chức (vẽ) cùng lúc nhiều hướng ráp nối chồng chất co giãn theo nhu cầu thực tế chân giả.

Mỗi Dịch Tượng là một *Đồng Nhi Dị* (giống mà hơi khác) gồm từ 1 hào đến 2, 3, 4, 5, 6 hào hoặc hơn nữa 7, 8, 9, 10, 100, 1.000 hào v.v. . . vì Tình Đời Tình Người lắm tình tiết éo le, . . . nên cần phải có nhiều Dịch Tượng nhiệm nhặt để diễn tả. Tuy nhiên cũng không nên quá chi li rườm rà làm mất tính linh động giản đơn – không kiểm soát nổi.

VAI TRÒ CỦA CÁC THÀNH PHẦN :

THÁI CỰC : *Lý Cực, Đạo Cực :*

- Ở phạm vi Tiên Thiên khởi đầu tạo lập vũ trụ có danh là *Không Hoàn Toàn Không Manh Nha – KHTK Cực* hay *Vô Toàn Vô Cực,* nói tắt *Vô Cực.*

-Ở phạm vi vừa Tiên Thiên vừa Hậu Thiên khắp nơi mãi mãi có danh là *Thái Cực.*

Lý cực hay Đạo cực là lý lẽ, con đường hết mức, hết sức, hết chịu nổi, tận cùng, cùng tột, phải chấm dứt, phải thay đổi.

***KHTK* phải cùng cực, phải chịu lý cực thì mới có cái *CÓ* đầu tiên là có *KHTK.* Đạo cực Tiên quyết là *KHTK* đầu tiên phải cực thì mới có *Biến Hóa Hóa Thành* nên còn gọi là *Đạo Cực Biến* (cùng cực tắc biến). Muôn loài vạn vật do lý cực biến mới**

thành tựu và mãi mãi ôm ấp Lý Cực Biến mới có Biến Hóa Hóa Thành về sau :

Vậy Lý cực là lý đầu tiên và muôn đời khắp nơi đáng danh là Thái Cực.

Muôn loài chịu Lý Biến Hóa – Hóa Thành như thế nào thì cũng phải chịu Lý Cực như thế ấy vì Lý Cực là điều kiện tất yếu hữu cơ tiên quyết để có Biến Hóa – Hóa Thành – Phải có Cực mới Biến Hóa Hóa Thành Bộ Mặt Mới được.

Manh Nha là cực khởi đầu.
Cực là chấm dứt – Bộ mặt cũ

Manh Nha khởi đầu Bộ mặt mới và Biến Hóa Hóa Thành Bộ mặt mới. Cực là giai đoạn chuyển tiếp giữa Bộ mặt cũ và Bộ mặt mới.

Ở phạm vi Tiên Thiên chưa có không gian thời gian nên Manh Nha – Cực – Biến Hóa – Hóa Thành xảy ra cùng lúc, lập tức, mầu nhiệm, không có trước sau.

Ở phạm vi Hậu Thiên dù có không thời gian tham dự, có trước sau, nhưng Đạo Cực Biến liên tục rất nhanh trong vô giây phút không bao giờ đình nghỉ – nên trong thực tế nhiệm nhặt khó phân được trước sau – chỉ ở khoảng rộng thời gian dài mới dễ thấy trước sau – Đồng Dị Biến Hóa hơn – mới thấy từng giai đoạn diễn tiến.

Đạo Cực Biến : Chưa – Manh Nha (Cực) – Hóa Thành.

Vậy Thái Cực tượng trưng uy lực linh thiêng mầu nhiệm huyền diệu toàn năng đầu tiên của mọi Biến Hóa Hóa Thành là *KHTK Manh Nha.*

Thái Cực là cái Tổng thể bao gồm mọi Vô Hữu động tĩnh, mọi trạng thái Âm Dương Đồng Dị.

Thái Cực là chúa tể quyền hành, là lãnh địa bao dung mọi phần tử trong nó.

Ở góc độ xã hội, Thái Cực chính là Xã Hội, hoặc mang danh hiệu xã hội đó hoặc đại diện cho xã hội đó.

Thái Cực có uy quyền cai trị điều hành tối cao của xã hội, có toàn quyền ban hành luật pháp, qui định đường lối chính sách chủ trương, khu xử che chở nuôi dưỡng bảo vệ mọi thành phần của nó.

Thái Cực, Vô Cực là một.

Khi ra mặt đương quyền hành động là Thái cực khi ẩn dạng ủy quyền lắng đọng là Vô Cực. Lúc làm Thái cực, lúc làm Vô cực hoặc vừa làm Thái cực vừa làm Vô cực cùng lúc. Vô cực Thái cực lung linh ẩn hiện.

Có khi Vô cực vì không tiện xuất đầu lộ diện phải nhờ Tri Âm làm Thái cực gánh vác toàn bộ trách nhiệm. Vô Cực không can thiệp trực tiếp vào việc làm của Thái Cực. Sự nghiệp thành bại đều do Thái cực toan liệu, quá lắm Vô cực sẽ có một vài lời khuyên mở lối dẫn đường.

Lúc bấy giờ Vô cực lui dần, khuất dạng ở hậu trường, ngao du đây đó, bàng bạc khói sương, an nhiên tại ngoại, sống chết làm việc theo ý riêng tùy thích, giao du khắp nơi dường như không mục đích. Kỳ thật Vô Cực vẫn quan tâm theo dõi kháng trận ngấm ngầm hỗ trợ Thái Cực. Gặp việc tối cần Vô cực, Thái cực bí mật trao đổi không ai biết được.

Để thực thi trách nhiệm quyền hạn của mình, Thái Cực không thể bao cấp độc tài làm hết mọi việc mà phải chia sẻ, phân công, phân quyền cho tri âm thừa hành là lưỡng nghi Tứ tượng, Bát Quái, Lục Thập Tứ Quái, v.v. . .

Đó là lý do tại sao xã hội nào cũng phải có phân cấp, phân công trách nhiệm, gọi là xã hội phân quyền.

Sự phân cấp trong Xã Hội Thiên Nhiên gọn nhẹ đặc trưng nhất gồm :

Cấp Thượng đỉnh : Vô cực và Thái cực.
Cấp Lãnh đạo : Thái cực + Lưỡng nghi
Cấp Tham mưu : Thái cực + Lưỡng nghi + Tứ tượng
Cấp Điều hành : Thái cực + Lưỡng nghi + Tứ tượng + Bát quái
Cấp Thực hiện : Thái cực + Lưỡng nghi + Tứ tượng + Bát quái + Lục Thập Tứ Quái, v. v. . .

Tùy theo tính chất sự việc mỗi cấp họp làm việc riêng hay mở rộng.

Do nhu cầu thực tiễn có thể tổ chức bao nhiêu cấp lớn nhỏ nhiều ít sao cho thích nghi – nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc *Đồng Nhi Dị*, Một mà Hai, Một mà Ba – có được một rồi thì tự Một đó phải cố gắng tìm Hai tri âm trợ lực theo phương cách Âm Dương Tiêu Trưởng Ẩn Hiện.

Một tổ chức Xã hội Âm Dương thì luôn luôn có một hệ chính thức và 1 hệ phi chính thức hỗ trợ nhau, tức một Âm một Dương một Ẩn một Hiện. Đây là phương cách tốt nhất để bảo toàn lực lượng vừa công khai vừa bí mật.

Thái Cực lúc nào cũng hiện diện ẩn tàng trong mọi cấp mọi thành phần, mọi sự vật việc người . . . vừa là lý tưởng ý chí mục tiêu vươn tới, vừa nhắc nhở kiểm tra đôn đốc, trợ lực trên từng bước thực hiện – Muốn vậy Thái cực phải hóa thân, phân thân, di hành biến dạng bằng nhiều kiểu cách thiên hình vạn trạng ở đâu cũng có lúc nào cũng có – như thế mới chứng tỏ uy quyền toàn năng tối thượng của Thái cực.

LƯỠNG NGHI : gồm Nghi Âm và Nghi Dương là hai thành phần chức năng phân quyền của Thái Cực. Thay mặt Thái cực hành xử quyền lực được giao, hết sức làm tròn trách nhiệm của nghi (Âm hoặc Dương).

Nếu có thể được, một Nghi có khả năng kiêm cả hai vừa Âm và Dương, nhưng đương lúc trách nhiệm chỉ giữ một, như vậy các nghi sẽ đa năng đa hiệu, trong những lúc cần thiết có thể trợ thủ nhau đắc lực, hoặc tạm thay thế khi một nghi nào bị khiếm khuyết hoặc khống chế đe dọa khi nghi kia quá lạm.

Thái Cực xứng đáng tài đức khi lập ra 2 nghi Âm Dương thì phải nắm vững được 2 nghi Âm Dương, để chúng vừa hưng phấn vừa ức chế lẫn nhau trên đường tiến bộ.

TỨ TƯỢNG : mỗi nghi phải tự tìm kiếm hoặc do Thái Cực sắp xếp 2 phụ tá thích hợp đặc biệt công tác của Nghi.

Như Nghi Âm thì phải chọn có :

- Thái Âm đúng ý nghĩa Thái Âm
- Thiếu Dương đúng ý nghĩa Thiếu Dương

chúng có gốc Âm để làm tham mưu cho nghi Âm.

Nghi Dương cũng thế phải chọn có : Thái Dương và Thiếu Âm – chúng có gốc là Dương.

Nếu công việc nhỏ, gấp hoặc cần kín đáo thì vừa tham mưu vừa thi hành không nên phân quyền chi li làm cho bộ máy cồng kềnh không đáng hoặc dễ bại lộ hoặc cấp dưới không đủ thẩm quyền chức năng giải quyết – dứt khoát –

Thường thì lưỡng nghi làm tham mưu cho Thái Cực cũng đủ, nếu mở rộng hơn thì cho Tứ Tượng dự tham mưu luôn cả cho lưỡng nghi Thái cực – Nếu việc lớn quá nhiều vấn đề thì mới bố

trí tổ chức thêm Bát Quái làm thành Bộ, Tổng, Hội đồng tham mưu chung. Việc thường thì họp từng cấp hoặc 2 cấp – mà không cần làm bận rộn cấp khác – Việc trọng đại hoặc lâu thật lâu mới họp chung các cấp Tham mưu. Nhưng phải đề cao cảnh giác bảo mật tối đa vì bộ máy đã mở rộng dễ xảy ra nhiều sự cố rò rỉ mâu thuẫn ngấm ngầm có thể ảnh hưởng tai hại đến công việc chung.

Trách nhiệm Thái cực, Lưỡng nghi hoặc Tứ tượng phải luôn luôn xét lại tư cách cộng sự viên cả cấp trên và cấp dưới. Nếu có biểu hiện khác thường hoặc chưa xác định rõ thì khoan đi sâu vào vấn đề – mà phải linh động phép chân giả – cho đến khi nào nắm vững – mới tiết lộ giao việc hợp tác.

BÁT QUÁI : là cấp tham mưu cuối cùng hoặc cấp hành xử quyền lực trực tiếp với đối tượng. Đồng thời cũng là hàng rào lá chắn bảo vệ nội lực – cấp trên.

Bát Quái là cửa ngõ tiếp cận bên ngoài, cấp dưới nên phải thạo việc rành nghề, gương mẫu . . . thể hiện phần nào hoặc toàn bộ ý chỉ cuối cùng của Thái cực hoặc lưỡng nghi mà nhất là trực tiếp của Tứ tượng.

Mỗi Quái làm đúng chức năng phần việc của mình không cần liên hệ biết việc của những Quái khác – vì nhiệm vụ tổng hợp phối hợp điều động đã có Tứ Tượng.

Mỗi Quái là một Nhật Thần đại diện nhân danh quyền lực lúc trách nhiệm nên có quyền tiền trảm hậu tấu, giải quyết tại chỗ đúng chức năng, quyền hạn được giao.

Bát Quái được tự do khai thác sử dụng mọi cơ hội phương tiện trên đường hành động – miễn sao trách nhiệm cuối cùng là phải hoàn thành công tác trên giao.

LỤC THẬP TỨ QUÁI : là các cơ hội phương tiện người vật việc trợ duyên đắc lực cho Bát Quái tùy mỗi lúc mỗi nơi thích hợp do cấp trên ban phát hay tự tạo. Lục Thập Tứ Quái chỉ biết thi hành theo ý chỉ của Bát Quái, mà hoàn toàn không cần cũng như không có quyền biết rõ việc của Bát Quái, Tứ Tượng, Lưỡng nghi Thái Cực.

Lục Thập Tứ Quái làm công việc đã có qui hoạch sẵn, trong khả năng sẵn có, cụ thể rõ ràng nên không có gì khó khăn – không làm được – Công việc rất đơn giản, nhẹ nhàng, quen thuộc mà Lục Thập Tứ Quái đã từng làm qua rất thành thạo nên không cần cầm tay chỉ việc từng chi tiết mà tự nó biết phải làm sao hoàn chỉnh từng phần nhỏ nhặt nhất đến 384 tình tiết phức tạp hoặc hơn nữa.

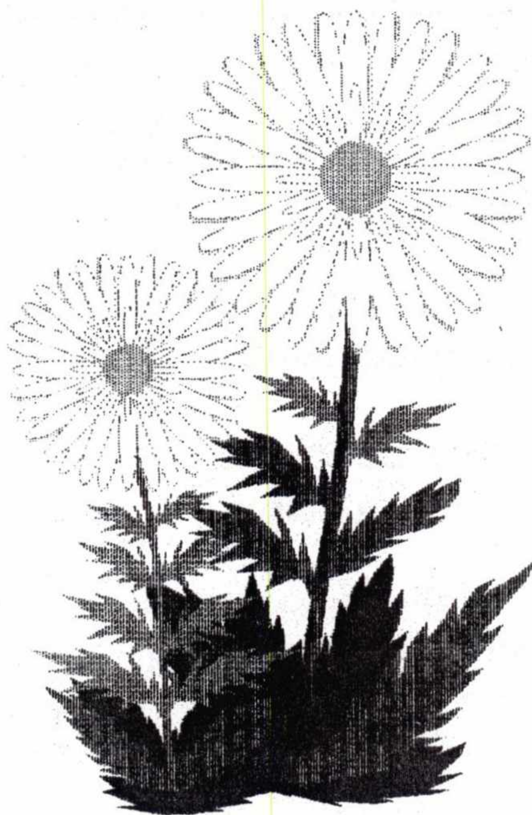
Tóm lại hệ thống tổ chức Xã Hội Thiên Nhiên tự nó không giới hạn mức độ nào, tùy theo nhu cầu thực tiễn mà nó triển khai phóng to thu nhỏ. Nhưng nguyên tắc có cầu mới tạo cung, cấp nào còn gánh vác được thì khoan vội tạo cấp thừa hành. Quý hồ tinh bất quý hồ đa. Nhưng trên đường đi lúc nào cũng chuẩn bị sẵn có tri âm để đến lúc cần bố trí vào hệ thống theo đúng vị trí – Chú trọng phép bắt tướng – quân thì dễ thu nạp còn Tướng thì khó gặp dùng. Phép tổ chức có thể theo 2 lối :

Có quân rồi mới có Tướng
hoặc Có tướng rồi mới có quân.

Phép nào cũng có ưu điểm, tùy tình hình áp dụng hoặc có khi quân tướng có cùng một lúc.

Nói chung dù xã hội lớn nhỏ nào bất kể cơ cấu hệ thống tổ chức có hàng dọc hàng ngang phân làm 2 nghi Âm Dương – nghiêm túc chỉnh tề dưới quyền trực ngự bao trùm thống nhất của Thái Cực – tạo thành một guồng máy vận hành nhịp nhàng ăn khớp không rối loạn. Một chỉnh thể độc lập tự cường như vậy mới mong thành tựu thủ thắng được.

Đây là phép Tổ Chức Cơ Mật của Trời Đất, chứ không phải là mơ ước bày vẽ của người đời thường. Ai muốn thành công thì bắt chước theo phép tổ chức tối ưu này. Còn nếu ai sợ độc tài, ngại dân chủ, tránh nhất nguyên, né đa nguyên . . . cố tình tổ chức đơn giản hoặc phức tạp cho mấy đi nữa, xét ra cũng do lòng tham nầy gia giảm chân giả mà thôi, làm sao qua mắt được các nhà chân thật học. Bí mật của Tạo Hóa còn không che giấu được thì mọi động thái sinh hoạt loài người có gì là kỳ bí đâu. Chẳng qua ta không ở trong nội bộ nên chưa trưng bằng cớ cụ thể xác minh – Còn người đứng ra xây dựng tổ chức xã hội đó chắc chắn không thể làm khác được.



501

CÁC THÀNH PHẦN ĐẶC BIỆT TRONG XÃ HỘI

Một tổ chức tập thể Xã Hội gồm có nhiều thành phần chung đụng giao dịch qua lại động tĩnh tiêu trưởng sinh khắc ẩn hiện lẫn nhau.

Thành viên của một xã hội tối thiểu cũng phải có hai, nhiều nữa thì vô số kể.

Các thành viên tùy theo lý Đức Tính, khả năng, khuynh hướng, cương vị mà có thế lực nhất định, ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình sinh hoạt, công cuộc của các thành viên khác cũng như của toàn xã hội.

Chúng ta chỉ tìm hiểu một vài thành viên đặc biệt tiêu biểu làm mẫu, chứ không phải xã hội chỉ có bấy nhiêu thành viên hoặc đầy đủ như thế – Chúng ta mượn khung cảnh xã hội Quốc gia thiên hạ sự làm ví dụ để rộng đường suy luận, chứ đây không phải sách chuyên về chính trị, các bạn dựa vào thí dụ nầy mà liên tưởng đến nhiều phạm vi xã hội khác cũng cùng một lý luật.

Chúng ta dùng một vài từ cổ điển thuộc thời gian có tính gợi ý mạnh để biểu trưng cho các lực lượng đặc biệt trong xã hội. Sau này bạn có thể tùy nghi đặt tên lại cho phù hợp mỗi hoàn cảnh thực tế.

Nhìn chung, một Xã hội thường có những lực lượng khối nhóm, cá nhân chủ lực đương quyền tích cực với công cuộc và cũng có những lực lượng khối nhóm lưng chừng chưa ngã ngũ hoặc chuyên chống đối phá hoại ngấm ngầm hay công khai một cách vô tình hay cố ý.

Chúng ta cần biết rõ thực lực của chúng để khi giao thiệp tùy thời mà đối đãi cho phù hợp.

I.- THÁI TUẾ :

Sinh hoạt của con người thường lấy Năm (Thái Tuế) làm mốc thời gian lớn vừa đủ để lượng giá mọi hoạt động trong năm.

Thời gian của một Năm được chia nhỏ thành nhiều tháng (Nguyệt), một tháng được chia nhỏ nữa thành nhiều ngày (Nhật) và trong ngày có nhiều thời khắc mỗi lúc khác nhau (Thần).

Vậy Thái Tuế tượng trưng một uy quyền sâu rộng, một lãnh địa bao dung che chở, chứa đựng tất cả mọi phần tử, khối nhóm, phe phái, cá nhân sinh động trong vòng tay của nó, cũng như một năm gồm 12 tháng, 360 ngày . . ., như quốc dân trong một nước được phân chia thành nhiều khối nhóm đảng phái, lực lượng, tầng lớp . . .

Thái Tuế như là cái Một, cái Đồng trong đó tối thiểu có cái Hai, cái Dị.

Tuy Thái Tuế là một uy quyền sâu rộng nhưng không thể dùng uy quyền của mình dễ dàng để ra lịnh bắt buộc các phần tử, phe phái có nhiều khác biệt, chịu phục tùng, khép kỷ luật, vào kỷ cương, chấp nhận nhau.

Cũng như quốc dân tuy đông đảo, hùng hậu nhưng không phải không có những phe nhóm, đảng phái, giai cấp thay nhau thao túng, phá hoại, xây dựng bảo vệ, mạo nhận, đại diện uy quyền quốc gia, được hay không được cộng đồng quốc dân ủy thác nhiệm vụ lèo lái con thuyền quốc gia. Nghĩa là có thứ Thái Tuế chính thống, có thứ đoạt ngôi tiếm quyền giả hiệu Thái Tuế, nhân danh Thái Tuế để làm chiêu bài danh chánh dẫn dụ qui phục mọi người.

367

Thái Tuế có uy quyền rộng lớn nên mọi thành phần đều hướng về qui thuận. Do đó có một số thành phần tranh thủ Thái Tuế bằng mọi cách.

Theo lẽ thường, kẻ đóng vai Thái Tuế phải đủ tài đức hơn người, nếu không là một tai họa cho chính nó và cho thiên hạ.

Mỗi năm chỉ có một lần Thái Tuế nên người ta rất trân trọng đón mừng Năm Mới dù rất tốn kém – Do đó nếu TA là Thái Tuế, dù hành sử uy quyền Thái Tuế cũng không nên xuất hiện nhiều lần làm hao tổn ảnh hưởng đời sống nhân dân – hoặc giảm mất tính thiêng liêng cao quý kính nể của nhân dân.

Nếu lợi dụng uy quyền của Thái Tuế nhiều lần quá đáng không đúng lúc thì Thái Tuế mất hiệu lực đối với nhân dân, có khi còn bị nhân dân sát hại.

II.-NGUYỆT KIẾN :

Tượng trưng lực lượng, khối nhóm đương quyền, thường được Thái Tuế tin cậy, giao trọng trách lãnh đạo, xây dựng cộng đồng trong một giai đoạn nào đó. Cũng như tới phiên trực của một tháng nào đó trong 12 tháng của một năm. Tháng trực đó gọi là Nguyệt Kiến. Hết phiên trực sẽ đổi tháng khác lên thay, giống như thay đổi chế độ cai trị của một Đất nước.

Nhiều khi khối nhóm, lực lượng đương quyền đó không được Thái Tuế tin cậy hoặc các thành viên trong cộng đồng tín nhiệm, nhưng họ gặp thời, tự đứng ra khoác cho mình một chính nghĩa, tự tạo ra một pháp lý để hành xử quyền lực tối cao, lấn áp, thu phục, kết nạp, diệt hại, bắt buộc các phe nhóm, lực lượng khác phải phục tùng mệnh lệnh, qui thuận khép mình vào vòng quyền lực kiểm soát của nó.

Nhưng dù sao, Nguyệt kiến vẫn là một lực lượng chủ lực đương thời, đương quyền, là khối nhóm đương kim có quyền

bính trong tay, có cơ sở tổ chức rộng lớn, có chủ trương đường lối chính sách hẳn hòi như là một chính phủ của một chế độ, là đầu não ra mệnh lệnh cho Nhật Thần làm việc.

III.- NGUYỆT PHÁ

Nguyệt phá được xem như là những lực lượng khối nhóm đối kháng với lực lượng khối nhóm đương quyền là Nguyệt Kiến.

Họ cố tình tranh đấu, chống đối, chê bai, phá hoại nhằm làm giảm uy tín, thế lực hoặc cướp đoạt chính quyền đương kim. Như là những tháng xung khắc với tháng đương thời hoặc bị tháng đương thời xung khắc.

Thành phần Nguyệt phá tất nhiên phải có trong một xã hội, dù lớn hay nhỏ, công khai hay âm thầm, có chính nghĩa hay không chính nghĩa, dưới nhiều kiểu cách để cản bước tiến, hướng tiến của Nguyệt kiến – nếu nặng ra có thể lật đổ tiêu diệt thay thế Nguyệt kiến.

Niềm âu lo an nguy của Nguyệt kiến chính là Nguyệt phá, không thể không đề phòng. Chỉ có Nguyệt phá (cũng là Nguyệt) mới là đối thủ nguy hiểm có khả năng tranh cường với Nguyệt kiến mà thôi. Còn các thành phần khác không đáng ngại.

Do đó, bất cứ lúc nào và bằng mọi cách, Nguyệt kiến phải xác định cho rõ đâu là Nguyệt phá và có biện pháp tích cực hóa giải hiệu lực của Nguyệt phá.

Ngược lại, nếu các thành viên không bằng lòng đương kim Nguyệt kiến, muốn thay đổi Nguyệt kiến thì phải tạo dựng, dựa thế Nguyệt phá mới có thể hi vọng thành công – Vì chỉ có Nguyệt phá mới xứng danh là Kỵ Thần của Nguyệt kiến.

IV.-NHẬT THẦN

Nhật Thần là cái ngày đương thời trong tháng, là cái thời lúc trực tiếp sáng tối gần nhất với mọi sinh hoạt của con người vạn vật.

Ngày khắc là – Nhật Thần tạm coi là đơn vị thời gian nhỏ nhất so với năm, tháng mà chúng ta - con người bình thường có thể tiếp cận thức – ngủ trong nó.

Chúng ta và muôn vật luôn luôn sống động trong quỹ đạo của ma lực sáng tối nóng lạnh hàng ngày, từng lúc biến chuyển của Nhật Thần.

Nhật Thần (ngày) chỉ có giá trị khi được xác định bởi Tháng và Năm. Bởi thế khi nói Nhật Thần là đã ẩn chứa Nhật Thần của Năm Tháng nào rồi – tức Nhật Thần là hiện hữu đại diện chính thức uy quyền của Tháng Năm.

Ảnh hưởng của Nhật Thần đến đời sống của muôn loài rất lớn, nó linh thiêng, huyền diệu và mầu nhiệm đến độ phải gọi là *Thần* mới xứng.

Trong phạm vi Xã Hội, Nhật Thần như là một cá nhân, một tiểu tổ được lực lượng khối nhóm đương quyền đề cử, chấp chưởng quyền hành để thực thi đường lối, chủ trương của lực lượng.

Nhật Thần dù ở bất cứ cương vị lớn nhỏ nào đều cũng có một quyền hạn rộng rải, một uy lực dũng mãnh như thế.

Nhật Thần trực tiếp thường xuyên ngày đêm đối đầu với đối phương nên có quyền giải quyết tại chỗ bất cứ một sự phản kháng trái lệnh nào – Nên trong giao dịch xã hội, rất sợ thế Nhật Thần chiếu mệnh, khó mong toàn mạng.

Nhật Thần muốn chỉ về cái thời lúc vượng động của bất cứ vấn đề gì, là lúc thi hành trách nhiệm thì dù là ở cương

vị nhỏ nhoi, tầm thường nhưng rất quan trọng, có thể ảnh hưởng nhiều đến đại cuộc.

Như là ăn cướp, ăn mày, cùi phong, sứt mẻ đẹp xấu, con rắn con rít, luồng khí, cọng cỏ, mỗi mỗi đều có thế lực quan trọng ở giây phút đó, chúng vẫn có quyền lực như Nhật Thần kể trên.

Đa số chúng xem như vô tình không ảnh hưởng gì đến đại cuộc. Thật ra, có khi chúng đóng một vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng dây chuyền làm hỏng cả mọi cuộc toan tính của con người, làm đổ vỡ biết bao công trình phải tốn nhiều năm xây dựng.

Bấy giờ mới biết Trời là gì, Thời Trời là sao, như xưa kia có người từng than :

"Nhân nguyện như thử, như thử
Thiên lý dị nhiên, dị nhiên"
(Người muốn như thế như thế – Lẽ Trời lạ thay, lạ thay)

Nhật Thần có tính nhất thời, thường xuất hiện bất ngờ nên nó có khả năng tạo tình huống trái ngược – nhất là ở những thời điểm quan trọng. Nên người ta thường giữ kín Nhật Thần đợi đúng lúc tung ra làm đòn quyết định, làm tê liệt đối phương, chuyển bại thành thắng hoặc chuyển thắng thành bại.

Người giỏi giao dịch Xã hội, tất nhiên là giỏi sử dụng Nhật Thần làm con chủ bài có hiệu lực tốc chiến tốc thắng – thiên biến vạn hóa – Dĩ nhiên mỗi Nhật Thần chỉ có hiệu lực lúc trách nhiệm rất ngắn hạn – không thể dùng nhiều lần; lúc khác nên chọn Nhật thần khác thích hợp hơn.

Nhật Thần nói về tình người ở chỗ cao nhất như là vị Thủ Tướng hay Tướng Soái, ở chỗ thấp nhất như là người dân vệ hay sĩ tốt.

Dù ở chỗ cao hay thấp vẫn có sức mạnh như nhau. Chính vì thế, có một lúc nào đó Nhật Thần mạnh hơn cả chủ lực là

Nguyệt kiến hay Nguyệt phá. Bởi vì đó là lúc trách nhiệm, như trách nhiệm của người lính gác giặc vậy.

Nhật Thần có tác dụng hiệu lực như là một công cụ một phương tiện, một nhân viên thừa hành mệnh lệnh cấp trên. Nếu ai có khả năng làm chủ lực cấp trên ban lịnh thì nó tuân thủ ngay không phản đối – từ chối – Nên Nguyệt kiến hay Nguyệt phá phải có Nhật Thần, tranh thủ Nhật Thần bằng cách tranh nắm cho được quyền chủ lực.

Nhật Thần phục vụ phụng mệnh rất tốt, nhưng ta không nên đòi hỏi sự trung thành tuyệt đối của nó được – Ai có quyền, còn quyền ra lịnh thì nó theo – Có khi nó làm quá giới hạn trách nhiệm phận sự, chức năng hoặc lạm dụng cương vị tác oai tác quái. Do đó chủ lực luôn luôn phải kiểm tra hành vi của Nhật thần để nó phục vụ đúng đắn, không nên quá thả lỏng nó sinh lộng hành quấy nhiễu làm hư hại uy tín công cuộc.

Nhật Thần không sợ bất cứ cái gì vì nó là loại Ky thần Vượng Tướng; nhưng nó chỉ sợ chủ lực bỏ rơi nó thì nó không còn chỗ tựa để ra oai lực được – Lúc đó nó sẽ rơi vào thế Tuần Không – vô chủ –

V.- TUẦN KHÔNG

Tuần Không là ý nói đến các lực lượng hoặc cá nhân lưu lạc không có căn gốc, chưa được hoặc không được chủ lực chấp nhận hay tự thân không chấp nhận chủ lực. Nếu những lực lượng đó họ tự động và vượng động không ngừng thì chưa phải là Tuần Không. Nếu họ không cần một thế lực nào yểm trợ cả, họ tự tín, nằm ì một chỗ mà vẫn được các thế lực nể nang thì cũng chưa phải là *Tuần Không*. Tuần không có nghĩa là *Không* hoặc *Chưa Có Căn Gốc*, căn bổn chỗ quy về, nhưng không có nghĩa là không dùng được. Nếu căn gốc hay chủ lực chấp nhận thu nhận họ vào trong xã hội – Tông Phái mình thì lúc ấy họ trở nên đắc dụng ngay. Thường chủ lực căn gốc chấp nhận mà chính họ không chấp nhận chủ lực.

368

Trong bất cứ một tổ chức xã hội nào, lúc nào cũng có những hạng người này. Họ không chịu khép mình vào bất cứ một thứ kỷ luật nào. Họ xé rào vì họ cho rằng kỷ luật làm khắc khổ, gò bó họ. Nhưng họ không hiểu rằng nhờ kỷ luật, kỷ cương làm cho họ tiến bộ dễ dàng. Họ không gia nhập được bất cứ một chủ lực nào hoặc vì họ thiếu khả năng hoặc vì họ lười biếng hoặc vì họ chưa thấy biết được quyền lợi hay tiến bộ nào. Ngoài ra, còn có hai loại Tuần Không đặc biệt gọi là :

-Vượng Tư ớng Tuần Không và Hưu Tù Tuần Không

Vượng Tướng Tuần Không , ví như một người hoặc một khối nhóm chính nghĩa. Cái dĩ nhiên của chính nghĩa là không khép mình ở hôn quân vô đạo, ở các bè cánh, ở các thế lực của trào lưu, thuộc sáng lập Đạo, chớ không phải hạng theo Đạo. Tuy danh gọi Tuần Không nhưng không chính Tuần Không vì nó thuộc hạng chủ lực chớ không ai chủ lực nó. Một ví dụ khác là những người có tài đặc biệt chuyên môn như một tướng tài, một văn nhân lỗi lạc, một bác học uyên thâm, bất kể là đã nghỉ việc hay chưa giúp việc, nhưng họ đã khét tiếng trong chốn giang hồ, chính tà đều ngưỡng mộ. Như một tôn giáo có đa số tín đồ sinh viên, giáo sư, viện trưởng đã đoàn kết thành một lực lượng, v.v. . . Như một dị khách chưa muốn dừng chân, còn ưa thích rày đây mai đó, hành hiệp giúp đời, chim chưa muốn lót ổ, khí phách hiên ngang của kẻ sĩ chưa muốn trụ hình, tham gia giúp nước, giúp thiên hạ đại sự. . . Tất cả hạng người trên là thuộc loại Vượng Tướng Tuần Không.

Xét trong xã hội, Tuần Không Vượng Tướng giống như thiên hạ làm một việc gì chưa có cán nắm, chưa tới tầm tay mình chưa vào đúng quỹ đạo tức như chưa có chủ lực, cái gốc tham dự việc ấy, tất nhiên chưa có ảnh hưởng hay ý nghĩa thật sự trọng đại hiện thời. Nhưng chắc chắn sẽ là thật sự trọng đại trong tương lai. Những hạng Tuần Không có tương lai đều gọi là Vượng Tướng Tuần Không.

<u>Hưu Tù Tuần Không</u> là chỉ về những hạng người đã đắc thời mà bị về hưu, chưa đắc thời mà bị kềm hãm. Những chủ lực không còn hy vọng được ở họ nữa vì đã lú lẫn, yếu đuối hoặc lỗi thời, tương lai không hứa hẹn, ngược trào lưu tiến hóa trong thiên hạ, không là đặc biệt, v.v. . . Những hạng đó đều gọi là hạng Hưu Tù Tuần Không bởi vì các chủ lực sẽ không dùng. Có thể chỗ này là Hưu Tù Tuần Không nhưng qua chỗ khác là chủ lực vượng tướng.

VI.- <u>PHỤC NGÂM</u> : <u>ẩn tàng bất hiện</u>

Trong xã hội hay trong một cơ cấu tông phái, người cùng một đường hướng chung sống với mình, nhưng đến lúc nào đó sẽ hơi khác ý mình hoặc đội lốt của mình tác oai tác quái hoặc vô tình hay cố ý tiết lộ điều cơ mật. Người đó hay nhóm người đó ở trong nội bộ, ẩn tàng mà khác mình hoặc hơi khác mình một chút. Do đó ở đời chúng ta phải biết cái sâu kín của nội lực mình trước tiên để đề phòng trường hợp khi ta sắp động tĩnh đã có kẻ đã phổng tay trên hoặc bị trì kéo lại. Kẻ ẩn tàng núp bóng chờ cơ hội làm khác với ta gọi là Phục Ngâm, nó nằm tại nội lực của mình.

Phục Ngâm để chỉ rõ tính cách mai phục ẩn tàng, phục tàng bất hiện. Ví dụ như họ có ý khác, song thay đổi bộ mặt, cải trang quần áo để cho người khác lầm tưởng là cách khác, nhưng họ chính là bè cánh cũ, người cũ, tánh nết cũ. . . Có ba loại phục ngâm đặc biệt là Vô Cố Phục Ngâm, Biến Dịch Phục Ngâm và Tiên Cơ Phục Ngâm.

- <u>Vô Cố Phục Ngâm</u> là những hạng người không cố ý, chủ định làm Phục Ngâm nhưng vì ngu đần, bị khai thác khéo léo hoặc lỡ sa cơ thất thế bị bắt buộc phải làm Phục Ngâm.

- <u>Biến Dịch Phục Ngâm</u> là những hạng người trước kia vẫn trung thành, tích cực với chủ lực, nhưng đến một lúc nào đó họ bị mua chuộc mới hóa thành đổi tánh, đổi hướng, phục vụ cho hàng ngũ đối phương nhưng vẫn ở lại chủ lực để làm nội ứng cho đối phương.

- **Tiên Cơ Phục Ngâm** là những hạng người không thuộc chủ lực nhưng họ là người của đối phương len lỏi, khéo léo đi vào nội bộ của chủ lực để giữ một vai trò trọng đại trong nội lực, chờ cơ hội phá phách hay làm nội ứng, cung cấp tin tức. . .

Trong ba loại Phục Ngâm trên thì Tiên Cơ Phục Ngâm có vẻ khó khăn hơn vì dễ bị khám phá, lộ hình. Thông thường trên trường gián điệp người ta hay sử dụng Vô Cố Phục Ngâm và Biến Dịch Phục Ngâm vì tương đối dễ dàng hơn. Tuy nhiên cũng phải thận trọng vì cũng dễ bị mắc bẫy lắm.

VII.- PHẢN NGÂM

Trong bất cứ một Xã hội nào hay một công việc gì chúng ta đều thấy có trung thành và phản bội từ trong nhỏ nhặt đến ngoài rộng lớn. Chuyện thay lòng đổi dạ, chối bỏ lập trường đường lối lúc ban đầu là chuyện thường tình xảy ra đối với Xã Hội Thiên Nhiên. Sự phản bội, chống đối ngược lại với chủ trương ý tứ, lý tưởng hồi đầu đó, dầu là của mình hay của người khác, được gọi là Phản Ngâm.

Phản Ngâm cũng có ba loại như Phục Ngâm vậy. Ba loại đó là Vô Cố Phản Ngâm, Biến Dịch Phản Ngâm và Tiên Cơ Phản Ngâm. Phản Ngâm cho ta thấy việc tưởng thành mà sau bại, việc tưởng bại mà sau thành, tưởng được mà mất, tưởng mất mà được, tưởng yên mà nguy, tưởng nguy mà yên. Do đó, chúng ta nên thận trọng lúc tĩnh phải lo lúc động, lúc động phải lo lúc tĩnh, lúc Hòa bình phải lo lúc chiến tranh, lúc Chiến tranh phải lo lúc hòa bình. Ví dụ như trống đánh xuôi kèn thổi ngược, búa sút cán, ngựa về ngược. . . Thường phản có phục, phục có phản.

Qui luật phản phục là qui luật phổ biến trong bất cứ Xã hội thiên nhiên nào. Do đó người muốn thành công dù việc lớn hay nhỏ cũng đều luôn luôn cảnh giác chớ vội tin hoặc quá tin bất kỳ ai, cái gì khi chưa thấu suốt qui luật Xã Hội Thiên Nhiên trong từng sự việc, từng giai đoạn. Do không nắm rõ qui luật phản

phục nên nhiều người ở giữa đường hay cuối đời đã phải ân hận, nghẹn ngào, thân bại danh liệt vì "không ngờ" người thân, phe ta hại ta, ta phản ta, nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà. Kẻ khôn ngoan lắm cũng khó thoát khỏi phản phục, chứ đừng nói người thường hay mắc phải.

372

THUẬN THIÊN HÀNH ĐẠO

KHAI VẬT THÀNH VỤ



Người học Dịch, khi đã đạt Dịch rồi không nhất thiết phải làm một điều gì cả. Nếu có phải vì thuận lòng Trời, ứng lòng Người mà dấn thân vào đạo cả trong thiên hạ thì phải hết sức cẩn trọng từng bước một. Cẩn trọng không phải vì sợ chết hay sợ liên lụy bản thân nhưng vì công cuộc sinh tồn tiến hóa chung của nhân loại, của dân tộc, gia đình, v.v. . .

Một khi người học Dịch nhúng tay vào việc cả trong Thiên hạ thì nhất định phải thành công không bao giờ thất bại. Nếu phải chịu thất bại, ấy là tại mình học Dịch chưa đến nơi đến chốn.

Khi dấn thân vào đạo Thiên Hạ, ta luôn luôn nhớ rằng mình đang vào chốn hiểm địa, không có một thứ khí giới nào diệu dụng đủ sức che chở cho mình bằng Dịch. Chỉ có Dịch mới là áo giáp che thân thần kỳ chống lại mọi mũi tên ngầm độc hại do lòng người thâm hiểm dành sẵn cho mình. Do đó người học Dịch cần phải thuộc nằm lòng những yếu chỉ sau đây trước khi cất bước hành hiệp giang hồ.

I.- KHÔNG TIẾT LỘ TÀI NĂNG VÀ MỤC TIÊU

Người học Dịch khi vào đạo thiên hạ nên nhớ yếu chỉ đầu tiên quan trọng nhất nầy là : "Không bao giờ tiết lộ tài năng và mục tiêu cho bất cứ kẻ nào, dù là người thân nhất đời mình".

Vì lẽ không cần thiết và có thể rước họa vào thân. Chỉ có thể tiết lộ phần nào tài năng và mục tiêu gần gũi thấp nhất

trong những trường hợp bất đắc dĩ vì công cuộc, khi đi tìm bạn tri âm hoặc bảo vệ thân mình.

Để được vậy, người học Dịch phải khôn khéo xếp đặt nếp sống của mình sao cho thích nghi để che giấu bớt tài năng và mục tiêu lý tưởng từng bước hoặc cuối cùng của mình. Mọi động thái phải hết sức khéo léo và tự nhiên. Bất cứ chi tiết nhỏ nhặt nào cũng có thể làm cho người khác suy đoán ra con người của chúng ta và điều cơ mật của chúng ta, nhất là trong những lúc bất ưng thường hay thổ lộ.

Chúng ta chỉ tiết lộ khi đúng lúc cần thiết và dù người có biết cũng không còn kịp trở tay làm gì hại được ta. Nhưng tốt nhất chẳng cần tiết lộ thì hay hơn cả.

Chắc chắn người đời đa số không hài lòng và nghi ngờ đạo đức tác phong của ta về việc làm kín đáo bất đắc dĩ này. Họ cho rằng ta thiếu thành thật, khó hiểu, có thể họ giận hờn trách móc xa lánh ta.

Vậy trong sinh hoạt đời thường, ta nên chứng tỏ cho họ thấy ta vẫn chân tình dễ hiểu dễ thương, luôn gần gủi họ. Chỉ trừ một số việc quan trọng thuộc trách nhiệm công cuộc phải giữ kín vì xét thấy họ chưa thể, không thể, chưa nên, không nên chia xẻ tâm tình, gánh vác trách nhiệm chung với ta được, e ảnh hưởng xấu đến công cuộc và liên lụy bản thân họ tội nghiệp, cũng có thể tạo rò rỉ, mầm mống thất bại đáng tiếc về sau mà thôi chứ ta nào có lòng chi dối trá, không thành thật với mọi người đâu.

Ai hành sự muốn thành công tốt đẹp cũng đều phải nghiêm túc bảo mật như vậy mà còn chưa chắc thay. Họ trách ta là họ không công bình vì chính họ cũng đã từng làm như thế nhan nhản dọc đường sống còn của họ.

Nay họ nằng nặc đòi hỏi ta phải tiết lộ là họ có ý đồ thăm dò để tính chuyện với ta, chưa chắc đã là hảo ý . Họ có quyền đối xử chân giả với ta thì vô lý sao ta lại không được phép chân giả với họ.

Nếu họ vẫn là bạn thân ta, khi biết ý ta không muốn tiết lộ thì họ phải trọn tin ta và họ chỉ lo giúp đỡ trợ trưởng những gì ta yêu cầu họ là đủ. Họ tự biết không nên đòi hỏi vượt quá giới hạn tình bạn cho phép.

Rất có thể hiện giờ họ tỏ ra rất chân tình với ta, nhưng điều đó không thể bảo đảm họ giữ kín tuyệt đối tâm sự của ta, dù họ vô tình hay cố ý cũng như không thể bảo đảm về sau họ không thay đổi trở mặt phản bội ta. Lúc đó ta và kẻ thân thương ắt phải chua chát đắng cay lắm vậy.

Để bảo vệ, gìn giữ người thân thương mãi là tri âm của ta thì ta phải hết sức tránh cho họ hoàn cảnh phạm sai lầm trầm trọng, thậm chí đưa đến tình trạng mất cả tình bạn. Điều mà ta và bạn không bao giờ muốn xảy ra.

Nhưng thực tế vẫn là sự thật. Mọi người ai cũng biết rằng tất cả đều đổi thay, mọi việc đều có thể xảy ra và không thể xảy ra. Do đó ta không nên tùy tiện cả tin ở quá khứ, hiện tại mà sẽ phải hối tiếc trong tương lai.

Tin thì ta vẫn tin, nhưng phòng thì ta vẫn phòng để ngừa tránh mọi bất trắc khó xử có thể xảy ra cho mình, cho bạn, cho công cuộc . . . Vậy tốt nhất không nên tiết lộ tài năng và mục tiêu khi không cần thiết ngay cả cho những người thân nhất đời mình.

II.- THÀNH CÔNG GIAI ĐOẠN

Như đã nói người học Dịch khi nhúng tay vào một việc gì thì nhất định thành công không bao giờ thất bại vì người học Dịch biết thành công giai đoạn.

Người học Dịch biết sức người có hạn và việc làm phải tuần tự nhi tiến, theo lối Phong Sơn Tiệm. Người học Dịch không ôm đồm, bao biện, tham lam. Người học Dịch phân chia trong trường hạn thành nhiều đoản hạn, hạ thấp lý tưởng, mục tiêu cuối cùng xuống cho vừa tầm tay, thích hợp với khả năng sẵn có của mình không bao giờ trông cậy một tí gì nơi kẻ khác. Khả năng hiện hữu của chính mình là một trong nhiều điều quan trọng tất yếu của mục phiêu, của lý tưởng.

Người học Dịch còn biết tất cả mọi cái đều quan trọng như nhau, không được phép thiên lệch cho rằng cái nầy quan trọng hơn cái kia, vì như vậy là sai lầm. Bởi vì mỗi thứ đều chỉ là quan trọng giai đoạn. Để đạt được mục phiêu thì phải biết sự quan trọng thuộc về tuần tự và trật tự tức là phải biết cái trước rồi cái nào kế đó, rồi cái nào thứ ba, thứ bốn, thứ năm . . . Nên nhớ mỗi một quan trọng đều hàm chứa số ngũ. Nghĩa là có lúc nó là Nguyên, có lúc là Kỵ, là Cừu, là Dụng, là Tiết thần. Vậy không nên quá chơn thật chất phác.

III.- QUÊN Ý MÌNH

Bất cứ lúc nào việc làm của người học Dịch cũng phải thuận lòng Trời, ứng lòng Người, không được có ý riêng. Phải quên ý mình thì mới có thể thành công được. Phải dẹp hẳn ý mình khi vào đạo thiên hạ. Phải lấy ý người làm quan trọng vì chỉ có ý người mới thành vấn đề. Thiên hạ tự hãnh diện do công lao của mình mà không hay biết nếu họ biết tức là mình thất bại.

Muốn thâu hoạch được kết quả tốt đẹp trong thời loạn thì ta nên chọn thế Tĩnh trong tình thế manh nha Động. Vậy khi nào lúc nào cũng phải quên ý kiến riêng của mình.

Muốn thế mình không có lập trường riêng sao ? Có chứ, thiên hạ sẽ làm theo ý mình nhưng chính thiên hạ tự cho là ý của họ. Họ thành công tức là mình thành công rồi vậy.

Lấy ý người làm ý mình là cả một nghệ thuật khoa học thành công. Nếu không được tu dưỡng kềm chế, trầm tĩnh tế nhị thì không làm nổi việc quên ý mình.

Nên nhớ người đời hay thích khoe khoang, phỉnh nịnh đồng thời cũng rất độc đoán, độc tài, ích kỷ, chủ quan. Trong thâm tâm họ vẫn không thích nghe theo ý kiến của ta đâu. Chi bằng ta khéo che giấu ý mình mà nương theo ý họ, rồi từ từ đưa dẫn lèo lái họ theo chiều hướng của mình mà chính họ cũng không hay biết.

Phải để cho họ tự thấy hoàn toàn do ý họ, chính họ quyết định tất cả. Ta không phải lo là mình bị mất lập trường, mất chủ động chủ xướng, vì làm gì có chuyện đó đối với người học Dịch như ta luôn luôn tự cường bất khuất, chủ xướng trong mọi hoàn cảnh. Nhưng ta chủ động chủ xướng khéo léo đến độ chẳng ai đoán ý mò ra được. Thế mới là tài trí sâu dầy mà người đời thường khen kẻ siêu nhân có những thành công kỳ diệu là "bất chiến tự nhiên thành", "vi vô vi"...

IV.- ĐÚNG LÚC

Như chúng ta đã biết, người học Dịch đến cuối cùng sở đắc được cái biết vô tư và đúng lúc. Đúng lúc trở thành yếu tố quyết định và quan trọng nhất để thành công. Đúng lúc có nghĩa là phải gồm đủ tam yếu : Thiên cơ, Thời cơ và Nhân cơ.

Người học Dịch trước khi nhúng tay vào việc cần phải duyệt xét mọi sống động đã qua, hiện tại và sắp đến từ phạm vi lớn rộng như quốc tế đến những phạm vi nhỏ hẹp như cá nhân. Sự duyệt xét này không mảy may riêng ý tư lợi , rất là vô tư nên không thể nhầm lẫn được. Đây là một cái biết đúng tất định không thể nào khác được.

Xét nét để cho biết Con Người và lòng người đang hướng nặng về đâu tức là Trí Tri Ý thầm kín của thiên hạ đang quây quần hội tụ về đâu. Trong đó có con người chính mình có thể góp sức, góp Trí Tri Ý mà chưa có tri âm để cạn tỏ và rồi tự trong muôn phương đang có manh nha giống trí tri ý của chính mình.

Khi gặp được tri âm và phải chờ tri âm khơi mào thố lộ một trong nhiều việc của vấn đề sâu rộng. Người tri âm đang sẵn có tri âm thế nào, ý muốn thầm kín ra sao. Biết được rồi ta chỉ đáp ứng nhu cầu của tri âm. Vậy gọi là - đúng lúc.

Thiên cơ, nhân cơ, thời cơ đã có đủ là đúng lúc ta được phép bắt đầu lao vào việc "Thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ" mà không còn phải đắn đo e ngại hoang mang nữa vì đã thuận lòng Trời, ứng lòng Người thì sẽ có muôn thứ Thiên mưu, Nhân mưu, Quỷ mưu vừa giúp, che chở cùng làm với ta. Chắc chắn nhất định thành công – không có thế lực nào cản trở nổi đâu – chỉ có sớm muộn mà thôi.

Người học Dịch suốt đời cũng chỉ học có chữ *Thời* – quan trọng nhất là *Thời Trời*. Đúng lúc tức là đúng Thời Trời luôn theo dõi *Thời Cơ* – khi đúng lúc Thời Cơ thì chỉ cần hạ thủ là đoạt thành như lấy đồ trong túi, như cá đã cắn câu – Bởi thế người học Dịch rất tự tin khi đã nhúng tay vào việc nhất định phải thành công – không bao giờ thất bại – vì ta biết thành công giai đoạn, biết quên ý mình để vô tư hành động đúng lúc.

Có trường hợp, người học Dịch biết trước việc khó thể thành công, nhưng vì không thể làm khác hơn. Người đời có cho là Ta thất bại về mặt này, mặt nọ, chớ họ có biết đâu trong thất bại đó Ta đã thành công nhiều mặt khác theo ý riêng mình. Chẳng hạn không thành công thì thành Nhân, hoạt động có lương, vào trong cái tử để tìm cái sinh, thử thách tri âm để chọn chơn nguyên thần và chơn kỵ thần, ân đền oán trả cố ý làm cho thất bại được cũng là một thành công về chuyện thất bại . . .

V.-TÌM TRI ÂM

Phàm làm việc gì cũng phải có ít nhứt một hoặc hai người bạn đồng hành giúp sức ở mỗi giai đoạn, gọi là tri âm giai đoạn. Do đó trước tiên người học Dịch phải tìm kẻ tri âm đối với vấn đề hay công cuộc.

Tri âm có thể một hay vài ba người, không cần họ hoàn toàn đồng ý với mình hoặc có đủ tài năng đức độ để cán đáng công việc, trên nguyên tắc đại cương cũng được.

Muốn tìm kẻ tri âm thích ứng với công cuộc cần phải xét tâm tính và khả năng của người đó.

Tại sao không chú trọng về hình thức mà lại cần xét ở tâm tính và khả năng ?

Bởi vì tâm tánh và khả năng hiện tại của mỗi một, lúc nào cũng là nền tảng để tiến hóa. Khả năng hiện tại và tâm tánh đều là thuộc về khả năng có Trí Tri Ý tham dự đã trải qua, và kết tinh của sự đã trải qua. Mỗi sự việc được hình hiển ra bên ngoài, nhìn thấy biết được đều là đã có Trí Tri Ý tham dự. Hơn nữa mỗi sự lớn nhỏ ít nhứt là có Trí Tri Ý một người, hoặc nhiều người thì chúng ta gọi là cơ quan đầu não, bộ tham mưu . . . Đại khái đều có Trí Tri Ý tham dự. Trí Tri Ý nào đúng nhu cầu của

giai đoạn thì mới là vấn đề phải làm, còn các cái khác sẽ là kế tiếp. Vậy cần đúng lúc bất cứ vấn đề gì.

Làm thế nào để biết tâm tính của một người ?

- Trước hết chúng ta nhờ <u>Dịch Lý báo tin</u>, khi chúng ta muốn biết về một người nào đó, chúng ta an Dịch Tượng tiên tượng (Ngoại Tượng) là hình dáng bên ngoài. Hậu tượng (Nội Tượng) là tâm tính. Nếu động ngoại tượng thì lúc bấy giờ người đó dùng bề ngoài. Nếu động nội tượng thì lúc bấy giờ người đó dùng nội tâm.

Nếu động hào từ Âm sang Dương là <u>động giao</u>, tức là tâm tính vấn đề mới sinh ra. Còn động hào từ Dương sang Âm thì là <u>động trùng</u>, tức là vấn đề tâm tính đã từ lâu như vậy.

Tâm tính thì thay đổi lẩn quẩn ở một trong tám Tượng đơn. Nên đối với vấn đề gì, việc gì thì người đó có tâm tính đó.

Đối với người thường thì tâm tính ít thay đổi vì đó là Tiên Thiên Tính. Tuy nhiên, đối với người học Dịch thì người nào cũng có đủ tám tánh, rồi tùy lúc, tùy việc mà sử dụng một trong tám Tánh đó cho thích hợp. Thí dụ nếu nội tâm người đó là (☰) *Kiền* thì đối với vấn đề Hòa Bình, người đó hết sức quyết liệt về Hòa Bình, tức là chủ hòa hơn ai hết. Nếu đối với vấn đề Chiến Tranh thì người đó hết sức quyết liệt về chiến tranh, tức là chủ chiến hơn ai hết, hung hăng hơn ai hết.

Nếu nội tâm người đó là *Kiền* mà hình dáng bên ngoài là *Tốn* (☴) như vậy tính khí của anh nầy là cương kiện, cứng mạnh mà bên ngoài thì thuận theo. Nếu giao việc cho anh này (nhiều khi không cần biết mặt mũi) như việc điều hành một đoàn thể thì tâm tánh anh ta có ý riêng, độc tài, thô bạo, cứng cỏi (☰) mà bên ngoài thì thuận (☴).

Khi giao thiệp với người, ta đến với người thì <u>ta là Ngoại</u>, người là nội.

380

Nếu người đến ta thì người là Ngoại, ta là Nội.

Khi muốn thực hiện điều gì, trước tiên ta an Dịch Tượng để biết tâm tính của người mà ta muốn giao thiệp. Thí dụ như tâm tánh của họ (Nội Tượng) là Kiền. Rồi do nơi công việc, ta sẽ đến với một động thái nào đó để cho ra một trạng huống nào đó theo ý muốn ta. Như ta cần Đại Hữu (䷍) thì ta đến người đó với thái độ là *Ly* (☲).

Nếu muốn chờ đợi thì dùng Khảm (☵) để có *Thủy Thiên Nhu.*

Mặc dầu chúng ta biết xử dụng Dịch như trên, nhưng để đắc sách hơn, chúng ta nên thuận theo sự sống động của tạo hóa (tức là chúng ta phải chọn lựa giờ thích hợp khi giao việc).

- Đối với người thường thì họ khó biết Chơn Giả khi có người đến tìm. Nhưng với người học Dịch thì họ rất dễ biết bởi vì họ có rất nhiều cách để biết Chơn Giả. Ví dụ như xét lời nói với việc làm, sắc mặt, cử chỉ, điệu bộ, suy vượng, tích cực, tiêu cực, tiền hậu bất nhứt, năng thuyết bất năng hành, Dịch lý báo tin . . .

- Thuộc về Hậu Thiên Học, người ta thường gán Lục Thú vào các hào, và xem động tĩnh của con thú nào để biết sơ qua về tính cách động Tĩnh của sự việc. Lục Thú thì bất kể ở Nội Tượng hay Ngoại Tượng.

Như khi chúng ta an được Dịch Tượng là *Sơn Hỏa Bí* :

☶ (Hình dạng)

☲ (Nội tâm)

Nếu Huyền Vũ động mà lòng người đó là *Ly* (☲) tức là người đó muốn sáng tỏ, khoe khoang về sự mờ ám, ám muội (Huyền Vũ). Vậy là có lúc người đó sẽ thố lộ tâm tình. Nếu Huyền Vũ động mà ở thế *Cấn* (☶) thì chuyện ám muội sẽ được người

đó che giấu. Nếu Câu trần động ở thế *Ly* (☲) thì việc làm sáng tỏ có ý kéo dài trì trệ. Nếu Bạch Hổ động ở Kiền thì là kẻ hung bạo độc ác, dữ dằn. Nếu Đằng xà động ở Ly thì nó làm sáng tỏ một cách quái dị kỳ khôi. Nếu Huyền Vũ động ở Khảm thì nó sâu độc một cách mờ ám.

Biết được tâm tánh của một người, chúng ta cũng cần phải biết Khả Năng của người đó để giao công việc cho thích hợp.

Khi xét tâm tính hay khả năng của một người nào hay lực lượng nào, chúng ta không thể xét sơ qua về hành động cử chỉ bên ngoài của người đó hay lực lượng đó. Chúng ta phải Vô Tư, bình tĩnh để phân biệt Chơn Giả Nguyên Thần, Kỵ Thần. Dụng thần cường động là để chọn Chơn Nguyên Thần và để cho biết rõ Chơn Kỵ Thần. Chưa rõ thì chớ nên hợp tác, chớ nên vọng động. Coi chừng đó là "Hợp trung đái khắc".

- Làm sao biết được Chơn Giả Nguyên Kỵ Thần ?

Biết được vì những lúc bất ưng nó thố lộ. Cần biết rõ Chơn Nguyên Thần và biết rõ Chơn Kỵ Thần tức là biết nó thuộc loại Phục Ngâm hay Phản Ngâm, Tuần Không hay Nguyệt phá, Suy vượng, Động Tĩnh ra sao. . . Nếu chúng ta còn yếu, chưa đủ sức biết ai là trung, ai là nịnh thì nên tham khảo ý kiến của hai người thân tín, am tường sự việc hoặc tài đức ngang mình hay một người lạ.

Khi đã biết tài năng của mỗi một thì diệu dụng là dùng đúng lúc những tài năng đó. Giao công tác thích hợp với tâm tánh và khả năng thì mới yên chí được một nửa.

VI.-KHI GIAO THIỆP

Nếu có người nào hay phe nhóm nào đến đề nghị cộng tác với mình về một công việc gì đó. Họ nói rằng nghe danh

tiếng mình đã lâu, chỉ có mình mới làm được việc đó thì chúng ta nên cẩn thận, chẳng nên vì háo danh hay cầu lợi mà xuất đầu lộ diện sớm. Mặc dầu rằng lời nói của họ có xác đáng và đề nghị của họ có hợp với hướng tiến của mình, chúng ta phải hỏi lại :

- Tôi có tài cán gì mà ông phải bận tâm ?

Rồi để mặc cho họ kể lể về tài đức công trạng của mình, dĩ nhiên là họ phải "bốc thơm" mình. Nếu họ kể chẳng đúng tài năng của mình thì chẳng tội gì phải cho họ biết rõ sự thật. Nếu họ kể đúng thật tài năng của mình thì mình cũng đừng xác nhận hay phủ nhận gì cả. Hãy để họ trong tình trạng *Hoài Nghi*.

Chúng ta lúc nào cũng giữ thế *Chủ Động*, chiếm thượng phong. Ta hãy tỏ vẻ không cần đến họ, họ phải cầu cạnh chúng ta, mặc dầu chúng ta đang cần đến họ nhưng đừng cho họ biết. Vì họ biết họ sẽ bắt chẹt chúng ta. Áp dụng câu : "Đồng mông cầu ngã phỉ ngã cầu đồng mông" (kẻ không biết cầu ta chứ ta nào cầu kẻ không biết).

Khi người ta bàn việc với mình mà không khởi từ *Gốc* thì họ chỉ là người thăm dò tư tưởng, thăm dò khả năng hiểu biết của mình. Nếu chính mình có sơ hở thì sau đó, họ sẽ xét thấy cái hiểu biết của chúng ta có lợi cho họ ở đâu, có hại cho họ ở giai đoạn nào để họ thanh toán cho kịp giờ. Chỉ có vậy chớ không có giá trị gì khác hơn, không cần hợp tác. Bởi lẽ lời bàn chẳng có giá trị cao độ bằng lẽ thật ở trong lòng của người thật thà. Bởi chính trị ở trong tâm, có tâm có chí quyết rồi thì việc mới nên được kế đó. Vậy ta chỉ cần nghe họ bàn luận hỏi han là mình biết ngay giá trị của họ, đồng thời cũng sẽ rõ luôn việc của mình hay của họ sẽ kết quả ra sao.

Lúc luận đàm, khi đó ta có thể thăm dò khả năng của họ bằng cách hỏi thêm : Ông có thể giúp gì cho chúng tôi ?

Nếu có chủ định trước họ sẽ kể ra ngay bằng không họ sẽ do dự lúng túng một lúc và sẽ hỏi lại : Ta cần gì ở họ.

Ta không nên vội cho họ biết chúng ta đang cần gì vì như thế ta vô tình đã tiết lộ điều cơ mật. Ta chỉ yêu sách họ những gì xét ra không làm lộ mục tiêu. Và dầu họ có biết cũng chẳng hại gì cho hướng tiến của ta. Chúng ta không nên cho họ biết là ta cần sự giúp đỡ đó để làm gì. Để làm gì thì tùy ý chúng ta, họ không có quyền đụng chạm tới hay biết tới.

Sau khi bàn thảo xong ta nói rằng : sở dĩ để có lòng tin, đức tin giữa chúng ta trên con đường dài hay vấn đều phải có những hành động sơ mọn trước đã. Nếu ông không làm nổi và ngược lại tôi không làm được thì lấy gì để chúng ta tin nhau trên một công việc lâu dài bền vững.

Rồi mình định hạn kỳ, nếu đến hạn kỳ mà họ không làm nổi thì kể như câu chuyện bữa nay là nói chơi. Nếu họ không làm hoặc mình chưa dọn đường mở màn thì mình chớ nên vì lẽ gì mà xuất đầu lộ diện. Trong khi cả hai phải có hành động tối thiểu, phải làm trước để dọn đường thì mới có đường để mà đi.

Họ đã làm bước thứ nhứt thì bước thứ hai họ vẫn phải làm. Nếu họ trí trá ở bước thứ hai thì cũng chẳng cần xuất đều lộ diện. Ta chỉ xuất đầu lộ diện ở lúc kết thúc bước thứ hai. Bước thứ ba tự nhiên họ phải làm xong và cho ta nghỉ việc. Như thế chúng ta cũng đã thành công giai đoạn rồi. Như vậy bộ mặt trí trá của họ sẽ lộ liễu.

Tóm lại mình không thể bước ra theo kiểu nhảy dù vì như thế chỉ là sự giả tạo như từ xưa đến nay, chúng ta không cần quan tâm. Trước khi xuất đầu lộ diện, đại để chúng ta áp dụng công thức : *Âm TrướcDương Sau.*

384

KHTK + MN ⇒ KHTK Cực
- KHTK

Nghĩa là ngầm trước hiện sau. Ngầm lâu sáu tháng, mau ba tháng. Đó cũng là điều kiện đã hẳn để chúng ta hoạt động có lương. Có lương nghĩa là những phương tiện dùng để xây dựng cơ sở lộ trình theo hướng tiến của chúng ta trước khi xuất đầu lộ diện.

Nên nhớ nguyên thần chơn giả. Nguyên Thần giả thường hay muốn biết hướng tiến của chúng ta. Vì lẽ muốn biết đó cho nên nó có thể hợp tác cùng với chúng ta ở bước thứ nhứt. Còn Chơn Nguyên Thần thường thường nó không cần biết chúng ta sẽ làm gì, nó chỉ lo cung phụng điều chúng ta đòi hỏi, vì nó đã là ta, đã tín nhiệm chúng ta, hy vọng chúng ta thành công bất kể nhỏ hẹp hay sâu rộng.

VII.-THỰC HIỆN

Trước khi nhúng tay vào việc người học Dịch phải xét mình, xét bạn rồi xét công việc. Khi đã trọn tin nhau thì đương nhiên quyền sinh sát đã trọn trong tay của mình. Nếu bạn chưa trọn tin mình trong giai đoạn thì chớ tiết lộ hành tung của mình bởi lẽ kẻ khác, người khác hay chính người đó đang nắm quyền sinh sát nói trên. Nó sẽ hoài nghi và sinh sát mình.

Khi đã suy xét cẩn thận, bắt tay vào việc để giúp bạn tri âm thì phải làm cho trót, cho xong nhiệm vụ rồi mới được phép bỏ đi, ít nhỏ gọi là nhiệm vụ giai đoạn, sâu rộng gọi là nhiệm vụ cộng cuộc.

Tìm được tri âm rồi, chúng ta bắt đầu bàn tính thảo luận với họ. Mời thêm một số thân hữu đồng chí hướng của họ và của ta nếu có. Xong rồi đến một ngày nào đó, ta thấy thành

phần khá đầy đủ để làm việc, ta cho hội lại và đề nghị bầu ban trị sự hay ban chấp hành lâm thời.

Thường thường người đời hay ham danh cầu lợi, vậy ta hãy thận trọng trong lúc này. Cố gắng hết sức từ chối chức vụ cao trong ban trị sự, nên tìm một chức vụ nào nhẹ nhàng, thấp kém trong ban trị sự xin miễn chúng ta có mặt, có tiếng nói trong ban trị sự là được.

Nếu họ quyết đề cử ta vào chức vụ cao thì ta cũng phải cương quyết từ chối. Lúc ấy tất có kẻ háo danh nhảy ra lãnh thay cho ta và chính người đó sẽ lãnh đủ mọi búa rìu dư luận. Chính mình sẽ lèo lái người then chốt này.

Lúc có *Ban Trị Sự* rồi thì tất có người lo xin phép tắc tổ chức cơ sở, lập chương trình đường lối. . .

Nếu có trường hợp họ dùng đa số lấn áp ý kiến chúng ta thì ta hãy uốn mình hòa theo điều kiện của họ, rồi sau đó ta tìm cách đề cao công việc của họ bằng cách gán ghép công trạng, văn ngôn, mỹ từ mà chính họ không thể có nhưng họ lấy làm thích thú.

Đến đây chúng ta đã thành công giai đoạn thứ nhất. Các giai đoạn khác kế tiếp cũng đều như thế cả. Bấy giờ chúng ta lại đi tìm tri âm trong số những người trước để xem ai còn muốn tiếp tục bước tiến theo đường hư ống của chúng ta thì chúng ta lại xây dựng với họ. Còn những người khác chí hướng của chúng ta, họ chỉ đến đó thì thôi hoặc theo đường lối khác cũng chẳng sao. Đến kỳ bầu cử ban trị sự chính thức họ sẽ không còn chỗ đứng.

Trên bước đường hành hiệp có lúc chúng ta được nhiều người giúp sức. Nhưng chúng ta hãy cẩn thận vì nếu có được nhiều người giúp quá thì hóa ra không giúp được gì cả vì đâm ra có

vấn đề sanh nạnh trong sự kén chọn. Sẽ có chỗ vừa ý chúng ta, nhưng sự thật chỗ vừa ý đó không giúp mình được gì vì nó không đủ khả năng phương tiện. . . Vậy chúng ta nên chọn lựa ai thật tình cùng đi xa được.

Thí dụ như trong hội đoàn có nhiều người tỏ ra hữu ích, vì lòng tham chúng ta chấp nhận tất cả, nhưng chúng ta sẽ thất bại bởi không thể làm hết một lần. Chúng ta chỉ chọn cái cần thiết trong giai đoạn mà thôi.

Trên đường hành hiệp, không phải lúc nào chúng ta cũng làm việc với người lương thiện, có lúc chúng ta bắt buộc làm việc với người gọi là chí ác. Vậy chúng ta phải làm sao ?

Nên nhớ ở đời không ai ưa mình hết, về sau chỉ có một người ưa. Người đó chỉ có thể là mình ưa mình, vì lẽ nếu ta không còn ưa ta nữa, mặc dù "cái Tôi bao giờ đáng ghét" thì thật khốn nạn cho ta. Ta sẽ quá cô đơn, lạc lõng, tuyệt vọng, không còn lẽ sống và tự hành hạ mình cho đến chết mà thôi.

Nhưng làm gì có chuyện người học Dịch phải tự sát bao giờ. Dù gặp nghịch cảnh trớ trêu bao nhiêu, tất cả mọi người đều không hiểu ta, ghét ta, bỏ ta . . . đó cũng là chuyện thường tình, có đáng gì ta phải bận tâm. Người học Dịch như ta lúc nào cũng đầy đủ chí khí, cao thượng, kiên cường bản lĩnh hơn người, nếu không như vậy thì ta đâu xứng danh là Dịch nhân, làm bạn với Tạo Hóa được. Chỉ sợ vào lúc nào đó ta không còn ưa ta nữa thì không còn gì cứu vãn được. Nhưng việc này trong quá khứ không có một Dịch nhân nào làm thế cả. Nếu họ có tự sát cũng là để hi sinh cho sự thành công cao cả nào đó chứ không phải tuyệt vọng chán đời như người thường tình.

Như đã từng nói, chúng ta vào đời là vào chốn giang hồ đầy dẫy những hiểm nguy rình rập, cái ác, cái giả nhiều hơn cái thiện, cái chân. Vậy ta phải làm sao để tồn tại và tiến bộ ?

501

Nếu gặp phải người Thiện hoặc ít Ác thì dễ ứng xử Còn gặp kẻ chí Ác , cùng hung cực ác thì ta phải dùng phép vô kỵ là ***Biến Hóa*** **như sau :**

Tìm chỗ yếu của nó, làm cho nó cảm thấy mình đồng với nó, ngang hàng với nó hoặc thấp hơn nó, mặc dầu mình không phải như vậy. Đừng tỏ ra cao thượng hơn nó, đừng để hố, làm cho nó có ác cảm với mình. Chỉ vì lúc đó nó mới từ từ thố lộ tâm tư sâu kín cho mình. Biết tâm tư yếu điểm nó rồi thì tùy theo khả năng sẵn có trong tầm tay để tính chuyện.

Phải theo tuần tự kỳ đến lúc nào mình nắm vững được tình thế thì mới theo ý mình. Còn chưa nắm được thì phải theo ý người ta. Mình tạo cho người ta tự thấy họ là *Chủ Lực*, nhưng sự thật mình là chủ lực dù mình đứng ở đâu cũng vậy vì mình có óc quảng bá, chí khí hơn người. Mình phải dời mục tiêu, hạ thấp lý tưởng cho đến khi nào vừa tầm tay của mình. Trong tầm tay thì chỉ có vấn đề thành công giai đoạn chớ không thể thất bại được.

Trong khi dời mục tiêu thì Thiên cơ, Nhân cơ có sẵn chỉ chờ lúc nào đó là bắt đầu, tức là thời cơ.

Mình có tài nhưng cần phải có tri âm lúc ấy mới phát hiện tài năng được. Đừng chê môi trường hoạt động nhỏ từ nhỏ mới sanh ra môi trường khác lớn hơn. Gặp môi trường nào sử dụng môi trường nấy chứ không đứng một chỗ tức là phải biết *Khai Vật Thành Vụ*. Nếu mình còn e ngại ngờ vực không biến cải nổi hoàn cảnh tức là mình tự thấy còn yếu, thiếu tự tín thì khoan nhúng tay vào, vì khi nhúng tay vào thì phải tự tín là nhứt định thành công.

Thường khi họ tưởng vắt chanh bỏ vỏ, nhưng họ không ngờ là mình chỉ động. Họ chỉ thấy lợi dụng được mình họ khoái, nhưng trong khi đó họ bị mình lợi dụng mà không hay biết.

Nếu để nó biết là mình đọc được nội tâm của nó thì không được, hỏng việc.

Nếu có người cho nó biết mình có khả năng đọc được nội tâm của nó thì nó còn hoài nghi. Ta nên cho nó hoài nghi thêm. Đừng cho nó biết đầu đâu đuôi đâu, thanh liêm cũng có, trộm cướp cũng có. Để nó hoài nghi vừa tới sức của nó thôi, chứ quá thì nó biết là mình giả. Đừng cho nó biết là mình đóng trò, nó không thể nào biết được mình.

Người học Dịch từng trải sự đời có bản lĩnh hơn người thì "Không sợ người lợi dụng mình, mà chỉ sợ người ta không biết và không dám lợi dụng mình mà thôi".

Phải cho người biết và lợi dụng mình thì mình mới có cơ hội "Thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ được". Thường tình chỉ sợ người lợi dụng rồi cứ phòng thủ, co cụm thì biết chừng nào mới thành sự. Người học Dịch thừa khả năng Đồng Dị Biến Hóa tuyệt vời để vào "lửa không sợ chết cháy, vào nước không sợ chết chìm", thì sá gì trò đời sinh khắc chân giả Danh lợi Tình thấp hèn làm gì được ta.

VIII.-SAU CÙNG

Lúc chưa xuất đầu lộ diện cũng như khi hành hiệp, muốn giúp người chúng ta cứ ở yên sở cũ. Đối với vợ con và mọi người đều không có gì thay đổi thì hay hơn là thay đổi. Tự mình làm sao phải có một công việc làm để che giấu tài đặc biệt thì mới nên. Mình lúc nào cũng là thường dân.

Nếu mình chẳng có tí ti quyền sinh sát, nhưng nếu có bạn hiền ở địa vị cao, có lòng tín phục tài đức, ngầm giúp đỡ, ngầm giao thiệp, ngầm quý trọng vấn kế ở mình thì mình cũng chỉ

giúp đỡ nương ý bạn mà thôi, không bao giờ nên có ý kiến độc đáo của mình. Nên nhớ chính sách vắt chanh bỏ vỏ đang mạnh.

Nếu khi mình giúp bạn mà người bạn này lại có quyền sinh sát trong tay thì ta chỉ giúp đến lúc bạn tri âm thành công rồi thì lập tức nên lánh mình bỏ đi vì đã xong nhiệm vụ nghĩa hiệp. Không nên chần chờ, chờ đợi để hưởng ân huệ của bạn tri âm. Tại sao vậy ?

Vì lẽ bạn tri âm đã thành công, thành danh thì ắt thiên hạ chung quanh đã thừa biết tài của mình đã giúp, công lao của ai đã gây dựng cơ đồ cho bạn có được nghiệp cả trong thiên hạ. Thiên hạ sẽ tôn sùng mình hơn bạn tri âm của mình.

Vậy nếu trong công cuộc của thiên hạ, bạn tri âm đã nhờ mình thì chính mình sẽ là cái gai nhọn ở trước mắt nó khi nó thành công. Vì mình có thể kềm chế nó đi mãi trên đường ngay nẻo chánh.

Nhưng lúc bấy giờ bạn tri âm của mình sẽ có rất nhiều nịnh thần tâu rỗi, kể công sùng bái dưới chân, xách giày lau dép. Chỉ có mình là thượng khách, là bậc trên trước, phải kính nể. Lúc bấy giờ tánh tự cao, tự đại, tự tôn của bạn mình sẽ làm cho bạn mình trở nên mù lòa, không còn xem mình là tri âm nữa.

Trên bước đường hành hiệp, nhiều việc quá lâu dài mà một kiếp người không đủ chu toàn. Vậy chúng ta khi hoạt động đến khoảng gần xế chiều (50 tuổi) thì nên thu gọn lại, dần dần ẩn mặt chuẩn bị cho từng lớp trẻ thay thế. Người học Dịch hãy cố hết sức truyền thụ tất cả sở học của mình cho người thừa kế để kẻ đó về sau này ít ra phải ngang sức mình mới đủ sức giữ vững cơ đồ ngày càng tiến lên. Chúng ta nên chuẩn bị từ dưới thấp thì sẽ lên cao. Còn chuẩn bị ở trên cao thì sẽ xuống thấp. Ấy là lẽ đương nhiên. Chúng ta hãy xem lịch sử thì thấy.

IX.-LUẬT GIANG HỒ SÒNG PHẲNG VÀ LUẬT TẠO HÓA QUYỀN BIẾN :

Túi khôn về sự thành công thất bại trong giao dịch xã hội của loài người muôn vật thì vô cùng. Các bậc Thầy Tổ Dịch Lý xưa nay vì lòng thương yêu học trò và chúng nhân nên đã tận tụy vắt tim óc bày vẽ ra khoa chương Thiên Nhiên Xã Hội Học để chỉ dạy tinh hoa học thuật rất thâm thúy cao diệu.

Chúng ta là người học Dịch hậu sinh được may mắn thừa kế truyền thống của tiền nhân thì phải hiểu và thông cảm rằng : "Văn bất tận ngôn, ngôn bất tận ý, ý bất tận cùng kỳ lý ".

Tiền nhân dù có cố gắng bao nhiêu đi nữa cũng không thể nói hết được mọi sự việc, một lần cho ta, nên phải cô đọng chấm phá những nét chính yếu làm bờ mốc nguyên tắc để ta học tập ứng dụng.

Lẽ dĩ nhiên khi thành yếu chỉ nguyên tắc thì nó mang tính kinh điển cố định bắt buộc người học phải thuộc làu. Thoạt đầu, có cảm thấy khó chịu vì sự gò bó và cho rằng nó không thích hợp tinh thần Dịch Biến. Nhưng xét cho cùng mọi sự Dịch Biến nào cũng phải theo những nguyên tắc qui luật nhất định thì mới thành tựu được. Không thể cao hứng tùy tiện biến hóa lung tung, múa may quay cuồng như người vô học.

Vả lại, khoa giao dịch Xã Hội Thiên Nhiên hoàn toàn xây dựng trên cơ sở nguyên lý Đồng Dị Biến Hóa, thì tất nhiên, mọi nguyên tắc qui luật yếu chỉ phải mang tính Đồng Dị Biến Hóa và khi ứng xử người học Dịch cũng phải Đồng Dị Biến Hóa thích nghi với hoàn cảnh. Có như thế mới thể hiện Con Người Vũ Trụ Dịch.

Để tổng kết chương *"Thuận Thiên Hành Đạo, Khai Vật Thành Vụ"* này, chúng tôi xin tóm tất trong hai luật như sau, tùy lúc sử dụng cho phù hợp :

1/- LUẬT GIANG HỒ SÒNG PHẲNG :

Đạo lý giang hồ cũng dễ thôi !
Sử sao sòng phẳng tính cho rồi.
Vương vấn làm chi thêm oán hận,
Giang hồ trừng phạt khó yên thân.
Có qua có lại – Có vay có trả
Không có thì xin – Thấy phải thì cho
Hứa thì phải làm – Làm thì phải xong
Việc ai nấy gánh – Công ai nấy hưởng.

2/-LUẬT TẠO HÓA QUYỀN BIẾN :

Tạo Hóa đổi đời lắm éo le !
Giả chơn quyền biến có ai dè.
Thành sự biết đâu người tài trí ?
Vào đời còn sợ tiếng vo ve.
Cung cầu tương giao – Cần làm thích ghé.
Ý người việc ta – Đổi thay ẩn hiện.
Cơ mưu quyền biến – Trí dõng giả chơn.
Manh nha khởi trước – Biến hóa dứt sau.
Đúng lúc thế thời – Khai vật thành vụ.

★★★

392

QUÁ KHỨ - HIỆN TẠI - VỊ LAI

(Tức *Bí Quyết Hành Động Cơ Mật Muôn Đời*)
(Nhắc lại những gì đã học)



Dịch nhân biết rõ hơn ai hết có rất nhiều nguyên nhân để thành công hoặc thất bại. Do đó khi hành động dù việc nhỏ, việc lớn cho mình hay cho người. Dịch nhân rất cẩn trọng cơ mật kín đáo đến cuối cùng xong việc rồi người ta mới hay biết hoặc mãi mãi chẳng ai biết được. Đấy là dịch nhân đã dùng "Bí quyết hành động cơ mật muôn đời". Phép này là yếu chỉ của bản thân không được tùy tiện trao truyền cho kẻ thiếu căn cơ.

Bí quyết này gồm có 8 điều như sau :

I.-TỰ THÂN SỐNG ĐỘNG :

Là Dịch nhân đã hẳn phải có sẵn kiến thức tài năng bản lĩnh linh hoạt hơn người. Nay vào việc hoặc ở tại chỗ hoặc dấn thân tham dự càng chứng tỏ sức sống động, biến hóa tuyệt vời luôn luôn giữ thế chủ động, chủ xướng trong mọi tình huống, tích cực manh nha tiêu trưởng ẩn hiện, sinh khắc đúng người, đúng việc, đúng lúc. Không sớm không trễ, không thừa không thiếu, nhịp nhàng khít khao, khó ai đo lường nổi.

Ở bước đầu nếu xét thấy tự thân sống động chưa được thì khoan vội nhập cuộc hoặc có thể bỏ qua chờ dịp khác.

II.-THỂ LỰC SINH ĐỘNG :

Nếu có nhiều khối nhóm, thể lực nghề nghiệp, hội đoàn, đảng đạo, tổ chức, cơ quan, hoặc cá nhân đại diện . . . thì ta nhận định thật kỹ và chọn lựa thể lực nào có nhiều sinh khí vươn lên tương đối bền vững có tương lai phù hợp với hướng tiến của ta

ít nhiều cũng được. Tức là đầu tiên "anh hùng chọn đất dụng võ". Đương nhiên nên phù thịnh chớ phù suy, hoặc yếu suy cũng chỉ là suy tạm nhất thời, rồi sau chắc chắn có tương lai rực rỡ.

Thấy biết được chỗ thịnh suy trong tương lai của một thể lực, một vấn đề tới đâu là một kỹ năng nghệ thuật của bậc thức giả chân tri, không sao lầm lẫn bởi các lớp vỏ bên ngoài, cái hiện tại mờ ảo vây phủ.

Chỉ có một thể lực sinh động thì mới đủ sức dung chứa được Dịch nhân và là môi trường để Dịch nhân có dịp thi triển tài năng tuyệt học vẫy vùng toại chí. Thể lực đang có sẵn sinh động càng tốt hoặc chắc chắn phải sinh động nay mai cũng được.

III.-TRI ÂM GIAI ĐOẠN :

Kế tiếp xét trong cơ duyên hội tụ của thể lực sinh động đã chọn, ta âm thầm tìm tri âm thích hợp cho từng việc, từng giai đoạn.

Ta cùng tri âm hội ý, sắp xếp thực hiện trong phạm vi giới hạn của việc đã giao ước, ở giai đoạn nào đó mà thôi.

Sau mỗi giai đoạn, nếu công việc của ta còn tiếp tục thì tri âm cũ phải đáp ứng được yêu cầu ở giai đoạn mới. Đấy mới gọi là tri âm – Ta sẽ hợp tác thêm một bước nữa, bằng không ta buộc phải nhờ tri âm khác vậy. Vì sự thật, không ai hoàn toàn tri âm với ai trong tất cả mọi vấn đề và suốt đời được.

Vậy :
- Bắt buộc phải có tri âm
- Không thể không thay đổi tri âm
- Một tri âm không đủ
- Tri âm là trời phú bẩm tiên thiên tánh tài năng sẵn có hơn mình về việc đó
- Tri âm cần ta giúp để tỏ rõ tài năng của tri âm.

IV.- TRỢ DUYÊN ĐẮC LỰC LẪN NHAU :

Ta cùng tri âm thường xuyên ngấm ngầm hay công khai trợ lực nhau bằng nhiều kiểu cách có quy ước và không quy ước, nhuần nhuyễn sâu sắc hoặc đơn sơ hời hợt tùy tình hình cụ thể. Có khi ta nhờ tri âm kháng trận cho ta hoặc ta kháng trận cho tri âm. Nhưng chắc chắn ta cùng tri âm trợ duyên rất đắc lực lẫn nhau thì mới thành sự được. Dĩ nhiên thành sự ở mức độ tương đối nào đó thôi, chớ làm gì có được toàn hảo như ý, vì tri âm của ta theo nguyên tắc vẫn là tri âm giai đoạn, chỉ giúp được ta ở giai đọan, một việc nào đó mà thôi và những giai đoạn sau hoặc việc còn lại ta tự lo liệu tiếp.

V.-TA LUÔN Ở THẾ TĨNH – TRI ÂM LUÔN Ở THẾ ĐỘNG :

Dịch nhân không câu chấp và thường vượt qua bất cứ loại Danh Lợi Tình nào một cách rất dễ dàng nên mới thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ được. Để thành công bền vững Dịch nhân chọn theo phong cách của Tạo Hóa : Ta luôn phải ở thế Tĩnh, tri âm luôn phải ở thế Động (Trời có làm gì đâu ? chỉ thấy muôn loài làm việc hùng hục như điên, sự thật tạo hóa hợp cùng muôn loài mà làm nên tất cả).

Phong cách này không phải ai cũng làm nổi, chỉ có kẻ hiền triết cao siêu thấm nhuần đạo lý, bản lĩnh tuyệt luân mới sử dụng đến nơi đến chốn. Chưa có phong cách này mà đòi làm việc cho thiên hạ bằng như con rối càng làm đảo điên thiên hạ mà thôi. Tuy nhiên, người thường nếu dùng cách thức này cho một vài việc sơ mọn cũng cảm thấy diệu dụng.

Thế Tĩnh như là tiềm phục ẩn tàng, khiêm nhường, nhu thuận, bí mật, mai danh ẩn tích.

Thế Động như là trưởng hiện lộ hình, xốc vác, cương chính, công khai, xưng danh hài tánh. Chắc chắn tri âm

thường ưa thích ở thế động hơn vì tri âm có thế lực khéo léo khả năng hơn ta . . . vì sẽ được mau nổi danh, nhiều quyền lợi đưa đến trước mắt, mau có quan hệ tình cảm sâu rộn hơn . . . Do đó tri âm rất hài lòng khi ta luôn ở thế tĩnh và ta cũng rất an tâm khi tri âm chịu nhận ở thế Động thay ta. Ta ở thế Tĩnh nhưng không phải là Tĩnh hoàn toàn tĩnh, mà sự thật ta rất Động trong thế Tĩnh. Vậy là ta hoạt động linh động chứ không phải náo động, loạn động.

VI.-VẼ ĐƯỜNG ĐI DĨ NHIÊN CỦA TẠO HÓA :

Con đường Tạo Hóa có tuần tự và trật tự theo lý lẽ hiển nhiên nhất định không thể dời đổi được.

Đó là con đường biến hóa :

-Từ *Âm* đến *Dương* hoặc biến hóa từ *Dương* đến *Âm*.

-Từ *Vô* đến *Hữu* hoặc từ *Hữu* đến *Vô*

-Từ *Tĩnh* đến *Động* hoặc từ *Động* đến *Tĩnh*

-Từ *Đồng* đến *Dị* hoặc từ *Dị* đến *Đồng*

ở phạm vi rộng lớn thì đường đi rộng lớn, ở phạm vi nhiệm nhặt thì đường đi nhiệm nhặt. Các phạm vi thường hay lẫn lộn chằng chịt và mỗi phạm vi có đường đi dĩ nhiên giống mà hơi khác nhau (*Đồng Nhi Dị*) chứ không bắt buộc cùng thuận chiều như nhau. Như trong chung có riêng, trong riêng có chung. Cái chung theo hướng cái chung, cái riêng theo hướng cái riêng. Có khi chung và riêng cùng ăn nhịp một hướng, có khi khác nhịp khác hướng. Do đó, ở mỗi phạm vi ta phải xác định riêng đường đi dĩ nhiên của nó. Từ đó ta mới biết được nó thuận hay nghịch hoặc sinh hay khắc với cái khác.

VII.-XÉT : CẬN THỦ CHƯ THÂN – VIỄN THỦ CHƯ VẬT :

Cái lẽ thành bại người ta cứ tưởng ở đâu xa, không ngờ nó cũng rất gần, gần nhất là trong tầm tay ta. Do đó, trước phải xét thế vị thân mình, sau mới xét bằng cận vãng lai.

- <u>Cận thủ như thân</u> : Xét cái gì gần gũi thân thiết nhất với mình như :

• <u>Bản thân</u> : xem *Đức – Tài – Tư* có xứng hợp với công việc không. Đức Tài tuy đủ nhưng cái Tự (riêng) còn mắc mứu cũng khó tiến thủ, chẳng hạn về sức khỏe, tuổi tác, vóc dáng, tình cảm, thói quen, cá tính, cố tật, quá trình, lý lịch, cơ hội . . . Tùy cái riêng của ta tưởng không đáng kể, nhưng có lúc nó có giá trị quyết định ảnh hưởng đến toàn cuộc. Đó là lúc *Nhật Thần* cường động.

•<u>Người thân</u> : những người thân thương nhất đời ta, hằng ngày, từng giờ ta sống chết trong vòng tay của họ, gọi là nhân sinh hệ lụy như vợ chồng, con cái, ông bà, cha mẹ, anh em, bè bạn, láng giềng, ngay cả thú vật ta nuôi, đồ vật ta thường dùng cũng kể như cận thủ chư thân. Ta cũng phải xét xem Đức – Tài – Tư của họ như thế nào, khả năng giúp hại ta việc gì, tới mức độ nào . . . Vì họ là người vật thân cận với ta nên ta phải cảnh giác giùm họ, để họ lúc nào cũng còn là người vật thân của ta. Ta không bao giờ muốn xa lìa họ, nhưng họ phải cố gắng xứng đáng được ta tin cậy.

- <u>Viễn thủ chư vật</u> : Xét cái gì ngoài bản thân, ngoài tầm tay ta, không phải là bạn bè thân thiết với ta, thì những cái đó gọi là chư vật.

Tuy chưa phải là thân thương nhưng không nên xem là thù địch. Chư vật đang tồn tại và vây phủ hàng hàng lớp lớp trong và ngoài ta dù ta chấp nhận hay không, chúng vẫn sống động theo tư năng của chúng và đến lúc nào đó có thể ảnh hưởng ít nhiều đến công cuộc bản thân ta.

Do đó ta cần xét chư vật để hòa hợp, lợi dùng trên hướng tiến chung và riêng. Cũng xét về Đức – Tài – Tư của chư vật đã, đang và sẽ như thế nào, thuận hay nghịch với ta tới đâu. Để khi cần thiết nhờ chư vật làm tri âm giai đoạn, hỗ trợ cho ta. Tuy nhiên sự hỗ trợ của chư vật dù có đắc lực nhiều ít hay không, ta cũng chớ nên quá tin cậy vì chúng quá xa tầm tay của ta, ta

chưa có được trọn quyền ảnh hưởng, kiểm soát chúng, hoặc sử dụng, sống Chết có được chung cùng hay không.

Gần xa (cận viễn) ở đây không nhất thiết giới hạn bởi không – thời gian. Có việc tuy xa mà hóa ra gần, tuy gần mà hóa ra xa. Quen biết đã lâu mà chẳng thể thân thương được, hoặc mới gặp gỡ mà dường như liền cánh (Tứ hải giai huynh đệ là vậy). Nếu bí về tri âm thì dùng Dịch tượng giúp soi rọi và Tương Quan Tương Hợp. Mình ít khi động mà hễ động là đã gần tới rồi đó.

VIII.-DỊCH LÝ BÁO TIN :

Dịch nhân hơn ai hết hiểu rõ tại sao mình tin tưởng chấp nhận Dịch Lý để rồi trên dòng sống động mỗi mỗi đều lợi dùng Dịch Lý làm khí cụ phương tiện đáng tin cậy nhất, báo tin cho ta hay biết bất cứ vấn đề gì ta muốn biết dù ở quá khứ xa xăm hoặc hiện tại quay cuồng hay tương lai mờ mịt.

Dịch Lý là người bạn trung thành nhất với ta, khi ta chân thành tìm hiểu đến nó. Chỉ có ta phản bội nó, chứ nó chẳng bao giờ phản bội ai cả. Do đó ta chọn nó làm bạn đời là đúng nhất.

Dịch Lý là ánh sáng muôn thuở, khi nó chịu soi rọi vào đâu, thì nơi đó phải lộ nguyên hình không có cách gì, tài gì che dấu được, nên có người gọi nó là kính chiếu yêu cũng phải hay điệp viên Trời thượng thặng cũng không ngoa.

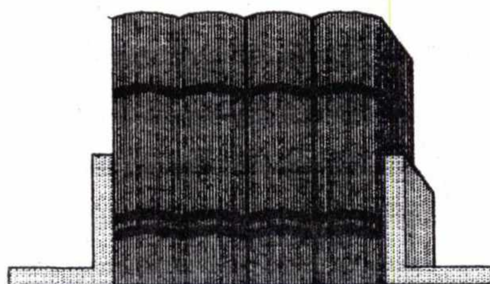
Dịch Lý là quy luật khách quan, vô tư, không thiên lệch, nên mọi thứ thiên lệch, xảo trá, dối Trời gạt người đều phải kiêng nể, lẩn tránh nó, không dám giáp mặt với nó. Nhưng những thứ đó liệu có thể lẩn tránh mãi được không khi càng ngày có nhiều người biết rành Dịch Lý. Xưa nay Dịch Lý có uy lực dũng mãnh như thế nên có người manh tâm vô tình, cố ý làm hoen ố Dịch Lý bằng cách thần thánh hóa nó, khoác lên nó những vẻ lập

dị, mê tín dị đoan. . . để đánh lừa loài người tiến bộ, lúc nào cũng thiết tha truy tầm chân lý. Họ không dám cho nhân loại biết rằng Dịch Lý là một khoa học Tổng Tập của tất cả mọi khoa học, một văn mimh ưu việt nhất của mọi văn minh, chân lý ngàn đời của mọi chân lý.

Chính Dịch nhân hiểu sâu sắc điều này nên Dịch nhân cũng theo Tạo Hóa dùng Dịch Lý xông pha vào Đạo cả vũ trụ mênh mông bất chấp mọi sự nóng lạnh, thị phi của người đời, quyết đưa đường dẫn lối cho nhân thế hiểu Dịch Lý là gì, lợi dùng Dịch Lý sao cho xứng đáng với nhân sinh, gọi là Dịch Lý thời nhân vậy.

Tóm lại "Quá khứ - Hiện tại - Vị lai" tức Bí quyết hành động cơ mật muôn đời chỉ là sự nhắc lại cho Dịch nhân nhớ những yếu chỉ cho bất kể mục đích mục tiêu vĩ đại, nhỏ nhặt nào. Gồm có 8 điều :

1- Tự thân sống động
2- Thề lực sinh động
3- Tri âm giai đọan
4- Trợ duyên đắc lực
5- Ta tĩnh bạn động
6- Đường đi dĩ nhiên
7- Cận thủ chư thân – Viễn thủ chư vật
8- Dịch Lý báo tin.



, I I

Bài Đọc thêm

KHAI TRIỂN CẨM NANG VÀO ĐỜI

(Dành cho người học DỊCH)

Hai chữ VÀO ĐỜI ở đây là đánh dấu nói lên những giây phút, ngày giờ tháng năm không còn gần Thầy, gần bạn để học tập lễ nghi, cũng ít khi phải lo việc chữ nghĩa, chuyên đọc suy nghĩ miệt mài nữa.

Vào đời là lúc lăn lộn với đời, tràn ngập nguy hiểm mà ta phải xông pha vào đạo thiên hạ nhiều ngu khôn, gian manh, trí trá, phản bội, trung thành, ác độc lương thiện chơn giả, tư chung danh lợi tình.

Vào đời phải hiểu như mình tách rời sơn môn để đi giao du hành hiệp khắp đó đây trên hành tinh địa cầu này. Rồi lâu lâu may ra mới có thể gặp lại nhau một lần để kiểm điểm trao đổi, học hỏi tâm sự lẫn nhau thêm những kinh nghiệm, rồi lại phải chia tay nhập thế, xông pha vào đạo thiên hạ với tự thân sống động nối tiếp.

TỰ THÂN SỐNG ĐỘNG là mỗi CON NGƯỜI tự có một bản thân phải có một hay nhiều việc làm ăn chung với thiên hạ, thường là để trả nợ bao tử cái đã, vì hoàn cảnh, vì gia đình có mình trong đó.

Nên nhớ KHẢ NĂNG SẢN CÓ (HIỆN HỮU) lúc nào cũng là vốn liếng chánh để mà tiến bước thì mới vững vàng trong tiệm tiến.

Tự thân sống động dĩ nhiên có quyến rũ, hấp dẫn, chê bai, khuyến khích, có chèn ép, đàn áp, dã man, táo bạo, được lòng, mất lòng thiên hạ, ưa ghét, tin tưởng, ngụy biện ...

Tìm hoặc không tìmTRI ÂM GIAI ĐOẠN nghĩa là công việc làm hằng ngày của mình, dĩ nhiên sẽ có một số ít người, vì danh lợi tình chung tư đến gặp ta. Nếu đã lâu hoặc THỜI TRỜI xui khiến ta phải dấn thân tìm người xứng đáng ngõ hầu có thể kết nghĩa tri âm với mình trong một điểm, ấy ta gọi là tri âm giai đoạn. Bởi họ không có đủ thời giờ đến với mình lâu hơn và họ cũng không ngờ được mình là người rất đắc dụng trong nhiều việc cho họ.

Người mình tìm gặp, ít nữa họ phải là người đương ở trong thể lực sinh động, có chí khí mở mang phát triển các sự chế tạo sáng tạo lợi ích cho nhân dân Việt Nam, kế đó là cho khắp thiên hạ. Người đó rất cần có ta hiệp lực để đưa họ lên, đồng thời ta cũng có chút danh thơm. Được chút ấy ta đâu có màng, bởi trên đường tiến của ta còn quá dài. Ta cứ tự nhiên siêng năng trong khả năng rồi Trời giúp, khiến ta làm việc này, giúp việc kia trong thiên hạ.

Trong mọi việc làm ăn cũ mới , lúc nào cũng cần có bạn thân để phụ giúp mình. Thường mình phải chống mũi chịu sào, nhưng không nên cho ai biết.

Tóm lại đường đi của ta là NGUYÊN LÝ của mọi CHƠN LÝ. Vì vậy cho nên phải có tri âm từ giai đoạn này tiếp đến giai đoạn kế. Phải có như vậy mới có thiên hạ, cũng như sẽ có mình trong đó vậy.

Trong khi vào đời luôn nhớ vận dụng cái lý NGUYÊN - HANH - LỢI - TRINH để vẽ ĐƯỜNG ĐI DĨ NHIÊN của muôn loài vạn vật.

NGUYÊN - HANH - LỢI - TRINH từ vô giây phút đến giây phút giờ ngày tháng năm v v ...

NGUYÊN dã: vạn vật chi thủy, tức là muôn vật đều có sự khởi đầu, (lúc nào cũng là khởi đầu cả).

HANH dã: vạn vật chi trưởng, tức cái khởi đầu đó có sự lớn lên, (lúc nào cũng đang lớn lên)

LỢI dã: vạn vật chi toại, tức cái lớn lên đó có sự tột độ, (lúc nào cũng đang tột độ).

TRINH dã: vạn vật chi thành, tức cái sự tột độ ấy hóa sinh một SIÊU - HIỂN hoặc HIỂN SIÊU sao đó.

Trong vi - manh - giấy mà lại đặt ra bốn chữ NGUYÊN - HANH - LỢI - TRINH là để giải nghĩa cho chúng nhân thiên hạ dễ hiểu. Tiền nhân thật đã khổ công lắm với Loài Người, nhưng giờ đây họ rất ít đọc về loại Triết Lý này.

Nhưng nay nghe nói rằng : LIÊN - HIỆP - QUỐC đã hội thảo bốn lượt và kêu gọi các nước trên Hành Tinh Địa Cầu Nhân Loại phải nghiên cứu KINH DỊCH và đã cho phép thành lập HỘI NGHIÊN CỨU KINH DỊCH QUỐC TẾ. Không biết lúc này LIÊN HIỆP QUỐC và các xứ đã làm việc tới đâu rồi?.

Còn ở Việt Nam thì đang có thể vẽ ra đường đi dĩ nhiên, bởi do theo chân tiền nhân đã đặt ra bốn chữ Nguyên - Hanh - Lợi - Trinh. Ta lại phụ thêm chút Âm Dương theo TRÍ TRI Ý của riêng mình mà thành ra cũng dễ hiểu thôi.

Ví dụ : Nồi cơm chín tức nhiên có chưa chín.
Nồi cơm sôi tức nhiên có chưa sôi.
Đổ nước vô nồi tức nhiên có chưa đổ nước.
Đã vo gạo rồi tức nhiên có chưa vo gạo.
Đổ gạo vô nồi tức nhiên có chưa đi xúc gạo.
Trong khạp còn đầy tức nhiên có khạp còn ít.
Đã đi mua gạo tức nhiên có chưa đi mua gạo.
Đã có tiền rồi tức nhiên có không tiền cái đã.

Cứ theo tư cách TRUY - NGUYÊN - NGƯỢC như đã kể trên thì các bạn sẽ thoả mãn đến tột độ thắc mắc riêng mình.

Khi đã vẽ xong đường đi dĩ nhiên trong Vũ Trụ Xã Hội Loài Người, chúng ta có thể ngồi xem những sự việc nó đang diễn tiến tới trạm cọc nào mà mình đã vẽ ra đó là : ÂM - DƯƠNG - ÂM hay DƯƠNG - ÂM - DƯƠNG .

Còn hơn nữa thì nên dùng KHOA ĐỘNG TỈNH HỌC áp dụng ĐỘNG TỈNH CÔNG THỨC HỮU THƯỜNG rất nhanh. Vả lại, DỊCH là GẦN, mà cũng là XA không bờ bến. Tất cả đều phải đi trong cái lý lẻ CẤU TẠO HÓA THÀNH SIÊU HIỂN - HIỂN SIÊU cùng lúc nên Người Đời Xưa Nay cũng phải trải ngang qua TƯỢNG HÌNH - HÀI THANH - NEO Ý - HỘI LÝ. Đó là bởi cái LÝ lẽ HÓA THÀNH HÌNH BÓNG mà hóa ra có khoa học.

Thật không ngờ TIÊN - HẬU - THIÊN TRÍ - TRI - Ý ở trong ngoài CON NGƯỜI vẽ được đường đi dĩ nhiên của TẠO HÓA, ắt là bổn phận phải có đóng góp ít nhiều trong thời đại : KỶ NGUYÊN LIÊN HÀNH TINH vậy.

Sa- Đéc, ngày 18 - 7 - 1994 Tức 10 - 6 Giáp Tuất.

Dịch lý sĩ XUÂN PHONG NGUYỄN VĂN MÌ

XUÂN PHONG - NAM THANH
TRUYỀN KINH



DỊCH ĐIỂN I:

THUỞ MINH SƯ GẶP CAO ĐỒ

Điển hình Cao Đồ Dịch Lý Việt Nam

Được truyền thụ bản môn

________Hạn chế phổ biến________

Sài gòn, ngày 10/11/1967

PHAN QUỐC SỬ (NAM THANH): Nếu quả thật những gì ông Xuân Phong nói đúng thì tôi quyết đem sức hèn mọn này để đóng góp vào kho tàng văn minh dân tộc và nhân loại. Mặc dù ông Xuân Phong nói ông không có quyền hy vọng ở ai, nhưng chính ông lại muốn gây tạo cho tôi một cái gì.

Dĩ nhiên là kẻ hậu sinh tôi không từ chối hảo tâm đó. Song, tôi vẫn là con người tự do, tôi vẫn có quyền từ chối hay chấp nhận bất cứ một sự việc gì trên bước đường tầm chân lý. Mọi sự ngăn trở tôi phải vượt qua.

Trong buổi nói chuyện tối nay, ông Xuân Phong có nói về cuộc đời ông và dự phóng tương lai cùng giải thích nguyên ủy tại sao lập Hội Việt Nam Dịch Lý. Tôi xin ghi nhận nơi đây những gì ông nói không phải nhất thời mà có được. Đó là cả một kinh nghiệm dày dặn.

Một người đã "giết chết" cuộc đời mình để đi tìm chân lý, nay với giọng cương quyết đầy thiện chí không đáng để tôi lưu ý hay sao ? Ít nhất ông ta cũng có lý do để tự tin như vậy. Tôi phải tìm cho ra sự thật. Điều này dù được hay không xét cho cùng chẳng hại gì cho tôi. Trái lại là khác,...

(Đây là lần gặp Thầy Xuân Phong đầu tiên, lúc đó tôi 23 tuổi, đang là sinh viên năm thứ III Trường Chính Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Đà Lạt, đồng thời là Đoàn trưởng đoàn sinh viên Phật tử Đà Lạt đến mời Thầy Xuân Phong là Hội Trưởng Việt Nam Dịch Lý Hội lên Đà Lạt diễn thuyết, nhưng Thầy không đi).

Đà Lạt, ngày mùng 1 tháng 3 Mậu Thân (29/3/1968)

PHAN QUỐC SỬ (NAM THANH): Kính thưa Thầy (Xuân Phong)

Buổi chiều trước hôm con đi, con đã chờ Thầy mãi đến 6 giờ hơn để từ giã và nhờ Thầy chỉ bảo thêm, con cũng có lên ông Thúy Khê song bị chặn lại hỏi giấy tờ lôi thôi.

Kính thưa Thầy, con ra đi mà không có lời từ giã Thầy, lòng con không được yên. Nay con tự xét đã là người đi tầm chân lý, lại được Thầy chỉ dạy Lý Âm Dương, lẽ nào con còn vướng vấp mãi trong vòng lẩn quẩn sao. Chính vì thế, nên con cố gắng nhớ lời Thầy dẹp bớt đôi điều nóng lạnh ngoài đời để ngày đêm chuyên tâm rèn luyện.

Đến nay, những gì Thầy dạy, thoạt nhớ thoạt quên, giá như ở dưới con đã qua nhờ Thầy chỉ dạy. Còn ở đây con biết nương vào đâu.

Không có cách nào khác hơn, con ngồi yên lặng hồi tưởng đến Thầy và đào sâu trong ký ức những lời giáo huấn của Thầy. Có lúc con cảm thấy dường như Thầy ở trước mặt con, và mọi gút mắc lần lần được giải tỏa.

Kính thưa Thầy, còn ba hôm nữa là ngày tựu trường, anh em họp mặt. Con cũng đang nóng lòng làm sao truyền bá sâu rộng, nhưng xét lại tài học cả lý thuyết lẫn thực hành còn non nớt e không đủ sức đảm đương. Con chỉ sợ không khéo sẽ mất sự tín nhiệm của mọi người.

Hiện con đang hướng dẫn 5 người bạn thân. Hai người học lý và chiêm nghiệm còn 3 người chỉ muốn học chiêm nghiệm không. Nay một người vì gia cảnh học dở dang thất thường. Vì là bạn thân nên họ thông cảm cho tình trang sơ học của con mà con đưa tài liệu cho họ đọc, chỗ nào thắc mắc xin nêu ra rồi thảo luận. Tuy có phần vấp váp, song không vì thế mà con ngụy biện để mất chính lý. Họ rất vui vẻ đối với việc con làm, nhưng có điều tiếc là con có một bộ tài liệu, thành thử anh em phải chia sớt nhau hơi vất vả. Anh em đề nghị góp tiền quậy bài. Nhưng ít người tốn phí sẽ nặng lắm.

Xin Thầy chọn lọc tài liệu nào cần thiết theo thứ tự gởi lên một lần hay làm nhiều lần cũng được. Nhất là tài liệu giới thiệu môn học. Ngoài ra anh em cũng muốn quây Dịch Kinh Đại Toàn lắm. Hiện thư viện Đà Lạt và thư viện Đại học thiếu tài liệu của Hội. Nếu Hội có dư thì gởi cho họ thì quý lắm.

Kính thưa Thầy, anh em tỏ vẻ tha thiết mong muốn gặp Thầy, con nói có dịp nào thuận tiện sẽ mời Thầy viếng Đà Lạt một chuyến.

Riêng phần con, dầu xa Thầy con vẫn muốn học hỏi luôn. Con kính nhờ Thầy hay anh Nhân lúc nào rảnh rỗi viết cho con ít hàng gọi là "bút vấn" để con có dịp kiểm soát khả năng hầu tu tiến. Tiếp theo lá thư này, con sẽ lần lượt gởi về trình Thầy những vấn đề con đã bắt gặp trong khi suy tư để Thầy chỉ điểm thêm.

Con kính lời thăm Thầy Cô, anh Nhân, Xuân , Tăng ... và qúi Bác đặng khang an.

Đà Lạt, ngày 04 tháng 04 năm 1968

PHAN QUỐC SỬ (NAM THANH): Kính thưa Ba Má,

Con kính thăm Ba Má đặng bình an. Bây giờ quán xá ra sao Ba Má? Có lẽ Ba Má phải cực nhọc lắm ! Thời buổi này mọi cái đều khó khăn cả, mình sống khắc khổ cũng chẳng hại chi, miễn sao giữ lòng trinh bạch là đủ rồi. Năm nay con cũng phải dè sẻn hơn. Con ở chung với anh chị Tế cũng đỡ tốn phí nhiều.

Con lên trên này trước nữa tháng cũng không phải vô ích, vì con có đủ thì giờ chuẩn bị cho những việc con phải làm. Kỳ này con phải làm việc thật sự kẻo không kịp vì năm tới là con thi ra trường rồi. Chỉ khi còn ngồi ghế nhà trường mới học hỏi được nhiều chứ khi ra đời rồi, chưa chắc con còn đủ thì giờ và cơ hội tốt đẹp nữa, lúc đó mọi chuyện đổ dồn, không sao theo ý mình được.

Ba Má không nên quá lo lắng mà hao mòn sức khỏe mọi chuyện con đã dự định và toan liệu cả, chỉ chờ đúng lúc hợp thời mà thôi. Việc gì đến rồi nó sẽ đến. Không bao giờ con để Ba má phải thất vọng về con đâu. Ba Má hãy an tâm, con đủ sức kiên nhẫn và chịu đựng...

Ba Má thường biết con sống cho nội tâm rất nhiều. Con thương Ba Má, gia đình,bạn bè, tổ tiên. Con thương quốc gia, dân tộc, giống nòi và nhân loại, con thương tất cả. Chính vì lòng thương đó mà con ngày đêm phải tận tụy, đôi lúc con phải hy sinh chịu đựng đôi điều nóng lạnh.

Ba Má thương con, đừng buồn cho đời con, nghe Ba Má. Cuộc đời con đã chọn lựa rồi. Ngày nào con còn ở thế gian này là con vẫn nghĩ

đến mọi người. Con xin Ba Má đừng vì quá nóng lòng cho con mà con phải sai lạc ý nguyện.

Hai hôm nay con đã đi học lại, thời khóa biểu đầy đủ, khoảng 15/4 con học quân sự trong nửa tháng. Bộ cấp cho chúng con mỗi người một bộ quần áo và một cái mũ, còn thì giày dớ phù hiệu tự lo liệu...

VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI

Sài gòn, ngày 14 tháng 4 năm1968

Anh Sử !

Thầy và tôi đã nhận được thư anh

Vấn đề Viện Đại học Đà Lạt xin tài liệu, hiện nay chưa gởi được nhưng nếu viện viết thơ thẳng đến Hội về vấn đề tài liệu, bằng mọi cách Hội sẽ cố thỏa mãn, cũng như anh dạo nào gia thân đến Hội để truy tìm lý học.

Vấn đề mời Thầy lên Đà Lạt, chuyện ấy anh quá rõ về sức khỏe, bởi vậy anh hãy âm thầm truyền bá theo khả năng của anh. Đó là anh thực hiện: kẻ đi trước chịu khó cho kẻ đi sau.

Nếu viện chính thức mời, Hội sẽ rất lấy làm hân hạnh cử phái đoàn Dịch Lý đến thăm anh em một phen.

Đọc thư anh xong, Thầy nhắn anh lần chót, một lời tụng niệm của nhà dịch học:

" Trông là lầm, Nghe là lạc, Hiểu là sai!.

Không tin khi trông thấy hoặc nghe được. Không tin khi sự hiểu biết nào đó chưa có sẵn và chưa được triệt để dồi mài, phải có đầu óc vượt bậc để chống đỡ mọi loài rắn rít, cọp beo đang xây xài xương máu dân tộc".

Mến

CAO THẾ NHÂN

Đà Lạt, ngày 30 tháng 4 năm 1968

PHAN QUỐC SỬ (NAM THANH): Kính thưa Thầy,

Lời chỉ dạy vàng ngọc của Thầy làm con phấn khởi vô cùng. Nếu không vì chương trình bắt buộc của nhà trường, con sẽ về hầu cận Thầy để nghe những lời chính huấn. Chứ viết thư như thế này con e làm cực lòng Thầy và anh Nhân lắm.

Kính thưa Thầy, quả có lúc với lòng nhiệt thành của tuổi trẻ, con ít thận trọng với những gì quanh mình. Nhưng dẫu có thận trọng chăng nữa, con cũng khó biết những gì sẽ xảy đến. Chính vì thế, con cảm thấy lời chỉ dạy của Thầy là cả con đường sáng cho con theo. Con "phải có đầu óc vượt bậc để chống đỡ mọi loài rắn rít, cọp beo đang xây xài xương máu của dân tộc".

Kính thưa Thầy, với ý nguyện này con đã ấp ủ từ lâu, song không sao phát triển đúng hướng và hiệu quả được. Nay có Thầy, con thấy cả khung trời rộng mở.

Vừa rồi, trong một buổi giảng về sự thay đổi trong phạm vi kinh doanh, ông khoa trưởng đã có nhắc qua về khả năng tiên tri tiên giác mà nhà quản trị gia cần phải có. Ông còn giới thiệu và đề cao triết lý Kinh Dịch với sinh viên. Không bỏ lỡ cơ hội, con tìm đến ông khoa trưởng. Sau khi thảo luận, ông khuyến khích con nên làm một luận án kinh doanh qua Dịch Lý và nếu có thể cho ông một bản rút gọn yếu lý của Dịch để ông nghiệm xét và phổ biến nếu cần.

Lòng con khấp khởi về nhà, con vội tìm kết tập vài bạn chữ nghĩa triết lý khá cùng con nghiên cứu và viết lách. Có làm việc thật sự mới thấy khả năng của mình. Chúng con cố gắng trong vài hôm, chủ định của chúng con là phải lấy Lý. Thế nhưng, khi viết ra văn chương chữ nghĩa rất sáng sủa mà Lý đâu chẳng thấy. Chúng con đâm lúng túng và trực nhận ra rằng trừ khi người đạt Lý khó ai viết nổi. Rồi tiếp theo những ngày học quân sự, chúng con đành bỏ dở và cho đến hôm nay vẫn chưa trở lại.

Riêng phần con ngày đêm vẫn tìm tòi viết lách cho chính con, chứ không dám trình ra thiên hạ. Nay con mạo muội xin thỉnh ý Thầy và kính nhờ Thầy giúp cho....

TB. Anh Nhân có tài liệu mới xin cho tôi đọc với. Tôi có nhiều thắc mắc, nếu anh có rãnh rỗi đôi chút, tôi xin anh được tỏ bày trong những thư sau.

Đà Lạt, ngày 15 tháng 5 năm 1968

PHAN QUỐC SỬ (NAM THANH): Kính thưa Thầy,

Không bao giờ con cảm thấy chiến cuộc tàn khốc như hiện nay, lòng con tan nát tơi bời. Viết thư cho Thầy mà đôi mắt con ngấn đầy lệ..

Kính thưa Thầy, con vẫn tuân theo lời Thầy dạy, con phải bình tĩnh hơn nữa để tìm phương cứu gỡ đất nước. Nhưng, Thầy ơi, khói lửa ngút trời, muôn vạn sanh linh đang cơn oằn oại, con phải chịu bó tay mãi như thế này được sao ? Con phải làm gì, làm gì cho vơi niềm thống khổ ?.

Kính thưa Thầy, con biết con không thể làm gì được lúc này. Buồn quá con chỉ biết lật sách ra đọc,tài liệu của Thầy con nghiền đi ngẫm lại, con chỉ quên đi được nhân tình thế sự trong những giây phút đó mà thôi.

Rồi thì bao nhiêu tin tức dồn dập đổ xô vây quanh lấy con như những hồn ma tàn bạo cấu xé tâm tư con, con thấy đau xót ngộp thở đến tận cùng.

Tuy nhiên, được biết khu vực Thầy ở yên ổn, con lại mừng. Thêm nữa, thưa Thầy, con vừa được tin gia đình bình yên, mặc dù nhà cửa đang trong cơn khói lửa...

- Ngày 14 tháng giêng Kỷ Dậu (chủ nhật 2/3/1969).

Sáng qua Thầy Xuân Phong gặp rất đông người. Thầy bắt đầu chỉ làm sấm.

- Ngày 19 tháng giêng Kỷ dậu (thứ sáu 7/3/1969).

$4^h30'$ chiều đến Thầy Xuân Phong,lên anh Nhân nói về viết bài gởi Nội san Bộ Binh cho Tuấn (em ruột của Sử) anh Nhân thuận.

- Ngày 20 tháng giêng Kỷ Dậu (thứ bảy 8/3/1969).

Chiều qua Thầy Xuân Phong đang đánh máy bài, anh Nhân viết có lệ, mình đành phải viết thay. Thầy dặn nhiều về nội dung, tôi viết tới 3 giờ sáng.

- Ngày 21 tháng giêng Kỷ dậu (chủ nhật 9/3/1969).

Sáng dậy trễ hơi mệt. Qua đưa bài cho Thầy soát lại, gặp sư Dũng, ông Ích đến sau.

Chiều lại đến nhà Thầy gặp anh Hải, dẫn ra ăn nhậu một hồi rồi tâm sự lai rai. Anh Hải hứa sẽ hướng dẫn thêm phần chiêm nghiệm, lên nhà anh cho biết.

Tối nói chuyện Dịch Lý với Quốc (bạn sinh viên Đà Lạt).

- Ngày 27 tháng giêng Kỷ Dậu (thứ bảy 15/3/1969).

Chiều qua Thầy Xuân Phong, không gặp.

Tối chỉ Điệp và chị Hai Dịch. Kiệt Quốc đến thử tài rất hấp dẫn.

- Ngày 28 tháng giêng Kỷ Dậu (chủ nhật 16/3/1969).

Qua Thầy Xuân Phong gặp ông Ích, sư Dũng, anh Hải, Nhân,Tuấn, về nhà anh Hải với Tuấn hỏi về Dịch. Xảy ra chuyện ba ly đá chanh.

- Ngày 1 tháng 2 Kỷ Dậu (thứ ba 18/3/1969).

Đọc quyển Aux pieds du Maitre của Krishnamurti.

- Ngày 6 tháng 2 Kỷ Dậu (chủ nhật 23/3/1969).

Chiều lên thăm Thầy Xuân Phong, Thầy bệnh.

Lên anh Hải bắt đầu học lý thuyết.

- Ngày 8 tháng 2 Kỷ Dậu (thứ ba 25/3/1969).

Tối qua thăm Thầy Xuân Phong bệnh. Thầy kể lai lịch bệnh trạng của Thầy.

- Ngày 25 tháng 3 Kỷ Dậu (chủ nhật 11/5/1969).

Đến Thầy Xuân Phong. Anh Hải khai giảng khóa mới

- Từ năm 1969 Thầy Xuân Phong đổi danh xưng là Dịch Lý Sĩ Xuân Phong và nhường danh vị Dịch học sĩ cho các cao đồ.

DỊCH LÝ VẤN ĐÁP

Đã có một thời người ta sôi nổi bàn luận về học thuyết "CÁI NHIÊN", về BẢN THỂ của sự vật.

NAM THANH tôi lúc thiếu thời mới học dịch cũng được Thầy Dịch Lý Sĩ Xuân Phong Nguyễn Văn Mì sư tổ Dịch Lý Việt Nam trực tiếp lý giải cặn kẽ nhiều thắc mắc vấn đề.

Những cuộc hỏi đáp rất nhiều giờ đây tôi xin sao chép lại một số đề tài lúc đó đã được tôi tốc ký trung thực còn sót lại. Có sao tôi chép y lại như vậy theo thứ tự thời gian để bảo đảm tính lịch sử khởi đầu và phát triển của Dịch Lý Việt Nam dưới chủ đề chung là : " DỊCH LÝ VẤN ĐÁP". Còn mọi cái đúng sai hay dở ở thời kỳ thai nghén đó chắc chắn có lệ thuộc nhiều yếu tố chủ quan, khách quan không tránh khỏi được nên xin miễn bàn thêm. Đây chỉ là tư liệu có tính lịch sử mà thôi.

ĐỀ TÀI: NHIÊN TÁNH BIẾN HÓA LÀ BẢN THỂ SỰ VẬT

NAM THANH hỏi: Thế nào là Bản Thể của sự vật ?

Cái Nhiên là sao ?

XUÂN PHONG đáp: Bản Thể của sự vật là Sáng Tối.

Biết được vậy là do truy nguyên Bản Thể của Thần Hoạt Biến.

- Chấp nhận Sáng Tối trước đã rồi sau mới tìm cái gì tạo ra nó vì:

- Uy quyền Sáng Tối đang ngự trị Lý Trí: có lúc sáng có lúc tối trí hoặc rối trí hay tỉnh trí.

Tối trí bên nhà Phật gọi là màn vô minh.

Vậy Bản Thể Sáng Tối có uy quyền làm cho sự vật lúc thế này lúc thế khác.

Soát hết từ Trí Tri Ý Thức thông thường đến khác thường đều có tánh vô hữu.

Cái tánh vô hữu là cái Nhiên tức cái Bản Nhiên nó như vậy. Cái Nhiên Biến Hóa nên gọi là Tánh Bản Nhiên.

Vậy Tánh Bản Nhiên Biến Hóa Động Tĩnh nãy giờ tóm lại là Tánh Vô Hữu. Biến Hóa động tĩnh từ Vô đến Hữu, từ Hữu đến Vô ở tôi - con người có lúc tư tưởng có lúc không tư tưởng cũng là Tánh Vô Hữu.

Trong một Tánh đã có Vô Hữu. Vậy một Tánh đã có hai trong đó.

Khoa Dịch Lý Học Việt Nam của mình truy nguyên trong lý đến chỗ không còn có cái Tánh nữa.

Vậy con đường Lý Học Truy Nguyên đã qua từ:

Thần Hoạt Biến → Tánh Bản Nhiên → Tánh Vô Hữu → Nhiên.

Đến đây chợt nghĩ đến vấn đề Siêu Nhiên sau khi qua Siêu Thức. Vì Thức có Siêu Thức thì Nhiên có Siêu Nhiên.

Vậy phải có cái Nhiên Sinh tức Đệ Nhiên Sinh Hóa. Hết khả năng Trí Tri Ý thông thường thì đến khác thường, tức Thần Hoạt Biến xảy ra, tức Lý Cực, Cực Âm sang Dương, cực Dương sang Âm. Tại sao có cái Nhiên đó ? chúng ta sẽ giải đáp sau.

Trở lại trong cái Nhiên có Bổng Nhiên và Siêu Nhiên. Có cái Bổng Nhiên và Siêu Nhiên vì chính tôi đã ý thức bắt gặp được như thế gọi là Như Nhiên.

Vậy là có Nhiên chứ không phải là không. Như nằm mộng, đó là phú thác cả thân xác cho Trí Tri Ý khác thường (Thần Hoạt Biến), chứ không phải Trí Tri Ý thông thường. Lúc khác thường nó làm việc vẫn có hai: có vui mừng, có buồn giận sợ sệt như thông thường tức lúc khác

thường làm việc thì thông thường vẫn có đó và khi giật mình thức dậy là lúc đổi phiên trực cho thông thường. Nếu không là thác.

Ở đâu có Nhiên ? Bởi đâu mà có ?

Truy mãi chúng ta sẽ đi đến Không Có Cái Nhiên tức chúng ta chấp nhận, có Cái nhiên và không có cái Nhiên.

Trả lời được câu này là chúng ta sẽ giải đáp được tất cả những gì đã diễn tả trãi qua từ trước.

Tại sao có Vô có Hữu ?

Đến đây chúng ta không thể vượt qua xa hơn được, chỉ có thể giải đáp bằng làm một bài toán vô tư.

Rốt lại chúng ta - con người hậu thiên thuộc cõi có nên mọi câu hỏi đều là hỏi về Vạn Hữu,khó nhất là hỏi về nguồn gốc của Vạn Hữu bằng câu hỏi:

- Tại Sao Có ? (có cái Nhiên, có Vô, có Hữu, có Thiên Địa Quỹ Thần, có Con Người, có Thần Thức, Đức Thần Minh... nói chung bất kể có thứ giống gì cũng vậy).

Hỏi (tại sao có cái Nhiên?) là câu hỏi tột cùng của cái Nhiên vì tới Nhiên là hết rồi, vì Nhiên gồm trong đó cả Thức, Siêu Thức, Tự Nhiên, Bỗng Nhiên, Siêu Nhiên, Như Nhiên...

Dĩ nhiên chúng ta phải dùng tánh Biết: Biết không Hiểu, Biết không Biết, Biết Biết, Biết Hiểu, Biết Vô, Biết Hữu, Biết Thiện, Biết Ác... sẵn có ở nơi mỗi con người chúng ta là một Nhiên Tánh, duy nhất khả dĩ trả lời nổi cho câu hỏi hốc búa nhất này chăng ?.

Lưu ý chúng ta nói Tánh Biết Biến Hóa, chứ không nói suông là Tánh Biến Hóa vì Lý Trí Tánh chúng ta Biết Biến Động Biến Đổi Biến Hóa, khiến cho ta Biết có Vô, có Hữu và khiến ta Biết Biết, Biết không Biết, Biết Hóa Ra, Biết Trở Nên, tức Biết Biến Hóa Hóa Thành thế này thế nọ.

Vậy Nhiên Tánh ở mỗi người là Tánh Biết: Lý Trí Tánh và Nhiên Tánh ở muôn loài vạn vật cũng chỉ là Tánh Biết Hóa Ra, Biết Trở Nên mà thôi.

Muốn biết tại sao có cái Nhiên Sinh, nó từ đâu tới, tức nhiên (tất nhiên, dĩ nhiên) ta phải chấp nhận Tánh Biết sẵn có ở mỗi người từ lúc chưa lọt lòng mẹ đến già chết vì không thể phủ nhận được.

Đó là Tánh Biết Hóa Ra - Biết Trở Nên quá nhiệm nhặt và huyền diệu đến độ Siêu Nhiên khó thấy biết. Đến khi Nó hiển lộ ra thì là Hiễn Nhiên Bỗng Nhiên hoặc Dĩ Nhiên.... tức nó phải hình thành (thành có, thành không Hiễn Nhiên).

Vậy nó phải Biết Thành này, Thành nọ.

Tự nhiên sao nó hóa sinh như vậy: có Bỗng Nhiên, Hiễn Nhiên tức có Tự Nhiên, Dĩ Nhiên, Như Nhiên, Siêu Nhiên... khiến ta khám phá ra Tánh Biết Hóa Ra, Trở Nên - Hóa Thành = Nhiên Tánh như vậy.

Hỏi tại sao có Siêu Nhiên, Bỗng Nhiên... Nhiên Tánh chúng ta phải tạm chấp nhận Tánh Biết để làm Bài Toán Thành. Tại sao phải tạm ? vì mình đang còn ở chỗ mù mờ là Biết và không Biết. Khi làm toán xong thì ta chấp nhận không muộn.

Bây giờ ta lại có thắc mắc tiếp là:

- Tánh Biết và Tánh Không Biết có đứng trong nguyên tắc nguyên lý nào không ? Định luật nào cấu tạo hóa thành ra Nhiên Tánh đó ??.

Bắt đầu làm bài toán Thành vô tư.

Ta tượng trưng bất cứ cái Thành nào, chẳng hạn ở đây là Thành Nhiên Sinh bằng một vạch dài:

Thành (Nhiên Sinh)

|————————————|

Trong cái Nhiên Sinh đó có hai: có Biết và không Biết Hóa Ra. Ta tượng trưng bằng hai vạch ngắn đứt và liền:

Tánh Không Biết Hóa Ra

Tánh Biết Hóa Ra

Trong cơ mang hỗn độn chúng nó thành ra hay hóa ra Biết, không Biết nhiều ít giống hoặc khác nhau tức chúng nó ăn nằm ra sao, giúp đỡ thúc đẩy thế nào mà lúc cái này xuất hiện, lúc cái kia xuất hiện ??

Bởi lúc đầu chúng tôi xem như chưa biết trước hai chúng nó (vạch đứt, vạch liền) gần gũi nhau như thế nào nên chúng tôi thử gắn ghép chúng hoặc trên hoặc dưới với nhau đủ mọi kiểu cách vô tư chồng chúng lung tung xem nó Thành ra sao.

Khi chồng xong chúng tôi thấy có những hình này:

Âm gốc ⟶ ☷ ☶ ☵ ☴

Dương gốc ⟶ ☰ ☱ ☲ ☳

Tôi không biết chúng nó nằm ở trên hay ở dưới chỉ biết chúng nó lẫn lộn nhau nên tôi ghép được như trên và ghép đi ghép lại nhiều lần cũng chỉ được có 8 hình.

Tóm lại tôi dùng Tánh Không Biết mà ra 8 hình bóng Thành Cái Nhiên và chỉ có hình thành với 8 trường hợp này. Vậy mọi Cái Nhiên Sinh đều đúng trong Nguyên Lý này (Giống như tiền nhân đã vô tư vạch ra được Bát Quái vậy).

Chúng nó (các vạch âm dương) cùng tương động tương giao tương cảm tương sinh tức động tĩnh lẫn lộn. Bài toán này loạn xà ngầu chưa nói đến trật trự và tuần tự. Chẳng lẽ chúng ta chấp nhận sự lẫn lộn như vậy sao ? chúng ta lại thắc mắc về tiến trình của nó. Chúng tôi bắt buộc phải bày đặt ra công thức sau đây:

Chúng tôi đề nghị: - Vô trước Hữu sau

- Một mà có Hai

- Bộ Mặt Mới phủ lên trên

Vậy: - Một mà Ba

❖ Chúng ta tạm chấp nhận Vô hình trước, Hữu hình sau. Nhưng chúng tôi sẽ chứng minh đến chỗ Vô Hữu cùng lúc.

❖ Một mà Hai vì:

Ý có: Trí Tri

Tánh Biết có: Biết và Không Biết

Nhiên có: Siêu Nhiên Bỗng Nhiên.

❖ Bộ Mặt Mới phủ lên trên như:

Từ nhỏ đến lớn

Từ chưa biết đến biết đi

Từ da thẳng đến da nhăn

❖ Nguyên lý Một mà Hai: có định luật Một mà có Hai (Luật Thành). Vậy là Một mà là Ba. Như Thành tôi có cha mẹ tôi. Cái Nhiên có Hiển Nhiên và Siêu Nhiên.

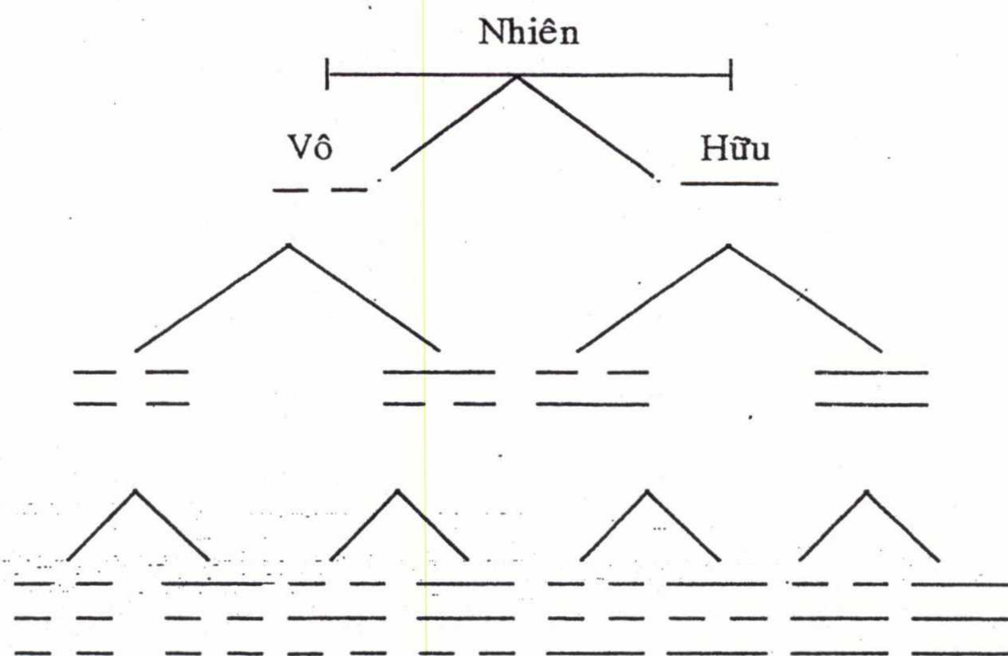
1/. Cái Nhiên Sinh

2/. Có Hai: Vô trước Hữu sau

3/. Âm trước Dương sau

4/. Bộ Mặt Mới phủ lên trên

Được tượng trưng bằng vạch



Tại sao có 3 vạch mà không có 4 vạch hoặc nhiều ít vạch hơn, vì theo Bài Toán Vô tư hồi đầu chỉ có 3, TA đâu biết trước là có mấy. Thế mới là vô tư (có tư lự mà biết thiên bất nhiễm).

Đến đây chúng ta mới đặt tên cho Tánh Biết Hóa Ra là Không Hoàn Toàn Không Manh Nha vì nó không còn Hoàn Toàn Không nữa, vì nó có Biết Hóa Ra đầu là Manh Nha.

KHTK Manh Nha là Siêu Nhiên là Tiên Thiên Vô Biên Tính là cái Tính có khắp mọi nơi nên mới Hóa Ra thế này thế khác. Tính với Tánh cũng vậy.

Đến đây vốn chưa có Tên. Bây giờ chúng ta bày đặt Tên chơi tùy theo phạm vi thuộc Hậu thiên học thuật.

12/7/1969 **NGŨ HÀNH SINH KHẮC**

Dùng để vào đời. Nhà học Dịch luôn luôn phải đo lường động tĩnh mà hành động để không hối. Khi động suy - vượng tĩnh không lo.

Lo khi nào Động và Vượng cùng lúc hưng thịnh.

Ngũ Hành Sinh khắc dùng để vào đời hành động. Xem đâu là Nguyên, Cừu, Kỵ, Tiết Thần. Nhớ đặt câu hỏi theo phương pháp sau đây:

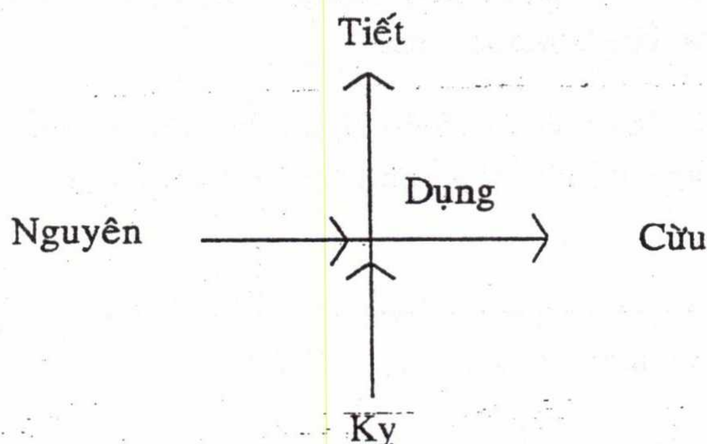
Thí dụ: Dụng Thần là: Ý muốn đánh nhau !

- Cái gì giúp cho ý muốn đánh nhau → Nguyên
- Cái gì hại cho ý muốn đánh nhau → Kỵ
- Đánh nhau giúp cho cái gì → Tiết
- Đánh nhau hại cho cái gì → Cừu.

Trong bất cứ phạm vi nào cũng có 4 cái này vây quanh, nhớ một Thần là năm Thần tùy lúc mà biến đổi. Phạm vi thay đổi luôn luôn trong cùng một cục diện.

- Dụng phải sinh cho Tiết vì có Tiết mới khắc được Kỵ.
- Dụng phải khắc Cừu, vì Cừu khắc Nguyên

Điều đầu tiên căn bản thiết yếu nhất của người học Dịch là: ấn định phạm vi. Phạm vi thay đổi tùy lúc chứ không nhất định ở mãi một chỗ.



ỨNG DỤNG VÀO DỊCH TƯỢNG

Khi an được Dịch Tượng, đơn quái nào động tức là nhân, vật theo quái nghĩa. động .

Thí dụ: o ☳☲ Phong ☳☷ Minh Sản

Ở đây đơn quái lôi ☳ động. Vậy ai hay cái gì múa may quay cuồng là chánh động.

Nếu phạm vi nói chuyện thì là nói nhiều (Phong) về sự hư hao (Minh Sản).

Nếu phạm vi ăn uống thì là ăn nhiều (Phong) về đồ cay (Minh Sản)

Phải tìm hiểu sơ qua về Bát Quái Vạn loại để lấy ý về đơn quái chỉ trong từng phạm vi như về phương hướng, màu sắc, nhân vật, động vật, con số ...

Chỉ khi nào biết chắc đâu là động rồi xem động ấy đến mức độ nào và có Vượng không.

Nếu Động và Vượng có liên hệ đến ta thì hãy nên nhẫn nhịn tránh né. Trường hợp một anh nhân dân tự vệ dầu là nhỏ nhoi nhưng khi động vượng cũng có thể làm hại ta được.

Muốn xem động vượng có hại hay giúp ta thì trước tiên xem vấn đề họ động có liên hệ đến công việc của ta không. Nếu không thì thôi. Nếu có thì xem động ấy giúp hay hại. Nếu giúp thì ta tìm cách gần gũi lân la khích động để họ có cơ hội dễ dàng giúp ta hơn. Nếu hại (phải là động vượng) thì ta hãy cẩn thận đề phòng, tốt nhất nên tránh xa, từ chối. Còn như phải đối đầu, ta phải gấp rút đào tạo thêm Tiết vì Tiết khắc ky và kêu gọi Nguyên và diệt Cừu.

Làm thế nào biết chính xác Vượng Động, nếu giả thì sao ?

NGUYÊN LÝ (Principe)

Là cái có thật và chỉ có cái có đó là đúng thật không thể thay đổi.

Thí dụ: Nguyên lý Đồng Nhi Dị là đúng, còn nói Nguyên lý Đồng Nhất là sai vì không đủ sức giải thích tất cả mọi hiện tượng.

Nhớ khi đi bàn luận phải định nghĩa cho rõ rồi mới phán quyết là đâu. Mình đừng có định nghĩa giùm vì học thuyết của mình là tương đối vì không có tuyệt đối.

❖ Tại sao nhà học Dịch vẫn hao tốn thì giờ tiền bạc công sức về những chuyện mà nếu nhà học Dịch chỉ cần lật ngửa lòng bàn tay bấm đốt là biết ngay ?

- Ấy là vì thiên cơ trong nhân cơ lúc bấy giờ không máy động. Lòng không muốn biết thì làm sao mà biết.

Vậy không có gì báo cho biết để tránh sao ?

- Có chứ ! có luôn luôn nhan nhản, nhưng đôi khi quá nhiều, nhà học Dịch không buồn phải xem cho mệt. Có lúc những chuyện không đâu nó cũng báo liên hồi, ai công sức đâu mà xem.

19/07/1969

LÝ ĐẶT TÊN:

"Vô Danh Thiên Địa Chi Thủy

Hữu Danh Vạn Vật Chi Mẫu"

Lão Tử

NAM THANH hỏi: Số như thế nào ?

XUÂN PHONG đáp: Số không như người thường hiểu chết nghĩa. Số là giai đoạn diễn biến. Số không nhất định như vậy và mãi mãi như vậy.

Trong suốt đời người có nhiều số, số là học trò, số là ăn mày, số là người cha, số là thợ nề vv... Người đời thường hay nói số của người này làm vua hay làm ăn mày và họ thường hiểu chết nghĩa vua phải là người trị vì thiên hạ là thiên tử, còn ăn mày là phải khố rách áo ôm, chứ họ không hiểu vua có nhiều hạng ăn mày có nhiều hình thức. Vua trị vì thiên hạ cũng là vua, vua dầu hỏa cũng là vua, vua ăn trộm cũng là vua. Ăn mày cơm gạo cũng là ăn mày, ăn mày tình yêu cũng là ăn mày.

Số hiểu theo nhà Âm Dương học có khác với người thường là ở chỗ ấy, ở chỗ biến dịch.

NAM THANH hỏi: Số là giai đoạn diễn tiến. Vậy có thể cải sửa hay tránh được không ?

XUÂN PHONG đáp: Đã gọi là giai đoạn diễn tiến tức Dịch thì làm sao cải sửa hay tránh né được, chỉ có người biết Số là gì thì mới có thể biến nặng thành nhẹ hoặc từ nhẹ hóa ra không có gì. Tuy nhiên cũng còn phải do nơi đức của mình và đức của người nữa.

Nhà học Dịch nếu xét thấy số đã như vậy và đã hết tình cho thiên hạ hay cho mình mà vẫn không qua khỏi thì hãy lo liệu đến thân mình không nên tiết lộ Thiên cơ, vì như vậy chẳng khác nào tự mình giảm thọ cho mình. Có ai tin rằng mình học mà biết được. Họ sẽ cho rằng mình chủ trương thì nguy hiểm là dường nào. Người học dịch nên để cho thiên hạ tin rằng mình không biết gì cả thì may ra còn sống sót lâu dài để giúp đời.

NAM THANH hỏi: Dịch tượng là một sống động, giai đoan diễn biến hay gọi là số. Vậy khi an được Dịch tượng thì Dịch tượng đó có theo thứ tự diễn biến của 64 quái không ?

XUÂN PHONG đáp: trước khi trả lời, Thầy hỏi lâu nay con có khi nào nhìn thấy sự đời đúng với Dịch tượng không ?

NAM THANH đáp:- Có

XUÂN PHONG hỏi tiếp: Có biết tại sao đúng không ?Có biết tại sao có nhiều người an Dịch tượng khác nhau mà suy luận đến kết quả như nhau không ?

- Ấy là vì trong vô giây đã có 64 Dịch tượng rồi, chứ không đợi đến năm tháng ngày giờ đó mới có. Chúng ta đã trải qua cái học về Lý Thành trong vô giây có 64 quái.

Mọi vật đều diễn tiến theo Âm Dương tiêu trưởng luật luật tức từ Khôn đến Kiền hay từ Kiền đến Khôn- Âm Dương tiêu trưởng mà có một Dịch Tượng thời dịch tượng ấy theo thứ tự diễn tiến của 64 quái.

420

Chính nhờ đó mà có Sấm. Trạng Trình làm Sấm cũng chỉ có thế và Sấm đó muôn đời đều đúng cả. Chẳng hạn Sấm nói là cái đầu thì biết là cái đầu nào.... có thể là đầu xe, đầu đường, đầu súng, đầu cầu, không cứ phải là đầu người.

Làm sấm như Trạng Trình không phải là chuyện khó vì có nói cũng như không. Cái khó là làm sao đem vào tình người để tự mỗi người chứng nghiệm lấy trong khoảng đời mình bằng những thực tế khách quan và kiểm soát được, chứ không vu vơ mơ hồ xa xôi và quá lâu.

Nhưng cũng không nên để cho con người phải quá khổ sở vì những bài tính thần tốc mà trí tri con người không kịp nhận thức diễn tiến, chẳng hạn trong giây hay phút.

Do đó Thầy đã suy nghĩ kỹ lắm và đem công thức Động Tĩnh Hữu Thường để dẫn dắt thiên hạ vào Đạo. Thiên hạ bây giờ chỉ cần học hiểu và sử dụng côngthức đó cho đúng giá trị của nó mà thôi. Đến một mức độ nào đó công thức Bất Thường và Tương Quan Tương Hợp mới thật là kinh khủng mới cho biết sự huyền diệu của Dịch lý. Lúc ấy không cần đến năm tháng ngày giờ nữa.

Giờ thìn ngày mồng 9 tháng 19 năm Kỷ Dậu 1969

XUÂN PHONG: Hôm nay Thầy chỉ cho con về phép tổ chức thành lập một công việc gì cho đắc sách. Thông thường người ta dạy con phải làm gì ?

NAM THANH: Có rất nhiều việc phải làm, nhưng tựu trung có thể chia làm 4 giai đoạn là: dự trữ, chuẩn bị, thực hiện, kết quả.

XUÂN PHONG: Đó là các gai đoạn tổng quát. Thầy muốn hỏi về lao công trong một vấn đề mà luôn luôn chủ động phải là mình, phải nhớ đây là phép tổ chức vững chắc và thành công nhất mà Thầy đã từng áp dụng để lập Hội Dịch Lý.

Trước hết, con phải tìm kẻ tri âm đối với vấn đề một hoặc hai ba người, không cần họ hoàn toàn đồng ý với con hoặc có đầy đủ tài năng Đức độ để cán đáng công việc. Trên nguyên tắc tổng quát cũng được.

Con nên nhớ đừng bao giờ tiết lộ mục tiêu cuối cùng của mình cho bất cứ ai. Con phân công việc ra nhiều giai đoạn và chỉ thành công giai đoạn.

Tìm được tri âm, con thảo luận bàn tính với họ. Mời thêm một số thân hữu đồng chí hướng xong rồi đến một ngày nào đó con thấy thành phần khá đầy đủ để làm việc lâm thời, con hội lại và đề nghị bầu Ban Trị Sự.

Thường người đời tham danh cầu lợi. Vậy con phải thận trọng lúc này. Cố gắng hết sức từ chối chức vụ cao trong Ban Trị Sự. Nên tìm một chức vụ nào nhẹ nhàng thấp kém trong Ban Trị Sự, xin miễn con có tiếng nói trong Ban Trị Sự là được. Nếu họ đề cử con vào chức vụ cao thì con cũng phải cương quyết chối từ, lúc ấy tất có kẻ háo danh nhảy ra lãnh thay cho con và chính anh chàng này sẽ lãnh đủ mọi búa rìu dư luận.

Lúc có Ban Trị Sự rồi thì tất có người lo xin phép tắc tổ chức cơ sở, lập chương trình đường lối. Nếu có trường hợp họ dùng đa số lấn áp ý kiến con thì con hãy uốn mình hòa theo điều kiện của họ. Rồi sau đó con tìm cách đề cao công việc của họ bằng cách gán ghép công trạng văn ngôn mỹ từ mà chính họ không thể có, nhưng họ lấy làm thích thú.

Đến đây con đã thành công giai đoạn một. Các giai đoạn khác cũng đều như vậy cả. Bấy giờ con lại đi tìm tri âm trong số những người trước để xem ai còn muốn tiếp tục theo đường hướng của con thì con lại xây dựng với họ. Còn những người khác chí hướng, họ chỉ đến đó thì thôi hoặc họ theo đường lối khác cũng chẳng sao. Đến kỳ bầu cử Ban Trị Sự chính thức tất họ sẽ không còn chỗ đứng.

Trên bước đường hành hiệp, nhiều việc quá lâu dài mà một kiếp người không đủ chu toàn, vậy khi con hoạt động đến 50 tuổi thì nên thu gọn lại, dần dần ẩn mặt,chuẩn bị cho tầng lớp trẻ thay thế.

Con hãy cố hết sức truyền thụ tất cả sở học của mình cho người thừa kế để kẻ đó sau này ít ra phải ngang sức mình mới đủ sức giữ vững cơ đồ ngày càng tiến lên.

Con nên chuẩn bị từ dưới thấp thì sẽ lên cao, còn chuẩn bị ở trên thì sẽ xuống thấp, ấy là lẽ đương nhiên, con hãy xem lịch sử thì thấy./.

NAM THANH: Xin Thầy chỉ giảng cho hai câu:

"Đạo khả Đạo phi thường Đạo

Danh khả Danh phi thường Danh"

XUÂN PHONG: Người ta thường cho hai câu trên là của Lão Tử nói, vì Thầy không biết chữ Nho và không có tài liệu lịch sử nên không biết đó có phải là lời cũa Lão Tử không. Nhưng giả sử Lão Tử có nói đi nữa thì chắc ý không giống như các ông Trần Thái Đỉnh, Nguyễn Duy Cần giải thích. Nếu vậy hóa ra Lão Tử kém hơn Trang Tử sao ? Lão Tử không hiểu Đạo sao ? Đâu bây giờ con hãy giải thích cho Thầy xem.

NAM THANH: Theo con hiểu biết nếu đây là câu nói của một người đạt Đạo thì câu ấy có ý chỉ ba sự việc. Trước nhất người ấy nói Đạo, một mình chữ Đạo thôi mà không thêm bớt một phán đoán giá trị gì. Đó là chỉ đến cái Đạo hằng có luân chuyển biến hóa nơi nơi, dầu con người có biết đến hay không biết đến. Nó chẳng là hữu thường, vô thường hay phi thường gì cả. Người ấy muốn dùng chữ Đạo làm đề tài.

Sau khi đã chỉ Đạo, nhắc đến Đạo, người ấy nói đến bước thứ hai thuộc phạm vi công việc của con người là Khả Đạo gần nghĩa như đạt Đạo, thấu hiểu Đạo, Đạo đó ! bây giờ hiểu Đạo, đạt Đạo đi !

Người ta và muôn loài vạn vật vẫn đi trong Đạo, nhưng thấu hiểu đạt Đạo rất ít người. Đạo là cái có thường, nhưng khi người ta khổ công đi tìm hiểu để đạt Đạo thì không phải dễ. Nhiều người muốn đạt Đao mà không được, nên cho Đạo là phi thường (Phi Thường Đạo) đây là một phán đoán của con người về Đạo.

XUÂN PHONG: Thầy đồng ý với con như vậy, có thể ý Lão Tử nói như vậy. Nếu không hóa ra Lão Tử không hiểu Đạo sao ? Thầy không muốn tranh luận lôi thôi với thiên hạ vì một câu nói mà Thầy ngờ rằng không phải của Lão Tử, nhưng Thầy lại khen câu nói:

"Vô danh thiên địa chi thủy

Hữu danh vạn vật chi mẫu".

Nhiều đọc giả đã giải nghĩa hai câu này, Thầy không dám cho là sai. Nhưng theo ý Thầy phải có nghĩa như vầy:

- Khởi đầu chưa có tên là Trời là Đất.

- Có tên là Trời Đất là ám chỉ về tổ tiên (Mẫu) hóa sinh muôn loài vạn vật.

(Cho phạm vi chúng ta con người và bao bọc địa cầu chứ chưa phải là phạm vi Tạo Lập Vũ Trụ).

Lẽ ra hai câu: Đạo khả Đạo..... Danh khả Danh... đó được đặt sau hai câu : Vô danh thiên địa chi thủy; Hửu danh vạn vật chi mẫu thì thật hợp tình hợp cảnh.

Vì Đạo cũng là một cái tên mà sự có tên sau sự không tên. Gọi tên cho một cái gì thì tức là giới hạn ít nhiều về cái đó. Bởi vậy khi đặt tên người ta cố dùng cho thật xác nghĩa, diễn tả càng đúng thực tại càng tốt. Tuy nhiên điều này không phải dễ làm.

Một Danh mà diễn tả đầy đủ thực tại thì thật không phải là Danh thường, nó phải có một Danh khác thường hay phi thường. Chẳng hạn như Danh Âm Dương để diễn tả về Đạo, về muôn loài vạn vật mà không loài nào thoát khỏi được. Như vậy là Danh phi thường và không thể tìm một Danh nào khác thay thế nổi.

DÀN BÀI XÃ HỘI THIÊN NHIÊN

(Chép theo bản viết tay của Thầy Xuân Phong)

CON NGƯỜI

01/. Căn cứ vào đâu mà đề ra Xã Hội Thiên Nhiên ? (Khám phá)

1/. Thiên nhiên là sao ?

2/. Xã hội theo quan điểm của nhà Âm Dương học Việt Nam.

3/. Xã hội bắt đầu từ cái gốc Hóa Sinh Vạn Hữu.

4/. Vũ trụ Đạo đi vào tình lý của con người theo quan niệm Động Tĩnh của trục Động Tĩnh (5)

5/. Động Tĩnh là sống động ấy với Tình Đời:

Ta là Nguyên, Cừu, Kỵ, Tiết, Dụng Thần.

6/. Chúng sống động vận hành tức đang san sẽ sự tiện lợi lẫn cho nhau: quân bình.

7/. Nhưng chúng có thời tiêu trưởng trong vận hành.

8/. Vì vấn đề Tiêu Trưởng đó phải chỉ cho rõ nên buộc lòng phải đặt ra những danh từ Giúp và Hại (sinh khắc).

9/. Vì muốn nói chưa đến thời của Tiêu hay của Trưởng nên mới đặt vấn đề Tuần Không: (tích cực, tiêu cực).

10/. Vì chúng san xẽ sự tiện lợi lẫn cho nhau ít hoặc nhiều nên mới bàn đến vấn đề sinh hợp hay khắc hợp.

11/. Vì có đối diện nếu đem Thời Tiêu và Thời Trưởng đối chiếu sẽ có hơi khác nhau nên mới nói xung khắc.

12/. Mọi vật đều chạy đi từ Khởi đến Dứt chia làm 12 giai đoạn.

13/. Để biết được các vấn đề đó đang khởi hay tới giai đoạn nào nên mới bày đặt ra vòng Tràng sinh, Mộc Dục vv ... cũng là để biết tới thời Suy Vượng theo Tình đời.

14/. Người thức thời mới chọn thời vượng suy mà tiến thoái.

15/. Xét Tiên hậu thiên Trí Tri Ý tức hiểu biết được điều dĩ nhiên của muôn loài, còn các sự động đều theo cái dĩ nhiên đó (phụ thuộc).

16/. Nguyên tắc giao dịch trong xã hội và tổ chức hành động: cần nghe cho rõ, nhìn cho kỹ, tâm phải vôtư: (Nói hay hơn hay nói).

17/. Tuần tự và trật tự.

18/. Làm cách nào để biết tuần tự cho đúng.

19/. Phải tự có kiến thức riêng trên mỗi việc để xét xem có nhầm lẫn không.

20/. Phải phân biệt bằng chơn giả bằng cách nào.

ĐỊNH Ý NGHĨA CÁC DANH TỪ

Theo Xuân Phong

DỊCH LÝ: Biến hóa là cái LÝ LẼ

LÝ DỊCH: Cái lý lẽ thuộc về biến hóa (Lẽ Biến Hóa)

SỐ LÝ: - Từ 0 đến 9 (kể từ dưới thấp)

- Chỉ về thứ tự ấy có lý ra làm sao.

LÝ SỐ: - Là không có số mấy

- Là lý luận về số phận mà hễ lý đúng như vậy là chính xác số. Tức muôn vật diễn biến tới chỗ đó rồi tới chỗ đó. Vậy nó tới số đó (giai đoạn diễn biến).

TƯỢNG LÝ: Tượng đó do cái lẽ nào đó mà có hình bóng hiện tượng đó.

LÝ TƯỢNG: Có lẽ đó cho nên có Tượng đó, cũng như có duyên cớ ra làm sao có mới sanh ra chuyện đó. Cho nên có khi lấy Lý mà vẽ ra một hiện tượng, một trạng thái sống động. Tượng chưa đến mà có thể lấy Lý biết trước sắp có hiện tượng.

Ý TƯỢNG: Có một hiện tượng rồi người ta gắn một ý nghĩa lên trên Tượng đó để ý thức học hỏi về hiện tượng đó.

TƯỢNG Ý: Có cái Ý rồi nên dùng Tượng để diễn Ý.

LUẬN LÝ: Suy luận, biện luận để tìm về, tìm thấy cái lý lẽ của nó.

LÝ LUẬN: Nhờ Lý, do Lý (Nguyên Lý) rồi có thể suy diễn biện luận, chế tác ra muôn vật (rọi vào sáng soi mọi cái).

CHIÊM NGHIỆM: Chờ đợi kết quả về một sự thí nghiệm thử thách nào đó (tức chưa trọn tin), tức để lấy đó làm thành sự tin tưởng trọn vẹn. Vậy chiêm nghiệm hồi đầu chưa trọn tin, còn chờ đợi chưa rõ rệt thì chưa trọn tin, chờ đợi để có trọn niềm tin.

TRI HÓA THẦN TOÁN:

TRI: Tánh biết hiểu, biết biết, biết không hiểu, biết không biết.

HÓA: Cái tánh ấy nó biến hóa ra bộ mặt mới, cái biết này đi tới cái biết mới như 5 + 3 = 8 (biết mới)

THẦN: Làm nên một bài toán linh như Thần nhanh chóng, huyền diệu, mầu nhiệm.

TOÁN: Là Toán Thiên Cơ, chứ không phải như Toán đố thường mà nó thuộc Siêu khoa học. Nó là bài toán cao nhất. Toán là tính Toán.

THẦN HOẠT BIẾN: Thần là Trí Tri Ý Thức hoạt bát biến thông.

LỤC THÔNG: Thông là thông suốt như đi thẳng một đường đi ra, không siêu vẹo, không trục trặc.

- Tai thì thính - Tâm trí thì tinh sáng
- Mắt thì tinh - Ngôn xướng thì rõ ràng
- Ý thì chính - Văn Hoa thì xác đáng

ĐỘNG TĨNH VÔ TƯ VÀ ĐÚNG LÚC

- Động Tĩnh hợp với Tiên Thiên Tánh là Vô tư (Động Tĩnh không nói là gì, bất kể nói tất).

- Đúng Lúc là không trễ không sớm.

SỞ ĐẮC: Là ở tự mỗi người tùy công phu của chính mình. Thấp nhất là kiểm soát được sống động bên ngoài. Khá nhất là kiểm soát được sống động tự thân. Cao nhất là thấu đáo liên hệ tự thân và bên ngoài.

Siêu tuyệt nhất là vô tư bất thiên bất nhiễm mà thành ra khắp mọi nơi đều thiên nhiễm được mãi mãi, bất kể Không - Thời Vũ - Trụ: (chơn lý).

THÁI CỰC : Là thừa lệnh vô cực, chấp hành biến hóa vô lường, nhiều sáng kiến, chế phục lưỡng nghi, lắm mưu lược, là nồng cốt của cơ cấu.

Thái cực là lộ hình dễ thấy, nhận quyền sinh sát, tạo dựng cơ đồ, điều hành lưỡng nghi.

Thái cực khá quan trọng nên nếu tìm không được thì mình phải làm thái cực kiêm vô cực ẩn hình và chọn một vô cực thế vào, nhưng trước sau vô cực này vô quyền. Nhưng vô cực cũng phải là người đủ tư cách.

LƯỠNG NGHI : Là nghi Âm Dương.

Một Nghi Âm, một Nghi Dương do thái cực chọn lựa là tri âm của thái cực. Mỗi Nghi có một công năng riêng như bên văn, bên võ, bên thiện bên ác.

Dĩ nhiên hai bên có lúc sinh khắc lẫn nhau nhưng đều nghe theo thái cực. Thái cực hết sức khéo léo giải quyết. Hai Nghi làm việc hành động theo sách lược của thái cực. Lưỡng Nghi trong tình thế manh nha động.

TỨ TƯỢNG : Là bốn đạo vận hành luân lưu khắp miền, khi võ khi văn, khi thiện khi ác. Vai trò thay đổi luôn luôn. Văn võ toàn tài. Khống chế áp đảo thiên hạ.

Khi là = = ⚏ thì dưới quyền trực tiếp chỉ huy của Nghi Âm.

Khi là ⚎ ⚌ của Nghi Dương.

Tứ tượng là cơ sở sẵn có, vận chuyển luôn luôn bất chấp sự thay đổi Nghi Âm hay Nghi Dương. Trong thiên hạ, Tứ Tượng đã có sẵn đang chờ đợi xếp vào hàng ngũ hoặc thuộc Nghi Âm hay Nghi Dương.

Tứ tượng là phần tinh túy, tinh hoa rút từ trong Bát Tượng.

8 Ý

Khi chúng ta hiểu biết sao đó về sự việc gì trong phạm vi có không và thời gian tham dự, sự hiểu biết đó danh gọi là Trí Tri. Trí có nghĩa là Hiểu, Tri có nghĩa là Biết.

Khi trí tri lập tức chúng nảy ra ý này, ý kia. Tuy nhiên có lúc ý phát ra còn trong mù mờ hoặc hiển lộ mạnh mẽ. Do đó tùy theo tính chất và cường độ của ý mà chúng ta có thể phân biệt ra 8 loại, còn ngoài ra cũng na ná vậy thôi.

1/. Ý TƯỞNG : Dường như còn xa xôi như đức tin trong tôn giáo.

2/. Ý NGHĨ : Dường như gần hơn.

3/. Ý THÍCH : Dường như ước muốn.

4/. Ý THỨC : Dường như chăm chú.

5/. Ý NIỆM : Dường như tiềm khởi.

6/. Ý CHÍ : Dường như chủ xướng.

7/. Ý ĐỊNH : Dường như cương quyết.

8/. Ý KIẾN : Dường như phải thế.

CƯƠNG VỊ CỦA MÌNH TRONG MỌI SỰ VIỆC.

XUÂN PHONG GIẢNG :

Tự động ví như khởi tạt.

Bị động ví như nước

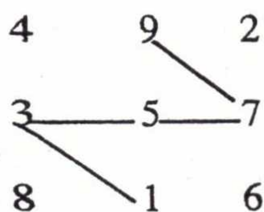
Thọ động ví như vách tường ướt.

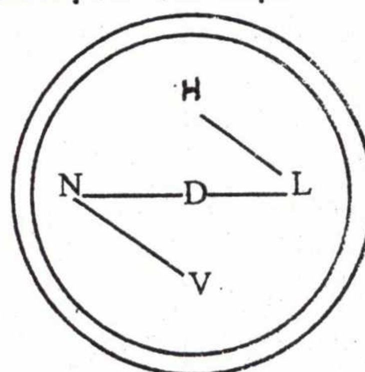
Tùy và nhờ danh tượng và ý tượng để biết chính xác theo quan niệm Tứ Tượng (sinh khắc).

Vấn đề ngũ hành, Thập Nhị Chi, 24 tiết khí đều do dịch lý mà ra.

Thanh Minh	——	Tổn, Tiết, Phu	3
Cốc Vũ	——	Muội, Khuể, Đoài	3
Lập Hạ	——	Lý, Thái	2
Tiểu Mãn	——	Đại Súc, Nhu, Tiểu Súc	3
Mang Chường	——	Đại Tráng, Hửu, Quải	3
Hạ Chí	——	Kiền, Cấu	2
Tiểu Thử	——	Đại Quá, Đỉnh, Hằng	3
Đại Thử	——	Tốn, Tỉnh, Cổ	3
Lập Thu	——	Thăng, Tụng	2
Xử Thử	——	Khốn, Vị Tế, Giải	3
Bạch Lộ	——	Hoán, Khảm, Mông	3
Thu Phân	——	Sư, Độn	2
Hàn Lộ	——	Hàm, Lữ, Tiểu Quá	3
Sương Giáng	——	Tiệm, Kiển, Cấn	3
Lập Đông	——	Khiêm, Bỉ	2
Tiểu Tuyết	——	Tụy, Tấn, Dự	3

DẤU HIỆU VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI





Theo Lạc Thơ. Ấy là để có chút dính dấp với cái xưa.

- Nối liền các con số lẻ (Dương).

- Quan niệm : Dương len lỏi trong Âm (Số chẳn).

- Hình ZIGZAG từ dưới ngang lên trên.

- Chữ N nghiêng.

XUÂN PHONG : Hôm nay Thầy chỉ thêm cho con về

TÌNH LÝ VÀ TÍNH LÝ

TÌNH LÝ : Nói gọn là lý do muôn vật hữu tình hay là sự gặp gỡ giữa sự vật này với sự vật khác, liên hệ lẫn với nhau. Tình lý giữa người với người, vật với người, vật với vật.

TÍNH LÝ của muôn vật là SỐNG ĐỘNG LÀ ĐỘNG TỈNH, từ KHÔNG đến CÓ, từ CÓ đến KHÔNG. Chỉ có vậy chứ không có gì khác. Coi chừng trên đường hướng dẫn vì quá chìu theo trình độ học viên mà lầm lẫn tính lý với đặc tính tác dụng, nhiệm vụ vì chúng cũng chỉ là tình lý mà thôi.

Ta thường nói : Tình lý của từng sự lý hay tính lý của từng sự lý hoặc tính lý đương nhiên và tình lý liên hệ. Tính lý đương nhiên của một sự vật , sự lý là tính lý muôn đời, đó là BIẾN HÓA.

Cần phân biệt SỰ LÝ và LÝ SỰ.

Một sự việc nào đó được con người nhắc nhở nói đến thì gọi là SỰ LÝ, còn sự nhắc nhở nói đến của con người về một sự việc nào đó gọi là LÝ SỰ.

LÝ SỰ như là con người đến với sự việc.

Còn SỰ LÝ như là sự việc đến với con người.

Phân biệt ra là như thế. Nhưng đúng Lý hơn SỰ Lý hay Lý SỰ chỉ là một vì một SỰ LÝ đã có LÝ SỰ và khi con người LÝ SỰ thì LÝ SỰ về SỰ LÝ. Vậy dù thế nào, đó cũng là TÌNH LÝ của con người. Gọi là cây viết (SỰ LÝ). Cây viết dùng để viết (LÝ SỰ) của tôi (LÝ SỰ)...

Nên nhớ ở đây chúng ta đã nói về đến LÝ, vượt qua Thể, Chất, Khí, Tính...

BÍ KÍP VỎ HỌC

1	Manh Nha Thủ+ Thủ	→	Thủ
	Manh Nha Công+ Công	→	Công
2	Manh Nha Thủ + Công	→	Công
	Manh Nha Công + Thủ	→	Thủ
3	Thủ + Manh Nha Công	→	Thủ
	Công + Manh Nha Thủ	→	Công
4	Công + Thủ	→	Thủ
	Thủ +Công	→	Công
5	Thủ + Công	→	Công
	Công + Công	→	Công
6	Công + Công + Thủ	→	Công
	Thủ + Thủ + Công	→	Thủ
7	Công + Thủ +Công	→	Công
	Thủ + Công +Thủ	→	Thủ
8	Công + Thủ + Thủ	→	Thủ
	Thủ + Công + Công	→	Công

1 ĐỒNG Ý - BẤT ĐỒNG Ý

2 SINH KHẮC
3 SINH SINH SINH KHẮC KHẮC SINH KHẮC KHẮC

1 SINH HỢP - KHẮC HỢP (Giao Dịch)
(MANH NHA ĐỒNG Ý BẤT ĐỒNG Ý)

2 TƯỞNG KIẾN
3 TƯỞNG NGHĨ THÍCH THỨC NIỆM CHÍ ĐỊNH KIẾN

1 Ý
(MANH NHA SINH HỢP KHẮC HỢP)

2 HIỂU BIẾT
3 HIỂU HIỂU HIỂU BIẾT BIẾT HIỂU BIẾT BIẾT

1 KHẢ NĂNG HIỂU BIẾT

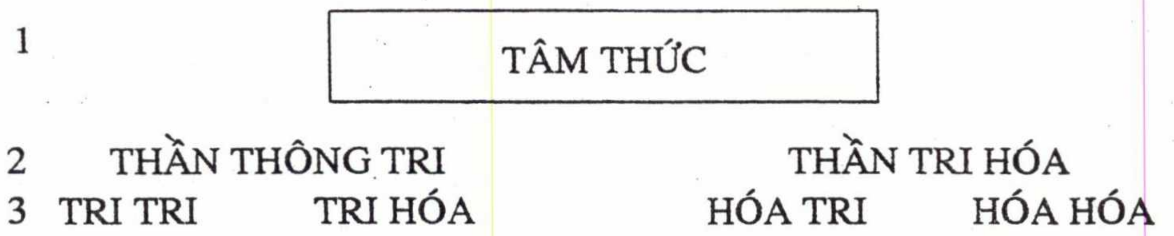
2 TỐI SÁNG
3 TỐI TỐI TỐI SÁNG SÁNG TỐI SÁNG SÁNG

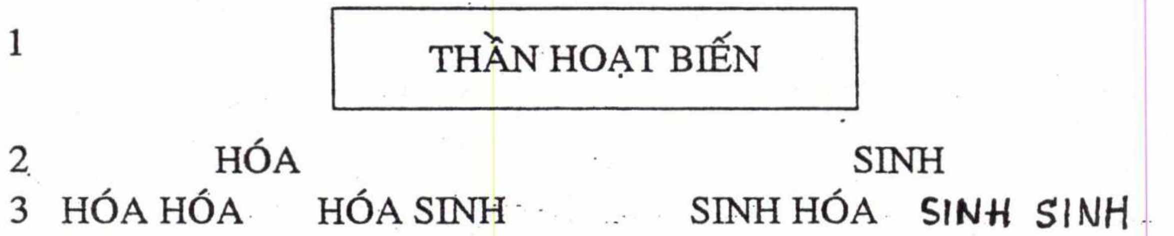
1 TRÍ TRI

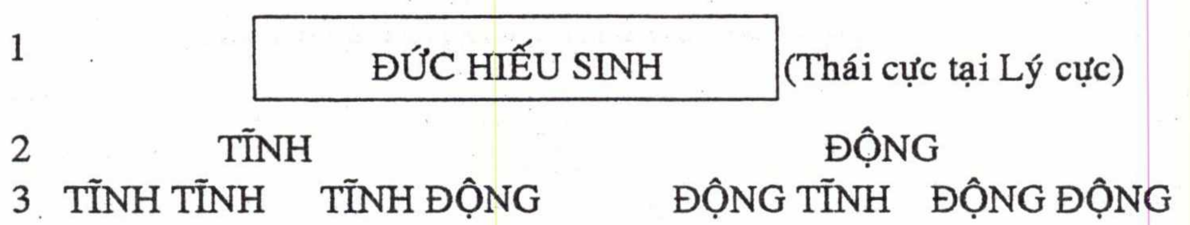
2 MINH THÔNG
3 MINH MINH MINH THÔNG THÔNG MINH THÔNG THÔNG

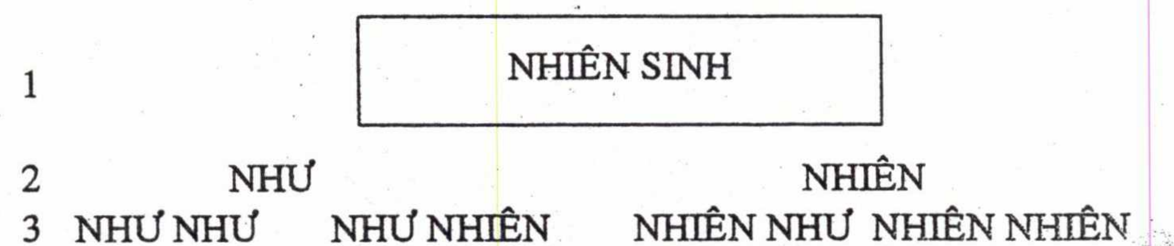
1 TUỆ MINH THÔNG

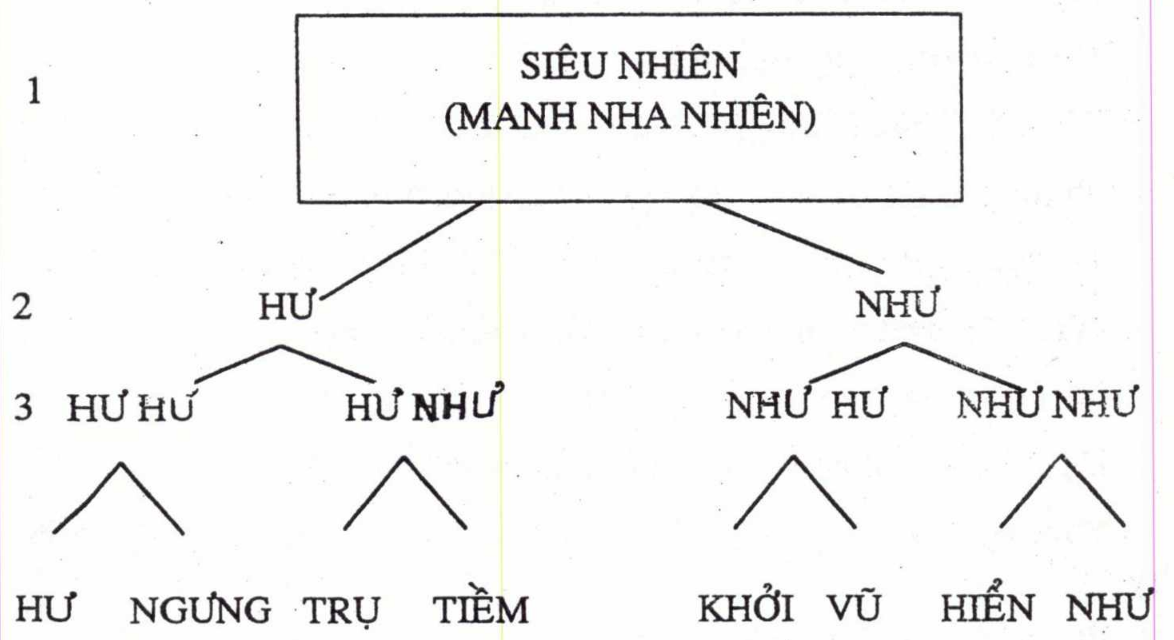
2 ĐỨC THẦN MINH THẦN THỨC
3 MINH MINH MINH THỨC THỨC MINH THỨC THỨC


1
TÂM THỨC
2 THẦN THÔNG TRI
THẦN TRI HÓA
3 TRI TRI
TRI HÓA
HÓA TRI
HÓA HÓA


1
THẦN HOẠT BIẾN
2 HÓA
SINH
3 HÓA HÓA
HÓA SINH
SINH HÓA
SINH SINH


1
ĐỨC HIẾU SINH
(Thái cực tại Lý cực)
2 TĨNH
ĐỘNG
3 TĨNH TĨNH
TĨNH ĐỘNG
ĐỘNG TĨNH
ĐỘNG ĐỘNG


1
NHIÊN SINH
2 NHƯ
NHIÊN
3 NHƯ NHƯ
NHƯ NHIÊN
NHIÊN NHƯ
NHIÊN NHIÊN


1
SIÊU NHIÊN
(MANH NHA NHIÊN)
2 HƯ
NHƯ
3 HƯ HƯ
HƯ NHƯ
NHƯ HƯ
NHƯ NHƯ
HƯ
NGƯNG
TRỤ
TIỀM
KHỞI
VŨ
HIỂN
NHƯ

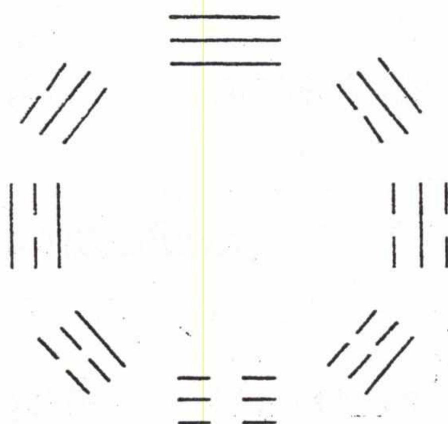
1 KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG MANH NHA
(VÔ CỰC)

2 KHTK KHTKMN

3 TKTK TKMN KMNTK KMNKMN

0 KHTK

PHỤC HY BÁT QUÁI PHƯƠNG VỊ ĐỒ



Thiên tôn Địa ti, kiền khôn định hỉ.

Ti cao dĩ trần, quý tiện vị hỉ.

Động tĩnh hửu thường, cương nhu đoán hỉ.

Phương dĩ loại tụ, vật dĩ quầng phân, kiết hung sinh hỉ

Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hóa kiến hỉ.

(Trời tôn, Đất ti định ngôi của KIỀN KHÔN vậy.

Thấp cao bày tỏ là ngôi quý tiện.

Động tĩnh có thường, cứng mềm đã phán đoán vậy.

Phương pháp lấy loại hợp lại, vật lấy bầy mà chia,lành dữ sinh ra vậy.

Ở trên trời thì thành Tượng, ở dưới đất thì thành hình.

Biến hóa thấy vậy)

NHỮNG VẤN ĐỀ HÔM NAY

1/. Tại sao thiên hạ loạn ?

2/. Ai sẽ thắng ? Đông hay Tây ? Cộng sản hay Tư Bản ?

3/. Đâu là phép giữ nước ?

4/. Các chủ thuyết, tôn giáo đã qua có theo kịp đà tiến hóa của nhân loại ?

5/. Tinh hoa học vấn của dân tộc Việt là đâu ?

6/. Việt Nam có thứ học vấn nào xứng đáng đóng góp vào nền văn minh nhân loại ?

7/. Tương quan giữa đạo học và khoa học ? giáo điều, khoa môn, pháp môn nào đủ sức giải thích mọi hiện tượng trong vũ trụ ?

8/. Chân lý là gì ? ở đâu ?

9/. Ý nghĩa của cuộc đời ?

10/. Thân phận của con người ?

11/. Phải làm gì cho cuộc sống ?

12/. Có đời sống nào ngoài đời sống trần gian không ?

13/. Có quyền lực nào chi phối vũ trụ không ?

14/. Chết có phải là hết không ?

15/. Làm thế nào và học vấn nào cho phép học một mà biết muôn trùng ?

16/. Tương lai dân tộc và nhân loại đi về đâu ?

NAM THANH

Dịch học sĩ .

1. TẠI SAO THIÊN HẠ LOẠN ?

XUÂN PHONG giải đáp :

- Tại có hai, từ đó sinh ra nhiều : Trong công cuộc tiến hóa của nhân loại, nếu phân ra văn minh tinh thần và văn minh vật chất, nếu tinh thần gọi là đạo học, vật chất gọi là khoa học, nếu văn minh tinh thần là nghệ thuật chân thật và văn minh vật chất là nghệ thuật cạnh tranh.

Con người từ ở mức tự vệ qua xâm lăng, văn minh tự vệ đến cùng cực qua văn minh bảo vệ chung tư.

Đồng ý hoặc bất đồng ý có lợi và có hại, trước mắt hoặc lâu dài. Vấn đề du nhập đồng hóa dị hóa tạo nên trị hoặc loạn.

Lấy lý mà nói : như giữa hai người, xét về cơ bản (gốc) hai nầy là một chứ không phải mâu thuẫn. Tất cả chỉ là do trông lầm, nghe lạc, hiểu sai. Người ta thấy choảng nhau vì người ta đứng ở xa nhìn về nhau như đứng ở về hai đầu cực, hai bên bờ sông xa cách vậy.

Còn Dịch là gần, đứng chổ gần thì thấy cả hai đều từ gốc BIẾN HÓA SINH RA, đều bị đi trong luật BIẾN HÓA và TIẾN HÓA, đến một thời điểm nào đó nặng về nhu cầu văn minh vật chất mà không thấy nhu cầu văn minh tinh thần hoặc ngược lại. Ấy là tại hai bên có nhu cầu khác nhau, do chiều hướng thiên cực : từ Vô đến Hữu hoặc từ Hữu đến Vô. Rồi người ta quyết liệt thổi phồng đề cao theo một chiều nhu cầu đó đến thành một ý thức hệ một chân lý tuyệt đối. Rồi tổ chức sống riêng rẽ cho rằng mình khôn, kẻ khác ngu, không màng tới bên kia hoặc phải khai hóa bên kia hoặc thậm tệ hơn tìm mọi cách tiêu diệt bên kia.

Thật ra giống như hai võ sư nghịch với nhau rồi thì dầu biết thua vẫn không học, họ cho là không cần, nhưng họ đang che giấu chối nhận sự thật là họ đang cần, rất cần. Như mọi người có cần anh đổ rác hốt cầu không ? và anh hốt cầu có cần người thuê không ?...

Nói tóm tắt : người ta chưa thông cảm nhau. Tất cả đều có liên hệ với nhau mà người ta không biết. Hay là người ta thấy rồi đó, nhưng phép tổ chức sống trong xã hội chưa tới mức độ cho người ta hòa hợp.

Thiên hạ cần đoàn kết để chung hưởng hòa bình. ĐOÀN KẾT đó cũng là phép giữ nước hết sức bền vững. Muốn vậy trước hết phải có hiểu biết và học vấn sâu rộng về nhau. Muốn ăn, muốn làm đều phải học. Phép giữ nước là cần phải khai hóa mở mang trí tuệ. Dầu dụng võ cũng phải có trí nên phải là VÕ - TRÍ - ĐẠO. Nếu võ thuật yếu kém thì dùng võ trí cũng nên.

THIÊN NHIÊN XÃ HỘI HỌC

1/. Sự ra vào đóng mở tức là âm dương tiêu trưởng vận hành.

2/. Luật vận hành là luật thiên nhiên ai cũng có thể nhìn biết.

3/.Luật vận hành theo lý sống động : động tĩnh lẫn lộn chỉ có 4 tượng : ⚏ ⚎ ⚍ ⚌

4/. Chúng ta đứng trong luật sống động thì đương nhiên ở trong số ngũ (5).

5/. Để cho rõ số NGŨ đó chúng ta tạm dùng một số danh từ sau : Dụng Thần, Tiết Thần, Kị Thần, Nguyên Thần. Năm danh tánh đó là một sống động. Cửu Thần

6/. Thần kỳ biến hóa tương sinh tương khắc là để chỉ về luật tự nhiên sống động ấy.

Tương sinh			Tương khắc		
Nguyên sinh Dụng			Nguyên khắc tiết		
Dụng	-	Tiết	Tiết	-	Kị
Tiết	-	Cửu	Kị	-	Dụng
Cửu	-	Kị	Dụng	-	Cửu
Kị	-	Nguyên	Cửu	-	Nguyên

7/. Đạo thiên nhiên là đạo tự lập, tự cường, bất khuất có nghĩa là Tiên Thiên tự thành từ KHTK đến KHTK cực. Vượng và động mới là vấn đề.

8/.Khi muốn vào đời để làm nên việc cả trong thiên hạ, phải xét sự động của thiên hạ và phải xét một cách cẩn thận khả năng có sẵn của chính mình là khả năng hiện hữu vững chắc của chính mình, không bao giờ được phép trông cậy một tí gì nơi kẻ khác.

9/. Khả năng hiện hữu của chính mình có phải là một trong nhiều quan trọng tất yếu của mục phiêu của lý tưởng không ?

10/. Tất cả mọi cái đều quan trọng như nhau không được phép thiên lệch cho rằng cái này quan trọng hơn cái khác, vì như vậy là sai lầm. Bởi vì mỗi thứ chỉ là quan trọng giai đoạn.

11/. Để đạt được mục tiêu thì phải biết sự quan trọng thuộc về tuần tự và trật tự, tức là phải biết cái trước rồi cái nào kế đó, rồi cái nào thứ ba, bốn, năm...

12/. Nên nhớ mỗi một quan trọng đều hàm chứa số ngũ (5) nghĩa là có lúc nó là Nguyên có lúc nó là Kị, là Cừu, Dụng,Tiết. Vậy không nên quá chơn thật chất phát.

13/. Dụng thần cường động là để chọn chơn Nguyên Thần và để cho biết rõ chơn Kị Thần. Chưa rõ thì chớ nên vọng động. Hợp vì đó là Hợp Trung Đái Khắc.

14/. Sao có thể biết được chơn giả Nguyên Kị Thần ?

15/. Biết được vì những lúc bất ưng nó thổ lộ.

16/. Cần biết rõ chơn Nguyên Thần và biết rõ chơn Kị Thần tức là biết nó thuộc loại Phục ngâm hay Phản ngâm, Tuần không hay Nguyệt Phá, Vượng Suy...

17/. Phải vô tư mà xét tánh tình chớ không phải xét sơ qua về hành động cử chỉ bên ngoài.

18/. Nếu còn yếu chưa đủ sức biết ai là trung ai là nịnh thì nên tham khảo ý kiến của hai người thân tín am tường sự việc, hoặc tài đức ngang mình hoặc một người lạ.

19/. Diệu dụng là dùng Phục Ngâm, Phản Ngâm, Tuần không , Nguyệt Phá, Suy Vượng Động Tỉnh đúng lúc tức là đúng tài năng của mỗi một.

20/. Giao công tác thích hợp với tâm tính khả năng thì mới yên chí được một nửa.

21/. Thu hoạch được kết quả là do có sự hành động thích hợp với khả năng của người hoạt động.

22/. Vậy thành công giai đoạn là chắc nhất, tức là theo lối Phong Sơn Tiệm.

23/. Thành công giai đoạn tức là trong trường hạn có nhiều đoản hạn, trên đường dài cần làm đường ngắn. Vậy có nghĩa là không bao giờ thất bại, bởi vì lúc nào cũng ở tại khả năng sẵn có mà tiệm tiến.

24/.Phải dẹp hẳn ý kiến của mình khi muốn làm việc trong thiên hạ. Thiên hạ tự hãnh diện do công lao của mình mà không hay biết, nếu họ biết tức là mình thất bại.

25/. Muốn thâu hoạch được kết quả tốt đẹp trong thời loạn thì nên chọn thế tỉnh trong tình thế Manh Nha Động. Vậy khi nào, lúc nào cũng phải quên ý kiến riêng của mình.

26/. Tại sao không kể về hình thức mà lại cần xét ở tâm tánh và khả năng ?. Bởi vì tâm tánh và khả năng hiện tại của mổi một, lúc nào cũng là nền tảng để tiến hóa.

27/. Khả năng hiện tại và tâm tánh đều là thuộc về khả năng có Trí Tri Ý tham dự đã qua, là kết tinh của sự đã trải qua.

28/. Mỗi sự việc được hình hiển ra bên ngoài nhìn thấy biết được giữa chúng ta con người đều là đã có Trí Tri Ý tham dự.

29/. Hơn nữa mỗi sự lớn nhỏ ít nhất là có Trí Tri Ý một người hoặc nhiều người gọi là cơ quan đầu não, bộ tham mưu... đại khái đều có Trí Tri Ý tham dự.

30/. Trí Tri Ý nào đúng nhu cầu của giai đoạn thì mới là vấn đề phải làm, còn các cái khác sẽ là kế tiếp. Vậy cần đúng lúc bất cứ vấn đề gì.

31/. Làm một việc gì phải vững tin với việc. Trên đường hành động nếu kém đức tin ở chính mình thì tốt hơn không nên xuất quân.

32/. Muốn vững tin, bạn còn có Dịch lý báo tin. Phải thận trọng và luôn luôn tin nó như là mệnh lệnh TẠO HÓA.

33/.Tin tưởng Dịch như vậy vì đã nhiều phen chống đối Dịch, đã thí nghiệm Dịch khá nhiều. Chưa nhiều phen chiêm nghiệm chống đối chưa am tường quái nghĩa, tinh thần vô tư chưa bầu bạn được với Dịch lý thời không nên tin tưởng nó vì lẽ có khi Dịch bảo là xấu đối với việc thì mình cho là tốt. Thế thì rất tai hại.

34/. Làm sao để có thể biết thế nào là đúng lúc ?

35/. Đúng lúc có nghĩa là đủ 3 yếu tố chính như là : Thiên Cơ, Thời Cơ, Nhân Cơ. Nghĩa là lúc một người ví như một mình còn tại thế, có một điều gì không phải riêng ý tư lợi (vọng động) mà chính là sự động sâu rộng trong cục diện nhân loại, hoặc ít nhất là quốc gia.

Con người và lòng người đang hướng nặng về đâu tức là Trí Tri Ý thầm kín ở thiên hạ đang quây quần hội tụ về đâu trong đó có con người chính mình có thể góp sức, góp Trí Tri Ý mà chưa có tri âm để cạn tỏ. Và rồi tự trong muôn phương có manh nha giống Trí Tri Ý của chính mình.

Khi gặp được tri âm và phải chờ tri âm khơi mào thố lộ một trong nhiều việc của vấn đề sâu rộng. Người tri âm đang sẵn có khả năng thế nào, ý muốn thầm kín ra sao. Biết được rồi ta chỉ đáp ứng nhu cầu của tri âm. Vậy gọi là đúng lúc. Thiên cơ, Thời Cơ, Nhân Cơ đã có đủ, gọi là giai đoạn thành công hay là thành công giai đoạn.

36. Khi đã giúp bạn tri âm thành công giai đoạnrồi thì lập tức nên lánh mình bỏ đi vì đã xong nhiệm vụ nghĩa hiệp. Không bao giờ nên chờ đợi để hưởng ân huệ của bạn tri âm. Tại sao vậy ?

- Vì nếu trong công việc của thiên hạ, bạn tri âm đã nhờ mình thì chính mình là cái gai nhọn ở trước mắt khi nó thành công, vì mình có thể

kềm chế nó đi mãi ở trên đường ngay nẽo chánh. Nhưng lúc bấy giờ bạn tri âm đã mù lòa không còn xem mình là tri âm nữa.

37/. Khi muốn giúp bạn tri âm, trước khi nhúng tay vào việc, đương nhiên phải xét mình, xét bạn rồi xét công việc. Khi đã trọn tin nhau thì đương nhiên quyền sinh sát đã trọn trong tay của mình. Nếu bạn chưa trọn tin mình trong giai đoạn thì chớ tiết lộ tài năng của mình bởi lẻ kẻ khác, bạn khác đang nắm giữ quyền sinh sát nói trên. Nó sẽ hoài nghi và sinh sát mình.

Khi đã suy xét cẩn thận, bắt tay vào việc để giúp bạn tri âm thì phải làm cho trót, cho xong nhiệm vụ rồi mới được phép bỏ đi, ít nhỏ gọi là nhiệm vụ giai đoạn, sâu rộng gọi là nhiệm vụ công cuộc.

38/. Lẽ thứ hai là nếu mình chẳng có tí quyền sinh sát, nhưng mà có bạn hiền trên địa vị cao, có lòng tin phục tài đức, ngầm giúp đỡ, ngầm giao thiệp, nhầm quí trọng vấn kế ở mình, mình lúc nào cũng là một thường dân. Chỉ giúp đở nương ý bạn bè trên địa vị cao, không bao giờ nên có ý kiến độc đáo của mình. Nên nhớ chính sách "Vắt chanh bỏ vỏ" đang mạnh.

39/. Tự mình làm sao để có một công việc làm để che giấu tài đặc biệt thì mới nên.

40/. Cái nhìn riêng của mình về chiều hướng quốc tế đã đang và sẽ như thế nào để duyệt lại các tích tắc, xem mình có nhầm lẫn không, gọi là biết đúng một cách tất định không thể nào khác được trên con lộ lớn. Còn các đường nhỏ trong đường lớn thì không cần.

KHI GIAO TIẾP

1/. Mình nói rằng : sở dĩ để có lòng tin, đức tin giữa chúng ta trên con đường dài hay vấn đều phải có những hành động sơ bộ trước đã. Nếu anh ta không làm nổi và ngược lại mình không làm được thì lấy gì để chúng ta tin nhau trên một công cuộc lâu dài bền vững.

2/. Nếu nó không làm thì mình chớ nên vì lẽ gì mà xuất đầu lộ diện. Trong khi nó quốc tế đã làm để dọn đường thì mình mới có đường để mà đi chớ.

3/. Nó làm bước thứ nhất thì bước thứ hai nó vẫn phải làm. Nếu nó trí trá ở bước thứ hai thì cũng chẳng cần xuất đầu lộ diện. Ta chỉ xuất đầu lộ diện ở lúc kết thúc bước thứ hai. Bước thứ ba tự nhiên nó phải làm xong và cho ta nghỉ việc. Như thế ta cũng thành công giai đoạn rồi. Như vậy bộ mặt trí trá của nó sẽ lộ liểu.

4/. Tóm lại mình không thể bước ra theo kiểu nhảy dù vì như thế chỉ là sự giả tạo như từ xưa đến nay. Chúng ta không cần phải không.

5/. Còn những yếu tố tối mật trước khi xuất đầu lộ diện sẽ bàn riêng.

6/. Đại để Âm trước Dương sau : KHTK ± KHTKMN ⇒ KHTK cực; đề nghị : ngầm trước hiện sau, ngầm lâu 6 tháng, mau 3 tháng. Đó cũng là điều kiện đã hẳn để hoạt động có lương.

7/. Muốn giúp người cứ ở yên sở cũ, đối với vợ con và mọi người đều không có gì thay đổi hay hơn là thay đổi.

8/. Xin nhắc lại khi người ta bàn việc với mình mà họ không khởi từ gốc thì họ chỉ là người thăm dò tư tưởng, thăm dò khả năng hiểu biết của mình. Sau đó, họ tự xét cái hiểu biết của mình có lợi cho họ ở đâu, có hại cho họ ở giai đoạn nào để họ thanh toán cho kịp giờ. Chỉ có vậy, chứ không có giá trị khác hơn, không cần hợp tác.

9/. Tóm lại với lời bàn chẳng có giá trị cao độ bằng lẻ thật ở trong lòng của người thật thà. Bởi chính trị ở trong tâm, chí tâm, chí quyết thì việc mới nên được kế đó.

Vậy ta chỉ cần nghe họ bàn luận hỏi han là mình biết ngay giá trị của họ, đồng thời sẽ hiểu rõ luôn việc của mình hay của họ sẽ kết quả ra sao.

Ngày 30 tháng 1 năm Canh Tuất (1970)

- Sở dĩ nội bộ lủng củng là vì thiếu minh bạch sao đó nên gây sự nghi ngờ. Người ở trên phải giải tỏa ngay sự nghi ngờ bằng cách làm

minh bạch tất cả. Khi xét thấy minh bạch rồi mà còn lục đục, đó là có kẻ muốn soán ngôi.

- Người quân tử nên tử tế nhưng không thân với tiểu nhân, phải nghiêm để khỏi bị lờn mặt. Như Thầy (Xuân Phong) đối với hàng xóm không bao giờ giao thiệp với ai, nhưng ai cũng nể.

- Người có chí hướng thường hay cô đơn, nhưng không nên buồn vì khó tìm bạn tri âm suốt đời. Cho nên chỉ có thể có tri âm giai đoạn.

- Hơn nhau về quản trị lãnh đạo ở chổ biết trước giai đoạn diễn tiến quyết định phải như vậy. Làm sao biết được ? theo tuần tự nhi tiến như Kim sinh Thủy - Thủy sinh Mộc - Mộc sinh Hỏa = Hỏa sinh Thổ - Thổ sinh Kim.

Ngày mùng 6 tháng 2 Canh Tuất (1970)

THỂ DỤNG:

Thể ví như chiếc xe - Dụng như bộ phận.

Thể như chiếc ghế - Dụng như đường nứt.

Thể như cái chai - Dụng như nắp chai.

Theo Ngũ Hành Kim Mộc Hỏa Thổ Thủy:

- Thể sinh Dụng.
- Dụng sinh Thể.
- Thể khắc dụng.
- Dụng khắc thể.
- Thể Dụng Tỉ Hòa

Nếu Thể Dụng hiểu theo nghĩa này thì dùng được trong Dịch Tượng, Thể là phần Tĩnh, Dụng là phần Động. Động là vấn đề đang diễn ra.

Biết Thể Dụng sinh khắc để làm gì ?

Chuyện xã hội muôn đời không thoát khỏi Ngũ Hành Sinh Khắc, Phụ Huynh Tử Tài Quan.

446

KHI GIAO THIỆP

Người ta ở lúc nào đó trong một trong 8 tánh tình. Mình có đủ 8 tánh tình, tùy theo công việc mà sử dụng cho thích hợp. Nếu mình đến với người thì mình là ngoại quái, người là nội quái. Nếu người đến với ta là ngoại, mình là nội...

* Làm thế nào để có động thái như Kinh Kha ? có phải tập luyện không ?

- Không khó chỉ cần mình đạt đến một mức nào, bản lĩnh nào sẽ tự nhiên coi người như cỏ rác. Có thể tập luyện, nhưng phương pháp hay nhất là thần trụ. Muốn vậy phải tập kiểm soát thường thì thần sẽ sáng.

Sách đã hạ thấp giá trị của Kinh Kha khi nói Thái Tử Đan cung phụng Kinh Kha hết mực, nào là miếng ngon vật lạ, gái đẹp... Nhưng đó cũng là cách dạy kẻ trên đối xử với người có tài. Kinh Kha là võ sĩ không có đối thủ lúc bấy giờ.

Ngày 8 tháng 2 năm Canh Tuất (15-03-1970)

Dịch Lý chỉ giải đáp những câu hỏi tại sao thuộc phạm vi LÝ BIẾN HÓA - LÝ THÀNH - GIAI ĐOẠN DIỄN BIẾN, LUẬT TẠO LẬP VŨ TRỤ mà thôi.

Chứ không giải đáp các câu hỏi tại sao thuộc về : số lượng, tốc độ, thời gian, khoảng cách, đơn tử, công dụng... vì không có thời giờ và không có giá trị (về Lý học).

Ngày 10 tháng 2 Canh Tuất (17-03-1970)

HỒNG TỬ UYÊN :Làm sao làm việc được với người gọi là chí ác ?

XUÂN PHONG :Đây là thuật xử thế.

Nên nhớ ở đời không ai ưa mình hết, về sau chỉ có một người ưa.

Tìm chổ yếu của nó, làm cho nó thấy mình đồng với nó, ngang hàng với nó, mặc dù mình không phải như vậy. Đừng tỏ ra cao thượng hơn nó, đừng để hở làm cho nó ác cảm với mình. Chỉ có lúc đó nó mới từ từ thố lộ

tâm tư sâu kín cho mình. Biết tâm tư, yếu điểm nó rồi thì tùy theo khả năng sẵn có trong tầm tay để tính chuyện.

Phải theo tuần tự đến lúc nào mình nắm vững được thì mới theo ý mình, còn chưa nắm được thì vẫn cứ phải theo ý người ta. Mình tạo cho người ta thấy họ là chủ lực, dù mình đứng ở đâu cũng vậy vì mình có óc quảng bá, chí khí hơn người.

Mình phải dời mục tiêu, hạ thấp lý tưởng cho đến khi nào vừa tầm tay thì chỉ có vấn đề thành công giai đoạn chứ không thể thất bại được. Trong khi dời mục tiêu thì Thiên Cơ, Nhân Cơ có sẵn, chỉ chờ lúc nào đó thì bắt đầu tức là Thời Cơ. Mình có tài nhưng cần phải có tri âm lúc ấy mới phát hiện tài năng được.

Đừng chê môi trường hoạt động nhỏ vì từ nhỏ mới sanh ra môi trường khác lớn hơn. Gặp môi trường nào sử dụng môi trường ấy, chứ không đứng một chổ, tức là khai vật thành vụ.

Nếu mình còn e ngại ngờ vực không biến cải nổi hoàn cảnh tức là mình tự thấy yếu, thiếu tự tin thì tốt hơn là đừng nhúng tay vào, vì khi nhúng tay vào phải tự tin là nhất định sẽ thành công.

Thường khi họ tưởng vắt chanh bỏ vỏ nhưng họ không ngờ là mình chủ động. Họ chỉ thấy lợi dụng được mình họ khoái. Nhưng trong khi đó họ bị mình lợi dụng mà không hay biết. Nếu để nó biết là mình đọc được nội tâm thì không được, hỏng việc. Nếu có người cho nó biết mình có khả năng đọc được nội tâm nó thì nó còn hoài nghi, ta nên cho nó hoài nghi thêm. Đừng cho nó biết đầu đâu, đuôi đâu, thanh liêm cũng có, trộm cướp cũng có. Để nó hoài nghi vừa tới sức của nó thôi, chứ quá thì nó biết mình giả. Đừng cho nó biết mình đóng trò, nó không thể nào biết được mình.

Mọi vật đều đi tuần tự và trật tự không nên đi ngang. Người tài ít khi băng ngang nhảy dù. Họ thích biểu diễn tài nghệ hơn là đưa lá thư giới thiệu trước.

Giờ Hợi ngày 8 tháng 5 Canh Tuất (11-06-1970)

NAM THANH: Làm thế nào để có câu hỏi vô tư ?

XUÂN PHONG: Như câu chuyện ở giờ Đĩnh - Cấu mà nối tiếp vào giờ Vị Tế - Giải, vì trời đang mưa người ta muốn ra về, hỏi chừng nào hết mưa ?

Hãy quên chuyện thế nhân, cũng chẳng cần đặt câu hỏi mưa hay không. Chỉ cần biết xem sự động tĩnh của Trời Đất ra làm sao, chỉ cần biết Ý Dịch là Vị Tế - Giải. Nếu lấy Giải làm mưa thì Vị Tế có gián đoạn nữa chừng. Lúc đó trả lời là ở nán lại chút nữa rồi về. Còn chuyện thế nhân về hay không là chuyện khác.

Đọc được Ý Dịch là Vô Tư. Còn hỏi Vô Tư là luật Động Biến bây giờ ra làm sao ? Biết được sống động lớn rồi thì cứ tan biến vào phạm vi câu chuyện mà trả lời.

Người ta thường lái bẻ cong uốn Dịch theo ý riêng mà ít khi đọc được Ý Dịch do đó thiếu Vô Tư. Vô Tư theo Ý Dịch rồi thì nói đúng 300% chứ đừng nói 100%. Phải thầm nói trúng cả trăm ngàn lần rồi thì lúc ấy mới vững tin khi mình nói ra thì Trời Đất Quỷ Thần làm y vậy. Ráng làm sao biết lúc nào mình Vô Tư hay không Vô Tư.

PHÉP NÓI DỊCH

I/. Tìm Tình Lý chánh động:

1/. Định phạm vi nhỏ lớn tùy ý:

Quan trọng nhất là phạm vi, khi chưa có phạm vi đừng nói. Coi chừng phạm vi thay đổi luôn.

2/. Kê khai tất cả tình lý liên hệ:

Phải kê khai tất cả đừng bỏ sót một Tình Lý nào.

3/. Tìm Tình Lý đương nhiên của tất cả Tình Lý:

Tình Lý đang thời diễn ra trong phạm vi thời đại địa phương. Tình Lý có thể về tính, khí, sắc, chất thể...

4/. So sánh quái nghĩa với Tình Lý của từng Sự Lý:

Dùng nghĩa chánh mà thôi, đừng dùng quá nhiều nghĩa mà lộn xộn. Nhớ đừng quá tưởng tượng xa xôi khi nghĩ đến Tính Lý của Tình Lý, Sự Lý, vì Dịch là gần. Cái gì gần thì dễ hiểu, dễ thấy thì nói.

Nếu dùng chánh quái chưa rõ thì dùng thêm Biến Quái + Hào Động + Đơn Quái thì sự lý chánh động hiện ra. Nếu chưa rõ nên xét lại các diễn tiến gần vừa xảy ra hoặc chờ thêm một vài báo hiệu nhỏ.

Tìm được Tình Lý Chánh động tức là tình Lý đó sẽ diễn tiến trước hơn các Tình Lý khác. Muốn biết nó diễn tiến ra sao xem phần II.

II/. Diễn tiến của Tình Lý chánh động.

1/. Trường hợp có câu hỏi:

Tìm xem câu hỏi lọt vào chánh Hộ hay Biến. Nếu Chánh lấy Biến trả lời. Nếu Biến lấy Chánh trả lời. Nếu Hộ lấy Chánh hoặc Biến. Nếu Chánh Biến lấy Hộ trả lời.

Thông thường người ta đặt câu hỏi quá lố. Ta phải tự đặt câu hỏi lại. Đừng hấp tấp vội vã. Có thể dựa vào Quái nghĩa (chánh quái) để đặt câu hỏi và nhờ Biến quái trả lời.

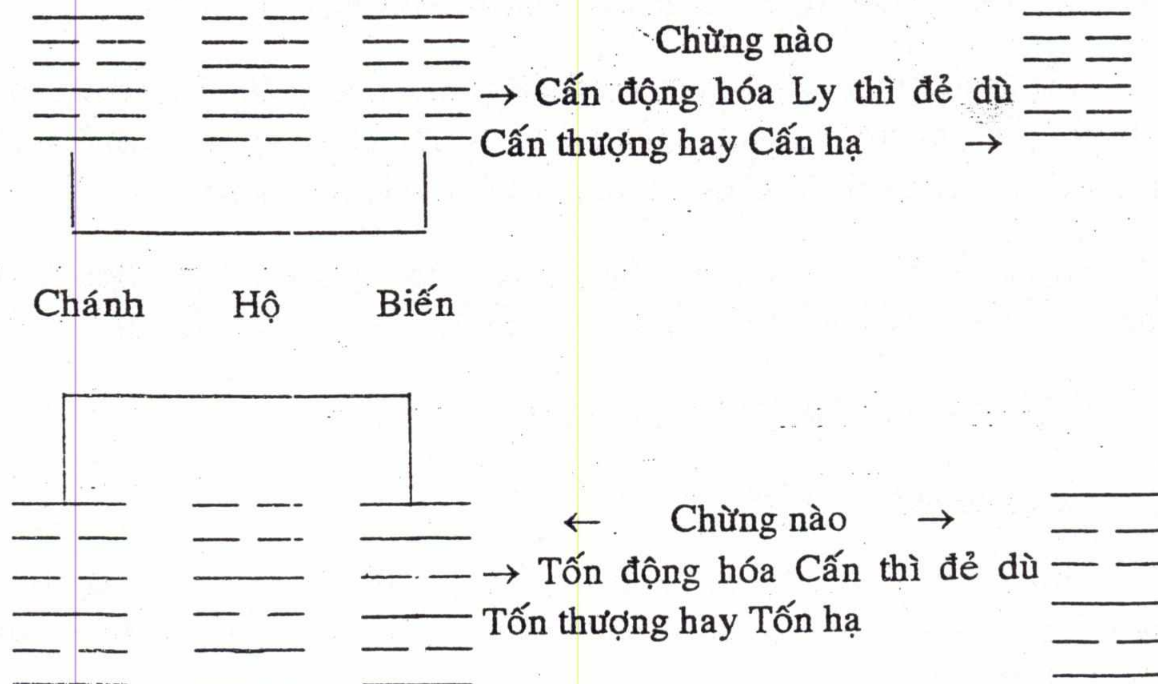
Trường hợp một Dịch tượng mà có hai hay nhiều câu hỏi giống nhau mà câu trả lời khác nhau là vì Tình Lý khác nhau. Vậy quan trọng phải xem Tình Lý. Nếu ta biết sẵn thì dễ bằng không ta phải hỏi vài câu nhóng xem có tích cực hay không hoặc xem một dấu hiệu nhỏ theo luật Tương quan. Tương hợp để biết việc diễn tiến. Nếu nhiều người hỏi thì dùng các phương pháp viết số, bẻ lá, nắm que ...

2/. Trường hợp tự Phát Ý:

Bỗng dưng lòng mình muốn nói cho một vấn đề gì đó thì phải chọn phạm vi rõ ràng dễ thấy biết (nhất là để thâu nhận học trò). Vấn đề nào cũng được, chỉ là Âm Dương, nên ta đặt câu hỏi theo Âm Dương rất dễ.

PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH THỜI GIAN

Thí dụ: chừng nào đẻ ?



Hoặc chờ đến Cấn Bí hay Bí Cấn thì đẻ.

Nguyên tắc:

1/. Động đơn quái ở hào nào giữ nguyên hào ấy dù thượng hay hạ. Đổi sang Biến quái cho đơn quái của Biến quái động đúng y như hào ở chánh quái. Đợi đến khi nào Chánh quái - Dịch tượng có đơn quái động giống như Biến quái trước để hóa ra đơn quái của Chánh quái trước là đúng kỳ.

2/. Đang ở Dịch tượng này mà muốn biết thời gian xảy ra câu chuyện thì tìm dịch tượng tương tự sắp đến, dù có thay đổi chánh làm biến hay Biến làm chánh cũng không sao.

Xem cho biết sanh trai hay gái

- Do Đơn Quái động: Kiền Khảm Cấn Chấn: con trai

Tốn Ly Khôn Đoài: con gái

Tuy nhiên muốn chắc gồm cả hai đơn quái liên quan của Chánh và Biến quái.

Tối chủ nhật ngày 7 tháng chạp Canh Tuất (3/1/1971)

Buổi Học Hội tại Trụ sở tạm của Việt Nam Dịch Lý Hội 457/96 Lê Văn Duyệt Hòa Hưng Quận 10 Sài gòn.

Trích biên bản:

Buổi học hội là một buổi học đặc biệt do thầy Hội trưởng Việt nam Dịch Lý Hội tức Dịch Lý sĩ Xuân Phong triệu tập. Học viên lớp này gồm 5 Dịch học sĩ tức 5 người học trò được xem là giảng viên chính thức của Hội là các Ô. Ô. Ích (Ngự Bình, Phó Hội trưởng), Hải (Hồng Tử Uyên), Như (Huyền Chi), Nhân (Cao Vương Nguyên) và ông Sử (Nam Thanh).

Các câu hỏi hóc búa được tự do nêu ra. Mỗi giảng sư Dịch học sĩ sẽ lần lượt diễn giảng. Thầy Hội Trưởng sẽ bổ túc, nếu thấy mọi ý kiến còn thiếu sót.

(Ở đây chỉ chép riêng phần ý kiến của Thầy Xuân Phong về một số câu hỏi điển hình).

1/. Lúc nào nên nói Dịch ?

2/. Làm sao biết là mình nói đúng hoặc nói sai ?

XUÂN PHONG nói:

- Dịch là tất cả. Dù vật hữu hình, vô hình, siêu hình to vô tận, nhỏ vô cùng đều phải lọt vào Dịch. Nhược bằng có thứ giống gì không lọt vào Dịch thì tốt hơn chúng ta đừng nên học Dịch. Nếu có thể lọt khỏi Dịch, ta học Dịch làm quái gì cho mệt.

- Khi Trí Tri Ý thức vụt léo lên rất nhanh và hợp ý Dịch là ta biết chắc rằng ta nói đúng 300% tức nhất định phải đúng, không có vấn đề trật.

Nói dịch là Đọc Ý Dịch. Hãy tạm quên điều thắc mắc muốn biết. Đọc Ý Dịch xong rồi mới tan vào điều thắc mắc, nhất định đúng chắc.

Tối chủ nhật 14 tháng chạp, Canh Tuất (10/1/1971)

3/. Có Đường Đi Dĩ Nhiên của muôn loài vạn vật không ?

XUÂN PHONG nói:

- Dĩ Nhiên: là dường như không có gì lạ.

Mọi cái mà người đời gọi là hơi lạ cũng chỉ là Dĩ Nhiên thôi.

- Đường Đi: là nói đến mỗi mỗi Đơn - Vị - Một có tính lý Sống Động và Biến Hóa. Trên đường đi ấy, muôn loài vạn vật có Tương Động, Tương Giao, Tương Cảm, Hóa Sinh, Hóa Thành ra.

Đó là Đường Đi Dĩ Nhiên của muôn loài vạn vật phải có và hơn nữa, Đường Đi Dĩ Nhiên ấy phải đi theo Luật tạo lập Vũ Trụ.

- Đường Đi Dĩ Nhiên của muôn loài vạn vật ra làm sao ? - không có thời gian tính tham dự. Đó chỉ là muôn loài vạn vật được gọi danh tổng quát là Âm Dương, bất kể hữu hình, siêu hình, vô hình, vô Không - Thời cũng chỉ có:

Âm Dương, Tương Động, Tương Giao, Tương Cảm (vô Thời - Gian tính).

Giờ Tị ngày 13 tháng 2 Tân Hợi (1971)

Ông Thầy Xuân Phong cho mình một cây viết liên tử lớn và cho Hạnh một cuốn sổ ghi danh thiếp và cũng một cây viết liện tử lớn.

Nhân có câu chuyện Bàng Quyên Tôn Tẩn. Ông Thầy hỏi:

- Tại làm sao lấy lý gì mà Quỹ Cốc lại bảo Bàng Quyên Tôn Tẩn đi hái hoa vào cho mình xem ? Tại sao bảo hái hoa mà không là cây, cát ,đá, sỏi... ? Có sự trùng hợp ông Phật cũng lấy cánh hoa sen để hỏi đệ tử.

- Lấy hoa là tượng trưng thời kỳ sinh nở, như Bàng Quyên Tôn Tẩn học đã lâu năm, sắp xuống núi để phổ biến tài năng. Xem hoa khai như thế nào thì cũng bằng như thi triển tài năng ra sao vậy.

Đến giờ Mùi, Sử và ông Thầy bàn về chương trình giảng huấn thống nhất. Ông Thầy muốn có sự tham dự rõ rệt chứ không phải hư danh của những học viên về khóa huấn luyện giảng viên.

Ngày 15 tháng 2 Tân Hợi: TRUNG PHU - LÝ

Chiều hôm qua ông Thầy nói về Động Tĩnh - Khoa học xã hội học.

Người học Dịch lúc nào cũng chủ xướng có chí khí là vì cái hiểu biết của họ khác xa người thường, cao hơn, rộng hơn. Cái chí khí này thiên nhiên, không giữ hay diệt được. Có trường hợp như yếu sức khỏe, mê sảng thì chí khí giảm bớt, nhưng qua giai đoạn đó thì chí khí vẫn như xưa.

Người ta có thể mua chí khí của con người bằng nhiều giá khác nhau. Nhưng mua đến một mức độ nào đó, còn chí khí thì không có giới hạn, nên vẫn xãy ra chuyện nuôi ăn ngập mặt mà nó không làm hay làm phản.

Danh lợi có thể mua chí khí của người thường, đối với người học Dịch thì không thể mua được vì người học Dịch không màng danh lợi. Làm chính trị mà còn nghĩ mình phải sống để hưởng công thì chưa phải là vương đạo. Chí khí của người học Dịch có khác chí khí với người

thường vì người học Dịch thuận thiên hành Đạo, còn người thường làm theo tư ý.

Trước khi học Dịch, con người vẫn có chí khí và không chí khí. Nhưng học Dịch đến nơi chốn rồi thì đương nhiên có chí khí của người học Dịch, chí khí bất khuất chứ không phải là chí khí luồn cúi nô lệ....

Thiên hạ, ai cũng biết muốn làm thành cái gì đó thì phải cần những yếu tố nào. Nhưng cái khó đối với thiên hạ là biết cơ duyên đúng lúc nào để hợp các yếu tố đó rồi cho hóa thành. Họ không biết được cơ duyên đó.

Cái khó nữa là người ta không thể quên ý mình được khi làm việc với thiên hạ. Ý của người học Dịch thì có đó nhưng rất cao xa rộng lớn khó ai đo lường được. Rồi mình nương nhờ ý muốn của thiên hạ để thực hiện dần dần ý muốn của mình qua từng giai đoạn. Xem ra như mình chẳng làm gì cả mà làm rất nhiều.

Khi người học Dịch quyết chí thực hiện điều gì thì phải làm cho được và do đó phải bỏ quên những chuyện khác vì sức người có hạn, không thể lo làm hết mọi phương diện được.

Ngày 15 tháng 2 Tân Hợi: GIA NHÂN - BÍ

XUÂN PHONG: Một Dịch tượng động 6 hào không bằng động 1 hào. 6 hào cho biết mỗi 1 hào là Âm Dương. Còn động 1 hào là cho biết cái biến của nó, hay là ở nơi cái biến đó ! chứ còn 6 hào động là loạn động.

Ngày 16 tháng 2 Tân Hợi: NHU - THÁI

Đêm cùng ông Thầy và anh em đi dự thính tại trường quốc gia Âm Nhạc, phát tài liệu giới thiệu Dịch Lý Việt Nam.

Ngày 18 tháng 2 Tân Hợi: SƯ - KHÔN

Anh Như đưa ra hai bài để thử sức anh em

1/. Có đứa nhỏ về bảo: Trời ! Trường sập, nhiều người bị thương. Gặp Tượng: KHẢM - TỶ.

Vậy sự hiểu biết của mình ra sao về vụ này ?

- Nhiều người trả lời: - Tường sập

- Móng (nền) động

- Mái

Kết quả: Con trốt đến cuốn trôi mái tôn.

2/. Trên đường về gặp một người nằm sãi tay trên lộ, có chiếc xe đạp nằm gần đó.

Tượng : BÍ - GIẢI - CẤN.

Vậy là gì ?Người đó là sao lúc bấy giờ ?

Kết quả: Uống rượu say

XUÂN PHONG: Đúng sai không thành vấn đề. Chú trọng là đọc Ý Dịch tức là phép Phát Ý. Tại sao một sự việc mà có nhiều câu trả lời ? là do Phát Ý ở nhiều phạm vi, chứ đâu thể chỉ có một phạm vi bắt buộc, miễn sao Phát Ý đúng Ý Tượng Dịch là được. Còn muốn xác định thì phải có phạm vi đưa ra.

Ngày 18 tháng 2 Tân Hợi: MINH SẢN - KHIÊM

XUÂN PHONG: Vào giờ BÁC - KHÔN - TẤN.

Có câu chuyện: người ta đến lãnh lương đông.

Hỏi: sao Bác mà tụi nó đến đông vậy ?

Đáp: Phân tích câu hỏi: Tụi nó (Khôn) đến (Tấn) chứ đâu bắt buộc lấy Bác trả lời vì nó đã qua đến Khôn - Tấn. Còn biến ý Bác là không tiền hè nhau đến .

Chiêm nghiệm già rồi mới thấy lời Thầy nói đúng. Người ta nói chơn giả sao lại không biết được. Dịch nói hết trong đó như: ĐỒNG NHÂN - VÔ VỌNG.

Có người nói với Thầy sẽ về kêu đồng bọn đến học Dịch Lý. Thầy nói: ở đây không nói giởn được, đồng bọn ông không bao giờ đến đây. Nếu đến Hội Dịch Lý này sẽ dẹp. Quỷ thần không sai quá được, chỉ có Trời sập thì may ra.

Đừng tưởng tất cả phân colonne trong bộ Chiêm Nghiệm là do Thầy bày đặt ra đó. Chứ các sách xưa nay làm gì có.

Phải đến trình độ không cần dặt câu hỏi mà biết được. Thấy biết hết nhưng có điều Thầy làm như không biết, như việc Sơn muốn dạy Dịch Võ Đạo lôi con đi nhầm Bác Thuần Khôn...

Thầy biết trước, Thầy khuyên dầu biết trước mình vẫn tiến bước, để vui cùng thiên mệnh, không có gì đáng phải lo buồn.

Chuyện Tổn Phục Di (ngắt bông bụt) Thầy thấy còn xa hơn nữa - xa lắm. Thầy khuyên khi ra đời lúc nào cũng dùng Âm Dương.

Ngày 13 tháng 5 Tân Hợi (5/7/1971)

XUÂN PHONG:

- Số là giai đoạn diễn biến.

- Ý Trời là Biến Hóa, là Tiên Hậu Thiên Trí Tri Ý Thức. Tất cả chỉ là Trí Tri Ý.

- Đừng tưởng là Trời muốn. Trời chẳng muốn gì cả thì đừng đổ lỗi cho Trời.

- Định: có 2 nghĩa:

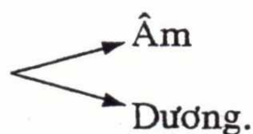
+ Mãi mãi như thế, đó là Lý Dịch.

+ Xác định trong một phạm vi nào đó theo tình đời.

- Nói được Dịch là tại vô tư. Có vô tư hòa điệu cùng vũ trụ thì nói Dịch chẳng sai.

- Một sự lý nào đó có nhiều nguyên nhân, nhưng phải từ khả năng sẵn có làm nền tảng để biến hóa.

- Tuy là 64 nhưng chỉ có 2 là Âm Dương



Nhờ Dịch tượng mà ta xác định về một: Âm hoặc Dương, như trái chanh, gặp Đại Súc - Tổn, nói chanh thúi, nếu gặp Trung Phu - Tổn nói múi chanh hư.... Muốn nói gì thì nói, không ngoài Âm Dương Lý Nguyên hoặc Không Nguyên, hư hoặc không hư, tốt xấu, tươi héo, to nhỏ.

- Nói về Định Kỳ: Việc thì có nhanh chậm, nên mọi sự ước đoán về thời gian không có giá trị.

Tuy nhiên nếu trong một phạm vi tình lý nào đó gần gũi và nắm vững thì lại định kỳ được, như việc may quần áo, chỉ trong một tháng thì ta nói ngày trong tháng chứ không thể kéo dài một năm, chuyện ăn uống kéo dài trong ngày thì ta nói giờ phút.

- Tất cả phối hợp biến hóa theo luật Tương động, Tương giao, Tương cảm, Tương sinh. Hóa sinh ra bộ mặt mới như thế nào đó, chúng ta không cần biết tới. Nhưng hiểu rõ và biết chắc rằng không ngoài Âm Dương.

- Hễ Âm sang Dương, cực Dương sang Âm

Vấn đề là làm thế nào biết đến cực lúc nào.

- Một Dịch tượng nói cho toàn thể cũng được mà nói chi li từng giai đoạn cũng được. Đời người mới sinh ra mà muốn biết kết thúc cuộc đời người đó cũng được. Nhưng đó chỉ là nói một khía cạnh, còn 63 khía cạnh khác chưa nói tới, chứ không có nghĩa là không có.

Để làm sáng tỏ hãy mượn câu chuyện sau đây:

1/. Số: giai đoạn diễn biến

2/. Nổi bật

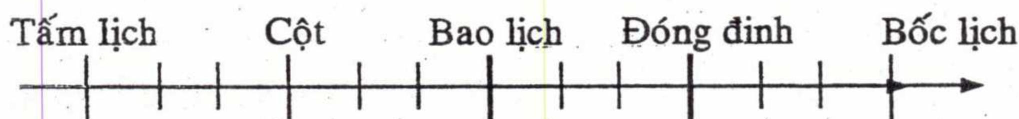
3/. Chánh Biến - Biến Chánh

4/. Nhìn toàn diện

5/. Tuần tự và Trật tự.

Ông Chinh tặng Thầy tấm lịch tết. Thầy định gắn vào cột nhà, nhưng vì cột nhỏ nên phải đem tấm lịch ra ngoài ông Chinh cắt bớt hai bên cho vừa lọt lòng cột.

Thầy gá tấm lịch lên một cây đinh cong có sẵn ở cây cột và đóng thêm hai cây đinh nữa vào góc lịch. Đoạn Thầy bốc bao lịch, hồ keo tróc theo luôn nên Thầy dùng hồ mới trét lại cho các tờ lịch dính với nhau. Sau đó gỡ đi vài tờ lịch cho cập nhật.



Nhằm giờ: ĐẠI SÚC - TỔN

Muốn nói từng giai đoạn nhỏ nhặt cũng có Đại Súc - Tổn như: cột nhỏ, tấm lịch bị cắt, bao lịch bị xé rách, hồ keo tróc ra, các tờ lịch bị bốc, đinh thiếu, đinh cong.

Muốn nói tổng quát về việc đóng tấm lịch trên góc cột cũng được.

- Muốn treo được (Đại Súc) phải chịu hao hớt (Tổn), tức phải Tổn mới Đại Súc.

Hễ thấy đã lọt vào Chánh thì lấy Biến trả lời, thấy lọt vào Biến thì lấy Chánh trả lời.

Trường hợp có hai sự lý thì so sánh giữa hai sự lý để xem sự lý nào có nhiều tình lý cơ động thì sự lý đó là chánh động. Tạm gọi là nổi bật. Nổi bật tùy theo chiều nhìn của mỗi người; không nênbắt buộc ai cũng theo chiều nhìn của mình, miễn sao nói hửu lý là được.

Thí dụ: Có cột và lịch

Thì lịch là Đại súc hơn nên bị Tổn.

Trường hợp có một sự lý thì ta xét tính lý của nó để nói một trong hai (Âm Dương).

Thí dụ: Chỉ có cột. Nếu muốn nói lớn nhỏ thì cột (Đại Súc) nhỏ (Tổn).

Câu chuyện trên được diễn tả qua cái nhìn Đại súc - Tổn, chứ không phải hứng chịu. Nếu qua một cái nhìn nào bất kể trong 64 cũng được.

Đó là theo Ý tượng rồi lấy Lý mà luận.

Sau đây là phép dùng Thể Dụng vào Dịch Tượng.

Thể là phần Tĩnh. Dụng là phần Động.

Áp dụng vào Dịch Tượng thì cứ 3 hào trên hoặc 3 hào dưới có hào động thì 3 hào đó là Dụng, tức Dụng có thể ở Nội Tượng hoặc Ngoại Tượng.

Sau đó nếu có hai sự lý thì xem xét so sánh động tĩnh mà chọn một làm Thể và một làm Dụng.

Biết được Dụng rồi thì dựa vào Ý tượng mà nói về sự lý Dụng đó. Nói tổng quát toàn diện hay nói chi ly từng phần nhỏ cũng được.

Thí dụ như cột và tấm lịch.

Vì cột ở đó từ lâu tương đối động ít so với tấm lịch đem đến nên cột là Thể và lịch là Dụng.

Hễ Dụng ở Đại Súc thì phải Tổn nên biết tấm lịch phải chịu bị cắt.

Nếu chỉ lấy một sự lý thì so sánh phạm vi Âm Dương để Luận về một trong hai, như cây cột thì có nhỏ to, lấy cột làm Thể thì Dụng của nó là nhỏ (Tổn). Như lấy đinh làm Thể thì dụng là thiếu (Tổn), vì số đinh là Đại Súc hoặc đủ hoặc thiếu đinh thì Tổn nặng bên thiếu đinh.

Khi tìm Thể Dụng ta còn nhờ vào Nội, Ngoại nữa. Nên nhớ một sự lý vừa là Thể lại vừa là Dụng, chứ không nhất định. Tìm Thể dụng cũng gần bằng như tìm Chánh phó động.

Sau đây là một vài thí dụ mẫu về Thể Dụng:

THỂ	DỤNG	THỂ	DỤNG
Cột -	Tấm lịch	Tờ lịch -	Tờ lịch bốc
Tấm lịch -	Bao lịch	Tấm lịch -	Giấy bồi (thủng)
Bao lịch -	Hồ keo	Giấy bồi (thủng) -	Đinh
Hồ keo -	Cọc lịch	Đinh -	Thiếu đinh
Cọc lịch -	Tờ lịch		

Lưu ý: với Dịch tượng khác thì Thể Dụng và ý nghĩa thay đổi khác

Nói thêm: Thể như chiếc xe - Dụng như bộ phận

Thể như chiếc ghế - Dụng như đường nứt

Thể như cái chai - Dụng như nắp chai

Thể sinh Dụng. Dụng sinh Thể. Thể khắc Dụng. Dụng khắc Thể

Thể Dụng Tỉ Hòa (theo Ngũ Hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ)

Nếu Thể Dụng hiểu theo nghĩa này thì dùng được. Trong Dịch Tượng Thể là phần Tĩnh, Dụng là phần Động là vấn đề đang diễn ra.

Biết Thể Dụng sinh khắc để làm gì ?

Chuyện xã hội muôn đời không thoát khỏi

Ngũ Hành Sinh Khắc, Phụ Huynh Tử Tài Quan.

XUÂN PHONG - NAM THANH
TRUYỀN KINH



DỊCH ĐIỂN II:

DỊCH LÝ VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

DỊCH LÝ THỜI NHÂN:

ĐẠI CHÚNG HÓA THIÊN CƠ THỜI CƠ NHÂN CƠ

________Hạn chế phổ biến________

(ĐÓN ĐỌC)

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA DỊCH LÝ SĨ XUÂN PHONG NGUYỄN VĂN MÌ (1917-1997)

Ông NGUYỄN VĂN MÌ sinh năm 1917,Sài Gòn và mất vào ngày 13-04-1917,Cao Lãnh, Đồng Tháp, hưởng thọ 80 tuổi. Ông là người con thứ nhì trong một gia đình nghèo. Thuở nhỏ Ông phụ giúp cha mẹ và dạy dỗ các em. Thuở thanh niên Ông là một chàng trai khí phách, sống hiên ngang, không hề biết run sợ trước cường quyền và bạo lực, xứng đáng với câu : "Làm trai cho đáng nên trai. Xuống Đông, Đông tĩnh; lên Đoài, Đoài tan".

Đến lúc lập gia đình với Bà TRẦN THỊ BÔNG, Ông là người chồng hết lòng yêu thương vợ và đã săn sóc lo lắng cho vợ đến giờ phút cuối của Bà. Ngược lại, Bà TRẦN THỊ BÔNG là người vợ hiền, hiểu được tấm lòng và tài năng của chồng, Bà đã làm hết sức mình để cho chồng phát huy được hết khả năng của Ông và tạo nên một sự nghiệp đáng để cho chúng ta trân trọng.

Vào năm 1965, Ông NGUYỄN VĂN MÌ tức Dịch Lý Sĩ XUÂN PHONG đã thành lập VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI và Ông là Tổng Thư Ký, [illegible]m sau là Hội Trưởng. Kể từ đó, Ông đã hết lòng truyền bá Dịch Lý Việt [illegible] không màng đến danh lợi thường tình, quên cả sự sống chết của bản [illegible] tình dạy dỗ các học trò để tạo nên một tầng lớp trí thức mới, tầng [illegible]c thật sự, góp phần quan trọng vào công cuộc tiến hoá của loài [illegible]

[illegible]m được những điều đó, Ông MÌ đã hy sinh tất cả danh lợi của [illegible]nghèo khó vào những năm cuối cuộc đời và sau cùng chết một [illegible] và khiêm tốn. Cái chết của một triết nhân đã hiểu được chân lý. [illegible]ăng đó là cái giá phải trả ?!!

[illegible] với nhân loại, Ông NGUYỄN VĂN MÌ tức Dịch Lý Sĩ XUÂN [illegible] là người khai phá và sáng tạo nền Dịch Lý Việt Nam, là một Khoa [illegible]Tập, một Triết Học chứa đựng mọi triết học, một học thuyết sâu [illegible]đáng cho con người ra công học tập. Giờ này Ông NGUYỄN VĂN [illegible] đi vĩnh viễn, sau khi sống 80 năm trên cuộc đời một cách xứng [illegible] lại cho chúng ta một tấm gương sáng để noi theo ...

[illegible]h Điếu Văn của NGUYỄN VĂN MINH, cháu ruột kêu Ông MÌ là Cậu Ba).